việt văn mới

. văn học . nghệ thuật .

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 17

15 tháng 11 năm 2014

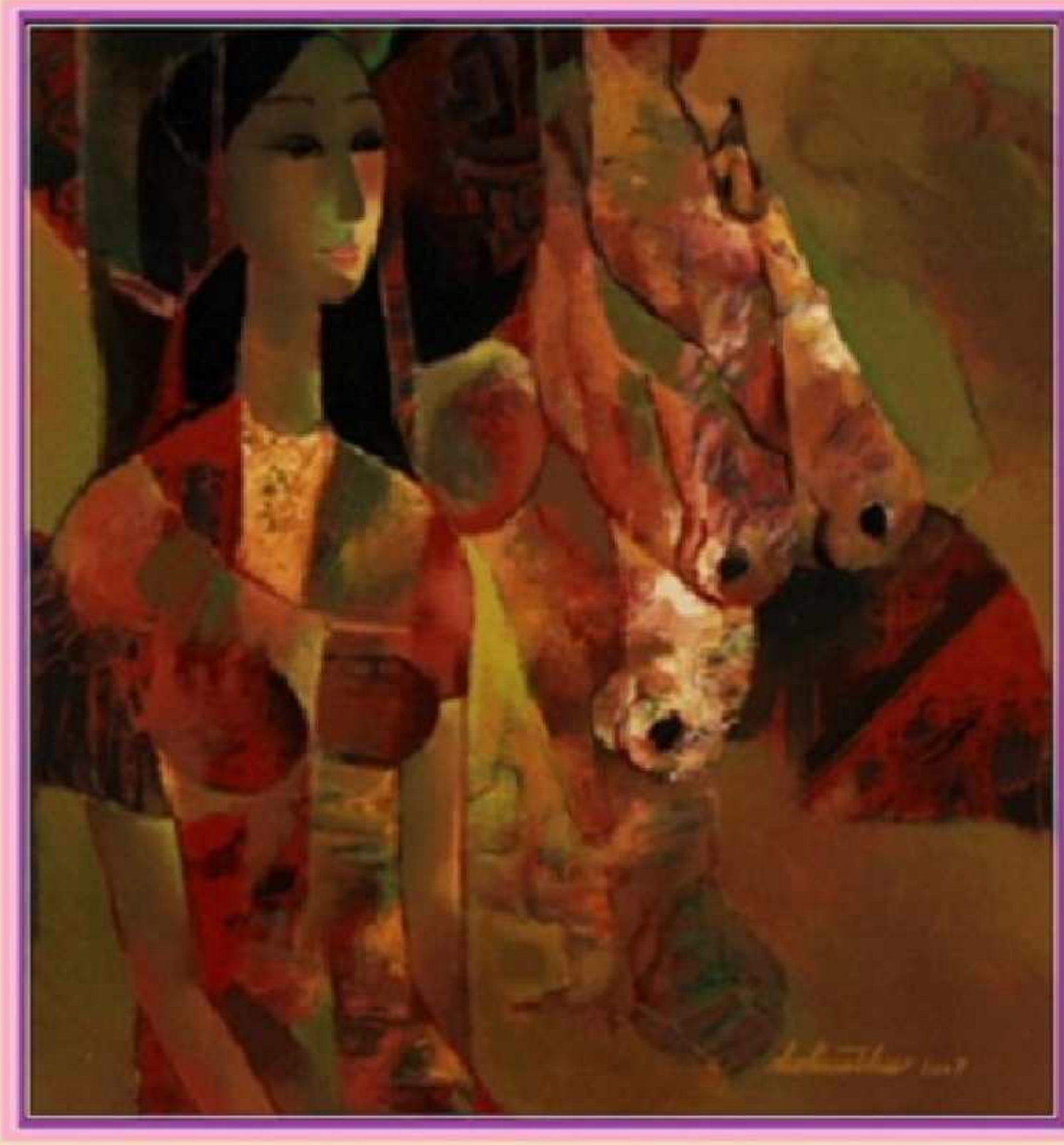

tủ sách việt văn mới

2014

VIÊT VĂN MỚI

nguyệt san văn học nghệ thuật

số 17

15 tháng 11 năm 2014

hộp thư toà soạn

newvietart@gmail.com

---

tổng thư ký : cố văn sĩ Nguyễn Mai

chủ nhiệm : Từ Vũ

tủ sách việt văn mới 2014

nguyệt san việt văn mới

số 17

15 tháng 11 năm 2014

với sự góp mặt của các tác giả :

. lý thị minh châu . hồ thuỷ . đàm lan . từ kế tường . qúy thể . nguyễn thị mây . kiêm thêm . trần trương . lý thu thảo . mang viên long . trần nhuận minh . phạm hồng thắm . huy uyên . trần minh nguyệt . dương phương toại . hoàng thị như huy . hoàng thị đàlạt .trịnh tuyên . lã thị hiền . hồng vinh . hoàng gia cương . nguyễn thăng . diệp phương chi . huy định . giang trung học . trương thanh hùng . hồ chí bửu . tô mặc giang . nguyễn thị hậu . hoàng vũ đông sơn . phan . lê văn trung . nguyễn ngọc tuyết . từ vũ . vương hoài uyên . mai thục . khải nguyên . vũ mai trang . trần vấn lệ . lâm bích thủy . đào bích phượng . nguyễn khôi . phan văn thạnh . huyền viêm . ngô đình miên . bùi đẹp . phạm vũ . võ công liêm . kiều văn . lương văn hồng . kiêm thêm . tâm nguyện .

tủ sách việt văn mới 2014

truyện ngắn

NẮNG QUA MIỀN KÝ ỨC

LÝ THỊ MINH CHÂU

Ngày ra trường, tôi được tuyển dụng về công tác ở một huyện vùng cao. Nơi mà mưa thì dài lê thê buồn đến não lòng, còn nắng thì oi bức bụi bặm đến ngột ngạt.

Thời ấy, kinh tế đất nước còn nhiều khó khăn, đồng lương giáo chức không đủ trang trải cho bản thân chứ nói gì đến chuyện nuôi thêm người này, người nọ. May mà nhà trường đã bố trí chỗ ở cho cán bộ công nhân viên không phải trả tiền chứ không thì chắc chẳng ai bám trụ nổi để làm cái công việc cao quý mà người đời luôn coi trọng là tải đạo văn chương.

Ngoài những mặt hàng nhu yếu phẩm thiết yếu được bày trên tem phiếu thì cánh nhà giáo chúng tôi phải tăng gia sản xuất thêm rau màu, vật nuôi để cải thiện bữa ăn hằng ngày. Vườn trường rộng mênh mông, ai có sức cuốc cày bao nhiêu cũng được.

Chúng tôi chọn khoai lang, khoai mì là thứ dễ trồng nhất bởi chúng không đòi hỏi người trồng phải có kỹ thuật cao, còn sản lượng khi thu hoạch thì bao giờ cũng đạt hơn mong đợi bởi vì đất Tây Nguyên màu mỡ, tơi xốp rất lý tưởng cho bất cứ loại cây trồng nào.

Ngày đó, người nông dân không có đất tư hữu. Mỗi lao động là một xã viên hợp tác xã nông nghiệp. Sáng nghe tiếng kẻng thì vác cuốc ra đồng, trưa chiều nghe tiếng kẻng thì vác cuốc về. Thù lao của họ được tính bằng công điểm, nhận theo phần trăm sản lượng hoa màu thu hoạch được mà luật hợp tác xã quy định. Họ là những thanh niên lực lưỡng, vai u thịt bắp hay những cô gái đang thì phơi phới nét xuân. Họ cũng là những phụ nữ đảm đang, những trung niên khoẻ mạnh luôn tươi cười trước những vất vả, gian lao. Có lần về ngang trường, thấy chúng tôi cuốc cuốc, xới xới bằng những nông cụ thô sơ nhặt nhạnh được đâu đó. Họ cười bảo :

- Thầy cô giáo lao động thế này là giỏi lắm rồi, nhưng để dạy được học trò vùng chuyên nông này thì xem ra phải vất vả hơn đấy.

- Phồng rộp cả tay chúng em đây này.

- Phải thôi, tréo cẳng ngỗng khi bắt tay bút thành tay cày.

Ai đó thương hại :

- Thầy cô giáo nghỉ ngơi đi, để chúng tôi cuốc cho.

Họ tiến vào vườn trường, dàn hàng ngang trên mảnh đất chúng tôi vừa dọn sạch cỏ rác :

- Cuốc đi anh em.

- Cuốc thì cuốc...

Mười phút sau đã có năm, bảy chục mét đất được lật lên. Bấy nhiêu thôi còn không có người gieo trồng nữa là. Chúng tôi chạy đi lo trà nước nhưng ai đó đã ngăn lại :

- Ngày mai thầy cô dọn thêm một vuông như vầy nữa, chúng tôi sẽ cuốc giúp. Mà này, thầy cô định trồng gì ?

- Dạ, khoai lang, khoai mì.

- Cô thầy ơi là cô thầy. Ở xứ này tuy thiếu gạo thật nhưng có ai ăn chúng đâu. Cô thầy không

thấy chúng đứng đầy núi đầy rừng đó ư. Cô thầy muốn ăn sáng mai chúng tôi biếu. Còn đất này nên trồng rau thôi, rau phải vất vả chăm bón, chúng tôi không có thời gian...

Thầy cô giáo chúng tôi đưa mắt nhìn nhau mà chưa biết phải trả lời sao thì được nghe ai đó dặn dò.

- Thầy cô phơi đất một tuần cho chết hết những vi khuẩn độc hại rồi xới tơi ra, lên luống và gieo cải là ăn chắc.

- Dạ, nhưng giống má...

- Cô thầy khỏi lo, sáng mai cháu đi học, đem tới.

- Còn cách gieo trồng, sao ạ ?

- Thì bảo học trò chỉ cho.

Mọi cùng cười, chúng tôi cũng cười. Khi họ đi rồi thì chúng tôi mới thoả thích bàn tán lao xao về cây trồng, vật nuôi. Cuối cùng thì cây rau cải là cây được chọn và cà dái dê được trồng xen vào hai đầu luống và hai biên.

Nam vui sướng lắm bởi đó là món ăn mà Nam yêu thích. Còn chúng tôi ai cũng tâm phục khẩu phục món cải xào tỏi tuyệt chiêu này của thầy. Nước sôi, cho một muỗng muối bọt rồi thả rau cải vào. Khi rau chín vớt ra thả vào thau nước lạnh có vắt miếng chanh. Nước luột rau thêm chút bột ngọt nêm nếm lại cho vừa ăn, múc ra tô, rắc hành ngò lên là thành món canh. Dùng tóp mỡ rán lại để lấy mỡ (hồi ấy không có dầu thực vật như bây giờ) khi mỡ đã khô và vàng thì vớt ra thả vào chén xì dầu ớt tỏi dùng làm nước chấm. Xào rau trên chảo mỡ ấy, rau chín nhắc xuống, cho tỏi đập dập vào. Đó là món cải xào tỏi ngon nhất mà tôi từng được ăn. Với hương vị cay cay, ngòn ngọt, hăng hăng hoà quyện với miếng tóp mỡ rán béo ngậy thơm lừng, giòn tan đủ để chúng tôi thêm yêu cuộc sống nơi rừng thiêng nước độc này.

Nam bảo :

- Quê mình nghèo lắm, đất đai bạc màu, chỉ có cây rau cải là sống được nên người dân quê rất yêu thích chúng. Bữa cơm ở đó mà không có rau củ, dưa cải thì miếng thịt hay con cá đồng kho mặn cũng nhạt nhẽo, khô khan. Mình biết gieo trồng và lo liệu được tất, kể cả khi cải già rộ phải thu hoạch làm dưa không thì ra ngồng. Ngồng cải xào tỏi cũng ngon nhưng lá rất cứng và nhiều xơ...Mình để lại vài cây lặt trụi lá ăn trước, rồi lấy ngồng xào cho các thầy cô thưởng thức nhé. Yên tâm đi, ngon bất ngờ.

Tuần sau, Nam không có giờ lên lớp, anh lọ mọ vác cuốc ra xới đất. Một tiếng nổ long trời lở đất vang lên, chúng tôi chạy tới nơi cũng là lúc Nam trút hơi thở cuối cùng. Một trái đạn M79 nằm giữa hai lát cuốc của các bác nông dân đã chờ Nam.

Chúng tôi khóc, cả làng cùng khóc. Chúng tôi khóc vì mất đi một đồng nghiệp tốt, luôn sống vì mọi người. Cả làng khóc vì vĩnh viễn mất đi một thầy giáo hiền từ, luôn coi học trò như con của mình, hết lòng dạy dỗ, thương yêu.

Lài gục ngã xuống hiên trường như một cây chuối non không chịu nổi cơn cuồng phong, bão táp. Ngất đi, tỉnh lại nhiều lần, ai khuyên nhủ gì cô cũng không nghe.

Sau đám tang Nam, Lài xin chuyển về quê và chúng tôi bặt tin nhau từ đó. Vài năm sau chúng tôi cũng mỗi người mỗi ngả, những tưởng cuộc sống ai cũng đã được an bài. Nào ngờ, hôm gặp nhau tại đại hội thầy cô dạy giỏi toàn tỉnh, tôi mới biết Lài đã trở về ngôi trường có kỷ niệm buồn xưa dạy lại.

Lài bảo chỉ có cô mới biết Nam không còn ai thân thiết trên cõi đời này, còn cô thì không thể để lương tâm mình bị cắn rứt khi để mồ mả người xưa nhang tàn khói lạnh. Lài không khuấy động những gì vốn đã yên ắng nhưng Lài cũng không thể yêu thêm được ai.

Giữa ồn ào phố thị sao tôi không thấy gì, chỉ thấy mình thật sự bé nhỏ trước một cô gái tuổi mới ngoài đôi mươi, chung thuỷ, gan dạ, sẵn sàng hy sinh vì lý tưởng cao đẹp của mình. Cảm ơn Lài, tôi vừa học được một bài học sâu sắc về cuộc sống và tình yêu.

LÝ THỊ MINH CHÂU

truyện ngắn

ĐÊM NGHE TIẾNG THỞ DÀI

HỒ THỦY

Đồng hồ bên ngoài phòng khách dạo lên một khúc nhạc đơn điệu, cứ mỗi giờ một lần như vậy, sau đó là tiếng " đinh đong...đinh đong..." ...chín giờ đêm rồi. Con đường không có đèn chiếu sáng nên giờ này là tối thui vắng vẽ, sự ồn ào và một chút ánh sáng đèn có được là từ quán hủ tiếu kèm theo cà phê cóc ở phía bên kia đường của vợ chồng ông Bách bán suốt ngày đêm không nghỉ. Đứa con gái lớn của tôi: gọi là bé Hai, bốn tuổi- nằm phía bên trong mé giường nhướng mắt ngáp dài hỏi:

- Mẹ ơi, giờ này sao cha chưa về?

Tôi nâng đầu đứa con gái nhỏ lên -là bé Ba, hơn hai tuổi đang nằm phần giữa cái giường – kê lại cho ngay ngắn trên gối, trả lời:

- Chắc cha còn bận công chuyện.

Bé Ba cũng hỏi, giọng hơi ngái ngủ:

- Chừng nào cha về hả mẹ?

Tôi xoa xoa lưng con bé Tư- sáu tháng, nằm sát bên thành giường - dỗ cho nó ngủ, trả lời tiếp:

- Bao giờ xong việc thì cha con về.

Bé Hai lại hỏi:

- Chừng nào cha mới xong việc hả mẹ.

Tôi nằm xuống phần giường còn lại giữa hai đứa bé, thở dài:

- Lâu lắm, thôi; ngủ đi con, khuya rồi đó.

Bé Tư năn nỉ:

- Mẹ ơi, hát ru cho con ngủ đi mẹ.

Tôi cầm cây quạt giấy phe phẩy cho ba đứa con gái, đêm nay cúp điện, mùa hè trời nóng nực, trong căn phòng đã nhỏ lại còn bí chịt nên ngột ngạt quá chừng, tôi cất giọng hát ru cho các con ngủ:

Ầu ơ... ví dầu tình bậu muốn thôi,

Bậu gieo tiếng dử cho rồi bậu ra

Bậu ra cho khỏi tay qua,

Cái xương bậu nát cái da bậu mòn…

Kỳ quá, tại sao tôi lại hát ru con ngủ bằng những câu ca dao buồn và đầy cay đắng như thế này kia chứ? Ai là "Bậu"? Ai là "Qua"? có lẽ vì giọng ru của tôi nảo nề lắm nên chỉ mới mấy câu thôi mà các con tôi đã ngủ rồi, tiếng thở đều đều nho nhỏ của trẻ thơ vang trong đêm sát bên tai tôi nghe thật là dễ thương, nó xoa dịu được phần nào nỗi cô đơn trong lòng tôi.

Đồng hồ lại dạo thêm một khúc nhạc rồi sau đó là " đinh…đong…đinh… đong… đinh…đong…" tôi đếm được mười tiếng. Con tắc kè trên trần nhà kêu "…ọc…ọc…ọc…tắc kè…tắc kè…"giữa không gian im vắng tiếng kêu của nó trở nên to lớn đầy ghê sợ làm sao ấy.

Giờ này chắc chắn là chồng tôi chưa về , tôi đã quá quen thuộc với âm thanh của chiếc xe Honda 90 mỗi khi anh ấy về gần đến nhà, bao giờ cũng vậy, anh tắt máy ngay từ đằng xa và để cho xe chạy theo cái đà đang có, khi đến trước cổng nhà anh đạp thắng và nó phát ra một tiếng " kít" rất nhỏ, bình thường có lẽ sẽ không ai nghe được, nhưng với riêng tôi vì lúc nào cũng ở trong tâm trạng đợi chờ nghe ngóng chồng về, rồi lâu dần lổ tai tôi trở nên nhạy bén từ hồi nào không hay. Phải chờ đến tiếng gỏ thứ nhất qua một ngày mới, lúc đó chồng tôi vào đến sân trong.

**

Những âm thanh xôn xao của một ngày mới bắt đầu, các con tôi vừa thức dậy, tôi để sẵn cho hai đứa lớn hai gói xôi, đứa nhỏ nhất chỉ cần bú mẹ. Bé Hai vừa ngậm miếng xôi vừa hỏi:

- Cha đâu rồi hã mẹ?

Tôi dụi mặt vào mái tóc thơm mùi sữa của bé Tư, lòng hơi buồn:

- Cha đi làm rồi.

Bé Ba vùng vằng:

- Sao cha đi sớm vậy? Sao cha không chờ con thức rồi đi hả mẹ.

Tôi ậm ừ:

- Có lẽ cha có việc quan trọng nên đi sớm.

- Ngày nào cha cũng có chuyện quan trọng hết trơn. Mẹ nhỉ.

Bé Hai phàn nàn sau khi ăn hết gói xôi. Tôi cười buồn nhìn hai đứa lớn, biết giải thích thế nào với các con khi chính tôi cũng đang muốn có cho mình một câu trả lời, nhưng thôi, phải lăn xã vào công việc nhà, một công việc không tên, làm hoài có hoài, không làm cũng không sao, chỉ phải mang tội lười biếng mà thôi. Đưa bé Tư qua gởi thím Sơn kế nhà, tôi lại " tay bồng tay dắt" hai đứa lớn đi chợ, phải tính toán thế nào đây cho vừa đủ số tiến chồng phát mỗi sáng, cố gói ghém làm sao cho dư ra chút ít, để dành đó lâu lâu gởi về quê cho cha mẹ già.

Thời gian gần đây tôi thường nghe những lời ong tiếng ve bên tai, khi xa, lúc gần cho tôi biết có chuyện gì đó về chồng tôi nhưng chưa rỏ ràng cho lắm, vẩn chỉ là những tiếng gió lao xao, tôi chưa vội thắc mắc hạch hỏi khi chưa có bằng chứng rỏ ràng. Mỗi sáng anh ấy đi làm rất sớm khi các con tôi còn say ngủ, và khi anh ấy về nhà thì con đã ngủ say, cách một chiều anh về sớm được một lần chỉ để thay bộ đồ mới tôi đã giặc ủi phẳng phiu, đó là khoảng thời gian ngắn ngủi

các con được cha nựng nịu chơi đùa một chút rồi anh vội vã lên xe…chỉ có ngày Chúa Nhật các con tôi mới được ở bên cạnh cha nó nhiều hơn và được cha chở đi lễ nhà thờ. Với trẻ thơ thì quả là hạnh phúc nhưng còn quá ít, các con tôi muốn được gần gủi cha nhiều hơn thế.

**

Tôi bồng bé Tư ra đứng trước cổng nhà, bé Hai, bé Ba đang chơi với con búp bê nhựa ở trong sân. Tôi ngó mông phía trước mặt, nhìn ngược lại sau lưng, giờ này chắc chắn là chồng tôi chưa về, nhưng sao cứ mỗi buổi chiều sau khi cho hai đứa lớn ăn cơm xong, tôi lại bồng con nhỏ ra ngoài đường đứng đợi, hình như đó là một thói quen? Đôi khi tôi ngậm ngùi nghỉ rằng mình như thiếu phụ Nam Xương, chờ chồng đến hóa đá, cũng may là tôi không hóa đá vì tôi có rất nhiều việc phải làm, còn phải lo cho các con…

Bé Hai lại hỏi:

- Mẹ ơi, trời tối rồi, sao cha chưa về?

Tôi lại cười buồn, câu hỏi của các con như một bài ca quen thuộc, lập đi lập lại mỗi ngày, tôi cứ phải trả lời như củ, nó trở thành một điệp khúc nhàm chán. Phía bên nhà ông Bách đèn bắt đầu bật lên, khách ra vào uống cà phê, ăn hủ tiếu mỗi buổi tối không nhiều bằng buổi sáng nhưng vẫn ồn ào đủ mọi thứ âm thanh, cũng nhờ vậy mà con đường này có vẻ sống động đôi chút. Tôi đưa các con vào nhà, giờ này tôi không dám ở ngoài sân, nỗi lo lắng sợ hải khi trong nhà chỉ có mấy mẹ con chân yếu tay mềm…lúc nào cũng đeo bám, ám ảnh tôi.

Đồng hồ dạo nhạc và gỏ chín tiếng, tôi lùa các con lên giường, bé Hai lại hỏi:

- Mẹ ơi, sao giờ này cha chưa về hả mẹ?

Tôi không trả lời cho câu hỏi của con, mà dỗ dành chúng nó:

- Ngủ đi con, mẹ ru con ngủ nhé.

- Sao mẹ không kể chuyện cổ tích cho con nghe?

Tôi vuốt tóc bé Tư đang ngậm vú mẹ ngủ, trả lời con:

- Mẹ thích ru cho các con ngủ hơn là kể chuyện con à…mẹ ru nhé:

Ầu ơ… cái cò đi đón cơn mưa,

Tối tăm mù mịt ai đưa cò về.

Cò về thăm quán cùng quê,

Thăm cha thăm mẹ cò về thăm anh.

Các con tôi đã ngủ, sao tôi cứ ưa ru mãi những câu ca dao rất buồn như thế này? “cò” là ai và “anh” là ai đây? Thôi, đừng suy nghỉ lung tung nữa, ngoài đương có tiếng rao khàn đục của một người đàn ông văng vẳng trong đêm khuya:

- Ai… ăn bánh chưng… bánh giò… ?

Tôi không trông mong một thứ âm thanh nào ngoài tiếng xe honda của anh ấy, con tắc kè lại kêu

lên những tiếng ồn lớn, rộn ràng. Còn lâu lắm chồng tôi mới về, các con tôi đang ngủ say nên không đứa nào biết mẹ nó đang thao thức trằn trọc vì cha nó vẩn còn mải mê đâu đó....

Tôi lăn qua trở lại thật khó khăn trên phần diện tích chật hẹp của chiếc giường rộng một mét sáu dài hai mét chất chứa đến bốn mẹ con, chồng tôi được ưu tiên thoải mái nằm riêng ở cái giường có chiều ngang một mét hai. Khó ngủ quá, tôi bị bệnh mất ngủ từ bao giờ mà không nhớ nổi. Có lẽ từ lúc tôi không còn đi dạy học nữa chăng? Mỗi khi soi gương nhìn mình mà ngậm ngùi chua xót, tôi của ngày xưa đã thay đổi theo từng ngày, từng tháng qua đi, lâu dần tôi thấy mình giống một đứa ở đợ không hơn không kém. Tôi đã hy sinh, đánh đổi nghề nghiệp cao quí của mình để nhận lấy một công việc mà tôi tự cho là cao quí hơn: làm vợ và làm mẹ; thế đó. Nhưng rồi tôi không còn được nhận những cái nhìn ngưỡng mộ yêu quí của chồng và những người thân, ai cũng cho là tôi quá ngu khi bỏ nghề dạy học mà ở nhà, trong mắt của rất nhiều người, có luôn cả chồng tôi nữa; đã nghỉ rằng tôi làm biếng chỉ muốn ở nhà chơi để được chồng nuôi. Tôi cay đắng xót xa khi hiểu được điều người ta nghỉ- con mắt là cữa sổ của tâm hồn mà- tôi lại rất giỏi khi đọc những điều người khác muốn nói qua cài nhìn của họ.Chồng tôi có lẽ là thất vọng nhất, vì không còn được nghe những tiếng trầm trồ ở sau lưng: " vợ anh ta dạy học đó nhé...anh ấy có vợ làm giáo viên...".

Từ khi nghỉ dạy tôi ở nhà làm những việc không tên, điền vào giấy là hai chử " nội trợ". Không có gì là danh giá để hãnh diện cả, nhưng kể từ đó căn nhà nhỏ của chúng tôi trở nên gọn gàng ngăn nắp, áo quần của chồng và các con được giặc thật kỷ, ủi thật thẳng, con gái chúng tôi thơm tho, sạch sẽ, tóc tai lúc nào cũng được chải gở bím thành hai bím lủng lẳng xinh xắn như búp bê, những bữa cơm luôn ngon và được hâm nóng dọn lên bàn mỗi khi chồng tôi về nhà sớm một cách bất thường. Thế nhưng chỉ có mình tôi cho đó là những công việc cao đẹp mà thôi, lâu dần tôi mới nghiệm ra một điều và có một định nghĩa cho danh từ VỢ đó là:

1/ người làm công rất chu đáo nhưng không nhận tiền.

2/ vú em tuyệt vời mà lại miễn phí.

3/ quản gia tích cực đầy tin cậy không lãnh lương.

4/ người để cho chồng " giải quyết chuyện riêng" được an toàn tuyệt đối mà không phải trả tiền.

Mỉa mai chua xót làm sao ấy. Đêm đêm khi chờ chồng về tôi thường nhớ lại ngày xưa, nhớ lừ lúc còn nhỏ cho đến khi biết yêu, nhớ tháng ngày là sinh viên rồi ra trường đi dạy, ngày lấy chồng rồi có con, tôi có hai lần yêu: mối tình đầu và mối tình cuối nếu như...bây giờ soi gương nhìn lại mình thì tôi không còn là tôi nữa rồi.

Có tiếng xe của chồng tôi ngừng từ đằng xa và đà chạy của bánh xe đang còn trớn sau đó là "... kít..." thật nhỏ. Tôi ra khỏi giường, định rằng tự tay mình mở cổng cho chồng vào để có thêm chút tình cãm đậm đà vì nó đang bị phai nhạt dần theo thời gian, nhưng tôi choáng váng khi nhìn thấy qua ánh đèn mờ mờ trước hiên nhà: chồng tôi đang móc bóp lục tìm và lấy ra chiếc nhẫn cưới đeo lại vào ngón tay. Tôi trở vô giường, lặng lẽ khóc khi đã có câu trả lời cho chính mình: tại sao anh về muộn?. Tuy vậy tôi biết rằng vẩn phải trả lời các con một điệp khúc quen thuộc khi chúng hỏi một câu luôn ở đầu cửa miệng:-" mẹ ơi sao cha chưa về?-" Mẹ ơi bao giờ cha về?."

Đêm nay thời gian trôi qua sao dài quá. Có tiếng ngáy sung mãn của chồng ở chiếc giường phía bên kia, tiếng thở nhịp nhàng đều đặn của các con ở bên cxạnh, con tắc kè kêu lồng lộng giữa đêm khuya và có luôn cả tiếng của trái tim tôi đang nghẹn ngào thổn thức, nước mắt tuôn ướt gối.

**

Tôi dặn chồng nếu có thể được mong anh về sớm vì tôi có chuyện cần nói. Anh ấy nhìn tôi hơi có vẻ ngạc nhiên nhưng không hỏi vì sao mắt tôi đỏ ké? vì sao mặt tôi buồn rười rười? Vì sao

giọng nói của tôi khàn đục? Cũng không hỏi vì sao tôi khóc? Tôi biết lắm khi bây giờ tôi chỉ là con số "không phẩy chín" trong mắt anh.

Một ngày mới không có gì lạ với những công việc không tên, tôi tự an ủi mình: " cố gắng rèn luyện để trở thành một người giúp việc tốt" đúng với danh nghĩa người giúp việc, mai sau không sợ thất nghiệp. Tôi gượng vui với những câu nói thơ ngây của các con nhỏ, tôi tìm niềm an ủi trong những bàn tay bé xíu ưa nắm chặt lấy tay tôi.

Chồng tôi không về sớm như lời tôi dặn dò, có lẽ anh đang có " con đường tình ta đi " mới lạ hấp dẫn nên đã quên, không còn muốn về sớm với "đường xưa lối cũ". Tôi vẫn phải thao thức chờ đợi và nghe từng tiếng thở trong đêm. Bắt đầu là con tắc kè kêu to khi đồng hồ điểm mười tiếng, phụ họa hòa âm với nó có tiếng con thằn lằn chắt lưỡi, đệm thêm vào là tiếng rã rích của mấy chú dế mèn. Tôi chờ đợi tiếng rao buồn buồn khàn đục của ông bán bánh giò với cung bậc trầm bổng ngân xa:

- Ai…ăn bánh chưng… bánh giò ?

Khi rao chử " ai" ông ta xoáy cao giọng thành chử "ái", thêm vào một chút luyến láy và cuối cùng tới chử" giò" thì giọng rao của ông ta cụt ngủn thấp xuống một cách bất ngờ. Người bán bánh chưn bánh giò đi xe đạp, hai bánh xe quay tròn phát ra những tiếng kêu cọc cạch khô khốc như người chủ của nó đang rao hụt hơi.

Đồng hồ lại dạo nhạc và gỏ mười một tiếng, tim tôi có mười một nhát dao đâm vào, chồng tôi vẫn chưa về. Bây giờ đến lượt tiếng vó ngựa đập xuống đường nhựa kêu lóc cóc, chuyến xe thổ mộ chở rau quả trái cây từ miệt quê đang đi vào thành phố, bao giờ cũng vậy, khi đến quán ông Bách là ngừng lại để chủ vào uống ly cà phê vợt; là đổ cà phê vô trong một cái vợt bằng vải, ngâm vào trong siêu nước– thường được dùng để sắc thuốc bắc- cái siêu cà phê vợt đặt lên trên bếp lữa lúc nào cũng cháy đỏ, đây là một cách uống vừa nhanh, gọn và rất bình dân. Con ngựa đứng yên một chổ chờ người chủ, hình như nó sốt ruột nên bốn chân cứ nhấp nha nhấp nhổm không yên trên mặt đường vì thế có những tiếng lốp cốp rất nhẹ vang lên…từ bốn cái vó ngựa.

Mười hai tiếng gỏ vang lên trong đêm khuya thanh vắng, tôi nghe từ đằng xa có tiếng bước chân nặng nề chậm chạp của con bò chở những cây tầm vông dài thậm thượt đang tiến gần lại, phần đầu ngọn cây tầm vông chạm mặt đất, kéo lê trên đường theo mỗi bước đi của con bò làm phát ra những tiếng kêu " xèng…xẹt…xèng…xẹt…" đều đặn và buồn buồn như sự cam chịu của một kiếp làm thân con bò. Chủ của chú bò cũng ngừng lại quán cóc của ông Bách để uống một ly cà phê, cũng khá lâu thì tôi nghe tiếng roi quất vào mông chú bò " đét ", và tiếng người chủ ra lịnh "…tắc… đi nào…" chú bò lại nặng nề chân bước làm những bó tầm vông lết dài nhấp nhỏm kêu "… xèng… xẹt…". Bây giờ tới lúc tôi chờ đợi nghe ngóng tiếng xe honda từ xa của chồng tôi, lúc này anh sắp về.

Chuông đồng hồ gỏ một tiếng, tôi thở ra một hơi dài có chút nhẹ nhỏm ví anh ấy về tới. Trong đêm đen tôi như thấy được anh đang lục túi tìm chiếc nhẫn và đeo nó vào tay.

**

Chuyện quan trọng tôi nói với chồng là những lời ong tiếng ve mà tôi đã nghe rất nhiều, và đó chính là sự thật chứ không còn là tiếng gió lao xao nữa. Tôi muốn anh chọn lựa: dừng lại hay tiếp tục? Dĩ nhiên chọn lựa cách nào thì cũng phải có cái giá để trả giữa ĐƯỢC và MẤT. Chồng tôi đã trả lời:

- Anh sẽ dừng lại nhưng em phải cho anh một thời gian, anh sẽ làm ra vẻ hết tiền để cô ta bỏ anh trước, anh không muốn mang tiếng là người đàn ông phụ bạc khi anh bỏ cô ta.

Tôi đắng nghét cả cổ họng, chồng tôi...một người đàn ông cao thượng không muốn mang tiếng là kẽ phụ tình - dù anh biết rỏ cô gái ấy đến với anh chỉ vì tiền - Nhưng cón với tôi thì sao đây? Chồng tôi sẵn sàng nhởn nhơ, vô tư vô tình mang tiếng phụ bạc tôi, Vậy thì tôi là cái gì? Là số mấy trong trái tim của anh ấy mà một thời anh từng nói với tôi: "em là người duy nhất của anh". Câu trả lời của chồng tôi thật phủ phàng.

Tôi nói với chồng:

-Em không có thời gian để cho anh, mọi chuyện sẽ tùy vào sức chịu đựng của em, nếu còn sức chịu đựng thì em còn ở với anh, nhưng nếu hết sức chịu đựng rồi thì chúng mình sẽ chia tay nhau trong im lặng, không ồn ào lộn xộn để giử sĩ diện cho anh và nhất là không làm thương tổn đến lòng tự trọng của em.

Chồng tôi la lớn:

- Em không yêu anh, anh biết mà... vì em đã không ghen.

- Ghen có nhiều cách lắm anh à, nhưng ghen không có nghĩa là vì yêu, và yêu không có nghĩa là phải ghen.

Tôi bỏ ra sau nhà, chờ tiếng xe anh ấy đi thật xa tôi mới lặng lẽ ôm ba đứa con vào lòng và khóc nức nở.

**

Đêm nay con hỏi:

- Mẹ ơi, chừng nào cha về?

Tôi vuốt tóc từng đứa con và trã lời:

- Chừng nào cha con muốn về thì cha sẽ về. Ngủ đi, mẹ ru các con đây:

Ầu ơ... núi cao chi lắm núi ơi,

Núi che mặt trời không chộ người thương

Người thương ta đội ơn người,

Biển hồ ngàn dặm xa vời lắm thay.

Trời ơi, lại những câu ca dao buồn đến nảo lòng. Không biết ai là "người thương" đây? Và ai là " ta"? có lẽ từ đây tôi không còn muốn chờ đợi tiếng xe của chồng tôi từ xa chạy về nhà theo đà có sẵn, tôi không chờ nghe tiếng ngáy sung mãn của chồng để dổ giấc ngủ cho mình, mà tôi phải tự ru tôi ngủ bằng những câu ca dao lúc nào cũng buồn ảo nảo, tôi sẽ chờ nghe tiếng con tắc kè vang lên ồn ào lúc chín giờ, rồi tiếp đến là tiếng rao khàn đục của ông bán bánh chưng bánh giò khi đồng hồ điểm mười tiếng thánh thót, tôi sẽ tưởng tượng ra ông ta lúc vui khỏe, lúc ốm mệt theo cung bật qua tiếng rao từng đêm để mừng hay buồn cho ông ấy...Và khi đồng hồ ngân nga mười một tiếng, có tiếng vó ngựa lốp cốp gỏ đều, âm thanh ngắn gọn, dứt khoát ...cho đến khi tiếng xe bò kéo lê trên mặt đường kêu thành từng tiếng xèng xẹt rất buồn...

Tôi sẽ ngủ vào lúc nào nhỉ? lúc âm thanh nào vừa vang lên trong đêm? Có những khoãng mốc của từng thời khắc bước tới mang theo từng tiếng động của riêng nó, nhưng bây giờ thì tôi chỉ

muốn được ngủ vào khoãng thời gian khi tôi vừa ru xong những câu ca dao buồn- cùng lúc với các con.

Đêm nay tôi sẽ ru tôi và các con bằng hai câu lục bát mà tôi vừa chợt nghỉ ra; có vẽ rất ngậm ngùi:

Cũng đành một chuyến đò đưa,

Người bên sông nhớ chuyện xưa mà buồn.

HỒ THỦY

thơ

PHIÊU DU

ĐÀM LAN

Từng nốt nhạc phiêu du
Đưa hồn ai viễn xứ
Ngày hong lên tóc muộn
Gió gọi đùa như tên

Bay về hướng lãng quên
Một vầng mây trắng muốt
Chênh vênh tình thu muộn
Rớt vào chiều heo may

Níu vào một cơn say
Gạt lòng câu tỉnh thức
Đắng một niềm cay nhức
Nhói tận cùng tâm can

Rơi một tiếng vỡ tan
Là rồi câu ly biệt
Bóng xưa từng thao thiết
Nay huốt vào phiêu du

ĐÀM LAN

truyện ngắn

ĐÔI MẮT MỘT NGƯỜI NÀO

TỪ KẾ TƯỜNG

Theo chỉ dẫn của Xuyến, Yến chạy xe vào một con hẻm ở xóm Cây Điệp. Đây là khu cư xá yên tĩnh, nhà nào cũng kín cổng cao tường. Yến biết tự Xuyến không thể tìm ra chỗ này, phải có người nào đó chỉ vẽ. Qua báo chí, Yến biết nhiều vụ phá thai lậu dẫn đến hậu quả nghiêm trọng cho nạn nhân.

- Chị quen với người ta à ? Em thấy nguy hiểm lắm, không phải chuyện chơi đâu ! - Yến nói.

- Người ta lấy nhiều tiền lắm, chắc phải an toàn chứ ? - Xuyến nói cho Yến yên tâm, đồng thời cũng để tự trấn an mình.

- Không phải chuyện tiền bạc mà là mạng sống con người ! Mấy bà phá thai lậu thì kể chi, lỡ có chuyện gì mình chịu cả, còn mấy bả trốn mất, ai mà tìm được ?

- Thôi, Yến làm chị lo thêm.

Dừng xe trước cánh cổng kín mít, Yến thấy hồi hộp lạ lùng. sau ba hồi chuông, hai ngắn một dài của Xuyến, từ trong nhà có tiếng chó sủa và cái ô vuông nhỏ xíu trên cánh cổng được kéo tấm che, hai con mắt hiện ra nhìn khách chớp chớp.

- Tôi là khách quen của bà Năm - Xuyến nói.

- Đợi chút !

Sau câu nói, tiếng khóa cửa lách cách mở. Người đàn bà có vẻ như một người làm công, hỏi :

- Hai cô có hẹn không ? - Có ! - Xuyến đáp.

- Vậy thì vô đi.

Yến đẩy xe vào, người đàn bà liền bóp ổ khóa lại. Một không khí lặng trang chợt vây lấy Yến. Lạ lùng sao, con chó berger to lớn lông màu xám lúc nãy sủa inh ỏi bây giờ đứng một góc thềm nhìn Yến bằng cặp mắt hiền lành. Nó bị xích cổ bằng sợi dây xích dài cột vào khung cửa sổ bằng sắt.

Yến và Xuyến ngồi ghế salon chờ đợi. Trên bàn có bình trà và mấy cái tách, nhưng hình như không ai dùng đến. Không khí căn phòng có cái gì đó rờn rợn như đe dọa. Một lúc sau, từ trong

buồng, một người đàn bà mập mạp mặc bộ đồ màu vàng chói đi ra, gương mặt phấn son lòe loẹt.

- Chào bà Năm - Xuyến lên tiếng - Bữa trước cháu có tới nhờ bà làm giùm... Hôm nay cháu tới...

Bà Năm cất giọng rè rè :

- Nhớ rồi, còn cô em này là ai ?

- Dạ, nó là em cháu.

- Ừa, người nhà thì được, chớ kẻ khác tui kỵ lắm. Nhớ giữ bí mật nghen ! Tui làm ăn lâu nay chưa gặp điều gì rắc rối cũng nhờ biết giữ bí mật đây !

Yến làm thinh. Xuyến lo lắng hỏi :

- Hôm nay làm được không bà Năm ?

- Được chứ sao không ? Cô vào trong này đóng tiền rồi tui làm cho. Ba cái vụ này dễ ợt, tui làm còn nghề hơn bác sĩ ở bệnh viện nữa.

- Em ngồi ngoài này chờ chị nghen!

Xuyến nhìn Yến dặn dò và bước theo bà Năm. Yến ngồi chờ đến sốt ruột. Cô đi đi lại lại trong phòng, quá bực bội đành đi ra ngoài thềm. Lúc này con chó berger nhìn thấy cô, nó lại gầm gừ dữ tợn. Chắc có lẽ nó canh chừng Yến và sẽ nhảy bổ vào cô ngay tức khắc nếu cô đi khỏi bậc thềm. Yến hết hồn nghe tiếng la xé ruột của Xuyến bay ra từ gian buồng kín mít. Yến định chạy vào xem sự việc ra sao nhưng ngay lúc đó, bà Năm mặt mày tái mét chạy ra, hấp tấp bảo :

- Trời đất ơi, tổ trác tui rồi, sao cô ấy cứ lăn lộn rên la hoài, cô chạy ra đường kêu chiếc xích lô vào đây chở cô ấy đi nhà thương cấp cứu !

Người giúp việc mở khóa cổng, Yến lao ra với tâm trạng cuống cuồng. Yến chạy bộ ra đường lớn, may sao vừa lúc một chiếc xích lô trờ tới.

***

Yến nhìn vẻ mặt lầm lì của Viễn, lo ngại hỏi :

- Chuyện như vậy đó, bây giờ anh tính sao ?

- Còn tính gì nữa, vào thăm Xuyến chứ sao ?

- Không được, chị Xuyến dặn không cho anh hay, bây giờ anh vào, em biết nói sao với chị ấy đây ? Lẽ ra em không cho anh biết đâu, nhưng đã ra nông nỗi này rồi... Chị Xuyến khóc nhiều lắm !

- Cũng còn may là không chết. Cái mụ lang vườn ấy ở đâu ? - Viễn nạt ngang.

- Trời ơi, lỡ rồi, anh đừng có làm ầm lên mà ! Mình phải giữ bí mật cho chị Xuyến chứ ?

- Chuyện đã như vầy rồi mà còn bí mật ? Đúng là tiểu thư khuê các ! - Viễn mỉa mai.

- Anh đừng nói vậy! Chị Xuyến khổ nhiều rồi, anh phải cảm thông chứ ! Có ai muốn vậy đâu ?

Viễn lặng người, đau đớn như một người thua trận. Chuyện xảy ra giống như một cơn ác mộng. Mặc dù tình cảm giữa anh và Xuyến đang có trục trặc, anh chưa hề xem Xuyến như vợ sắp cưới nhưng sự mất mát này đâu phải chỉ riêng mình Xuyến chịu ? Viễn hình dung ra ngay gương mặt đểu cáng và bộ ria con kiến của Thông. Thế mà lâu nay, Viễn vẫn xem anh ta như một người bạn vong niên, không đề phòng.

- Được rồi, nếu vậy thì em lo giúp cho Xuyến, anh sẽ không vào bệnh viện đâu ! - Viễn nói.

- Nhưng anh định làm gì ?

- Chả làm gì cả !

- Chuyện đã lỡ rồi, mình nên để nó trôi theo thời gian, đừng nên làm gì trở ngại chuyến đi của gia đình và của chị Xuyến - Yến thuyết phục.

Viễn cười nhẹ :

- Bộ em tưởng rồi Xuyến sẽ quên được sao ?

- Thời gian rồi sẽ qua, hoàn cảnh rồi sẽ thay đổi, chắc chị ấy cũng sẽ quên tai nạn này !

- Còn anh thì sẽ không bao giờ quên đâu !

- Sao đàn ông các anh ích kỷ thế ?

Viễn không trả lời, lầm lì dắt xe ra cổng. Yến nhìn theo anh trai, khẽ thở dài. Viễn chạy xe như một người mất hồn, không biết nên làm gì. Là người khác, có thể sẽ rất vui mừng vì đây là một lý do chính đáng để cắt đứt mối quan hệ với Xuyến. Nhưng còn Viễn ? Anh thực sự không đủ nhẫn tâm để làm vậy bởi chuyện xảy ra cũng do lỗi của Viễn phần nào. Anh đã vô tình đẩy Xuyến về phía con cáo già Thông chăng ? Tuy nhiên, giữa Viễn và Thông cũng cần có sự giải quyết cho dứt khóat. Viễn tăng ga, phóng xe tới nhà Thông.

Viễn nhấn chuông gọi cổng. Thông từ trong nhà đi ra, ngạc nhiên:

- Ủa, ra là Viễn. Thế mà tôi tưởng... ?

- Tưởng cô gái nào đó chứ gì?Tôi có chuyện cần gặp anh.

- Vào nhà chứ ? – Thông dè dặt hỏi.

- Tất nhiên, nhưng có gì trở ngại cho anh không ?

- Chắc cậu tưởng có em nào trong nhà tôi chứ gì ? - Thông cười cười - Hôm nay không có em nào cả, tôi ở nhà một mình và đang buồn.

Viễn theo Thông vào phòng khách. Thông hỏi giọng thân mật :

- Thế nào, cậu có gì vui không ?

- Cũng bình thường vậy thôi, còn anh chắc có nhiều chuyện vui ?

Thông phất tay, cười giòn :

- Moa thì một ngày như mọi ngày. Nếu không vui thì làm sao sống trên cõi đời này nữa.

- Đúng vậy, nhưng rất tiếc anh đã tìm sự vui vẻ trên đau khổ của người khác.

- Cậu nói gì lạ thế ? - Thông ngạc nhiên.

- Anh đóng kịch khéo lắm, anh Thông ạ !

- Thật tình tôi vẫn chưa hiểu cậu muốn nói gì. Anh em với nhau, có gì cứ nói thẳng ra đi Viễn.

- Tại sao anh lại dùng thủ đoạn bỉ ổi để chiếm đoạt Xuyến ? - Viễn nhìn Thông, gằn giọng.

Thông giật nẩy người như bị kiến đốt.

- Cậu nghe ai nói bậy bạ vậy ?

- Anh nên tới bệnh viện mà hỏi, Xuyến suýt chết vì đi phá thai đấy !

Cùng lúc với câu nói gần như hét, Viễn túm ngực áo Thông, xô anh ta ngã chúi lên thành ghế. Viễn ra khỏi phòng. Thông chạy theo ngăn Viễn lại. Mặt Thông vẫn chưa hết bàng hoàng :

- Viễn, thật vậy sao ?

- Không lẽ tôi phải đập vào mặt anh mới là thật ?

Thông châm thuốc hút, ngượng ngùng :

- Mọi chuyện đúng như là một cơn say, nhưng lỗi cũng không hoàn toàn ở tôi. Là đàn ông, chắc cậu dư hiểu chuyện này chứ ?

- Chuyện gì ? - Viễn lừ mắt hỏi.

- Cậu giả vờ hay thật đấy ? Thông cười giòn, giọng cười thật đểu cáng.

Lẽ ra Viễn đã bỏ đi, nhưng nghe giọng cười đó mà anh sững lại. Máu nóng bốc căng cả mặt, Viễn thấy bộ mặt Thông đáng căm ghét, nhất là khi bộ râu con kiến của hắn cứ giật giật liên hồi. Viễn tiến thẳng tới và trong lúc Thông còn cười cười như vậy, anh đã tống thẳng vào gương mặt ấy một quả đấm trời giáng. Thông bật người ra sau, máu từ khóe miệng ứa ra đỏ lòm.

- Tao cho mày biết - Viễn đổi cách xưng hô - Kể từ nay, mày phải có trách nhiệm với Xuyến, nếu không thì đừng có trách ! Đồ ma cô !

Thông sờ lên môi mình, tiếp tục cười :

- Hóa ra cậu cũng biết ghen à ?

Viễn ném ra câu chửi thề, dắt xe phóng thẳng.

***

Gió mát làm Viễn thấy dễ chịu. Đi đâu bây giờ ? Viễn nhớ ra một địa chỉ. Khoảng mười lăm phút sau, Viễn dừng xe trước một ngôi biệt thự trên đường Tú Xương. Tấm bảng đồng gắn trên trụ cổng đã cũ, dòng chữ khắc không còn rõ nét nữa nhưng Viễn còn đọc được : “Biệt thự Tường Lan”. Viễn nhấn chuông.

May quá, Tường Lan có nhà, nụ cười tươi nở trên môi, Tường Lan đi ra mở rộng cánh cổng, nói :

- Mời anh vào ! Tưởng một ông khách nào chứ ?

- Bộ chị thường có khách lắm sao ?
- Thỉnh thoảng thôi.
- Nhà chị đẹp quá ! - Viễn khen.

Phòng khách nhà Tường Lan khá rộng và bài trí toàn những đồ vật đắt tiền. Ở một góc phòng, sát dưới khung cửa sổ có màn che là cây đàn dương cầm màu nâu thật đẹp.

- Chị không đi đâu à ? - Viễn hỏi.
- Nếu tôi đi, làm sao anh gặp được ? - Tường Lan mỉm cười - Đang có cô cháu tới chơi, nó đang ở trong phòng tôi xem sách.
- Anh ấy đỡ nhiều chưa chị ?
- Như anh đã biết, hôm tôi về thì anh ấy tỉnh, chẳng biết hôm nay ra sao ?
- Một mình chị ở trong ngôi nhà rộng mênh mông như vầy, buồn chết !
- Tôi đang năn nỉ cô cháu đến ở cho vui nhưng nó chưa chịu. À, anh Viễn uống cà phê nhé ?

Ít phút sau, Tường Lan trở ra với tách cà phê trên tay, theo sau là một cô gái, trên tay cũng bưng tách cà phê. Cô gái ngẩng mặt lên, Viễn vô cùng sững sốt vì đó là Ngàn. Tuy đã biết trước nhưng Viễn không tránh được câu hỏi ngớ ngẩn :

- Ủa Ngàn là cháu của chị à ?

Ngàn cũng ngạc nhiên không kém. Cô bối rối đến mức mãi lát sau mới đặt nổi tách cà phê xuống bàn.

- Cháu cũng quen anh Viễn à ? - Tường Lan hỏi.

Ngàn ấp úng:

- Dạ, cháu...Chúng cháu là bạn khá thân !
- Thật bất ngờ và thú vị - Tường Lan cười nói.
- Em tới lâu chưa ? - Viễn nhìn Ngàn, hỏi.
- Lâu rồi, không ngờ khách của dì Lan lại là anh.
- Thôi, Ngàn cũng ngồi nói chuyện cho vui, hóa ra quen biết cả -

Tường Lan hóm hỉnh nhìn Viễn - Từ nay, anh Viễn phải gọi tôi bằng dì đấy !

- Thì gọi bằng dì có sao đâu ? - Viễn cười.
- Ngàn không uống cà phê à ? - Tường Lan hỏi.
- Dạ, cháu uống trà thôi.
- Hóa ra người đụng cháu tôi phải đi nhà thương là ông đấy !

Viễn ngượng ngùng trước câu đùa mà không đùa chút nào của Tường Lan. Anh gõ chiếc muỗng cà phê nhỏ vào phin cho cà phê chảy xuống, đồng thời cũng để che giấu sự bối rối.

- Cháu đi pha trà đây !

Ngàn cũng bối rối không kém. Cô liếc nhìn Viễn kèm theo nụ cười rồi bỏ vào nhà sau. Một lúc, Ngàn mang trà lên, cô đặt bình trà trước mặt Viễn, mái tóc dài thả xuống vai áo. Viễn chợt nhận ra đôi mắt Ngàn cũng có nét u ẩn như đôi mắt của Tường Lan. Hèn gì, lúc mới gặp Tường Lan anh đã thấy đôi mắt của Tường Lan giống một người nào khá quen mà bất chợt Viễn không nhớ ra.

Rời nhà Tường Lan, Viễn đưa Ngàn ra ngoại ô. Ngồi phía sau, Ngàn cứ nơm nớp lo sợ và luôn miệng dặn Viễn :

- Em không đi chơi khuya được đâu, phải về nhà trước chín giờ tối đấy.
- Bây giờ mới hơn sáu giờ thôi - Viễn cười.
- Anh làm sao thì làm ! Nếu muốn lần sau em được đi chơi với anh thì hãy đưa em về sớm.
- Yên chí, anh sẽ đưa em về đúng giờ.

Mới hơn sáu giờ nhưng trời đã tối. Con đường qua Nhà Bè lộng gió, mang theo một mùi hương kỳ lạ mà lần đầu tiên Ngàn mới nhận ra. Viễn cho xe chạy chậm. Cả hai cùng hồi tưởng lại buổi chiều nào... Kỷ niệm nhớ đời đó, làm sao mà quên được, nhất là đối với Ngàn. Nghĩ cũng lạ, do một tai nạn bất ngờ mà Viễn và Ngàn quen nhau. Bây giờ ngồi sau xe Viễn, cô vẫn bàng hoàng không tin là có những sự việc gần giống như xếp đặt sẵn.

Ngàn thúc vào lưng Viễn :

- Coi chừng đấy ! Đường này rất đông xe cộ, đừng gây ra một tai nạn cho cô gái nào nữa !

Biết Ngàn nói kháy mình, Viễn cười giòn :

- Không may mắn nào tái diễn đâu em, đừng sợ.

- Không phải em sợ cho em mà sợ cho anh.
- Đồng ý.

Nơi hai người tới là một nhà hàng nổi trên mặt sông. Viễn đưa Ngàn tới một chiếc bàn ngay trước mũi tàu, từ đây có thể nhìn bao quát cả mặt sông.

- Chỗ này đẹp quá.
- Thế mà lần đầu tiên em mới được biết đấy - Ngàn thích thú nói.

Viễn vẫy người phục vụ đến để gọi món ăn. Ngàn nhút nhát như chú thỏ lần đầu tiên ra khỏi chỗ ở quen thuộc của mình. Cô ngồi thu người trong ghế, nhỏ nhắn và tội nghiệp trong chiếc áo dài trắng đơn sơ và hoàn toàn thụ động giao việc gọi món ăn cho Viễn.

- Nếu không gặp em ở nhà dì Tường Lan, anh có tìm em chiều nay không ? - Ngàn hỏi.
- Tất nhiên rồi, anh đang có chuyện buồn.
- Chuyện gì vậy ?
- Em không thể biết được đâu !

Người phục vụ mang thức ăn ra. Ngàn nói :

- Anh gọi chi nhiều vậy ?
- Cả hai đang đói bụng mà, em đừng lo, khi buồn anh ăn rất nhiều.
- Ngược lại khi buồn em ăn rất ít, có khi không ăn gì - Ngàn háy mắt nói.

Ngàn ăn nhỏ nhẻ như một con mèo ốm. Viễn gợi chuyện cho Ngàn được tự nhiên :

- Không ngờ em lại là cháu của Tường Lan. Sao lại có sự trùng hợp lạ kỳ đến thế nhỉ ?
- Còn em thì rất ngạc nhiên khi gặp anh ở nhà dì ấy. Em muốn khóc quá chừng !
- Sao vậy ?
- Không biết, nhưng em buồn anh ghê gớm.
- Đúng là con gái.
- Dì Tường Lan là một người đàn bà đau khổ lắm. Lẽ ra, dì có thể ly dị chồng, nhưng dì không làm thế. Anh nghĩ xem, một người đàn bà trẻ đẹp mà lại có một ông chồng mất trí, điên loạn. Sống trong hoàn cảnh ấy thì thật bất hạnh.
- Em rất giống dì Tường Lan.
- Giống ở điểm nào ?
- Gương mặt và đôi mắt.
- Nhiều người cũng nói vậy. Bởi thế dì rất thương em.
- Dì là em út của mẹ em à ? - Viễn hỏi.
- Đúng thế, dì với em chẳng có vẻ gì là dì với cháu, mà giống hai chị em.
- Anh nhớ mãi tiếng đàn piano của Tường Lan trong ngôi nhà lặng lẽ này.

Ngàn cắn môi:

- Anh là một người rất lãng mạn, em rất sợ một người có tâm hồn như vậy.
- Còn em thì sao ?
- Em là một con nhỏ bình thường - Ngàn cười.

Viễn tìm bàn tay Ngàn dưới gầm bàn. Anh nắm thật chặt. Ngàn nhăn mặt kêu lên :

- Anh làm em đau !

Viễn cười, buông bàn tay của Ngàn ra. Gió từ dưới sông thổi lên lồng lộng. Bầu trời chìm dần vào bóng tối lúc nào không hay. Những chiếc ghe trên sông chỉ còn là những chiếc bóng đen bất động trong những quầng sáng mờ nhạt hắt tới.

- Em ăn nữa đi chứ ! - Viễn nhắc.
- Không, em no lắm rồi.

Trời bắt đầu lạnh. Ngàn giữ chặt vạt áo dài quanh thành ghế. Viễn uống một ngụm bia, nói :

- Em đang nghĩ gì thế Ngàn ?
- Anh gây tai nạn cho em làm gì để bây giờ mình quen nhau - Giọng Ngàn buồn bã- Nếu không có chuyện đụng xe hôm ấy chắc giờ này em không phải suy nghĩ gì cho thêm nhức đầu.
- Quen nhau thì đã sao nào ?
- Quen nhau dễ, nhưng quên nhau khó.
- Em nói gì lạ vậy ?
- Chẳng lẽ anh cứ tiếp tục giấu em hoài sao ? Hoặc là anh cứ tránh nói chuyện ấy hoài được sao ? - Ngàn nhìn thẳng vào mắt Viễn.
- Em muốn nói gì thế Ngàn ?
- Anh sắp đi du học nước ngoài, bao giờ anh đi ? - Ngàn hỏi và vội quay mặt hướng nhìn

dòng sông.

Không ngờ Ngàn lại hỏi chuyện này trong buổi chiều này. Viễn cầm lấy bàn tay Ngàn, nói :

- Anh đi nhưng có gì quan trọng đâu, nhất là chuyện quên hay nhớ?

- Anh nên tự tìm câu trả lời hơn là hỏi em.

Viễn im lặng. Anh tránh nhìn vào đôi mắt buồn rười rượi của Ngàn. Một chiếc tàu kéo xuôi theo dòng sông bất ngờ rú lên một hồi còi dài. Cái tiếng còi rền rĩ mang âm điệu của sự chia ly ấy như dội vào tận đáy sông, cào lướt tâm hồn Viễn.

- Thật ra anh cũng không định giấu em, Ngàn ạ. Anh chưa nói đấy thôi.

- Bao giờ anh đi ? - Ngàn nhắc lại câu hỏi.

- Cuối tháng này.

- Thật ra em còn biết nhiều chuyện nữa, nhưng thôi, cái gì anh không muốn nói thì đừng nên nói.

Ngàn giấu mặt sau mái tóc và cố thu người cho nhỏ bé hơn trong chiếc ghế rộng. Gió từ dưới sông không ngớt thổi lên từng đợt lạnh như băng.

- Ngày anh lên phi cơ, em không đi tiễn đâu đó, đừng có giận ! Em rất sợ những cảnh chia ly. Em rất sợ phải khóc trước đám đông.

- Em không đi tiễn chắc anh buồn lắm đó !

- Thôi, để hôm ấy sẽ tính - Ngàn nói.

- Anh hy vọng là em sẽ đổi ý.

- Nhưng anh vẫn có một cô bạn khá thân thiết ra sân bay tiễn kia mà, có mặt em làm anh khó xử, đúng vậy không ?

Hỏi thế tức là Ngàn đã hiểu rõ câu chuyện về Xuyến. Viễn cảm thấy ngượng ngùng hơn là bất ngờ. Anh thấy không cần phải giải thích gì thêm nữa. Chắc rồi Ngàn sẽ hiểu anh thêm trong những ngày tới.

- Thôi, anh đưa em về được rồi ! - Ngàn nói.

Viễn nắm tay Ngàn đi qua chiếc cầu nhỏ, hai bên có đặt những chậu kiểng xanh um. Tiếng sóng vỗ vào chân cầu róc rách cho biết thủy triều đang dâng đầy mặt sông. Ngàn lo lắng ngước nhìn bầu trời đen thẫm, không một ánh sao.

- Sắp có mưa đấy, anh Viễn ơi !

- Mưa cuối năm không lớn đâu.

- Nhanh lên, em phải về nhà trước lúc trời mưa.

Ngàn chạy nhanh xuống chân cầu để ra bãi giữ xe, Viễn chạy theo trong tiếng sấm động và không khí lạnh như ào tới choàng lấy hai người.

***

Viễn về nhà đã hơn mười giờ đêm. Yến ngồi đợi anh ở phòng khách, cất giọng trách móc :

- Anh đi đâu, bây giờ mới chịu về ?

- Đi chơi, có gì không nhỏ ? - Viễn bình thản hỏi.

- Tất nhiên là có chuyện em mới thức chờ anh, không thôi em đã ngủ mất đất rồi !

- Chuyện gì ? - Viễn hỏi.

- Mọi sự đảo lộn hết rồi. Liên quan tới anh đấy !

- Nhỏ nói cái gì anh không hiểu !

- Chị Xuyến về nhà rồi. Nhưng anh biết ai đã đưa chị Xuyến từ nhà thương về nhà không ?

- Không phải em sao ?

- Em có mặt trong bệnh viện, nhưng người đưa chị Xuyến về nhà là anh Thông !

Viễn ngồi lặng đi đến hơn 10 phút. Anh buông ra một câu ngắn gọn đầy vẻ bàng hoàng :

- Chuyện này thật kỳ lạ ! Tại sao vậy chứ ? Thế mà Xuyến bằng lòng ?

- Phải nói là chị ấy rất xúc động nữa là khác. À, chị ấy còn gửi cho anh một lá thư nè.

Yến đưa cho Viễn cái phong bì dán kín. Từ ngày quen nhau, đây là lần đầu tiên Xuyến biên thư cho anh. Viễn hồi hộp xé phong thự Mấy tờ giấy chi chít những chữ, những con chữ ngả nghiêng, có lẽ được Xuyến viết ra trong tâm trạng bất ổn, hoặc đang xúc động. Trong lúc Yến đưa mắt theo dõi phản ứng của Viễn, anh lặng lẽ đọc thư :

" Anh Viễn !

Em sắp rời bệnh viện về nhà. Thật ngạc nhiên và xúc động, người tới với em trong giờ phút này không ai khác hơn là Thông. Anh ấy chẳng nói gì, chỉ tặng em một bó hoa hồng và đề nghị đưa em về nhà. Lúc ấy, có em gái anh bên cạnh, có lẽ Yến cũng ngạc nhiên không kém gì em. Những ngày nằm đây em có thời gian sắp xếp lại mọi chuyện. Em như người thoát chết nhìn lại quá khứ và chưa bao giờ cảm thấy sáng suốt như bây giờ. Em nhận ra quan hệ giữa chúng ta chẳng khác gì một trò chơi trong tháng ngày nhàn rỗi, nhận thấy anh và cả em hiện lên với đầy đủ mọi góc cạnh rất buồn cười.

Thôi, vậy cho xong, dẫu buồn ít phút trong hiện tại mà thanh thản vĩnh viễn về sau ! Cám ơn anh đã không đến thăm trong những ngày em nằm đây. Em sợ tất cả những người quen biết và thật ra sợ nhất là anh. So sánh anh và Thông thì bây giờ em mới nhận ra, Thông yêu em nhiều hơn anh. Anh hờ hững, lạnh nhạt. Thông yêu em điên cuồng, cho dù vì thế anh ta đã cố chiếm đoạt em bằng thủ đoạn. Em thích được người ta giành giật hơn là bị hờ hững. Mặc dù thù hận, oán ghét Thông, nhưng em lại yêu Thông. Ai ở vào trường hợp em rồi cũng sẽ hiểu ra mà thôi... Bây giờ lòng em thanh thản lạ kỳ.

Ra viện, em như một con người mới. Lẽ ra, em âm thầm giải quyết lấy mọi chuyện giữa chúng ta, nhưng dù sao cũng phải biên cho anh mấy dòng. Em dự định hoãn chuyến bay, ở lại để chuẩn bị làm đám cưới với Thông, sau đó tụi này sẽ đi vào một chuyến khác. Anh có thể giải thích mọi chuyện cho hai bác bên nhà hiểu, và nếu cần cứ nói rõ lỗi ấy là do em gây ra, chẳng sao cả... Chắc có lẽ chúng ta không gặp nhau nữa, em đã nhận lời kết hôn với Thông...

Có những điều làm mình ngạc nhiên bây giờ, nhưng dần dần sẽ không còn ngạc nhiên chút nào. Em biết bây giờ anh đang tự hỏi nhiều điều về em, cũng như còn dằn vặt tự hỏi về chuyện đã xảy ra. Đừng lừa mình nữa, cũng đừng tự dày vò mình làm gì. Hãy chấm dứt trò chơi khi nó đáng được chấm dứt, thế thôi ! Biết làm sao được, tính của em cứ như thế và mãi mãi thế thôi... Em sẽ nhờ Yến chuyển cho anh bức thư này để em thực sự yên lòng với những ngày sắp tới. Một lần nữa chúc anh lên đường vui vẻ.

Xuyến".

Viễn thừ người. Anh bật quẹt châm lửa đốt bức thư của Xuyến mà anh không muốn giữ. Nhìn những dòng chữ bị lửa cháy sém dần, anh buồn bã như vừa đánh rơi một vật kỷ niệm mà biết chắc rằng sẽ mãi mãi không thể nào tìm lại được.

TỪ KẾ TƯỜNG

truyện ngắn

SỢI TÓC

QÚY THỂ

Đến cửa rừng Trình đưa mắt nhìn ra một vùng đồi tranh bát ngát, hoàng hôn cũng vừa xuống đầy. Núi đồi và cả cảnh trời buổi chiều hôm nay đều nhuốm cái màu đồi tranh mùa khô , một màu vàng xao xác quạnh hiu. Những áng mây chiều giờ đây hãy còn lang thang rong chơi chưa chịu về nơi ngủ đêm. Một đám mây rất to , màu hung hung như được tạo nên bằng bụi đất đỏ Tây Nguyên. Đám mây có hình con mèo ngồi trên đường chân trời uốn lượn như sóng mờ xa . Chốc chốc giữa lòng nó sáng lòa lên như chiếc đèn lồng phất bằng giấy màu. Trình thầm lo, không khéo cơn mưa sẽ lần mò tới đây. Đêm nay ngủ ngòai trời lại ướt như chuột lột, chỉ còn nước quấn tấm nhựa nằm giữa trời chịu trận . Cái ba lô đeo trên lưng không nặng nhưng cồng kềnh lắm, muốn đặt xuống không dễ. Anh đi đến tổ mối đùn lên như cái mả con ,quì xuống, tựa lưng vào nó, nghiêng vai, thóat ra khỏi hai quai đeo. Trình đứng lên vươn vai thở ra khoan khóai, giống con ốc sên núi trút cái vỏ khổng lồ trên lưng .

Anh xoay một vòng nhìn khắp nơi, thấy lạ, chẳng có núi cao rừng xanh gì cả, chung quanh một vùng rộng lớn chỉ tòan đồi là đồi. Đồi chập chùng, thoai thỏai trải dài đến chân trời .Thỉnh thỏang mới trồi lên vài thân cây cây lẻ loi, tán lá cắt bằng đầu như mặt bàn , trông rất giống cảnh vật ở Phi Châu ở trong phim ảnh . Trình để ý , ngay từ lần đầu tiên đến vùng Tây Nguyên , anh thấy hình như đã lên đến đỉnh cao, núi non cũng hết cả hơi sức , khom xuống làm đồi . Núi chỉ cao , và cây rừng cũng chỉ rậm rạp ở vùng đất giáp ranh cao nguyên và bình nguyên . Lên đến đỉnh rồi chỉ có những đồi thoai thỏai trải dài đến ngút mắt, lọai địa hình nầy thấy rất rõ ở Kon Tum, bắc Pleiku, vùng giáp ranh hai tỉnh Đăk Lak và Pleiku, dọc con đường 14 . Nguyên nhân chỉ vì thời tiết nơi đây

khắc nghiệt vô cùng . Mùa nắng kéo dài hơn mười tháng , mọi cây lớn không tồn tại qua nổi cái nóng và khô hạn gắt gao đó , chỉ có cây thân thảo, lòai cỏ , vòng đời là một năm thì còn. Cây thân mộc không tồn tại nổi, muốn có cây thuộc lòai cây gỗ con người phải tiếp tay trồng và săn sóc, ấy là vườn cây, vườn cà phê , vườn cao su và cây ăn trái trong những đồn điền của người Pháp. Trình nhìn quanh, tìm nước, ở những nơi trũng cỏ tranh vẫn úa vàng, chứng tỏ trong lòng dất chẳng còn chút hơi ẩm nào . Lúc này đã qua mùa mưa mấy tháng , gần tết, đồng cỏ đang vào giai đọan héo tàn, chỉ sợ lửa, một cái tàn thuốc cũng có thể tạo ra biển lửa . Trình nghĩ , kiểu này chẳng hi vọng có suối , nước uống thì còn độ nửa bi-đông , nhưng nước tắm rửa thì chịu khó ngày mai đi thêm nửa ngày đường nữa sẽ đến buôn người Êđê nào đó may ra có suối , tha hồ tắm.

Anh nhìn chung quanh tìm chỗ mắc võng , chẳng thấy , chung quanh là tranh và những bụi nhỏ. Không có cây thân mộc nào để mắc võng .Trình nghĩ , thôi chịu khó "ăn chay nằm đất" Anh lấy lương khô ra ăn , uống mấy hớp nước rồi lo chỗ ngả lưng . Anh tháo cái chăn len quấn lại như bó giò cột bên hông ba lô, để thò ra đôi đũa, cái ca uống nước. Cái chăn len này là len thực , nhẹ và ấm lắm chỉ có điều nó dày, cồng kềnh không thể bỏ trong ba lô . Khi từ giả gia đình vào nam, mẹ anh nghe nói đi B, là lên rừng Tây nguyên giá rét lắm, bà đọc sách thấy người ta nói mây bay đến cả chỗ ngủ , sợ con rét bà nhường Trình cái chăn , còn bà nằm ổ rơm chống lại mùa rét đất bắc .Nhiều tháng sau đắp chăn Trình vẫn còn ngửi thấy mùi người mẹ , mùi người cọng với mùi cao sao vàng , dầu gió và đủ thứ dầu người già thường dùng . Đó là mùi đầm ấm của gia đình, và cũng là mùi quê hương thân thương đến muốn khóc . Trình đặt tấm nhựa xuống phía dưới , trải tấm chăn lên trên . Anh tính một nửa lót lưng, một nửa đắp , anh cười : "Màn trời chiếu đất" ấy là chuyện thường tình đời chiến sĩ.

Anh nằm xuống, ngửa mặt nhìn trời. Giờ đây ánh sáng trên trời đã dịu đi, không còn chói mắt và trông lên cao chẳng thấy chóng mặt nữa. Những áng mây lang thang đã phai nhạt cả ánh sáng , giờ đây ngả màu sậm hơn, ấy là màu đất, chúng đang trôi theo gió trên cao, chơi trò tản ra và tụ lại nhiều lần, khiến anh nhớ tới thành ngữ "bèo dạt mây trôi" , buồn vì giờ này một mình nơi chốn đồng không mông quạnh hoang vắng cỏ vàng khô héo rì rào trong gió chiều. Chung quanh anh không một bóng người , gia đình đã không mà anh em trong đơn vị cũng chẳng có ai cùng với anh trong lần đi công tác về vùng địch hậu này. Những áng mây đậm đặc tụ lại tạo nên nhiều hình tượng kì dị , người , đồ vật và những con thú , có cái tồn tại khá lâu , có cái tan ra trong chốc lác , thực là cảnh " mây chó " vân cẩu. Trình tự nhủ, mới chừng năm sáu giờ chiều ngủ sao được ? Dậy đi chơi , anh ngồi dậy , cầm súng đi chung quanh xem xét chỗ mình sẽ ngủ lại đêm nay, tự hứa khi nào hết giặc , có dịp trở lại Tây Nguyên thế nào cũng quay lại chốn này, ngồi trên lớp tranh khô làm bài thơ, kiểu thơ bi tráng , hào khí ngút trời lẫn nỗi buồn dịu vợi. Nơi đây giữa cánh đồng tranh hoang dã bạt ngàn, xa mọi con đường, chắc chắn không có ai đi qua . Không sợ địch, chỉ ngại thú dữ. Khẩu AK trong tay làm yên lòng .Trên đồi hoa dại hoa đêm bắt đầu tung hương dụ dỗ lòai buớm ong đêm , trong đó rõ nhất là mùi dũ dẽ , một thứ hoa cánh dày mo , màu vàng pha lẫn nâu nhạt thành màu đất sét , có làn hướng đậm sắc mát rượi như chúng được tạo nên bằng lọai sương chiều tinh khiết và bốc hơi mạnh mẽ nhất.

Có tiếng sột soạt trong bụi cỏ .Trình giật mình chộp súng siết chặc, nghe ngóng một lúc, anh biết đó chỉ là tiếng động của lòai gặm nhấm , thỏ hay chồn bỏ chạy khi nghe tiếng bước chân người , chẳng có gì nguy hiểm đến nỗi cần một phát AK. Nằm ngủ nơi chốn đồi tranh hoang vu này may ra nửa đêm có hươu nai ra ăn cỏ , nếu có cây đèn săn hay ngọn đèn pin , có thể làm cuộc săn đêm được. Có thú ăn cỏ là có thú ăn thịt . Người ta nói cọp thường sinh sống vùng đồi tranh . Thế nhưng hơn một năm nay anh đã quen với rừng , anh chưa thấy thú dữ nên cũng không sợ cọp beo. Anh nghĩ , nếu có , chúng nó sẽ bắt nai , tha mình , thịt người làm sao ngon bằng thịt con hoẵng tơ bộ lông láng lẩy, bắp thịt săn chắc, mới nhìn thôi cũng đã thấy mềm ngon , phát

thèm. Chiều rơi xuống sâu thêm và đã chịu cho đêm tối thay chân. Những ngôi sao thi nhau lấp lánh. Dù biết mới chặp tối không thể ngủ được, nhưng cuốc bộ cả ngày, cặp giò đã chán đi đứng . Anh lại chỗ tấm chăn len, ngồi khoanh tay một lúc, tự để thân mình ngả ngửa ra, hai tay vẫn còn ôm gối. Xa xa vẳng tới tiếng cồng chiêng . Trình lắng tai nghe, âm thanh chất đồng trong những nhạc cụ của rừng hoang này kì dị lắm, hình như chúng theo ngọn gió chiều bay đến , khi mờ khi tỏ , thực mà như hư . Anh lấy làm lạ , một vùng đồi phẳng lặng trong buổi nhiều không khí khô và lõang như thế này làm sao mang được tiếng nhạc núi rừng đi xa đến thế này ? Gần đây Trình nghe người ta nói về việc bọn xấu đi lùng sục trong mấy làng gười dân tộc mua gom cồng chiêng, bán ra nước ngòai . Không hiểu bọn họ mua về làm chi, hay chỉ để treo nơi phòng khách sang trọng . Bọn đi mua lúc đầu trả giá thấp , sau trả cao dần lên , nếu chủ không bán , chúng chịu khó đi vào mùa giáp hạt , mùa thất bát , tội nghiệp dân chúng đói khổ , lúc ấy bao nhiêu người ta cũng bán để có cái cho con ăn. Bọn thu gom khéo lắm , đôi khi chúng còn đem đến máy cát xét , băng nhạc tây mỹ tới đổi , bọn thanh niên ham ăn cắp của cha mẹ ông bà đổi lấy , chẳng mấy chốc nền văn hóa bản địa bị mai một . Đứng trước một công trình văn hóa tráng lệ như thế lại sắp mất , thử hỏi ai không xót xa ? Trình còn nghe có một vùng sử thi tây nguyên to lớn, hàng nhiều chục bộ sử thi, mỗi bộ là áng văn chương hùng tráng tuyệt mỹ, Anh tự hẹn sau này có thời gian sẽ tìm hiểu .

Lúc nảy ngắm mây, bây giờ nhìn sao. Sao nhiều vô số . Anh bắt chước những nhà thiên văn chia sao ra làm ba loại theo độ sáng . Nền trời hóa đen , sâu và trong như tranh sơn mài , tất cả những ngôi sao như đang trôi trong dòng sông bạc , dãy ngân hà vấn vương là dòng sữa nhàn nhạt vắt ngang lưng trời . Bầu trời đêm còn chứa đựng nhiều thứ nữa. Có những ngôi sao nhỏ như những chấm sáng , những ngôi sao mờ nhạt hơn , những ngôi sao nhỏ hơn nữa và cuối cùng là những ngôi sao như bụi cám , có phải chúng nó là sao hay không ? Người ta nói mỗi một chấm sáng mong manh đó là một hệ như hệ thái dương , có cả sự sống , có cả niềm vui lẫn nỗi buồn , hạnh phúc khổ đau kiếp người. Đã là người thì ở đâu cũng chẳng thóat được định mệnh . Vậy nơi nào có một thằng người cô đơn nằm trong trảng cỏ cuối mùa mưa xao xác như mình đêm nay không ? Những ngôi sao bắt đầu mờ nhạt hơn, tất cả rùng mình khiêu vũ trong giấc ngủ của chàng trai hai mươi . ..

Cả ngày đi bộ mệt nhọc , tối lại anh ngủ rất ngon. Hình như lúc nửa đêm gần sáng khi sương xuống lạnh nhất, khi anh loay hoay quấn tấm chăn lại cho ấm thì bỗng có giọng nói :

- Anh ơi, lạnh quá, cho nằm chung với !

Trình không đáp và cũng chẳng có thái độ gì và cũng không mở mắt , người ấy hỏi cho có lệ, không đợi đồng ý , nhè nhẹ đặt lưng nằm xuống cạnh anh, chưa dám kéo, hắn nằm ở ngòai tấm chăn. Sau đó anh nhớ hình như cái chăn bị kéo , anh nhớm lưng để họ kéo về phía ấy dễ hơn . Hình như suốt đêm kẻ ấy cựa quậy , có lẽ vì rét . Có khi nằm lấn sát vào người anh , cũng có khi dang ra xa. Có lúc bạo dạn hơn ôm cả người anh . Một mùi nồng nồng lạ mà quen . Trình xưa nay không quen ngủ chung với người khác , bị ôm rất khó chịu . anh xoay mặt đi để kẻ đó ôm lưng mình . Không rõ tấm chăn len có đủ rộng cho người ấy đắp hay không ? Có lẽ không , nhưng biết tính sao ? Nếu cả hai cùng nằm đất thì đủ nhưng nhưng nơi đây đầy đá cuội , bụi cỏ gốc cây , cấn lưng lắm .

Tất cả những sự việc trong đêm về một người đến xin nằm chung, anh không rõ nó là chuyện của giấc mơ hay sự thực . Anh luôn luôn dùng chữ “hình như” để chỉ hiện tượng mơ hồ nằm giữa thực và mơ này. Gà rừng ngủ trong trảng cỏ, thấy vừng đông sáng lên gáy rang .

Trình giật mình thức dậy, hoang vu vắng ngắt, đêm qua chỉ có mình anh trên đồi tranh. Việc có người đến xin nằm chung , trai hay gái cũng chỉ là giấc mơ , một giấc mơ như mọi giấc mơ , giấc

mơ thì luôn luôn dễ chịu . Riêng giác mơ này không đẹp không xấu. Anh ngẫm nghĩ một lúc tự nhủ , sức trai tráng mơ thấy như thế là chuyện không lạ . Có khi còn nằm thấy nhiều cảnh tượng kì dị hơn nữa. Những thèm khát bị dồn nén ban ngày , đêm tới bùng lên thành giấc mơ đầy tính dục là sự thường . Anh sờ thử thấy quần không bị ướt, tự nhủ, còn may, nếu không ngày mai băng rừng sao nổi .

Trình dỡ tấm chăn lên , nhìn xuống đám cỏ đêm qua thấy bị đè rạp xuống . Lúc đầu anh nghĩ , thì mình nằm lăn lộn đè lên nó chứ ai ? Không phải , chỗ cỏ bị đè bẹp rộng lắm , anh đặt lưng nằm bên này kia mà . Anh hơi phân vân , xưa nay anh không có tật nằm ngủ lăn lộn . Anh đưa tay sờ thử , những lá tranh khô vẫn còn giữ hơi người . Mặc dù hơi nóng rất mong manh nhưng trong một buổi mai lạnh lẽo như thế này vẫn còn nhận ra được . Anh nghĩ , thắc mắc làm chi , hơi mình chứ hơi ai ? Đời này làm gì có chuyện hồ li đêm lại cám dỗ học trò như trong truyện Liêu Trai ?

Trời đã sáng , bên ngòai sương còn lãng đãng sà xuống rất thấp lướt trên đồi tranh. Hôm nay chỉ còn phải đi một đọan ngắn, Trình chẳng vội , muốn nằm ráng một chốc nữa , ở giữa rùng có ngủ muộn cũng chẳng ai cười . Trình kéo chăn lên trùm đầu . Trong chăn thoang thỏang hơi lạ , trước đây chỉ có mùi mẹ ,không bao giờ có cái mùi này , mùi người không biết đó là nam hay nữ . Hình như kẻ đó có hút thuốc, nồng nồng mùi thuốc lá , không phải thuốc lá thơm của dân thành thị , thuốc còn nguyên lá , có thể còn tươi mới héo, giống như đi vào căn nhà chật trên trần hong đầy thuốc lá tươi mới hái từ vườn vào. Trình tin ở nhận xét và cai mũi của mình , lầm lẫn sao được. Anh lắng nghe , ngẫm nghĩ , đúng là mùi người . Người nào ? Chẳng lẽ đêm qua có một người đàn ông hút thuốc xin vào nằm chung đắp chung với mình chiếc chăn này ? Anh tạm thời tin ấy là một chàng trai người dân tộc nào đó , chỉ có con trai lỡ độ đường mới mạnh dạn như thế , và chàng ta đã không chào hỏi gì cả, ra đi khi trời còn tối . Không phải cô gái vì những cô gái thường không có mùi thuốc lá . Anh cũng có chút kinh nghiệm về hương mấy cô gái. Mấy cố gái đẹp thành thị bao giờ cũng xức nước hoa . Anh không có nhiều kinh nghiệm về tên gọi những loại nước hoa . Gái quê thường thường ủ hương ngọc lan , hương chanh , hương bồ kết , hương bưởi trong người trong tóc . Cũng có người dùng dầu xức tóc cho trơn . Thường gái quê dùng dầu , tùy vùng , có nơi là mùi dầu dừa , dầu phụng , thường nghe rất rõ trong những đêm văn nghệ làng . Anh đang còn phân vân chưa rõ hư thực thì có vật gì làm nhột trên má . Anh đưa tay sờ mặt kéo ra . đó là một sợi tóc . Đưa lên sáng coi, một sợi tóc dài. Như thế rõ ràng kẻ đó là một cô gái . Sợi tóc đen nhánh, đen như than đá vỡ , sợi tóc hơi xoăn cứng chắc , ấy là kiểu tóc của những cô gái người dân tộc Tây Nguyên , cũng hợp lí vì vùng này không có người kinh . Ôi đêm qua có cô gái đến nằm chung , kì dị làm sao !

Trình không nở bỏ sợi tóc, anh quấn nó vào đầu ngón tay trỏ bên trái , hẹn rồi sẽ lấy giấy gói lại đặt vào sổ nhật kí, để ghi nhớ kỉ niệm về một chuyến đi . Anh ngồi dậy thu dọn, lên đường , lòng tràn ngập hồ nghi . Ai ? Hay là ma núi ? Ma mà đến ngủ ngoan hiền như thế cũng chẳng sao . Vừa đi anh vừa suy nghĩ, tiếc quá. Giá như mình biết, biết thì làm gì ? Chẳng lẽ ?...Song anh lại nghĩ cách khác, biết mà làm chi , không chừng rồi lại dẫn một cô gái dân tộc về phố. Anh lại cái gò mối làm như cách chiều qua đến đây trút cái ba lô, anh đeo dây ba lô lên vai , cong người gồng mình đứng lên , đi , tự nhủ , mình không làm chi cả như đêm qua thì rồi để sáng nay cũng nuối tiếc biết bao ! Anh bước đi, đôi chân thờ thẫn , lòng buồn man mát, một nỗi buồn rười rượi trong buổi mai trên đồi tranh hoang vu gió tan trong nắng mai...

Trình từ đồi tranh tìm ra con đường mòn nhỏ , con đường dẫn về phương mặt trời mọc . Con đường thoai thỏai đi xuống . Đang đi Trình nghĩ, thế nào cũng gặp suối . Chiều qua mình ao ước tắm , gặp được suối thì hay biết bao nhiêu . Đi thêm một đọan nữa quả nhiên gặp suối chắn ngang . Đây là một dòng suối khô , chỉ có bùn ướt và nhiều tảng đá lớn nổi lên giữa suối . Trong vùng

bùn lầy nhiều vét chân , chân người và cả chân thú . Thú gì thì Trình không nhận ra. Trên mặt một tảng đá khô lộ lên giữa lòng suối có dấu chân bùn đã khô, dấu chân như chân con mèo lớn . Trình lạnh người , hổ ? Cầm súng theo thế có thể bắn ngay . Trình thất vọng về việc không có nước tắm , anh bước vội lên dốc. Giữa đường mòn có một quyển sổ . Sổ bằng loại sổ người ta thường dùng làm sổ công tác . Trình nhặt lên , người nào vô ý đánh rơi , chắc họ có đi tìm nhưng không đi qua nơi đây

Quyển sổ đã được viết kín chữ. Bìa sau mất, hình như một vài tờ giấy sau cùng cũng bị xé mất , những tờ còn lại bị cái gì đó , chắc là gai rừng cào cấu làm rách xơ xác , dính dầy vết nâu đất đỏ ba dan. Qua khỏi đọan nguy hiểm Trình ngồi lại bên đường nghỉ , mở sổ ra xem. Lạ quá không có vẻ gì là một quyển sổ công tác ghi chú những số liệu và việc công . Từ đầu đến cuối được ghi kín chữ , hình như thơ . Xem kĩ chưa phải thơ , nó không có vần , một lọai thơ còn ở dạng thô sơ ghi lại sự kiện , ý tưởng . Anh đọc thấy những câu tương tự :

- Đầu Mbông không gội không chải

Đầu đầy đất trồng gừng cũng mọc

Đầu đầy bụi trỉa lúa cũng mọc...

....

Mắt đen hơn rắn than

Mắt đỏ như hoa vông

Miệng tròn như ống tên

Môi đỏ như trái tơ neng

Mũi giống miệng con rắn mây

...

Nhiều lắm , hàng ngàn câu như thế , đầy những hình ảnh ý nghĩ kì dị , thuần khiết của một tâm hồn đôn hậu chất phát ,nếu ngâm nga suốt đêm không hết. Lạ nhỉ , một dạng văn học mới mình chưa biết . Trình mở ba lô toan cất để lúc rỗi lấy ra đọc . Song lại nghĩ , quyển sổ chắc là quí lắm đối với chủ của nó . Thôi trả lại cho họ . Anh đặt quyển sổ lên cỏ ven đường , nơi có thể nhìn rõ nhất và lên đường.

Đến trưa anh gặp buôn làng người dân tộc Edê . Trình vào trong buôn gặp già làng . Họ tiếp đãi và giúp đỡ bộ đội hết lòng . Anh ở lại buôn nửa ngày và một đêm , sáng hôm sau anh lên đường . Già làng giữ lại , anh nói :

- Đi cho kịp công tác ,trễ rồi !

Già làng nói :

- Tối nay làng làm lễ cơm mới, có đâm trâu , mổ heo , kể *khan* hay lắm . Dân làng thức suốt đêm trong lễ hội này.

Anh hỏi :

- Đâm trâu , kể *khan* à ?

Già làng :

- Ở lại nghe con Hơ Lim kể *khan* hay lắm .

Anh hỏi :

- Kể *khan* là sao ? Hơ Lim là ai ?

Già làng :

- Đâm trâu làm lễ ăn uống xong rồi dân làng tụ tập trong nhà rông , nghe Hơ Lim kể *Khan* , nó nhớ và kể ra cho lũ làng câu chuyện những người anh hùng diệt ác trừ bạo giúp dân giúp buôn làng giàu mạnh no ấm . Hơ Lim có trí nhớ tốt lắm , nó có thể kể cái *khan* dài như *Chi Mah Rubúc Buai* trong bảy đêm liên tiếp

Trình hơi phân vân , hay quyển sổ mình nhặt trên đường là sổ ghi chép *khan*, chắc đó là trường ca hùng tráng . Già làng cho anh biết Hơ Lim hai mươi lăm tuổi , có cha , có ông là người chuyên kể *khan* cho buôn . Nghe nơi đâu có *khan* mới nó tìm đến chép về học thuộc kể cho lũ làng nghe . Cách đây ba ngày nó nghe cô Hơ Năm Niêk , nói ở buôn Ya Tul huyện Chư Mơ Nga có một bản Đam San khác , dài hơn , đầy đủ hơn Đam San của ông tây Sabatier sưu tâm và công bố từ năm 1927 . Con Hơ Lim đi tìm gặp già làng Ai Bưi xin học *khan* Đam San mới . Nó nghe người ta nói Đam San mới hay hơn bản cũ , có thêm phần đầu , cái phần kể lại thời Đam San còn niên thiếu , còn Đam San cũ chỉ bắt đầu vào đọan Hơ Nhí , Hơ Bhí nhờ người đi bắt cái chồng là Đam San . Bản mới lại thêm phần kết nói đến phần kết là cháu của Đam San đi tìm bố của nó là Đam Pac Quây... Con Hơ Lim nghe vùng nào có Khan dù xa xôi nguy nan cách mấy , dù là Khan của các dân tộc khác nó cũng đi tìm cho được , Tội nghiệp , làng này không có nó không còn ai nhớ khan , kể khan , tìm khan , chẳng mấy chốc thì mất tất cả . Ta thấy lâu nay cái ăn , cái mặc , cái hát xướng đều theo mới , bỏ dần cái cũ rồi nay mai lớp người già ra nhà mồ nằm nhìn mấy cái tượng gỗ nhà mồ thì mất tất cả . Nghĩ mà buồn ... Đúng ra nó phải trở về sáng hôm nay hay chiều hôm qua , sao mãi đến giờ này chưa thấy , cả buôn lo quá .

Già làng rủ Trình qua nhà Hơ Lim . Hai người đi , cuối làng có ngôi nhà sàn nhỏ, đứng bên ngòai thấy ngôi nhà nghèo nàn rách nát, bước vào Trình thấy một người đàn ông đóng khố , ở trần nằm ngủ trên sàn sàn nứa bên đống đồ ăn do hắn mửa ra , bên cạnh hắn có con chó mực đứng liếm thức ăn . Cạnh đó có cái máy hát mở nhạc vàng , nhạc tây inh ỏi nhưng chủ nhà ngáy như kéo bể . Già làng nói :"Thằng này nó bắt vợ ăn mặc theo kiểu mới , không cho mặc xà rông , bắt cắt tóc ngắn uốn lên cao , bắt vợ học hát nhạc mới , không cho kể khan nữa , hắn nói thứ đó cổ lổ , buồn lắm , làm không có tiền ..." Già làng thấy cảnh đó giận lắm đá vào hông , kêu hắn dậy , nói :"Y Mốc dậy đi tìm vợ mày đi , say sưa cả ngày !" Y Mốc không ngồi dậy , nằm ú ớ và ngủ lại . Già làng đá vào hông hắn mạnh hơn , lần này hắn ngồi hẳn dậy , nói :"Nó không chịu về đâu. Gần đây nó không chịu ngủ nhà , chiều lại ra chòi canh rẫy mà nằm" Đứng nơi đây Trình nghe đầy mùi nồng nồng , anh chợt nhớ lại cái mùi sáng hôm nay anh nhận ra ở trong chăn . Nhìn lên Trình thấy có nhiều cây sào gác ngang dọc phơi đầy thuốc lá chưa khô hẳn , một nơi khác , dưới chỗ đặt bếp , trần nhà đầy bồ hóng có treo rất nhiều chùm ớt khô . Già làng không nói gì nữa dẫn anh về .

Già làng nói , Hơ Lim gái đẹp , gái tốt lại đi bắt cái chồng là thằng Y Mốc .Thằng này xấu lắm , không chịu xách rựa đi làm nương rẫy trỉa bắp trỉa đậu , mọi việc lớn nhỏ trong nhà đều giao cho vợ . Còn hắn chỉ quen đi gài bẫy bắt thú rừng về bán cho mấy quán đồ nhậu ở Buôn ma Thuột . Người Thượng cũng gài bẩy nhưng dùng cành cây trong rừng , dây leo , chỉ bắt được mấy con thú già thú yếu . Còn hắn thì học được cái cách lấy dây cáp với lò xo, gài bẫy theo kiểu này ác lắm bắt

hết thú rừng . Đến cọp dính bẫy cũng chịu . Trong vùng đồi cỏ tranh này có con cọp màu xám , có vằn đen như tàu cau nên lũ làng thường kêu là cọp tàu cau nó to nhưng hiền lắm , con gì của làng nó không động đến, không khi nào bắt chó , dê , trâu , heo của người Thượng . Ban ngày nó đi ngờ ngờ trên đường , bị bọn trẻ con ném đá thì bỏ chạy . Nó thường giúp người Thượng trừ bọn nai heo rừng quấy phá nương rẫy đỡ lắm . Năm kia cọp bị bẫy thắt bàn chân sau bên trái . Thằng Y Mốc mua dây cáp thắng xe làm bẫy thòng lọng , loại dây này đã mắc vào không làm sao cắn đứt được . Tội nghiệp cọp phải cắn đứt bàn chân mình mới thóat . Thằng Mốc thăm bẫy lượm được cái bàn chân cọp, đem về nhà phơi khô treo lên , ai tới cũng khoe . Con tàu cau thành cọp què , không bắt được thú rừng , đói quá phải lẻn vào buôn bắt dê , heo chó. Vào thời kì đó bọn lính sư đòan 23 của ngụy đánh nhau với Viêt cọng , lính bị thương , lính chết không được cứu , bỏ lại trong rừng . Cọp ăn xác người chết quen mùi , hóa hung tợn. Con cọp này nó thù thằng Y Mốc lắm . Sáng nào ở sân nhà nó đều có dấu chân cọp . Có lần thằng Y Mốc phơi cái khố tối không đem vô . cọp xé rách tanh bành . Thằng Mốc sợ lắm , ban đêm không dám ra ngòai đái trong cái ống nứa , ban ngày đi đâu cũng xách theo cái mác mũi mài rất bén để phòng thân . Dân làng thấy con HơLim thường ra chòi canh rẫy ngủ một mình , nói :"Mày ngủ với thằng Y Mốc người ngợm dính cái hơi nó , coi chừng !" Hơ Lim nói :"Lâu nay tôi không ngủ với nó"

Già làng than thở :"Con Hơ -Lim đi tìm khan , mấy ngày nay chưa về ta lo quá . Lạy Yang chỉ đường cho con nhỏ trở về , nó đẹp đẻ và dễ thương biết mấy ! Đến chiều nó không về lấy ai hát khan trong lễ cơm mới ? Trâu dê heo gà trống đỏ đã sẳn rồi . Trai gái trong buôn chỉ biết hát nhạc mới , sắm bộ trống với đàn tây tốt lắm , nhưng không có đứa nào biết hát khan ...

Trình mang ba-lô lên vai , theo cái thang làm bằng khúc cây có đẽo mấy chỗ đặt bàn chân , bước xuống nhà sàn . Anh bước đi trong ánh nắng ban mai . Anh trở lại con đường cũ , bên vệ đường , trên lớp cỏ xanh còn quyển sổ , như thế chứng tỏ không có người nào qua lại con đường này . Già làng nói rừng động mấy ngày gần đây , ai cũng sợ . Anh cầm quyển sổ lên dỡ mấy tờ giấy bị xé rách mà lúc đầu anh tưởng do gai rừng , bây giờ nhìn kĩ thì không phải , nó rách do móng vuốt lòai thú dữ cao cấu . Anh đưa lên mũi ngửi , mấy cái vết đỏ bầm mà lúc đầu anh tưởng là đất đỏ ba dan Tây nguyên , có mùi máu tanh . Không còn nghi ngờ gì nữa đó là máu của cô gái tây nguyên một mình lặn lội săn tìm khan *sử thi* bảo vệ nền văn hóa dân tộc ...Theo Trình , trên đường đem sử thi về buôn , lỡ độ đường , giữa rừng lạnh lẽo nàng vừa sợ thú dữ vừa rét đã xin nằm chung với mình . Trời chưa sáng nàng thức dậy bỏ đi và khi qua con suối cạn kia nàng đã gặp con cọp ba chân , con thú đã bị chồng nàng làm cho tàn tật , và nó được dịp rửa hận ...

Cả ngày và cả đêm qua anh không để ý đến sợi tóc vẫn còn quấn nơi ngón tay trỏ của Trình . Anh tháo ra , một sợi tóc đen mướt , lấp lánh như than đá vỡ, sợi tóc cô gái Tây Nguyên , kỉ niệm về một đêm ngủ trên đồi tranh hiện về , nao nao. Gió từ trong rừng thổi ra cuốn sợi tóc đi . Anh gọi với theo : " Bay đi , sợi tóc nàng Lim !"

QÚY THỂ

truyện ngắn

VỀ ĐÂU MÙA HÈ

NGUYỄN THỊ MÂY

Con gái xấu nhất có lẽ là sau khi thi, làm bài không được.

Tôi đón Gấm trước cổng trường, Thoáng nhìn, đã biết em có hy vọng trượt vỏ chuối.

Không còn là "Đóa hồng tươi thắm " mà tôi ví von, Gấm ỉu xìu như con gà nuốt dây thun. Hai má phụng phịu. Hàm răng trên cắn chặt môi dưới, run run. Cặp mắt mọng nước, nhìn xuống. Gấm siết chặt cái cặp trước ngực, lững thững bước như mơ ngủ. Tôi đứng trơ trơ đó mà em không thấy, lãnh đạm đi luôn.

Nửa buồn cười, nửa tội nghiệp, tôi cũng ỉu xìu hết mấy giây. May là có ai đó giẫm phải chân, đau điếng, tôi bừng tỉnh, vội đuổi theo em.

- Gấm!

Ngước nhìn, thấy tôi, em òa khóc. Bối rối, chẳng biết làm sao cuối cùng tôi cũng thốt được:

- Nín đi, anh thương !

Nói xong, tôi giật nẩy mình. Thế nào, Gấm cũng giận dỗi, bảo tôi là thằng cơ hội. Nhưng may mắn làm sao! Em mãi chìm trong đau khổ trước viễn ảnh tương lai đen tối nên không chú ý. Gấm vừa kéo tà áo dài lau nước mắt vừa tức tưởi:

- Hỏng rồi, anh ơi !

Trời ơi, giọng em than thở mới ngọt làm sao! Tôi lâng lâng sung sướng. Phải chi em còn thi thêm vài đợt tốt nghiệp nữa thì hay biết mấy. Tuy nhiên, tôi vẫn làm mặt đau khổ, an ủi:

- Tầm bậy, hỏng đâu mà hỏng. Mới thi có một môn đã hoảng lên rồi. Biết đâu, chiều nay em làm bài được!

Anh mắt Gấm thoáng vui nhưng tia hy vọng tắt ngấm ngay khi đó:

- Nhưng em dở văn lắm!
- Đừng sợ, lấy điểm Toán kéo qua.
- Môn Toán em càng dở.

Thiếu chút nữa tôi đã gắt gỏng:

- Môn nào cũng dở, thi làm quái gì cho mệt!

Nhưng tôi đã kịp điều chỉnh thành một câu khác mà chính tôi còn phải tự khen mình là thông minh:

- Lo gì, " Học tài, thi phận ".

Em có vẻ nguôi ngoai, đi sát vào tôi:

- À há! Biết đâu...vái trời Phật phò hộ cho em thi đỗ, em sẽ ăn chay ...một tháng!

Trời đất! Sao con gái đều một ruột như nhau, Hễ đi thi thì cầu đỗ sẽ ăn lạt. Làm sao chịu nổi. Như vậy chẳng có lợi gì cho trời phật mà còn thiệt thân. Cả một tháng không được nếm mùi thịt cá...Phải rau cỏ suốt! Gấm đã ốm chắc sẽ càng ốm thêm. Tôi xót cả ruột:

- Hồi đó, lúc đi thi, anh có nguyện:" Nếu đỗ sẽ cúng heo quay".
- Nhưng nhà em độ nầy sa sút, chắc không lo nổi.
- Em khờ quá, vái cúng heo chớ có phải nguyên con đâu.
- Vậy thì cúng gì?
- Cúng... một cái đuôi heo cũng được.

Gấm cười rúc rích:

- Ăn gian hén, tội chết !

Tôi thích chí xoa hai tay vào nhau , cười cười:

- Tội gì. Anh vẫn thi đỗ và sống nhăn răng nè.

Đang cười, Gấm chợt nhíu mày:

- Còn em chắc rớt quá! Hồi nãy, chữ hy- dro mà em viết lộn là ze-ro. Đúng là điềm xui.

Cắn chặt môi để không bật cười, tôi trấn an em:

- Nhằm nhò gì ba cái lẻ tẻ đó! Chữ hy dro hồi đó anh viết nhầm là si-ro mà có sao đâu.

Khúc khích cười, Gấm phát nhẹ vào vai tôi:

- Thôi, đừng có làm bộ, ông tướng ơi!

Đúng lúc đó, một chiếc xe máy đỗ sát bên chúng tôi, Gấm kêu lên: "Ba !".

Ông Thanh, ba Gấm vẻ mặt không vui , hầm hừ:

- Hừ, thi với cử mà ...lên xe, ba đưa về.

Chiếc xe lao đi, lòng tôi chùng xuống, xót xa.Tôi lủi thủi rẽ sang đường khác, tránh đi ngang nhà em.Tôi không muốn nhìn thấy đôi mắt ác cảm của ba Gấm. Chung qui chỉ tại cái nghèo. Ngoài giờ học, tôi phải làm thêm một số việc để giúp mẹ, nuôi sống gia đình.Tôi dạy kèm tư gia, chạy bàn cho quán cà phê, giữ xe đạp ở quán bia. Thật là xúi quẩy. Ông Danh gặp tôi ở đó. Ông gửi xe cho tôi để vào quán. Hôm sau, khi tôi đến nhà tìm Gấm, ông ra chận ở cửa, bảo :

- Con Gấm không có ở nhà.

- Dạ, xin phép bác, cháu về, khi khác...

Ngắt lời tôi, giọng ông nhòn nhọn:

- Này, cậu Kiên, sao cậu lại chọn một cái nghề đã không sang trọng còn lựa chỗ chẳng mấy trong sạch vậy cậu?

Phải gắng hết sức tôi mới không tuôn ra những câu hằn học:

- Thế nào là một nghề sang trọng vậy bác? Còn bác, vì cớ gì lại bỏ ra một số tiền để vào một chỗ chẳng mấy trong sạch?

Nhưng vì yêu Gấm, tôi im lặng. Đắc ý, ông Danh lại tiếp tục...lên lớp:

- Tuổi trẻ bây giờ sa đọa quá!

Nếu ông không là cha của Gấm thì tôi đã nhân danh cho tuổi trẻ đấm vỡ cái mõm kia. Tôi trừng mắt nhưng dịu giọng:

- Dạ, con sẽ noi theo gương bác, cố gắng sống tốt hơn.

Rồi không thèm nhìn khuôn mặt đỏ bừng, sượng sùng của ông, tôi bỏ đi. Từ hôm ấy, Gấm bị cấm cửa, không được gặp tôi.

Vì tự ái, tôi cũng tránh gặp Gấm, dù rất nhớ. Tôi vẫn tiếp tục giữ xe cho quán bia. Tìm ra chỗ làm đâu phải dễ . Tôi không thể để cho lũ em của mình đói cơm, rách áo. Cái sạp trái cây ở chợ của mẹ tôi đem đến một số lợi tức quá khiêm tốn. Còn ba tôi, ông chỉ biết có rượu, may là rượu đế và thỉnh thoảng cũng có ý định buôn bán. Bán nhà. Lâu lâu, ông bắc thang đính lên cây sầu đông trước ngõ một tấm bảng :" Bán nhà" Vài hôm lại trèo lên, gỡ xuống, them vào chữ:" Tại đây có bán nhà". Một lần, bực quá, tôi sinh ra hỗn, thét lên:

- Con lạy ba, ba đừng khoe nghèo, khoe suy sụp nữa!

Ba tôi nói trong cơn sật sừ men rượu:

- Nhà tao, tao bán. Thằng nào cản, tao đập vỡ sọ nó!

Tôi trở nên tàn nhẫn:

- Vậy thì ba chỉ cần ghi hai chữ " nhà bán" rồi treo trước cửa thì đúng hơn.

Tội nghiệp! Hôm sau ông lấy tấm bảng xuống, sửa lại thành "Nhà bán" rồi treo ngay cửa như tôi châm chọc.

Học và làm, làm và học. Giảng đường đại học rồi tư gia, rồi quán cà phê rồi bãi giữ xe. Bấy nhiêu đó đủ làm cho tôi chóng mặt. Tôi bị lôi vào quỹ đạo của bận rộn, tất bật. Nhờ vậy, tôi tạm nguôi nhung nhớ hay không có thời giờ nghĩ tới việc lén lút hò hẹn.Và, một tháng qua, tôi đã nguôi dần cơn giận dỗi, mặc cảm thua thiệt cũng mờ dần. Sáng nay, nhân lúc rỗi, vô tình ngang qua trường của Gấm. Tôi bàng hoàng nhìn cây phượng già đã chìa ra những chùm hoa đỏ thắm. Gió lay, vài cánh hoa rơi. Mùa hè đã về rồi đấy ư? Mùa chia tay, mùa thi...Tôi chợt nhớ hôm nay là ngày Gấm thi tốt nghiệp PTTH. Mới đó mà đã ba năm, ba mùa quen cũ . Ba mùa yêu êm đềm. Mới ngày nào, em thẹn thùng tay kéo nghiêng vành nón lá, tay kéo áo dài sau ra trước rồi bối rối buông lơi, quấn tà trước kéo về phía sau khi bắt gặp ánh mắt đăm đám nhìn của tôi. Chỉ có vậy mà tôi cứ hồi hồi hộp hộp mãi, cả tuần lễ lâng lâng trong niềm cảm xúc lạ thường.

Vậy mà bây giờ, một tháng trôi qua, tôi và em như nghìn trùng xa cách. Chỉ vì vô lý của ba em và nỗi bất lực của ba tôi cộng thêm cuộc sống đòi hỏi phải đấu tranh để tồn tại.

Hôm nay, đứng trước cổng trường em, tôi bổng nghĩ, để cho tình yêu cúi đầu trước những điều như thế thì cũng thật là vô lý. Sao tôi và Gấm không cố vượt lên trên nghịch cảnh để

đến với nhau.Tôi cảm thấy mình mạnh dạn hơn, can đảm hơn, tôi đứng chờ em tan giờ thi với trái tim yêu rực đỏ.

Nhưng, Gấm chẳng có vẻ gì buồn nhớ hay mừng rỡ lúc gặp lại tôi. Gấm mãi lo khổ đau về bài làm của mình, khiến cho tôi ngỡ ngàng , hụt hẫng. Em còn nhỏ và hồn nhiên quá! Tình yêu đối với em chỉ là một món trang sức làm duyên cho con gái. Chỉ tiếc, một thằng sinh viên nghèo như tôi không đủ sức làm đẹp đời em. Tạm biệt em, Gấm thân yêu! Tôi trở về chỗ của mình, nơi có cây sầu đông quanh năm cúi đầu ủ rũ.

NGUYỄN THỊ MÂY

thơ

GỞI VỀ CHO EM HỒI CHUÔNG

KIÊM THÊM

Anh muốn nửa đêm chèo thuyền ra giữa sông
Lặn lội hứng giọt sương thứ nhất và múc ngọn gió mát
Để em về pha mực viết cho anh thư tình thứ nhất
Quà lưu niệm tặng em

Anh muốn dọn nhà ra biển
Để đêm đêm chuyển hơi mặn đại dương gây thêm cho em cảm xúc
Hoặc anh chèo thuyền ra khơi hái mặt trăng cùng sao
Để em rung động con tim nói lời tình đầu

Rất có thể anh lên rừng hái đoá hoa man dại
Kết trên tóc em để em hãnh diện khoe với bạn bè
Niềm vui để em nhớ anh mãi mãi

Hay anh sẽ lên chùa gởi về cho em hồi chuông
Với tiếng ngân nga để em cảm xúc
Và gói cho em chút trầm hương
Em viết bài thơ tình chưa kịp viết ngày đó

KIÊM THÊM

truyện ngắn

CHUYỆN TÌNH THỜI MỞ CỬA

TRẦN TRƯƠNG

Chiếc máy bay của hãng Hàng không Vietnam Airlines rời đường băng, rùng mình lao vút lên không trung khiến hành khách như bị một bàn tay vô hình ghì chặt vào thành ghế. Khi nó đạt đến độ cao nhất định, hành khách trở về trạng thái ban đầu. Ông Lộc vừa nới rộng khoá dây an toàn đằng trước bụng vừa ngắm từng tảng mây màu xám nhạt trôi về phía sau qua ô cửa. Sau một năm, ông lại vào Sài gòn, nơi ông gửi một phần tuổi thanh xuân khi ông còn là chiến sỹ biệt động thành.

Ngồi bên ông là một người đàn ông tuổi trạc năm mươi có đầu húi cua kiểu Hàn Quốc. Bên cạnh ông ta là một cô gái trẻ, có lẽ chưa đến tuổi ba mươi. Thoạt đầu, ông Lộc ngỡ họ là cha con. Ở máy bay này, mỗi hàng ghế chỉ có ba chỗ ngồi, thành ghế cao lút đầu, người ngồi ghế sau chỉ có thể nhìn thấy chỏm đầu người ghế trước, vô tình tạo ra khoảng không gian kín đáo và riêng tư cho họ. Tiếng động cơ máy bay đều đều êm ru đưa ông chìm dần vào giấc ngủ.

- Ái...! Bỏ tay ra...! Người ta nhìn kìa! - Tiếng cô gái cố gìm cho nhỏ lại nhưng cũng đủ làm ông Lộc giật mình. Ông vờ nhắm mắt, nghe hai người đối đáp.

- Cứ... để... đấy! Làm gì được nào! Tới Sài gòn ta "tuần trăng mật" nhé !

- Mấy lần rồi... còn "trăng mật" gì nữa! Anh đã "xin phép" bà xã chưa?

- Xì... Đang "đi công tác" mà! Có trời mà biết được! Còn em?

- Cũng như anh thôi! "Đi... công... tác" ý mà!

Anh, ả ôm nhau cười ằng ặc.

Ông Lộc bấy giờ mới vỡ lẽ về họ. Tình ái bây giờ sao lộn xộn, không còn khuôn phép như ngày nào. Là người viết văn, dù chỉ là nghiệp dư, ông thấy buồn sau mỗi lần tận mắt nhìn cái cảnh kẻ lừa chồng, người dối vợ, trốn nhà tìm lạc thú ở nhau này.

Từ lâu, ông muốn viết chuyện tình thời "mở cửa". Không hiểu sao mỗi lần cầm bút, ông không viết nổi nấy một dòng. Ông thương người vợ đến não lòng. Vợ ông cả cuộc đời vất vả, thay ông nuôi con và nuôi mẹ, xa ông biền biệt chục năm trời mà lòng dạ vẫn không hề đổi thay. Khi

ông rời quân ngũ và tuổi cả hai đã xế chiều, ông mới được gần bà. Đã hai năm nay, bà vội nhàn du dưới suối vàng, bỏ cha con ông nơi trần thế, bỏ lại mẹ chồng tuổi tám tư.

Thằng Tài con ông năm nay ba mươi tuổi, có bằng thạc sỹ ngành quản trị kinh doanh. Ở địa phương ông, có bằng như nó xin việc làm không dễ. Gõ cửa xin mấy cơ quan, doanh nghiệp không đâu nhận, ông nhờ người bạn cùng quân ngũ trước bảy lăm (1975) tên là Tâm, đại tá về hưu đang sống ở Sài gòn tìm việc cho Tài. Ông Tâm rủ ông chung vốn mở công ty kinh doanh tại Sài gòn và cử Tài làm giám đốc công ty ấy. Tài ở Sài gòn đã gần một năm nay. Sau buổi làm việc ở công ty, Tài về chung sống với ông Tâm. Ông bà quý Tài như con đẻ. Họ hứa thay ông lo cưới vợ cho Tài.

Vợ chồng ông Tâm có cô con gái đã sớm lấy chồng tận Kiên Giang, cách Sài gòn hơn ba trăm cây số. Ông Lộc được dịp về Kiên Giang trong chuyến ông đưa con bạn về nhà chồng. Lần đầu trong đời, ông Lộc du thuyền trên mặt biển.

Cách đây nửa năm, thằng Tài gửi thư ra cho ông. Nó bảo nó đã gặp bạn đời. Bạn gái kém nó năm, sáu tuổi, tên là Hiền, vào làm tại công ty sau đợt Tài đăng tin lên báo tuyển lao động và Tài trực tiếp phỏng vấn tuyển chọn cô. Thằng Tài tha thiết mời ông vào Sài gòn. Nó gửi tiền ra cho ông đi máy bay. Bà nội của Tài bước sang năm nay trở bệnh già, thi thoảng ông Lộc đưa cụ vào bệnh viện cấp cứu. Vì thế, ông muốn vào gặp con dâu tương lai mà không được. Bà nội thấy Tài có người thương yêu thì mừng lắm. Cụ mong cho Tài sớm cưới vợ. Nó không cưới sớm, chẳng may cụ có mệnh hệ gì nó lại phải chờ đoạn tang xong mới cưới. Cái lệ làng này còn nặng lắm. Không theo lệ tục, người đời cười ê cho. Ở vào tuổi cụ, người ta đã có chắt nội vấn khăn màu đỏ chịu tang rồi. Vừa ra viện về nhà, cụ đã giục ông phải đi ngay tắp lự. Vài đêm mất ngủ trông cụ nằm bệnh viện, ông Lộc mệt lắm nhưng vẫn phải đi, cốt để chiều lòng cụ. Ông nhờ bà thím chăm cụ giúp rồi mua vé máy bay đến chỗ Tài. Ông giấu cụ chuyện con Hiền đã có thai với Tài vì sợ cụ biết cụ sẽ buồn. Cái thai đã được hơn năm tháng, đi khám siêu âm biết chắc là con trai. Bọn trẻ bây giờ hư đốn thật. Chúng coi tiết hạnh chẳng ra gì. Khi biết chuyện này, ông rất giận. Ông không nhận Hiền là con dâu.

Thằng Tài ra Bắc. Nó khóc suốt đêm van xin ông trông lại. Nó bảo nó thương con Hiền lắm. Hiền là người tình đầu của nó. Ba má của Hiền đều mất cả. Hiền rất ngoan, yêu thương nó hết lòng. Hiền giỏi kinh doanh. Phần nhiều công việc ở công ty, Hiền với nó chung vai gánh vác. Nó không thể sống nếu thiếu Hiền. Cái thai chính là con của nó, là cháu của ông, là chắt đích tôn của cụ nội... Giận thì giận vậy chứ thực ra ông Lộc cũng thấy nở nang từng khúc ruột. Ông ngầm vui khi được thằng Tài tấn phong lên cái chức ông nội. Kể cũng tội nghiệp, nếu mình chối bỏ, đời mẹ con Hiền sẽ ra sao? Dù gì cũng là giọt máu của con mình. Chúng nó trót ăn nằm với nhau lỡ có con, nếu chúng bỏ nhau không cưới sẽ là dâm, nhưng chúng cưới nhau lại là tình. Chuyện đã lỡ rồi, cưới quách chúng đi là xong chuyện! Cùng cảnh mồ côi, chắc hai đứa sẽ cảm thông, thương nhau lắm. Thằng Tài thương người, cả nể và tốt tính. Sinh ra nó, ông lạ gì tính nó. Tính nó có phần giống tính ông. Vợ chồng ông Tâm đứng về phía thằng Tài, ca ngợi con Hiền hết lời. Chuyến này vào Nam, ông sẽ quyết định ngày cưới chúng.

Ông lục túi áo, tìm phong thư Tài vừa gửi cho ông, lấy ảnh con Hiền ra ngắm mãi. Khuôn mặt con Hiền quả là xinh, trông quen quen. Trông quen là phải! Vào thời "mở cửa", phấn son mỹ phẩm điểm trang lên ngôi này, cô nào vào ảnh cũng như hoa hậu cả, khuôn mặt hao hao giống tựa nhau. Ông hình dung cái cảnh lần đầu ông gặp nàng dâu ở phương trời xứ lạ đang đứng nép mình vào con ông, e lệ chào ông, bất giác ông mỉm cười. Ông tận hưởng niềm hạnh phúc riêng tư của một người cha sắp được tạo hóa ban tặng người con gái suốt đời gắn bó với con mình, gọi mình bằng "cha", duy trì dòng giống gia tộc mình.

- Mời bác nhận phần cơm trưa ạ ! - Tiếng nói dịu dàng của cô tiếp viên hàng không khiến ông chấm dứt niềm hoan lạc. Ông biết giờ này máy bay đã đi được nửa đường. Ông sốt ruột. Có lẽ giờ này con ông và Hiền đang đứng đợi ông ở nhà ga sân bay. Ông vừa ăn vừa mong cho máy bay bay nhanh hơn để ông sớm đến được với chúng. Cạnh ông, anh ả vừa ăn vừa nô đùa rúc rích. Họ bón thức ăn cho nhau bằng một chiếc thìa chung theo kiểu người lớn bón cơm cho trẻ nhỏ. Ông Lộc vờ như không thấy gì, tựa lưng vào ghế, cơn buồn ngủ ập đến, đôi mắt nhắm, bên tai văng vẳng lời anh ả :

- *Nè*... thấy gì *hông* ? Bố già có *bồ* trong ảnh xinh quá *há* ! Chắc bố *dô* đây sống với *bồ* ? - Cô ả ngồi bên thì thào nói .

- Xì... Chưa chắc đã phải ! Các bố nhà ta *xưa cũ* lắm. Không biết *em ún* là gì đâu!

Tiếng anh, tiếng ả nghe xa lắc.

***

Ông thấy cảnh mình vào Sài gòn nhờ ông bạn Tâm lo công việc cho Tài. Ông Tâm vào Kiên Giang thăm *sui gia* chưa về, chỉ có bà Tâm là ở nhà. Chập tối, lưu lại nhà bà Tâm không tiện, ông Lộc nói thác đến chơi một nhà bạn, hẹn hôm sau sẽ quay trở lại nhà. Ông ra đầu phố thuê phòng nghỉ.

Đón ông tại quầy lễ tân là một cô gái đẹp, dáng người nhỏ nhắn, giọng nói ngọt ngào dễ thương, vẻ mặt buồn, có nốt ruồi nhỏ dưới bờ mi mắt trái. Cô ta cầm chìa khoá phòng nghỉ, mời ông lên lầu, xách túi hành trang lên phòng nghỉ giúp ông, đoạn hướng dẫn ông sử dụng các thiết bị trong phòng rồi xin phép trở lại phòng lễ tân.

Sau khi tắm xong, ông mở ti-vi xem thời sự, ngả lưng trên giường đệm êm ả, gối ga sạch sẽ, thoang thoảng mùi hương hoa thơm dịu. Trên tường trang trí nhiều bông hoa.

Có tiếng gõ cửa. Ông bật dậy. Cô gái lễ tân ban nãy mở cửa phòng bước vào, rồi cô nhẹ nhàng khép cửa lại. Cô hỏi ông có cần gì nữa không?. Ông nghĩ phòng nghỉ này khá tiện nghi, sang trọng, có đủ thứ: nào bình tắm nóng lạnh, nào ti-vi, nào kem đánh răng, dao cạo râu, điện thoại, nào tủ lạnh chứa đầy đồ uống, đôi dép xỏ chân, máy điều hoà nhiệt độ... Phục vụ ở đây chu đáo thật! Ông cảm ơn và bảo "không cần gì". Cô cười, đoạn bước vào buồng tắm. Tiếng nước vòi sen xả rào rào. Có lẽ cô ta tắm thì phải? Con gái Sài gòn "tự nhiên" quá. Dường như không biết thẹn là gì ! Ông Lộc vặn to tiếng ti-vi cho át tiếng nước vòi sen buồng tắm. Trống ngực đập liên hồi, ông dự cảm sắp xảy ra sự việc không bình thường. Cửa buồng tắm mở. Cô gái bước ra, quanh hông quấn chiếc khăn tắm màu hồng nhạt. Đến trước mặt ông, hai tay cô đặt nhẹ lên vai ông: "Anh nằm xuống đi... Em đấm lưng cho... !". Ông không điều khiển mình nổi nữa...

Ông nằm bên cô, lắng nghe từng câu xen tiếng nấc nghẹn ngào:

- Em tên Sa, quê ở Kiên Giang. Ba má em sống bằng nghề đi biển...

Nhà cô có bốn người: ba, má, Sa và cậu em trai. Cả nhà Sa sống trên chiếc thuyền gỗ cũ có cánh buồm nâu vá vài chỗ. Năm mười ba tuổi, Sa gặp nạn. Thuyền nhà Sa vừa ra khơi thì gặp một cơn dông lớn ập tới, không quay vào bờ kịp. Sa chưa quên cảnh kinh hoàng biển động, giữa trời mưa gió, hàng hàng lớp lớp sóng bạc đầu từ đáy biển dềnh lên ập xuống nhấn chìm thuyền, bứt Sa ra khỏi cột buồm, nơi chị em Sa đang mắm môi nhắm mắt ôm ghì chặt.

Tỉnh dậy, Sa thấy mình nằm trong một khoang thuyền lạ. Ba, má và em chẳng thấy đâu. Vợ chồng người ngư dân trung tuổi và lạ lẫm đã may mắn thoát được cơn dông biển và cứu được Sa khỏi chết chìm. Họ chưa có con. Sa thành con gái nuôi của họ. Sau mỗi lần đi biển trở lại đất liền, Sa thường cùng má nuôi đưa cá lên chợ bán. Một lần Sa ốm, không thể cùng má lên chợ được, Sa ở lại trông thuyền cho má và ba nuôi đưa cá về chợ. Khoảng một giờ sau, người ba nuôi bí mật quay trở lại. Ông ta sà vào khoang thuyền ôm ghì chặt lấy Sa. Mùi rượu, mùi hành tây từ miệng ông ta phả ra hôi nồng nặc. Sa sợ quá, hét lên. Gã cha nuôi đưa bàn tay to hộ pháp bịt mồm. Sa cắn vào ngón tay, vùng dậy, thoát lên bờ, cắm đầu cắm cổ chạy thục mạng.

Tỉnh dậy, Sa thấy mình nằm trên một tấm phản. Có tiếng chuông ngân cùng tiếng mõ, xen tiếng ê a dàn đồng thanh. Sau phút lặng im, bỗng vài người xuất hiện. Họ mặc áo màu lam, đầu cạo trọc, nhân từ, thân thiện đến bên Sa. Đó là các ni cô lần đầu trong đời Sa được gặp. Sa sợ, nép mình vào xó vách. Họ ân cần hỏi Sa từ đâu tới và vì sao bị ngất trước cổng chùa. Sa kể cho các ni cô nghe mọi chuyện, cả việc cha nuôi cưỡng hiếp mình. Ni sư trụ trì chùa thương cảm, nhận Sa ở lại chùa. Hàng ngày, Sa phụ giúp việc quét dọn, nấu cơm, bào chế thuốc nam, làm phước chữa bệnh cho người nghèo trong vùng. Sa được các ni cô dạy chữ và làm tính. Chỉ sau một năm, Sa đọc thông, viết thạo, làm được các phép tính thông thường. Sa được các sư khen thông minh, sáng dạ. Sa học chữ Nho, đọc hết kinh sách trong thư viện nhà chùa.

Tiếng đồn ở chùa mới xuất hiện một ni cô trẻ đẹp lan xa. Cánh con trai về chùa cốt để được nhìn Sa. Họ tìm mọi cách bắt chuyện với Sa mà chẳng được. Có đứa trồng si trước cổng chùa. Sa sợ tiếp xúc với đàn ông. Sa tha thiết xin ni sư trụ trì cho cô được xuất gia quy y Phật. Sư trụ trì bảo Sa còn nhiều duyên nợ nên không chấp thuận. Sa tự cắt tóc, ăn chay và sống ép mình như tu sỹ.

Chẳng biết ma quỷ nào đưa lối mà gã cha nuôi của Sa đã tìm được về chùa. Gã gọi "em Sa", đứng khóc ngoài hiên tới hàng giờ. Gã bảo gã rất xấu hổ và ân hận. Gã và vợ đã ly hôn được mấy tháng. Vợ gã nghi ngờ gã là thủ phạm về việc Sa bỏ trốn khỏi thuyền đi biệt tích. Gã đã cất công tìm Sa từ lâu mà không thấy. Gã muốn đón Sa về làm vợ. Sa bảo: cô không bao giờ quên ơn cứu mạng của gã. Sa hứa là cô sẽ báo đền, song làm vợ gã thì Sa không. Ngày nào gã cũng mò về chùa. Có ngày từ sáng đến tận khuya. Sa ái ngại. Các ni cô trong chùa tuy không nói ra nhưng Sa biết họ đều phật ý. Sa bèn để lại phong thư, nhờ một ni cô thân tín nhất gửi lại "cha nuôi" mình và cô bí mật trốn khỏi chùa. Năm đó Sa mới mười bảy tuổi.

Trên đường về Sài gòn, Sa bị kẻ gian lấy cắp hết số tiền ít ỏi mà Sa dành dụm được sau những năm nhờ tín thí thập phương. Sa đánh liều gõ cửa một nhà hàng ăn nghỉ xin làm thuê kiếm sống. Chủ nhà là góa phụ, tuổi ngoài năm mươi, người phốp pháp, má phấn môi son trông rất "mợ". Bà ta nhận Sa vào làm việc. Ngoài cơm nuôi, mỗi tháng tiền công Sa khá hậu. Bà chủ giao Sa tiếp các khách sang trọng. Khách nào cũng mời Sa uống rượu. Sa lựa cách khước từ. Họ nài nỉ, ép Sa uống kỳ được. Không uống cùng Sa, bữa ấy khách không ngon. Tiếng đồn có một ni cô trẻ đẹp phá giới rót rượu nâng ly mời thực khách rầm lên. Chỉ sau vài tháng, khách ăn lui tới nhà hàng đông gấp bội.

Một lần tiếp khách trên phòng VIP, Sa thấy trong cô bỗng khác thường. Sáng dậy, đầu Sa đau nhức như búa bổ, trên người không mảnh vải che thân. Gã đàn ông bụng phệ tối qua cố mời Sa uống cạn ly rượu nhỏ, sáng nay đã biến đâu mất dạng. Sa khóc đưa tang thời con gái của mình.

Bỏ nhà hàng ấy, Sa về làm việc ở nhà này. Vợ chồng chủ nhà là cán bộ về hưu. Con trai của họ đi Tây gửi tiền về. Nhân còn miếng đất ở đầu phố, họ liền đầu tư xây nhà nghỉ. Họ đăng tin cần tuyển người quản lý. Sa tới xin việc, họ nhận ngay. Họ tin tưởng giao Sa việc quản lý nhà nghỉ, thỉnh thoảng ghé thăm như khách tới tham quan. Và Sa không phụ niềm tin ấy. Hàng ngày, tiền thu từ nhà nghỉ Sa giao cho họ không thiếu một đồng. Vốn là cán bộ ngành thương nghiệp nghỉ hưu, họ thừa biết Sa gian hay Sa thật. Họ hứa khi nào con trai ở Tây về, nếu Sa ưng thuận, Sa sẽ làm dâu con của họ. Suốt mấy năm trời, lòng Sa ôm ấp bao hy vọng.

Rồi con trai ông bà chủ về nước. Gặp Sa là mắt nó sáng lên. Lễ cưới được tổ chức chóng vánh khi Sa và nó chưa kịp lên phường đăng ký kết hôn. Sa chưa hưởng trọn tuần trăng mật thì người tình của "chồng" Sa vác cái bụng to tướng từ bên Tây bay về. Mụ thuê côn đồ đánh cho Sa một trận và kéo "chồng" Sa cùng sang Tây. Thì ra hai đứa đã ăn ở với nhau theo kiểu "già nhân ngãi, non vợ chồng" bên đó từ lâu rồi. Chúng sắp có con mà bố mẹ chúng vẫn không hề hay biết. Bố mẹ chồng hụt của Sa thì bất lực. Họ vẫn thương Sa, nhưng niềm tin của họ dành cho Sa không còn được như trước. Sa quá đau đớn và tuyệt vọng, hoang mang không biết sẽ về đâu. Sa mất niềm tin ở mọi người. Có lúc Sa không thiết sống nữa.

Đương ở cảnh ấy thì gặp ông. Sa cho ông Lộc là người tốt. Linh tính mách bảo Sa điều đó. Người thân bây giờ chẳng còn ai, Sa cần có một người từng trải, hiền lành như ông để tâm sự. Nhưng với ông, cô là người xa lạ, dễ gì tiếp xúc, nhờ cậy ông. Không cách nào hơn, Sa đành chọn cái cách làm tiêu cực mà bất cứ người đàn bà thông minh nhan sắc nào từ xưa đến nay vẫn thường dùng đối với giới đàn ông cốt để mau rút ngắn cái khoảng cách vô hình dễ làm cho người ta xa nhau vì sự chênh lệch về tuổi tác, vì sự mặc cảm lần đầu tiên gặp mặt. Sa đã thú nhận với ông Lộc điều đó. Kết câu chuyện kể, Sa xin ông Lộc một lời khuyên.

Nghe Sa kể, lòng ông như sát muối. Ông tin mọi chuyện Sa là thực. Sau phút lặng im, ông Lộc tâm sự với Sa nhiều. Ông cảm thông và chia sẻ cùng Sa nỗi đau buồn hoàn cảnh của riêng cô, những bất hạnh đời cô từng gặp phải. Ông thương tấm thân nhỏ, cô đơn yếu đuối của Sa đã chịu bao sóng gió dập vùi. Ông khen Sa là người giàu nghị lực, biết tự mình vượt khỏi những khó khăn. Ông thắp lửa trong Sa niềm tin vào cuộc sống để Sa đứng dậy, không gục ngã và sống sao cho xứng là Người. Ông tâm sự cùng Sa như thể người cha nói chuyện với con mình, pha lẫn tâm tình của lữ khách lãng du thuở hồng hoang với tiên nữ giáng trần nằm kề bên vừa thân thuộc vừa quá đỗi xa lạ.

- Sa nay còn trẻ. Cuộc đời Sa còn dài!
- Có ai thèm yêu... lấy em không? - Sa ngượng ngùng hỏi.
- Có chứ ! Tôi tin tương lai tốt đẹp đang chờ cô phía trước!
- Nhưng... em không còn trong trắng nữa! Em không xứng đáng với người ta!

- Mai sau... gặp được người đàn ông yêu thương cô thực lòng, cô hãy kết duyên cùng người đó. Đời con gái đẹp... giữ được tiết trinh không phải dễ. Cô tuy không còn trinh nguyên về thể xác, nhưng vẫn còn trinh tiết ở tâm hồn. Nếu để mất đi trinh tiết của tâm hồn, người ta sẽ không còn gì hết. Muốn giữ tâm hồn cho thanh thản, cô nên thay đổi môi trường sống. Cô hãy cố gắng làm người khác!

Sa ngồi bật dậy, cặp mắt long lanh nhìn thẳng vào mắt ông. Nắm chặt tay ông, Sa không nói nhưng mắt Sa như nói: Sa đã hiểu ông và đã quyết!

Họ thức dậy khi điện thoại của Sa rung chuông bởi một người khách trọ báo trả phòng. Sa khẽ bảo ông: nếu chưa mắc bận thì ngủ tiếp, lát nữa việc xong cô sẽ lên phòng ông. Ông Lộc điện về nhà bà Tâm và được biết ông Tâm đến tận chiều nay mới ở Kiên Giang về nên ông yên trí lưu lại nhà nghỉ đó. Tới trưa Sa mới quay trở lại. Sa cảm ơn ông đã tâm sự cùng cô suốt đêm qua và cho ông biết: cô đã bàn giao xong công việc ở nhà này và đã liên hệ với nơi làm việc mới. Chiều nay cô sẽ sang bên đó để nhận việc. Ông chúc Sa gặp mọi sự tốt lành. Khi ông trả Sa tiền thuê phòng nghỉ kèm cả tiền ông bao Sa trong đêm qua thì Sa chỉ cười mà không nhận. Sa bảo tiền phòng Sa đã trả thay ông và cô cũng trả luôn tiền phòng ông thuê đêm nay nữa. Sa ghi lại số điện thoại của ông và khuyên ông hãy đừng nhớ tới cô. Và Sa từ biệt. Từ bữa đó, ông không gặp Sa nữa. Đến lúc chia tay, ông sực nhớ vẫn chưa cho Sa biết về tên tuổi, quê quán, hoàn cảnh gia đình và công việc của ông.

Trở về miền Bắc, mấy ngày đầu ông Lộc thấy nhớ Sa. Ông tiếc không ghi số điện thoại của Sa để được trò chuyện cùng cô cho đỡ nhớ. Thời gian sau, Sa điện về cho ông. Ông rất mừng vì tưởng Sa không còn được gặp lại. Sa đang theo học Trường dạy nghề kinh doanh, học ngoại ngữ, học cả vi tính nữa. Cô không quên lời khuyên bảo của ông... Giọng Sa vẫn ngọt ngào dễ thương nhưng câu xưng hô với ông thì khác trước: giờ là "bác - cháu", không còn "anh - em" như đêm nào. Ông cầu mong Sa an bình, hạnh phúc. Sự xa cách, công việc nhà bận rộn đã khiến ông Lộc dần quên Sa...

***

Ông Lộc lướt qua những bậc cầu thang xuống sân bay.

Tài, Hiền đợi ông trong nhà ga. Vừa nhìn thấy ông, Tài nhảy cẫng, réo lên: "B...ố...! B...ố...!" rồi lao tới ôm ghì ông thật chặt. Ông hỏi "Hiền đâu?", Tài như sực nhớ ra, vội vã đưa ông đến chỗ Hiền.

Cô gái mang bầu tên Hiền ấy ôm bụng, mặt tái nhợt, mắt tròn xoe, nốt ruồi nhỏ dưới bờ mi mắt trái bất động.

- Ô... ồ... Sa... ! - Ông Lộc thốt lên trong cổ họng và đứng khựng như vừa bị điện giật. Ông nhận ra Hiền chính là Sa. Và Sa ngã vật xuống sàn nhà.

***

- Quý khách lưu ý ! Máy bay chuẩn bị đáp xuống sân bay quốc tế Tân Sơn *Nhứt*... Tiếng loa vang. Ông Lộc choàng tỉnh giấc. Trống ngực dồn, mồ hôi vã lã chã, ông vừa trải qua cơn quái mộng.

Khi máy bay còn lăn bánh trên đường băng sân bay, anh ả đồng hành ngồi bên đã đứng dậy. Họ khoác túi hành lý, dắt tay nhau, lách giữa dòng người, đi nhanh về phía cửa khác nào đôi thiêu thân lao vào "tuần trăng mật" gấp gáp, vội vàng.

Nắng Sài gòn về chiều đã nhạt. Nó như san sẻ cho ông nhẹ nhàng qua khỏi cơn ác mộng vừa len đến.

TRẦN TRƯƠNG

truyện ngắn

ĐI VỀ PHÍA KHÔNG ANH

LÝ THU THẢO

Mùa thu. Gió heo may se sẽ luồn mái tóc thơm mùi hoa Oải hương. Vài hạt mưa nhè nhẹ buông lơi. Không ướt áo. Không đủ lạnh. Không đủ để tôi trầm mình dưới mưa. Mà chỉ đủ để tôi không nhìn rõ mọi thứ.

Mưa chỉ đủ làm cặp kính cận tôi bị ướt và nhìn không rõ, nó mờ mờ ảo ảo. Con đường tấp lập dòng người qua lại, tiếng nói, tiếng cười rộn vang chỉ mình tôi lang thang trong khoảng lặng vô cùng của miền kí ức xa xôi.

Ngang qua con đường Giảng Võ, bước chân vô định đã đưa tôi trở lại con đường xưa. Con đường của những quán trà Bát Bảo ngọt lịm nơi đầu lưỡi khi ta nhấp một ngụm. Chỉ ở đấy, con đường Cát Linh ấy mới có những chén trà thơm mát đến thế.

Tôi nhớ lần đầu tiên đến đấy ngồi nhâm nhi li trà tôi thấy lòng mình ấm lại, thấy cuộc sống ngọt ngào hơn, sâu lắng hơn. Tại có anh kề bên hay tại vị ngọt lịm của vị trà mà tôi thấy thế?

"*Hà Nội mùa thu, mùa thu Hà Nội. Mùa hoa sữa về...tôi đang nhớ ai? Sẽ có một ngày trời thu Hà Nội trả lời cho tôi, sẽ...*". Chợt giật mình...hoa sữa đã giăng hương rồi sao? Mùi hoa quện lẫn mùi trà thơm mát khiến tôi thấy nôn nao. Tôi ghé vào một quán trà, mới sớm mà mọi người đã ngồi rất đông theo từng tốp. Tôi gọi một li trà nóng vị ngọt khiến tôi đủ tự tin hơn trước khi gọi điện cho anh. Tôi cảm nhận vị ngọt thơm như tình yêu của chúng tôi đã từng có.

* * *

Ở trong này, xứ xở của hoa, xứ xở của những chiều mờ sương tôi cố lục tìm trong trí nhớ xem một Hà Nội trên cao nguyên xanh có những quán trà thơm ngọt ấy không? Không có. Chỉ có Hà Nội của anh mới có thứ độc đáo ấy. Tôi chợt nhận ra bấy lâu nay mình luôn thương nhớ về một miền đất xa xôi. Ở nơi ấy có anh, có những kỷ niệm ngọt ngào, có những niềm đau mặn đắng.

Hai năm, tôi không quên nguôi nuối tiếc tình đầu. Hai năm, hai mùa thu thay lá tôi mới lại tìm về những tháng ngày xưa. Hai năm cũng đủ để tôi nhận ra mình đã cố quên đi một bóng hình nhưng không thể, càng muốn quên tôi lại càng thấy nhớ. Phải chăng khi tình yêu trong tôi dành cho anh vẫn còn, dù rằng tôi đã có gia đình. Càng nghĩ tôi càng thấy nhớ anh đến quay quắt. Yêu thương lắm cho người ta đau khổ nhiều.

Ra Hà Nội lần này nằm ngoài dự định của tôi. Lẽ ra mười năm ngày nghỉ phép ấy tôi phải dành riêng cho gia đình nhỏ của mình. Tôi sẽ đi đến những nơi mà chỉ ở Đà Lạt ngàn thông mới có. Tôi sẽ bắt đầu từ thác Cam Ly, đi đến một thoáng chênh vênh khi qua cầu dây Prenn, một chút suy tư khi đứng trước thác Pongour hay JraiBilian. Sau đó tôi sẽ trầm mình trong sâu thẳm giữa mây gió chập chùng, dịu dàng êm ái trên những thảm cỏ xanh mượt mà như lụa trên đồi Cù và trong Thung lũng tình yêu...Tôi đã dự định cho mình như thế. Nhưng một cuộc điện thoại đường dài đã làm tôi đảo lộn mọi dự định ban đầu. Tôi bỗng rùng mình thấy tâm hồn chợt gẫy khúc như dòng Cam Ly hiền hòa đang chảy.

Tôi đã có một gia đình thật hạnh phúc, một người chồng lý tưởng, một cậu con trai khỏe mạnh. Tôi có tất cả, cả sự nghiệp, cả gia đình vậy mà đôi lúc tôi lại thấy mình cô đơn, trống vắng, lạnh lẽo, thấy mình còn thiếu một thứ gì đó mà tôi không thể định hình được đó là gì?

Thi thoảng anh vẫn gọi điện thăm hỏi tôi. – *Em có hạnh phúc không?* Tôi không biết mình có hạnh phúc hay không. Tôi chỉ biết: Sáng sáng tôi đi làm ở tòa soạn chiều chiều lại về với gia đình

nhỏ của mình.

Con người không chỉ thuộc về nhau bằng thể xác mà còn thuộc về nhau bằng cả tâm hồn. Vết thương cũ trong tôi đã đóng miệng. Tôi đã tìm được sự bình an và tình yêu nơi miền đất xa xôi của xứ sở mù sương.

Đà Lạt chiều mơ. Tôi thấy tâm hồn mình bay trong gió, hòa vào dòng thác đang chảy hiền hòa mà thấy nhớ anh đến nao lòng.

Hà Nội bình lặng và thơ mộng. Tôi đi giữa ngàn phố. Khoảng trống vắng bấy lâu trong tôi vội đầy ắp những tháng ngày tươi rói khi có anh kề bên.

Tôi đã thật sự yêu vào một buổi chiều. Nếu buổi chiều ấy anh không mời tôi về nhà và tôi cự tuyệt thì đã chẳng có tình yêu nảy nở giữa anh và tôi.

"*Anh yêu em*". Tôi đã giật mình bởi câu nói ấy của anh. Điều khiến tôi buông xuôi đó là trông anh lúc ấy thật tội nghiệp. Anh nói nhiều thứ về gia đình, về cái chết, về bệnh tật. Tôi nghĩ chắc con người này có một cái gì đó thực sự không ổn, bất an. Và cái gì đó lờ mờ đã đẩy tôi đến với anh.

Tôi vẫn còn nhớ như in cảm giác ấy trong tích tắc. Từ một thứ tình cảm mờ nhạt chuyển sang một tình yêu hết sức rõ ràng.

Tôi đã khóc rất nhiều đêm. Tôi đã tự đấu tranh với chính mình, với bạn bè để chỉ yêu anh. Có lẽ tình yêu tôi dành cho anh không đủ lớn nên tôi đã ra đi. Anh đã làm mọi điều chỉ để giữ tôi ở lại, nhưng không thể. Và rồi, chính anh lại là người ra đi.

Nỗi đau âm ỉ ấy tưởng chừng đã mất trong thời gian tôi xa anh nay lại tái phát. Cơn đau ấy bùng lên dữ dội khi tôi nghe người ta nói về anh. Vết thương tưởng đã lành nay bị chọc ngoáy há miệng toang hoác. Tôi gần như mất hết lí trí.

Anh đón tôi với một niềm vui rạng rỡ hiện rõ trên khuôn mặt gầy gò, xanh xao. Tôi đã cố giữ khoảng cách nhưng tôi không thể. Mùi cơ thể anh vẫn vậy, nó nồng nồng, hăng hắc của tất cả thứ bột màu anh pha trộn.

Căn gác nhỏ trên phố hàng Đào vẫn như ba năm trước đây. Chỉ có một điều khác là nó bộn bề hơn, lạnh lẽo hơn, u ám hơn, các bức tranh anh chất chồng nhiều hơn và cất vào một góc. Những bức tranh đầy tâm trạng của cùng một người phụ nữ. Anh yêu người con gái ấy. Yêu lắm thì anh mới dành hết thời gian vào để tạc hình người con gái ấy.

Nhìn những bức tranh, tôi chợt nhớ đến hình ảnh của chồng tôi. Anh cũng làm bên mỹ thuật, cũng ký họa chân dung vậy mà chưa bao giờ anh vẽ tôi, chưa bao giờ anh ngỏ ý để tôi làm người mẫu cho anh vẽ.

Ba năm, gần một trăm bức tranh anh dành tặng cho tôi.

Chung thủy.

Chờ đợi.

Anh hôn tôi. Một cái hôn rất dài chưa từng có. Từ ngày có gia đình chưa bao giờ tôi được đón nhận một nụ hôn ngọt ngào và say đắm đến vậy. Mỗi lúc bên nhau chồng tôi chẳng bao giờ hôn tôi cả, ngay cả lúc làm tình.

Chẳng hiểu sao khi yêu con người ta lại cứ thích hôn. Tôi không giải thích được điều đó, và có thể các nhà tâm lí cũng không giải thích được.

Một nụ hôn cho bao ngày xa cách.

Tôi đang phản bội lại chồng?

* * *

Ngày mai tôi về với Đà Lạt của huyền bí, của gia đình nhỏ nhưng tôi không thể quên anh. Không phải vì anh đã cho tôi biết thế nào là hạnh phúc, mà chính là vì tôi vẫn còn yêu anh. Tôi không thể để mặc anh trong se lạnh đầu đông. Nhưng tôi cũng không thể từ bỏ mái ấm gia đình của mình để về bên anh.

Ngồi trên máy bay tôi ngoái lại một Hà Nội, một Hà Nội mà chỉ có tôi và anh. Nhưng, phía trước tôi, một Đà Lạt rêu phong, một Đà Lạt thương bước cô liêu, lại là cả một hoàng hôn thẫm đầy sắc tím.

LÝ THU THẢO

truyện ngắn

NHÀ ĐIÊU KHẮC VÀ NGƯỜI MÂU THỎ TRẮNG

MANG VIÊN LONG

Trong thành phố Lille - nơi Mercell đang sống , người ta đã cho dựng đến bốn bức tượng lớn nhỏ của ông tại các công viên và ngay ngã tư trung tâm dẫn vào phố chính. Cả nước, tượng của Mercell cũng đã dược trưng bầy tại các cửa ngõ chính trên các trục đường liên tỉnh lên đến con số 12 trong gần bốn mươi năm nay. Dầu vậy, không ai biết Mercell đã sống trong cô độc và khổ đau trong nhiều chục năm-lặng lẽ làm việc đêm ngày nơi khu láng trại ngoại ô cho những bức tượng sẽ được mang đi trưng bầy đây đó trong nước-nhất là trong các dịp tổ chức triển lãm mỹ thuật điêu khắc quôc tế.

Cho đến một hôm Mercell gặp được một cô gái hầu bàn ở một quán nhậu nhỏ nằm dọc theo bờ cát của dòng sông Pliss.

Mercell đi xuống con dốc dọc theo bãi cát-lửng thửng bước lại chiếc bàn tròn nhỏ nằm lẻ loi bên gốc cây Sake trụi lá. Khoảng mươi phút sau, bà chủ quán nhậu đỏng đảnh tiến đến-lả lơi cười, rồi đoan đả hỏi : " Thưa, anh dùng món gì với loại rượu nào ạ?

-Món gì, loại rựou nào-cũng tốt cả!-Mercell vừa nhìn ra dòng sông, vừa gật gù.

Một cô gái, khoảng hai mươi- măc bộ váy rộng mầu hạt dẻ -trông quê mùa, lùi xùi, bưng khay ruợu và thức ăn ra đặt lên chiếc bàn trước mặt Mercell: " Mời ông dùng ạ!"

-Cháu ngồi nói chuyện với chú một chút được chứ?

-Dạ, được-cô gái sẽ sàng kéo chiếc ghế mây ngồi đối diên Mercell, nhưng hơi xa.

-Cháu ngồi xích lại gần chú một chút nữa được không?

-Dạ, được!

Và Mercell vừa tự tay rót rượu Datch ra chiếc ly cao-bắt đầu uống.Và ngắm nhìn cô gái với dôi mắt như nhìn ngắm bức tượng của chính ông vừa hoàn tất.

Khi Mercell đã uống hết đến chai rượu thứ ba-cô gái vần ngồi yên-trên chiếc ghế mây rộng, đối diện ông.-nhìn ông say đắm.

Mercelll chợt thốt lên: " Này, Thỏ Trắng!"

-Dạ!

-Thỏ Trắng đồng ý giúp cho chú việc này nhé?

-Dạ, mà việc gì vậy?

-Đơn giản thôi –ông mỉm cười, mỗi ngày cháu chịu khó đến khu láng trại của chú phía bên kia cây cầu khoảng 2 giờ- Mercell gật gù- vâng, hai giờ-chú sẽ trả tiền lương gấp đôi cả ngày ở đây cho cháu nhé?

-Chú hòi ý bà chủ ạ!- giọng cô gái ngập ngừng, Cháu thuộc quyền sai bảo của bà ấy...

Để cô gái ngồi yên đấy, Mercell đi vào phía trong quán. Bà chủ vội bước ra chìa tấm giấy tính tiền, nhưng ông lờ đi-nói: " Tôi chưa uống xong mà?"- Ông ngập ngừng-" Tôi muốn bà giúp cho một việc..."

-Dạ-bà cười , ông cứ nói ạ!

-Tôi muốn làm một bức tượng-ngẫm nghĩ giây lâu- đúng rồi, một bức tượng- bà cho Thỏ Trắng làm mẫu cho tôi nhé?.

-Dạ, được thôi! Nhưng Thỏ Trắng nào ạ?

-Là cô gái đang ngồi tiếp tôi ở ngoài kia kìa...

-Không! Cháu tên Jouly mà?

-Đúng! Jouly – nhưng tôi muốn gọi nàng là "Thỏ Trắng" ...

-Nếu ông muốn người mẫu, tôi sẽ giới thiệu cho ông một cô gái đẹp hơn Thỏ Trắng của ông gấp ngàn lần mà?

-Không! Tôi chỉ cần Thỏ Trắng-giọng Mercell chắc nịch.

-Nếu ông đã quyết định vậy, thì bao giờ?

-Ngay ngày mai-Mercell trầm ngâm -ngay ngày mai, tám giừ sáng nhé?

-Nó sẽ ở lại cả buổi sáng?

-Không cần, chỉ 2 giờ mỗi ngày thôi!

-Vậy là tốt rồi vì buổi sáng nó chỉ lo dọn dẹp thôi- Bà nhìn đứng lên mắt Mercell-nhưng ông định trả bao nhiêu?

-Tùy bà...

Mercell ngồi ở chiếc bàn nhỏ kê dưới gốc cây Sồi đang bắt đầu nhâm nhi ly café buổi sáng thì Thỏ Trắng ngập ngừng bước vào cổng. Mercell vẫn ngồi yên, lặng lẽ ngắm nhìn theo từng gót chân như sợ cái bóng dáng vừa xuất hiện kia sẽ tan vỡ đi mất. Thỏ Trắng đã đứng trước mặt ông-giây lâu, nhìn ông với vẻ ngạc nhiên.

Lát sau, Thỏ Trắng lên tiếng: " Cháu chào Chú! ".

-Chào cháu-Mercell đáp. Giọng của người vừa tỉnh-À, cháu ngồi xuống đi!

Thỏ Trắng vén cao chiếc váy nhẹ nhàng ngồi xuống chiếc ghế mây trống như đã để sẵn để chờ nàng từ lâu.

Ông đặt đặt ly café sữa vào lòng bàn tay thon thon trắng của Thỏ Trắng-" Cháu uống tý café rồi chúng ta bắt đầu làm việc nhé?"

-Dạ, mời chú-Thỏ Trắng đưa ly lên môi-Cháu rất vui khi được giúp chú làm tượng ạ!

-Người hạnh phúc nhất phải nói là chú-Mercell cười trong lúc vẫn không rời mắt nhìn nàng-có lẽ đây là diếm phúc cuối cùng cho cuộc đời sáng tạo gần nửa thế kỷ của chú, ThỏTắng ạ!

Mercell cầm tay Thỏ Trắng dẫn qua khu nhà trống, khoáng dãng-ngổn ngang toàn đất đá, cây gỗ- " Cháu đến ngồi trên bục gỗ cao kia nhé? "

Thỏ Trắng hồn nhiên bước thoăn thoắt đến bên kệ gỗ như chỗ ngồi ấy là cái đích hạnh phúc mà Mercell đã dành sẵn cho nàng .

-Cháu ngồi vào đi-hướng mặt nhìn về phía chú đây-tốt rồi!

Mercell vẽ phác thảo ngay lên tấm giấy lớn đã kẹp sẵn trên giá gỗ- bàn tay đưa nhanh, thoăn thoắt-như sợ cảm xúc vuột mất khỏi tầm tay mình . Ông hoàn tất bản vẽ phác chưa dược năm phút. " Ồ! Tuyệt lắm, Thỏ Trắng...".

-Cho cháu nhìn thử chút nhé, chú?-Thỏ Trắng vẫn ngồi yên, reo lên.

-Cháu có thể lại đây xem!-Mercell vừa đốt điếu Havatampa, vừa nheo mắt nhìn Thỏ Trắng,cười-bước đi...

Sau khi trở lại khu láng trại mang hai ly café đang uống dở đến-Mercell cầm lấy bàn tay Thỏ Trắng, ấn ly café của nàng vào: " Cháu uống chưa xong mà! ".

-Cám ơn chú-Thỏ Trắng liếc nhìn thoáng lên gương mặt đỏ hồng với bộ râu trên đang ngã bạc của Mercell-cảm thấy một niềm xao xuyến nhẹ nhàng, như là một vui mới, một rung cảm mênh mang khác lạ đang dần lớn lên trong lòng mình. Cảm giác lạ lẫm bất ngờ đến nỗi Thỏ Trắng nghĩ rằng, đây là lần đầu tiên nàng cảm nhận được một tình cảm êm ái sâu thẳm như vậy.

Trong lúc Mercell đang gọt dũa, đắp-tô mô đất trắng trên bệ gỗ chắn chắn đã nhẵn mòn loang lổ vết xi măng, thạch cao thì Thỏ Trắng đứng yên bên cạnh không ngớt ngạc nhiên thích thú nhìn dõi theo đôi tay mê say tài hoa của Mercell đang tạo dần nên những đường nét của vóc dáng nàng.

-Cháu lại ngồi vào đi,Thỏ Trắng!

Thỏ Trắng chạy lại ngồi vào chiếc ghế dựa cao như một trò chơi ưa thích-" Chú thấy cháu ngồi

vầy được không? "- " Tốt rồi! ". Mercell trả lời trong lúc đang cắm cúi, mãi mê chặt, khoét, tô từng dường dao mạnh mẽ, dứt khoát-vào khối xi măng trắng như ghi vào trong ấy từng dấu ấn cảm xúc nồng nhiệt, tùng nhịp đập tha thiết của trái tim mình. " Cháu ngồi thế nào cũng tốt cả, Thỏ Trắng ạ!"-Mercell nói như reo.

Mercell bước lại gần bên Thỏ Trắng, khẽ khàng cởi tấm aó choàng kéo ra phía sau lưng- bờ ngực trắng mịn màng ,đôi vú tròn trắng hồng hiện ra –Mercell ngắm nhìn giây lâu-nói: " Cháu ngồi yên vậy một chút nhé?", rồi bước vội lại bên bức tượng đang phát thảo.

Thỏ Trắng khẽ nhích người liếc mắt nhìn xuống đôi bờ ngực mình-một luồng cảm giác truyền đi khắp cơ thể khiến nàng cảm thấy thân thể mình dần dần nóng lên cùng với niềm khoái cảm man mác...

-Tốt rồi! Mercell buông thõng-hôm nay chúng ta nghỉ nhé?

-Đã hết giờ rồi sao, chú? Thỏ Trtắng vẫn chưa rời khỏi ghế ngồi.

-Chưa hết giờ- Mercell nhìn Thỏ Trắng cười dịu dàng- nhưng chú muốn cháu ngồi chơi một lát rồi hãy về...

Nhìn thấy Mercell bỏ con dao xuống kệ gỗ, cầm tấm vải hoa lau tay - Thỏ Trắng đưa tay kéo lại tấm áo choàng phủ lên ngực-thoáng nhìn một lần nữa lên bờ ngực trắng mịn màng của mình rồi cài lại cúc áo-mỉm cười.: " Chú Mercell! Chú sống ở đây một mình sao? "- " Một mình!" Mercell tiến lại bên Thở Trắng, nắm lấy tay nàng, dìu qua khu láng trại bên kia con đường trải sỏi nhỏ ..." Chú sống một mình từ khi cô ấy bỏ đi..."- Mercell nói rất khẽ như đang thì thầm với chính mình.

Gần một tháng làm việc-bức tượng mà Mercell đã đặt tên cho nó là " **Thỏ Trắng**" đang đi vào giai đoạn hoàn chỉnh. Những đường nét sau cùng của bức tượng thiếu nữ mang tên " Thỏ Trắng" vẫn được Mercell ngày đêm tô điểm thêm từng chi tiết nhỏ trong nỗi cảm hứng dạt dào khi Thỏ Trắng không còn ngồi trước mặt nữa.Đó là những nhát dao dứt khoát, mạnh mẽ-ghi đậm tình yêu thương của Mefcell đã dành cho nàng mà không nói ra được nên lời.

Buổi sáng cuối cùng Thỏ Trắng đến ngồi vào chiếc ghế hằng ngày đã ngồi suốt hai tháng nay đã đến. Mercell trao cho nàng tách café sữa-ngắm nhìn giây lâu: " Cám ơn cháu! Bức tượng mà chú mong ước đã hoàn tất!".

-Vậy sao?-Thỏ Trắng có vẻ ngạc nhiên-cháu thấy như chỉ mới bắt đầu mà?

-Đúng vậy, Thỏ Trắng à!-Mercell cầm lấy bàn tay thon thả trắng muốt của Thỏ Trắng đưa lên môi hôn-Tình Yêu luôn luôn là mới bắt đầu...

-Cháu cũng cảm thấy vậy!

-Chú còn bức tượng đây- Mercell ngoảnh nhìn về phía bức tượng -là cháu hằng ngày vẫn bên chú rồi, Thỏ Trắng biết không?.

Cả hai đều im lặng nhìn nhau như hai bức tượng đá .

Mercell bỗng ôm hôn lên đôi má đang dần đỏ hồng lên của Thỏ Trắng: " Đây là bức tượng cuối cùng của cuộc đời điêu khắc gần nửa thế kỷ của chú, Thỏ Trắng ạ!"

-" Là chú không làm tượng nữa sao? "-Thỏ Trắng thỏ thẻ bên tai Mercell .-" Không! "- Giọng

Mercell trở nên xúc cảm: " Chú biết, chú không thể làm được một bức tượng nào hoàn chỉnh hơn bức tượng này, Thỏ Trắng ạ!".

Giọng Thỏ Trắng đượm buồn:

- Vậy là sáng ngày mai cháu không được đến với chú nũa rồi?

-Không phải vậy!-Mercell thở dài-Chú rất mong cháu đến thăm chú, bất kỳ lúc nào mà! Chú luôn luôn mong đợi cháu-suốt quảng đời còn lại của chú, Thỏ Trắng à!

Thỏ Trắng chợt ôm mặt khóc-như chưa được khóc bao giờ : " Từ nay- hằng ngày, cháu không còn giây phút chờ đợi buổi sáng hạnh phúc đến với cháu nũa rồi!-đã mất niềm vui, niềm tin yêu của đời mình rồi, chú ơi! ".

-Cháu đừng nghĩ vậy-Mercell lấy chiếc khăn tay ở túi áo blouse ra lau nước mắt cho Thỏ Trắng-cháu vẫn lằng lẽ ngày đêm bên đời chú như bức tượng kia mà! Mãi mãi vậy...

Hơn sáu tháng sau, Mercell mới đồng ý cho nhà bảo tàng nghệ thuật thành phố Lillê mượn bức tượng" **Thỏ Trắng"** thời gian một tuần để tham gia triển lãm nhân Festival Nghệ Thuật Điêu Khắc Quốc Tế lần thứ 22 được tổ chức tại Lillê. Lúc đầu, nhận được giấy mời tham gia triển lãm, Mercell đã quyết định nhanh chóng là ông sẽ im lặng. Gần ngày khai mạc, chính ông phó giám đốc nhà bảo tàng nghệ thuật thành phố Lille đến thăm, yêu cầu- Mercell do dự. Sau đó, bốn nhân viên trong ban tổ chức đến với bưc thư tay của viên thị trưởng thành phố- xin được chở bức tượng đi -Mercell mới lặng lẽ cẩn thận buột phía dưới bức tượng một tấm giấy dày với hàng chữ: " *Chỉ để triển lãm-không bán vì vô giá- Mercell*".

Trong mấy ngày Festival, phóng viên nghệ thuật của các tờ báo lớn các nước đã ghi ảnh, dưa tin, bình luận về bức " Thỏ Trắng"-xem đó là một bức tượng tuyệt hảo được kết tinh bởi một Tình Yêu chân chính, cao khiết của nhân loại từ đôi bàn tay điêu khắc thiên phú tài hoa. Tờ The Morning News còn bảo, người thiếu nữ trong tượng là một thiên thần không có thật trong cuộc sống, là hình ảnh của ước mơ và khát vọng của người nghệ sĩ trong nỗi cô đơn nghiệt ngã từ đời sống kỹ- thuật- hóa ngày một bức bách tồi tệ! Tạp chí Sunny Shines khẳng định," Đây là một " Nàng Mona Lisa" thứ hai của nhân loại ..."

Tờ Favorite Lillê là tờ báo đầu tiên đăng hàng tít lớn về Thỏ Trắng " *Thỏ Trắng là có thật, bằng xương bằng thịt- cô gái huyền thoại ấy hiện đang sống ở vùng quê dọc sông Pliss...*".

Báo phát hành buổi sáng-chiều hôm ấy, nhiều phóng viên đã tìm đến chiếc quán nhậu nhỏ nằm dọc theo bờ cát của dòng Pliss lặng lẽ. và dễ dàng gặp được Jouly-người hầu bàn. Nàng chối từ tên "Thỏ Trắng "-" Em không phải là Thỏ Trắng! Em là Jouly mà? Sao các anh cứ gọi em bằng cái tên lạ hoắt vậy? "

-Cô có quen biết với nhà điêu khắc nối tiếng Mercell không?

-Thưa không!-nàng quả quyết- em không biết ai có tên lạ lùng như vậy cả!

Sau khi ghi vội được những tấm ảnh của Jouly-cô gái hầu bàn quê mùa của dòng Pliss-họ kéo về thành phô. Và sau đó, qua các bài báo-tha hồ vẽ vời đủ chuyện về Jouly và bức tượng "Thỏ Trắng" của Mẻrcell trên nhiều bài viết khác nhau, khiến người hiếu kỳ tìm về vùng Pliss ngày càng đông.

Jouly phải xin tạm nghỉ việc, trốn về sống trong căn nhà gỗ bên kia sông Pliss với người mẹ góa bụa tật nguyền như thuở trước. Yên được vài hôm-bà chủ quán nhậu lại tìm qua gặp Jouly-thỏ

thẻ: " Cưng ơi! Chị đem đến cho em một tin vui rất lớn đây!"

-Là tin gì vậy. thưa bà? Jouly ngồi ở bâc hiên nhà, vẻ trầm lặng-buồn.

-Tin này có khối người nằm mơ cũng không thấy, Jouly à!- Bà chủ quán dỏng đảnh.

-Bà hãy nói đi!

-Hôm qua-ông Vincent- một nhà đạo diễn tài danh ở thủ đô Hollylight có đến tìm em-gặp chị. Ông ấy nhờ chị thương lượng với em, nhờ em làm diễn viên chính cho bộ phim " The First Is The Last " của ông ấy…

-Em làm sao có thể làm việc ấy được?-Jouly khẽ cười-nhờ chị trả lời giúp…

-Chỉ cần em đồng ý ký vào hợp đồng là mọi việc sẽ ổn thôi – ông Vicncent đã nói như vậy , Jouly! -Bà chủ xuống giọng.

Jouly vẫn ngồi yên-nhìn bâng quơ ra khúc sông vắng phía trước-buổi sáng đang đến như mọi ngày. Nàng nhớ tới những buổi sáng chờ ca nô qua sông, ngồi xe ngựa xuống chân cầu Pliss để nao nức đến gặp Mercell. Lòng nàng bỗng se thắt một nỗi buồn . Nàng nhớ Mercell da diết.

-Em đồng ý đi nhé, Jouly!

-Em không muốn rời xa dòng Pliss thân yêu này, bà ạ! Jouly thở dài.

-Chỉ trong vòng một năm thôi-được nhận đến vài chục triệu Ként-cả thành phố Lille sẽ không có ai làm được như vậy cả, em à-giọng bà ngọt lịm-có khối cô gái quyền quý xinh đẹp mơ ước mà dễ gì được, Jouly!

Bà chủ quán nhậu cầm lấy bàn tay Jouly : " Em gật đầu đi, Jouly! " Giọng bà trở nên khẩn thiết: " Chị sẽ được ông ấy thưởng cho 1 triệu Kent nếu em vui lòng! ".

-Thôi, bà chủ về đi!-Jouly nhìn đứng lên khuôn mặt đầy son phấn của bà-em sẽ trả lời chị sau vậy nhé?

Khi Jouly bước vào cổng trang trại của Mercell thì đã nhìn thấy ông đang ngồi trước bức tượng " Thỏ Trắng" được che phủ bởi một tấm vải vôn mỏng màu xanh nhạt. Nàng đi chậm lại- như sợ bước chân mình làm lay động giây phút thiêng liêng tĩnh lặng của Mercell.

Nàng đã đứng phía sau chiếc ghế Mercell đang ngồi.

-Cháu chào chú!-Jouly lên tiếng.

Vẫn ngồi hướng mắt nhìn về bức tượng phía trước- Mercell đáp : " Ồ,Thỏ Trắng của chú!".

-Cháu nhớ chú, đến thăm …

-Cám ơn Thỏ Trắng!

-Cháu có chút việc muốn hỏi chú ạ?

-Nói đi! Thỏ Trắng yêu quý!

-Sáng hôm qua, bà chủ quán có sang nhà gặp cháu...

-Có chuyện gì sao?

-Dạ,có!

-Là chuyện gì,Thỏ Trắng hãy nói đi!

-Đạo diễn Vincent ở Hôllylight có nhờ bà ta đến thương lượng với cháu ký một hợp đồng..

-Để đóng phim?

-Dạ...

-Thỏ Trắng trả lời thế nào?

-Cháu chưa trả lời gì cả!

-Vậy là cháu đến thăm và định nhờ chú trả lời giúp ?

-Gần như vậy ạ!

-Chú rất thương yêu ThoTrắng, nhưng không thể giữ Thỏ Trắng mãi bên cuộc đời thầm lặng cô độc của chú như giữ bức tượng ở đây-nơi heo hút này! Thỏ Trắng hiểu không?

Thỏ Trắng ngồi xuống chiếc ghế bên cạnh như được đặt chờ sẵn dành cho nàng.

Buổi sáng êm ả lên thật chậm trong khuôn viên trang trại đầy bóng cây của Mercell. Cả hai người đều im lặng sau câu nói của Mercell -giây lâu.

Thỏ Trắng chợt cầm lấy bàn tay Mercell đưa lên môi hôn:

-Cháu cũng đã thương yêu chú rất nhiều, chú Mercell!

-Chú biết rất rõ điều ấy, Thỏ Trắng yêu quý!

-Chú Mercell ơi! Như vậy ngày mai cháu phải trả lời cho bà chủ quán như thế nào ạ?

Mercell đứng dậy, quay lại ngắm nhìn Thỏ Trắng. Thỏ Trắng ào vào giúi đầu lên ngực Mercell như một cơn gió, như một cánh chim trốn bão...

Mercell đua tay vuốt nhẹ phía sau lưng Thỏ Trắng-giọng bi thiết: " Từ nay, em háy tự quyết định mọi gặp gỡ đến đi với cuộc đời em, Thỏ Tráng nhé? " Ông cúi xuống hôn lên mái tóc nồng hương Bồ Kết của Thỏ Trắng : " Miễn là em được hạnh phúc. Em hãy nhớ nhé? – Mercell thì thầm- Em được hạnh phúc chính là anh cũng dược hạnh phúc rồi, em yêu! ".

Quê nhà, Tháng 8 năm 2010

MANG VIÊN LONG

thơ

PHÍA CUỐI CON ĐƯỜNG

TRẦN NHUẬN MINH

Tôi luôn luôn nghĩ / Vẫn có ai chờ đợi tôi ở phía cuối con đường / Tôi không thể nào không đến đó / Và tôi đi / Mải miết / Nhọc nhằn

Con đường tôi phải tự mở ra / San đá phía bên này / Phát gai phía bên kia / Bão sắt, mưa chì, nước lửa, hùm beo / Xin chấp tất / Miễn là tôi tới được / Nơi bạn vẫn chờ tôi ở phía cuối con đường

Bạn ơi / Bạn chờ tôi ở phía cuối con đường chăng / Tôi đang đi đến đây / Những bước chân chậm rãi nhưng chắc chắn / Ngón toẽ ra bám riết trên đường đời lầy lội / Toé máu / Nhưng tôi vẫn đi / Không một phút nghỉ ngơi / Sớm hay muộn thế nào tôi cũng đến

Trang bản thảo của tôi còn dang dở / Những khoảng trắng rợn người / Tôi đánh cược cuộc đời tôi vào khoảng trắng này / Bạn ơi / Bạn ơi / Bạn ơi / Tim tôi đập ở đây / Phổi tôi thở ở đây / Hồn tôi cũng ở đây / Bạn có nhận ra chăng

Có nỗi vui buồn ngọt đắng của riêng tôi / Cùng hơi ấm trời cao / Tôi phổ vào cây đàn thơ mà tôi đã lấy trộm / Của những đêm trăng buồn (*) / Tôi mang khúc ca này tặng bạn / Xin bạn cứ kiên nhẫn chờ tôi / Ở phía cuối con đường

*(*) Ý thơ trong bản* Xônát hoang dã

TRẦN NHUẬN MINH

truyện ngắn

NƯỚC MẮT ĐỎ

PHẠM HỒNG THẮM

Bà đưa tay lên khóe mắt. Cảm giác nhầy nhầy, ươn ướt, dinh dính, quánh quyện. Soi ngón tay ra trước đèn. Một màu hồng hồng nhờ nhờ. Trời ơi, máu! Bà khóc ra máu. Tiếng nấc phát ra từ cổ họng bà nghẹn lại, không thoát ra được, tạo nên một tiếng 'hực" đớn đau. Bà ngồi thụp xuống chân ban thờ cha mẹ, tay ôm lấy ngực, bóp mạnh nơi mà nỗi đau buốt đang xuyên từ sâu thẳm phía trong đẩy mạnh ra ngoài. Hồi lâu, cảm giác mệt mỏi, rã rời bao trùm toàn thân, bà níu mép ban thờ, đứng lên, từ từ lần tường đi ra ban công. Trong màn đêm nhàn nhạt của sáng tinh mơ, xung quanh, mọi nhà vẫn đang chìm vào giấc ngủ. Đưa mắt nhìn quanh khoảng tối mênh mông trước mắt, sao bà thấy nỗi cô đơn, lẻ loi của mình mới trơ trọi, tuyệt vọng làm sao... Bà thấy nhớ cha, nhớ mẹ đến cồn cào, đau đớn. Nơi ấy, nơi xa lắm, lúc này, cha mẹ đã thức giấc chưa. Cũng có thể, từ hôm qua, giấc ngủ ngàn thu của cha mẹ bà đã bị đứt đoạn; cõi linh thiêng của cha mẹ không còn được trong lành, thanh thản... Nghĩ đến đây, thái dương bà giật mạnh, nhói buốt...

Hơn mười năm nay, từ khi cha mẹ nằm xuống, giấc ngủ của bà chưa bao giờ trọn. Mỗi ngày, nhìn quanh mình ngổn ngộn những bản thảo cũ nát, những trang nhật ký nhạt nhòa đầy chặt tâm sự ngổn ngang của cha, lòng bà luôn rối bời, dằn vặt. Phải làm sao đây để bảo tồn được di sản một đời của con người từng tâm nguyện hết mình với sự nghiệp sân khấu nước nhà, là cha? Dù chưa thể nhìn thấy tiền đâu để in ấn bảo tồn hàng ngàn trang tư liệu mục nát ấy, vợ chồng bà vẫn cặm cụi, lui cui, ngụp lặn trong đó, để khôi phục, biên tập, sắp xếp và tạm lưu trữ vào máy tính cá nhân. Gần đây, khi những tư liệu đó đã được đưa vào ấn phẩm hoàn chỉnh, đẹp đẽ, vợ chồng bà thở phào nhẹ nhõm trong tâm. Nhưng... một nỗi lo khác, vẫn tiếp tục đè trĩu trên đôi vai gầy yếu của bà.

- Chúng mày cần tiền à? Tiền! Lúc nào cũng là tiền! Tiền! Bán mẹ nó nhà đi, rồi chúng mày cầm tiền, cút mẹ chúng mày ra khỏi nhà này hết đi! - giọng khàn khàn, khô khỏng của kẻ được gọi là "đích tôn" của cha mẹ bà, lại đang đeo lon sĩ quan quân đội, gào lên. Nó đứng tựa ở lan can gác lửng, tay cầm lon nước, tay đút túi quần, nhìn xuống sảnh tầng một, nơi hai người em ruột thịt của bố nó đang ngồi. Thi thoảng nó dừng chửi, đưa chiếc lon lên, ngậm ống hút, rít một cái.

Bà ngồi yên lặng, mỉm cười yếu ớt, đau đớn.

- Mày cười à? Mày cười cái gì? Tao đố chúng mày đưa đứa nào vào đây ở! Thử xem? Tao sẽ báo công an bắt hết - nhìn thấy bà cười, nó tiếp tục cái giọng hung hăng.

Bà vẫn ngồi im. Lặng lẽ. Lạnh tanh. Nhưng... tâm bà đang gào lên: "Anh ơi, dưới suối vàng anh nghe thấy không? Con anh, thằng con hương khói của anh đang chửi các em gái anh đấy, anh ơi! Chắc anh cũng đã biết rồi. Chỉ thời gian ngắn sau khi anh nằm xuống, nó đã đập phá đồ đạc của ông bà nội đẻ ra bố nó. Ngay sau đó, đúng ngày giỗ anh, nó điên cuồng thụi vào ngực em trai anh đấy. Vừa đánh, nó vừa gào lên: "*Mày nói gì? Nhà này là của tao!*". Nay, nỗi đau ấy chưa nguôi ngoai, nỗi đau khác đã lại dội đến, đang khoét nát trái tim em. Đau quá, anh ơi!".

- Nhà này nhà cháu đang ở. Không có thể lúc thì nói người này đến ở, người kia đến ở. Các cô bắt nạt mẹ cháu - chị gái thằng "đích tôn" loi choi lao đến, với tay lên xỉa vào mặt chị gái bà, to giọng, day diết.

Chị bà hất tay nó ra, quay về phía cửa, nơi một phụ nữ có cách ăn mặc và son phấn lòe loẹt đang đứng, nói to:

- Cút mẹ mày đi. Mày đến đây làm gì? Câm mẹ mày đi, mày sủa cái gì?

Hóa ra chị gái bà quay ra chửi nhau với người phụ nữ nọ. Bà ta là mẹ vợ con trai anh bà. Để "chiến đấu" chiếm giữ căn nhà của cha mẹ bà, thằng "đích tôn" đã huy động cả mẹ vợ nó đến. Bà bật cười chua chát. À, hay thật, đưa cả mẹ vợ đến để khẩu chiến. Biết đâu, rất có thể không chỉ là khẩu chiến...

- Tao đ... ra. Nhà này của con gái tao. Đ... đứa nào đuổi được tao! - mẹ vợ thằng "đích tôn" gân cổ gào.

- Chị ơi, em xin chị. Chị đừng như thế nữa. Cứ để chúng nó chửi - bà rền rĩ nói với chị mình.

- Đ... mẹ mày! Đ... con mẹ mày! - vợ thằng đích tôn nhảy xổ đến, vừa gào vừa tát đánh bốp vào mặt chị gái bà.

Bà ngồi thụp xuống ghế, chết lặng, đau đớn. "*Cha mẹ ơi! Ới cha mẹ ơi!... Cha mẹ thật "có phúc". Cha mẹ có vợ chồng thằng cháu "đích tôn" rõ là "Cặp đôi hoàn hảo!" - Chồng đánh chú ruột, vợ đánh cô ruột. Tuyệt vời!*".

Ban nãy, ngay trước khi dắt xe ra khỏi nhà, mẹ thằng "đích tôn" đã rít lên chì chiết vào mặt bà:

- Làm được một tí việc cho ông mà cứ ra vẻ ta đây!

À, thì ra bà ta phỉ nhổ, coi thường hàng ngàn trang sách mà vợ chồng bà vật vã cả chục năm trời với đống bản thảo mục nát để đưa in, nhằm bảo tồn sự nghiệp của cha. Với bà ta, đống bản thảo ấy chỉ là mớ giấy lộn.

Rồi, bà ta dắt xe đi. Bà ta tránh mặt, để lũ con cái "chiến đấu" với các em gái của bố nó! Hay! Ngẫm ra, bà thấy đó là một "chiến thuật" quá chuẩn! Để các bà cô già nua đối mặt với con cái bà ta, dù xảy ra "khẩu chiến" hay "chân tay chiến" thì sự thất bại nghiêng về phía em gái của bố chúng nó là điều khẳng định!

Nhìn theo cái dáng mặc quân phục khỏe mạnh của bà ta, sự ngỡ ngàng bỗng choán hết tâm trí bà. Đâu rồi cái giọng thê thọt, khẽ khàng của cô gái trẻ trước kia khi mới bước chân ra khỏi rừng rú, bỡ ngỡ, về làm dâu cha mẹ bà? Đâu rồi cái dáng vẻ ân cần, câu nói tỏ ra rất thảo hiền, những ngày đầu mới bước chân về cùng ở một mái nhà với cha mẹ bà? Đâu rồi một chị dâu cởi mở, ra vẻ quan tâm đến các em chồng những ngày đầu lơ ngơ về Thủ đô?... Đâu rồi?... Đâu rồi?... Sao có sự thay tâm đổi tính nhanh vậy? Mất, mất hết tất cả những điều tưởng như đẹp đẽ ấy rồi! Tất cả đã biến tan như một giấc mơ đầy trăn trở, để khi tỉnh lại, người nằm mơ chỉ thấy hoang mang, bối rối! Chỉ mới vài ngày trước đây, bà ta ngọt nhạt: "*Chị vẫn bảo với các cháu, chả ai làm được như cô. Cô là người có tâm, đã giữ được di sản cho ông. Thôi thì, cô hãy cùng với chị, là nơi quy tụ cho các cháu nội ngoại về với nhau*". Thế mà... lúc trước khi đi tránh mặt, bà ta đã nhổ vào mặt bà: "*Làm được một tí việc cho ông...*" với giọng đầy coi thường bạc bẽo. Lưỡi ai cũng không xương. Nhưng... cái lưỡi của bà ta thì... khủng khiếp! Còn bà, bảo tồn di sản của cha mẹ là đạo hiếu, đâu có dám kể gì đến công lao. Chỉ hiềm một nỗi, chẳng có tiền để trang trải nợ nần làm sách và tiếp tục nốt những việc còn dang dở của cha.

Nhiều năm trước, đang trong giai đoạn cơ chế kinh tế chuyển đổi đầy khốn khó, vợ chồng bà vẫn quyết tâm bảo tồn dần những tác phẩm gan ruột của cha. Nhà đông anh chị em đấy, nhưng ai cũng ở tình trạng sống giật gấu vá vai. Với vai trò con trưởng, anh bà đã cố một phần trách nhiệm, góp với bà chút tiền để in (chỉ in thôi) ra tác phẩm. Vậy mà, mồ chồng chưa xanh cỏ, bà ta gân cổ gào vào mặt các em chồng:

- Trả cho tôi mười hai triệu đồng in sách!

Ôi, tiền ơi! Đồng tiền sao mà quý thế! Nhưng, sao cũng bẩn thế, tiền ơi! Ới tiền! Một đời cha nạo ruột nạo gan làm nên sự nghiệp đáng tự hào, để chúng con được ngẩng cao đầu với thiên hạ, Sự nghiệp ấy cũng đã đem lại những đồng tiền nuôi nấng cả một lũ một lĩ chúng con lớn lên. Nhưng đau đớn thay, cũng là tiền - mười hai triệu đồng tiền nhỏ nhoi mà anh con trả nghĩa cho cha đã trở thành ác mộng với con. Ác mộng không phải vì nếu muốn, con không thể trả nổi. Ác mộng là bởi, sao cái cách coi trọng đồng tiền của họ đáng sợ thế, cha ơi! Vậy mà, họ đã và đang muốn chiếm giữ ngôi nhà mà cha mẹ để lại cho tất cả chúng con với lời ngụy tạo: *Giữ làm nơi để thờ cúng!?* Liệu... trong cái không gian nén chặt giả dối, tham lam và bất nghĩa ấy, cha mẹ có thanh thản về thụ hưởng nổi những làn khói hương đầy ám khí? Thờ cúng ư? Vâng, đó là một tập tục đẹp! Nhưng khi thờ cúng, cái tâm vẫn là điều quan trọng nhất. Mâm cao, cỗ đầy mà làm gì, khi rượu vào lời ra, anh em bất đồng bất thuận!? Mâm cao, cỗ đầy để làm gì khi mà họ ngồi với nhau chỉ để xúc xiểm, xúi giục anh em bất hòa!?

Một làn gió đầu đông ào qua. Trời bắt đầu tang tảng sáng. Bà ớn lạnh. Nhưng chính cái lạnh đã giúp bà bình tâm trở lại. Bà thầm nghĩ, phải cố tĩnh tâm thôi. Bao việc phía trước của cha còn đó. Nếu bà gục, ai sẽ làm nốt đây? Hãy cố, cố lên. Hãy coi những chuyện xảy ra như là ác mộng. Mà thật ra, ác mộng nay cũng đâu có thiếu trong đời thực cơ chứ? Đầy rẫy ra đấy. Con đánh cha. Vợ giết chồng. Anh em đâm chém lẫn nhau... Nghĩ đến những điều này, chắc chắn không phải bà

ngụy biện cho cái cảnh đã đến hồi suy tàn của đại gia đình từng đáng tự hào một thời. Chỉ là bởi bà hiểu rằng, đó là sự tất yếu của giai đoạn mà đạo đức, nhân phẩm thuộc không ít kẻ trong xã hội đã đến hồi suy thoái toàn diện mà thôi!

Bà từ từ, chậm chạp đi vào, đến trước ban thờ đạm bạc của cha mẹ. Thắp thêm tuần nhang, bà cúi đầu. Lúc này, giọt lệ máu nơi khóe mắt bà đã khô quánh!

PHẠM HỒNG THẮM

thơ

BẾN SÔNG QUÊ

Bên kia sông ngọn Dương-Bồ
mưa và mây trôi đầu núi
nước đi đâu lỡ hẹn cùng bờ
đốt lửa chiều quê thương những lần hẹn lỗi .

Mây chập chùng giăng Đá-Dừng Hòn-Kẽm
hoang-sơ người cùng chiếc thuyền trôi
lối Trà-Linh,Hiệp-Hòa tít thẫm
em có quên chăng những buổi hẹn rồi .

Tóc em một lần chải gội cuối sông
Xanh Vu-Gia xuôi về Cửa-Đại
nghiêng mái chèo đưa theo nhịp Thu-Bồn
đành đoạn chi bỏ tôi ở lại .

Lênh đênh đò lên bến ngược
vắng em rồi một sáng ra đi
sắt se tấc lòng nuối tiếc
nhớ sông quê còn giữ lại những gì .

Dẫu mai về tắm mát cùng sông
ngập ngừng rộn ràng hai bờ ngực
tình em buông trôi tới Trà-Linh
đêm ngũ mộng đầy xôn xao cỗ-tích .

Hoàng-hôn đỏ chao sầu cuối núi
bỏ quán,bỏ thuyền bịn rịn người ơi
lữa bập bùng choàng theo bóng tối
bến sông quê giờ đã xa rồi
giấc mơ xưa thôi người đã khuất .

HUY UYÊN

truyện ngắn

XA RỒI NỖI ÁM ẢNH MỘT ĐỜI

TRẦN MINH NGUYỆT

-Ba tha cho con, ba đừng đánh con nữa, con đau lắm !- Cúc nước mắt ràn rụa van xin-gương mặt tái nhợt , gắng ngước lên nhìn ông Kha.

Ông Kha trừng mắt- la to :" Mầy rồi cũng giống con mẹ mầy thôi. Tao lầm nên khổ cả đời như thế này mày có biết không?"-giọng ông trở nên rền rĩ, như lời than, như tiếng khóc uất nghẹn. Ngọn roi lại vụt vào mông Cúc. Nó oằn người và thấy cảm đau buốt tận trong tim. Lần nào cũng vậy-những ngọn roi quất bừa vào người nó của ông Kha cũng làm nó đau nhói bên ngực trái. Cúc cảm thấy đau vì những lằn roi thì ít, mà đau vì cuộc đời bất hạnh thiếu vắng tình yêu thương của mẹ, của cha thì nhiều gấp bội. Nỗi đau vẫn còn luôn âm ỉ, ray rức nó ngày đêm từ khi mẹ nó bỗng dưng bỏ nhà ra đi, và những cơn say của ba –nỗi tức giận, hận thù lại đổ lên tấm thân nhỏ bé, gầy guộc của nó bao lần!

- Mầy không được khóc, mầy nghĩ mầy có thể gạt tao bằng những giọt nước mắt giả dối của mầy hả?- Giọng ông Kha lè nhè , nghe buồn thãm và ngọn roi lại tiếp tục vút trên người của Cúc ...

Cúc lấy tay bịt chặt miệng mình cho tiếng uất nghẹn khỏi bật ra, nhưng gương mặt ướt đẫm nước mắt, nước mũi đầm đìa và méo lệch trông thật thảm hại.

- Đánh mày chỉ thêm mỏi tay tao thôi!-Ông Kha vất chiếc roi ra sân -Mày lại đằng kia quỳ úp mặt vào tường và sám hối những tội lỗi của mầy đi.!

Cúc đứng lên đi lại sát vách và quỳ xuống. Cúc không dám khóc, nhưng nước mắt vẫn cứ tự nhiên trào ra. Sự oán hận mẹ của Cúc lúc này thật mãnh liệt- bà đã sinh ra nó, rồi bỏ nó ở lại một mình chịu bao đau đớn để chạy theo một gã đàn ông khác-bà sẽ được gì trong cuộc đời này? Cúc cũng cảm thấy rất hận cha nhưng nghĩ đến nỗi khổ của ông đêm ngày vất vã lo cho nó ăn học-lúc tỉnh táo, không có rượu- ông thường mang về cho nó những cái kẹp tóc, chiếc lượt đồi mồi và có khi còn mua cho nó quần áo mới nữa-Cúc thường thiếp đi trong nỗi buồn trống trải..Trong cơn mơ chập chờn, Cúc thường nhớ đến những đêm ông còn ngồi cạnh bàn dạy cho nó học . Lời của ông luôn văng vẳng bên tai nó: " Con phải cố gắng học giỏi- nên người, để sau này kiếm một nghề nuôi thân, không phải khổ như ba, làm thuê, làm mướn để phải chịu khổ như thế này con nhé? " . Nhưng khi uống rượu vào, dường như ông trở thành một con người khác lạ-vừa hung hãn, vừa khổ sở.. Có lần,ông đã đánh Cúc đến thâm tím khắp mình dù lúc ấy Cúc đang ngoan ngoãn ngồi ở bậc hiên nhà chờ ông về để cùng ăn cơm chiều! Lúc ấy, ông Kha đã nhìn Cúc với đôi mắt khác thường- nó như ánh lên tia lửa vừa đằm thắm, vưa oán cừu- Lúc đó, ông trông Cúc càng giống mẹ như tạc- giống từ gương mặt đến bộ ngồi ,dáng đi- Cúc có mặt bên ông, ngồi ở bậc hiên nhà-đã khiến ông càng nhớ người phụ tình đã không ngớt ám ảnh ông từ dạo ấy... Cũng từ dạo mẹ nó bỏ đi- Cúc thấy ông ông thường uống rượu nhiều hơn- và sau đó, nó bị những trận đòn vô cớ nhiều hơn.? Sau mỗi trận bị hành hạ-Cúc cảm thấy tủi thân , nó muốn tự tử chết đi để ba, mẹ nó sẽ ân hận như thế nào khi bỏ rơi không thương yêu nó nữa?. Nghĩ vậy-Cúc thường có cảm giác được an ủi-được vỗ về. Cúc cũng nghĩ đến ngày nó sẽ tới

trường để tạm biệt lớp 8B yêu thương của nó, rồi sẽ vội vã về sớm khi ba nó còn ở công trường. Lúc ba nó về đến nhà, thì nó đã rời xa thế giới này vĩnh viễn rồi...

Tiếng ngáy khò khò mệt nhọc của ông Kha khiến Cúc quay lại nhìn -thấy ba nó nằm dài trên sàn nhà, đầu nghẹo sang một bên, muỗi đang bu đầy trên mặt- con nào cũng mập tròn, và hình như chúng cũng không còn bay nổi nữa? Cúc vội đứng dậy chạy vào buồng, lấy mền đắp cho ông Kha, và bật quạt để xua đàn muỗi đói. Mọi suy nghĩ trả thù ba mẹ trong chiếc đầu bé nhỏ thơ ngây của nó như tan biến hết. Cúc nhìn kỹ gương mặt của ba-thấy hốc hác gầy ốm đi rất nhiều ! Chỉ mới nửa năm thôi-từ ngày mẹ nó bỏ đi không một lời nhắn lại- ba nó đã thay đổi quá nhiều! Sự khổ đau, phiền muộn đã làm cho người ta sớm tàn đến vậy sao? .Cúc muốn gọi ba dậy ăn một ít cơm nhưng nó không dám. Nó chỉ sửa lại mền và gối đầu cho ba nó – rồi thẩn thờ vào bếp lấy cơm nguội và trách cá kho mặn ra đặt giữa nền nhà-ngồi ăn một mình. Cúc tự nghĩ-mình phải ăn, phải sống , phải lo cho ba .... Vắng bóng nó rồi thì ba sẽ sống với ai, còn ai giúp được ba những lúc như thế này?

***

Cúc đang ngủ, nó có cảm giác bị nhìn trộm, nó hé mắt nhìn : ba nó đang ngồi bên giường nó - nhìn nó thật lâu, gương mặt dịu lại- thật trìu mến. Ba nó cúi xuống kế sát mặt - như muốn hôn nó- nói khẽ : " Ba xin lỗi con, con gái yêu! Ba sẽ bỏ rượu, sẽ không làm con sợ nữa !" Cúc vẫn nằm yên-như ngú say- nhưng cảm thấy lòng mình như được bao ánh nắng sưởi- ấm áp lạ thường..

- Con gái! Dậy đi con, dậy ăn sáng rồi đi học,- Giọng ông Kha bỗng vui hẳn lên-Con gái mà ngủ nướng là hư lắm nghen.

Cúc vờ trở mình, đợi ba nó gọi mấy lần mới chịu mở to đôi mắt lên nhìn- nhoẻn cười với ông.

Cúc muốn nói với ba nhiều lời yêu thương, nhiều điều hứa hẹn-nhưng lớ ngớ mãi vẫn không mở miệng được. Cuối cùng, nó chỉ hỏi được một câu :

- Ba chưa đi làm sao ba? Trưa ba có về ăn cơm với con không?

- Không con à.-giọng ông Kha âu yếm- Trưa ba ăn ở công trường, chiều ba sẽ về sớm với con nhé?- Ông nhìn sững lên mặt Cúc- Con ở nhà nấu cơm trước, ba ghé chợ mua thức ăn, tối cha con mình ăn một bữa ....

- Dạ, con biết rồi.! Ba yên tâm ba nhé?

- Thôi, ba đi làm đây- ông đứng dậy- con đi học sau nhé.? Ông Kha dắt xe ra cửa-bỗng quay lại nhìn Cúc : " Con gái! Ba xin lỗi con..."

Nhìn ông Kha đi ra khỏi ngõ- Cúc cảm thấy trong tận đáy lòng rộn lên một niềm vui mênh mang-khó tả! . Nó lại muốn bật lên khóc,vì hạnh phúc! . Cúc thầm hứa với lòng là từ nay- nó sẽ ngoan hơn,cố gắng học giỏi, cố gắng xóa dần dấu ấn đen tối của mẹ trong lòng của ba để mong ba được an vui mà tiếp tục sống...

Một ngày mới bắt đầu, Cúc bước ra sân- dang rộng hai tay hít một hơi thật dài làn không khí tươi mát buổi sớm... Kể từ ngày mẹ Cúc ra đi, hôm nay nó mới cảm nhận được cảnh sân nhà nó đẹp-có hoa nở, có chim hót. Một cảm giác thân thương, gần gũi- và đáng yêu biết bao. Cúc lại nghĩ đến ba-và mỉm cười...

TRẦN MINH NGUYỆT

truyện ngắn

KHOẢNG ĐỜI CÂM LẶNG

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI

Bây giờ bà nằm đó, bất động. Cơ thể nặng trịch muốn chìm vào một cõi rất xa. Nhìn lên mái nhà, bà tìm đấng cứu tinh. Phật Thánh hỡi! Người ở đâu hãy cứu tôi, một kẻ bất hạnh, một tâm hồn trống rỗng. Hãy trả lại tôi thuở ban đầu hạt lúa non phơi phới giữa cánh đồng. Sao người lại nhấn tôi vào bể khổ? Sao người lại cho tôi vẻ ngọc ngà một vầng trăng, cho tôi cái buổi chiều nhân duyên ấy?... Để rồi giữa chừng người xoá đi những cảm xúc, thậm chí cả lòng nhân ái, nhân từ. Tôi thành kẻ cô đơn, trống trải, thành kẻ chối bỏ thiên chức, trốn tránh cuộc đời...

***

Mọi chuyện bắt đầu từ cái làng Lụa Vân! Làng có những con sông nhỏ, những lối mòn quanh quanh luồn qua những mảnh vườn xanh mát rặng ổi, rặng na dại, những cây si buông rễ chằng chịt ôm lấy ngôi miếu cổ mốc thếch và ẩm ướt. Lẫn trong màu xanh vườn tược, cây cối là những cái ao lấp lánh như những chiếc gương con. Nghe đâu đấy là những chiếc gương của một Bà Chúa ngày xưa... Thuở mới lập làng, con gái ở đây đen nhẻm, xấu xí, quanh năm lặn lội đồng chua nước mặn, chả biết mặt mũi mình ra sao. Nên làng có rất nhiều con gái ế chồng. Một hôm có một cô gái ngồi bên bờ sông than khóc về tuổi xuân và nhan sắc kém cỏi của mình. Bà Chúa bay qua, thương tình quá, liền thả xuống những vũng nước trong xanh, lấp lánh. Cô gái đến soi vào một vũng, bỗng thấy khuôn mặt mình xinh đẹp hẳn lên. Từ đó, con gái trong làng hằng ngày rủ nhau ra những vũng nước ấy soi gương. Có lẽ thế chăng, nên sau này con gái làng Lụa Vân thường từ bé đã xinh đẹp có tiếng trong vùng?

Nghĩ tiếc tuổi thơ. Ngỡ nó vô tư mãi trong sân nhà trăng sáng, ngoài bờ ao rung rinh cánh bướm vàng. Ngỡ mãi tung tẩy dưới vòm cây si, cây ổi gióng giả tiếng ve. Tâm hồn thơ dại rông rài trong nắng gió với những ngón tay chồng nụ chồng hoa, đánh chắt chuyền, thả đỉa ba ba... những trò chơi mà trẻ con lúc bấy giờ hầu như không đứa nào không say mê. Mùa gặt hái, chui vào đống lúa gặm củ khoai sống, hoặc cắn múi khế chua vãi cả... Mùa cày bừa ra đồng chờ mẹ thả trâu, ngồi gà gật trên đống rạ, ngủ lúc nào không biết. Mới hôm nọ khuôn mặt con bé Trâm như mảnh trăng lá lúa mỏng mảnh. Đến một ngày, mảnh trăng bỗng tròn vạnh đầu sân như chiếc nia đầy thóc, ắp một màu vàng tươi rói. Bọn trai làng đứa ngấp nghé, đứa như con chồn, con gấu ngơ ngác rượt theo. Không ít kẻ vô ý trượt chân ngã xuống ao, tưởng ôm được bóng trăng trong lòng nước! Nhưng bóng trăng đã trôi ra phía đằng kia, đậu vào lòng một chàng trai làng Phong Thượng...

***

Làng Phong Thượng cách làng Lụa Vân một cánh đồng. Người làng Phong Thượng rất mê chơi diều. Có người mê diều từ lúc để chỏm cạo đầu bằng mảnh chai cho đến khi thành "đứa trẻ lâu ngày" dắt cả cháu nội cháu ngoại đi xem! Những cánh diều bay lên cao như những con chim, con cá lượn trên nền trời xanh lộng gió. Có những chiếc phát ra âm thanh lúc ngân nga cao vút tiếng chuông đồng, lúc u u trầm đục tiếng cối xay. Đấy là những chiếc diều sáo của ông Xã Băng, bác Phó Cách, anh Cu Liễu... nổi tiếng làm diều và thi thả diều có hạng trong vùng. Riêng diều của ông Xã Băng mỗi khi tiếng ống ngân lên là không gian làng như chung chiêng, lặng ngất. Dân sành chơi diều bên tận Thuỷ Nguyên cũng phân biệt được và thán phục. Một lần, trên bãi Sập Chim, cha con ông Xã Băng đang mơ màng trong tiếng sáo, thì hai con trâu đực chọi nhau từ đâu chạy tới. Bỗng con đằng trước quay lại kịch chiến. Hai cặp sừng bất ngờ quých luôn vào cây cọc

buộc dây diều. Sợi dây đứt đánh "phựt". Tiếng sáo đang lan toả vi vu chợt rít u ú... chơi vơi, rồi mất hút trong lòng trời. Ông quát con trai: Tĩnh! Xóm Hồ Cầm bên Lụa Vân! Chạy vào ngay, kẻo mất toi bộ sáo!

***

Đi cấy về, Trâm ngồi tắm trên cầu ao. Khu vườn ao vắng hoe, tịch mịch. Làn nước mát lạnh nuột nà trên da thịt. Trâm thanh thản cởi yếm. Thân hình đầy đặn hiện ngời ngời trên mặt nước, trắng long lanh. Trâm cúi xuống ngắm gương mặt mình với mái tóc đen dài thả mượt. Bầu vú trắng hồng, tròn trĩnh, sóng sánh. Mới hôm nào cái tí ti còn xinh xinh, chum chúm giống chuỗm quả cau non... Nay dưới mặt ao nây nẩy, lung linh hai quả dưa hồng chín mọng bên nhau. Trâm rạo rực, miên man trong cảm xúc là lạ của trái quả đầu mùa... Rầm! ối! Bỗng một vật gì rất lớn từ trên cao chụp xuống kéo Trâm ngã nhào. Trâm hốt hoảng, lóp ngóp vùng vẫy, bị uống liền mấy ngụm nước. Lũ gà, vịt nằm trên bờ vột cánh kêu tán loạn. Trôi lên bám lấy một cây cọc cầu ao, cô vuốt mặt định thần: Chiếc diều sáo! Chắc của ai bên Phong Thượng bị rơi? Chắc bị đứt dây ngoài cánh đồng, gió đánh tạt vào đây? Chiếc diều to dễ bằng chiếc thuyền lẵng, có gắn dàn sáo trôi lập lờ trên mặt nước. Trâm vói tay cầm được một mỏm cánh. Đang tìm cách gỡ đoạn dây rối để đưa chiếc diều lên thì trên dậu râm bụt một chàng trai ở đâu vừa chạy tới. Anh ta thở hổn hển: -Đây rồi! Trâm giật thót. Chợt nhớ ra mình loã thể, cô vội lặn xuống, lại ngoi lên, luống cuống giấu bầu ngực dưới làn nước. Nước ao trong veo. Bầu ngực vẫn lồ lộ, sóng sánh. Chàng trai đứng chết lặng một lát, mới sực tỉnh: -Diều của nhà tôi... đứt dây... lại rơi xuống đây. Cô thông cảm... cho tôi xin...

-Xuống vớt lấy! Ai công đâu vớt hộ anh! Trâm đưa mắt lúng túng tìm chiếc yếm, lẩm bẩm: Lạ nhỉ... lúc nãy... ở đây...

-Đâu, tôi vừa chạy đến đấy chứ!...

-Rõ nỡm ạ! Quay mặt đi. Người ta tìm cái yếm! Cái diều của nhà anh rơi xuống, trúng đầu người ta, làm mất đâu cái yếm của người ta rồi!...

-Mắc vào cái diều kia kìa...

***

Chiều chiều neo xong diều cho cha, chàng trai lại lang thang trên cánh đồng nhìn về làng Lụa Vân. Hình ảnh cô gái dưới ao cứ chập chờn, hiển hiện như một nàng tiên từ đâu sa xuống. Cảm giác vẫn còn nao nao, ngơ ngẩn. Chưa bao giờ anh được thấy một vòm ngực trần con gái rõ ràng và đẹp đến thế! Cô ấy xinh quá! Một vầng trăng ngà ngọc trên mặt nước. Con gái Lụa Vân quả thật như tiếng đồn. Trâm ơi! Hồn vía anh đã buộc vào ánh trăng em!...

Sau đấy, theo lối cỏ Tĩnh tìm đến nhà Trâm. Bên bờ ao, tuần trăng thứ ba thì Tĩnh tỏ tình với Trâm. Hai người thường hẹn nhau, đợi nhau những đêm trăng trong đám con trai con gái hai làng ra đồng chống hạn, hò hát thâu đêm. Nong đầy nước. Ruộng đầy trăng. Tình yêu như trăng nước lấp lánh giao hoà.

Vậy mà... anh đã phản bội tôi! Chàng trai đã phản bội cô gái. Người chồng đã phản bội vợ! Anh bảo trên đời này anh chỉ có một vầng trăng mọc ở làng Lụa Vân. Tôi đã nhầm! Người ta khi tự ái và uất hận thường gây những cơn sóng gió, những trận tam bành cho trai nọ gái kia tan tành, bẽ mặt. Lành làm chõ đồ xôi, vỡ làm chĩnh quẳng bờ tre. Nhưng với Trâm, Trâm không thế. Trâm nuốt giận. Nỗi giận lại trồi lên, muốn bật khỏi họng, muốn xả một hơi cho bõ tức. Định xả ra lại nghẹn chừng giữa cổ. Xong lại nuốt. Nghẹn cũng cố nuốt, nuốt cho sâu xuống tận đáy. Bọn đàn ông khốn kiếp. Lúc phải lòng người ta thì hẹn non thề biển, khi đẫy rồi, sểnh ra thấy gái lạ là như quạ thấy gấc!...

Ngày anh đi chiến trường xa, tôi đã lặng thầm cất giữ thời con gái, nuôi con cho anh, cho gia đình anh để giữ mấy chữ tam tòng tứ đức. Thấy anh vắng nhà, thấy tôi chờ đằng đẵng, nhiều đàn ông lẳng lơ đã nhòm ngó tôi. Biết bao đêm tôi thổn thức trong nỗi nhớ chồng. Những đêm mưa phập phồng bong bóng, phải đem thóc ra xay. Xay cho ứ thóc, tràn nia. Xay cho buồn ngủ để quên. Có tiếng gọi bên rìa làng. Trai gái rủ nhau đi hát đối khiến tôi càng nhớ những đêm trăng tát nước. Vầng trăng cứ trêu ngươi trên nền trời, sao không lặn nhanh xuống cỏ?

***

Tôi không ngờ Trâm lại tự dưng thay đổi và nghiệt ngã đến vậy.

Không hiểu sao, sau hôm máy bay giặc Mỹ đánh phá khu vực nhà máy điện, tôi về nhà gặp ngay sự việc không bình thường? Bận ấy, tôi phải trực tại nhà máy cùng các chuyên gia, kỹ sư và anh chị em công nhân hoàn thành việc khắc phục tổ máy bị sự cố dưới những trận bom long trời lở đất. Tôi rất lo không hiểu ở nhà mấy mẹ con sẽ xoay xở ra sao, liệu có bị tên rơi đạn lạc gì không? Về đến nơi... nhà cửa bếp lạnh khói tàn. Hai đứa con ngủ lăn trên tấm phản ngoài hiên. Vợ nằm quay mặt vào tường, hỏi không thèm trả lời. Tôi đã quát hỏi, xong cũng phải cố dằn lòng khỏi bốc lửa. Mọi ngày, tôi thường phấn chấn chờ bữa cơm Trâm dọn. Thời chiến tranh, chỉ đĩa tôm rang, đĩa rau muống non, có bữa đĩa rau khoai lang luộc chấm mắm cáy... mà mâm cơm đạy chiếc lồng bàn nan tre thật ngon miệng, mặn mà. Anh đâu chỉ ăn cơm, anh đang ăn cái nhìn của em đấy chứ! Anh vẫn yêu Trâm thắm thiết và nồng nàn như thuở ban đầu. Sao hôm nay Trâm lại trái tính trái nết? Trâm cứ nằm đó, im lặng đến lạ kỳ? Vợ chồng đầu gối tay ấp, có gì ta cùng nói, cùng san sẻ với nhau, cùng lo tháo gỡ những vướng mắc, rối rắm đời thường. Đêm ấy, lần đầu tiên trong đời vợ chồng, em hất tôi ra khỏi giường. Tôi bẽ bàng, hụt hẫng và căm tức. Có là đàn ông em mới hiểu được tâm trạng tôi lúc đó. Hằng ngày đi làm về, nhìn Trâm nằm, ngồi một chiếc bóng trong góc nhà, tôi phải cố gắng lắm mới cầm nổi nỗi rưng rưng cứ chực trào ra. Tôi ngạc nhiên, tôi nghi ngờ tự hỏi: Em có phải là vợ mình? Có phải là cô gái tắm ao đã vớt chiếc diều? Đâu rồi tiếng cười những đêm nắm tay nhau chạy dưới đồng trăng? Đâu rồi tiếng thỏ thẻ khi hai đứa chụm đầu ngắm đứa con, một bông hoa mới nở trong lòng em? Nằm trên tấm phản ngoài hiên cho đỡ bức bối, tôi chớp mắt nhìn kỹ vòm trời cùng cây cối trong vườn. Đây là đâu hay nơi chiến trường thời khói lửa? Mới gần kề, sao giờ này bỗng xa tít tắp? Một khoảng rất ngắn, đưa tay ra là nắm được nhau mà bỗng vời vợi cách trở! Em hoá thành người đàn bà khác rồi ư? Nghĩ chỉ khổ cho hai đứa con nhỏ, chúng có tội tình gì mà em cũng xua khỏi vòng tay? Vài ba tuổi đầu, mẹ ngồi ngay trong ngôi nhà mà chúng thiếu hơi ấm, thiếu lời ru dịu ngọt! Chả lẽ Trâm bị mắc một thứ bệnh gì đó? Chả lẽ Trâm giở dại? Không thể! Không thể! Tôi phải cứu em! Nhưng tôi đã lầm. Mọi cố gắng của tôi đều là công cốc. Thuốc em không uống, bệnh viện em không đi. Bác sĩ đến, em trùm chăn kín mít, cuộn một con sâu trong tổ kén. Trâm ơi! Em biết không? Tôi muốn em mãi là người trọn vẹn, là của tôi suốt đời. Em là bếp lửa hồng của bố con tôi. Trâm không biết ư, tôi đã từng gạt bỏ những gì bợn gợn, nghi ngờ trong cái đêm nhìn thấy thằng cha trạm trưởng Trạm y tế xã ve vãn em!

***

Đấy là dịp nghỉ phép về thăm nhà và cũng là để bàn với vợ chuyện xuất ngũ nên ở lại làm sĩ quan chuyên nghiệp hay về vui cảnh nông tang chồng vợ có nhau. Bốn năm lăn lộn chiến trường, ba năm xây dựng đơn vị trên đất Hà Tây, Tĩnh muốn về cùng vợ con làm ăn và dựng lại nếp nhà. Lúc này thằng Bảo mới hai tuổi. Trâm mới vào làm y tá ở Trạm xá làng Phong Thượng. Bị nhỡ đò, quá nửa đêm, Tĩnh mới về đến nhà, nhưng không thấy Trâm đâu. Mẹ bảo Trâm bận trực ca đêm. Hôn lên bầu má thằng Bảo đang ngủ say, Tĩnh ra trạm xá đón vợ. Làng xóm yên ả trong những ngọn gió heo may. Anh bước trên lối gạch dẫn vào sân. Phòng trực có ánh đèn. Lại có tiếng đàn ông đàn bà nói chuyện rì rầm. Qua cửa sổ, Tĩnh nhìn vào thấy Trâm và một người đàn ông đang ngồi bên bàn. Hình như tay trạm trưởng? Đúng rồi! Anh lùi lại, nín thở...

-Ngày mai tôi đi họp và tiện thể lấy thuốc... Trâm không biết điều... Trâm vô tâm lắm..

-Em có làm gì sai trong nghiệp vụ thì anh nhắc giùm...

-Trâm vô tâm... Trâm không hiểu hay cố ý không hiểu... lòng tôi?

-Sao?

-Tôi thầm yêu Trâm. Tôi yêu Trâm lắm! Trâm rất đẹp...

-Ấy chết! Không được! Tôi đã có chồng con! Anh làm thế nguy hiểm lắm!...

Tĩnh bàng hoàng. Mồ hôi rịn ướt lưng. Anh cố trấn tĩnh: Bố láo bố toét! Thằng cha này định chim chuột vợ lính! Vừa lúc đó, gã trạm trưởng ghé sát người Trâm: -Biết đâu mà để rỗi hở em? Chiều anh đi... Anh sẽ tăng phụ cấp, sẽ giúp em đi học lớp bồi dưỡng! Gã ôm chầm lấy Trâm.

Thằng chó đểu! Tĩnh rút khẩu súng lục gác lên bậu cửa sổ. Nếu mày làm tới tao sẽ cho một viên!...

-Buông ra! Anh sàm sỡ vừa chứ! Trâm kêu to, giọng dứt khoát: Không được đụng vào tôi! Anh về đi! Trâm đẩy gã ngã ngửa khỏi ghế. Chiếc bàn nẩy lên xô đám dụng cụ loảng xoảng. Ra cửa, gã còn lèm bèm: -Sao em rắn thế? -Cút ngay! Tôi không cần ở đây nữa!... Cửa sập đánh

rầm. Tĩnh nhét súng trở lại. Anh lùi ra sau bụi kim ngân. Bóng Trâm đi qua, bỏ về nhà, hậm hực...

***

Đấy. Tôi biết, tôi biết tất cả. Tôi phục tấm lòng chung thuỷ của Trâm. Nhưng tôi lại lo lắng khôn nguôi. Sợ Trâm buồn, khó nói, nên tâm sự này, sự việc này tôi để bụng! Tôi muốn Trâm thanh thản. Tôi muốn Trâm và tôi phải ở riêng một khoảng trời khác không ai nhòm ngó và xâm phạm. Yêu vợ, thằng đàn ông nào không ích kỷ hở em?...

Tháng sau, tôi xin xuất ngũ. Bằng mọi giá phải đưa cái tổ ấm khỏi làng quê. Về tới nhà, chân ướt chân ráo, tôi chuyển luôn vợ con lên thị xã Nhà máy điện này. Tôi muốn Trâm phải có một cuộc sống khác, con cái mình có điều kiện để học hành, thành tài. Ngày ngày sau giờ lao động, vợ chồng đưa nhau vào rạp xinê, ra công viên hoặc dạo bước trên bờ sông... Tóm lại, tiếp xúc với một nền văn minh của ánh sáng, giờ giấc và khoa học. Ta sẽ có một thế hệ mới...

***

Anh đi đi. Đi với con nào thằng nào mà vui thú. Mặc kệ. Tôi biết anh rồi. Từ nay tôi hiểu anh rồi. Tôi còn lạ gì anh. Hùng hục như trâu cày buổi sớm! Mấy ngày xa một tí, anh đã không chịu được. Về là anh vồ vập, mơn trớn. Anh vuốt ve tôi là để cho anh. Định ở lính chuyên nghiệp anh cũng đi không giất giật không khỏi. Làm công nhân anh cũng bắt cả tôi đi. Rồi bây giờ tôi ốm đau, mới một cơn ốm nhỏ chứ to tát gì... Anh đã đi với người khác, với con bé ấy. Bằng bẵng cả tuần không ngó ngàng gì đến vợ con. Chao ôi, con bé ấy, nói không phải tự hào, làm sao bì được với tôi. Nó còn xách dép cho tôi. Tấm thân này, bộ ngực này anh từng chết mê chết mệt, từng làm anh đâm lú vẫn chưa đủ hay sao? Anh làm ra vẻ như không biết gì. Anh thay bộ mặt nhân từ để phỉnh nịnh tôi. Đừng hòng màn thưa che mắt thánh. Gái này biết tỏng tòng tong cả rồi. Vô lý. Không tình không ý, gái tơ sao lại đem thân đến nhà người ta? Kim lang ôi, hỡi Kim lang. Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây! Đừng nhìn mặt tôi, đừng vào với tôi! Lửa tình chàng đốt trong tôi đã tắt nguội rồi! Đi mà theo con khốn nạn, nặc nô ấy...

***

Lạ thật! Ngọt nhạt dỗ dành mãi... Giận gì thì giận cũng phải cho nhau biết một câu, cũng phải chừng mực. Làm sao đã giận bằng nỗi giận của tôi mỗi khi giáp mặt thằng trạm trưởng? Nó hề hề với mình thế mà rồi nó định xơi tái vợ mình ngay! Có điều tôi không thèm chấp. Tôi giấu trong lòng để biết nhân tình thế thái! Tôi mà chấp chi nhặt nhạnh, bới lông tìm vết thì còn lắm lôi thôi. Lưỡi cưa cùn cưa mãi cũng đổ cây. Không có tôi ở nhà, biết đâu mưa dầm ướt áo, cô chẳng rơi vào vòng tay chúng nó? Tôi ngậm miệng thì cô cũng phải biết điều một tý chứ! Ngay chuyện tự dưng ly thân này tôi cũng từng cố giấu. Nhưng anh chị em công nhân, bà con hàng xóm, người ta tinh lắm. Nội ngoại dưới quê lên thăm từng căn vặn tôi kịch liệt: "Anh sờ lên gáy xem. Cơm sống tại nồi hay bởi tại vung?" Rồi họ an ủi: "Thôi, số sao chịu vậy! Bọn em cũng chịu anh là người kiên nhẫn. Một câu nhịn chín câu lành!" -Nhịn. Không nhịn thì ai nhịn cho? Trong héo ngoài tươi. Có người lại thẳng thừng: "Chú là người của Phật, khoẻ chịu! Tôi ấy à? Vợ hay nợ? Ăn xong lại nằm ra gan, cho béng luôn!"

-Vợ chồng đâu phải cái áo. Em không nỡ thế, bác ơi!

***

Một năm, hai năm, ba năm. Hai người vẫn không hề gặp nhau. Không nói lời nào thêm. Không hề đầu gối tay ấp. Con cái cũng không làm được cái gạch nối giữa bố mẹ chúng. Thời gian đầu "cuộc chiến" mỗi khi năm hết tết đến, xung quanh xóm thợ nhà ai cũng giao thừa pháo nổ tưng bừng, riêng nhà Tĩnh vẫn lạnh lùng một dòng suối cạn. Nao núng. Chán nản. Mãi những năm về sau Tĩnh mới tự mình đứng vững được, tự mình lao vào cuộc sống. Ta còn những đứa con. Hai đứa con, hai con chim non há mỏ đợi mồi. Thằng Bảo, con Nguyệt lớn lên, ăn học đều do tay Tĩnh nuôi mớm, lo toan. Khi thường đã chật vật, bố con bìu ríu lấy nhau. Lúc trái gió trở trời, hu hi, sài đẹn... Anh như con gà trống ủ lấy đàn con. Nhiều bữa nồi bắc lên bếp, nước sôi sùng sục, vội dốc cái thảm, gạo không còn một hột. Ba, bốn giờ sáng đã cầm hòn gạch ra cửa hàng xếp nốt. Đêm

đêm lại ngồi dạy con học, rồi cặm cụi vá víu cho chúng. Tĩnh chạy vạy ngược xuôi, khổ sở tứ bề. Trâm vẫn thườn thượt trên chiếc đệm cỏ kéo vào một góc nhìn đời vô cảm. Bữa cơm đến, chồng con dọn sẵn, phải bê riêng vào tận nơi, nếu không sau đó sẽ là những ngày Trâm tuyệt thực. Cả nhà đi khỏi, Trâm bò dậy như con ma đói ăn vội ăn vàng, tợp ngụm nước súc miệng òng ọc, rồi lại về chỗ cũ. Quần áo vứt ra đã có Tĩnh giặt giũ, sau này con Nguyệt lớn lên Tĩnh cũng đỡ phần nào... Lâu ngày trong bóng râm, thân thể Trâm lỏng lẻo, trắng nhễ nhại, lốp láp như pho tượng đúc bằng thạch cao. Những đêm mưa gió, lòng Tĩnh buồn mênh mang, trống trải. Kỷ niệm ngày xưa dâng cảm xúc tràn trề như dòng sông mùa mưa đầy ngập sa bồi khiến khắp mạch máu mưng mưng, ứ đọng. Tĩnh thẽ thọt tìm vào với Trâm, như con mèo ăn vụng liễn mỡ. Vừa chạm người Trâm, Trâm sực tỉnh hất quăng tay Tĩnh, chẳng nói chẳng rằng. Tấm chăn đơn quấn lại. Tĩnh đụng phải chiếc đèn, dầu đổ lênh láng, bấc bốc cháy đùng đùng. Thế này thì chẳng còn tình nghĩa vợ chồng gì nữa! Chồng bát còn có khi xô, vợ chồng là nghĩa tao khang có giận nhau đến mấy cũng phải như bát nước nguội dần, để rồi tha thứ cho nhau, để rồi kim nhật kim thì... Đá kia còn đổ mồ hôi, huống chi con người có tim óc, có cảm xúc. Sao em nỡ như vậy? Tĩnh cố nán lại lựa lời âu yếm, gạn gùng, hy vọng Trâm sẽ xiêu lòng: Anh xin lỗi em. Thiết nghĩ ít nhất em cũng phải cho anh một lối thoát!... Nhưng vô vọng.

Quay đi ngoảnh lại đã chín, mười năm ròng rã. Cánh đồng nẻ rang khô hạn. Cơn mưa đứt chân cứ sậm sùi phía cuối gió, cuối sông. Tình phu thê như chiếc lá xơ vữa hết diệp lục, chỉ còn những đường gân ruỗng. Quả thật đến lúc này, Tĩnh không thể hiểu nổi ruột gan Trâm. Anh nhắm mắt, cố tưởng tượng cũng không nhớ ra mùi vợ là thế nào nữa! Một thôn nữ xinh đẹp, thuần hậu là thế, bỗng dưng thành người đàn bà hiểm hóc, vô cảm và xa lạ đến kỳ quặc. Biển còn đo được. Lòng người lại khó lường! Mỗi lần định hàn gắn là một lần trái tim bị tổn thương. Anh nặng nề quay ra với lòng tự trọng côi cút. Mảnh sân đầy trăng. Trăng sáng quá. Nhưng ánh trăng thật lạnh lẽo. Kiếp trước thế nào, sang kiếp này vợ chồng có cũng như không và thành kẻ nợ của nhau? Tính dục trong anh đang âm thầm tiêu tán, tự huỷ diệt.

Ta phải là một thằng đàn ông khác!

***

Bà nội mất, bố con lo mà về quê đóng góp làm đám tang. Đây không còn nước mắt. Sinh ra con giai, ông bà không dạy bảo đến nơi đến chốn, để hắn phản bội tôi. Phúc to, nên được thằng cu Bảo để nối dõi là tốt rồi... Nhà hỏng thì cứ việc tháo ra sửa lại. Đây lo, đây làm nhiều rồi. Chẳng cần tốt đẹp gì nữa. Không cô thì chợ vẫn đông, cô đi lấy chồng thì chợ vẫn vui. Ở đời người ta chẳng nói thế là gì? Các người cứ tha hồ kể xấu ta đi. Xấu nàng hổ ai? Nếu cần thì dỡ hai gian bên ấy thôi, còn gian này để lại, mưa dột đây cũng chịu được. Bảo nhau mà đạy điệm. Đang ở quê yên lành lại chuyển công nhân. Phố phường gì cái xóm thợ trong hóc ba tó toàn núi đồi, rừng rú. Cạnh cái khu công nghiệp ồn ào này, mỗi lần nhà máy xả hơi cũng đủ om hết cả đầu óc. Tưởng nhà cao nhà gác gì... Không biết con tắc kè già khú biến đâu, để cái con nào đó đến tắc lưỡi non choẹt trên cây mít ngoài hồi nhà?

***

Đêm nào tiếng mọt gỗ cũng xiết vào bóng tối muốn kéo mái nhà cũ sụp xuống. Tĩnh nhờ anh em dưới quê và mấy cô chú công nhân đến dỡ hộ, rồi xây tường, lợp ngói mới. Thằng Bảo và con Nguyệt vận động mẹ tạm xuống nhà bếp không được, liền xúm vào khiêng. Bảo buồn bã than thở: "Cuối năm con lấy vợ. Không biết mẹ có đi cưới, đi đón nàng dâu được không? Con biết nói năng với bạn gái thế nào đây?" Còn Nguyệt tủi thân: "Người ta có mẹ có con, ngọt bùi ấm lạnh, đâu giận cái chấy. Đăng này mẹ mình câm điếc bóng ma. Mặt trăng, mặt trời còn có lúc thấy nhau... Mẹ cạn tàu ráo máng với bố đến thế là cùng! Mẹ ơi!"

(Ờ ờ... cho chúng mày nói. Cho chúng mày vào hùa với thằng bố. Ta thương con ta, nhưng ta không thể. Cứ nhìn mặt thằng bố mày là ta đã muốn nôn thốc nôn tháo, đã muốn băm vằm. Ta để cho mà biết thế nào là đàn bà. Đàn bà đâu chỉ là bông hoa, là vầng trăng, là người mang nặng đẻ đau! Đàn bà có thể tước của các người lòng tự trọng và biến các người trở về với con vật...)

Ngoài vườn lao xao tiếng trò chuyện. Ai đó nửa đùa nửa thật: Bà chị bị ma ám đấy ông anh ạ! Trong quê tôi đã có chuyện cô gái nọ không ngủ với chồng mà lại nằm mơ ngủ với ma...

như thật! Thế mới kinh chứ! Trăm phần trăm không bịa...
-Hay mợ ấy bị trúng phong nhập lý, mắc bệnh tâm thần mà cậu không biết? Tiếng chị Hồi: Đàn ông các cậu là hay vô tâm, đểnh đoảng lắm, chỉ cốt công việc!

-Anh nói thật đi. Anh có lỗi gì với chị ấy? Đàn bà kín đáo, anh phải biết lựa chiều chứ! Cô Phấn, em gái trên Hà Nội về thăm, gặng Tĩnh: Bên Vĩnh Bảo có ông thầy xem lá trầu giỏi lắm. Hay mai em đưa anh sang đó xem mồ mả nhà mình có động chạm gì không? Đũa gắp một chiếc thế này, sự nghiệp lâu dài anh tính sao đây? Mong các bác các chú thông cảm giúp đỡ ông anh "hoá Bụt" của em...

-Chúng tôi lạ gì. Bao năm nay ở goá, chú ấy là "người đàn ông làm vợ" đấy cô ạ! Tiếng cười râm ran. Tiếng Tĩnh dứt khoát:
-Chả lẽ nhà tôi điên thật? Thôi được! Hoàn công nhà xong, bố con tôi cho cô ấy ra bệnh viện tâm thần. Chỉ có đến đó mới giải quyết được vấn đề!...

***

Chiếc xe com măng ca đợi đầu ngõ. Hôm nay tôi phải đưa Trâm đi chữa bệnh. Nào. Đứng dậy nào! Tĩnh đến bên nắm tay Trâm định nâng dậy dìu ra ngoài. Trâm rối rít xua tay, giãy đạp. Đám công nhân đành trói chặt Trâm, bế ra ấn vào xe: -Trên đời thấy bà chị là một! Ông anh cũng là một! Đổi chỗ cho bà chị sang nhà lão Định xem! Ba bẩy hai mốt. Đố bà chị chịu được! Trâm oằn người ú ớ, nước mắt giàn giụa. Tĩnh cũng quay mặt đi lau mắt. Trâm ơi! Tôi có cạn tình cạn nghĩa gì với Trâm? Sao Trâm nỡ hành hạ thân xác mình, hành hạ thân xác tôi? Giữa chúng ta có gì để ân hận đâu? Tôi hoàn toàn vô tư, quí trọng em. Từ bấy đến nay tôi chưa một lần nặng nhẹ, chưa một lần đả động, thoá mạ em như những thằng chồng khác đối với vợ mình như em đã từng biết từng nghe. Nếu được làm lại từ đầu, tôi xin trở về với buổi chiều chiếc diều sa xuống mặt ao bữa ấy! Giờ sao em phải khổ? Thà em cứ điên cuồng phá phách, còn hơn lầm lỳ, hữu cốt vô hồn. Thôi, đành làm vậy để cứu em, cứu một con người bệnh hoạn, một tâm hồn băng giá.

***

Đừng có bậy bạ quàng xiên. Đây không câm không điếc. Đây không tâm thần, không thần kinh thần khiếp gì. Đây cứ nằm lỳ cho bố con mi phục dịch. Đây không cần xuân sắc nữa. Xuân sắc ta đã lặn vào trong. Lắm lúc ta cũng hơn hớn, miên man lắm chứ! Ta như con ếch ngủ đông muốn xé toang lớp mà để đắm ngợp trong mưa rào tháo trận. Ta là con gái làng Lụa Vân! Con gái Lụa Vân từng làm chết đuối bao thằng con trai. Cả mi cũng thế! Nhưng cứ nghĩ mi phản bội ta, nhìn theo con bé ấy là ta đã nghẹn rồi. Mi làm ta câm thật rồi! Ta hoá đá thật rồi!

Bắt ta vào bệnh viện ư? Ta sẽ ném thuốc vào nhà tiêu. Ta có điên dại chi đâu? Sao nỡ nhốt ta vào lũ người điên? Chính mi mới điên! Trời ơi... Từ nay ta mang tiếng một người điên! Ta sẽ về. Ta sẽ trả thù những gì mi phản bội ta, đã ép buộc ta! Thả ta ra! Các ông các bà đừng tin con người này. Đạo đức giả. Đạo đức giả. Mặt nhân từ thế mà bụng một bồ dao găm. Anh ta muốn đẩy tôi ra khỏi ngôi nhà này để rước con bé khác!...

***

Thời gian là tên ăn trộm không hề ngoái đầu. Nó đã lấy trong "toà thiên nhiên" của con người nhiều thứ quí báu. Bà vẫn nằm đó, gần như bất động. Nhưng hôm nay sắc mặt bà có vẻ khác lạ. Một đoá hoa khô nhúng nước bỗng nhuận hồng. Hai dòng lệ chợt từ sâu thẳm ứa ra, rớt xuống gối. Bà khẽ đưa mắt ra ý vẫy ông đến ngồi bên bà. Tia nhìn như một sợi dây cố níu lấy quầng ánh sáng trước mặt. Bà gật gật bảo ông xích lại gần, gần nữa và cúi xuống. Bà cầm lấy tay ông. Chao ôi bàn tay từng vuốt ve bà, từng đem đến cho bà những giây phút đê mê hạnh phúc! Ông mỉm cười. Bà thấy rất rõ, hình như nụ cười đượm lại vẻ đôn hậu của ngày chàng trai đứng trên bờ ao cầu cứu cô gái vớt hộ chiếc diều!

Để yên tay mình trong tay bà lạnh giá, ông lại có cảm giác bàn tay đang hồi lại nóng ấm. Cái lạnh giá đang tan loãng, toát ra ngoài cho nhiệt lượng trong người bà rõ dần lên. Trái tim bà đang khởi động, hồi sinh một guồng máy. Lòng ông mềm ra. Hồi nhà máy điện bị tắt lịm mất mấy ngày sau trận bom Mỹ dội, bỗng ầm ầm tiếng xả hơi trở lại và dòng điện loé sáng... ông cũng lặng

người như thế này. Nó còn giống như các chân ruộng nẻ toác được tát nước đầy tràn sau những đêm trăng. Hơi nóng ấm của thuở ban đầu run rẩy trong nhau...

***

Biết mệnh tôi rồi. Tôi sẽ nói hết những điều u uất với ông. Tôi muốn được thanh thản cõi lòng. Tôi muốn hiểu vì sao suốt ba mươi nhăm năm qua, ông đã không cố chấp tôi? Sau những lần bị cự tuyệt, ông không đoái hoài gì nữa đến thân thể tôi? Nửa đêm tôi thường nhổm dậy nhìn sang giường ông. Không thấy động tĩnh gì. Cũng không nghe thấy ai bảo ông lan man tìm niềm vui khác. Đàn ông năm bảy lá gan! Tôi đang nhận ra ông không phải hạng người như vậy. Nhưng tại sao ông lại có thể nhất mực gửi lòng chung thuỷ cực đoan vào nơi trống rỗng? Tôi không dễ tin một người đàn ông rõ ràng khoẻ mạnh với những tháng ngày rất cường tráng lại có thể yếu đuối và chịu đựng, gìm giữ được những khát thèm nhục dục! Không phải nhà sư. Không phải thánh thần. Ông là chàng trai làng Phong Thượng kia mà! Như một cỗ xe quá trớn, tôi đã hành hạ ông một cách vô thức để thoả mãn lòng tự ái. Ông và các con đã cam chịu bao nỗi thiệt thòi, phải gánh bao điều tiếng. Kể ra cái gia đình này sẽ có thêm những đứa con, đứa cháu. Chúng sẽ lớn khôn, có thể giúp chúng ta đổi đời! Tôi đều biết quanh đây người ta đàm tiếu. Tôi biết! Họ coi thường tôi, họ nguyền rủa tôi là người đàn bà chạy trốn, là mụ phù thuỷ tham lam, ích kỷ, đem tất cả nhục cảm đổ xuống biển sâu! Cha bố những cái mồm gièm pha! Nhưng xét cho cùng, những cái mồm ấy đều đúng! Vậy, ông là ai trong cõi đời này? Ông biết không, chỉ vì một buổi chiều, cái buổi chiều khốn nạn đó... Tôi ốm, chân tay rã rời, đầu óc váng vất... Con bé Quyên đến nhà. Nó vào vườn cắt rau khoai, nó băm rau, nó nấu cám, nó cho bầy lợn ăn. Nó tắm táp cho bọn trẻ và cho chúng ăn cơm. Nó qua mặt tôi, coi như không có tôi ở cái nhà này. Tôi thấy tủi nhục quá. Chồng mình đã bị nó cho ăn bùa ngải tự bao giờ? Chén nước nó đưa cho tôi không biết chừng sẽ có thuốc độc! Tin bạn mất chồng. Chuyện đời đã đầy. Rất đơn giản, tôi đã giận ông đến nghẹn cổ. Tôi đau đớn và mù quáng vì tự ái...

***

Trời ơi! Bà đã hiểu lầm tôi, đẩy lòng tốt của mọi người vào chốn tai hại, bế tắc! Tôi có phải là hạng người sớm mận tối đào, tệ bạc như bà nghĩ đâu. Đấy là cô Quyên tổ trưởng công đoàn. Thấy bà nằm ốm, cô ấy tranh thủ sang giúp đỡ gia đình ta. Đơn giản thế thôi. Nào tôi có để ý! Vậy mà niềm trắc ẩn này bà ngậm miệng đúng ba mươi nhăm năm! Thật khủng khiếp! Đến giờ tôi mới ngộ ra những lời "xem khoang xem khoáy" của bá Hiếm hôm đầu tiên đến dạm ngõ: "Đàn bà con gái đi không lướt ngọn cỏ! Hai chuỗm vú chụm vào... thường gắn ghỉ, thâm trầm, khó chiều lắm đấy. Liệu mà ăn ở. Cháu để tâm mà xem, người như nó lúc ngồi đái thế nào cũng chọn chỗ, xon xón ít một. Hễ sai bá đi đầu xuống đất. Còn đàn bà vú bánh dầy thây lẩy, hai cái chuỗm quay ra, đái cứ xoe xoé, ấy là người tính tình xởi lởi, chân thật, rộng bụng, nhất mực vì chồng vì con..."

***

Ông để tay mình trong bàn tay bà rất lâu. Đám con cháu cũng ngậm ngùi, cảm thông chia sẻ. Tất cả lặng yên kéo giây phút hiếm hoi đến thiêng liêng của đời người trong ngôi nhà này tan biến! Ánh mắt thay lời, bà cứ nhìn đăm đăm lên gương mặt ông. Bà muốn bù đắp cho ông và cũng là mong ông bù đắp cho bà những gì còn lại trong tâm tưởng của ông:

Chẳng Phật Thánh nào bênh vực được cho tôi. Tôi đã không làm nổi việc của một cơn mưa! Ông hãy tha thứ cho tôi. Ông hãy dành lại cho tôi một chút ngày xưa! Ông đưa tôi về thăm làng quê nhé! Ôi! Đã ba mươi nhăm năm? Không biết làng Phong Thượng mình có còn người chơi diều sáo? Lụa Vân của tôi có còn những cái ao, những chiếc gương soi của làng? Con gái Lụa Vân chắc ngày càng đẹp? Nhưng đừng có đứa nào như tôi. Tôi mong thế đấy ông ạ! Thật mà!...

11-2011

DƯƠNG PHƯƠNG TOẠI

truyện ngắn

TIẾNG ĐẮNG HẮNG TRONG ĐÊM

HOÀNG THỊ NHƯ HUY

Đã bao lần như chiều nay, trong cái không gian yên ắng tĩnh lặng của một sân trường rộng thênh không bóng người, trong cái khoảnh khắc dễ chịu vừa kết thúc một tuần giảng dạy...nhưng tôi đã không cảm nhận được những hạnh phúc dung dị ấy.Tôi ôm đứa con bé bỏng trong vòng tay và thẩn thờ đứng nhìn sân trường...

Vạt nắng đang dịu dần...Xa xa phía trước, là con đường hun hút dẫn lối ra tỉnh lộ để ngược lên phố huyện nằm trên cái đồi cao phía trời tây. Hai bên đường là ruộng mía. Thỉnh thoảng, bên đường lại mọc lên một bụi tre um tùm. Cái bụi tre to nhất ở sát cổng trường đã gắn với nỗi kinh sợ cho dân địa phương. Vì một hôm, không hiểu do cớ gì thầy giáo Th của trường học này bỗng dưng vắng bóng mấy hôm, sau đó người ta đã tìm thấy thầy ngồi trong bụi tre, miệng đầy đất bùn... mà chính thầy cũng không biết mình đã chui vào đấy tự bao giờ. Tin đồn Thầy bị *ma thu* vang khắp cả phố huyện, khiến lũ học sinh mỗi khi đi ngang bụi tre ấy đều cắm đầu cắm cổ chạy thật nhanh...Chuyện ma thu hay chuyện người hảm hại không ai khẳng định được, nhưng đã để lại nỗi kinh hoàng cho người địa phương nơi đây, cho đến ngày tôi về trình diện vẫn còn được nghe kể.

Từ cổng đi vào, một khoảng sân rộng vừa được trồng lại những hàng phi lao. Cây mới lên cao quá đầu người. Trong mỗi đêm trăng, bóng lá đổ xuống trên nền đất những cái bóng chập chờn, cũng đã đôi lần làm tôi lầm tưởng là bóng người đi...

Rồi lớp học đầu của dãy lớp phía phải, nơi đã bị trúng đạn pháo, hai em học sinh đã chết khi đang ngồi nghe bài giảng. Chết oan và chết trẻ thường rất thiêng nên đêm đêm người ta đã kể lại các hồn ma oan nghiệt vẫn thấp thoáng hiện về ...

Tất cả những điều ấy đủ gây mối hãi hùng trùm phủ cả hồn tôi trong mỗi chiều thứ bảy về. Vì đêm thứ bảy là đêm chỉ mình tôi và đứa con nhỏ còn lại trong ngôi trường hiu quạnh này.

Con tôi còn bé bỏng lắm!

Chỉ còn mình tôi, tự tìm cách đối phó để vượt qua những ám ảnh kinh hoàng.

Vạt nắng chiều đã tắt hẳn. Bóng tối đang tiến dần bao trùm lên ngôi trường, bao trùm lên những mái tranh còn sót lại của một thời chiến tranh. Con chim ăn đêm bắt đầu bay đến đậu nơi bụi tre ở cuối trường, kêu lên những tiếng kêu buồn não nuột..*Tù huy tù huýt...đi về cho hết...đi về kẻo chết...* Tôi bế con vào nhà, cài chặt tấm cửa đan bằng mành tre. Ngôi nhà tập thể gồm 4 tấm vách phên dựng lên bốn phía. Do đã lâu năm nên tre khô rút lại, để lộ nhiều kẻ hở, mái lá tranh cũng đã dột nát, cửa ra vào chỉ là tấm mành đan mỏng mảnh. Cài cửa khi ngủ chỉ để tìm thấy an tâm hơn chứ thật tình, với sức tôi, chỉ cần lay và đạp ít cái là cửa có thể bung. Tôi thắp ngọn đèn. Ánh sáng từ ngọn đèn dầu bé tí chỉ đủ leo lét soi cho tôi đút từng thìa cháo vào miệng thằng bé. Tôi cũng tranh thủ nhai thật nghẹn ngào miếng cơm để nuốt vào lòng trong nỗi cô đơn cô độc vô tận.

Lẽ ra thì không hẳn mình mẹ con tôi ở lại nơi ngôi trường đìu hiu này. Trường cũng có một người bảo vệ hẳn hoi. Nhưng cậu ta là thanh niên chưa vợ nên vẫn lén lên phố Huyện để gặp người yêu trong đêm cuối tuần.Tôi cũng đã qua một thời yêu đương tuổi xuân thì, nên cũng dễ cảm thông.

Thằng bé ăn no và đã ngủ trong chiếc nôi mây. Tôi ngồi vào bàn, buồn ngắm bóng mình in đơn côi trên vách. Đêm thật đen bên ngoài. Nhưng đêm không tĩnh lặng. Có tiếng nỉ non của con

dế đang ẩn mình nơi đám cỏ. Rồi tiếng kẽo kẹt của thân tre khua chạm vào nhau, cả tiếng thở dài của gió, rồi mơ hồ như có tiếng bước chân của những oan hồn đang lang thang vất vưỡng ngoài sân trường... Giá như có tiếng lao xao giọng nói con người để tôi bớt bơ vơ....

Tôi mơ màng du hành về những tháng ngày của thời thiếu nữ...Căn phòng riêng ấm áp đầy sách và hoa. Ngoài khung cửa thoang thoảng mùi hương của những loài hoa: *Dạ Lan hương*, *Ngọc Lan*, *Nguyệt quế*... đang nở trong vườn khuya và đang lặng lẽ nhả hương duyên thầm. Tôi đã học xong bài, đã ghi xong mấy lời tự tình trong trang nhật ký, đã chui vào chăn ấm... Tôi đang nằm lắng nghe tiếng chân cha đi dạo bên ngoài.

"Đưa người tôi không đưa sang sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm không vàng vọt,
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?"

Tôi đã chìm trong mộng mị bình yên biết bao đêm với sự vỗ về của cha tôi bằng lời ru ngâm những khúc tình ca bất hủ. Tôi đang bay về khung trời hạnh phúc xa xăm, tai như đang nghe lại giọng ngâm thơ buồn ...

Đột nhiên, từ ngoài sân trường đầy bóng đêm kỳ dị ấy, vẳng đến tai tôi tiếng đằng hắng của giọng đàn ông. Tim giật thót, tay nổi da gà, tôi vụt thổi tắt ngay ngọn đèn đang leo lét. Tôi rón rén đi đến bên phên cửa, nhìn qua kẻ hở để quan sát bên ngoài. Bên ngoài trời vẫn một màu đen. Nổi lên trong màn đêm đen ấy là hai đốm lửa nhỏ của hai điếu thuốc. Đốm lửa có khi loé lên, rồi có giọng thì thào... Như thế là có ít nhất hai gã đàn ông. Nó đang bàn tán điều gì? Nó muốn làm điều xấu xa gì trong đêm khuya nơi ngôi trường nghèo nát này? Của cải vật chất thì trường chẳng có gì? Liệu nó có làm hại gì đến tôi chăng? Tôi thấy sợ hãi vô cùng. Làm sao mình chống cự được. Bây giờ la kêu cứu làm sao tiếng tôi vọng đi được? Tôi ôm chặt thằng con trong tay và ngồi âm thầm trong bóng tối. Tôi tắt đèn vì sợ ánh sáng sẽ soi rỏ bóng tôi, kẻ xấu sẽ vào hại tôi. Tiếng cu Long cựa quậy chực khóc. Tôi nhanh cho bú để tránh gây tiếng động.

Thời gian như ngừng trôi!

Hay chỉ có trôi thật nặng nề, thật chậm chạp...

Đầu tôi căng ra vì những tính toán. Nếu chúng nó tấn công, tôi sẽ phải thoát thân từ hướng nào? Phải la làm sao cho xóm làng xa xa ngoài kia nghe thấy? Mà ôm con thì chạy làm sao cho thoát được? Tôi mò mẩm trong bóng tối kiếm được một khúc củi làm vũ khí. Nhưng hai tay đã ôm con thì còn tay đâu để cầm vũ khí? Tôi thực sự bối rối và kinh sợ không cùng. Tiếng tích tắc của chiếc đồng hồ nhỏ nơi đầu giường cũng làm tôi sợ hãi. Tôi nhoài đến bật tắt, vô tình làm rơi vỡ chiếc cốc, tạo thêm một âm thanh rùng rợn giữa đêm khuya.

Một đêm trôi qua mà tóc muốn bạc màu!

Khi trời bắt đầu hé sáng, lấy hết can đảm, tôi đi ra, tay lăm le cầm thanh củi. Tôi đã nhìn thấy hai chiếc võng đang treo đong đưa gần ngôi nhà tôi ở. Từ cái võng lòi ra những ống chân của gã đàn ông. Tôi dang tay cao cầm chặt thanh củi, miệng quát thật lớn:

" *Ai?* "

Từ hai chiếc võng vụt bật dậy hai gã con trai mặt mày ngái ngủ nhớn nhác. Đó là hai khuôn mặt của hai thằng học trò của lớp tôi đang chủ nhiệm.

Tôi bật oà khóc vì tức, rồi vì tủi, vì mừng...

Một đứa đứng bối rối và ngượng nghịu trong tiếng khóc của tôi.

Đứa kia bình tĩnh hơn, bước đến. Nó nói trong nước mắt:

" *Chúng em biết cô sợ nên đã phân công thay nhau mỗi cuối tuần đến đây ngủ để bảo vệ cô. Chúng em xin lỗi vì đã giấu không cho cô biết điều này. Cô hãy bình tâm. Mọi chuyện tốt lành sẽ đến với cô, cô giáo ạ!* "

Tôi đứng khóc một hồi lâu. Tôi khóc, tiếng khóc hạnh phúc vì mình đã được yêu thương.

Huế, 20/11/2008
Viết tặng học trò năm xưa nơi ngôi trường mái tranh vách đất

HOÀNG NHƯ HUY

tản bút

THAY NHỮNG LỜI MUỐN NÓI...

HOÀNG THỊ ĐÀ LẠT

Anh yêu !

Nếu bất cứ ai cũng được chọn cho mình một số mệnh -em chọn anh - Và ngược lại , giả như số mệnh là một cái gì vượt quá tầm vóc của chính mình - có tính cách tiền định trên thân phận mỗi người , anh cũng là số mệnh của em - ở đó không có đường cong , đường thẳng chiều rộng , chiều sâu...không có gì cả !

Tình yêu làm cho bước chân đời em loanh quanh bên anh - em loanh quanh trong sương mù - đớn đau - mờ ảo - cơ hồ , em không còn là em - em trở thành kẻ lạ mặt với chính mình để được anh hay mất anh ...

Phải chăng cho tới một cuối cùng nào đó - tình yêu đòi hỏi chúng ta phải thể hiện bằng những kinh nghiệm thực chứng - Và đằng nào thì em cũng phải thể hiện tình yêu của em đối với anh để chứng thực điều này - mà chưa bao giờ em làm được - Có lẽ đúng , em mù mờ tội nghiệp ...mà tình yêu theo đúng bản chất của nó , phải được coi như khung kính để em soi mình và gặp anh trong đó .

Em hoang mang hụt hẫng như lúc nào cũng đứng bên đây bờ một vực thẳm, bên kia bờ vực thẳm...mà hạnh phúc lại như một đỉnh cao vô tận ...

Bao ngày tháng yêu anh đã làm cho tâm hồn em , tâm hồn đã chết và lại được sống. Nếu phải hiểu rằng ý nghĩa của phục sinh là vượt qua thì thật là bi đát cho em - bởi em đã sống được trở lại nhưng không vượt qua , em không vượt qua chính em , không vượt qua đươc những giông bão của định mệnh đã, đang đè nặng trên thân phận con người khốn khổ của em .

Cho nên mặc dù tất cả tâm sự em , cuộc đời em như những vần thơ , như những tờ thư em viết cho anh bằng muôn vàn trăn trở, buồn đau ...Bởi vì thơ hay viết thư như một bộc lộ chứng thực cho tình yêu của em, tình yêu chân thành của em anh ơi , nhưng ... lại cũng không nói hết được tình EM YÊU ANH .

Chẳng vì em muốn trang trải đời mình cho anh , lao đao , hụt hẫng , thơ dại , tội tình ... những lời tâm sự cũa em như những nhịp đập trái tim của một tình yêu vĩnh cửu , miên viễn ... cho dù kiếp sau , kiếp sau nữa, mãi mãi và đời đời ...em cũng xin lại được YÊU ANH ; Em không phải là thi sĩ , cũng không phải là nhà văn, cũng không phải viết văn hay làm thơ để tô hồng chuốt lục trần gian này...Nhưng những gì em viết cho anh là giọt máu trái tim em , là chắt chiu những giọt tình yêu mật đắng một đời EM YÊU ANH .

Anh yêu !

Em không thể đăng quang tình yêu của em đối với anh, nhưng tình yêu đơn sơ chân thật này tự đăng quang vì sự vĩnh cửu của nó...dẫu vụng dại, non nớt, thật thà, đắm say ... thì cũng là một chứng thực cho tình EM YÊU ANH .

HOÀNG THỊ ĐÀ LẠT

truyện ngắn

NHÀ THƠ VƯỜN

TRỊNH TUYÊN

Lão Chu có ý định xuất bản tập thơ từ mấy năm nay. Nhưng cứ mỗi lần "định", là mụ vợ lão lại nghiến răng: - Thơ với chả thẩn! Tiền đâu mà in?

Lão biết, nếu xuất bản 100 cuốn thơ, mất đứt hai tháng lương hưu. Và trong khoảng thời gian đó, lão phải "bú" nhờ vào hai bầu vú tong teo của mụ vợ già keo kiệt. Chắc chắn mụ vợ lão chẳng chịu để yên cho cái miệng của lão ngậm đến ngày thứ ba đâu. Lão biết thế nên rất đau lòng, càng đau lòng, dòng thơ trong lão càng tuôn chảy. Càng tuôn chảy, lão càng thấy cần phải ra đời một tập thơ, gửi lại mai sau những tháng ngày đầy bất hạnh của cuộc đời lão. Nhưng kiếm đâu đủ số mười lăm triệu để in thơ? Không lẽ để dòng thơ tình lai láng của lão chết khô chết héo giống như cuộc đời của lão hay sao? Không bao giờ! Lão thà chết héo, chứ thơ thì không thể. Bởi vì thơ là lẽ sống, là tình yêu của lão. Một ngày không có thơ, lão rũ rượi như tàu lá chuối trước ánh nắng trưa hè. Phải in thơ, Dù có phải đốt cháy cả mấy đống rơm của mụ vợ già, lão cũng quyết tâm ra cho được một tập thơ! Và sáng hôm sau, lão ăn mặc tươm tất, lững thững đi về phía cuối làng...

Hơn tháng sau, tập thơ đầu tay của lão ra đời. Không những lão in một mà những hai trăm cuốn. Lão lấy tiền ở đâu in thơ? Sổ lĩnh lương hưu thì mụ vợ nắm giữ. Quả là một hiện tượng lạ? Mụ vợ lão xăm xoi khắp các nguồn khả dĩ lão có thể xin xỏ hay vay mượn được. Bạn bè lão toàn đám thơ phú, đói như ngan ấp, tiền đâu cho vay? Hai đứa con gái nghe mẹ gọi điện hỏi thì trả lời mẹ là: không, vì chúng đang phải vay thêm tiền mua căn hộ chung cư giá rẻ. Nhìn thấy lão chồng mặt mày hớn hở, tự hào mỗi khi bạn thơ đến nhà, lão trịnh trọng đem thơ ra tặng và được mọi người khen ngợi, vợ lão càng điên tiết. Điên thì điên thật, nhưng làm gì được lão? Bởi lão có đụng vào một xu một cắc nào trong "tổng thu nhập quốc nội" của cái quốc gia do mụ cầm quyền đâu?

Một hôm lão được bạn bè mời ra quán nhậu để chúc mừng "đứa con đầu lòng" của nhà thơ. Ở nhà, mụ vợ lão tò mò cầm thử tập thơ mới in của lão lên xem. Ái chà chà! In mãi ngoài nhà xuất bản văn học cơ đấy! Nhìn ảnh bìa, tự nhiên mụ ngẩn ngơ ra một lúc. Đôi bươm bướm trắng chấp chới trên cánh đồng hoa cải vàng đến mê muội. Xa xa phía hạ lưu, dòng sông lênh loang đỏ bầm như tiết, cảnh mặt trời sắp lặn. Trên cao là những đám mây đậm mầu, cảnh ngày thu sắp tàn. Đôi bươm bướm trắng thể hiện tình yêu đôi lứa. Cánh đồng hoa cải biểu thị cảnh cuối mùa. Ngày tàn, bướm chậm, mùa tan. Tự nhiên, mụ thấy lòng nao nao một cảm giác như tiếc nuối, thương nhớ một thời tuổi trẻ. Vợ chồng mụ cũng đã bước sang tuổi sáu mươi, có khác chi vườn hoa cải? Hoa là thế mà đời là thế! Tất cả rồi cũng sẽ kết thúc! Mắt mụ bỗng nhiên cay cay...

Thử xem cái lão chồng khùng của mụ viết những gì? Và, lần đầu tiên trong đời, mụ vợ lão đọc thơ của lão. Mụ lẩm nhẩm đọc: Trái tim anh bỏ đi rồi/ Chỉ còn thân xác ngự nơi em nằm/ Tình người ngược với tháng năm/ Trẻ nồng ấm thế, lạnh căm căm già... Ái chà chà! Lão già ám chỉ ai đậy? "Trái tim anh bỏ đi rồi". Được! Để rồi xem lão già đa tình này trái tim nứt nẻ của lão bỏ đi đâu. Thảo nào mấy đêm nay, nằm bên mụ mà lão cứ cựa ngược cựa xuôi, thở dài sườn sượt. Nhớ con nào? Để rồi bà xem! Biết ngay mà! Dây dưa với thứ thơ lãng mạn ấy là hư hỏng cả con người! Lại còn: " Lạnh căm căm già" nữa chứ! Suốt ngày ngẩn ngơ thơ với phú, ở nhà cả ngày mà để đàn gà

phá hết vườn rau, lại còn đòi ấm với áp! Già rồi mà còn chưa trót đời! Dám bám đít con đĩ già nào? Mụ tức tối nắm chặt đôi tay hộ pháp, chờ lão về để trút cơn thịnh nộ.

Nhưng sao hôm nay lão nhậu nhẹt gì mà lâu thế? Mọi khi thì chậm lắm, tám chín giờ là lão đã về rồi. Mười một giờ, mụ vợ không thể chờ thêm được nữa. Mụ hăm hở phóng xe lùng xục các quán nhậu, tìm cho ra cái lão già lười nhác. Đến quán nhà lão Quynh bán thịt chó, hỏi thì lão bảo là lão về từ đời tám hoánh nào rồi. Mụ hỏi dò lão đi hướng nào(?) Chủ quán thật thà chỉ tay, nói là lão đi về phía cuối làng.

Mặt mụ vợ lão Chu tự nhiên lúc đỏ, lúc tái, hai cánh mũi phập phồng như sư tử cái đánh hơi thấy mùi Linh Dương. Mụ kéo ga đánh vù, hăm hở phóng xe đi. Ở cuối làng gần sát với gốc Gạo cổ có nhà mụ Lý Lanh. Chồng mụ là đại tá Cao Văn Lanh, từng tham gia chiến dịch giải phóng Sài Gòn năm 75, mới từ trần hồi đầu năm ngoái do vết thương cũ tái phát. Mụ Lý là bạn học với lão Chu từ ngày tóc còn để chỏm, nhưng sau lão hai lớp. Người ta đồn mụ này, những năm đại tá Lanh đang quân ngũ, mụ đã nhăng nhít với lão Tam chủ tịch xã. Hồi con gái, mụ xinh đẹp và lẳng lơ có tiếng. Gần sáu mươi nhưng da mặt mụ vẫn căng, mắt đen như cục than đá Quảng Ninh. Hình như mụ gắn bó với chồng bởi xuất lương đại tá, chứ thân xác gầy gò của anh lính trận trải bao binh lửa, làm sao đáp ứng được với cái cơ thể phì nộn hừng hực lửa tình của mụ. Người ta bảo : "Đầu ngủ với chồng, đít gửi hàng xóm" là cái tạng như mụ Lý đây. Nhưng mà mụ lắm tiền. Hồi lão Lanh còn sống, lương đại tá cộng với các khoản phụ cấp thương tật, rồi chất độc mầu da cam, bây giờ lại hưởng chế độ vợ liệt sỹ. Tất cả nguồn thu do mụ quản lý. Sau khi đại tá Lanh qua đời, đồng đội cũ một thời sống chết cùng các ngành các cấp phúng viếng, mụ vớ thêm hơn trăm triệu nữa. Mụ ở độc thân. Sinh nở mấy lần đều không giữ được, bởi lão Lanh vừa gầy yếu, lại nhiễm cái thứ chất độc chết người ấy. Tiền gửi ngân hàng của mụ bây giờ phải đến vài trăm triệu.

Mụ Lý có vẻ cảm tình với lão Chu. Trông thế mà mụ thích thơ. Nhưng phải là thơ tình cơ! Mỗi lần gặp lão Chu, mụ cười tít mắt. Lão Chu cũng muốn đến nhà đọc thơ cho mụ nghe nhưng lại nhát vợ. Lần này bí quá rồi, lão phải đánh bài liều. Cứ tình trạng như mụ vợ lão thì biết bao giờ lão mới có được một tập thơ?

Buổi sáng hôm ấy, thấy lão Chu từ ngoài ngõ đi vào, mụ lý đã chạy vội vào bàn trang điểm xịt nước hoa vào cổ áo. Mụ biết, thường các thi sỹ bao giờ cũng chuộng hình thức. Mùi nước hoa khiến lão Chu ngây ngất. Lão chợt liên tưởng đến mùi mồ hôi dầu khen khét nơi cổ áo mụ vợ ở nhà, tự nhiên hai mũi lão lão chun chun. Lão ngồi ngả lưng thoải mái trên ghế bành, mụ Lý ân cần pha cà phê. Mụ nghiện cà phê từ ngày lão đại tá chồng mụ đang còn sống. Nghe lão gợi ý muốn xuất bản tập thơ tình mà chưa có nguồn tài trợ. Mụ Lý vỗ đánh đét một cái vào đùi phốp pháp của mụ rồi reo lên: - Trời ơi, tưởng chuyện gì! Sao không đến em sớm đi có phải hay không? Anh cần bao nhiêu? Lão bảo cần mười lăm triệu. Mụ mở két sắt, đặt trước mặt lão xấp tiền loại năm trăm ngàn đánh xoạch! - Anh cầm lấy! Tài năng như anh mà chung sống với cái loại người keo kiệt thì khổ cả đời! Lão Chu rưng rưng cảm động. Trời ơi! Giá mụ vợ lão được lấy một phần như mụ Lý thôi thì đời lão làm chi đến nỗi. Lão sẽ tiếp tục sáng tác thơ để trở thành một nhà thơ nổi tiếng. Thế nhưng, lão đã không gặp may. Đời lão thật là bất hạnh!

Hình như mụ Lý đọc được suy nghĩ của lão Chu. Mụ mở tủ lấy cái chai rót cho lão một ly rượu manh rồi vỗ về an ủi lão. Bảo khi nào cần tiền để in tác phẩm, cứ lại chỗ mụ. Tiền bạc tỷ, chết rồi cũng có mang theo được đâu. Tiền bạc chỉ là phấn thổ. Nhà thơ mới là bất tử! Lão Chu sướng rơn! Sao mụ Lý lại thông thái đến thế?

Lão Chu cầm số tiền, không ngớt lời cảm ơn mụ Lý, lão còn gọi mụ là "chúa cứu thế". Mụ Lý cười toe toét, hẹn khi nào xuất bản xong tập thơ thì tặng mụ một quyển.

Nhậu thịt chó với đám bạn xong, lão Chu thấy người nóng phừng phừng. Lão đang định về

nhà thì chợt nhớ đến mụ Lý. Chà! Phải xuống cám ơn cái con người tử tế đó đã, không có người đó, thì làm sao có tập thơ của lão ra đời? Làm sao lão có thể tự hào trước bàn dân thiên hạ? Tiện thể tặng mụ quyển thơ. Từ hồi đến giờ, chắc là mụ mong lắm. Lão Chu thấy một tình cảm lạ vừa như biết ơn, vừa như cảm mến đang dâng lên cùng với độ ngấm của hơi men. Lòng lão như bốc lửa. Lão đi thẳng vào nhà, mở cửa, nhìn thấy mụ Lý mặc váy ngắn đang nằm ghếch chân trên ghế phô tơi. Thấy lão đến, mụ Lý mừng lắm. Đã hai tháng nay mụ ngóng đợi lão Chu. Thường những người đàn bà khi đã có của ăn, của để, họ thích chơi sang, tức là muốn giao lưu với giới văn nghệ sỹ cho có vẻ ta đây người có chữ. Mụ Lý cũng thế. Lão Chu đang có hứng, lão giở tập thơ còn thơm mùi mực in, đọc bài thơ tình ngay ở trang đầu, dưới cái tít có hàng chữ nhỏ nhắn và duyên dáng : "tặng TL thân yêu". Lão giải thích: Đó là chữ viết tắt tên: Thanh- Lý. Cả đời mụ Lý chưa hề có ai tặng một vật gì khả dĩ có giá trị. Nay được hẳn một nhà thơ đề tặng ngay trên trang thơ, mụ lý mãn nguyện lắm, hai cánh mũi phập phồng như cánh bướm. Mụ giục lão Chu đọc to lên cho mụ nghe. Lão Chu ngấm hơi men, giọng đọc ngân nga như cha cố giảng đạo trong nhà thờ: Mưa phương ấy/ Chắc là sông trở dạ?/ Con sóng hờn/ Quẫy cựa/ nhói lòng đê/ Em thao thiết mối tình xưa chi mãi/ để cô đơn cả hai ngã đi về?... Mụ Lý ngồi nghe lão đọc thơ như bị hút hồn. Đúng rồi! Còn lưu luyến mối tình với lão đại tá làm chi nữa để đến bây giờ hai lối cô đơn? Nhớ lại những đêm một mình khi mưa dầm gió bấc, mụ cảm động, khóc thút thít. Lão Chu chợt động lòng. Nhà thơ thường thế! Trái tim cực nhạy cảm, người ta chưa khóc, đã chực khóc hộ rồi! Lão nghĩ, một người đàn bà tốt bụng đến thế và yêu thơ của lão đến thế mà nay sống trong sự cô đơn thì tội nghiệp thật. Phút chốc, lão Chu quên béng người vợ già đang nắm đôi bàn tay hộ pháp đợi lão ở nhà. Trái tim thơ của lão như bị nỗi buồn của mụ Lý làm cho tứa máu. Hai mắt lão ươn ướt ...

Lão Chu không ngờ mụ vợ đang đứng ngoài hiên. Mụ ló cổ vào trong nhà, trông thây hai người như đang gục vào nhau và nghe rõ ràng mạch lạc lời thơ tình đắm đuối cùng chứng kiến cảnh " lâm ly" của hai kẻ đa tình, một góa bụa, hai chán vợ. Mụ xông thẳng vào nhà mụ Lý, túm tay lão Chu kéo lệt sệt ra ngoài. Mụ nói giọng đầy quyền uy: - Ái chà chà! Hóa ra "nguồn tài trợ" chính là đây! Thảo nào lâu nay đêm ngủ thở dài sườn sượt, thơ phú lâm ly. "Trái tim anh đã đi rồi..." . Tưởng đâu xa xôi, chứ ai ngờ đi về phía cuối làng. Về nhà ngay! Đem tiền trả cho chị ấy. Rồi mụ nhìn tận mặt mụ Lý, hạ giọng:- Thưa chị, em nghèo nhưng làm gì đến nỗi không chạy đủ tiền cho chồng em xuất bản một tập thơ? Rồi mụ lại cao giọng :- Chị đừng mơ! Có tiền muốn mua gì cũng được nhé! Anh ấy là nhà thơ, vàng ròng đấy! Mụ Lý ngạc nhiên đến mức không nói được câu nào. Mụ cầm lấy tập thơ cất vội vào trong tủ,rồi đóng sập cửa lại, chỉ sợ mụ vợ lão Chu quay lại lấy mất.

Lão Chu ngoan ngoãn đi ra xe cho mụ vợ lai về. Đêm hôm ấy, trong nhà không có tiếng to, tiếng nhỏ, đèn lại tắt sớm, chứng tỏ mọi sự tốt đẹp. Lão Chu hú hồn, may mà mụ đến kịp, chứ không thì không biết tình hình sẽ đi đến đâu...

Bây giờ mỗi khi có tác phẩm mới, mụ vợ lão không còn hẹp hòi tiền nong với lão nữa. Lão mới vừa cho xuất bản tập thơ " Cánh đồng bí ẩn". Bìa sách không in đôi bướm mà là đôi chim cu cườm đậu trên cánh đồng mới gặt. Lão trở nên một nhà thơ nổi tiếng trong tỉnh. Thi thoảng người ta lại mời lão lên ti vi theo diện khách mời trong chương trình "thơ và cuộc sống". Mỗi lần như thế, trong phong bao, người ta bồi dưỡng cho nhà thơ cũng có trăm ngàn. Mụ vợ lão rất tự hào về chồng mình. Mỗi khi lão Chu có việc về tỉnh, vắng nhà vài ngày, mụ lại mang tập thơ ra ngắm nghía. Nhìn ảnh bìa sách có hình đôi bươm bướm trắng chấp chới giữa cánh đồng hoa cải vàng đến mê muội, mụ lẳng lặng quệt nước mắt...

5/2013

TRỊNH TUYÊN

bút ký

HOA TÌNH NỞ ĐẸP GIỮA GIAN NAN

LÃ THỊ HIỀN

Năm 1969 tôi về công tác ở trường cấp 2 Trần Phú thị xã Hải Dương. Chẳng bao lâu thì bị lũ lụt. Lúc ấy trong trường lại có một đám cưới. Anh Thơi hiệu trưởng nhà trường phân công mấy người ở nhà lo đám cưới, còn tất cả phải đi hộ đê. Đê vỡ. Mọi người chạy theo anh Phiệt về trường dự lễ thành hôn; mặc bố mẹ, vợ con ở nhà cõng nhau chạy lụt.

Đang vui thì ở cổng trương có tiếng trẻ con gọi:

- Bố ơi! Về mau vợ đẻ!

Đó là tiếng thiếu gia nhà Phạm Văn Thơi.

Đẻ thì đã sao, cứ nhỏ vào mồm đứa bé mấy giọt nước cam thảo là bảo tồn sự sống.

Chẳng biết có nghe thấy không mà anh Thơi vẫn tươi cười rạng rỡ bắt tay chúc mừng hai họ. Các thầy cô thì đàn hát tưng bừng, chắc nghĩ rằng ở nhà có cái quái gì để ngập. Lúc này nước đã như những con rắn khổng lồ bò nhanh vào thị xã. Hội hôn tan. Mọi người về đến nhà, Thủy Tinh đã đánh đến đầu gối. Gần sáng nước dâng ngang bụng, có chỗ cao hơn. Dân ở gần chạy lên tầng hai của trường tránh lụt.

Anh Phương theo vợ về dinh. Trong trường còn lại mấy anh chị gia đình ở xa. Có anh ăn chay nhưng không niệm Phật, chỉ tâm huyết một điều dạy sao cho giỏi. Mấy tháng liền anh bóp vụn mì sợi, thêm chút muối, đổ nước sâm sấp đun cạn thành bát mì kho. Nhường gạo cho con, bố tu tại trường. Đó là anh Lâm Hương.

Cái ăn đã thiếu, chỗ ở cũng chẳng dư. Mất hai buổi chiều các anh Phiệt, Cẩm, Liễn, Lương…; các cô Thông, Dung, Nhật, Hà, Hòa… lấy giấy dầu quây mười mét vuông vỉa hè phòng thí nghiệm làm chỗ cho mẹ con tôi tá túc. Các bạn đặt tên luôn là chuồng cọp.

Chuồng cọp được giải phóng sau khi Mĩ ném bom Hải Phòng lùa cả trường đi sơn tán.

Hàng ngày tôi đèo con gái sáu tháng tuổi lên xã Thạch Khôi dạy học, cháu bé nhờ đồng nghiệp trông. Cháu lớn hai mươi hai tháng tuổi được cụ chủ nhà coi giúp, đến bữa cho ăn. Hàng tháng tôi trả vài cân gạo nhưng cụ nhất định không lấy. Đây cũng là lòng dân đóng góp khi Tổ quốc lâm nguy. Đã đôi lần tôi gửi chút quà nhỏ về biếu cụ.

Cả trường đi sơ tán đâu chỉ để bảo toàn tính mạng, mà còn vương vấn nhiều cái được mất sau này.

Thị xã vắng như một thành phố chết. Máy bay Mĩ ném bom nhà ga và cầu Phú Lương. Mấy thầy cô Trâm, Văn, Thông, Hưng, Dung, Liên, Nguyện, Thơi vẫn về trường chở thêm bàn ghế ra nơi sơ tán. Mượn được vài chiếc xe bò, các thầy cô cẩn thận khênh "đám thương binh" vốn đã ốm yếu sẵn lên xe; đẩy, kéo nhẹ nhàng chở ra hậu cứ, mời thợ mộc, cưa chân, ghép mộng, đóng đinh vá mặt.

Nhà trường chỉ cử các thầy cô chưa có gia đình vào nơi bom đạn. Chắc hiệu trưởng nghĩ nếu có mệnh hệ gì sẽ giảm thiểu sự đau đớn cho người còn sống. Riêng ông đã có bốn thiếu gia nối dõi tông đường.

Trong trường còn hai cây phi lao do bão làm đổ. Các thầy cô trên lại gắng sức lôi bằng được nó lên xe chở đến phòng nhà đất có cổng kín tường cao gửi vì sợ mất trộm.

Tại sao họ lại làm như vậy?

- Họ hâm ?

- Không, họ đẹp đẽ tâm hồn.

Hai cây gỗ này về sau đóng được vài chục chiếc ghế băng.

Chính vì mấy chiếc ghế này mà các thầy cô được một phen hồn vía xa nhau . Chả là khi chở hai cây cột chống trời đến sân vận động thì máy bay gầm rú ném bom gần đấy, mọi người sợ chết, tưởng nó bắn mình. Thầy thì buông càng nằm rạp xuống vệ đường, cô thi buông đuôi chui tọt vào gầm xe ẩn đạn. Còn hai cây phi lao cứ hiên ngang ngắm mây trời như "nòng pháo vẫn vươn lên trời cao". Mấy chú Mĩ chắc tưởng pháo hai nòng cải tiến bắn mình cũng ù té chạy.

Thấm thoắt đã hết năm học 71-72. Cả vùng quanh nơi sơ tán vào vụ gặt thoang thoảng mùi thơm của lúa. Thổn thức nhớ quê nhà, mẹ đang mong tôi về ăn bát cơm gạo mới.

Các thầy cô đi xin rơm rạ của dân mang ra rải ở bãi đất trống làm chỗ cho học sinh ngồi để nghe thầy hiệu trưởng xướng danh những em tốt nghiệp.

Năm ấy nhà nước không tổ chức khoa thi hết cấp. Nhà trường chỉ căn cứ vào điểm học cả năm rồi công bố em đỗ, em trượt.

Một hôm cô Vân, Trâm thay nhau bế giúp con tôi tắt đồng lên xã Tứ Minh học chính trị giữa cái nắng chang chang oi nồng của mùa hè không chút gió. Hàng cây phi lao ven đường im lìm như ngủ gật. Bất ngờ gần chục máy bay Mĩ xé trời tháo chạy. Tên lửa đuổi theo. Súng nhỏ, súng to thi nhau nhả đạn. Con tôi khóc thét. Vân ôm chặt cháu vào lòng che chở. Trâm lấy nón quạt cho Vân.

Trên đường một đoàn tân binh nối dài ra trận. Chúng tôi nhìn theo, lòng dâng đầy sự biết ơn lẫn xót xa thương tiếc, thầm nghĩ được biết bao số sống trở về ? Các em hi sinh để hai miền thống nhất.

Đất nước mới được yên vui ít ngày thì năm 1979 "chú Út" phang chân, "anh Hai" đánh đầu, Bác cả chỉ cho được vài khẩu súng. Phương Tây nó xúi nhau trói chặt Việt Nam. Để giảm bớt khó khăn, hầu hết gia đình cán bộ đều giúp nhau nuôi lợn, trồng rau và nhiều việc khác.

Giữa đêm lợn sắp chết, tôi nhờ chị Nhật mang ra lò mổ; lợn chậm lớn tôi nhờ anh Cẩm chở đi chợ xa bán hộ. Thùng nuôi ong hỏng có anh Hoài sửa giúp. Lúc neo đơn anh Long đưa vào viện. Trong mắt tôi, anh Cẩm là người bạn nam tốt nhất, sống rất đàng hoàng.

Khó khăn đến mấy vẫn phải sinh tồn.

Chồng Trâm đi bộ đội. Tôi, Dung, Thông đưa Trâm vào viện thức đêm trông chờ. Đến sáng niềm vui vỡ òa khi Trâm tặng cho mẹ chồng một tay súng tương lai giữ nước, canh nhà.

Tối 26 Tết rét căm căm. Tôi một mình đi bộ ba cây số mò mẫm trong đêm đến nhà thương sinh con; sáng 28 Tết đặt nó vào túi du lịch, vẫn một mình cuốc bộ phấn khởi xách về; tới cổng nhà máy sứ, gặp chị Nhật dừng xe hỏi:

- Cái gì ngọ ngoạy trong túi kia?

Hiểu chuyện, chị cười như chưa bao giờ được cười rồi chở tôi về. Sáng 29, chị lại đến cho tôi năm quả trứng và mấy củ su hào, cứ tưng tửng nói:

- Hôm qua tao cứ tưởng mày xách con chó con; lần sau đẻ cứ gọi tao.

Mặc con tạo xoay vần, chúng tôi vẫn nhiệt tình giảng dạy, say sưa đi chơi. Hè 1973, khoảng chục giáo viên rủ nhau ra thăm vịnh Hạ Long.

Lúc này miền Nam đang dồn sức đánh giặc, miền Bắc hạn hán hoành hành. Mặc kệ, chúng tôi cứ đi chơi chẳng có gì phải ngượng vì mấy tháng sau đã phải cặm vụi cày cuốc trồng người chẳng kém khó khăn.

Đoàn người xuống Hải Phòng ngủ nhờ nhà bạn anh Phiệt. Sáng ra tôi nấu cơm không có gì để nắm, đành rút chiếc áo may ô của anh Thơi gần đấy nặn cho mỗi người một gói ngọc thực. Anh ra cất áo cứ lẩm bẩm phơi cả đêm mà sao giờ vẫn ướt?

Tôi thả "mấy con cóc lộp bộp nhảy ra " giải thích:

Áo huynh vốn đã hôi xì
Nắm cơm, muội mượn tiếc gì hỡi huynh
Chờ cho non nước thanh bình
Complê – cà vạt tìm huynh muội mời

Anh nhìn tôi nheo mắt cười hiền hậu, giúp tôi bỏ cơm vào làn, gọi mọi người nhanh ra bến.

Tám giờ tàu nổ máy tìm luồng ngoạn vịnh. Sóng dồn chan nước vỗ về đảo này thoắt thôi đã dạt dào mơn man chân đảo khác. Hằng trăm núi đá trập trùng cao thấp, đứt gãy hợp tan, lúc dang tay nắm chặt kết đoàn, lúc rời xa đơn lẻ, lúc chậm chạp quây tròn, rồi lại nhanh chóng dỗi hờn ngoảnh mặt biến ảo khôn lường. Dáng núi kì dị, mây trắng bồng bềnh, sắc nước trong xanh hòa quyện thành một tác phẩm nghệ thuật tạo hình vĩ đại giữa biển nước mênh mang. Ngoài khơi xa còn biết bao đảo đá nhấp nhô thay phiên mở mắt canh giữ sơn hà.

Hồn thơ đang say cảnh, dạ dày đã gọi chăm nom. Anh Thơi đưa cho mỗi người một nắm cơm và mươi miếng thịt kho mặn. Ông hiệu trưởng lúc này trông từa tựa thầy cai mỏ phát cơm cho đám phu mới mộ.

Quá trưa tàu cập bến cạnh núi Bài Thơ. Thầy cô đi chơi quanh mấy phố Hồng Gai. Nhà ở đây thấp nhỏ, cây cối xạc xờ, đường sá bụi bẩn, đâu đâu cũng thấy màu đen của than.

Mặt trời sắp trốn, chúng tôi chưa tìm thấy được chỗ nghỉ. Tôi chợt nhớ đến một người biết tên nhưng chưa tường mặt. Đó là anh Lý Biên Cương nhà ở cạnh báo Đảng tỉnh Quảng Ninh, người có quen biết anh Nguyễn Thi, chồng tôi nguyên là người phụ trách báo Hải Dương trước đây.

Vừa gặp, anh đã ngỡ ngàng nhìn tôi nói:

- Trông chị quen quen

- Tôi là …

Anh vui vẻ mở toang cửa đưa đoàn vào. Gió biển lồng lộng quạt cho đám khách không mời mà đến. Hôm ấy là ngày " cắt cơm bơm xe…" nên tòa soạn vắng như mấy quán chợ chiều; chỉ có dăm gian nhà lợp ngói thấp tè, cũ kĩ rêu phong; cánh cửa khóa hờ, lợn con chui lọt. Tối đó các thầy Long, Lương, Xương, Phiệt thi nhau kéo gỗ ở đây.

Hôm sau anh Cương nấu canh chua cá biển chan bún đãi khách, rồi ân cần chỉ lối sang Bãi Cháy. Không có quần áo tắm, thầy cô tự hóa trang mỗi người một kiểu để thực hiện bằng được giai điệu " bầy trẻ thơ tắm mát phía thượng nguồn" của Nguyễn Trọng Tạo.

Gần ba mươi năm sau anh Cương đến nhà chơi, tôi nhắc lại sự ân cần của anh ngày đó. Anh thực thà:

- Tôi giả vờ nói trông chị quen quen cho cả hai đỡ ngượng; chứ lúc đầu tôi không biết chị là ai; tại sao lại biết tôi. Thấy chị nói đây là đoàn giáo viên, tôi ô kê luôn. Sáng hôm sau tôi sang nhà in sớm mượn mấy đồng mua bún đãi thầy cô.

Tôi và anh cùng cười, buồn ít vui nhiều về một thời chữ tình còn nặng. Bây giờ anh đã như ráng chiều vàng khuất núi, để lại cho đời nhiều tác phẩm văn thơ lay động tâm hồn.

Tạm biệt vùng mỏ nhọc nhằn chúng tôi ra tàu về Đồ Sơn.

Vịnh Hạ Long buổi sáng mát mẻ. Bóng núi đổ xuống dịu dàng lay động nước. Thỉnh thoảng có mấy cánh buồm nâu bạc phếch lựa gió chở hàng. Đó đây vài ba tốp thuyền chài tung lưới, giăng câu. Lưới xòe ra như những bông hoa úp ngược chìm dần trông rất đẹp. Tiếng gõ lanh canh, lạch cạch dồn dập đặc trưng của thuyền chài lùa cá vào lưới làm cho vịnh sống động thêm. Vịnh vắng vẻ, cô tịch, nhuốm buồn nhưng có cái gì đó rất thơ mà tôi lại nghèo nàn ngôn ngữ tả.

Tầu đến Hải Phòng, chúng tôi lên xe sang Đồ Sơn. Bãi tắm ở đây đục bởi nước của hai cửa sông Văn Úc và Lạch Tray đổ ra gần đấy. Mọi người ào xuống biển tặng cho cá những cái gì mình không thích.

Hiệu trưởng Văn Thơi là cháu trăm đời của Trương Nghi thời Bắc Quốc đi thuyết khách thắng lợi nên nhà nghỉ công đoàn Đồ Sơn mời thầy cô hai bữa ngọc thiện trân tu và một đêm trăng sáng gió lay màn.

Chúng tôi đi chơi bốn ngày ba đêm. Đó là mùa hè năm 1973.

Mấy tháng sau anh Thơi lại tổ chức cho cả hội đồng đi xe đạp bốn mươi kilomet xuống trường cấp hai Trần Phú, Hải Phòng dự giờ, thăm lớp. Chỉ quá nửa số người có xe nên phải thay phiên nhau làm nô lệ. Đến ga Phú Thái, chị Hồng mời một nhóm vào ăn phở màu hoàng thổ lềnh phềnh trang trí mấy cọng hành xanh. Chất đạm có thừa bởi được tiết ra từ những con bọ mì ngay từ khâu ngào bột.

Sáng sớm đã phải lên đường, ai cũng cố guồng nhanh để kịp cuối mão đầu thìn vào lớp nghe người ta giảng. Công việc xong xuôi ai tự nấy ra vỉa hè tìm kiếm năng lượng cho bánh xe quay bốn mươi cây số lượt về. Tôi sức khỏe yếu nên Kim Liên làm tài xế cả hai chiều. Tuy là sếp, tôi cũng chẳng sung sướng gì, cứ ê ẩm khúc giữa cả tuần. Nếu anh Thơi còn làm hiệu trưởng, chắc có ngày chúng tôi lại được đạp xe sang Bắc Quốc dự giờ.

Anh Thơi là một trang nam nhi dám làm dám chịu. Dẫu nặng gánh gia đình, anh vẫn là quản lý giỏi, việc nào cũng nhẹ nhàng đâu đấy, dân vận tuyệt vời, quan tâm đến tất cả anh em. Anh chuyển đi trường khác, anh Tài về làm hiệu trưởng. Dáng dấp anh khắc khổ, hơi buồn. Nhưng anh là một hiếu tử mà tôi rất kính phục. Được một năm anh lại giao chính quyền cho anh Hùng rồi chị Phan Trần Thị Lý.

Chị Lý là một hiệu trưởng nghiêm túc trong công tác, rất giỏi chuyên môn, tình cảm sâu lắng, đặt chất lượng giảng dạy lên hàng đầu. Năm 1987, chị về hưu. Chắc để đền đáp công lao, nhà trường tặng chị hai mét vải có chất lượng gần giống loại vải mà bất kì gia đình nào cũng phải mua lúc cuống cuồng.

Chị Nga là người chân thành, chất phác, thảo hiền, nhẫn nhịn và cần cù trong mọi việc. Sau bao nhiêu năm quên việc nhà nhớ việc trường, hiệu phó Nga cũng được vua ban tấm vải y như vậy lúc về hưu.

Hiệu phó Cẩm thì độ lượng, bao dung, thành tâm xây dựng khối đoàn kết, chín bỏ làm mười. Anh được tất cả giáo viên trong trường yêu quý.

Lên nắm chính quyền thay chị Lý là anh Hoàng Nguyện. Ngoài lo lắng chuyên môn, anh rất chú trọng giáo dục học sinh cá biệt, quan tâm xây dựng cơ sở vật chất nhà trường. Người ta hò nhau đi đòi biển, còn anh một mình còng lưng đi đòi ao, giao đất tranh chấp đến thắng lợi. Đi đâu gặp gì anh cũng xin cho trường; tằn tiện đến khó tin. Có khách anh bảo tôi mua năm điếu thuốc, không

quên nhắc nhở:

- Cô nhớ xin thêm cái vỏ bao.

Anh cứ xin tôi cây đào để trang trí hội trường ngày 21 tháng 2. Tôi không cho:

Ế đào mặt méo như mo
Gặp anh hiệu kẹt hỏi cho xin đào
Vô duyên chẳng gặp anh hào
Vì chưng nở muộn nên đào anh xin!

Cuối cùng anh cũng trả tôi năm ngàn. Song hỉ nhị gia. Nhà tôi có tiền mua được con gà biếu bụng. Nhà trường được no mắt ngắm đào tuyệt đẹp.

Lớn lên trong gia đình nề nếp, anh thừa hưởng tính nhẹ nhàng, ý tứ, lịch sự. Anh tâm huyết với nghề, coi trường như nhà. Phần thưởng lớn nhất của anh là được mọi thế hệ phụ huynh, học sinh yêu quý, kính trọng.

Cả ba hiệu trưởng Thơi, Lý, Nguyện đều thích đưa giáo viên đi so găng ở những đấu trường xa xôi ác liệt khi Bến Bính, lúc kinh kì trong cảnh cơm chưa no, áo quần lấy đâu tươm tất, dép nhựa vá víu đủ màu, nếu không muốn nói họ vì học sinh thân yêu, trước hết phải nâng cao hiểu biết của người thầy để chất lượng giảng dạy mỗi ngày càng tốt hơn.

Năm học 1990-1991 nhà trường lại đưa giáo viên lên trường cấp 2 Trưng Vương, Hà Nội để trao đổi kinh nghiệm dạy và học. Bến xe cho nhà trường mượn vài cái ô tô đã được tạo hóa vẽ nhiều mảng hoa văn màu nước lòng xen nâu sậm. Sợ đường đau nhà xe đã mài lốp nhẵn thín.

Xe đỗ ven đường. Thầy cô nhanh tay sửa tóc, chỉnh lại áo quần, chững chạc vào trường Trưng Vương. Trường này rất đẹp, có tường bao thẳng tắp đắp nổi hoa văn. Cây cối xanh tươi đổ bóng rắc hoa nắng xuống sân vàng hoe, nhấp nháy trông vui mắt. Bàn ghế nhẵn nhụi, chắc chắn chứ không mục nát, vỡ mặt, gãy chân như bàn ghế trường mình, cứ luôn phải mời đám bác sĩ Đồng Kị về phẫu thuật.

Mấy thầy ở đây có âm vực rộng, khẩu hình hay nên giảng bài dễ hiểu cuốn hút. Hết giờ giao lưu chẳng ai bảo ai đều tìm nơi ngày xưa các bác kéo xe tay thường vào mỗi khi đói bụng.

Ban giám hiệu luôn tổ chức cho cả hội đồng đi thăm nay suối Yến mơ màng, Cúc Phương xanh thẳm; mai Côn Sơn cổ tự, Kiếp Bạc oai hùng để nâng cao đời sống tâm hồn, củng cố lòng yêu thiên nhiên Tổ quốc đắm say; nhiều lần còn cho học sinh ngoan đi cùng. Chúng ta đừng tưởng học sinh ngoan mới học giỏi. Học sinh cá biệt cũng rất thông minh, giải quyết tình thế khôn khéo, đánh nhanh rút nhanh như bốn em học sinh lớp sáu do tôi chủ nhiệm.

Cũng không thể quên được sự đóng góp nhiều mặt của bác Thuần, bác Trấn... trưởng hội phụ huynh nhà trường.

Tôi viết mấy dòng nhớ về một thời hoa tình nở đẹp giữa gian nan. Nhân đây tôi gửi lời chào kính trọng các đồng nghiệp – lớp đàn anh đi trước – như cô Kim Anh, thầy Ái, thầy Khoát, thầy Trương, thầy Huệ...

Là đàn em đi sau chúng tôi vẫn tiếp tục phấn đấu giữ gìn, phát huy truyền thống trường Trần Phú dấu yêu. Kính chúc các thầy cô mạnh khỏe,khang minh.

Trừ quê hương Thanh Miện nới có mộ phần cha mẹ, ông bà thì trường Trần Phú là nơi thứ hai dìu hồn vào mộng, là chốn đi về mỗi khi tôi nhớ!!!

Hải Dương, tháng 8 năm 2014

LÃ THỊ HIỀN

thơ

CUNG ĐÀN NĂM XƯA

HỒNG VINH

Hạ về chưa kịp tối
Đã sang thu mất rồi
Sương lan trong màu gió
Hồn ai buồn chơi vơi

Hoa nở tự ngàn xưa
Mặc hạ tàn thu tới
Có nề chi nắng gió
Hoa vẫn thắm tươi màu

Vài cơn mưa bất chợt
Vài tiếng ve cuối hè
Dư âm còn gợi nhớ
Những cung đàn vấn vương

Ai về đi buổi ấy
Hoa lá màu xanh rêu
Lá vàng rơi nhè nhẹ
Sương thu vọng cuối chiều

Ai về đi buổi ấy
Ngõ cũ giờ mưa bay
Tận ngàn sau hoa nở
Đóa tình hồng trên tay

HỒNG VINH

tản bút

CHỢT ĐÃ THU TRÀN NĂM CỬA Ô

HOÀNG GIA CƯƠNG

Dạo này trời Hà Nội đã xanh trong dìu dịu. Hình như gió cũng đổi chiều. Bất chợt bóc tờ lịch thấy hai chữ "thu phân"! Ồ, thì ra đã vào giữa thu! Thế là cái mùa hè bức bối, nhớp nhúa và khét lẹt mùi mồ hôi đã lùi xa tít phía sau lưng. Cái mùa thu dịu dàng, xanh tươi và mát mẻ, cái mùa thu mà tôi luôn mong đợi đã vào chính vụ. Chỉ có từ tiết "thu phân" khí hậu nơi đây mới thật là thu. Không còn nắng gắt, không còn oi bức. Chỉ có dìu dịu mát lành. Chỉ có cao xanh vời vợi. Không như các bạn trẻ, những người "có tuổi" thường rất ngại mùa hè. Người già thường khó ngủ. Mà càng nóng bức thì càng khó ngủ. Dùng quạt không hết nóng, lại ho. Có tiền sắm máy lạnh thì sợ cái sự nóng lạnh thất thường có khi sinh bệnh. Sự thay đổi nhiệt độ dễ làm cho người già đột quỵ lắm. Cái nóng của mùa hè Hà Nội cũng khác xa cái nóng ở Sài Gòn. Đi trên đường phố Sài Gòn suốt buổi không thấy mồ hôi. Nhưng ngồi trong phòng ở Hà Nội mồ hôi vẫn tứa ra ướt áo. Những người từ Sài Gòn ra cứ phàn nàn là tại sao trong ấy nóng hơn mà lại không khó chịu như ở ngoài này. Phải chăng vì độ ẩm ở Hà Nội rất cao? Người bị bệnh thấp khớp mà vào Sài Gòn sống thì ít bị đau hơn hẳn ngoài Hà Nội là vì vậy. Có lẽ vì cái sự ẩm ướt mồ hôi này mà tôi luôn có thành kiến với mùa hè Hà Nội. Nếu điều này có làm cho một số bạn nào đó, đặc biệt là các bạn trẻ phật lòng vì các bạn thường mong mùa hè để đi pic nic, đi lội biển, đi trèo non, thì xin các bạn xá tội cho. Tuy nhiên, bù lại cái sự không thích mùa hè Hà Nội thì tôi lại rất yêu mùa thu Hà Nội và luôn luôn nghĩ rằng không có một nơi nào trên trái đất này có thể có một mùa thu đẹp như mùa thu Hà Nội. Thiển cận quá chăng? Lệch lạc quá chăng? Hay cực đoan quá chăng? Mùa thu Hà Nội có cái gì đó na ná mùa hè châu Âu, đủ mát để đi đầu trần dưới nắng giữa trưa, đủ ấm để bơi lội từ ban mai cho đến cuối chiều; xanh mướt những hàng cây lộng gió, rực rở màu hoa trên mọi ban công, trần thượng, công viên.

Thế là bất chợt thu tràn về năm cửa ô Hà Nội. Thu về như luồng gió cách mạng *Tháng Tám Bốn lăm* năm nào thổi tung bay ngọn cờ đỏ sao vàng trên ban công nhà hát lớn. Thu về như đoàn quân giải phóng từ Điện Biên trở về, rầm rập tràn vào năm cửa ô hồi *Tháng Mười năm tư* oanh liệt. Tôi chào đón mùa thu với tất cả niềm vui xao xuyến ấy. Một ngọn gió ban mai mát rượi. Một làn sương rất mỏng nhè nhẹ buông trên tán cây xanh như chiếc khăn voan trùm lên mái tóc huyền cũng bật lên một tứ thơ:

Ban mai rười rượi thu vừa chớm
Gió lạc vườn ai bởn trái hồng
Khóm trúc dáng chừng đang độ lớn
Ngở ngàng lối ngõ đẫm hơi sương...

Trên con đường uốn lượn ven hồ Tây, hồ Hoàn Kiếm, hay giữa Quảng trường Ba Đình, từng đoàn, từng nhóm người đang say sưa tập những động tác thể dục hoặc đi bộ. Họ hít thở làn không khí trong lành, mát rượi, điều mà suốt cả mùa hè họ hằng mong ước. Tiếng loa của đài truyền thanh vẫn vang lên bản nhạc hiệu :

"Đây Hồ Gươm, Hồng Hà, Hồ Tây
Đây lắng hồn núi sông ngàn năm..."

Tiếng loa như thôi thúc, như gợi nhớ về một quá khứ hào hùng, về một thủ đô xinh

tươi và tràn trề sức sống. Bao năm rồi mà mỗi lần nghe tiếng nhạc hiệu vang lên tôi lại vẫn có cảm giác như mới lần đầu. "*Đây Thăng Long, đây Đông Đô, đây Hà Nội...*" Tiếng loa nhắc ta về mảnh đất mà ta đang sống, về những gì đã làm cho sông núi lắng hồn suốt nghìn năm qua. Một nghìn năm, một nghìn mùa thu với biết bao mùa thu đáng nhớ của người Hà Nội, của người Việt chúng ta!

Mùa thu! Có thể nào khi nghĩ tới mảnh đất Thăng Long lại không nghĩ tới mùa thu? Phải chăng khi Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về đây (tháng 7 năm Thuận Thiên nguyên niên 1010), đoàn thuyền của ông cũng căng buồm trong làn gió thu xanh lồng lộng, trong dòng nước ấm ắp của mọi ngã sông và khi ấy ông cũng đã tiên liệu đây là nơi thánh địa? Là người Cổ Pháp (Bắc Ninh), chỉ cách thành Đại La chừng mươi dặm đường, chắc ông đã từng yêu mến cảnh sắc nơi đây nên mới chọn làm kinh đô Đại Việt và đặt tên là Thăng Long để chỉ thế rồng bay? Phải chăng khi Lê Thánh Tông cùng "Tao đàn nhị thập bát tú" ngồi đàm đạo thơ văn ở Quốc Tử Giám cũng thường vào những buổi chiều gió thu dìu dịu, dưới gốc hoàng lan thơm ngát, hay bên gốc đại già hoa xoè trắng muốt? Là một người yêu thơ tôi biết không có thời điểm nào gợi mở những tứ thơ bằng những khoảnh khắc mùa thu. Và cũng không đâu gợi mở hồn thơ bằng Hà Nội giữa trời thu.

Này nhé, ta hảy xem sự gợi mở ấy đã tác động đến thi nhân trong buổi sáng "chớm thu":

Mây bông lặng vén rèm che mỏng
Để nắng non nghiêng liếc trộm vườn
Hàng cúc xốn xang gờn gợn sóng
Hình như trời đất biếc xanh hơn!

Thi nhân thường thấy mùa thu bao giờ cũng xanh hơn, trong sáng hơn và xao xuyến tâm hồn hơn. Mùa hè cũng có tứ thơ mùa hè, mùa đông cũng có tứ thơ mùa đông, và mùa xuân càng có nhiều tứ thơ về mùa xuân; nhưng có lẽ không mùa nào có được những vần thơ sống động và bay bỗng như những vần thơ về mùa thu, đặc biệt là mùa thu Hà nội.

Em có đón thu về - thu Hà Nội
Sao chiều nay em chẳng tới Hồ Tây ?
Trời xanh biếc, mặt hồ xanh vời vợi
Hương nhài vương từng lối cũ ngất ngây !

Và cũng trong bối cảnh mùa thu ấy, khi ta ở Hồ Gươm, đến bên khóm lộc vừng chín gốc ta lại có một cảm giác lâng lâng:

Thu Hà Nội trời xanh vương mây trắng
Khóm lộc vừng đón nắng sắc long lanh
Ta muốn đứng dưới mành hoa thầm lặng
Đợi chờ ai ...
Một ngọn gió trong lành !

Mùa thu Hà Nội đẹp và thơ là thế. Bạn hãy thử một lần đạp xe thong thả trên đường Trần Hưng Đạo, Trần Phú hay đường Phan đình Phùng dưới hàng sấu xanh ngắt, điểm những trái vàng ươm nhỏ xíu để nghĩ về những hạt cốm Vòng trải trên lá sen xanh; hay đi trên đường Lò Đúc dưới những hàng sao đen cao vút để cảm thấy cái màu xanh lồng lộng và mát lành của bầu trời thu trong vắt. Tiếc là bây giờ nơi đây không còn những đàn cò trắng chiều chiều về tổ ríu rít một góc trời! Và bạn hảy ghé qua đường Nguyễn Du bên bờ hồ Thiền Quang để cảm nhận cái mùi thơm hăng hắc của những chùm hoa sữa mà đã có vài nhà thơ, nhạc sĩ say mùi. Thật lòng mà nói thì riêng bản thân tôi, tôi không thích hoa sữa lắm. Đó là một loại hoa mà ta luôn phải giữ một khoảng cách an toàn cần thiết như khi ta tiếp xúc với những bà mệnh phụ phu nhân đài các quá lạm dụng mùi nước hoa. Xa xa thì thấy thoảng hương thơm ngạt ngào quyến rũ, nhưng đến gần thì mùi hương ấy trở nên quá hăng hắc không sao chịu nổi. Tôi không tán thành với những ai coi hoa sữa như là một loài hoa đặc trưng của Hà Nội. Nghe đâu có một vài thị xã và thành phố từ

vùng đông bắc tới miền trung bị ám ảnh bởi cái hư danh của mùi thơm hoa sữa, đã đem trồng dày đặc trên suốt những đường phố thẳng tắp mới chỉnh sửa của mình, để rồi mấy năm sau khi hoa sữa bắt đầu nở rộ, dân chúng kêu trời không thể nào chịu nổi đành lại mất công chặt bỏ đi! Vậy thì làm sao có thể coi hoa sữa là loài hoa đặc trưng của mảnh đất Thăng Long thanh lịch?

Chẳng thơm cũng thể hoa nhài
Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An

Phải là mùi thơm dịu dàng và tinh khiết của hoa sen, hoa nhài mới có thể tạm được coi là đặc trưng cho Hà Nội. Hoa sen bên Phủ Tây Hồ và hoa nhài trên vườn Ngọc Hà, Quảng Bá. Tuy nhiên, với bản thân tôi, tôi coi hoa sấu và trái sấu trong một giới hạn nào đó là đặc trưng của đất Hà thành. Vào cuối mùa xuân, hoa sấu nở trắng cành và rơi thành tấm thảm dày trải trên mặt đất. Mùa hè, trái sấu xanh non, chua chua dầm vào bát nước rau hay nồi canh cá, canh sườn thì các món đặc sản sơn hào hải vị cũng khó lòng cạnh tranh. Và mùa thu, những trái sấu chín vàng, ướp muối, ướp đường sẽ cho ta một cốc nước giải khát cũng khó có gì sánh kịp. Mà những thứ này hầu như chỉ có ở nơi đây. Vào Huế, vào Sài Gòn mà nhắc đến trái sấu thì không ai là không thèm, không ai là không mơ về Hà Nội, mơ về mùa thu Hà Nội .

Nói đến mùa thu Hà Nội không thể không nói đến cây lộc vừng. Nhiều lúc tôi cũng thật sự ngạc nhiên vì có khá nhiều người Hà Nội chính gốc mà không biết đến cây lộc vừng này. Những năm gần đây lộc vừng đã trở thành một loại cây cảnh mà dân "sành điệu" đua nhau kiếm tìm. Nhưng chừng mươi năm về trước rất ít người biết đến, ngoại trừ mấy ông nhà thơ, nhiếp ảnh gia hay hoạ sĩ. Cũng đúng thôi vì cây lộc vừng hồi ấy còn rất hiếm. Quanh bờ hồ Hoàn Kiếm có một cây lộc vừng ở phía đường Đinh Tiên Hoàng, đối diện ngã ba Trần Nguyên Hãn. Và đặc biệt là một khóm lộc vừng chín gốc bên mé hồ, cách cầu Thê Húc chừng trăm mét. Vào mùa xuân, lá lộc vừng xanh non, hơi ngiêng về màu nâu tím, mơn mởn, có thể ăn sống rất ngon lành. Mùa hè lá xanh ngắt, át cả cái nắng chói chang rát bỏng. Đặc biệt là vào mùa thu, lộc vừng cho những chuỗi hoa ken dày, tạo nên những bức mành hoa vô cùng đẹp mắt. Chẳng thế mà đã có rất nhiều nghệ sĩ nhiếp ảnh tốn hàng chục hàng trăm cuộn phim, nhiều hoạ sĩ tốn hàng lô sơn màu phấn mực, nhà thơ tốn cơ man giấy bút để mô tả cái vẻ đẹp diệu kỳ của khóm cây hoa đặc biệt này. Với tôi, cây lộc vừng có một nét gì đó rất thân quen. Đó chắc chắn là một giống cây "ngụ cư" vì nếu nó có gốc gác ở Hà Nội thì chắc không đến nỗi hiếm hoi như vậy. Nó "tha hương" đến sống ở nơi đây, bám đất và trưởng thành ở nơi đây, đồng thời góp phần làm đẹp cho mảnh đất này.

Chín cây mọc thành một quần thể lạ
Chín cuộc đời nương tựa lẫn đua chen
Thành khóm nhỏ bên bờ xanh lộng gió
Mỗi lần qua ai chẳng ngước mắt nhìn !
Nếu Hoàn Kiếm là biểu trưng Hà Nội
Thì lộc vừng là nét nhấn Hồ Gươm
Dẫu miền ngược miền xuôi phiêu dạt tới
Bám đất rồi tha thiết một miền thương !

Cũng như khóm lộc vừng chín gốc kia, chúng tôi cũng là dân "ngụ cư", chúng tôi từ muôn phương quy tụ về đây, nương tựa vào nhau, đua chen nhau để trụ lại nơi này, biến một mảnh đất xa lạ thành quê hương thứ hai của mình, rồi yêu mến, rồi gắn bó máu thịt và làm tất cả để cho quê hương này trở nên tốt đẹp hơn, đáng yêu hơn. Chính ngọn gió của mùa thu Tháng Tám, ngọn gió của mùa thu Tháng Mười đã gom chúng tôi từ mọi miền đến với thủ đô, đến với trái tim chung đất nước.

Mùa thu, cái mùa đẹp nhất của một năm, cái mùa đẹp nhất của Thăng Long - Đông Đô – Hà Nội đã trở lại nơi đây. Tôi háo hức đón chờ như đón chờ ngày kỷ niệm Thủ đô giải phóng; háo hức đón chờ như đón chờ mùa kỷ niệm một nghìn năm khai sinh đất rồng bay!

Thu - 8/2014

HOÀNG GIA CƯƠNG

truyện ngắn

TÌNH LÀNG XÓM

NGUYỄN THĂNG

Làng Đình có hàng trăm biệt thự, nhà cao tầng mọc chen chúc.Nhưng vẫn còn một số nhà mái rạ tường đất. Còn nhà cấp bốn mái xỉn, tường trát bị long vữa nham nhở như người mặc áo rách vẫn còn không ít. Thì ra ở làng quê nào, thành phố nào cũng thế, bên cạnh những nhà giầu sụ vẫn còn những người nghèo rớt mồng tơi ? Ngay cả nước Mỹ mệnh danh là nước giầu nhất thế giới ngay thủ đô Wasinton vẫn còn những khu nhà ổ chuột dành cho người da đen cũng như người da trắng nghèo khó. Xem vậy, để mọi người đều được bình đẳng trong cuộc sống vật chất là hoài bão thật khó đạt được?

Theo con đường chính vào làng Đình, mới chớm đến xóm Thọ rẽ theo đường răng bừa một chút. Con đường gạch lánh hẹp hơn. Rìa con đường là rãnh nước đen xì hôi hám. Mặt đường, mặt cống nham nhở cứt lợn, cứt chó khiến người đi phải lựa chân mà bước.

Ở cái ngõ tiều tụy, bẩn thỉu này có ngôi nhà lúp xúp khốn nạn nhất làng Đình. Nó chìa cái mái rạ đường nhìn cứ ngang phè phè như một nốt ghẻ trên gương mặt vốn phốp pháp đẫy đà. Ngôi nhà ấy đúng hơn là túp lều của chị Dậu mà nhà văn Ngô Tất Tố đã miêu tả trong tác phẩm Tắt Đèn. Nó lọt thỏm giữa những nhà ngói, nhà tầng theo thế tương phản nhìn càng thảm thương.

Nhà của ai vây ? Xin thưa chủ ngôi nhà ấy là một lão nông dân. Bà con làng Đình vẫn gọi là ông Cạch. Có lẽ họ căn cứ vào cái nghề đục đẽo thợ mộc của ông mà gọi thành tên hay là tên cúng cơm cha mẹ đặt cho ông từ thuở lọt lòng ? Chỉ biết cái tên mộc mạc như chính cuộc đời ông. Ngôi nhà ba gian của ông đứng ủ rũ nhìn ra cái sân hẹp lát bằng xỉ than, gạch vỡ đầm không kỹ nên cỏ ấu, cỏ gà mọc nham nhở. Xung quanh sân có những đám rêu xanh lè.

Ông Cạch kia kìa. Ông ngồi ủ rũ trên cái chõng tre ọp ẹp. Mặt mũi ông bơ phờ nhăn nheo. Ông đang lơ láo nhìn ra mảnh sân nhạt nhòa nắng chiều hiu hắt. Khi già nua theo tuổi tác người ta hay chạnh nghĩ về thân phận của mình. Ông rùng mình nghĩ đến cuộc đời mình không còn bao lâu nữa. Thất thập cổ lai hy mà nay ông đang xấp xỉ ở cái ngưỡng đó rồi. Bỗng ông đau nhói ở ngực khó thở. Ông bèn nằm ngay xuống. Cơn sốt ở đâu ập đến làm ông choáng váng. Đầu óc ông u u, o o, mắt cay xè những hoa vàng, hoa đỏ lúng liếng. Ông với tay lấy hộp cao sao vàng. Luýnh quýnh mãi ông mới mở được lắp. Bên trong dầu đã hết. Ông có vét để bôi vào trán rồi kéo

cái vỏ chăn hoa dung dúc đắp kín người. Ông rên hừ hừ. Ông bỗng khóc hu hu buồn bã kéo dài i ỉ nghe sao mà buồn thê thảm. Con gà mái hoa buộc chân ở cửa bằng một sợi dây bỗng co lại kêu quang quác. Có một đi vào sân thì phải ? Ông nghe có tiếng bước chân chứ không nhìn ra.

Người ấy là anh Tí con ông Thuần hàng xóm. Vốn là con nhà chân quê ở sát nhà ông. Tí đã ngoài 30 tuổi. Nhà anh làm nghề buôn lợn giống. Lúc rỗi rãi Tí vẫn thường sang thăm ông. Thâm tâm Tí vẫn thông cảm thương ông lão hàng xóm nghèo đơn côi nhưng tốt bụng.

Ông lão Cạch đến đây từ bao giờ, ông ấy đích thị là người làng nào ngụ cư ở đây anh không rõ. Nhưng nghe nhiều người trong làng kể lại thì quê ông ở xa lắm tận xứ Nghệ. Vào những năm đói rách trước Cách mạng tháng Tám, mẹ ông dắt díu anh em ông đến làng này làm mướn làm thuê kiếm sống. Hôm nay làm cho nhà này, mai làm cho nhà khác, tối về mẹ con ông lại ngủ ở Đình làng. Những năm đó anh em ông đã hơn chục tuổi đầu rồi. Cuộc sống tạm bợ lay lắt qua ngày. Thấy cảnh mẹ con nheo nhóc dân làng nhiều người thương. Đất lành chim đậu, từ đấy ông là người làng Đình. Chẳng biết ông họ gì. Mọi người cứ gọi ông là Cạch. Em ruột ông là ông Cáp. Tí lớn lên đã thấy ông làm nghề thợ mộc. Nhưng ông chỉ làm đồ tre. Nhà ai làm nhà ông đi cắt tay đòn, chẻ dui mè, đục đẽo, tiện đốt tre. Ông làm đồ tre nổi tiếng cả vùng này. Thời bao cấp ông làm không hết việc. Từ ngày đổi mới trong xóm nhà mái bằng, nhà gác mọc lên thì nghề của ông xếp xó. Họa hoằn mới có người mời ông đi làm cái bếp hoặc cái nhà tranh tre. Khi sắt thép xi măng rẻ, người ta tính đến độ bền vĩnh cửu thì số người ở vùng quê này làm nhà tranh rất ít. Đó cũng là lẽ dĩ nhiên. Ông ế ẩm không phát triển được nghề phần nữa vì ông già rồi, phần vì nhiều nỗi truân chuyên. Khi con người ta già đi theo năm tháng tuổi tác, khi gia cảnh nơi lạc thú cuối cùng của mỗi gia đình tan vỡ thì sao mà vui được?

Hôm nay Tý đi mua lợn về qua. Con ngõ đi sau mái rạ nhà ông Cạch. Tý thấy có tiếng khóc, tiếng rên từ trong nhà vang ra. Tý dừng lại lắng nghe. Tiếng khóc u uất tắc nghẹ... Đùng tiếng ông lão Cạch rồi? Tí nhíu mày đoán xem tại sao ông lão lại khóc. Tí vội vã dắt chiếc xe kích simson về nhà rồi không kịp thay quần áo. Cứ thế Tí đi sang nhà ông.

Tí bước vào cửa làm con gà co lại quang quác.

- Ông làm sao thế hả? Tí hỏi và bước đến cái chõng tre ông đang nằm. Hình hài người già rúm ró, trong ngôi nhà trống hươ trống hoắc thật thảm thương. Tí đưa tay sờ trán ông Cạch. Khốn khổ ông lão bị cảm đầu nóng hầm hập, nước mắt mũi nhạt nhòa trên vầng trán nhăn nheo nhợt nhạt. Cùng tuổi với bố mình nhưng một bên được chăm sóc một bên cô lạnh? Tuy còn ít tuổi nhưng Tí hiểu cuộc sống của người già cô đơn bất hạnh. Lòng Tí se lại trào lên một tình thương yêu sâu sắc ông lão hàng xóm. Trong lòng lão Cạch cũng rối bời xót xa lão nghĩ đến cái chết đến với lão. Ông mở mắt thao láo run rẩy nhìn anh hàng xóm tốt bụng thều thào:

- Tí ơi anh đi mua giúp tôi mấy viên thuốc cảm- Tí đỡ ông ngồi dậy. Ông lão khó nhọc thò tay vào túi áo ngực rồi túi áo cánh. Anh đoán ông đang cố tìm tiền. Thực ra trong ông đang nghĩ tới sự nhờ vả. Giúp ông đi mua là tốt.

Còn tiền thì mình phải có?Tí thấy thương ông lão quá.Anh nói:

-Ông cứ năm ngủ đi cháu có tiền rồi cháu sẽ đi mua thuốc cho ông_Tí an ủi ông rồi tất tưởi đi ra. Mầy năm trươc còn bà Cạch ông lão đỡ vất vả.Sáng ông dậy sớm . Có ai gọi đi làm mướn,ông lại vớ cái mủ lá đội lên đầu xách cưa đục tất tươi đi ngay . Bà thu vén khéo nhà cửa lúc nào củng sạch sẻ tinh tươm . Cuộc sống vợ chông ông lão Cạch vẫn đạm bạc mhung ấm áp. Nay bà mất chỉ còn mình ông đơn côi lẻ loi quá . Nhớ lại khi bà còn sống bà thường hát :

Trơi ơi trời ở không cân
Trơi mưa trên núi ao cần cạn khô.

Cũng có lúc bà hát :

Trời ơi trời ở không cân
Kẻ ăn không hêt người lần không ra.....

Những câu ca ấy vang lên trong khung cảnh xung quanh làng xóm , láng giềng nhà tầng ,nhà ngói ,xe máy , ô tô mà trông vào gia cảnh nhà mình thì thật buồn quá.Ngẫm lại mình đâu có lười nhác nhưng làm sao mà gia đình ông cừ nghèo mãi ?Mẹ ông xưa làm thuê làm mướn cho đến chết vẫn nghèo nhà chỉ có ba cái gianh ba cái cọc.Đến đời vợ chồng ông vẫn cứ nghòe hèn

mãi sao ? Những khi nghe bà hát vậy,bao giờ ông cũng bảo với bà :

-Sông có khúc người có lúc bà ơi

Bà nhìn ông mà rằng :

- Tât đen đấy có đội nón vẫn đen.Còn tây trăng s đi bêu nắng vẫn cứ trắng như hòn bột. Con người ta có số cả đấy.Tôi với ông có lười đâu mà cứ nghèo mãi.Bà lại ê a than :

Trời cho mới được sang giầu
Trời không cho thì phải đội đầu nón mê

Rồi bà lại ca cẩm :

Gánh cực mà chạy lên non
Cong lưng mà chạy cực còn chạy theo .

Ông lại bảo:

- Các cụ vẫn dạy : Xưa nay nhân đinh thăng thiên cũng nhiều.Cứ yên trí mình khổ mãi phải có lúc sướng bà ạ .

Hai ông bà lại tranh luận om xòm.Cảnh vợ chồng già tuy vậy vẫn như đũa có đôi.Gia cảnh nhà ông vẫn ấm cúng. Những khi sang chơi băt gặp hình ảnh hai vợ chồng già găp thúc ăn cho nhau,nhương nhau miêng đậu phụ,xơi cơm chan canh cho nhauTí lại xuyt xoa ;

-Hai cụ tình cảm thật ,chúng cháu cũng không bằng

Từ khi vợ chết,ông lão như cái bóng hiu hắt ở xóm Thọ này.Ông lão nghèo nhưng cụ tử tế lắm.Ai xấu số qui tiên ông cụ tân tụy hêt mình.Ông lão chăng kiêng khem gì mà sẵn sàng rửa mặt vuốt mắt,thay quần áo cho người quá cố như ruột thịt.Ông lão chu tất tận tình nên các gia chủ đều cảm kích.Nhiều người nhận xét: Ông cụ là người làng mà sao tốt thế.

Tí quí mến ông Cạch ở tấm lòng của một bậc bề tren như kính trọng cha mẹ ông bà....Khi mang thuôc về anh rót nươc giúp ông uống thuốc.Tí an ủi:

-Ông cứ nắm ngủ đắp chăn là sẽ khỏi thôi.

Cử chỉ ân cần của Tì khiến ông băn khoăn:

- Tôi sẽ trả tiền chú.Chú tốt quá_Ông đổi giọng thân tình.Tí gạt đi:

- Cháu biếu ông vài viên thuốc cảm có đáng là bao .Ông không phải băn khoăn gì cả.Ông cứ năm nghỉ đi sẽ khỏi.

Tí ra về ,túp lều lại trở lên trống vắng. Ông Cạch uống thuốc đúng bệnh đỡ dần. Bấy giờ cái buồn lại ập đến .Ông nghỉ đến vợ con ông đả mất đẻ gia cảnh ông lẻ loi.Kiếp người ngắn ngủi quá.Mới ngày nào mẹ dắt hai anh em ông đến làng Đình này mà đã hơn năm mươi năm rồi.Mấy năm sau đó,lúc mùa màng thát bát,mẹ ông óm nặng rồi qua đời ở chính nơi đây . Bà con chòm xóm cưu mang .Tình cảm ấy ông thấy thật ấm áp.Lão Cạch lấy vợ muộn.Vợ lão cũng là ngươi nơi khác đến đây làm mướn.Hai người ở với nhau đến mười năm mà không có con.Lão Cạch vẫn cho là tại số của mình.Bà ấy ốm chết, ông lấy bà thứ hai đã có một mụn con gái riêng.Bà ở góa,khi biết hoàn cảnh của lão Cạch bà thương và đi bươc nữa.Nhưng rồi hai người vẫn khong có con chung .Ông chấp nhận và quí con riêng của vợ như con của ông.Thôi thì vợ chồng nghèo chỉ lấy chữ yêu làm đầu.Sông có khúc người có lúc.Con gái riêng của bà đến tuổi gả chồng tử tế ,ông bàn vơi bà cho cxhungs ở đây cho vui cửa vui nhà.Con rể ngoan cũng là con trai.Bà bằng lòng ngôi nhà của vợ chồng ông bưng lên sưc sống mới.Nhưng rồi tuổi già trái tính trái nết,vợ chồng con Đông không hợp vơi bà.Thành ra cứ nam ngày ba trận mẹ con xo xát.Ong can ngăn không đươc.Bà nóng nảy vưt đồ đạc của vợ chồng con Đông đuổi đi.Hôm vợ chồng con gái con rể lếch thếch về Băc giang ông cứ mủi lòng .Ngôi nhà lại trở về trống vắng chỉ còn hai vợ chồng già hiu hắt. Một năm kia cocon gái của bà đột ngột qua đời vì ung thư gan để lại cho chồng nó hai mụn con gái.Nghe tin dữ bà gào khóc thảm thiết.Ông thì đau khổ phát ốm mất mấy tuần.Hai má ông tóp lại hốc hác,da nhăn nheo thảm hại.Nửa nam sau bà cũng qua đời.Chỉ còn mình ông đơn chiếc.Ngôi nhà đã tiều tụy lại càng tiều tụy già nua hơn.Ông lão phải lấy hai đoạn tre đực già chống vào quá giang để nó khỏi gục xuống.May mà nó kề vào tòa nhà hai tầng hàng xóm phía băc che chắn chứ không thì có gió to là sập rồi

Ông chăng có tài sản gì ngoài con gà mái tơ.Ông cẩn thận buộc chân xích gà như xích chó ở cửa ra vào.Hôm sang chơi Tí thấy ông xích gà ở cửa như thế bèn hỏi ,ông ngay thật giải thích

răng vì sợ mất trộm.Ông già rồi kẻ trộm vồ mất,ông làm sao mà đuổi được

Trời đã tối ông ngồi dậy đầu óc vẫn còn lành lạnh. Ngoài sân đã có ánh trăng dìu dịu.Ông bật công tắc ánh điện vụt sáng,căn nhà như phô bày cảnh hoang sơ trống trải.Ngoài hai cái chõng tre cũ kĩ kê hai bên và cái ban thờ ghép bằng tấm ván sơ sài...Nhà ông chăng có cái gì đang tiền.Ông lão uể oải mở cái lon sành đong một bát gạo rồi lẩy bẩy đi xuông bếp nấu cháo.Ông muốn ăn một bát cháo hành hoa cho vã mồ hôi.

Một bóng ngươi đi vào .Anh Tí lại sang ;

-Ông để đấy cho cháu - Tí nhanh nhảu giúp ông nấu cháo.Ông lão lại đi lên nhà. Cái bóng đen cũng mệt mỏi run rẩy lăc lư tội nghiệp đi theo .

Sau khi được ăn bát cháo hành tía tô có đâp trứng gà anh Tí mang sang ông Cạch thấy khỏe người hẳn lên .Ông nằm ngửa mặt nhìn lên cái màn cũ ngả màu vàng nước dưa.Tự nhiên nươc mắt ông ứa ra tội nghiệp.Ânh hàng xóm tốt bụng anh ấy đã về rồi.Ông Cạch trở lại tỉnh táo.Người già bao giờ cũng thế khi vui khi buồn thương hay nghĩ tơi những việc đã qua .

Mảnh đất này rộng 300m2 Lang Đình đất có giá lắm.Dạo đất sốt có người đến trả ông 5o triệu đồng.Ngươi ấy nói ông cứ cầm lấy tiền mà tiêu và cứ ở bình thường.Ông chỉ cần viết giấy tờ chứng nhận đã ban đất đã nhận đủ tiền và di chúc lại.Chỉ sau khi ông mất cháu mới sử dụng đất.Nhưng ông không muốn bán đất .Ông đâu có cần tiền ? Ông săp bòn cho đất rồi.Ông giữ tiền mà làm gì.Trong làng có người bảo ông lão Cach dại quá , con cái chẳng có đứa nào giữ đất cho ai.Còn sống ngày nào,có đồng tiền trong tay mà bồi dưỡng có hơn không ?

Nhưng ông lại nghĩ khác. Ông muốn đươc thảnh thơi,giữ tiền chỉ thêm khỏ.Có đồng tiền bọn trộm cướp lại rình rập có phải khổ không ?

Ông già rồi ăn uống chẳng được bao nhiêu .Thỉnh thoảng ông vẫn được con ông Cáp gọi bắng Bác chu cấp để sinh sống.Ông bỗng nhớ đến người em ruột ấy .Chú Cáp kém ông đến năm tuổi mà chú ấy đã mất năm năm rồi .Năm kia thím ấy cũng qua đời ..Anh vất vả, em cũng nhọc nhằn lam lũ . Chú ấy suốt đời đi làm mướn kiếm ăn rồi đong than tổ ong bán .Chân tay lúc nào cũng đen nhẻm, áo quần cáu bẩn hôi xì . Đúng năm kia nhà ông Cạch bị đại hạn . Đầu năm con gái mất , giữa năm vợ ông tự vẫn . Cái buổi sáng hôm ấy ông đi cưa đòn tay cho một gia đinh bên làng Sặt . Ông đi đén ngang đường thì quên cái bào nghiến đốt tre phải quay về nhà lấy .Mời đến đàu sân ông đã gọi bô bô :

- Bà ơi ! bà ơi !

Thấy im lặng ông nghĩ hay bà ngủ quên hay bà đi sang hàng xóm chơi ?Người đâu mà vô tâm thế, cửa mở thế này kẻ gian lẻn vào nó vơ mất .Chó vẫn cắn áo rách mà không biết đsề phòng .Ô ng bươc vào nhà cửa buồng vẫn cánh mở cánh khép.Ông vào buồng .Ôi thôi ! ông hoảng quá ngât đi .Lão Cạch đưng như trời tròng mồm há hốc không nói được câu nào . Vợ ông đã treo cổ tự vẫn cái lưỡi lè ra đáng sợ . Bấy giờ ông mối lu loa, làng xóm kéo đến.Người ta thương ông trách bà tội nghiệp .Tại sao bà lại quyên sinh để mang tiếng xấu cho chồng.Có lẽ bà quá nghĩ về đứa con gái duy nhất bị chết ? Ây thế mà đã bảy năm rồi.Đêm nào ông lão cũng mơ thấy bà .Kìa bà lại về.Cái đầu bạc,hàm răng đen,bà đang lởn vởn ở đầu giường.Ông nhỏm dậy bà nhòa ra cửa biến mất .

Lão Cạch bươc đến bàn thờ thắp cho bà nén nhang rồi chăp tay vái ba vái :

- Bà sông khôn thac thiêng phụ hộ độ trì cho chồng cho con rể cho các cháu của bà .....

Ông trở lại cái chõng nằm gục xuống đoi vai gày rung rung thảm hại . Kiếp người quá ngăn ngủi.Kiếp người ! Ông thốt lên buồn bã . Bên tai ông lại văng vẳng có tiếng hát :

Trời ơi trời ở không cân
Trời mưa trên nùi ao cần cạn khô .

Câu ca như chình giọng của bà chua xót .....

Cái tết tất niên ập đền rồi . Ông thấy như khỏe ra .Nhưng ông lại chợt buồn. Ngoài đường, người đi mhua sắm tết năm mới nói cười tíu tít .Tiếng xe máy vè vè ....Bàn thờ nhà ông vẫn nguội lạnh ,buồn bã quá .Mọi năm ông còn khỏe mạnh tết năm nào ông cũng mua cành đào. Hai mươi bảy tết con rể ông ở Băc giang lại đem về biếu bánh chưng,banh dày ,chè lam.....Hôm nay đã 29 rồi mà ông vẫn chưa thấy nó về.Bàn thờ gia tiên vẫn trống trơn .Ông gục xuống khóc thút thít .Đôi vai gày rung rung.Chưa bao giờ

ông cảm thấy cô đơn trống trải như lúc này.Bỗng có tiếng còi xe máy và cánh cổng tre mở tung .Chiêc đờ rim vè vè lượn vào sân . Con rể và hai cháu về thăm ông thật rồi .

_ Ông ơi con đưa các chàu về thăm ông đây

-Chúng cháu chào ông ạ

Con rể ,các cháu tíu tít chào ông.Ngôi nhà bỗng ấm hẳn lên . Ba bố con bước vào nhà mang theo một cành đào và một sắc du lịch .Nào banh chưng, mứt ,cam quít,cả một cân giò lụa . Anh nói với bố :

- Con xuống chậm vì còn mắc nồi bánh chưng bố ạ .

Ông cảm động ôm các cháu vào lòng .Ông nói về trận ông bị cảm vừa rồi mới khỏi.Ông khen các cháu lớn quá .Ông hỏi thăm tình hình bố con sống ra sao .Con rể các cháu bên ông nói chuyện với ông tíu tít.Bàn thờ bưng sang lên với các hoa đào và mâm ngũ quả .Ông lão Cạch cảm động trước tình cảm người con rể hieu thảo ăn ở có trước có sau .Ông thương con rể bất hạnh. Vợ nó yểu mệnh qua đời đẻ lại cho nó hai đứa con còn bè dại thơ ngây . Ông càng thương con gái riêng của vợ mà ông đã có công nuôi dưỡng.Ai ngờ nó ngã bệnh để nhà ông chịu cảnh lá xanh rụng trươc lá vàng . Người ta vẫn bảo mất dâu chứ không mất rể.Có lẽ đung chăng ? Lòng ông ấm lại .

Ngoài đường có tiếng nói vọng vào rồi một tốp người xuất hiện .Ông nhìn ra đến bốn ,năm cụ ông đang hăm hở đi vào sân .Ông lão Cạch đưng lên đón các cụ đang đi vào.

Anh con rể lên tiếng chào :

- Con chào các cụ đến thăm ông con ạ
- Em chào các cụ __ Ông Cạch cởi mở .
- Chúng cháu chào các cụ ạ _ Hai cháu khoanh tay lễ phép chào .Ccác cụ khen các cháu ngoan quá .Mọi người ngồi xuống hai chiếc ghế .Anh con rể sai con đi đun nước .Môt cụ râu dài tóc bạc phơ nói ;
- Chúng tôi xin cháo cụ và các cháu .Hôm nay hội phụ lão có cử chúng tôi đến cụ đây . xem cụ có khỏe không và chuẩn bị tết đên đâu rồi .?

Cụ quay sang phía anh con rể :

- Bố con cháu trên Băc giang mới về thăm ông ngoại đấy chứ ?
- Vâng chúng con vừa mới về đấy ạ ._ Anh con rể lễ phép đáp,tay lau bàn rồi đưa con thứ hai mang đĩa chén ra giếng rửa cho sạch sẽ .

Cụ tổ trương nói :

- Chúng tôi mang quà của Hội trọng thọ đến chúc cụ sức khỏe nhân dịp tết đến xuân về .

Cụ trao cho ông lão Cạch gói chè Kim anh và 100.000 đồng_gọi là của ít lòng nhiều, cùng cảnh già với nhau ,biết cụ ốm và nhân dịp tết cổ truyền Hội đến thăm cụ.Hôm nào tết chúng tôi lại đến thăm cụ nữa .

Ông Cạch cảm động nói :

- Xin cám ơn các cụ lại chiếu cố đến em.

Nước đã sôi ,anh con rể pha trà mởi cac cụ xơi nước .Anh lại mở gói kẹo lạc xin mời các cụ thương thức kẹo Băc giang của quê con xem có ngon không ?

Vừa lúc đó anh Tí lại sang. Tí cầm ba chiếc bánh chưng và cặp bánh su suê.Anh cởi mở nói :

- Cháu chào các cụ ạ ,Cháu có quà biếu cụ Cạch để ăn tết .

Anh đặt bánh lên bàn . Ông lão Cạch nhìn anh Tí nói với mọi người :

- Không có chú Tí đây thì hôm vừa rồi bị cảm tôi đã chết rồi .

Anh con rể hương về anh Tí bày tỏ thưc lòng :

Cảm ơn ông anh đã giúp đỡ bố em .Tình làng xóm láng giềng cụ lại xa con cháu

- Không có gì,giúp đỡ cụ là bổn phận của làng xóm tối lửa tắt đèn có nhau . - Tí đáp rồi người này một câu ,người kia môt câu . Ngôi nhà bỗng bừng lên sức sống mùa xuân

NGUYỄN THĂNG

tản bút

THƯ GỬI ANH

DIỆP PHƯƠNG CHI

Sài Gòn ngày… tháng… năm…

Hôm nay là sinh nhật của em, 3/12. Cảm ơn anh đã cho em một ngày sinh nhật thật vui và đầy ý nghĩa. Thời gian gần đây em bận quá, có lúc thấy đời thật vô vị khi cứ trôi đi lênh láng trong những lo toan, công việc, nhà cửa, con cái... Đã một tháng rưỡi nay em chẳng có lấy một thứ bảy, chủ nhật nào được ở nhà và nghỉ cuối tuần đúng nghĩa, trong khi tính em vốn lười, rất thích được nghỉ cuối tuần. Đến hôm mà cô nàng trong "Never on Sunday" còn chẳng muốn trong ngày chủ nhật nữa là làm việc...Thế mà mấy tuần đó của đáng tội em cứ phải lo đi học, lo đi làm một cách bất đắc dĩ vì công việc tình cờ thời kì này nó trùng lên nhau như thế... Và vẫn còn 1 tuần liên tục nữa như vậy cho đến khi công việc được giãn ra trước khi bắt đầu những lo toan thường kì mới. Đúng là như Tản Đà đã nói:

"Đời người như giấc chiêm bao
Ở trong mộng ảo mà sao không nhàn"...

Thôi thì ở đời ai cũng phải lao động, cũng phải "bon chen với đời" cho dù muốn và không muốn vậy...

Sáng nay anh đưa em đi xem phim. Bộ phim Hừng Đông tiếp nối Chạng vạng, Trăng non và Nhật thực. Bộ phim hay đến nỗi ra khỏi rạp chiếu phim em thấy cuộc đời toàn màu hồng tươi đẹp. Tập phim này ngoài lãng mạn như những tập đầu còn giàu ý nghĩa nhân văn nữa. Đám cưới của Bella và Edward thật đẹp với quang cảnh như trong cổ tích. Những cảm xúc phức tạp đan xen giữa 3 nhân vật Bella, Jacob, Edward làm cho Tình Yêu trở nên thi vị và cao thượng biết bao. Edward vẫn cho Jacob gặp riêng Bella ngay trong ngày cưới của mình dù biết rằng cái cậu bé người sói ấy vẫn yêu say đắm vợ mình và "có một mối quan hệ rất đặc biệt giữa cô ấy với cậu mà tôi không bao giờ hiểu được" (lời của Edward với Jacob). Khi Bella mang thai một con "ma cà rồng con" trong cơ thể của một con ngươi bình thường, cô suýt mất mạng vì cơ thể người không thể thích ứng được với sự có mặt của giọt máu ma cà rồng. Thế nhưng cô quyết bảo vệ con mình và bất chấp mọi nguy hiểm cho bản thân để con mình được ra đời trọn vẹn. Đúng là chỉ có người mẹ là luôn yêu con mình dù nó là người hay ma. Chỉ có người mẹ là có thể đánh đổi mạng sống của mình cho sự an toàn của con... Tình cảm gia đình trong phim cũng thật đẹp. Bố mẹ Edward bất chấp tính mạng, bất chấp sự nguy hiểm tột cùng khi đối mặt cùng sự rình rập của bầy người sói để vào rừng "đi săn", mang cơ hội sống về cho con dâu Bella "vì Bella đã là thành viên trong gia đình chúng ta rồi, bằng mọi giá chúng ta phải bảo vệ nó".

Chàng trai người sói Jacob tuy đau khổ vô cùng khi mất Bella, và cũng hậm hực trẻ con vô cùng khi chứng kiến hạnh phúc của Bella, nhưng cũng đã nổi loạn, ly khai chống lại đồng loại người sói của mình để ở bên cùng Edward – một ma cà rồng vốn là kẻ thù truyền kiếp, là khắc tinh với giống dòng người sói, và cũng là tình địch của cậu - để bảo vệ Bella trong suốt thời gian cô xấu xí, ốm đau quặt quẹo vì bị bào thai ma cà rồng hành hạ. Tình cảm cao thượng của Jacob khiến mình liên tưởng đến bài thơ Tôi yêu em của Puskin:

"Tôi yêu em đến nay chừng có thể
Ngọn lửa tình chưa hẳn đã tàn phai
Nhưng không muốn em bận lòng hơn nữa
Hay hồn em phải gợn bóng u hoài
Tôi yêu em âm thầm không hi vọng
Lúc rụt rè, khi hậm hực lòng ghen
Tôi yêu em, yêu chân thành đằm thắm

Cầu em được người tình như tôi đã yêu em
Nhưng nếu có lúc gặp buồn rầu đau đớn
Xin thì thầm em cứ gọi tên lên
Và hãy tin còn đây kỉ niệm
Em vẫn còn sống giữa một trái tim"

Tình yêu quả thực có thể khiến người ta vượt qua mọi rào cản về giai cấp, về tuổi tác, về "ý thức hệ". Dù sao thì đó cũng là chuyện phim. Chứ ngoài đời thường đàn ông ghen tuông chết đi được, chứ có mấy ai cao thượng giống như Jacob và Edward .

Cuối cùng khi Jacob định giết bé gái ma cà rồng vừa mới ra đời của Bella và Edward vì tức tối cho rằng nó là thủ phạm khiến Bella đang "9 phần chết 1 phần sống" thì đột nhiên, một hiện tượng lạ xảy ra: Jacob tự nhiên nhìn thấy trước tương lai của em bé, lớn lên bé sẽ trở thành một thiếu nữ vô cùng xinh đẹp không thua gì mẹ Bella ngày trước, và chàng trai người sói Jacob lập tức bị "dính duyên" phải lòng cô em nửa người nửa ma cà rồng này. Và cậu lại một lần nữa đứng ra bảo vệ sự tồn tại của bé con trước một lũ sói hung hãn đang nhào tới tấn công sự ra đời của bé. Và kì lạ thay, theo một luật lệ bất khả thay đổi được truyền từ đời này sang đời khác của gia tộc người sói này thì "một khi một người sói bị dính duyên với một người nào đó thì người đó phải được an toàn, không một người sói nào có quyền tấn công người đó". Thế là cả bầy sói cúp đuôi bỏ chạy, và em bé được bình an. Quả là một luật lệ "tôn thờ" Tình Yêu lên đến mức thiêng liêng. Cụm từ "dính duyên" được dùng như khẳng định: đã là duyên tiền định thì chạy trời không khỏi nắng, làm sao trốn chạy, chối bỏ được tình yêu?

Kết thúc tập phim thì em đã hiểu vì sao phim thu hút được sự quan tâm của nhiều khán giả đến vậy. Đó là nó giải quyết được nhu cầu lãng mạn muôn thuở của con người, nó giúp người ta thoát li ra khỏi những lo toan cuộc sống của đời thường để thấy rằng, bên cạnh công việc, dưa cà gạo dầu mắm muối của đời thường, mãi mãi là TÌNH YÊU (dù "mãi mãi cần tiền tiêu")

Hết phim, anh với em đi xem triển lãm giáo dục Pháp - Đức thật hay ở khách sạn Rex, rồi chui vào siêu thị ngắm đồ, mua quà tặng cho con anh Thư, chị Ngọc bạn anh. Rồi tình cờ vào ăn trong siêu thị ăn món cơm chiên Dương Châu với...xúc xích Đức. Món tàu món tây lẫn lộn mà kết hợp lại thật ngon miệng và thật vui. Nhớ làm sao món xúc xích Đức nướng, món frikadella ăn với ketchup thật ngon họ hay bán trên đường phố ngày xưa...Hàng ăn vừa là hàng càfê với gu màu vàng kem thật đẹp với những song cửa gỗ treo bao giỏ hoa xinh xắn, ấm áp, lại đang mở toàn nhạc Trịnh với Hạ Trắng, Nắng thuỷ tinh... tự nhiên sao cứ nhớ mỗi một câu trong bài hát gì đó của Trịnh Công Sơn "từ ngày mẹ cho mang nặng kiếp người" ...Hôm nay là ngày sinh nhật lần thứ 28 để bước chân vào tuổi 29 của em, 29 năm kể "từ ngày mẹ cho mang nặng kiếp người"...

Cảm ơn anh đã yêu em, đã quý em và vẫn quan tâm, tế nhị với em dù mình lấy nhau đã hơn 5 năm... Tình yêu của anh dành cho em và sự ra đời của con là niềm tự hào lớn nhất của cuộc đời em. Trước đây em từng bi quan về Tình Yêu, vì nó quá trừu tượng đối với một con người hay u sầu và đa cảm như em. Em từng chọn cho mình "hạnh phúc của một loài chim", nghĩa là tuyệt đối không gắn hạnh phúc của mình với một nơi cố định nào, hạnh phúc của loài chim là khi nó được bay, được tự do. Mọi sự gắn bó lệ thuộc đều là nguồn gốc của mọi sự bất hạnh, cũng giống như hạnh phúc cũng là nguồn gốc của bất hạnh, vì hạnh phúc đơn giản là "có một điều gì đó đáp ứng ước vọng của mình", ngược với bất hạnh là "mất cái gì đó mà mình vô cùng yêu quý". Mà cuộc đời thì không ai là sống mãi, ko có gì là mãi mãi,...mọi thứ thật vô thường... Vì thế em từng chối bỏ tất cả để sống với "hạnh phúc của một loài chim" cho đến khi gặp anh... Thôi thì em có "tu" thì cũng ko thành Bồ tát được, mình cứ đành sống trọn vẹn với cuộc đời mặn ngọt chua cay, lúc vui sướng, lúc bất hạnh, lúc hân hoan, lúc mệt mỏi...này từng ngày vậy.

Tự nhiên em nhớ đến truyện Cõi luân hồi (Trang Hạ dịch) mà em rất thích, có mấy câu sau đây của con ngạ quỷ bên cầu Nại Hà: *"Con người thường bảo là có Tiền sinh Hậu thế (kiếp trước thế nào thì kiếp sau nhận báo ứng thế), nhưng thực ra làm gì có trước và sau, chỉ có kiếp này ở đây thôi...Giờ đây, tôi đã hiểu lời Phật nhắc tôi, nhưng tôi vẫn không đáp lời Phật, tôi cũng không muốn đi ngẫm ngợi lời Bồ Tát. Bởi tôi đã nếm trải được hạnh phúc, nếm trải được đau thương, đã từng hạnh phúc, đã từng đau thương. Đã có được một giấc mộng nghìn năm, đã có nợ kiếp trước, đã có duyên kiếp này, đã có tất cả, tôi đã mãn nguyện rồi..."*

Cảm ơn anh vì một ngày sinh nhật thật ấm áp và thật vui...

Buổi chiều về tự nhiên buồn vì nhớ về một người bạn thi sĩ tự nhiên bị bệnh hiểm nghèo ko biết ra sao... Nghĩ về kiếp làm người...

Và Otto yêu quý thì buổi tối ném máy điện thoại của em làm nó vỡ, hỏng luôn rồi. Dù tiếc tiền nhưng em hơi mừng vì con mình giờ đã hiếu động hơn, tay nó ném có lực thì mới làm cái Nokia "nồi đồng cối đá" vỡ ra được chứ...

(viết ngày 3/12/2011 tại Sài Gòn)

DIỆP PHƯƠNG CHI

thơ

TRĂNG MUỘN

HUY ĐỊNH

Đêm trăng muộn
Những giọt sương rơi trên lá
Như nước mắt mình
Lăn trên gò má hanh hao
Mơ về ngày xưa
Hai đứa tung tăng trên cỏ
Những vòng tay nghẹt thở
Hạnh phúc tràn bờ môi…
Ngày xưa ơi
Giờ sao quá xa xôi
Còn lại mình em bên đá
Lắng nghe lời than thở
Của đóa Quỳnh trong đêm.
Trời bình yên
Và đất cũng bình yên
Chỉ lòng em sao động
Trăng ơi! Sao trăng đến muộn
Mà lung linh, lấp lánh , nhẹ nhàng…
Em ước cho thời gian
Không bao giờ thay đổi
Mặc sương bay, gió nổi
Đêm đêm trăng về thắp lửa trong em.

Mường Động cuối thu 2006

HUY ĐỊNH

truyện ngắn

SẢN PHẨM CỦA MỘT THỜI

GIANG TRUNG HỌC

Theo hẹn, sáng mai ông phải nộp "quyển" rồi. Cho nên buộc ông phải thức đêm nay. Đêm nay bắt buộc phải xong. Gần một đời cầm bút, chưa bao giờ ông chật vật như viết cái truyện ngắn này. Nhiều lúc bế tắc đến nản lòng. Không nhẽ ta đã kiệt sức ư?

Thấy bố vừa qua cơn cảm sốt đã lại thức khuya, anh con trai chẳng những không động viên mà còn tỏ sự bất bình. Đây không phải lần đầu anh bất bình. Anh muốn bố buông bút nghỉ ngơi từ lâu lắm rồi. Bố viết mãi chẳng để làm gì. Những gì làm được, bố đã làm rồi. Sách của bố mấy chục quyển, xem ra không ít. Có điều chẳng tác phẩm nào đáng để người đời thực sự ngợi ca. "Sao lại không? - ông phản ứng. Có lẽ anh không đọc, không nghe thiên hạ đánh giá thế nào về bố anh. Hay bụt chùa nhà không thiêng?". Văn - con ông im lặng. Anh sợ nói thẳng băng dễ làm bố sốc. Hơn nữa, nơi đây đâu phải là chốn tranh luận văn đàn.

Thực ra, văn đàn của chúng ta xưa nay làm gì có tranh luận. Vì mỗi tác phẩm trước khi in ra đều được thẩm định kỹ càng rồi. Kỹ càng theo một định hướng bắt buộc, mà các biên tập viên đều đã nhuần nhuyễn. Nhuần nhuyễn ngay từ khi họ đang ngồi ghế nhà trường cơ. Với những tác phẩm trượt khỏi định hướng, làm sao có thể lọt lưới để ra đời được. Vì thế, đó đây ta chỉ bắt gặp đôi câu nhận xét, đại loại: Nhược điểm không lớn, không làm giảm giá trị tác phẩm. Vẫn giữ nguyên tác dụng tuyên truyền, hướng dẫn quần chúng... Tóm lại, cái được của tác phẩm là cơ bản, đáng khen... Thật ra, đấy không phải phê bình, tranh luận. Mà là lời giới thiệu sách với dụng ý tâng bốc nhau thôi.

Bố anh Văn - Nhà văn Vương Hy, từng được thiên hạ tâng bốc quá nhiều. Bởi ông đã rắp tâm uốn mình sáng tác theo cái khuôn định hướng bắt buộc ấy. Tức ông phải tự giết chết tất cả những gì vượt khỏi định hướng, chớm hiện từ trong ý nghĩ sâu thẳm của mình. Để cho ra đời mỗi câu mỗi chữ, hoàn toàn lọt tai hợp ý người trên. Để đổi lấy chút tiếng tăm. Nên, tiếng tăm ông rộ lên ngay từ những dòng viết đầu tiên trong đời. Truyện ngắn đầu tay của ông xuất hiện đúng dịp người ta chủ trương phát hiện bồi dưỡng những cây bút xuất thân từ giai cấp công nhân, nhằm góp phần đảm bảo vững chắc sự định hướng trong văn học nghệ thuật. Lập tức ông được coi là một trong những "hạt giống đỏ", được hưởng sự quan tâm chăm sóc đặc biệt để phát huy tài năng. Rồi chỉ sau vài ba truyện ngắn xuất hiện, ông được điều động thẳng lên Liên hiệp Công đoàn thành phố, phụ trách khối Tuyên huấn - Thi đua - Văn nghệ. Giữ cương vị quan trọng, lại hoạt động trên phạm vi rộng, ông thả sức thâm nhập thực tế sản xuất và chiến đấu. Nơi ông trở thành đầu mối để cánh báo chí - văn nghệ lui tới luôn luôn. Họ tới xin những gương điển hình - người tốt việc tốt - để tuyên truyền. Và thường xuyên mời ông viết bài cho báo, cho đài phát thanh. Họ gọi ông là Nhà báo công nhân, Nhà văn công nhân. Mỗi khi sử dụng bài của ông, họ thường có lời giới thiệu vắn tắt tiểu sử tác giả, nhằm đề cao cây bút công nhân. Nhờ "ăn" ở chủ trương chính sách, lại được sự phò tá đắc lực của anh em làm báo làm văn, chẳng mấy thời gian

sau, ông trở thành hội viên Hội Văn nghệ thành phố, rồi hội viên Hội Nhà văn Việt Nam. Có thêm những cái "mác" này, ông trở nên to hơn hẳn, oai hơn hẳn mọi tác giả ngang tầm, thậm chí trên tầm. Sách của ông in ra, dù chỉ là loại "người tốt việc tốt" cũng rộn rã tiếng tăm. Rộn rã hơn mọi pho tiểu thuyết hay của những tác giả nổi tiếng. Nó còn được kê vào loại sách "phải học tập" trong các phong trào thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà. Do vậy, tên tuổi ông cứ nổi cồn lên như lớp lớp sóng biển không dừng, như hiện tượng kỳ lạ hiếm hoi xưa nay.

Thế rồi... cho đến một ngày, Nhà tuyên huấn - Nhà báo công nhân - Nhà văn công nhân ấy được ném sang nắm giữ trực tiếp Hội Văn nghệ thành phố. Bằng cách áp đặt này, tại cuộc bầu, ông trúng ghế Chủ tịch Hội là đương nhiên. Với cái ghế mới của ông, trong nghề viết nó lợi hại vô cùng. Đúng ra, chỉ có cái lợi cho ông là vô cùng thôi. Người ta bảo: Ông chưa đặt bút viết, khối nơi tuyên bố nhận in. Tác phẩm chưa phát hành đã có lời giới thiệu tâng bốc lên mây. Hay, dự định sáng tác trong ông vừa nhen nhóm, liền được tán tụng là hay, và trở thành hiện thực đến nơi rồi. Trong khi đó, bản thảo của những tác giả khác phải chịu nằm chờ mốc meo trong ngăn kéo các nhà xuất bản. Như thế, ông lợi to quá còn gì! Nó có tác dụng cổ xuý ông, khuyến khích ông càng hăng hái viết. Viết ngày. Viết đêm. Quên ăn. Quên mệt. Đặc biệt hơn bao giờ hết, nay ông còn phải sáng tác sao cho chất lượng tốt hơn. Theo ông, một tác phẩm đạt chất lượng tốt, ngoài sự thể hiện đúng định hướng đường lối chính sách, còn phải phản ánh cho được đối tượng chủ yếu là công nông binh. Nhận thức ấy, trước hết được ông thể hiện qua tác phẩm của mình. Cùng nhận thức ấy, ông chỉ đạo hướng dẫn phong trào sáng tác văn học nghệ thuật toàn thành phố. Một sự chệch hướng xảy ra, dù rất nhỏ đều có hại cho cách mạng. Tất nhiên, người chịu lỗi trước tiên phải là ông. Cho nên, dù đường lối chủ trương còn có điều này ý kia chưa hẳn được lòng giới văn nghệ sĩ, thì ông vẫn cần đứng hẳn về phía lãnh đạo, kiên quyết bảo vệ định hướng: Văn nghệ phục vụ chính trị! Phục vụ chính trị tức phục vụ đại đa số quần chúng nhân dân. Đó không chỉ là quan niệm, còn là lý tưởng cao cả, ông một lòng một dạ phụng thờ. Và cũng là để đền đáp công ơn cách mạng đã gây dựng ông có được chỗ đứng chỗ ngồi như hiện nay. Không có cách mạng, chắc chắn suốt đời ông chỉ là anh thợ quèn.

"Vì thế - anh Văn nói - bố tự coi mình như thứ con chiên của Đức Chúa Trời. Nhưng liệu bố có dám tử vì đạo?". Ông tức nghẹn họng. Nhưng không muốn dùng lời lẽ gay gắt tống táng vào mặt con. Đành quát: "Mày như đứa ăn cháo đá bát... Như thằng phản động!". Rồi nghĩ: Đừng cậy có cái bằng tiến sĩ văn chương bên Tây là ghê gớm hơn người. Tao đã nhầm vì cho mày đi học Tây. Mà không phải tao cho. Đảng cho mày đấy. Để xem mày làm được gì trả ơn đời. Hay trở thành kẻ chọc gậy bánh xe, ngăn cản xã hội phát triển. Nếu vậy thì nhục nhã thay cho cả bố mày. Nay bố gần chót cuộc đời rồi, ngót tám mươi tuổi rồi, vẫn chưa chịu buông bút ngơi nghỉ. Đáng ra mày vui mừng mới phải. Ngược lại, còn ngăn trở chê bai. Nhưng bố cứ viết. Viết đến hơi thở cuối cùng... Bực lòng, ông buông bút, rời bàn viết. Vừa đứng dậy, ông bị ngã vì hoa mắt chóng mặt. Anh Văn vội nâng bố đặt vào giường. Rút kinh nghiệm, từ nay mình đừng có căng với cụ làm gì. Căng thế, chứ căng nữa cũng không lay chuyển được cụ...

Thế mà không hiểu tại sao, đêm nay anh lại mở miệng can ngăn. May mà anh biết dừng. Nên sau mấy câu đối thoại, bố anh lại cặm cụi viết, như con ong chăm chỉ tìm hoa lấy mật. Biết rõ sức mình viết chậm, vì thế ông từng nói trước bạn hữu: Cần phải chịu khó gấp mười thời trai trẻ! Đấy là kinh nghiệm, là bài học cho tuổi già, ông rút ra từ bản thân. Anh Văn không hiểu sao bố lại lấy con số mười để đo lường so sánh. Với anh, con số mười không biểu hiện tính chất gì đặc biệt. Bố thuận miệng nói thế, hay là sự bắt chước? "Thấy người có gì hay thì cố mà bắt chước!" - câu nói ấy, ông dạy anh Văn từ khi đang học cấp một. Anh đồng ý, nhưng...

Ông mặc thằng Văn. Nghĩ hay nghĩ dở về bố nó thế nào là quyền của nó. Viết thế nào là quyền ông. Bởi đã tự nhủ mình thế, nên lúc này ngòi bút ông mới đủ sức lê từng chữ từng chữ trên trang giấy. Cho tới khi nghe loa thông tin của phường oang oang bài tập thể dục buổi sáng thì ông cũng hạ được cái dấu chấm hết xuống truyện ngắn này. Ông thở phào như vừa qua một đêm hành quân ngược dốc. Vậy là ta chắc chắn không lỡ hẹn đến lần thứ hai.

Hôm xưa Khanh đến thu bài, ông lỡ hẹn. Hắn tỏ rõ sự không hài lòng bằng thái độ lạnh lùng; mất hẳn cái hồ hởi cởi mở của những lần tiếp xúc trước. Lần đầu tiên đứng trước ông, hắn tươi nét mặt, cúi gập người chào. Nom chẳng khác tên đày tớ giáp mặt chủ nhà vào những sớm đầu ngày. Ấy là đày tớ thời xưa thôi. Thời nay còn lâu đày tớ nó sợ chủ. Cãi chủ như hát. Còn ăn vụng, lấy cắp, bớt xén đủ trò. Y như các vị "đày tớ" mất nết trong mạng lưới chính quyền vậy. Lần

ấy, hắn tự thưa: "Cháu là cán bộ tuyên truyền văn hoá bên Bộ Thương mại ạ". "Vậy anh tìm đến tôi có việc gì nào?". "Dạ, cháu mời bác tham gia viết tập sách của ngành cháu ạ". "Nhưng làm thế nào anh biết được tôi nhỉ?". Thế là hắn bắt được nhịp để tán dương ông. Ông là nhà văn lão thành hiếm hoi. Tên tuổi ông, cả thành phố này, cả nước này ai chẳng nhìn thấy trên tivi, hoặc nghe qua đài phát thanh. Việc ông tham gia viết tập sách là hết sức quan trọng, là đem đến tiếng thơm cho ngành, mà không ai thay thế được. Vân vân. Nể hắn quá, ông đành nhận lời. Chứ thực ra ông còn đang nợ một lô bài. Nợ không chỉ bằng lời hứa với người ta. Mà đã uống rượu rồi. Quà cáp nhận rồi. Thậm chí tiền ứng nhuận bút cũng rồi. May thế chứ! - hắn mừng rơn trong bụng. Vì lôi kéo được ông tham gia, coi như kế hoạch chiêu quân đạt mức mỹ mãn. Thế là tập sách đủ mặt các thế hệ văn chương. Hắn hẹn hôm sau đưa xe đón ông dự buổi tiếp xúc với lãnh đạo Bộ. " Ôtô chỉ đưa đón bác thôi ạ. Vâng, với bác ai lại để tự đi về thì... bất kính quá ạ". Dọc đường xe gặp sự cố kỹ thuật, nên khi ông vào phòng họp thì chương trình đã qua phần tuyên bố lý do và giới thiệu khách mời. Tuy vậy, vị Thứ trưởng Bộ vẫn dừng báo cáo thành tích của ngành, để đón tiếp trịnh trọng nhà văn lão thành Vương Hy. Sau động tác bắt tay thân thiết rõ lâu giữa chủ và khách, vị Thứ trưởng đề nghị mọi người vỗ tay hoan nghênh sự có mặt của nhà văn. "Nhà văn Vương Hy, đồng thời là nhà báo - lời vị Thứ trưởng - tác giả của hàng chục cuốn sách cống hiến cho đời. Mấy thế hệ người Việt chúng ta trên khắp đất nước đều đã biết tiếng tăm nhà văn. Nay tuổi cao sức giảm, nhà văn vẫn không ngừng làm việc ngày đêm. Mặc dù đang bận trăm công nghìn việc, nhà văn vẫn dành thời gian và trí tuệ để đóng góp cho ngành ta. Chúng ta hy vọng và tự hào rằng, chỉ nay mai thôi, nhà văn sẽ có tác phẩm xứng đáng phản ánh về Ngành Thương mại Việt Nam Xã hội chủ nghĩa. Một lần nữa, tôi đề nghị nhiệt liệt hoan nghênh nhà văn". Lập tức cả hội trường lại vang lên tiếng vỗ tay kéo dài.

Đó không phải lần đầu ông được nghênh đón trịnh trọng. Nhiều lắm. Còn trịnh trọng hơn thế nữa. Tổng bí thư Đảng, rồi Chủ tịch nước từng mời ông tham gia góp ý kiến về những vấn đề vĩ mô tầm quốc gia kia. Vẻ vang là thế chứ. Đâu phải ai cũng nhận được vinh hạnh như vậy.

Thế mà, cái cậu cán bộ tuyên truyền văn hoá mặt non choẹt kia dám tỏ thái độ lạnh lùng với ông. Làm cho ông phải mất thì giờ nghĩ ngợi vô ích quá. Hắn khinh mình? Hẳn là không. Ta có làm gì động chạm hắn đâu. Còn việc ta giao bài chậm vài ngày, xét ra chẳng đáng là nguyên nhân để hắn bực tức. Có khi hắn bực chuyện nhà, hoặc chuyện cơ quan. Rồi nhân chuyện ta lỡ hẹn, hắn bộc ra. Sự đời xưa nay vẫn thế thôi. Không chấp! Không chấp!

Ông xác định thái độ không chấp hắn dễ như chơi. Nhưng với anh con trai, ông không dễ gì bỏ qua những va chạm xảy ra. Thường là va chạm về quan điểm văn chương. Do con ông khởi sự là chính. Nhiều lần ông bực tới mức thầm nhủ không thèm rây với nó. Thế rồi, dù không chủ ý, song chính ông lại luôn luôn tạo cơ hội để nó can dự vào chuyện nọ chuyện kia. Thì nhà chỉ có hai người, nghề nghiệp cũng gần nhau, nên chuyện văn chương như là cơm bữa hằng ngày ấy mà!

Sáng nay cũng vậy. Lúc hai bố con ngồi uống cà phê, ông hỏi: "Con ở nhà hay đi cơ quan?". "Con đến cơ quan. Có việc gì hả bố?". "Tưởng ở nhà thì, khi nào anh Khanh bên Thương mại tới, con chuyển cái truyện của bố cho anh ấy". "Khá không ạ?". "Làm theo đơn đặt hàng, khó lắm. Hơn nữa lại viết vội vàng. Tuổi bố thì già yếu rồi. Sức viết sa sút rõ rệt, cả tốc độ lẫn chất lượng". Anh Văn cười, bảo: "Cả đời bố lúc nào chẳng vội!". Ấy đấy! Nó lại đụng mình rồi - ông nghĩ. Cứ đủng đỉnh, trưa không vội tối chẳng lo, lấy gì nuôi nó ăn học để được như bây giờ. Có một thời, chỉ trông vào đồng lương công chức, đổ miệng mình chẳng xong. Cho nên đêm đêm bố nó cứ phải cắm đầu xuống trang giấy. Ngày thì bận việc cơ quan. Hở thời giờ là hạ phóng xuống cơ sở để nắm bắt tình hình. Thì mới có tư liệu viết. Viết văn. Viết báo. Viết từ cái tin vắn dăm ba câu. Mong nhặt nhạnh từng đồng để duy trì ổn định cuộc sống gia đình. Chứ đâu dễ dàng êm xuôi như nó tưởng.

Thấy bố im lặng, anh Văn nói: "Bố cần đi đâu cứ đi. Bản thảo đưa con chuyển tận tay Khanh cho bố". "Không cần. Bố chờ ở nhà vậy". Chờ nóng cả ruột, không thấy mặt Khanh. Hắn hẹn giữa sáng nay, thế mà mười một giờ rồi vẫn biệt tăm. Gọi điện thoại thì chẳng ai nghe. Lúc này mây đen tối sầm bốn bề, chắc hắn không đến.

Liền đó, mưa giông thốc tháo. Cửa kính cửa chớp tầng trên đập rầm rầm. Con với cái, ra khỏi phòng cấm bao giờ nghĩ đến đóng cửa chu đáo. Chẳng đã một lần ướt ráo giường chiếu đấy ư. Lần này may có bố ở nhà. Ông vội cài các cánh cửa, rồi thu nhặt từng tờ giấy bay tung toé khắp gian phòng. Đặt xấp giấy lên bàn viết, ông bắt gặp cuốn nhật ký của con. Ông lần giở, đọc lướt một số trang. Không với ý thức tò mò, mà do sự tình cờ tự nhiên thôi.

Dưới đây là những dòng anh Văn mới ghi:

"Thế là mình lại mang lỗi với bố. Đã tự răn: đừng cản bố viết, rồi thỉnh thoảng cứ mắc. Khiến bố buồn. Và bực nữa. Như thế, tránh sao ảnh hưởng sức khoẻ tuổi già. Xin bố bỏ qua cho con. Lầm lỗi của con không xuất phát từ hành vi bất kính. Con chỉ muốn bố nghỉ ngơi để gìn giữ sức khoẻ thôi. Vậy mà bố cứ cố viết. Cứ tiếp tục trướng tên mình. Để được tiếng là bền bỉ tận tuỵ hơn người chăng? Sao bố không nghĩ đến cái hại do chất lượng kém cỏi của tác phẩm gây nên. Lâu nay người đọc kêu truyện bố lắm. Cũng lâu nay, không một ai tâng bốc bố lên mây. Họ coi thời của bố đã hết. Còn việc báo này báo nọ, ngành A ngành B nào đấy, luôn luôn mời bố viết bài, đó chỉ nhằm phục vụ cái mục đích riêng của họ thôi. Phía người viết thuê, ngoài khoản nhuận bút còm là... chấm hết! Xưa nay đối với mỗi nhà văn, người đời xếp hạng thấp cao không hề căn cứ số lượng tác phẩm nhiều hay ít. Nếu được tính bằng số lượng, con dám chấm bố đạt điểm tối đa: Mười. Còn về chất lượng, con chưa đủ dũng cảm phê điểm Năm cho bố (cả với số đông nhà văn nước ta).

Nhiều lần con suy nghĩ khá căng nhằm giải đáp cho được cái lý do vì sao tác phẩm của bố mờ nhạt. Không phải bố thiếu chút năng khiếu bẩm sinh. Càng không thể có sự lười nhác. Vậy nguyên nhân nào? Là bởi bố đã tự nguyện trói chặt nhận thức của mình vào cái định hướng: Văn học phục vụ chính trị, Văn học phải làm cái đinh ốc trong guồng máy chính trị... Sao bố không nghĩ: Văn học là văn học, Văn học có con đường đi riêng của nó. Văn học gặp chính trị ở mục tiêu: Vì dân! Chưa hết. Bố còn tự trói mình ở ý nghĩ: Đền đáp công ơn... Bởi thế, không một tác phẩm nào của bố giành được chỗ đứng cao. Toàn bộ đều nhạt nhờ, pha chút mang ơn, và đậm màu sắc báo chí một chiều. Hay, có thể gọi nó là thứ văn học "người tốt việc tốt", văn học minh hoạ chính sách đương thời...

Rất tiếc, bố đã không đánh giá đúng tầm cao đích thực của những sản phẩm tinh thần mình đẻ ra. Nhận định vậy, song con không hề trách cứ bố. Con rất cảm thông hoàn cảnh bước vào nghề, với cả quá trình bố được nuôi dưỡng dạy dỗ, được cất nhắc lên ngồi ghế nọ ghế kia. Nên, sản phẩm của bố không thể khác được. Càng lao vào viết, bố càng tự hại mình thêm...

Riêng phận làm con, con vĩnh viễn biết ơn, tự hào và kính trọng bố!"

Gấp lại cuốn nhật ký, nhà văn Vương Hy không khỏi suy ngẫm về mình. Có phải ông lầm lẫn đến thế ư? Thằng Văn nói rất tiếc, trong luận văn tốt nghiệp đại học và lấy bằng tiến sĩ văn chương, nó không thể dùng tác phẩm của bố để làm dẫn dụ chứng minh. "Mình ước cả đời văn bố có một tác phẩm đạt tầm cao giai đoạn, để đưa vào luận văn thì sung sướng và tự hào biết nhường nào. Có dấu ấn người cha trong những cái mốc quan trọng của cuộc đời mình, đứa con nào chẳng mong, chẳng thèm. Mình đành ngậm đắng". Thế ra chẳng phải nó nghĩ "bụt chùa nhà không thiêng". Cứ như ý nó thì lỗi là từ ông. Ông là sản phẩm của một thời. Tác phẩm của ông cũng là sản phẩm của một thời. Ông chỉ là con bài... Nhưng chắc đâu thằng Văn đúng tất cả?

Buổi chiều. Trước khi giao bản thảo truyện ngắn cho Khanh, nhà văn Vương Hy mới cầm bút ghi tên tác giả vào trang cuối. Ông có lời xin lỗi vì bản viết tay hơi khó đọc. Khanh nói: "Không sao ạ. Tập sách có tên bác - đại diện thế hệ bề trên - là quý hoá lắm ạ!". Sau khi ngó lướt bảy trang viết, hắn hỏi bằng giọng ngạc nhiên: "Sao tên tác giả lại không phải là bác?". "Không là tôi thì là ai. X, Y, hay Z thì vẫn là tôi" - ông thủng thẳng đáp. "Đã đành là vậy. Nhưng tập sách cần là cần cái tên nhà văn Vương Hy, chứ đâu cần ông X, Y, Z lạ hoắc ấy. Nếu không vì thế... xin lỗi bác, cháu được nói thật thế này: Cháu chỉ hô lên một tiếng qua điện thoại, cánh nhà văn nhà báo trẻ lập tức trình sách cả nghìn trang ngay. Nội dung, có khi còn hấp dẫn hơn hẳn. Mà cháu thì chẳng phải vất vả đi lại nhiều lần như thế này". Hoá là vậy! Khốn khổ cái thân ta. Lúc này ta muốn tránh phơi mặt mình ra cũng không xong. Thì ra, ngoài cái vỏ kính trọng, thiên hạ coi ta như là thứ để họ mua bán, làm ăn. Coi ta là kẻ làm mướn làm thuê, là kẻ bán tên bán mình. Vậy mà ta cứ tưởng cái giá mình vẫn cao sang. Có phải chỉ giai đoạn kinh tế thị trường này mới thế, hay đó là chuyện vốn dĩ xưa nay? Bỗng ông thấy chút xót xa ngầm ngầm. Khiến khuôn mặt gầy ngoẵng của ông thêm chằng chịt những vết nhăn. Hai cái hố mắt càng sâu hoắm.

Để Khanh khỏi chờ đợi lâu, nhà văn lão thành Vương Hy đành hạ bút ghi đúng tên mình vào bản thảo truyện ngắn, như cả đời văn ông đã mang tên này.

GIANG TRUNG HỌC

truyện ngắn

CHIẾC ĐẦU LÂU TRÊN THẠCH ĐỘNG

TRƯƠNG THANH HÙNG

Chuyện xảy ra vào khoảng cuối năm 1944, đầu 1945.

Hà Tiên, một thị xã nhỏ, hiền hoà gần biên giới Việt Nam-Kampuchia đã chứng kiến một cuộc tình tay ba mà đoạn kết của nó hết sức bi thảm gắn liền với chiếc đầu lâu nằm trên Thạch Động hàng chục năm trời.

Như nhiều nơi khác của vùng biển phía tây, những ngày được gọi là mùa đông không làm cho người ta phải chùm mền nằm nhà, mùa xuân lại càng không thể gọi là mát mẻ. Chỉ đến chiều về, khi mặt trời xuống dần để lại trên nền trời phìa tây màu đỏ ửng, không khí mới mát dịu đi và gió chiều ve vuốt lên đồi núi, mặt biển tạo nên những gợn sóng lăn tăn và ve vuốt cả những người dân nhàn tản. Từ "dạo mát" lúc này thật có ý nghĩa.

Trong những chiều như thế, người ta hay gặp một cô gái thướt tha tản bộ bên bờ cửa biển Hà Tiên. Ngọn gió chiều với bước đi yểu điệu đưa đẩy tà áo dài với vài tia nắng đỏ còn sót lại càng tăng thêm vẻ thơ và mộng. Hình ảnh đó không phải là duy nhất, nhưng quả thực hiếm hoi đối với xứ " đất Phật, người hiền " mà đạo đức phong kiến còn đè nặng lên tư tưởng người dân. Chỉ có những tiểu thư khuê các chịu ảnh hưởng nếp sống phương Tây mới có đủ can đảm dạo chơi một mình như thế.

Rồi một chiều, cô Ba (ta hãy tạm gọi là cô Ba vậy) vui bước đến tận mũi của đồi Pháo Đài. Bên dưới ngọn hải đang có đôi tảng đá như những cái đôn thiên nhiên mời mọc.gồi đây mà ngắm cảnh hoàng hôn trên biển thì thật là tuyệt vời, cô Ba càng thả sức mộng mơ. Cô có biết đâu, trên đỉnh pháo đài, một chàng trai Nhật Bản đã theo dõi cô từ lúc cô bước qua khúc quanh ra mũi Hải Đăng. Và cứ tò mò theo dõi cho đến say mê nhìn một tuyệt cảnh chiều hôm trên mũi Pháo Đài.

Không lâu sau đó, chàng trai Nhật Bản đã tâm sự biết bao điều với cô gái Việt, từ tinh thần võ sĩ đạo cao qúi đến ngọn Phú Sĩ quanh năm tuyết phủ trên đầu trắng xoá mà dưới chân núi có bà mẹ già luôn mỏi mắt trông con, trông đứa con trai mang về cho tổ quốc niềm vinh quang, cả trông việc bồng đứa cháu nội mà bà hằng ao ước để khi nhắm mắt được yên lòng. Cô gái Việt cũng biết rằng anh hạ sĩ quan Nhật Bản xuất thân từ một gia đình nông dân, theo tiếng gọi của đất nước, anh đi mở rộng biên giới quốc gia, làm cho cả thế giới biết Nhật là một xứ sở hùng cường. Nhưng thực tế của những năm trong quân ngũ, anh đã mường tượng được rằng, không phải Nhật là một dân tộc thượng đẳng, mà các dân tộc, dù gọi là nhược tiểu cũng đều có vốn truyền thống, lịch sử và văn hoá hết sức qúy báu. Cho nên, không có dân tộc nào được quyền thống trị dân tộc nào. Chính vì thế, anh đã đến với cô gái Việt với tư cách là một người bạn để tâm tình.

Việc đến phải đến, từ sự quen biết đến tình bạn rồi tình yêu dần chớm nở. Từ lúc ấy, bức tranh buổi chiều trên mũi Pháo Đài càng thêm sinh động.

Chuyện không có gì đáng nói nếu nó dừng lại ở đây, cho dù kẻ Nhật, người Việt và dư luận có phản đối thì họ vẫn là một cặp đẹp đôi.

Một anh sĩ quan Nhật đã tình cờ chứng kiến bức tranh diễm tình trên và ..."trâu buộc ghét trâu ăn" như dân ta thường ví. Không khó khăn lắm anh chàng sĩ quan này đã biết được thân thế, và quan trọng hơn là nhan sắc đậm đà của cô gái vùng biển Hà Tiên.

Mấy hôm sau, cô Ba cũng ra Pháo Đài như thường lệ, nhưng mãi đến tối cũng không gặp được người quen, tưởng đâu cô sẽ trở thành tượng đá vọng phu nếu không có chàng sĩ quan Nhật đến lân la làm quen. Mối quan hệ được thiết lập nhanh chóng bởi cô Ba cần biết tin người thân cũ. " Bí mật quân sự ", nguyên tắc của quân đội Nhật được bảo đảm chặt chẽ nên cho dù khéo léo, cô cũng không sao biết được anh hạ sĩ quan nhiều tâm sự của mình đang ở đâu. Có lúc cô đã thầm trách ai kia sao lại quá bạc bẽo, ra đi không một lời từ gĩa, không một chữ làm tin. Và có lúc tưởng đâu anh sĩ quan đẹp trai, lịch sự mới quen đã thay vào chỗ trống vắng trong tâm hồn cô gái lãng mạn đang vấn vương nhiều nỗi nhớ mong.

Hôm ấy, cô Ba cùng gia đình đi lễ Phật trên Tiên Sơn Tự, một ngôi chùa trong lòng Thạch Động (trung tâm thị xã Hà Tiên chỉ cách Thạch Động 3 cây số đường bộ) . Không biết ngày xưa, khi công chúa gặp lại Thạch Sanh đã mừng rỡ như thế nào, chớ cô Ba gặp lại anh hạ sĩ quan của mình đã không cầm được nước mắt nhớ thương. Sự tình đã được phơi bầy, anh hạ sĩ quan được lệnh điều đi đột ngột và không được phép trở về chợ Hà Tiên suốt mấy tháng qua. Thế rồi bức tranh buổi chiều trên Pháo Đài chỉ còn lại ngọn hải đăng cô đơn với những phiến đá vô tri. Mà trong dòng người tham quan, lễ Phật ở Thạch Động thường xuyên có mặt cô Ba, và cô luôn trở về muộn hơn mọi người với bao niềm lưu luyến.

Chuyện cô Ba vắng mặt ở Pháo Đài mỗi chiều đã làm anh sĩ quan Nhật không vui, anh điều tra cho ra sự vắng mặt đó.

Không phải khó khăn gì anh mới biết được rằng cô Ba đã chuyển hướng dạo chơi để đến với người quen cũ. Anh thật sự bực tức khi một hạ sĩ quan thuộc cấp đã dám qua mặt mình, anh cho rằng danh dự của người sĩ quan quân đội Nhật bị xúc phạm, thế là...

Cô Ba và anh hạ sĩ quan đang trò chuyện thân mật trên một cửa hang hường ra biên giới thì có lệnh tập hợp khẩn cấp, anh hơi ngạc nhiên, nhưng khi chạy ra bãi trống trước Thạch Động thì anh đã hiểu ra mọi chuyện. Trước một tiểu đội lính Nhật, anh đã bị chàng sĩ quan chỉ huy từ Hà tiên đến sỉ nhục thậm tệ. Dù kỷ luật quân đội Nhật Hoàng rất gắt gao, nhưng lòng tự trọng của một con người, tinh thần võ sĩ đạo không cho phép anh hạ sĩ quan đáng thương kia phải chấp nhận mãi.

- Được Tôi rất khâm phục tinh thần thượng võ của anh, nhưng như thế là anh đã chọn con đường cùng rồi đó !

Anh chàng sĩ quan Nhật Bản trịch thượng nói khi nghe anh hạ sĩ quan đề nghị giải quyết vấn đề bằng thanh gươm.

- Thưa ngài, tôi biết rằng ngài đã được đào tạo tốt hơn tôi, nhưng nước Nhật đã cho tôi tinh thần võ sĩ, mẹ tôi, một bà mẹ Nhật Bản đã dạy tôi phải sống như một người Nhật chân chính.

- Ta cũng là một người Nhật, anh có gì căn dặn lại không ? Ta sẽ vì anh mà thực hiện.

- Nếu không có gì phiền, trong trường hợp tôi rơi gươm, xin ngài gởi thanh kiếm này về cho mẹ tôi với lời báo tin rằng tôi đã sống như bà đã dạy, và xin ngài hãy cắt lấy đầu tôi để trong hốc đá kia.

Một anh lính Nhật tốt bụng đã vào cho cô Ba hay câu chuyện đã hết phương cứ gỡ. Cô chạy ra cửa Thạch Động chỉ để chứng kiến một cuộc so gươm mà sự thất bại thuộc về người cô yêu dấu. Cô ôm chiếc đầu lâu khóc ngất rồi thất thểu đi bộ trở về Hà Tiên mặc cho anh chàng sĩ quan Nhật hết lời khuyên bảo.

Từ đó, người ta không còn gặp cô trên đất Hà Tiên. Sau một đôi ngày buồn thảm, cô đã bỏ xứ đi biết, chỉ còn lại chiếc đầu lâu cô đơn nép mình trong một hốc đá ngày ngày thèm thuồng chứng kiến các đôi nam nữ âu yếm lên chùa lễ Phật.

TRƯƠNG THANH HÙNG

theo nguyên bản của tác giả do cố văn sĩ Nguyễn Mai chuyển khi còn sinh tiền .

truyện ngắn

TIẾNG KÊU CỦA CHIM BÙ CÂU

HỒ CHÍ BỮU

Sơn và Thuỳ là hai anh em bạn dì ruột. Sơn con của người thứ tư, Thuỳ con của người thứ tám. Sơn vai anh nhưng mới mười tám tuổi, Thuỳ vai em nhưng lớn hơn Sơn bảy tuổi. Thuỳ hiện là trưởng phòng kỹ thuật của trung tâm điện toán. Là chuyên viên được đào tạo từ nước ngoài. Rất có uy tín với ban ban giám đốc trung tâm.

Sơn là anh chàng đẹp trai nhưng lại học dở. Vừa thi đậu tú tài, nhưng rớt đại học. Thời buổi nầy tốt nghiệp đại học xin việc còn rất khó hà huống gì trình độ như Sơn. Học hành thì luôn đội sổ. Giờ toán thì cúp cua, lang thang vào chùa miêu, tranh luận cùng thánh nhân. Như Xuân Diệu nói " Chàng trai đi học nghe chim hót. Chẳng thuộc bài đâu ấy sự thường". Vậy mà nhà thơ cũng có bằng Thành Chung, còn Sơn có quỷ gì đâu!

Bạn bè anh em có nói thì Sơn ngóng cổ lên cãi : Học tài thi mạng, ai không muốn mình xênh xang áo mũ. Nhưng ai cũng có số. Giày dép còn có số huống gì con người. Là con một, nên Sơn được cha mẹ chìu chuộng. Muốn gì được nấy. Thi rớt, ở nhà lêu nghêu ra đồng câu cá. Câu về không ăn mà đổ vào chiếc hồ nhỏ trước sân. Trời mưa, cá nhảy đi hết. Tâm hồn thuần khiết. Yêu văn chương. Tập làm thơ viết văn. Gởi báo, gởi đài. Cả năm trời có thấy ai sử dụng bài của Sơn đâu. Lâu lâu có tập san văn nghệ tỉnh lẻ đăng cho anh một bài thơ. Khoái chí, cầm đi khoe cả làng.

Hôm Thuỳ về thăm quê, gặp Sơn. Anh em mừng rở. Hỏi ra mới biết Sơn thất nghiệp. Thuỳ thương thương :

- Chịu xuống thành phố làm với em không ? Xin cho anh một việc làm nào đó trong trung tâm. Thế nào cũng xin được mà.!

Sơn nhận lời . Thu xếp đồ đạt theo chân Thuỳ lên thành phố. Nói ở thành phố nhưng trung tâm Thuỳ làm ở ngoại thành nên nhìn cũng có không khí ruộng đồng. Sơn khoái chí. Thuỳ mướn một nhà trọ gần trung tâm cho Sơn ở tạm thời trong khi chờ xin việc. Đây cũng không phải là nhà trọ chuyên nghiệp. Không hỏi tên, nhưng biết chị chủ nhà thứ ba, nên kêu bằng chị ba. Nhà chị ba có hai căn, chị ngăn ra một căn cho Sơn mướn, còn một căn gia đình chị ở. Hai vợ chồng chị làm nghề nông, có một đứa con khoảng mười tuổi. Anh ba bệnh gan vào thời kỳ xơ gan cổ chướng. Bụng anh bự như đàn bà có bầu năm sáu tháng vậy. Chữa trị sao không thấy chỉ thấy anh ngồi nhà uống thuốc nam. Chị ba thay anh mỗi ngày ra đồng làm lụng. Nghe nói anh bệnh đã năm năm rồi.

Gần cổng trung tâm có cái chợ nhỏ. Đây là chợ tự phát từ khi có trung tâm. Thuỳ dẫn Sơn ra chợ, mua một số đồ dùng cá nhân. Một cái lò xô nấu bằng dầu, nồi niu son chảo, chén đủa và một số gia vị kèm theo một ít đồ hộp như cá mòi, thịt paté, hột vịt v..v...Thuỳ dặn Sơn mỗi ngày chỉ mua thêm rau xanh thôi. Còn gạo thì đã mua sẳn 20 kg rồi. Sơn :

- Bộ em muốn anh ở ngoài nầy lâu dài sao mua nhièâu quá vậy? Thuỳ cười :

- Em đã đưa hồ sơ xin việc rồi. Nhưng cũng phải chờ có đợt tạp huấn mới nhận nhân viên mới. Em đưa cho anh một số sách báo đọc cho đở buồn. Thỉnh thoảng em sẽ ra tiếp tế lương thực cho anh. Há..

Thuỳ làm việc trong trung tâm, có phòng nghỉ riêng. Công việc bận rộn, mệt mõi nên vài ba ngày mới ra với Sơn. Mấy ngày đầu Sơn nghe nao nao làm sao. Tối ngủ lại nhớ nhà. Tuần đầu tiên trôi qua rất nhanh. Đêm nào Sơn cũng viết nhật ký cho Oanh. Cô bạn gái học chung lớp cũng là người tình đầu đời của Sơn. Chưa một lần nắm tay, chớ đừng nói chi đến nụ hôn. Nhưng những tình cảm giành cho nhau quá rỏ. Oanh tặng cho Sơn rất nhiều album nhạc mới. Sơn cũng đã nhiều lần đưa Oanh về nhà chơi, đưa Oanh đến suối Cây Oải gần nhà mình. Hai người đã có với nhau rất nhiều kỷ niệm.

Nhà chị ba ở là vùng ngoại ô vừa vào quy hoạch. Có điện nhưng chưa có nước máy. Do vậy ở nhà chị xài nước bằng giếng phía sau nhà. Tắm chung một nhà tắm. Nói nhà tắm chứ thực ra là một nền xi măng, có bốn trụ chung quanh treo vách làm bằng các bao phân Urê. Không có cửa, khi nào muốn tắm vén bao chun vô. Bề cao ngang cổ, đứng tắm thì lòi cái đầu lên. Bên trong để một cái lu lớn, khi nào tắm thì xách nước đổ vô.

Gần nhà tắm là cây dừa lửa mà anh ba đã cắt ngang thân cây, rồi đặt trên đó cái chuồng bồ câu bằng gỗ. Cái chuồng bồ câu cũng nhỏ, có bốn cái lỗ cho bốn cặp bồ câu mà thôi. Sát bên cây dừa là chuồng bò. Nhưng bò đã bán từ lâu khi anh mới bị bệnh. Giờ cái chuồng trống trơn. Chị ba đặt ở chuồng bò một cái giường tre cho anh ba chiều chiều ra ngồi hóng gió. Nhưng lúc nầy anh ba bệnh nặng quá, đi đứng không tiện. Anh ở lỳ trong buồng.

Do nhà tắm không kín đáo nên Sơn ít khi tắm ban ngày. Anh chờ tối bên nhà chị ba tắt đèn đi ngủ mới đi tắm. Hôm nay rằm trăng sáng, Sơn nghĩ bụng tắm muộn một chút cũng không sao. Hai mươi giờ rồi, thấy bên nhà chị ba tắt đèn nhà sau. Phòng trên nghe có tiếng từ tivi, chắn chị ba còn xem đài. Sơn mặc quần đùi, vói lấy khăn tắm quàng lên cổ, cầm cục xà phòng đi về phía nhà tắm. Sơn giắt khăn và đặt xà phòng lên đầu trụ. Anh lui cui tìm cái thùng xách nước. Thường khi thùng đặt ở thành giếng. Chắc ai tắm còn để trong buồng tắm. Sơn vén vách nhìn vào. Tim anh như nuốn nhảy ra khỏi lồng ngực. Chị ba đang trần truồng ngồi trong buồng tắm. Chị nắm vai Sơn lôi mạnh vào rồi hai tay ôm Sơn cứng ngắt. Chị nói hổn hển vào tai Sơn :

- Tắm.. tắm chung với tui đi!

Chị ba không đẹp nhưng cũng không xấu. Có điều thân hình chị rắn chắc nhờ lao động . Chị ở ngoài đồng nhiều nên gương mặt hơi đen, nhưng bên trong thân hình chị trắng muốt. Aùnh trăng dọi xuống trên thân thể chị ba lấp lánh vài giọt nước. Sơn đứng chết trân. Phản xạ đầu tiên là Sơn ngồi phụp xuống, lắp bắp :

- Chị.. ba, anh ..ba ..bé Phượng nữa..Nói đứt khoảng nhưng hai tay Sơn ôm cứng chị ba hồi nào không biết.

Chị ba thì thầm vào tai Sơn :

- Anh ba ngủ rồi...bé Phượng mê xem phim...Hôn tui đi! Tim Sơn đập thình thịch. Hai tay run rẩy. Chị ba luồn tay vào quần đùi của Sơn. Mình Sơn đã không còn một miếng vải. Chị ba nằm vật xuống. Chị tập Sơn lần..yêu đầu tiên. Bốn cái chân lòi ra khỏi hàng vách bao urê.

**

Sáng hôm sau. Đã tám giờ sáng mà Sơn không dám mở cửa. Độ chừng chị ba đã ra đồng, gần chín giờ Sơn mới dám ló mặt ra. Anh vệ sinh và ăn sáng qua loa lại vào giường nằm. Hình như hương vị ngây ngất còn kéo dài trong Sơn. Người đàn ông nào lần đầu gần người khác phái sẽ biết rõ cảm giác nầy. Trong Sơn giờ có hai cảm giác. Sự rung động của xác thịt. Sự sợ hãi của người làm việc gì đó rất xấu hổ, luôn bị nom nóp sợ người khác lật tẩy.

Buổi trưa, Sơn đang vo gạo ở giếng chưa xong thì chị ba cũng mang nồi ra, xách nước vo gạo kế Sơn. Chị nói rất nhỏ khi mắt vẫn nhìn vào nồi cơm :

- Tối.. khi nghe tôi giả tiếng chim bồ câu kêu thì Sơn ra nghe ?!

Sơn chưa trả lời thì chị ba đã đứng dậy vào nhà bếp. Sơn vào nhà nấu cơm. Bắt cơm lên bếp xong lại lên giường nằm suy nghĩ. Tối nay mình có nên ra không. Lỡ người ta biết được thì sao? Mà ăn nhằm gì, mình con trai mà. Tại chị ba trước chứ bộ. Nhưng rủi anh ba hay con Thuỳ biết thì sao? Mắc cở chết. Xấu hổ lắm ! Mùi cơm khét nghẹt bay lên. Sơn cuống cuồng chạy xuống. Run

lập cập cũng như hồi qua ngồi với chị ba.

Trăng mười sáu sáng làm sao. Sơn vẫn thích những đêm trăng sáng như vầy. Nhưng sao trăng đêm nay Sơn lại muốn nó đừng sáng nữa. Ngay giường anh ngủ là cái cửa sổ. Ánh trăng xuyên vào giọi lên tường. Đẹp lạ lùng. Sơn nhìn đồng hồ, hai mươi mốt giờ rồi. Tự nhiên lại nôn nóng. Tự nhiên lại muốn nghe tiếng chim bồ câu kêu. Nhưng chim bồ câu đâu lại kêu giờ nầy. Sơn trở mình nhiều lần. Ngồi xuống, đứng lên. Hơn hai giờ sáng mà mắt vẫn mở trừng trừng. Cuối cùng anh cũng thiếp đi khi chuông nhà thờ gần bên rung lên làm lễ lúc năm giờ sáng.

**

Mãi đến mười một giờ trưa Sơn mới thức dậy. Anh mở cửa sau đi vệ sinh thì đã thấy chị ba đang đứng phơi đồ. Khi Sơn đi ngang chị nói nhỏ :

- Đêm qua anh ba đau nhiều quá, tui phải bóp tay bóp chân cho anh ba suốt đêm rồi ngủ quên hồi nào không hay ! Tối nay nghe..

Sơn dạ rất nhỏ và bất giác quay mình nhìn lại sau lưng. Đâu có ai thấy gì đâu.!

**

Chập choạng tối thì tự nhiên gió thổi rất nhiều, mây đen ùn ùn kéo đến. Mưa một trận thiệt lớn cả tiếng đồng hồ, rồi lại lăm râm. Sơn nhìn đồng hồ. Hai mươi mốt giờ rồi. Mưa vẫn còn rớt hột. Bổng nhiên Sơn nghe tiếng chim bồ câu:

- Gù..gù, gù..gù !

Sơn ngồi bật dậy. Anh đi chân không ra mở cửa sau, luồn lách đi về phía buồng tắm. Chị ba đã đứng sẳn, chị nắm tay Sơn đi về phía chuồng bò. Sơn ngoan ngoản như em bé được mẹ dắt đi. Người ta nói bóng tối đồng loã với tội lỗi. Trời mưa tối thui làm chị ba vững bụng hơn. Sơn rờ vai chị ba rồi nói : - Ướt hết rồi !

Chị ba choàng tay qua vai Sơn kéo nằm xuống :

- Kệ nó, không sao đâu ! Rồi chị chủ động hôn Sơn, lên má lên cổ. Chị cởi nút áo Sơn, vùi mặt mình vào ngực Sơn. Sơn nghe ươn ướt, không biết nước mưa hay nước mắt của chị ba.

- Sơn đừng lo, tui đã cho anh ba uống thuốc ngủ rồi. Sơn đừng khinh tui nghen! Gần năm năm nay, anh ba bị bịnh...Tui còn trẻ, mới ba mươi tuổi mà ! Sơn không trả lời, bóp bóp vai chị ba như đồng cảm. Một người đã ăn quen rồi bị bỏ đói. Một người tràn trề sức sống. Họ quấn vào nhau như hai con thú đang yêu nhau ngoài đồng. Mãnh liệt. Chưa từng thấy.

***

Sơn ở nơi nầy đã hai mươi bốn ngày. Năm lần chim bồ câu kêu gù gù ban đêm. Bổng dưng đầu giờ chiều nay Thùy đến, vừa bước vào cửa đã hối :

- Anh Sơn, thu dọn đồ đạt. Vào trung tâm trình diện và tháp tùng đoàn lên Nha Trang tạp huấn ba tháng! Ngon chưa?..

Sơn vui mừng, gom góp quần áo tống vào chiếc ba lô quân đội mà người bạn cho Sơn. Nhưng sao anh nghe như mình mất mát điều gì đó..Chị ba vẫn còn ngoài đồng. Sơn đi mà không từ giả chị được lời nào. Anh ba vẫn nằm miết trong buồng. Sơn vò đầu cháu Phượng :

- Thôi.. chú Sơn đi nghe. Phượng ở nhà học giỏi nhé ! Cho chú gởi lời thăm chị ba và nói giùm chú là định bắt con bồ câu chị ba cho. Nhưng chú đâu có lồng nên làm sao nuôi được..thôi đành gởi lại chị ba vậy!..

Sơn nghe như có một chút gì đó ngậm ngùi. Nơi nầy, chắc chắn anh không trở lại. Nhưng tiếng kêu gù..gù của chim bồ câu sẽ theo mãi trong tiềm thức của anh trọn đời./

HỒ CHÍ BỬU

thơ

HẠT CÁT SÔNG HƯƠNG

TÔ MẶC GIANG

nhớ một người đã khuất: ĐTTN
TMG

Lá tiếc cành xưa rớt chút sầu
Ta hồn phiêu lãng giạt về đâu
Tim khô vắt cạn giòng hiu quạnh
Khúc nhạc tình nhơn sao đớn đau.

Bơ vơ như chiếc trăng về núi
Tóc xỏa trời sương buốt thịt da
Biển xưa sóng nhỏ chân trên cát
Ta vẫn thầm mong đất nở hoa!

Về đâu hởi cánh chim trên biển
Mắt dõi trời đêm bến đảo xa
Mơ ước một lần thiên sứ gọi
Yêu người, sao quá đỗi thiết tha .

Yêu người đất lạ xa muôn dặm
Rũ kiếp phù du như lá mưa
Tiền thân là gió là sương tuyết
Hạt cát còn đâu nhớ lối xưa.

TÔ MẶC GIANG

ĐÀ LẠT MÙA VẮNG DÃ QÙY

NGUYỄN THỊ HẬU

Mọi năm tôi thường lên Đà Lạt vào khoảng tháng mười một.

Lúc ấy là đầu mùa đông. Bước xuống sân bay Liên Khương, cùng với không khí se lạnh và trong lành hương gió núi, đập vào mắt tôi đầu tiên bao giờ cũng là thảm dã quỳ vàng rực lên trong nắng. Dọc đường từ sân bay về thành phố Đà Lạt những vạt dã quỳ cứ hồn nhiên khoe sắc mặc cho bụi cuốn lên phủ đỏ hai bên đường... Đi đã nhiều nơi, chiêm ngưỡng nhiều loài hoa nhưng với tôi, chưa có loài hoa dại nào mang trong hình dáng mình vẻ trái ngược nhau đến thế: cây cứng cỏi thoáng những chiếc gai nhọn, kết thành từng vạt rậm rạp nhưng vẫn mềm mại uốn mình theo từng cơn gió lộng cao nguyên, trong nắng sớm mai hay trong buổi hoàng hôn màu vàng rực rỡ buộc người thờ ơ nhất đi qua cũng phải ngắm nhìn nhưng từng bông hoa vẫn e ấp này cánh này nhị, duyên dáng nổi bật trên nền lá xanh ngăn ngắt... Dã quỳ giống như một thiếu phụ từng trải mà vẫn vô cùng quyến rũ vì tâm hồn thanh sạch và tình yêu nồng nàn thơ trẻ... dù không phải ai đến với nàng cũng hiểu và yêu nàng vì điều đó...

Năm nay lên Đà Lạt khi mùa dã quỳ đã qua mà trời đêm vẫn vừa đủ lạnh cho những đôi lứa đi bên nhau nép sát vào nhau... Không có dã quỳ dường như Đà Lạt xa lạ hơn, tôi như cô đơn hơn khi ngồi cà phê một mình nơi quán nhỏ đầu con dốc dài đi xuống thung lũng mờ sương vắng những đốm vàng ấm áp... Vào mùa này dã quỳ chỉ có ở một nơi xa lắm... Đã lâu rồi, hình như cũng vào một buổi tối se lạnh như thế này, có người đã hẹn sẽ cùng tôi lên Ba Vì ngắm dã quỳ nở vào mùa hè chứ không phải vào đầu đông như ở Đà Lạt... Nhưng rồi với tôi, lời hẹn ấy mãi mãi chỉ là hẹn ước...

Ở Đà Lạt thú nhất là ngồi quán cà phê.

Quán cà phê ở đây có thể gặp trên mọi đường phố, là ngôi nhà lầu đồ sộ ven đường hay là sân vườn ngôi biệt thự nằm sâu trong con đường nhỏ quanh co. Lớn hay nhỏ, sang trọng hay bình dân, phong cách trang trí thể hiện cá tính nghệ sĩ hay đậm nét trẻ trung sinh viên... những quán cà phê như vậy là nơi ta có thể ngồi vào bất cứ thời điểm nào trong ngày, một mình, từng đôi hay cùng bạn bè, bên ly cà phê thơm nồng, ly trà gừng thơm dịu mà ngắm nhìn những thiếu nữ tóc buông dài, áo len màu tím, màu xanh khoác ngoài áo dài trắng, ôm cặp sách thong thả đến trường mỗi buổi sớm mai hay trở về nhà vào mỗi hoàng hôn.

Trong một quán cà phê như thế bất ngờ lần này tôi gặp lại một người bạn cũ. Khi tôi bước vào, nơi góc quán có một nhóm người đang trò chuyện vui vẻ. Có vẻ như câu chuyện xoay quanh văn chương thơ phú. Vốn là khách quen, tôi lẳng lặng đến chiếc bàn nhỏ "của mình"

sát ô cửa sổ rồi ngồi xuống và giở tờ tạp chí ra đọc. Vài gương mặt tò mò ngoái nhìn (ở Đà Lạt phụ nữ ngồi cà phê một mình là điều hơi lạ?). Đón ly cà phê từ tay cô bé phục vụ, chưa kịp đặt xuống bàn bỗng giật mình bởi một giọng nói hồi hộp: H. phải không, sao em lại ở đây…?
Phút chốc ngạc nhiên nhưng tôi nhận ngay ra anh.

Ngày ấy, tôi và anh cùng học với nhau chỉ một năm cuối cùng của trường trung học. Khi tôi vừa kịp quen với thành phố phương Nam ấm áp và sôi động thì anh đã cùng gia đình ra đi, đến một nơi cách xa nửa vòng trái đất. Nhiều năm sau tình cờ công việc làm chúng tôi biết nhau, rồi liên lạc thường xuyên hơn khi nhận ra là "đồng môn" thủa nào. Biết bao lần anh mail cho tôi, nói đủ thứ chuyện nhưng chưa một lần anh nói đến chuyện về quê, thậm chí cả khi tôi "rủ rê": về chơi đi, bạn bè gặp nhau vẫn nhắc anh luôn đấy… Anh vẫn im lặng và lảng sang chuyện khác. Vì sao, tôi cũng không biết nữa… Thời gian sau này khi công việc đã kết thúc, tôi và anh ít liên lạc với nhau hơn. Công việc mới lại đến và cuốn tôi đi, trong nhịp sống bận rộn những mối liên hệ qua NET tưởng như bền chặt bỗng hóa mỏng manh, rồi thường mất hút tưởng như chưa từng bao giờ tồn tại…

Giây phút đầu tiên nói chuyện với nhau, cả tôi và anh đều không tránh khỏi ngỡ ngàng. Tôi, vì chưa quen với giọng nói hơi "cứng" của một người đã lâu ít dùng tiếng Việt. Còn anh, hơi ngạc nhiên với một chút gì như là trách cứ: đã ba mươi năm mà em vẫn không nói tiếng Sài Gòn được ư?!

Nhưng chính câu hỏi này đã làm chúng tôi bật cười vui vẻ. Hồi đó, anh và tôi thường "cạnh tranh" với nhau trong tất cả các môn học. Anh rất giỏi ngoại ngữ vì là "dân trường Tây" từ nhỏ nên thường vượt qua tôi về môn này. Mặc dù cả hai đều học hành rất "tài tử" chứ không phải là kiểu người chuyên cần chăm chỉ, lại cùng hay làm thơ viết văn… nghiệp dư báo tường nhưng anh luôn tỏ thái độ không thích tôi , chỉ vì giọng nói "rặt Bắc kỳ" của tôi! Có lần anh nhái giọng chọc quê một cách đầy ác ý, làm tôi tức đến phát khóc khi tôi nói một điều gì đó bằng giọng Bắc mà bạn bè không hiểu… Từ đó trước mặt anh tôi bỗng e dè ít nói hơn, nhưng nếu nói thì cố ý dùng toàn tiếng "Hà Nội chuẩn" để chọc tức anh, dù tôi đã có thể nói giọng Nam bộ một cách dễ dàng. Vài lần như vậy dường như cũng đủ để anh hiểu sự bướng bỉnh của tôi và sự… vô lý của mình nên lúc ra đi, qua người bạn thân anh gửi đến tôi lời chào tạm biệt "cô nhỏ Bắc kỳ dễ…ghét".

Bao năm trôi qua nhưng dường như anh không thay đổi mấy… Anh cũng nhận xét về tôi như vậy. Có lẽ mối liên hệ từ mấy năm trước đây đã mang lại cho chúng tôi cảm giác đó? Được biết anh về Sài Gòn để lo thủ tục cho một dự án đầu tư về công nghệ thông tin. Công việc tạm ổn, trước khi quay về bên đó anh lên Đà Lạt nghỉ ngơi mấy bữa, cũng để gặp gỡ một số bạn bè bàn việc sẽ triển khai một dự án khác trên này. Anh nói, gần một tháng ở Sài Gòn nhưng anh không thể liên lạc với tôi vì e-mail cũ tôi đã không còn sử dụng. Qua vài người bạn anh biết tôi đã có một công việc mới, hình như cũng đi công tác thường xuyên và ít ở Sài Gòn… Hỏi thăm nhau về gia đình, anh hóm hỉnh Sao, con gái em có nói giọng Bắc kỳ như em không? Dạ không, nó nói rặt giọng Sài Gòn anh ơi. Còn con trai anh thì sao? Ừ, anh sợ nó không quen nên rèn dữ lắm, giờ thì nó nói tiếng Việt cũng khá, nhưng chắc không bằng… ba nó đâu! Đấy, ba mươi năm nói tiếng Tây nhưng anh có quên tiếng Việt được đâu, huống chi em ở đây, giọng Nam hay Bắc thì cũng là tiếng Việt mình, phải không anh…

Từ ô cửa nhỏ nhìn xuống thung lũng trải dài ngút ngát dưới ánh nắng vàng như mật ngày chớm hè, tôi chợt nhận ra Đà Lạt trong một màu sắc mới: màu tím tươi thắm của dàn bông giấy bên hàng rào ngôi biệt thự cổ, thấp thoáng đây đó bông bằng lăng tím e ấp dịu dàng, và hàng phượng ven đường những chùm hoa ngơ ngác tím… Tiết trời Đà Lạt làm cho sắc tím nơi đây thật lạ, như sắc tím đôi mắt thiếu nữ trong lần hò hẹn đầu tiên…

Mùa này Đà Lạt không có dã quỳ…

NGUYỄN THỊ HẬU

hồi ký

THU XƯA NGÀY ẤY XA RỒI ....

HOÀNG VŨ ĐÔNG SƠN

Tôi ra đời năm Kỷ Mão, tháng Ba ngày 21 giờ Mùi. Khai sinh theo lịch Tây là 10.5.1939. Anh em tôi đều có khai sinh bằng ba thứ chữ: chữ Quốc Ngữ, chữ Tây, chữ Nho trong sổ Hộ Tịch làng Trạo Hà, huyện Đông Triều, tỉnh Hải Dương. Mẹ tôi thường kể lại rằng: "Hôm ấy mẹ xuống ấp rồi ra thăm đồng thì trở dạ. Người làm võng về đến giường thì lọt ra mày, vừa lúc còi tầm làm việc buổi chiều của mỏ than Mạo Khê thổi thúc".

Tôi ra đời như thế đó; cạnh cầu Đạm Thủy trên Quốc lộ 18 trong nhà tranh vách đất ở trại ruộng của gia đình. Vì cái sự không được không được ra đời ở nhà trên làng nên tôi được cả Họ yêu thương, anh chị em thương mến như một sự bù đắp cho "cái thằng bị cắt rốn bằng liềm cắt lúa". Mẹ tôi bảo "mày khó nuôi, may mà sống được nhưng èo uột mãi tới năm 5 tuổi mới biết rằng sống".

**

Có lần tôi đã ngưng thở vài tiếng đồng hồ, đã sắm "sơ mi gỗ" về đến đầu ấp. Mẹ lại thấy tôi ọ ẹ thở, thương quá, nhét vú vào mồm, thấy bú. Thế là "hồi sinh". Tôi lớn dần lên ở ấp nhưng vẫn là người làng Trạo Hà. Chả hiểu vì lẽ gì bố tôi lại bắt cả nhà dọn xuống Ấp ở, còn nhà chính trên làng chỉ cách Ấp có 2km lại bỏ không. Ấp An Bình thuở ấy an bình thật. Từ khi gia đình tôi về "đóng đô" ở Ấp, Ấp có sinh khí hẳn lên như hồi cụ cố và ông nội tôi còn tại thế.

Căn nhà năm gian toàn bằng gỗ soan đẫn tại vườn nhà làm cột kèo rui mè bậu cửa cánh cửa... luôn luôn có khách khứa xa gần. Có nhiều đêm phải tăng thêm nguồn sáng bằng mấy cái đèn đất (đèn đốt khí đá). Thỉnh thoảng bố tôi có những ông khách đặc biệt, mẹ tôi phải đích thân trở dậy làm món nhắm đặc trưng theo lệnh của bố tôi. Từng vò rượu được bê ra đãi khách.

Mẹ tôi kể lại rằng: "khi Cửu nó bưng mâm lên, mẹ thưa với bố mời khách cầm đũa thì thế nào

cũng có ông đứng lên chắp tay nói lời cám ơn ngắn gọn rồi vui vẻ ngồi vào mâm. Bố gật đầu lừ mắt là mẹ hết việc. Họ không uống rượu bằng chén mà bằng bát ăn cơm. Có ông uống một bát, có ông uống hết ba bát đầy rồi mơi ăn. Rất hiếm khi có người khề khà. Ăn xong là uống nước. Nước thì chè tàu, chè tươi, lá vối hay nước mưa. Tùy thích".

Anh Cửu là con nuôi của bố mẹ tôi. Còn bé, tôi chỉ biết gọi anh là anh ở trong nhà như hai anh tôi. Khi tôi thắc mắc thấy anh Cửu cũng gọi anh lớn của tôi là anh Cả xưng em, còn tôi và anh Hai lại xưng em với anh. Tôi nêu thắc mắc với bố, bố lừ mắt không trả lời. Hỏi anh Cả, anh Hai chỉ cười. Mãi sau này mẹ tôi mới cho biết anh Cửu là con nuôi. Vì không muốn phân biệt con đẻ con nuôi để anh buồn nên trẻ con không được bép xép: "Còn anh Cả phải là anh Cả vì phải thờ cúng gia tiên nên phải phân biệt". Anh Cửu yêu thương tơi hơn hai người anh ruột tôi.

Sau Cách Mạng mùa Thu (19.8.1945) vài năm, anh Cửu "thóat ly" vào Vệ Quốc Đòan, anh tử thương tại Điện Biên Phủ. Tôi mất anh từ đó.

Anh Cửu cao to như Tây, khỏe mạnh đẹp trai lại là tâm phúc của bố tôi nên có nhiều gia đình ngấp nghé muốn cho con gái. Bố mẹ tôi cho anh tự quyết định. Bao giờ lấy vợ ra ở riêng. Gỗ tre cứ hạ xuống làm nhà ở bất cứ góc nào trong Ấp đều được cả. Nhưng anh nghiêm chỉnh trả lời: "Để các em khôn lớn một tí nữa rồi con mới lấy vợ".

**

Khách của gia đình tôi có cả Sư lẫn Cha. Gia đình tôi không ăn chay bao giờ. Nhưng khách là Sư thế nào cũng có những món chay ngon miệng. Còn khách là Cha, gặp ngày thứ sáu hay mùa chay thì có gỏi cá mè, chả cá nheo, cá quả nấu ám...

Nhà tôi nghèo nhất họ nhưng lại đầy đủ phương tiện sống hơn mọi người. Cá cua tôm tép ở đầm ở ao, gà ở sân ở vườn, lợn ở chuồng, rau ở vườn nên thường phải tiếp khách của cả họ, có khi là khách riêng của các chú các bác cũng đưa về Ấp. Tôi có bốn bà nội. Ba bà nội người cùng huyện, một bà nội người huyện Cát Hải-Quảng Yên.

Họ ngọai Cát Hải thường lên bằng thuyền đinh đến sau Ấp với mực khô, cá khô, tôm he, cá thu nướng, nước mắm mỗi dịp gần Tết. Mẹ tôi lại phải chia ra 14 phần bằng nhau để đưa tới gia đình ba bác, ba chú và bảy cô. Rồi lại kiếm đồ chất lên thuyền gọi là "lại quả" như mắm rươi, mắm cáy (cả mắm trong, mắm đặc) trứng cáy, cá chép tát đầm phơi khô, gà, ngan... rau tươi các lọai gởi xuống biếu các cậu các dì dưới đó ăn Tết.

Ngòai Tết Nguyên Đán ra, mùa Thu là những ngày vui vẻ nhất của gia đình tôi. Rằm thang Bảy có đàn tràng cúng cả chay lẫn mặn rồi thí thực cho cả "cô hồn sống" lẫn cô hồn chết. Cúng chay thế nào cũng là một vị sư thầy. Cúng mặn nhất định là ông Pháp Chí; bạn vong niên của anh Cả tôi.

Rằm tháng Bảy còn gọi là Tết Trung Nguyên tôi vui lắm vì có họ hàng nội ngọai đến chơi, ăn nói tự do chứ không như ngày Tết phải kiêng đủ thứ từ đi đứng nói cười, có khóc cũng không sợ méo miệng. Tôi rất sung sướng khi được cầm chiếc đóm dài cháy đùng đùng để hóa vàng mã. Những thoi vàng, những quan tiền, những bộ quần áo đều bằng giấy bén lửa cháy để trở thành vàng thực, tiền thực, quần áo thực ở dưới âm phủ cho "người ta" đỡ đói lạnh. Và tôi tin tưởng, tin tưởng có một cõi âm khi gió Thu thổi tung bay tàn tro cất cao lên cả ngọn tre rồi biến đi đâu đó để vào tay "người thọ hưởng".

Sau rằm tháng Bảy là mưa liên miên, người lớn gọi là mưa Ngâu. Đàn quạ đen cả trăm con làm tổ trên cây gạo ở giữa vườn ngòai im tiếng cãi cọ. Trời hưng hửng nắng lại xuất hiện bay đi bay về gây ồn ào vào buổi sang và buổi chiều. Tôi đã tin từ miệng các chị qua lại thường nhấp nháy với các anh tôi rằng: "Sở dĩ mấy ngày mưa Ngâu, quạ vắng nhà vì phải đi bắc cầu cho Ngưu Lang và

Chức Nữ". Có chị còn nói: "Ông trời ác lắm!".

**

Rồi mùa Ngâu cũng qua đi, sang tháng Tám trời xanh mây trắng. Rằm tháng Tám được ăn cốm cùng hồng chín hồng ngâm với biết bao món nữa, chỉ được ăn hoặc ăn vào ngày Trung Thu mới ngon như món ốc nhồi luộc. Tôi không nhớ và không biết mẹ tôi cho "nêm nếm" với gia vị gì, nhưng cứ đưa con ốc lên mút nhè nhẹ là cái phần mềm chứa trong vỏ ốc, từ miệng ốc sang miệng người ta có dáng như đang ngước nhìn trăng rằm. Ở quê tôi, Ăn Ốc Trông Trăng là một tục lệ, nhà nào cũng chuẩn bị ốc để trong lồng trong giỏ bằng mây hay tre rồi cho lên gác bếp. Ốc ăn bồ hóng và khói rơm rạ lơn theo thời gian và ngon theo thời gian. Chỉ phải mất nhiều công lênh là ngâm ốc, rửa ốc, kỳ cọ ốc rất tỉ mỉ... mới thành món Ốc Trông Trăng.

Tối ngày rằm, anh em tôi về làng rước đèn, ra chợ Cột phố Đông Triều xem múa sư tử. Vãn trò, anh em trong họ ngòai làng cùng rước đèn về Ấp. Đoạn đường hai cây số ngày thường phải đi bộ rất ỏai với trẻ con, nhưng đêm rước đèn lại rất ngắn, nhất là đọan qua Cổ Oeo có mấy cái mả Tàu để của nả vàng bạc cướp được ở ta nhưng vì một lẽ gì đó chưa mang được về Tàu, phải chôn dấu "ở mỗi mả có một hai cô gái đồng trinh Việt Nam ngậm bùa chôn chung để từ 100 ngày sau là Thần Giữ Của..."

Vẫn biết, phía trước phía sau đều có những anh em lớn ở xa xa. Nhưng qua Cổ Oeo cứ muốn mình được đi ở giữa, đứa nào cũng hét to lời hát và nhanh chân bước. Đến đầu cầu Đạm Thủy, đứa nào mỏi chân thì đi tắt đường bờ ruộng vào nhà, đứa nào còn sức thì đi con đường đất rộng qua cổng nhà thờ họ Đông Tân, ra bến sông rồi về bằng cổng sau. Gặp ngày nào có ch xứ Đông Khê sang làm lễ, thế nào cha cũng yêu cầu đám rước với trống chiêng ranh con, đèn nhỏ xíu đi vòng quanh nhà thờ. Cha phát kẹo bánh cho tất cả trẻ con đứa nào còn thức đi cùng đòan rước. Riêng tôi có phần quà riêng đã có sẵn ở nhà từ một hai hôm trước.

Tết Trung Thu, mỗi gian nhà các anh tôi treo một cái đèn kéo quân. Ngòai hàng hiên là lồng đèn ông sao, đèn cá chép, đèn xếp lớn nhỏ. Những cái đèn Trung Thu này do các anh tôi tự làm thì ít mà là quà biếu của mấy gia đình làm hàng mã ở chợ Cột làm sai làm hỏng bị khách hàng chê bèn đem xuống Ấp "Biếu cậu mợ để cho các em chơi Trung Thu". Tội nghiệp mấy ông Tiến sĩ rằm tháng Tám, có ông lên quai bị, có ông mũ bị vẹo, mũ cánh chuồn thì cánh cao cánh thấp, có khi chỉ có một cánh. Mấy ông Tiến sĩ giấy đầu và cổ là bột, tôi luôn luôn phải để trên bàn cao sợ chó tới ngọam mất. Năm này qua năm khác, từ các anh tôi cho tới tôi, tôi có mấy chục ông Tiến sĩ giấy được phong kín, cứ dịp Trung Thu lại đem ra chơi.

Đèn hư đèn hỏng; đèn kéo quân thì quân không chịu kéo đi, đèn ông sao thì cánh to cánh nhỏ... miễn là cắm được nến vào, gió thu không làm tắt, tỏa ra ánh sáng là mẹ tôi bắt phải treo lên hết.

Mỗi dịp như vậy, mẹ tôi lại mở hầu bao đãi lại họ bằng tiền. Tùy theo gia cảnh, có khi là thúng gạo, con gà, con cá, rau củ quả là sản vật của Ấp.

**

Sau Tết Trung Thu là ngày Giỗ Đức Thánh Trần. Cả nhà tôi lên dâng lễ ở Đền Kiếp Bạc vào đúng ngày 20 tháng Tám. Tôi được chiêm ngưỡng cảnh hầu Thánh. Tôi thấy người ta xiên lình dài cả mấy tấc tây qua má, qua lưỡi, xỏ chân trần vào lưỡi cày đỏ bước đi quanh sân đền với nét mặt nghiêm trang rồi giơ kiếm chém vèo vèo qua mình người bị ma giặc Phạm Nhan, giặc Ô Mã Nhi... làm hại. Con bệnh kêu oai oái, lạy van xin tha mạng để về Tàu ngay. Có người khỏi ngay, mang lễ vật vào Đền tạ Thánh. Có người phải nằm võng khiêng về.

Một năm, bố tôi đang ngồi thụ lộc Thánh với ông Ngô Quốc Lâm, ông Hội Đạm cùng người nhà thì bọn người Khách trú các hiệu buôn ở chợ Cột, đứng đầu là ông chủ Quay, chủ Bóng cũng lên

lễ Đền. Họ mang tới một mâm cua biển luộc đỏ au. Ông chủ Quay đón lấy đặt lên chỗ bố tôi ngồi, nói; "Con mời cậu Tư và các cậu xơi cu". Mọi người trong mâm cười ồ, những mâm chung quanh cười phá lên. Bố tôi đạp ông Quay một cái ngã nhào, lăn xuống sân. Ông ta vội vàng chắp tay vái mấy vái rồi ù té chạy. Bố tôi hất mâm cua về phía chủ Bóng rồi đứng lên ra ngựa đi về. Lần đầu tiên tôi thấy bố tôi nổi nóng và cũng là lần đầu tiên tôi thấy bố tôi bắt ngựa phi nước đại. Tôi ngồi trước, hai tay bám chặt vào đầu yên ngựa vừa sợ vừa thích.

Ngày 21 tháng Tám, sư cụ chùa Ngọc Thanh hạ sơn, vân du ghé qua nhà tôi "độ" lúc chính ngọ. Ngày hôm sau 22 tháng Tám, sáng sơm bố tôi dắt tôi xuống cái thuyền chài cá của ông Nhiêu Khịt ngược dòng đến chân núi có đường lên chùa. Bước chân nhỏ bé của tôi được bước những bước gần như chạy trên con đường người quê tôi đồn đãi là "đường thượng đạo" của Đức Bình Định Vương Lê Lợi xuất nhập kháng chiến chống giặc Minh. Đứng ở cổng chùa nhìn được bao quát cả vùng, xa xa là núi Yên phụ, Yên tử, Phượng Hòang... Bên kia bến đò Than là huyện Chí Linh, dòng sông chảy tới hợp lưu với sông lục Đầu (Lục Đầu Giang). Cũng ngh đồn rằng núi Đông Triều núi tiếp núi, rùng tiếp rừng có một trăm ngọn lớn nhỏ cao thấp. Chỉ có 99 ngọn liền mạch theo phong thủy, còn núi Phượng Hòang lại lọt qua mạch khác, trơ vơ giữa đồng ruộng cạnh sông kinh Thầy, sông to sóng lớn. Vì thế nên đất chẳng phát Vương. Người quê tôi vẫn tự biết mình là dân nghịch địa. Dân đất nghịch cứng đầu cứng cổ ít phục ai. Thảng hoặc có người ham hố đi làm Tôi cho thiên hạ cũng khó thọ vì bản chất đã như thế rồi.

Sư cụ đón bố con tôi ngay đầu dốc Đường "Thượng Đạo" quanh co khuất khúc nhưng mặt đường lót bằng đá cứng, nhiều đọan có thể cho xe hơi chạy qua chạy lại tốt. Qua tam quan, nhìn vào chánh điện đang có khóa lễ. Trong nội điện đã có đông người đang ngồi trên các chiếu đậu trải ngay ngắn giáp hai bên tường. Có cả mấy người mặc quần áo tây cũng ngồi xếp bằng.

Bố tôi cho tôi tự do trong khuôn viên chùa. Sư Cụ giao tôi cho một Sư Bác. Sư Bác ban cho tôi một phẩm ỏan và một đĩa chè đông, cũng ở cái đĩa "lá lật" như ở nhà tôi. Sư Bác nói: "Đây là lộc Bụt, bé phải ăn hết mới được Bụt phù hộ cho mới ngoan, mới học giỏi". Ngoan và học giỏi chắc Bụt chẳng thèm độ cho tôi. Còn ăn thì tôi ăn nhanh lắm. Ngon ơ. Hết ngay.

Sau ngày hôm đó tôi chơi với các Sư Chú, khi thì ra vườn cây hái qua, lúc tới vườn rau xem tưới và bắt sâu tiếp tay các Sư Chú mang củi mang rau vào nhà bếp. Được ăn hai bữa cơm chay với các Sư Chú tại chùa trên núi ngon quá. Ngon vì được tự do không ai kềm thúc và các Sư Chú mến yêu cho bóc bao nhiêu quả cam quả quýt chín cây cũng được.

Chiều đó trời trở lạnh, chạy nhảy mãi cũng chán. Ăn cơm chiều xong tôi phải ngồi cạnh lò lửa trong bếp cho đỡ lạnh. Bố tôi cho đòi, tôi lên khoanh tay chào Sư Cụ rồi chào tất cả các Sư để về. Các vị khách hồi sáng đã xuống núi từ lúc nào tôi cũng không hay. Khi tiếng chuông thu không điểm một hồi hòa với tiếng gió qua rừng thông, qua khe suối thì trời sụp tối. Sư Cụ cho tôi một quả lựu lớn bằng cái bát ăn cơm. Chính tay Sư bửa đôi ra rồi đưa vào hai tay tôi. Quả lựu chín hạt to mọng nước trong như ngọc bao bọc cái hột đen lay láy như hạt huyền. Tôi đút ngay nửa quả vào túi để đem về làm quà cho chị dâu Cả. Con nửa quả, tôi tách từng hạt đưa vào miệng. Cái chất chua dìu dịu, ngọt thanh thanh này chắc là chị tôi thích lắm.

Ngòai tam quan có tiếng lao xao có ánh đuốc bập bùng. Anh Cửu dẫn anh Hai tôi và vài người nhà lên chùa đón bố con tôi về. Anh Cửu phải xách một gói nặng còn đòi cõng tôi xuống núi nhưng bố tôi nói: "Nó có chân đi thì phải có chân về. Không về thì ở lại chùa với Sư Cụ tu luôn càng tốt. Sư bảo nó có căn tu đấy".

Lúc qua sông trời càng lạnh. Bốn ngọn đuốc bằng tre ngâm soi sáng cả một quãng sông, tàn rơi xuống nước xèo xèo, có đàn cá đuổi theo đuốc sáng, vài con cá trắng như bạc nhảy vào thuyền. Nước đang lên, thuyền xuống ngược gió ngược nước phải đi sát bờ. Anh Quả con ông Nhiêu cũng khỏe mạnh như anh Cửu chèo đôi ở lái, hai người nhà tôi chèo phụ bằng chèo đơn ở giữa, anh Cửu chống cây sào dài đẩy phụ thuyền mới đi được. Thấy tình trạng gay go như thế, bố tôi

nói với anh Quả: “Ngược nước ngược gió thế này, anh phải biết trước. Sao anh không cho bố con tôi xuôi lên cầu Đạm rồi đi bộ về cho đỡ mệt?”. Anh Quả trả lời dứt khoát: “Bẩm ông Tư, không được đâu ạ. Thày bu con dặn sáng đưa ông đi thế nào thì chiều đón ông về cứ phải là như vậy ạ!”. Thuyền vừa đến vụng nước xóay đầu làng Đông An thì ngôi miếu nhỏ lợp ngói tường quét vôi trắng hiện ra. Quãng sông này có 7 ngôi miếu thờ 7 vị Tiểu Tướng của Đức Bình Định đã tuẫn nạn trong một lần phản công giặc Minh, bảo tòan được quân lương đưa lên núi. Bảy vị rất linh, dù là trẻ chăn trâu nghịch ngợm hay thuyền bè người có đạo Thiên Chúa cũng không dám phá phách, buông lời bất kính. Thuyền qua cửa miếu, bố tôi đều đứng lên chắp tay vái ba vái, anh em tôi cũng vái theo. Các thuyền buôn muốn “thông đồng bến giọt”, thuyền chài muốn cá tôm đầy thuyền cũng cứ vào “xin cho” là được tọai ý. Đúng là: “Sinh làm Tướng, Thác làm Thần”. Người vùng tôi gọi là “Miếu Bảy Ông” rất tôn kính.

Sau này, Tây xây “bốt” để giữ cầu Đạm Thủy, sợ rằng các nơi đó là ổ kháng cự của Việt Minh đánh chặn tàu thủy lên giải tỏa áp lực cho đường 18 nên phá cho bình địa.

Anh Hai tôi cậy sức không mang áo ấm, ngồi co ro, nói: "Trời đổ lạnh sớm thế này, không biết ngày mai có "mưa đền cây" không bố và các anh?". Bố tôi bảo: "Nhất định là có mưa và phải mưa to chứ. Những trận giao chiến với giặc Nguyên, giặc Minh của Đức Thánh Trần và của Đức Bình Định Vương khiến cho cây cỏ điêu linh. Vì đức hiếu sinh, trời sẽ cho vùng ta được vài trận mưa lớn để đất ấp ủ cây cỏ xanh tươi."

Thuyền về bến sau Ấp, tôi chạy về nhà ngay vào nhà ngay và a vào lòng mẹ. Mẹ tôi cười nhưng nhăn mày, kêu: “Ôi! Cái thằng hôi như cú, bẩn như chó nhậy. Phải làm lông cho thằng chó thôi”. Trong lúc mẹ kỳ cọ cho tôi, tôi thỏ thẻ rằng: “Oản ở chùa ngon hơn Oan mẹ đóng ở nhà. Chè đông cũng thế, ngon hơn, thơm hơn chè chị Cả nấu”. Mẹ tôi không nói gì, chỉ nhìn chị dâu tôi, chị cười cười lắc đầu, tay chị đang cho mấy chồng đĩa “lá lật” vào chậu ngâm.

Tắm xong, tôi bí mật đưa chị Cả nửa quả lựu. Anh Cả và anh Hai mà biết sẽ đòi ăn thử rồi nửa đùa nửa thật chê khen. Chị sẽ chẳng còn đâu mà ăn còn tôi thì đến phát khóc nên mới thôi. Chị cũng nhỏ nhẹ bảo: “Cám ơn em. Ngày mai chị sẽ trả em một quả to hơn ngon hơn quả này. Sư Cụ trên chùa “lại quả” bằng cam quýt và lựu mỗi thứ cả chục. Đang thắp hương, tha hồ ăn”.

**

Nửa đêm về sáng; sấm chớp đùng đùng, mưa như trút nước. Mưa đầy ao, mưa trắng đồng. Người trong Ấp rủ nhau mang nơm đi úp cá chép lên các ruộng lúa “bát ngọat” ăn màu lúa và đẻ. Trẻ con và đàn bà đi đón bắt cá rô rạch ngược nước lên cao trên bờ ruộng bờ đường . Đêm đến, họ rủ nhau đi soi ếch bằng đèn bão. Cứ từng đôi từng cặp bị vồ gọn cho vào dỏ

Ở vùng tôi còn gọi cá chép là cá gáy vì bị mắc câu hay bị úp trong nơm, cá cũng “gáy” vài tiếng như gà. Còn cá rô to, khỏe, béo là cá rô rạch. Ếch lớn con cũng gọi là Ếch Ộp vì trước khi bị tóm cả đôi, ếch cơ đơn đi tìm nhau bằng những tiếng ộp ộp. Cá chép hay cá gáy có tên chữ Nho là Lý Ngư.

Trong những món ăn gọi là “Thời Trân” khi trời vào Thu ở xứ tôi có:

* Ếch Ộp xào với hoa mướp, Ếch Ộp nấu canh hay hầm với măng trúc. Trúc về mùa Thu ít “nẩy lộc” mà có lộc là bụi trúc khỏe. Măng trúc nấu với thịt Ếch có gia vị là lá Lốt. Món ăn có mùi vị đặc biệt nên cụ Trạng, Bạch Vân Am chủ mới ca ngợi: “Thu ăn măng trúc. Đông ăn giá”.

* Cá Rô Rạch nướng vàng chấm nước mắm gừng, chấm nước tương gừng nhưng phải thứ tương ngọt như tương chấm với bê thui mới ngon. Cũng cá nướng ấy, gỡ thịt ra, xương giã nhừ, lọc lấy nước trong rồi nấu canh với cải bẹ xanh gia vị là gừng nướng.

* Cá Chép, cá Gáy hay Lý ngư khi nước mưa tràn bờ ruộng là ở đầm ở ao đâu đó ngoi lên "động cỡn"để thành rồng kéo nhau vào các ruộng lúa đang trổ bông "quậy", bị người ta úp bằng nơm. Cá Chép được Hóa Rồng trên các mâm với câu phương ngôn :"Lý Ngư Bát Ngọat". Cá Chép rán vàng kho với cà chua, Cá Rô kho với trám đen ăn với cơm gạo lúa sớm vào những ngày sau Trung Thu cũng là món khóai khẩu của dân Đông Triều - Chợ Cột.

Vùng tôi lắm giặc nhiều cướp nên ít kẻ dám tích lũy làm giàu, sợ mang họa vì cướp ngày giặc đêm, nhưng vào khỏai ăn thì khá giỏi. Mùa nào thức ấy, từ Trung Thu trở đi là ăm cốm. Những bông lúa nếp cái được tuyển chọn vừa đủ độ, cắt về, suốt ra rồi rang lên, cho vào cối đá giã bằng tay. Cốm ăn với hồng xứ Lạng Sơn, loại hồng ngọt lịm không hột mới thú. Nếu không có hồng ngon thì ăn với chuối tiêu cũng thú lắm. Cốm ăn còn dư, hôm sau có thể đập trứng gà vào rán lên lại là món nhắm cho các cụ răng cỏ "cái còn cái mất cái lung lay". Còn dư nữa thì nấu chè. Vẫn còn dư, cốm đã cứng thì cho vào chảo rang lên cho trẻ con.

Quả trám đen là sản vật của rừng Đông Triều, có nhiều ở quanh núi Yên Tử. Mùa trám, người Đông triều chỉ thích ăn trám da đen chứ không ăn trám da xanh. Trám tươi, lấy dao nhọn rạch một đường dọc lấy hột ra , đập vỡ hột lấy hạt ra giã chung với thịt nạc dăm (gia vị thì tùy khẩu vị từng nhà). Tất cả nhồi nhét cho đầy "bụng trám" rồi nướng trên than hồng hay hấp bằng hơi nước, tùy thích.

Trám đen cho vào cối đá giã nhừ, kho với cá rô rạch trong nồi đất, cứ mỗi lớp cá một lớp trám. Kho cả đêm hay cả ngày đêm bằng bùi nhùi rơm, ủ trấu tiếp thêm sức nóng. Vị chát chát chua chua bùi bùi của trám tan ra quyện vào từng cái xương cá rô. Khi ăn phải lấy thìa lấy muỗng xúc cả con dù lớn hay nhỏ cho ngay vào bát cơm, ăn cả xương vì xương cá đã mềm nhũn, không sợ hóc.

Dân Đông Triều ăn cá cho dù là cá gì cũng gắp cả con hay gắp miếng lớn cả xương cho vào bát riêng của mình mới gỡ lấy. Kị và ghét nhất những người khách rỉa rỉa khúc ca, con cá rán hay kho nát vụn ra. Tôi chỉ biết đó là phong thái đáng yêu hay đáng ghét của xứ Đông Triều nhà tôi, vùng đất bán sơn địa thời Tàu thời Tây cai trị thì bị tù đày roi vọt vì Hội kín, Hội hở. Thời 1945 -1954 thì bị bắn bỏ, bị kết án là Việt Minh, là Việt Gian. Tối thiểu cũng là "ấm ớ Hội Tề".

**

Qua tháng Chín, ngày mồng Chín: ngày Trùng Cửu, bố tôi có hẹn với các chú, các bác và các cậu tôi ở cả hai phía thượng huyện và hạ huyện Đông Triều gặp nhau ở chân núi Yên tử, sáng sớm uống trà cúc, chuốc hoa cúc từ núi Dục Thúy - Ninh Bình ướp chè mạn từ trước.Uống nước xong mới đăng sơn.

Tối ngày mồng Tám, anh em tôi được cho tháp tùng xuống thuyền xuôi ra dòng sông Cái. Sông kinh Thầy rộng lắm, có gió to sóng lớn nên thuyền phải đi sát gần bờ phía tay phải. Chưa nghe ai dám bơi qua sông mà không có thân cây chuối hay ống tre bương làm phao. Đứng ở bờ bên phía Đông Triều, nhìn qua bờ phía Kinh Môn, nhìn con trâu mộng chỉ còn be bé như con chó mực choai choai. Thuyền được thả trôi theo dòng, chính ông Nhiêu Khịt cầm lái, anh Quả lăm lăm cây sào dài ngồi ngay mũi thuyền đề phòng những bất trắc.

Thuyền qua làng Vẻn có tên trên bản đồ là làng An Biên, làng của nữ Thượng tướng Lê Chân, dân làng này làm ruộng làm rừng, mặc dù ở cạnh bờ sông Đạm Thủy nhưng kho6g ai chịu sắm một con thuyền để qua sông. Dân An Biên vẫn "sọng" tiếng Thanh Nghệ, dù làng có từ thời Hai Bà Trưng đánh đuổi Tô Định về Tàu. Thuyền ghé An Biên đón một người, qua bến đò Bến triều đón một người đang cầm đuốc chờ. Thuyền xuôi đến ngay Mạo Khê chỗ bến đò ngang, cậu tôi và các anh em, đang ở cạnh một đống lửa lớn reo lên. Sương thu nặng hạt, tất cả mọi "hành khách" đều vào trong khoang có mui cho đỡ sương gió. Tôi vui thú mãn nguyện lắm! Thế mà hai mắt cứ híp vào, tôi nằm xuống ngủ khè, thuyền vào sông nhỏ hay ngòi lạch gì đó rồi tới "bến" tôi cũng chẳng

hay. Đến khi bị lôi dậy để xuống thuyền là lúc rạng đông. Mọi người lên võng lên cáng do chú rể tôi người làng Yên Lãng gần đó điều động dân phu từ trước đón đến chân núi Yên tử thì cho họ về. Thuyền ông Nhiêu cũng nhổ sào tách bến.

Bác Sứ Phác, cậu Chánh Hớp đồng ý với bố tôi để xuống lệnh: "Chè cháo xong tất cả lên núi. Du sơn là phải đăng sơn bằng chính đôi chân của mình. Cấm không ai được dùng võng, cáng. Liệu sức đi được thì đi, không đi thì ở đây chờ. Chờ không được thì cứ việc về. Bọn ta chưa định được giờ hạ sơn, có thể là hai hay ba, bốn ngày chưa biết chừng. Còn đi mà gục giữa đường núi thì không ai rỗi hơi để đợi. Rừng ở đây có cọp beo chó sói dấy".

Lũ trẻ con chúng tôi và một vài người lớn nữa, thấy phải leo núi bằng chân mình cứ nghĩ thôi đã thấy ỏai nên đành ở lại chân núi cũng thích lắm rồi. Ngước nhìn lên đỉnh Yên tử chỉ thấy sương mù và mây che phủ, có cái gì đó thiêng liêng, thần quái sau khi nghe người lớn đàm đạo về cái ông An Kỳ Sinh người Tàu làm gián điệp cho Nguyên Mông sang nước ta sắm vai tu hành để nghe biết rồi tâu về. Các vua nhà Trần tương kế tựu kế bắt anh ta đi xây chùa trên núi ở đây, đặt dưới sự giám sát của quan, tướng Đạo Hải Đông. Chùa Yên tử trong dãy núi Đông Triều vừa là Trạm Tiền Tiêu, vừa là Chiến Khu có thế công và thế thủ cả thủy bộ để bảo vệ Quốc Đô Thăng Long.

Mỗi khi có quốc biến, bị giặc Bắc xâm lăng hay có sự thay bậc đổi ngôi từ Họ này sang Họ khác hoặc sóan đọat ngay trong dòng họ, dãy núi Đông Triều thuộc tỉnh Hải Dương cũ có hai huyện bán sơn địa là Đông Triều và Chí Linh là khốn khổ nhất tỉnh. Vì giặc ngọai xâm đến Bắc Việt Nam, nếu thua cũng đi hay rút về ngả này trong đau đớn như quân Nguyên, Minh, Thanh. Rồi Tây thua Nhật cũng lại trốn vào rừng núi vùng này để qua Tàu. Nhật thua Đồng Minh cũng từ Tàu rút qua đây để về nước.

Dân Đông Triều ưa phù suy hơn phù thịnh nên An Sinh Vương Trần Liễu tòan sinh để Việt Nam có hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, Trần Nguyên Đán cũng dạt về bìa rừng Đông Triều để có cho nhà Hậu Lệ hai anh tài kiệt hiệt là Nguyễn Trãi và Trần Nguyên Hãn. Họ Mạc khởi nghiệp cũng nhờ vào địa bàn chiến lược Đông Triều mà mất nghiệp cũng nhờ đất này để mở lối lên Cao Bằng Lạng Sơn.

**

Mùa Thu năm Giáp Thân (1944) là mùa Thu tuyệt vời nhất của tôi vì được theo cha anh đi đây đi đó. Tết Nguyên Đán vui vì được mặc quần áo mới, được tiền mừng tuổi nhưng không thích bằng Trung Thu. Ba tháng có hai cái Tết: Trung Nguyên và Trung Thu cùng những lễ hội ở các Đền Đài, có múa sư tử, rước đèn... Nhưng từ mùa Thu năm Ất Dậu (1945) ở quê tôi chả gia đình nào còn lòng dạ ngắm xem trăng tròn hay trăng méo. Tụi trẻ con chúng tôi buồn lắm! Đến mùa thu năm Bính Tuất (1946). Riêng tôi càng buồn hơn. Chiều ngày 17 tháng 8 Ất Dậu bố tôi kêu mệt rồi không chịu ăn uống gì cả. Nửa đêm về sáng ngày 18 tháng 8 Ất Dậu, bố tôi ra đi nhẹ nhàng, không hề có một tiếng óan trời trách đất.

Tuổi thơ của tôi chấm dứt ngay khi tiếng khóc của mẹ tôi cất lên như đang bị cào xé tâm can lúc nửa đêm hôm ấy. Sau đó là chiến lọan ngút trời, gia đình ly tán, mẹ Bắc con nam. Thu ơi!... Thu xưa, ngày ấy xa rồi.

Saigon 19.8.2005 (Rằm tháng 7 Ất Dậu)

Bình Quới Tây, 1.6.2003

HOÀNG VŨ ĐÔNG SƠN

truyện ngắn

NGƯỜI MẸ CÔ ĐƠN ...

PHẦN

Sáng nay rỗi việc, tôi nhận lời ủy thác của anh bạn nhờ tôi chở một bà cụ với hai cái va li và một tấm nệm từ Dallas đi Arlington, vì xe anh không chở được tấm nệm nên anh mới nhờ tôi.

Tôi đến căn nhà mới xây (theo địa chỉ). Nhìn qua cũng biết giá trị căn nhà hơn hai trăm ngàn. Tôi nghĩ nhà đất ở đây rẻ, chứ căn nhà mới này ở Cali, hay Boston, thì bạc triệu. Người Việt Dallas giàu quá khi tôi vừa lái qua những căn nhà xập xệ của người Mễ chừng vài chục ngàn.

Xe lăn bánh, tôi không khỏi ngậm ngùi với hành trang nghèo nàn của bà cụ nhỏ thó, bệnh hoạn. Ngoài tấm nệm, hai cái va li cũ, lớn nhỏ không đều, lại khác hiệu, đủ biết chủ nhân không giàu; một bà cụ gần đất xa trời còn lỉnh kỉnh túi xách, rổ nhựa đựng quần áo chưa giặt-có cả hũ thức ăn khô gì trong đó nữa... "Người đàn bà đi cầu hôn thần chết". Tôi đặt tên cho cụ trong tư tưởng kín bưng của mình.

Thấy cụ thở không ra hơi lúc lên xe làm tôi cũng hơi lo. Nhưng nhìn kiếng chiếu hậu thì cụ không đến nỗi khiến tôi phải đổi lộ trình vô bệnh viện gần nhất. Tôi mong đến nơi càng sớm càng tốt.

Xe ra xa lộ bon bon rồi. Cụ khoẻ lại sau cú leo lên cái xe hơi cao. Cụ hỏi tôi, "Anh được mấy cháu?" -để mở đầu tâm sự của người mẹ cô đơn trên nước Mỹ bao la... Cụ vô chuyện lòng nhẹ hều như hơi thở của cụ ban nãy...

"...Ông nhà tôi ngày xưa là sĩ quan Phòng 7 - Tổng tham mưu. Sau '75 đi tù. Nhưng tôi nhờ

được tay cán bộ lớn bảo lãnh chồng tôi ra. Tôi chỉ nói chồng tôi là người bắt điện thoại ở Tổng tham mưu ngày trước... Vì thế, ông nhà tôi về sớm, nhưng không được đi theo diện H.O là vậy! Ông ấy về sớm, nhưng buồn chán nên chết sớm..."

Bà cụ khóc trong kính chiếu hậu - thật cay đắng! Tôi nghĩ thế, nhưng không hiểu cay đắng lẽ gì? Cay đắng cho người vợ lính trong chiến tranh và hoà bình ở quê xưa, hay cay đắng cho chuyện nhờ cậy bên thắng cuộc, và hậu quả...

Cụ tỉ tê cho tôi nghe, từ băng sau xe, tiếng cụ rặt giọng bắc làm tôi nhớ mẹ tôi nhiều...

"... tôi kém phước anh ạ! Tôi có mười hai người con. Chín đứa còn ở Việt nam, ba đứa bên Mỹ. Tôi không đi ở nhà con này, con kia như anh nghĩ đâu. Tôi đi ở thuê nhà người ta đây! Vì con gái tôi ở Arlington thì nó đang sống chung với chồng con và bố mẹ chồng của nó. Tôi đâu ở chung được. Thằng con trai thì cũng sống chung nhà với vợ con và bố mẹ vợ của nó. Tôi cũng không ở chung được. Còn căn nhà mà anh đến đón tôi là nhà thằng con cả. Cả đời tôi mới ở nhà con đúng mười ngày thì phải nhờ anh đến dọn đi đây..."

"Bác qua Mỹ lâu chưa? Trước đây, bác ở đâu?" Tôi hỏi cụ,

"Tôi qua Mỹ được 9 năm. Mỗi năm tôi ở Mỹ 9 tháng, về Việt nam 3 tháng - toàn ở mướn chứ không ở với con cái nào được, như tôi đã nói. Nhưng bây giờ tôi phải ở Mỹ lâu dài để trị bệnh. Khổ là tôi không thể ở nhà thằng con cả được. Hôm tôi mới từ Việt nam qua, tháng trước. Tôi ở nhờ con cháu ở Apartment vì tôi bệnh quá nên cũng cần có người ở bên tôi đêm hôm. Nhưng phòng nó chật chội và phiền phức quá nên thằng cả đến đón tôi về nhà nó ở. Tôi cũng bất đắc dĩ vì bệnh hoạn chứ đâu muốn làm phiền con cái. Nhưng buồn lắm anh ạ! Tôi ở được đúng mười ngày thì hôm nay phải dọn đi thôi. Tôi định dọn về Houston, ở với đứa con gái của người hàng xóm với tôi bên Việt nam xưa kia. Nó hứa giúp tôi. Nhưng con gái tôi đã xin trị bệnh cho tôi ở Arlington, nên tôi phải dọn về Arlington để trị bệnh vài tháng. Không chết thì tôi dọn về Houston với con gái người hàng xóm..."

Tôi nghe tâm sự buồn nên cũng kém vui mà thưa cụ, "Bác lớn tuổi rồi, lại bệnh hoạn. Đâu thể xa con cái ruột của bác được, vì khi hữu sự thì ai lo cho bác. Và sao lại đi sống với người con của người bạn ở mãi Houston. Bác nên suy xét lại chuyện đó cho cảm giác của con cái bác. Các anh chị có hoàn cảnh đã khó, bác làm mẹ nên không nên... xử sự như thế! Bác hiểu ý cháu chứ! Bác ở share phòng ở nhà người dưng vì hoàn cảnh, nhưng gần con gái bác là ổn lắm rồi! "

"Thì bây giờ tôi dọn đến ở với hai vợ chồng ông này ở Arlington. Họ đã hơn sáu mươi tuổi, nhà không con cái. Ông chồng ở nhà ăn tiền bệnh, vợ còn đi làm. Tôi cũng gần con gái tôi rồi, có gì nó chạy sang giúp tôi... Anh nói cũng phải nhỉ!"

"Cháu xin lỗi..."

"Anh ạ! Họ cho tôi thuê một phòng, không hạn chế sử dụng *restroom* anh ạ! Tôi thật mừng."

"Bác nói sao...?"

"Cơ khổ. Ở nhà thằng con cả, thì con trai lớn nó ở riêng phòng lớn nhất, có restroom riêng trong đó. Không ai được vào phòng nó."

"Rồi! Thằng đó là bác sĩ hay nha sĩ?"

"Không. Nó là dược sĩ. Nhưng sao anh hỏi vậy?"

"Cháu đoán thôi! Bác đừng nghĩ xấu về những người tuyệt đối vệ sinh nên không chung chạ được với ai! Hiểu thế, tốt hơn cho bác. Mọi phiền não nhẹ bay... ô-kê!"

"Ô-kê. Tôi hiểu ý anh rồi...

Cơ khổ. Còn lại hai vợ chồng thằng cả, thằng con nhỏ và tôi, bốn người xài chung một restroom. Mỗi sáng, tôi đã tế nhị chờ đợi, hỏi con trai, con dâu, cháu nội đã sử dụng restroom xong chưa, rồi mới đến mình. Thế mà thằng con cả vẫn quát vào mặt tôi chiếm dụng restroom lâu quá, chỉ vì một hôm nó đau bụng bất tử sau khi đã dùng restroom trước đó.

Tôi ở mới có chục ngày, mà sáng nào nó cũng cằn nhằn tôi đi restroom xoành xoạch suốt đêm thì nhà cửa nào chịu nổi... Tôi khổ quá! Mình bệnh hoạn, tuổi già, thật là phiền phức..."

"Sao bác không ở bên Việt nam với con cháu đông vui. Thui thủi bên này một mình làm gì cho khổ."

"Thì bệnh thì phải đi tìm thầy, tìm thuốc chứ sao anh. Hóa trị với xạ trị thì tiền đâu cho đủ ở bên Việt nam..."

"Cháu không hiểu được anh con cả của bác sao lại để bác bệnh hoạn, tuổi già như thế này mà đi ra ở *share* phòng với người dưng? Bác có chuyện gì ai lo? Cơm nước hàng ngày ai nấu cho bác ăn, ai giặt giũ cho bác...?"

"Thì phước phần là thế! Tôi bây giờ chỉ còn cậy vào đứa con gái. Nó cũng đã sáu mươi tuổi rồi. Nhưng còn làm dâu hàng ngày. Tôi lại còn làm khổ nó miếng cơm, tô cháo, gói quần áo cần giặt giũ... Nó làm sao mà kham nổi lo lắng cho chồng con, bố mẹ chồng ngày hai bữa, lại còn mẹ ruột bệnh hoạn phải chạy tới chạy lui. Tôi định về Houston là vậy!

Tôi nghĩ mà buồn cái thằng Cả nhà tôi sướng từ bé. Nó chẳng thiếu thứ gì vì thời trẻ tôi làm ăn được lắm! Cung phụng nó đủ điều hơn người. Nó đi đại học, ra trường, thì mê con vợ nó bây giờ đó. Nó về nhà bảo tôi cưới vợ lúc gia cảnh tan hoang. Tôi bấm bụng bảo nó, ai lại đi cưới vợ tháng bảy. Cho mợ một tháng để dọn dẹp nhà cửa, và cho qua tháng ngâu đã con. Nói thế để có thêm chút thời gian nghĩ cách cho con chứ mẹ nào từ chối được con cái chuyện nó muốn lập gia thất. Ai ngờ nó đi báo với bên nhà gái, bố mẹ nó đi vượt biên, chết hết rồi!

Có con cái nào như thế chứ! Đám cưới nó không có mặt tôi mà nó nhẫn tâm được. Nó bỏ nhà, bỏ mẹ, bỏ đàn em đi sống riêng, đến khi tôi gượng dậy làm ăn lại được thì nó mới mò về nhà, quát tháo...

Tôi làm ăn lại được thì mới có tiền cho gia đình thằng con trai với gia đình đứa con gái vượt biên, bây giờ chúng ở Arlington là vậy! Còn thằng cả thì làm ăn khá nên cho con nó đi du học, tìm cách ở lại rồi bảo lãnh bố mẹ với em nó qua sau..."

"Tức là thằng cháu đích tôn của bác. Anh chàng làm dược sĩ đó, sanh đẻ bên Việt nam?"

"Phải."

"Cháu hiểu rồi! Không có gì thắc mắc nữa! Anh ấy không giống những người trẻ sanh đẻ bên Mỹ là vậy!"

"Cái thằng ấy làm tôi buồn còn hơn bố nó. Nó đi kiểm tra căn phòng tôi ở. Nó hỏi tôi đạo gì? Tôi nói, trên có Trời, Phật. Rồi đến Thần, Thánh... Nó bảo tôi: Cái đạo của bà là đạo cô hồn, chẳng ra gì hết. Tội lỗi, tội lỗi quá! Nó hỏi tôi đẻ chi cho lắm, để chẳng ở với ai được, rồi làm phiền gia đình nó? Tôi bảo thời bà nào có biết kế hoạch hoá gia đình là gì đâu!

Tôi thấy phải dọn ra khỏi nhà thôi. Nhưng mấy hôm không khoẻ nên còn vướng bận để nó nói tôi, sao bà không ở bên Việt nam cho xong. Già cả, bệnh hoạn còn lết sang Mỹ làm gì... để phiền cho gia đình nó!

Tôi đi chậm vì chân tôi yếu. Tôi đâu có lết như ăn mày. Anh hiểu không, anh hiểu cái chữ 'lết' nó làm tan nát lòng dạ tôi. Tôi đau đớn hơn ung thư nhiều..."

Nước mắt bà cụ lại chảy thành dòng trên gương mặt nhăn nheo. Làm tôi nghĩ đến cha nào con nấy. Lẽ ra người ta phải học thành nhân trước khi thành tài, thì đời nay tranh nhau lấy bằng... súc vật, để kiếm thật nhiều tiền, đi xe hiệu, ở nhà mới... Người con cả ở nhà mới xây mà để mẹ bệnh hoạn đi ở share phòng. Cụ nói trong nước mắt, "nhẽ như người ta, nó cũng đưa tôi đi, sắp xếp cho tôi chỗ ăn chỗ ngủ ở nơi lạ lẫm quê người này chứ! Anh thấy đấy, anh xin số điện thoại của nó để khi anh đưa tôi đến nơi thì gọi cho nó biết. Nó bảo không cần đấy phỏng! Nhưng khi nó thấy anh chất đồ, ràng buộc cẩn thận như người chuyên nghiệp, người làm việc có trách nhiệm, lương

tâm... xe anh lại tốt và mới. Thì nó xin anh số điện thoại để khi nó cần chở đồ sẽ gọi anh. Đấy..."

Biết nói gì để an ủi bà cụ hơn là im lặng chia chung nỗi ngậm ngùi của phận người. Muốn kể cho bà cụ nghe chuyện Đức Phật đi hoằng pháp, nhưng người ta không biết ngài chính là Đức Phật nên hỏi ngài, "Thưa ngài, Đức Phật ở đâu, làm sao tìm gặp Người?" Đức Phật trả lời, "Phật ở trong nhà bạn. Cha mẹ của bạn là Phật. Hãy trở về nhà phụng dưỡng cha mẹ cho thật tốt, là thờ phụng Phật."

Nhưng kể ra câu chuyện đó là bất nhân với bà cụ vì người nghe phải là cha con anh cả. Càng nên kể thêm những chuyện nhân quả cho những người quên học bài học làm người trước khi học thành tài để giàu có. Phải chăng phong thổ địa dư làm nên người anh cả trong bài ca dao bất hủ,

"bốn con ngồi bốn góc giường
mẹ ơi, mẹ hỡi, mẹ thương con nào
mẹ thương con út mẹ thay
thương thì thương vậy có tày trưởng nam
trưởng nam nào có được gì
một trăm cái giỗ đổ đầu trường nam"

Thôi làm thằng anh Hai như đứa bé mồ côi theo phong thổ địa dư xứ nó, câu chuyện ngắn chữ mà dài ý, kiệm lời mà sâu xa. Nó không tốt nghiệp đại học nào, không có bằng cấp gì... mà ai cũng xem trọng cái khí khái của nó. Chuyện kể mắc cười mà người đọc chậm nước mắt như sau:

... một cái xe hơi bóng loáng đang chạy trên đường. Không ai biết bên trong xe có người mẹ giàu có, đang dỗ dành cậu ấm của mình ăn miếng bánh kem đi con, ngon lắm đó! Nhưng thằng bé nhà giàu cáu gắt với mẹ vì không muốn ăn, nó bấm kiếng xe hơi xuống và ném quách miếng bánh kem xuống đường.
Trong khi thằng bé mồ côi nhanh mắt thấy được, nhanh chân chạy đến, nhanh tay xớt ngay miếng bánh lên tay mình. Phải cái xe vận tải nhanh hơn lao tới nó. Nó thì nhanh hơn thần chết là lao mình thoát thân - miếng bánh tõm xuống miệng cống. Công cốc.
Con em gái nó khóc ré lên,
"Anh Hai thiệt tình! Làm bánh lọt xuống cống rồi lấy gì ăn?"
"Thôi nín đi em..."
Nó xoè bàn tay còn dính kem của nó ra, "Nè, cho em ba ngón. Anh Hai hai ngón."

Anh Cả với anh Hai khác nhau ở tư cách chứ không phải văn bằng, địa vị hay nhà, xe... Nhưng nói ra làm gì cho thêm đau lòng bà cụ...

Tôi đến căn nhà mà bà cụ sẽ ở trọ vài tháng để chữa bệnh. Tôi biết bà cụ này không chết đâu, sức khoẻ có tệ nhưng nghị lực lớn lắm! Khoẻ lại là cụ sẽ đi Houston. Linh tính tôi mách bảo về bà cụ mới gặp lần đầu nhưng hiểu cụ như thân vì tôi cũng không thích làm phiền, để khổ cho người nhà.

Con gái cụ xin nghỉ làm nửa buổi để giúp cụ dọn vô nơi ở mới. Tách xách theo túi cơm, canh nấu vội cho mẹ có cái ăn. Tội cả hai người bị hoàn cảnh hành hạ đến khổ tâm. Đêm nay, người con khó ngủ vì lo mẹ có ngủ được không ở chỗ lạ. Trong khi sáng mai chị vẫn phải thức dậy đúng giờ để còn đi làm. Chị còn phải lo chồng con, cha mẹ chồng... thêm người mẹ ruột bệnh hoạn cũng cần bàn tay con cái giúp đỡ lúc tuổi già, đau yếu,... Còn cụ, đên nay có ngủ không, trong căn phòng lạ, khi nghĩ tới người con cả và thằng cháu đích tôn của mình. Ai rót cho cụ ly nước sau cơn ho khan đêm khuya, hay cụ tự hứng nước mắt mình để giải khát nỗi cô đơn trên xứ Mỹ lạnh

lùng.

Tôi thì không ngủ được đêm nay rồi, vì bà cụ... đúng là "má tui"! Hoàn cảnh nào cũng chơi ngon, chơi đẹp, xả láng sáng về sớm. Tôi dọn nệm cũ trong căn phòng ấy ra, vì ông chủ nhà ăn tiền bệnh thì làm được gì, nhìn ông đi... còn chậm hơn bà cụ. Tôi bỏ nệm của cụ lên giường thẳng thớm, xách đồ vô phòng cho cụ xong xuôi. Tôi chào từ biệt để ra về. Nhưng cụ,

"Này anh ạ! Cảm ơn anh đã giúp tôi tận tình. Nhưng thế này, hôm qua, bạn anh có nói với tôi là một trăm đồng tiền xe. Thì đây, tôi xin gởi anh một trăm. Tôi xin gởi thêm anh hai chục... biếu anh uống cà phê, chơi thôi!"

Đúng là bà già chịu chơi chơi tới cùng giăng mùng chơi tới sáng, nên tôi nói, "Thôi bác cất hết đi. Coi như cháu giúp bác. Cháu không làm nghề này, chỉ vì sáng nay rảnh và xe cháu chở được tấm nệm nên cháu mới đi giùm ông bạn cháu thôi."

"Đâu thế được! Anh cầm lấy cho tôi vui. Tôi còn một việc nhờ anh giúp, là sáng nay tôi không ăn sáng ở nhà thằng cả. Bởi tôi kể chuyện ngày xưa thì cháu nội bảo là bà chẳng có chuyện gì mới để nói hay sao? Tôi ở trong nhà từ sáng tới... sáng mai thì biết đâu chuyện mới để nói. Tôi kể về thằng cả ngày còn bé, thì vợ nó nói nhàm quá, kể hoài... Mà giời không cho tôi câm nên tôi đói vì giận - không ăn. Tôi định bụng bảo anh chở tôi đi ăn sáng khi ra khỏi nhà. Nhưng bây giờ thì tôi mời anh đi ăn... bữa kỷ niệm với tôi. Anh chở tôi đi ăn... món gì thật ngon vào. Tôi không có nghèo đâu, còn đồng nào trong túi thì cứ tiêu đồng ấy cho nó vui vẻ. Mình đi thôi anh ạ!"

Từ chối cách gì cũng không được với bà cụ. Ra nhà hàng thì lại chưa tới giờ mở cửa. Tôi bảo cụ, bác cháu mình vô chợ rảo chơi, chơ bớt nóng. Bà cụ kể chuyện đi thi quốc tịch bị rớt. Nhưng tôi cho là cụ quá giỏi tiếng Anh nên... rớt. Dù cụ đi thi quốc tịch không mất tiền vì đã tám mươi. Nhưng lần sau đi thi lại thì bớt nói tiếng Anh... sẽ dễ đậu hơn. Vì người hỏi thấy người được hỏi trả lời được là hỏi tới, hỏi tới... Bác chỉ cần nhớ cháu dặn là bác không bao giờ nói: Tôi không biết - I don't know. Mà bác chỉ nói: Tôi biết. Nhưng tôi quên - I know. But, I'm forgetting.

Bác quên chừng hai, ba câu là đậu liền. Vì người già có quyền quên, nhưng công dân Hoa Kỳ không có quyền không biết Tượng Nữ thần Tự do đặt ở đâu; Tổng thống đầu tiên của Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ tên là gì, Tổng thống đương kim là ai?...

Bà cụ thật lanh trí, chỉ cần nghe và hiểu được một từ trong câu hỏi là cụ đoán ra cả câu hỏi - và biết trả lời bằng tiếng Anh - đúng. Nên bị hỏi tới, hỏi tới, hỏi tới... rớt luôn là vậy! (Thường mấy tay phỏng vấn thi quốc tịch Mỹ nhưng là người Mễ ở Texas không có thiện cảm nhiều với người Việt thì ai cũng biết và thường nghe nói tới trong chuyện thi quốc tịch ở xứ cao bồi. Gặp người phỏng vấn mình là Mỹ đen là dễ nhất, Mỹ trắng khó hơn, nhưng công bằng. Chỉ có Mễ là không ưa Việt nam...

Tôi đi ăn tô mì với bà cụ rồi chia tay. Biết nói gì hơn những lời chúc may mắn cho việc chữa trị bệnh tật của bà cụ. Chúc cụ chóng hồi phục, chừng nào muốn đi Houston thì gọi cho hay. Tôi không làm nghề đưa người cửa trước rước người cửa sau ở phi trường nhưng với bà cụ thì tôi khoái cái lối chơi xả láng trước đi, đời có bao lâu mà hững hờ... Tôi sẽ nhớ câu "còn đồng nào trong túi thì cứ tiêu đồng ấy cho nó vui vẻ." Tôi sẽ đưa cụ đi Houston khi cụ không thay đổi quyết định, vì nghĩ cho cùng những ngày ở trọ trần gian của cụ cũng chỉ còn ít ỏi như những đồng tiền còn lại trong túi thì tiêu hết đi, tiếc gì, miễn vui vẻ là được. Cũng cóc cần chừa mặt mũi cho con cái khi con đẻ tống mẹ bệnh hoạn ra đường ở tuổi gần đất hơn trời...

PHAN

thơ

LÊ VĂN TRUNG

TẠ LỜI BAO DUNG

Tôi con nước đã xa nguồn
Mang trăm ngàn nỗi vui buồn nhân gian
Bờ xa bãi tận mù tăm
Một dòng trôi quạnh căm căm phận đời
Qua bao triền lỡ dốc bồi
Gào cơn bão dữ lặng hồi mây tan
Từ tôi lìa núi xa ngàn
Lòng tôi đò dọc đò ngang với người
Hỡi tình trăm chốn ngàn nơi
Tôi về với biển tạ lời bao dung.

BUỒN TÀN CANH

Tôi đầm sương lạnh đồi trăng
Nửa đêm nghe tiếng chuông tàn canh khuya
Bước chân xa của ai về
Giẫm trong lá mục hồn quê lạnh lùng
Tôi đầm sương lạnh đồi trăng
Nhuốm giùm tôi đốm lửa tàn lãng quên.

LÊ VĂN TRUNG

truyện ngắn

CHỢ CHẾT

NGUYỄN NGỌC TUYẾT

Người phụ nữ ngồi ngó mông ra sông. Buổi sáng nước lớn đầy tràn, đỏ ngầu phù sa dù mùa lũ đã qua . Quán cà phê lèo tèo vài người khách, vẫn mấy bộ mặt quen thuộc trong xóm chợ . Con mắt ngó xa hút cay xè , mặt nước dập dềnh mấy giề lục bình xanh, mấy đám rác trôi lờ đờ làm nhịp điệu buổi sáng như chậm lại, buồn thiu. Không giống con rạch trước nhà mình. Người phụ nữ nghĩ thầm . Nó cũng trôi chậm rãi , lặng lờ nhưng có vẻ êm ả, tĩnh tại hơn. Có lẽ tại cuộc sống quay cuồng, ồn ào ở đây khiến mình nghĩ vậy chăng?

-Cô chủ ơi, cho cà phê đá uống đi !

Một đám ba người vừa bước vào , mặt mày hớn hở , láng lẫy mồ hôi trên mặt , chắc vừa đi chợ dưới kia về .

-Trời đất, chưa Tết mà thứ gì cũng lên , riết rồi không biết ăn gì, mua gì nữa. Nói gì tới chuyện sắm Tết !

-Ừ, giá tôm khô mới hỏi đã lạnh xương sống . Tôm đất loại nhì mới trăm mấy ngàn một ký giờ đã trên ba trăm . Ăn tôm khô chứ phải ăn vàng đâu !

-Vàng làm sao ăn được ! Đang ln vù vù kìa bà ơi , nói nghe bắt mệt ...

Bất giác, chị chủ quán cà phê nhìn xuống bàn tay trống trơn của mình . Trên ngón áp út vẫn còn lờ mờ một vòng trắng, vết tích của chiếc nhẫn cưới đã bán khi rời quê ra chợ này . "Em cứ đi đại đi , ôm căn nhà rách với mảnh vườn bằng bụm tay mãi làm sao khá được . Ra chợ buôn bán, có thời có vận lo gì không làm giàu..." Lời ngon tiếng ngọt của bà chị họ khiến chị xiêu lòng để bây giờ ngồi đây buổi sáng buổi chiều ngó mông theo con nước mà nhớ nhà vô kể . Mà mình còn gì ở quê đâu mà nhớ dữ vậy cà ? Nhà choen ngoẻn có hai mẹ con thì đã cuộn ra đây rồi . Hay mình nhớ mồ mã ông bà, nhớ cái mương rau muống xanh mượt, nhớ mảnh sân nhỏ trước nhà có hai cây mai tứ quý hai bên, quanh năm nở hoa vàng, nhụy đỏ...

Người phụ nữ ngụp sâu vào nỗi nhớ đến nỗi khách uống nước xong, kêu tính tiền còn không

hay . Chừng một bà khách la lớn :

-Trời ơi, buôn bán gì không thèm tính tiền . Chị này ở "Cõi trên" sao á !

Chị chủ quán giật mình, cười lõn lẽn :

-Tại em mới ra quán nên chưa quen . Xin lỗi mấy chị . Mai mốt đi chợ về Nhớ ghé ũng hộ em nghen .

Đẩy đưa vậy thôi chứ chị cũng biết mấy bà khách khó bề trở lại quán, bởi họ chỉ đi khu chợ mới dưới kia, cách đây chỉ hơn trăm mét nhưng rất sung, ngày nào cũng đông nghịt, quán lều chi chit, bán buôn ào ào , ai cũng có cơ "ăn nên làm ra". Chả bù với khu chợ này... Nhiều lúc người phụ nữ từ quê ra nghĩ tới nghĩ lui mà không hiểu vì sao có sự khác biệt đến vậy giữa hai khu chợ cùng nằm trên một cung đường dọc bờ sông này . Và càng không hiểu, chị lại càng bứt rứt, ngậm ngùi...

**

Người xưa thường nói "Nhất cận thị , nhị cận giang" , khu chợ nhóm bao giờ cũng nằm kề bến sông cũng như khi cất nhà, những cư dân trên vùng đất phương Nam sông rạch chằng chịt này bao giờ cũng quay cửa chính nhà mình xuống mé sông để bước chân ra là xuống ghe , xuống xuồng . Bởi đã có thời chân không bén đất, mặt nước lênh đênh vẫn là nỗi ám ảnh cả một đời người . Người phụ nữ đã rời bỏ cái chợ vàm heo hút của mình để đến một khu chợ khác, lớn hơn nhưng vẫn gắn với dòng sông, gắn với từng chiếc ghe chở khoai, chở chuối hoặc rau củ cặp bến mỗi sáng tinh sương . Mướn một chái nhà mở quán cà phê, hừng sáng ra đi, tối mịt quay về, vẫn không thoát khỏi dòng sông , có điều ở phố chợ này, căn nhà hai mẹ con chui rúc không còn mở cửa ra bờ sông mà khuất sâu trong hẻm nhỏ sát con rạch nước chảy đen ngòm, buồn thiu .

Bao lần ngồi trong cái quán cà phê ế ẩm này, chị cũng ngậm ngùi, tủi thân . Cái số nghèo nó đeo đẳng con người mới dai dẳng, quyết liệt làm sao ! Bám vào chợ để kiếm sống, hóa ra khu chợ vẻ ngoài khang trang là vậy mà cứ chết lần chết hồi . Hỏi mấy bà chủ sạp vải vóc, quần áo, mỹ phẩm trong chợ , họ đều bỉu môi :

-Xì, chợ rộng đẹp làm gì em ơi ! Xây cho lớn để đòi tiền sạp cho nhiều đó mà . Ai khờ dại vô đây rồi chỉ có đóng cửa thôi !

-Sao dưới kia người ta bán được ?

-Ừ, em xuống chợ dưới mà coi, khác phường mà . Thuế má, hoa chi , tiền bảo vệ gì cũng ít hơn , người buôn bán mới sống được chớ . Không ùn ùn xin vào cũng uổng .

Đúng là số mình xui thiệt ! Chị lại nhìn quanh khu chợ còn mới chong mà vắng như chùa Bà Đanh , nhìn mấy gian hàng cửa sắt khép kín mà than thầm . Rất nhiều người đã đóng tiền sạp nhưng vào bán một lúc rồi bỏ luôn , có người thấy tình hình hiu hắt cũng không dám dọn vào ... Chị nhớ, có lần đi xe ngang một khu chợ, chị từng thấy dân chúng dựng chòi lá che năng ngồi bán đủ thứ trong khi phía trong là một nhà lồng chợ tường vôi, mái ngói đỏ chóe ràng ràng . Giờ thì chị hiểu vì sao những người kia không vào trong chợ rồi !

Đang miên man suy nghĩ, người phụ nữ bỗng giật mình :

-Sao rồi em , hôm nay bán buôn có khá không ?

Chị ngẫng lên, mắt tối sầm vì cái bóng người trước mặt :

-Cũng chút đỉnh thôi anh Tư ơi . Mà anh tan sở rồi sao ?

Người đàn ông trung niên, cao lớn cười toe toét :

-Anh thì lúc nào tan sở lại chẳng được hả em ? Mà tối nay có đi ăn tiệm với anh không ?

Chị ngần ngừ :

-Chắc không được đâu anh . Còn thằng Hoài ...

-Thì mua cơm hộp cho nó ăn . Nó còn đi học nữa mà .

Nhớ đến con , chị lại ỉu xìu . Cũng nhờ gã Tư Hô này mà nó được vào lớp học tình thương của khu vực . Chứ mẹ con hộ khẩu không có, thằng bé làm sao vào trường được . Chút nợ nần khiến chị phải xởi lởi với gã trong khi ruột gan rối bời , vui vẻ gì mà đi uống nước, đi ăn tiệm... Chồng chết hồi thằng Hoài mới biết lẫy, biết bò, chị chăm chắm lo làm lụng nuôi con, chỉ mong nó thoát khỏi kiếp nghèo như mình, lòng dạ ngao ngán, rối bời, còn nghĩ gì đến hạnh phúc nữa . Nhưng cuộc sống "Gạo chợ nước sông" này rồi sẽ đưa hai mẹ con chị về đâu đây ?

**

Đang ngồi vá áo cho thằng con trai , gã Tư Hô sồng sộc bước vào . Thân người to lớn của gã che khuất cả ánh đèn. Hình như gã vừa ra khỏi bàn nhậu ở đâu đó, hơi rượu phả nồng cả gian phòng chật. Tư Hô nhìn người đàn bà, cười hềnh hệch :

-Rót cho anh ly nước đi cưng, anh "Xỉn" quá!

Chị ngẩng lên :

-Hay.. anh về nhà đi. Ngủ một giấc cho tỉnh. Không chị ở nhà lại lo .

Gã đàn ông vẫn đứng trước mặt chị, mắt đỏ ngầu :

-Thì em đi rót nước cho anh đi. Bửa nay anh ngủ lại đây nghen !

Giận run người , chị vẫn cố nhỏ nhẹ :

-Anh về đi anh, mai anh em mình nói chuyện. Thằng Hoài sắp đi học về rồi đó .

Đùn đẩy, đôi co mãi , mới tống được tên bợm rượu ra cửa . Chị trở vào nhà, ngồi thở dốc, ứa nước mắt . Sao mình phải khóc ? Mình đã lường trước việc này mà . Có ai giúp không ai cái gì trong cuộc sống bon chen khốc liệt này đâu . Đâu phải trái ớt cho qua, trái chanh cho lại như trong quê mình đâu nào . Phải đương đầu với nó thôi .

Dọn dẹp mọi thứ vào rỗ may, chị châm một ấm trà nhỏ, thắp thêm cây nhang trên bàn thờ rồi ngồi đợi thằng Hoài đi học về . Hơn chín giờ tối , xóm lao động vẫn đầy ắp tiếng động . Tiếng bọn trẻ đùa giỡn ngoài đầu xóm, chửi thề như pháo nổ, tiếng vợ chồng cãi lẫy sau một ngày nhọc nhằn mưu sinh , cả âm thanh mở lớn hết cỡ của mấy chiếc TV trong các nhà với các bài ca vọng cổ, nhạc trẻ giật gân điếc cả tai ...Mấy ngày đầu đến đây, chị bỡ ngỡ khó chịu lắm . Không giống như ở quê, chạng vạng là nhà ai nấy ở, không gian yên ắng , chỉ còn tiếng ếch nhái uềnh oang, tiếng côn trùng ri rỉ thâu đêm thôi . Mà quên, còn con tắc kè trong kẹt vách nữa chứ, đêm nào nó cũng "Tắc kè ! Tắc kè !" như điểm nhịp cho đêm . Những đêm ở quê sao mà buồn thê thiết . Có lúc chị cũng bắt chước mấy bà đếm thầm theo con tắc kè : Hên ! xui ! Hên ! xui ! Tắc kè ! Tắc

kè !... Giờ ở TP sao lại nhớ quá cái tiếng kêu ấy. Tắc kè ! Tắc Kè !

Thằng con trai đi học về, mồ hôi nhễ nhại , ăn uễ oãi chén cơm và tô canh chị vừa hâm nóng rồi lủi vào giường ngủ . Tội nghiệp, ở tuổi ăn tuổi lớn mà thằng Hoài phải thiếu thốn nhiều quá . Sáng còn phải dậy sớm giúp mẹ dọn quán rồi đi đẩy xe ba gác mướn nữa . May mà nó khoẻ mạnh, ít khi khiến mẹ lo lắng .

Nằm trong mùng, nhắm mắt lại, tiếng xe vẫn chạy ì ầm trên đường vọng vào xóm nhỏ, cảm giác xa lạ, hụt hẫng lại ùa đến như mọi đêm . Không có con tắc kè nào điểm nhịp trong vách , hoạ chăng chỉ mấy tiếng chắt lưỡi não nề của con thằn lằn nằm đợi muỗi đâu đó trong góc phòng làm tăng thêm sự ngột ngạt, phập phồng...

**

Quán cà phê vẫn vắng khách như mọi khi . Mấy ngày Tết vừa qua khiến ai nấy cũng uễ oãi, mệt nhừ . Người phụ nữ lại thấy mình ngồi ngó mông ra mặt sông như chờ đợi một chuyến tàu chạy ngang qua hay một ghe xuồng chở sản vật nào đó cập bến . Mà có ăn thua gì tới mình đâu nè, những cam bưởi quýt soài của một vùng quê xa ! Hay chỉ vì chúng gợi chút hương vị miệt vườn thân thiết, cái cuống nhau mình đã cắt rời với nỗi thương nhớ khôn nguôi ? Hình ảnh thằng con trai hiện ra , tim lại đau nhói . Ừ, mình đã đau , đã ngộp thở như thế này mà .

Thằng Hoài miệng phì phèo điếu thuốc, tay cầm bọc bàng, tay cầm cái móc sắt dài chạy ngang qua, theo sau là mấy đứa choai choai cũng vóc dáng y hệt .

-Hoài , con đi đâu đó ?

-Đi lượm bọc , lượm vỏ chai . Bán được tiền đó mẹ ơi !

Rồi, không thèm nhìn mẹ , thằng nhỏ chạy vun vút theo đám trẻ . Nó không biết sự chết lặng đau đớn của chị . Trời, hoá ra chị đem con ra TP để nó gia nhập vào đội quân lượm rác này đây sao ? Còn điếu thuốc trên tay nó nữa , nó tập hút khi nào mà có vẻ sành sỏi vậy ? Những câu hỏi cứ ong ong u u trong đầu khiến chị muốn chui sâu xuống đất cho rồi . Mà mình thì được quyền trách ai đây ?

Trước mặt chị vẫn là dòng sông đang dập dềnh con nước lớn với những cụm lục bình trôi vào trong xa . Người phụ nữ thấy lòng mình cũng trôi theo con nước vào ruộng vườn xa tít . Đúng rồi, chị phải trở về thôi , dù có phải trôi như đám lục bình lềnh bềnh theo sóng nước . Có điều khác với lục bình phó mặc cho dòng sông, mình phải trở về cắm rễ xuống quê nhà như cây mắm , cây đước cắm sâu vào đất, trải thảm thực vật cho những rừng tràm nảy nở, sinh sôi . Rồi thằng Hoài sẽ vươn xa, sẽ ra khỏi quê nghèo bằng chính sự tảo tần của người mẹ, nhưng không phải bây giờ , không phải bằng cuộc sống tạm bợ như vầy...

Người phụ nữ rời mắt khỏi dòng sông, nhìn vào quán cà phê lèo tèo chị thuê lại mấy tháng qua, lòng không khỏi ngậm ngùi . Rõ ràng trong cuộc chiến " nống" ra TP mình đã thua ! Thua như cái khu chợ bề thế, khang trang đang từng ngày trở thành "Chợ chết" đáng buồn này . Nhưng, chợ thì có thể thành chợ chết bởi sự sai lầm trong cách quản lý, xây dựng của ai đó mà con người vẫn phải sống, phải biết quay mình đi tới phải không ? Những mảnh đời hẩm hiu như mẹ con chị một ngày nào đó rồi phải thay đổi chứ ! Ừ, một ngày nào đó ...

Ngồi trong khu chợ vắng ngắt một ngày sau Tết, người phụ nữ vừa quyết định cùng con trai trở lại chốn quê nhà vẫn le lói một niềm tin như thế .

NGUYỄN NGỌC TUYẾT

tản bút

LÃNG ĐÃNG TẠI PHI TRƯỜNG ĐÀI BẮC

TỪ VŨ

Đài Bắc, ngày 9/6/2004 - 19 giờ 17 phút

Một mình trong phòng đợi C4 vắng lặng không bóng người , ngoài trời qua khung kính ánh đèn néon vàng vọt chập choạng trong đêm vừa chớm, anh nghĩ về em...

Em, N.., Em... Em đã cách xa anh hơn 3 giờ bay .

Chỉ mới đến điểm tạm dừng chân này anh lại bắt gập niềm trống vắng để cảm nhận rõ rệt được rằng anh không còn dáng dấp quen thuộc của em, không còn những thanh âm êm ái của dù chỉ hơn 15 ngày được sống có em, với em, bên em , được sống trở lại một thời hoa niên nào đó đã trôi qua tưởng đâu chẳng thể bao giờ còn trở lại . 15 ngày thật quá ngắn ngủi với biết bao điều không bao giờ anh quên được cho dù trong những phút giây cuối khi anh sẽ giã từ vĩnh viễn cuộc đời đến một thế giới nào đó.

Khuôn mặt em, ánh mắt em, nụ cười em, làn môi em, hơi thở em, tiếng em nói với những ý nghĩ ngộ nghĩnh về hai chú gà con vừa đi vừa thỉnh thoảng nhắc chiếc chân nhỏ xíu lên dọa đá nhau mà em đã tưởng tượng là anh và em , cánh tay bàn tay mượt mà nhịp nhàng theo lời nói , những bước chân em đi .... : Em hồn nhiên, em thơ ngây trong sầu muộn thiết tha thường trực đang bủa vây em , em thiên thần , em vô cùng N...của anh ơi !

Tiếng nhạc đâu đây văng vẳng thật nhẹ từ những chiếc loa được dấu kín trong phòng đợi C4. Âm thanh tuy nhẹ nhưng cũng đủ cho anh ra riết buồn trong nỗi cô đơn thật rõ rệt, quá đủ cho anh rơm rớm nước mắt. Bản nhạc cổ điển thật quen thuộc, Elvira Madigan của Mozart với tiếng dương cầm réo rắt tuyệt vợi, bản nhạc anh thường nghe trong đêm một mình để tưởng tượng về em, N... và Đà Lạt vào những đêm tối lạnh của những mùa đông châu Âu , bản nhạc mà anh đã mua tặng em trong quán sách vào một buổi chiều khi mình còn được bên nhau.

Anh tình cảm yếu đuối ! Anh như thế em ơi ! Anh chỉ đủ can đảm để nhiều lúc khóc thầm với chính anh nên những khi em tựa đầu vào vai anh để khóc sau khi thuật lại những uẩn ức, khổ đau em đã hứng chịu, đã chất ,dấu, kín trong em , những lúc đó anh cũng muốn được tự nhiên khóc cho mình, khóc cho em, khóc cho người, khóc cho đời ...nhưng anh đã dối lòng, cố cứng rắn che dấu dòng nước mắt đã chực chờ tuôn trên gò má khắc khổ và làm mờ đôi mắt anh.

Hạnh phúc nào mà không có đớn đau hở em ?

Niềm vui nào mà chẳng có nỗi bi thương rình rập rồi đột hiện ?

Buổi tiệc nào lại không có lúc phải ngừng nghỉ ?...

Em ! N... hoàng hậu của anh, người tình của anh, người bạn chí thân của anh.

Không biết giờ này em đã về đến Đà Lạt chưa hay em vẫn còn " lênh đênh " trong chiếc xe đò . Em cũng lại chỉ với em , chỉ một mình . Nhưng, quá buồn cho em phải đi trở lại chặng đường chúng ta đã đi từ Đà Lạt về Sàigòn ngày em nhất định tiễn chân anh khi anh rời thành phố nhỏ bé êm ái, chất chứa bao nhiêu kỷ niệm hạnh phúc mới tìm lại của chúng ta .

Chuyến đi đó vẫn ắp đầy trong tâm trí anh : Em chập chờn ngủ đầu tựa vai anh, mùi tóc em thơm nhẹ và những sợi tóc em mơn trớn gò má anh, bàn tay phải của em luôn nắm chặt bàn tay

trái anh, trái là phần trái tim phải không em ? Vâng, anh xin được trao trọn vẹn trái tim anh . Phải chăng trong chập chờn giấc ngủ em muốn được nắm giữ giây phút thần tiên, hạnh phúc mà em cũng biết là mong manh, ngắn ngủi và cũng đã tưởng rằng không bao giờ có thực của chúng ta vì ngày xưa ... ngày xưa đó, khi anh đã biết yêu, em vẫn chỉ là một cô bé còn tung tăng đuổi bướm hái hoa ... theo ngày tháng , theo giòng đời anh đã bỏ lại sau lưng, em, cô bé mới chỉ 13 .

Rồi với hụt hững nổi trôi của cuộc đời...Anh từ bỏ quê hương tìm nỗi sống nơi một vùng đất Tây Phương thật xa lạ . Cô bé 13 qúy phái ngày đó lớn lên với những khổ nạn trầm luân kề cận. Rồi cô bé lấy chồng, cũng trong những đớn đau của một tình yêu tưởng đâu được có . Rồi trong những nỗi bất hạnh triền miên đó, em quằn quại vươn lên cố đứng vững bằng nụ cười bề ngoài nhưng u uẩn nặng trĩu con tim ... Anh cũng chẳng hơn gì em, cũng những tình yêu nghĩ rằng miên viễn để kết qủa vẫn chỉ cô đơn, vẫn chỉ luôn ước ao, bằng những thường trực kiếm tìm .

Thế rồi, như một phép lạ. Anh tìm lại cô bé ngày xưa của anh sau gần 30 năm xa xôi cách biệt .

Chỉ những cánh thư mong manh mầu tím của mực chúng ta đã cùng chợt phát hiện được một sắp đặt huyền bí nào đó và ...: anh yêu em, yêu cô bé hàng xóm ngày xưa và em cũng yêu anh

Xe tạm ngừng tại Bảo Lộc, mình cùng nắm tay xuống xe như bao người khách khác , mình cùng vào quán cà phê, ly cà phê uống chung bằng tất cả ý nghiã của nó, em tìm mua thức ăn để anh phải lo sợ lạc em dù chỉ sau...2 phút rời nhau ; Anh đi tìm , khi nhìn được em dưới nắng hực anh lại gập nụ cười hồn nhiên, trẻ thơ ngày xưa trên khuôn mặt luôn hồng ửng và đôi mắt có đuôi tuyệt diệu khi em còn bé anh đã dại khờ không lưu ý đến ; Em là thế đó N.... ơi .

Giờ này em lại đi ngược con đường mình đã đi, em lại đi trong cô đơn với nhớ nhung chắc chắn sẽ phủ chụp lên em...

Hẳn em còn nhớ khi xe đi ngang Đức Trọng, Di Linh...qua kính xe, nhìn những ngọn đồi xanh rợi mát bóng cây thảm cỏ , anh thủ thỉ bên tai em ước muốn một căn nhà nho nhỏ nơi vùng đất nào đó ở Đà Lạt, có em và anh sẽ từ bỏ cuộc sống phiền nhiễu vật chất nơi phương xa để trở thành một người nhà quê chăn gà chăn vịt ; Nhà chúng ta sẽ cũng có một bãi cỏ, cũng những cây hoa...cũng sẽ những đêm bên ngọn lửa hồng tiếng củi cháy lách tách anh cũng sẽ thuật lại những giấc mơ không bao giờ có thực, những buồn vui đã nếm trải ; Anh cũng sẽ hát những bài hát sầu muôn nhưng nhất định chỉ còn muộn sầu trong quá khứ , rồi những đêm sáng sao anh sẽ lại làm thơ, những bài thơ để hiến dâng cho nữ thần bé nhỏ của anh : N... .

Hãy cố nhắm mắt ngủ đi em để trong thăm thẳm của giấc mơ hình ảnh căn nhà ước muốn của anh, của chúng ta ; Hình ảnh 15 ngày hạnh phúc chiếm ngự em tròn vẹn cho em có được niềm thanh bình cho dù trong thoáng chốc của giấc mơ.

Ngủ đi , ngủ đi em yêu !

N.... của anh,

Em quay về Đà Lạt với mùa mưa đang chờ đợi, mưa nhất định làm em lạnh, bờ vai em sẽ vắng bàn tay anh khấn khít vuốt ve . Dưới mưa khuôn mặt em sẽ đẫm ướt ... mưa hay là nước mắt em ??? Anh lại tưởng tượng khi em phải đi ngang qua khách sạn HT nơi chúng ta đã có qúa nhiều kỷ niệm với những nụ hôn những quấn quýt không muốn rời nhau ; Em lại đi qua Thủy Tạ, qua Thanh Thủy, qua nhà Thờ Con Gà...vào những buổi chiều, buổi tối, bên tai em chắc văng vẳng tiếng hát nho nhỏ của anh : *Bây giờ tháng mấy rồi N.... ơi ?* Vâng, tháng 5 anh vẫn sẽ luôn nhớ . Rồi trong im lặng của đêm Đà Lạt lời hát em dịu nhẹ cất theo quyện trong tiếng hát anh... *Ngày xưa nếu em đừng hờn dỗi*...Nhưng anh và em không hờn giận gì nhau sao hôm nay chúng ta vẫn phải chịu lẻ loi, lẻ loi, lẻ loi...Rồi " Biệt Ly " để chúng ta phải *" nhớ nhung từ đây "* rồi N.... của anh... *" Em Tôi hay đứng nhìn trời xanh xanh... "* anh vẫn nhớ *" Mầu Hoa Em Cài "* nhưng *" hôm nay em đưa anh đi rồi mưa dăng chiều nắng tàn cho buốt lạnh chúng mình... " (*)*hình bóng em vẫn luôn *" Sống Trong Hồn Tôi "* anh luôn xin *" Gió Biếc Ca Ngợi Mầu Suối Tóc "* em...cho dù *" Ngày Về Xa Quá Người Ơi ... " (**)* em sẽ khóc... nhưng anh cũng đã hứa với chính anh : anh sẽ về để đôi má em sẽ chẳng bao giờ còn ngấn lệ, để tròn vẹn cho một lần yêu cuối.

Nhớ lại những ngày của một 15 tháng 5 em đến NhaTrang , điểm mình hẹn để tìm gập lại sau bao năm xa cách .

Buổi chiều hôm đó, khi đến khách sạn tìm em dưới mưa : em hiện ra sau khung cửa, anh vẫn nhận ngay được khuôn mặt trẻ thơ ngày đó và nụ cười bẽn lẽn - vẫn là em hồn nhiên trong thân thể một người đàn bà . Anh chẳng ngỡ ngàng và em cũng không ngạc nhiên vì lẽ ra chúng ta cũng đã phải có nhau trong quá khứ nếu không vì những sự cố của giòng đời, cũng lại chính những cố sự ngăn trở đó đẩy đưa để mình tìm lại được nhau...Sự tự nhiên như chẳng có gì xa cách ngần ngại của chúng ta chắc chắn đã làm D...., chị bạn cùng đi với em phải ngạc nhiên , ngạc nhiên cũng đúng, vì anh , một kẻ đã sống quá lâu, quá xa quê hương chưa một lần trở về gặp em kể từ năm đó.

Cũng tại NhaTrang trong cơn sốt bất chợt đến với anh, anh đưa được em ra Ninh Khê trên chiếc xe mô tô Honda đi mướn với tay lái " lụt nghề " vì đã quá lâu anh quên chiếc Honda hai bánh tại vùng đất Tây Phương anh đang sống, anh muốn đưa em đi xem Nha Trang nơi anh có đầy ắp kỷ niệm của một thời đi học với lần đầu vừa chớm biết yêu . Nha Trang chuyến " hành hương " của anh lần về này cũng sau hơn 40 năm;

Anh đã muốn , tại nơi đây, sẽ xin được đeo chiếc nhẫn đính hôn trên ngón tay em tại nhà thờ Núi nơi anh đã từng nằm trong những bụi cây dương vào những buổi trưa nắng cháy của xứ cát trắng " quê hương dịu hiền " này để làm thơ, những bài thơ tình vụng dại đầu tiên .

Vượt đèo Rù Rì, qua Vạn Giả đến Ninh Khê trong căn phòng khách sạn tạm mướn để nghỉ ngơi anh được nằm sát bên em lần đầu tiên, lần đầu tiên anh được ôm em trong vòng tay , lần đầu tiên được ngửi mùi hương em . Trong chập choạng của cơn sốt, nửa mê nửa tỉnh, anh có cảm giác vẫn lãng đãng trong một giấc mơ khó nghĩ là hiện thực .

Trở lại NhaTrang để nhìn em tung tăng trên bờ cát biển vắng người sau cơn mưa mát rợi vừa tạnh, em một mình trên bãi cát, em rực rỡ vô cùng .

Chúng mình rời NhaTrang để về Đà Lạt cùng những bức rức trong anh : dự định đeo nhẫn cho em tại NhaTrang anh không thực hiện được. Tại Đà Lạt trong những ngày đầu nơi khách sạn H.T anh nghi ngờ bản thân anh, nghi ngờ định mệnh lại thêm một lần nữa làm anh phải xa em, lần này sẽ vĩnh viễn.

May mắn thay, anh cũng thực hiện được điều mơ ước mà anh đã không làm được tại NhaTrang : Cặp nhẫn đính hôn .

Trong tâm trí anh em là vợ anh kể từ hôm đó cho dù chúng ta không có những " lễ nghi, thủ tục " thông thường , vả lại chúng ta có cần những "lễ nghi, thủ tục " đó không ? Nhất định là không, bởi tình yêu của chúng ta đã vượt quá những khuôn khổ bình thường để phải cần thiết đến những lễ nghi, thủ tục bình thường, phải không em ?

Chúng ta yêu nhau sớm hay muộn hở em ?

Muộn hay sớm có quan trọng không em ?

Trao nhẫn cho em tại Nha Trang hay tại Đà Lạt điều này có phải là một vấn đề không em ?

Nha Trang của quá khứ ? Đà Lạt của tương lai ?

Ngày xưa, khi còn trẻ , như em cũng biết, anh yêu Đà Lạt, anh yêu một người con gái Đà Lạt chưa bao giờ có thực , yêu bằng tình yêu thật lãng mạng chập chờn tưởng tượng của anh, một người tình không chân dung... cho đến hôm nay người con gái đó đã hiện diện : N..., anh gặp lại em, yêu em như chưa bao giờ biết yêu vào lúc hoàng hôn cuộc đời anh, vào lúc mà anh chưa thể sống được gần em, vào lúc mà em không thể sống được bên anh, vào lúc mà anh cũng biết quanh em bao ong bướm bay lượn nhưng em khước từ để chấp nhận yêu anh không một câu hỏi thắc mắc, không một điều kiện .

Tình Yêu đó đã có rất thực vì chỉ mới vừa tối qua mình được ngồi ăn bữa tối bên nhau , bữa ăn giản dị , cũng tối hôm qua mình vừa đi bên nhau bước chân quấn quýt, cũng vừa mới đêm qua anh có em trong vòng tay để anh yêu em, trân trọng yêu em, ngút ngàn yêu em, cũng chỉ vừa hơn 3 giờ đồng hồ trước em đưa anh ra phi trường để anh nhìn em vội vàng rút nhanh bàn tay em anh đang muốn nắm giữ rồi quay người chạy trốn để anh bâng khuâng nhìn theo . Lúc đó anh biết em đang khóc...

Đêm nay anh ngồi tạm nơi đây bắt đầu nơi một đất nước xa lạ, còn em trong chuyến xe quay lại Đà Lạt cả hai cùng lại đơn côi.

Em , N... của anh !

Bao giờ cho mình hết lẻ loi ? ? ?

Bao giờ anh sẽ lại được nhìn em ngồi phệt dưới đất bóc trái cây ăn ngon lành như một cô bé vẫn 7 tuổi ngày xưa ? ? ?

Bao giờ anh sẽ lại được nắm chặt tay em tung tăng dạo phố nhìn mình, nhìn người, nhìn đời ? ? ?

Bao giờ mình sẽ lại ngồi bên nhau trong một quán cà phê ở Đà Lạt, ở Sàigon ? ? ?

Bao giờ mình sẽ là hai chú gà nho nhỏ vui chơi bên nhau thỉnh thoảng nghịch ngợm quay lại dơ chiếc giò thử dọa đá nhau - đấy hình ảnh em đã nói với anh trong tiếng cười thật vui và cũng thật trẻ con như hai chú gà ? ? ?

Cầu mong cho thời gian trôi qua thật nhanh để ngày về của anh sẽ đến thật gần phải không em ? *" Cầu mong thời gian "* cũng đừng làm *" dần phai bao lời hứa "*...và cũng xin được *" đêm từ nay luôn tưởng nhớ đến người mình yêu " ... (*)*

Em của anh,

Hai lần anh đã làm em giận, nhất định em đã phải giận anh nhiều : Hai lần ngồi đợi anh ở bến xe miền Đông khi em trở lại với anh từ BT ; đấy là bằng chứng em đã vô cùng yêu anh ; Ngồi chờ anh đến đón nhưng anh đã không đến, em buộc lòng phải về với anh bằng hai lần xe ôm . Chỉ ngồi nghĩ lại anh hối hận tự trách sự vô ý của anh, một vô ý nằm trong anh từ hơn 30 năm nay, từ khi anh không còn một người đàn bà trong cuộc sống thường nhật của anh để anh phải quan tâm đến ; Anh hối hận đã làm em phải ngồi chờ đợi, hối hận đã làm em buồn giận anh cho dù sau đó anh đã ứng khẩu một bài diễn văn chắc nịch với hàng chục nguyên do nghe thật có lý như một luật sư bào chữa tội trạng và em đã phải phì cười nhìn, nghe bài " biện luận hùng hồn " của anh để rồi em...tha thứ cho anh nhưng hôm nay ngồi đây anh đã không tha thứ được cho chính anh.

Cha mất, em lại phải trở về lo liệu mọi công việc, anh buồn vì chưa thể tiếp tay với mọi người trong gia đình đang lúc bối rối này dù anh hiện diện thật gần .

Một trùng hợp mà anh đã không kể với em : Chị H..., bà chị họ nhưng lại thật thân thiết của anh cũng ra đi như Ba, chỉ trước Ba gần một tháng tại Sàigon .

Ngày chị anh hấp hối anh không có mặt để được nói với chị chỉ một câu : Em không giận gì chị vì chị có làm gì để em giận ; Đám tang chị anh cũng không có mặt mà chỉ về nhà chị, thăm hỏi các cháu nay cũng đã trưởng thành, thắp mấy nén nhang nhìn ảnh chị anh qua đôi mắt mờ lệ.

Đấy anh của em là như thế : anh sống quá đáng với nội tâm để nhiều người ngay cả những người thân không thể hiểu nổi anh, may cho anh hôm nay chính em đã là người yêu anh, hiểu được anh .

Anh có nên nhắc lại những quấn quýt, những ấp ủ, những say mê, những đắm đuối khi mình ở tại Peace không em ?

.....

Những buổi tối , sau bữa ăn, anh và em quấn quýt bên nhau trên hè phố Lê Lợi vắng người rồi cùng tìm vào một quán cà phê anh đã quá quen thuộc một thời nào đó.

Hương người em, hơi thở em, làn môi em, ... tất cả em N... ơi.

Ôi tuyệt diệu em, tuyệt diệu anh, tuyệt diệu là chúng ta.

9/6- 23 giờ :

Cửa C4 mở ra, rồi anh cũng phải rời căn phòng đợi này, anh sẽ xa em hơn một chút nữa N...

ơi !

Bước chân anh nghiêng ngả, tâm trí anh quay cuồng…N… ơi, anh lại phải bước vào lòng phi cơ để quay về với cuộc sống quá cũ kỹ quen thuộc của những năm dài viễn xứ !

9/6- 23 giờ 55 :

Máy bay cất cánh rời phi đạo, dưới chân anh Đài Bắc lấp loáng ánh đèn đêm .

Anh đang đi thật xa với hơn 13 giờ bay, với sai biệt của 6 giờ trên chiếc đồng hồ đeo nơi cổ tay anh mà vòng dây da em vừa thay cho anh trong một hiệu bán đồng hồ ở Saigon .

Nơi xa đó anh lại với những ngày đi làm, những tối trở về căn nhà tịch mịch tuy lần này trong căn nhà đó sẽ bớt lạnh lẽo vì anh tưởng tượng có em , em sẽ thấp thoáng nơi phòng khách, em có mặt trong phòng ngủ, em sẽ quấn quýt bên anh trong từng giờ phút anh sống, từng bước chân anh đi, từng bữa ăn … để sau đó từng giấc ngủ chập chờn của anh…em hiện diện…

Em, N… Anh sẽ về.

Đài Bắc, 9/6/2004 Gởi Nguyễn Hoàng N.

(*) lời của một bài hát của nhạc sĩ Từ Công Phụng.

(**) lời bài hát của nhạc sĩ Lê Trạch Lựu.

(***) lời bài hát của nhạc sĩ Đoàn Chuẩn .

TỪ VŨ

thơ

VƯƠNG HOÀI UYÊN

NHƯ NỖI NGẬM NGÙI

Em về đứng đợi chim kêu
Vườn chao bóng lá nghe chiều hoang vu
Trong em một cõi mây mù
Mai em nằm xuống đời ru giấc sầu.

Mịt mờ cõi chết trên cao
Về trong cát bụi mòn hao kiếp người
Lênh đênh biển mắt môi cười
Anh- như một nỗi ngậm ngùi trong em.

VƯƠNG HOÀI UYÊN

truyện lịch sử

TRÂU VÀNG HỒ TÂY

MAI THỤC

Hoà thượng Khổng Lồ thời Lý. Tài cao đạo sâu. Ai cũng nể sợ. Đi tu từ trẻ. Một cây gậy sắt. Cái đãy nhiệm màu. Chu du thiên hạ. Không màng danh lợi. Không mê bạc vàng. Hiểu cuộc đời ngắn như hơi thở. Sống yêu thương. Sống có ích từng giây. Sống tỉnh thức, không tích nghiệp chướng mang xuống mồ, để đại hoạ cho con cháu. Sống được như thế, phải tu luyện nhiều đời, nhiều kiếp. Khổng Lồ là đại trí thức, hiền tài hiếm có của đất Việt, vua rất quí trọng, luôn bàn việc nước cùng Khổng Lồ.

Vua cần nhiều đồng. Đúc khí thiêng thờ Phật. Đất Việt không có đồng đen. Vua triệu Khổng Lồ. Sang Trung Quốc quyên.

Khổng Lồ lội suối trèo non, vượt ngàn trùng ghềnh thác những sông lớn, núi cao, vực sâu, đến kinh đô Bắc phương.

Vua Trung Quốc hỏi:

- Hòa thượng phương nào? Đến đây làm gì?

Khổng Lồ thưa:

- Dân nước tôi mộ đạo. Cầu bệ hạ đồng đen. Mở Phật Pháp Đại Việt.

Vua nghiêm mặt hỏi:

- Cần bao nhiêu đồng?

Khổng Lồ từ tốn đưa cái đãy nho nhỏ:

- Tâu bệ hạ. Cái đãy này là đủ.

Vua nhìn cái đẫy xinh xinh be bé, thấy nhẹ tấc lòng, kẻ cả nói lớn:

- Lấy cả trăm đãy. Trẫm cũng vui lòng.

Vua sai mở kho. Qua sân vào. Khổng Lồ choáng váng. Trước Tượng Trâu Vàng. To như cái nhà. Sáng chóe trời đất. Khổng Lồ đau ruột, đau gan như bị đâm, cắt, xé. Vàng và đồng đen xương máu dân mình. Còng lưng, nát thịt đào từ lòng đất Mẹ. Họ bắt mình đúc tượng Trâu Vàng cướp về. Hình tượng "*Con trâu là đầu cơ nghiệp*" Việt tộc sơ khai thiêng liêng! Trâu Vàng đang bị tù giam nơi kho lạnh Bắc phương. Trâu Vàng máu chảy về tim đau buốt tháng ngày.

Khổng Lồ nén xót đau trong dạ. Nuốt uất hận vào trong. Niệm Phật, thở thật sâu, lấy cân bằng tâm trí. Gương mặt thản nhiên bình lặng, cao cường.

Quan giữ kho vênh váo đùa:

- Hòa thượng có cần. Con trâu này không?

Khổng Lồ vờ không để ý Tượng Trâu Vàng.

Ngài lắc đầu, giọng đanh thép:

- Ta chỉ cần đồng đen thôi.

Khổng Lồ trút hết. Đồng đen trong kho. Túi vẫn còn vơi. Ngài quảy đãy về nước.

Đồng đen trong kho hết nhẵn. Vua bất ngờ. Biết mình ngu ngơ. Trước mưu trí Khổng Lồ. Giận điên cuồng. Ra lệnh tức thì. Năm trăm quân sĩ. Đuổi theo Khổng Lồ. Lấy lại đãy đồng đen.

Quân đuổi gấp gáp. Tiếng hét dậy đất. Bụi bốc mịt mù. Khổng Lồ thả nón tu lờ. Đặt đãy qua sông. Quân lính cố chạy theo, đánh lừa ông:

- Hoàng đế giúp ngài. Hộ tống về nước Nam.

Khổng Lồ thừa hiểu âm mưu, lạnh lùng nói:

- Cảm ơn lòng tốt. Tôi đâu dám phiền.

Khổng Lồ đi dọc biển. Đi về phương Nam. Gặp tàu người Việt. Xin lên đi nhờ. Thủy thủ xúm lại giúp Khổng Lồ. Đãy đồng quá nặng, họ khiêng đãy không nổi.

Khổng Lồ cười:

- Bần tăng tự mang một mình, nhẹ tênh.

Khổng Lồ một tay xách đãy đồng đen thanh thản lên tàu.

Mọi người kinh ngạc. Khối đồng đen lớn quá. Tàu nặng chòng chành.

Khổng Lồ bảo:

- Chớ ngại. Không thể chìm tàu. Anh em yên tâm.

Khổng Lồ lặng thinh, niệm thần chú. Biển lặng. Sóng xanh. Thuận buồm xuôi gió. Tàu trôi băng băng.

Bỗng phong ba nổi dữ dội. Con thuỷ quái ngô công. Dài trăm trượng. Há miệng đỏ lửa. Vẫy vùng giữa sóng. Gầm gào khùng điên. Toan nuốt chửng tàu. Mọi người kinh sợ.

Khổng Lồ trấn an:

- Đừng sợ. Ta diệt quái vật, bằng trí huệ thần thông.

Ông cầm quả bí. Ném vào miệng nó. Cầm gậy đánh nó. Đứt làm ba đoạn. Thành ba hòn đảo. Sóng gió lặng im. Tàu về đất Việt. Mang nhiều đồng đen trở lại quê nhà.

Vua sai đúc bốn bảo khí thờ Phật. Bao nhiêu thợ tài Đúc Tháp Báo Thiên. Cao chín tầng. Tháp nhìn kinh thành. Mênh mông vời vợi. Trông giữ núi sông, cánh đồng, làng xóm.

Tượng Phật sáu trượng. Đỉnh mười người ôm. Đồng đen còn lại. Đúc quả Hồng chung. Chuông ngân bốn cõi. Vang tận Trung Hoa.

Trâu Vàng trong sân kho nước Tàu. Nghe chuông ngân nga. Thức choàng tỉnh dậy. Đồng đen là mẹ của vàng. Do tiếng chuông ngân, Trâu Vàng ở bên Tàu biết mẹ mình đang ở nước Việt. Trâu Vàng xốn xang. Tấc lòng nao nức. Muốn nhào về nhà, hoà tiếng vọng Mẹ yêu!

Trâu Vàng vội vã đứng dậy. Ba chân bốn cẳng. Chạy sang đất Việt. Ngã vào lòng Mẹ. Ôm ấp yêu thương.

Không sức mạnh nào. Cản nổi con mẹ. Tìm về với mẹ.

Trâu Vàng tìm đến. Quả chuông sư đúc. Hôn hít hồi lâu. Nằm xuống bên cạnh.

Việc lạ bất ngờ. Khổng Lồ tự nghĩ. Mỗi lần thỉnh chuông. Tiếng vang thánh thót. Vàng khắp bốn bể. Sẽ qui tụ về. Đất nước Việt ta.

Nhưng ngẫm nghĩ sâu. Đó là điều rất nguy hiểm đến sự an nguy quốc gia. Các nước xung quanh, thấy nước ta thiên nhiên kỳ thú, biển, sông, núi, cánh đồng, giàu tài nguyên, khoáng sản, sẽ gây hiềm khích. Họ xúm nhau vào, bàn mưu gây ra chiến tranh, để ăn chia lợi nhuận, từ xương máu đồng loại. Kẻ bán vũ khí. Kẻ chiếm biển Đông. Kẻ mưu bá chủ hoàn cầu. Dân Việt nát thịt, tan xương.

Khổng Lồ nhìn thấu tâm can những tên sen đầm cường quốc đang nhăm nhe giương mắt cú vọ, đổ lửa vào Đại Việt. Ngài đau đớn tâu vua:

- Bệ hạ ơi! Thôi thôi, ta đừng tham của cải, bạc vàng, hãy ném chuông xuống ao. Tránh cuộc binh đao. Xảy ra sắp tới.

Đức vua anh minh. Biết họ đang ngầm trả đũa. Miệng thì anh em, chung đường, cùng lối, liền núi, liền sông. Bụng thì múa gươm, phun nọc độc, xui dại, xúi càn. Tay thì giương binh đao. Vua bằng lòng nghe Khổng Lồ minh triết, gạt bỏ lòng tham của cải về quốc gia mình, để tránh những cuộc chiến tranh. Vua biết thương dân. Phải biết tìm đường. Tránh chiến tranh. Minh triết tránh chiến tranh cũng đồng nghĩa với giữ nước, giữ nhà, yêu muôn dân đồng loại.

Được lệnh vua ban, Khổng Lồ vác chuông lên đỉnh núi. Ném chuông xuống Hồ Tây. Chuông tung lên. Ngân rung dữ dội. Lặn sâu đáy hồ. Tiếng vọng thiên thu.

Trâu Vàng nghe tiếng chuông ngân nhảy vội theo mẹ xuống hồ. Những đêm thanh vắng. Quai chuông nổi lên. Mặt hồ gợn sóng.

Trâu Vàng đôi lúc lên bờ dạo chơi. Thấy bóng người, lặn về cùng mẹ. Từ đó Hồ Tây có tên "Vực Kim Ngưu". Hay "Hồ Trâu Vàng".

Khổng Lồ được suy tôn "Thần nghề đúc đồng". Dân lập đền thờ tại Thăng Long. Muôn đời thờ Khổng Lồ trong lòng dân Việt. Truyền cháu con nối Đức Trí, nhân tài đất nước, Khổng Lồ cứu dân.

Ngày này qua ngày khác. Đời nọ nối đời kia. Người Việt kể **Trâu Vàng Hồ Tây**. Nhưng không hề biết đấy là **Thông điệp Tổ tông truyền**, thả mênh mang sóng nước Hồ Tây. Cha ông minh triết thế. Thương con cháu Việt tộc. Tìm cách truyền thông tin. Sao ta không tìm về?

Hồ Tây! Hồ Tây ơi! Trâu Vàng ôm ấp Mẹ. Trâu Vàng toả hào quang, lấp lánh Trời Đất Việt. Chuông đồng đen đáy hồ, thiết thao lời Mẹ ru.

Người kể chuyện **Trâu Vàng Hồ Tây** xót xa, ứa lệ. Nghe âm vang mơ màng tiếng ông sẩm hát rằng:

" Chuyện xưa như có như không/ Của mình tất cả vàng và đồng đen/ Bị nó thu vét mang về/ Nước ta nghèo đói chỉ còn tay không/ Vua dân mưu trí tìm sang/ Lấy đồng về trước vàng theo sau/ Tài cao vượt hiểm thâm sâu/ Vượt bể thắng quỉ ma sợ gì/ Đồng đen nó vứt trong kho/ Không biết đúc đồng bởi nó lậu thô/ Khéo tay nghề đất lề Kẻ Chợ/ Mang đồng về đúc tượng Phật, chuông/ Tượng Phật linh thiêng, chuông ngân nga/ Bàn tay tộc Việt tài hoa/ Làm ra tiền của, sinh thêm bạc vàng/ Nhưng kìa bọn nó ngó ngang/ Thấy mình giàu đẹp ắt là xổ sang/ Cậy to lấy thịt đè người/ Chiến tranh đổ máu dân lành lao lung/ Hiền tài thao thiết thương dân/ Khuyên vua bỏ của mà yêu lấy người/ Lòng đau tím ruột bầm gan/ Chuông ngân thả xuống sóng hồ càng ngân/ Trâu Vàng cùng Mẹ đồng đen/ Thành linh khí phá yểm xưa Cao Biền/ Hồ Tây nghìn năm linh thiêng/ Nhấn chìm cả hội nó vào giao du/ Chuông đồng, Trâu Vàng Hồ Tây/ Bài học máu xương truyền con cháu/ Khôn khéo đạp đầu bọn buôn chiến tranh/ Thừa cơ xâu xé giết người tởm tanh/ Phải yêu nhau gánh vác kết đoàn/ Sản sinh, nuôi dưỡng, hiền nhân Khổng Lồ/ Nước phải có vua tài đức/ Máu đỏ da vàng, vua dân là một/ Làm vua để cứu dân, không phải là cai trị /Trạng chết vua cũng băng hà/ Nông dân mất đất là vua đổ nhào/ Làm vua luyện Đạo tầm cao/ Oai phong trung dũng, lắng nghe anh hào/ Nghe tiếng dân kêu thét oan than/ Tránh mưu độc bọn bán buôn vũ khí/ Bọn tham lam muốn chiếm đất biển ta/ Thì thầm xúi dục kích Đông Tây/ Tránh nó bằng mưu trí kết đoàn/ Người trong một nước bảo ban nhau/ Diệt "giặc nội" cướp đất, phá nhà, hại dân/ Tấc đất, tấc vàng, người cày có ruộng/ Đất trồng lúa, ngô, rau, hoa, quả/ Đời nối đời nuôi con Lạc, cháu Hồng/ Không để đất rơi vào tay tham bẩn/ Tráo trở, xây nhà chứa nhớp nhơ/ Vua quan cũng sống nhờ dân cấy trồng/ Quan nhất thời dân vạn đại/ Quan trước rước quan sau/ Rồi thì tất cả xô nhau về vườn/ Về vườn mất đất, vườn đâu mà về/ Bạc vàng có ăn được không? Mà thi nhau phá đất trồng lúa non/ Con cháu ta sống bằng gì/ Ác tham, Tham ác cũng ra ma/ Tiền vàng ngập ngụa không chôn được mà/ Luật nhân quả treo lơ lửng/ Cán cân tạo hoá thật công bằng/ Không tha bất cứ kẻ nào bất nhân/ Dân nắm tay nhau Trí, Nghĩa, Dũng quật cường/ Lòng son, Đạo lớn, tay vòng chặt tay/ Xin đừng giận uất quá mất khôn/ Chỉ béo bọn khát máu chiến tranh rình/ Nếu mình sơ xảy nó phình ra luôn/ Bình tĩnh tìm phương thoát ra/ Chăm dân giữ nước, tránh binh đao/ Thế mới là vua giỏi tài/ Là yêu dân nước lâu dài vững ngai/ Bởi yêu con cháu mai sau/ Tổ tiên gửi máu vào câu chuyện hồ/ Hồ Tây sâm cầm cùng Khổng Lồ hội tụ/ Vang tiếng Trâu Vàng rung chuông ngân/ Truyền đời con cháu phải lắng nghe/ Không được kẻ nào mưu lợi cá nhân/ Kẻ hại đất nước, giết Nhân Dân/ Đất Trời Người không dung thứ."

Hồ Tây Mùa Phật Đản 2012
Sen Hồng dâng Phật.

MAI THỤC

TĨNH VẬT

KHẢI NGUYÊN

Tôi lần mò khá lâu trong một cái ngõ ở phố Cát Dài. Ngõ gì mà sâu dễ sợ, lại ngoắt ngoéo, hai bên nhà cửa lô nhô, thòi ra thụt vào, những cái biển số nhà hoen rỉ mờ cả nét sơn; có nhà chẳng gắn biển nữa, số nhà cứ ghi tuỳ tiện lên tường, lên cửa. Bà cụ tôi mất chỉ để lại một tấm ảnh nhỏ cỡ 2 x 3. Tôi định thuê chụp lại phóng to lên để thờ, nhưng một anh bạn khuyên nên thuê vẽ, đẹp hơn và bền hơn. Anh còn mách tôi một nơi làm việc đó có thể tin cậy được, tuy hiện nay còn ít người biết đến. Do vậy, sáng chủ nhật này tôi cất công đi tìm cái "phòng vẽ khiêm tốn" - theo cách gọi của anh bạn. Có lẽ đây rồi chăng? Ừ, đúng số nhà! Nhưng sao chẳng có vẻ gì là một xưởng vẽ như tôi đã hình dung? Nó chỉ là một gian nhà cũ kĩ, thấp và cửa ra vào đang đóng kín. Nhưng tôi đã kịp nhìn thấy một hàng chữ màu xanh trên tường cạnh cửa: "Nhận vẽ truyền thần và truyền ảnh". Tôi gõ cửa không lấy gì làm sốt sắng lắm. Một cháu bé chừng tám tuổi hé cửa ngó ra. Cháu mở to mắt rồi mau miệng:

- Cháu chào bác ạ. Bác hỏi mẹ cháu phải không ạ?

Cháu mở rộng cửa. Tôi bước vào nhà, hơi lấy làm lạ vì cái vẻ thân tình của chú chủ nhà tí hon. Cháu bé quay về phía cửa sau có lẽ thông với bếp gọi to:

- Mẹ ơi, bác gì đến mẹ ạ.

Cháu có vẻ biết tôi. Tôi nhìn kĩ cháu hơn. Cháu cũng đang ngước nhìn tôi hơi mủm mỉm cười. Đôi mắt to đen láy và đặc biệt cái lúm đồng tiền bên má gợi một khuôn mặt thân quen mà tôi chưa nhớ ra. Căn phòng nhỏ nhưng gọn và sạch. Một chiếc bàn con gỗ tạp và mấy chiếc ghế đẩu gỗ không sơn; một chiếc giường thông thường, một người nằm thì rộng, hai người thì chật; một chiếc tủ đứng gỗ thông sơn màu nâu sẫm, thoạt nhìn tôi tưởng bằng gỗ gụ. Trên tường là một số tranh tả thực để trần, một tranh áp phích cổ động sản xuất còn tươi màu vẽ. Và trên bàn là một chân dung vẽ dở. Một tay họa sĩ vườn, tôi nghĩ bụng. Nhưng là ai nhỉ? Mình có quen họa sĩ nào đâu. Chắc anh ta đi vắng, chỉ có vợ con ở nhà thôi. Mình không gặp may rồi. Có tiếng guốc đi vào cửa sau. Tôi chưa kịp nhìn rõ người, đã nghe tiếng nói trong trẻo, có pha âm vui thảng thốt trong đó.

- Úi, anh Bát! Thế mà em ngỡ là ai. Sao anh biết em ở đây?

Tôi trố mắt. Thùy! Thùy vợ Giáp, bạn tôi. Vợ chồng nhà này chuyển xuống Hải Phòng bao giờ nhỉ? Lẽ nào Giáp không cho mình biết? Tệ ra thì cũng phải đến thăm mình chứ! Giáp và tôi là bạn

học từ cấp hai, đã có thời gian xa nhau lâu, đến khi gặp lại vẫn khá thân nhau. Song, chúng tôi vài năm mới gặp nhau một lần. Ấy là những lúc tôi lên Hà Nội công tác hoặc nghỉ phép, chứ Giáp họa hoằn mới xuống Hải Phòng.

Giáp là người hơi kì cục. Hồi còn là học sinh phổ thông, cậu là người hoạt bát, dí dỏm, đôi khi nói trạng một chút. Cậu ít khi cười to, nhưng hay tủm tỉm; những lúc ấy một bên má bầu bĩnh của cậu hiện lên một lúm đồng tiền nom có duyên như con gái. Đến năm Giáp vào đại học, gia đình anh có sự biến và sa sút hẳn đi. Giáp trở nên trầm lặng, hay bẳn gắt vô cớ. Để có thể tiếp tục theo học, Giáp nhận kèm cặp một số học sinh phổ thông, trong đó có hai cô gái là Thùy và Ninh. Thùy vốn là người Hải Phòng; mẹ mất sớm; bố là một công chức loại vừa. Năm 1955, Thùy lên chín. Trước ngày gia đình di cư vào Nam hai hôm, bà mẹ kế cho Thùy đi cùng một người quen lên Hà Nội thăm ông chú ruột để từ biệt. Tới thủ đô mới được giải phóng, Thùy vừa bỡ ngỡ, vừa vui thích. Thùy nghe lời các em con chú muốn ở lại miền Bắc. Chú Thùy đánh điện cho bố Thùy khuyên hãy nán lại. Nhưng có lẽ vì vé đã mua rồi và mọi đồ lề đã đóng hòm chuyển trước lên tàu, nên gia đình Thùy đành ra đi không có Thùy. Sau đó, bố Thùy, qua ủy ban quốc tế xin cho Thùy vào Nam. Chính phủ ta đã đồng ý, nhưng lúc ấy Thùy đang ốm, trận ốm kéo khá dài. Rồi chuyện cũng qua đi. Thế là Thùy sống với chú ở Hà Nội và học dần lên đến cấp 3 phổ thông. Thùy và Ninh đều học làng nhàng, tuy chịu khó học. Cả hai cô đều có tâm hồn nghệ sĩ. Ninh thích làm thơ và sau này đã trở thành nhà thơ. Còn Thùy thì ham vẽ. Một anh chàng cựu học sinh mĩ thuật giúp cô tập vẽ. Anh chàng này có vẻ thích tán tỉnh Thùy. Nhưng Thùy lại đang yêu một tay bác sĩ tập sự. Khi tôi hỏi chuyện đó, Giáp tặc lưỡi: "Thằng ấy cũng được. Miễn là không phải Thùy yêu hơi vội". Còn Ninh thì yêu Giáp, nói là mê thì đúng hơn. Thú thật, hồi ấy nếu tôi được Ninh để mắt tới thì hẳn tôi đã "mở rộng cửa lòng" ngay. Nhưng Giáp ta thì lừng khừng thế nào ấy. Tết năm đó, Giáp đã nhận lời Ninh sẽ cùng đi đón giao thừa ở Hồ Gươm rồi về nhà Ninh xông đất. Đùng một cái, chiều ba mươi, anh ta nhảy tàu về Vinh. Tôi nhắc Giáp lời hẹn thì anh thản nhiên bảo: "Cậu dẫn Ninh đi hộ mình tí". Tôi thật chẳng bụng dạ nào để mừng đón cái cơ hội bất ngờ ấy nữa. Phòng nội trú sinh viên đêm 30 tết đó chỉ còn mỗi mình tôi. Tôi những muốn ra phố để "lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang", nhưng sự ủy thác oái oăm của bạn buộc tôi phải nằm khàn để đợi. Khoảng mười giờ khuya thì Ninh đến. Tội quýnh lên trước sắc đẹp lồ lộ của Ninh, chẳng biết do tình yêu, do khí xuân, hay do bộ cánh rất Hà Nội làm tôn thêm lên. Cũng may, vừa nghe tôi nói Giáp có việc gấp phải về quê, Ninh đã quay ngoắt đi ngay, - có lẽ là để khỏi khóc trước mặt tôi. - Nếu không, e tôi phải đóng vai một chàng hiệp sĩ thộn hoặc một anh dại gái lố bịch. Tôi quả không hiểu nổi Giáp. Tôi ngờ anh yêu Thùy. Đoán phỏng thế thôi, căn cứ vào thái độ dè dặt của anh mỗi khi nói đến Thùy.

Tốt nghiệp đại học xong, tôi về thành phố cảng công tác. Giáp thì dạy học ở thủ đô. Ít lâu sau, tôi được tin anh xung phong vào bộ đội. Cũng là do bạn bè nói lại, chứ anh chẳng báo cho tôi biết. Còn Thùy nghe đâu đã về ở với tay bác sĩ.

Bẵng đi sáu năm. Tôi về Hà Nội có công việc. Buổi chiều ngày họp cuối cùng, tôi di tản bộ trên những con đường phố đã có thời rất quen thuộc với tôi trong một tâm trạng vui vui pha chút hoài cổ. Chợt tôi nghe gọi: "Bát! bát đấy phỏng?" Một người mặc quần áo bộ đội cũ, tay ôm cặp, bước nhanh tới. Tôi nhận ra ngay là Giáp. Hai chúng tôi gần như là ôm chầm lấy nhau. Giáp không già đi mấy nhưng nom khắc khổ.

- Mình chuyển ngành rồi. - Giáp nói nhỏ nhẹ - Bị thương mất sức chiến đấu và mất luôn khả năng đứng lâu trên bục giảng. Bây giờ mình làm công việc nghiên cứu. Về chỗ mình đi! Mình ở ngay gần đây. Ông dạo này thế nào?

Tôi trả lời vắn tắt câu Giáp hỏi vừa xong thì cũng vừa đến nhà bạn. Đó là một gian phòng xây phụ vào một tòa nhà kiểu cũ hai tầng. Kiếm được chỗ ở này hẳn anh bạn tôi khá là vất vả. Giáp nói, trong khi loay hoay mở khóa cửa:

- Mình vừa đi khảo sát thực địa mấy tuần, về đến đây thì gặp ông. - Giọng anh điềm đạm nhưng

ẩn một niềm náo nức không phô trương. - Mình phải chuyển công tác cũng có cái hay. Trước đây, mình cảm thấy mắc nợ những miền đất mình đã từng đi qua trong đời lính. Nay thì mình cảm thấy có thể làm được một cái gì đó.

Trong phòng hơi tối. Vừa bước vào, điều đập ngay vào mắt tôi là một bình hoa trên chiếc tủ đứng chếch góc tường phía trong. Tất cả các cánh hoa như bừng dậy đón luồng ánh sáng vừa ùa vào. Tôi trỏ bình hoa bảo Giáp:

- Lạ nhỉ! Ông giam lọ hoa kia mấy tuần, thiếu ánh sáng và có thể là thiếu nước nữa, thế mà nó không lụi tàn, còn đợi ông về đón chào nữa kìa!

Giáp cười tủm tỉm, - đã lâu, tôi mới lại được nhìn thấy lúm đồng tiền trên má anh - không nói gì, đến mở rộng hai cánh cửa sổ xế bên chiếc tủ. Tôi "ồ" lên một tiếng: Bình hoa chỉ là một bức tranh màu nước. Sắc màu xung quanh lọ hoa, kể cả cái khung tranh, lẫn vào màu tường. Tôi chăm chú nhìn bức tranh, mặc dù tôi chẳng phải là người thích tranh, sành tranh lại càng không. Luồng ánh sáng mà tôi tưởng là từ cửa dọi vào những đóa hoa chính là toát ra từ ngay trong bức tranh đó. Mường tượng như những bông hoa sắp héo rũ vì bóng tối, bỗng ánh mặt trời ùa tới như có ai vừa mở một cái cửa đâu đó, và một sự bừng tỉnh, không! Một sự hồi sinh... Tôi hỏi:

- Họa sĩ nào đấy? Hay chính ông?

- Ông đã thấy tôi cầm bút vẽ bao giờ chưa? Còn người vẽ tranh này thì chưa thể gọi là họa sĩ.

Gian phòng của Giáp khá ngăn nắp. Đã từng phải hứng chịu cái tính luộm thuộm của Giáp hồi còn ở kí túc xá sinh viên, thoạt tiên tôi cười thầm: "Chà! Đời bộ đội rèn anh chàng cũng ra trò đấy chứ". Nhưng ngắm kĩ, tôi cảm thấy ở đây có bàn tay phụ nữ. Giáp xách phích đi mua nước sôi về pha chè mời tôi, rồi thủng thẳng nói:

- Ông đang ngạc nhiên phải không? Mình lấy vợ rồi.

Tôi rướn lông mày lên thay cho câu hỏi, và chờ đợi. Giáp nhấc chén nước nhưng không uống mà ấp trong lòng bàn tay:

- Mình lấy Thùy. Thằng cha bác sĩ bỏ rơi Thùy khi họ ở với nhau chưa đầy năm. Nếu hắn không bỏ thì Thùy cũng khó mà kham được hắn lâu. Hai bên đều vỡ mộng về nhau: Thùy quá nhiều chất "mơ" còn tay bác sĩ thì quá nhiều chất thực dụng. Nếu mỗi bên đều chừng mực thì có khi họ hợp nhau cũng nên. Qui luật bù trừ mà.

Thùy xin đi thanh niên xung phong, bị sốt rét ác tính suýt chết. Giáp rời quân đội về lại Hà Nội thì gặp Thùy đang ngồi vẽ tranh thuê và bán tranh bên hồ Gươm, loại tranh phong cảnh vẽ trên bìa cho những người chơi tranh dễ tính. Cô chưa từ bỏ giấc mơ nghệ thuật. Những kí họa tuyến lửa mà cô đang gìn giữ luôn luôn nhắc nhở và thôi thúc cô. Tôi hỏi hơi bỗ bã:

- Ông định làm như một nhân vật của Nam Cao ra tay tế độ chăng?

Giáp nín lặng giây lâu rồi nói khẽ:

- Mình yêu Thùy từ hồi kèm cô ta học.

Tôi suýt "à" lên. Có thế chứ! Mình quả đã nhận xét không tồi. Nhưng ... Giáp nhìn tôi:

- Tôi biết ông đang nghĩ gì. Không đơn giản đâu.

Thùy không còn chú thím. Giáp cậy cục thuê được gian nhà này cho Thùy, còn thì vẫn ở một phòng gầm cầu thang của cơ quan. Anh cố lo cho Thùy vào trường mĩ thuật. Mười ba tháng sau họ cưới nhau.

- Ông biết không? Thùy cứ giục mình lấy vợ, và cô ấy đã làm mối cho mình mấy đám, đều còn rất trẻ, thợ có, trí thức có, cả một cô mậu dịch viên rất xinh và khá giàu. Nhưng hễ cô dàn dựng gần đâu vào đấy là mình lại nhỡ hẹn - Giọng Giáp như đang kể chuyện ai. Tôi nhớ lại lần anh "nhỡ hẹn" với Ninh đêm giao thừa năm ấy. Mắt Giáp dừng nơi bức tranh "Bình hoa". Anh nói, đón trước câu hỏi của tôi - Tranh kia là một trong những bài thi của Thùy.

Tôi ngắm kĩ lại bức tranh. Chẳng phải là đề tài ngẫu nhiên, mình đã ngờ ngợ. Một chút tự hào trẻ con trỗi dậy: Vậy mà mình cứ buồn vì nỗi dốt hội họa!

**

Tôi hỏi Thùy:

- Các bạn chuyển công tác về Hải Phòng từ bao giờ thế? Vậy mà lại lờ bạn bè.

Một thoáng tối trên gương mặt Thùy:

- Chỉ hai mẹ con em thôi, anh ạ.

Tôi sửng sốt:

- Sao?

- Chẳng biết nói với anh thế nào. Anh còn nhớ cái hôm anh ngồi uống rượu với anh Giáp và anh Quĩ không?

Sao tôi lại chẳng nhớ! Có thể nói đó là một buổi tối "rùng rợn" sẽ còn ám ảnh tôi lâu. Ngày ấy cách đây đã gần hai năm...

Nhân dịp về thủ đô, tôi đến tìm Giáp, thấy cửa phòng khóa ngoài. Tôi ghé vào một quán nước gần kề hỏi thăm bà hàng chừng nào Giáp về. Một người đàn ông đang ngồi trong quán trả lời thay:

- Ông bạn đến ông Giáp đấy à? Chẳng hiểu sao hôm nay tay này về muộn. Tôi cũng đang chờ hắn đây.

Tôi nhìn người nọ. Một người chẳng rõ là đã đến độ trung niên chưa. Tóc anh ta lút gáy, chờm ra ngoài cổ áo; râu lâu ngày chưa cạo; quần "bò" áo "bay" vẻ phong trần cường điệu. "Loại người thích làm nghệ sĩ đây. Chỉ còn thiếu hơi rượu". Anh ta rõ ràng là kém tuổi Giáp nhưng cứ xưng hô văng mạng khi "ông", khi "hắn", "khi thằng", khi "tay ấy"... bất kể trước mặt bà quán, bất chấp tôi là người lạ.

- Ông là bạn Giáp phải không? Tôi cũng là bạn hắn ta. Tôi là Quĩ.

Cái tên nghe quen quen. Để trôi thì giờ, tôi hỏi thăm anh ta về vợ chồng Giáp. Anh ta tặc lưỡi:

- Thằng Giáp mang cái chất "đồ Nghệ" điển hình, lại pha cái chất lính chiến nên cứ va côm cốp. Hắn mấy lần sắp được đi Tây làm thực tập sinh hay nghiên cứu sinh quái quỉ gì đấy mà cứ hụt hoài.

Các bạn tôi có kể cho tôi nghe ít nhiều về Giáp. Đề tài nghiên cứu đầu tiên của anh đang có triển vọng thì cấp trên của anh gạ anh cho cộng tác. Giáp sẵn sàng ngay vì tính anh không hay ki cóp một mình. Nhưng vị cấp trên sau khi tham gia "điều chỉnh đề cương" và "bổ sung chủ đề tư tưởng", thường tạ cớ bận họp nên chỉ "góp ý" vào các phác thảo của Giáp thôi. Song đến khi công trình hoàn thành và được chấp nhận nhanh chóng thì tên vị ấy lại gắn với từ "chủ biên". Từ đó, Giáp cạch chuyện cộng tác. Và cũng từ đó, các công trình nghiên cứu của anh khó được ra mắt, cứ đầy dần trong ngăn kéo. Biết vậy, tôi vẫn cảm thấy khó chịu trước lời bình phẩm của cái người tên là Quĩ kia.

Lát sau, Thùy lai con về trên chiếc xe đạp Thống Nhất đã cũ. Cháu Trung đã lên sáu, và cũng có một lúm đồng tiền bên má mỗi khi cười như bố. Thùy giới thiệu Quĩ là cán bộ giáo vụ ở trường Mĩ thuật "vẫn giúp em thực hành vẽ". Tôi chợt nhớ ra anh chàng cựu học sinh mĩ thuật ngày xưa từng giúp Thùy tập vẽ và cũng đã từng theo đuổi Thùy. Lạ thật! Quĩ trở thành bạn của Giáp rồi ư? Ngày trước Giáp khinh Quĩ "một thằng cha lêu têu, nghệ sĩ gì nó!". Chẳng bao giờ Giáp nói chuyện với Quĩ, dẫu có dàn mặt nhau. Thùy mời hai chúng tôi vào nhà, nhưng khi sờ túi xách mới biết là lúc đi đã quên mang chìa khóa theo. Đành lại phải ngồi ghé chờ quán nước. Tôi vừa nói chuyện với Thùy được đôi câu thì Quĩ đã bô bô:

- Nào! Trung lại đây với bố nào!

Thằng bé cứ đứng ngó Quĩ trân trân chẳng tỏ thái độ gì cả. Quĩ giở lọ kẹo của bà quán lấy ra một cái kẹo Hải Châu chìa cho Trung. Cháu bé đưa tay ra đón nhưng Quĩ đã nhấc cao chiếc kẹo:

- Nói đi đã: "Bố cho con xin". Nói đi!

Cháu bé mím môi, nắm chặt bàn tay và rụt lại. Quĩ lúc lắc đầu ra vẻ buồn phiền:

- Con cái thế đấy! Mày là con tao chứ có phải con lão Giáp đâu.

Nói rồi anh ta lại moi ra một thanh kẹo lạc bọc giấy bóng giơ ra trước mặt đứa bé:

- Thôi được. Cái này ngon hơn. Nào, cầm lấy!

Đứa bé không nhúc nhích. Người mẹ thấy cần phải lên tiếng:

- Con cầm lấy đi kẻo mỏi tay bác.

Cháu bé không đưa tay ra, chỉ mở bàn tay, mắt không nhìn cái kẹo mà nhìn vào mặt người cho kẹo. Quĩ đặt cái kẹo vào tay nó, nó chỉ cầm bằng ngón tay cái và ngón tay trỏ. Quĩ cười đắc chí:

- Có thế chứ! Con của bố ngoan lắm.

Đứa bé đặt nhanh chiếc kẹo xuống chõng hàng, rồi vẫn đứng nguyên như cũ. Quĩ cười to hơn:

- Còn chê hở? Được rồi! Bà hàng bán cho tôi cái trong hộp kính kia!

Anh ta đón cái bánh nướng khá to, quay lại đứa bé, lần này nâng trên bàn tay chứ không dứ dứ như lúc nãy.

- Bánh nướng này thì cực kì. Nhân trứng, thịt, dừa đủ cả, phải không bà hàng? Nào!

Thằng bé nhìn cái bánh một giây hơi chớp mắt, rồi lại nhìn thẳng vào mặt Quĩ. Anh ta ra vẻ dễ dãi:

- Được rồi! Cứ cầm lấy ăn đi, rồi lúc nào thích gọi "bố" thì gọi cũng được.

Cháu bé vụt quay đi. Thùy mắng con, nhưng không nghiêm giọng:

- Trung! Không được hỗn! Bác đùa đấy. Con cảm ơn bác đi!

Cháu Trung làm như không nghe mẹ nói gì. Cơn "đùa" đã đến lúc không chịu nổi, ngay với kẻ xướng xuất ra. May sao, vừa lúc Giáp về. Quĩ reo to biểu lộ sự mừng quá mức cần thiết:

- A! Gớm! Chờ ông anh mãi. Có chất cay không bà quán?

Giáp chào tôi rồi vội xua tay:

- Khỏi cần! Mình có chai rượu chanh chưa bóc tem. Mà ngồi đây uống thì ô trọc quá.

Quĩ đứng ngay dậy, quên phứt những chiếc kẹo và cái bánh nướng.

- Ấy, định mua đưa vào nhà ông anh đấy chứ.

Lúc này tôi mới biết nãy giờ Quĩ ôm khư khư một cái túi hơi phồng phồng. Mọi người vừa vào nhà. Quĩ đã lôi từ chiếc túi ra một gói to bọc giấy báo đặt lên bàn, rồi kéo cái đĩa sắt tráng men đựng chén uống nước lại gần, xếp chén ra bàn, lấy mùi xoa lau qua cái đĩa, và dốc từ trong cái gói ra những con tôm he cỡ ngón chân cái đã chiên mỡ chu tất. Trong khi Giáp loay hoay mở nút chai rượu thì Quĩ đi đóng các cửa lại. Tôi hơi khó chịu: làm gì như ăn vụng thế này? Nhưng vợ chồng Giáp chẳng nói gì. Thùy lẳng lặng bật đèn lên. Quĩ vẫn chưa chịu ngồi xuống. Anh ta lại lôi từ trong cái túi ra bốn cây nến trắng và một bao diêm. Anh ta xòe diêm châm nến rồi cắm ra bốn góc bàn. Xong xuôi, anh ta sốt sắng mời: "Nào! Các vị ngồi vào cho!". Cứ như thể anh ta là chủ nhà vậy. Chưa hết. Anh ta còn xếp chỗ cho từng người. Thùy đối diện Quĩ. Cháu Trung được đặt ngồi vào chiếc ghế đẩu đầu bàn, giữa hai người. Cháu muốn cưỡng lại nhưng thấy bố nhìn mình hơi gật đầu, cháu đành ghé ngồi lên ghế. Hai chỗ còn lại dành cho tôi và Giáp, tôi cạnh Thuỳ, đối diện với Giáp, tất nhiên. Khi bốn chúng tôi đã yên vị, Quĩ bèn tắt ngọn đèn điện. Gian phòng trở nên chập chờn theo ánh nến. Quĩ ngồi vào chỗ của mình đưa tay trỏ đĩa tôm, trịnh trọng:

- Thứ này thì phải ăn dưới ánh nến. Mùi nến làm dậy mùi tôm chiên, làm cho vị giác cảm nhận được cái ngon nguyên sơ. Ánh nến khiến con tôm trở nên sống động và khiến ta thấy hình như nó trong mờ tựa khi còn bơi dưới nước.

Tôi suýt phì cười, nhưng nhìn lại con tôm quả thấy có gì khác với những con tôm he chiên mà tôi đã ăn. Do vậy, cái ác cảm dồn nén từ nãy cũng qua đi. Vả chăng, các chủ nhà vẫn thản nhiên như không.

Bữa rượu thế là bắt đầu vui vẻ và không ồn ào. Thuỳ không uống được rượu, bị ép, mới nhấp một tí mặt đã đỏ dậy lên. Còn tôi thì chỉ dám hớp từng ngụm nhỏ, kéo lai rai mãi vẫn không hết chén rượu. Quĩ rót đưa cháu Trung một ít. Thuỳ chau mày, nhưng Giáp lại cười khà khà. Cháu mạnh dạn dốc cạn cốc. Vì thế, chưa ăn hết con tôm cháu đã phải đi nằm. Còn lại bốn người lớn. Thật ra, chỉ có Quĩ và Giáp đọ chén với nhau.

Cuộc rượu kéo dài, trời tối lúc nào không biết. Câu chuyện ban đầu cũng phải chăng, và cả tôi, cả Thuỳ đều có thể góp lời. Dần dần chỉ hai người nói, mà người giữ vai chính là Quĩ. Giáp thì rõ là đã ngật ngưỡng. Còn Quĩ thì chẳng rõ là còn tỉnh hay đã say. Duy, giọng anh ta lè nhè thật:

- Cậu là người có tài, Giáp ạ. - Anh ta đã quẳng cái từ khách khí "ông anh" tự bao giờ - Nhưng mà cậu gàn. Ngày xưa anh gàn cũng có bị chế giễu, nhưng còn được khen. Ai không khen công

khai thì cũng phục ngầm. Còn ngày nay ấy à, gàn là dại, là thiệt. Vạ gì cậu bỏ công, bỏ sức ra mà nghiên cứu! Để làm gì và cho ai? Chẳng ai cần cái nghiên cứu của cậu. Vạ gì mà cậu hay đấu tranh với góp ý! Kệ xác chúng nó! Chúng nó cần sự tâng bốc và dối trá. Thì cứ việc! Trước đây, lương tháng cậu mấy chục đồng cậu vẫn sống ung dung. Bây giờ, cả hai vợ chồng kiếm được ngót nghìn, kể cả làm thêm, mà các cậu "rách" quá. Vợ cậu thế kia đáng được sống lươm tươm một chút chứ. Nếu chưa muốn về mất sức hoặc hưu non thì làm cầm chừng công việc cơ quan thôi. Bôi bác được thì cứ bôi bác. Lỉnh được thì cứ lỉnh. Còn thì dành sức lực và trí tuệ đi với tớ. Cam đoan là sẽ sống đàng hoàng mà vẫn sạch sẽ trước pháp luật. Lúc bấy giờ, cậu có muốn đi Tây thì sẽ có khối thằng sẵn sàng "lo giúp", chỉ cần cậu nhẹn mấy động tác ngón tay. - Anh ta đưa tay làm hiệu đếm tiền - Bây giờ thì hãy chịu khó quị lụy một để rồi bắt thiên hạ quị lụy mười. Tội gì không tự tạo thời cơ?

Giáp khi thì ậm ừ, khi thì hăng lên cũng hùa theo Quĩ mà chửi bới những chuyện tiêu cực, có lúc quá lời. Vẻ mặt anh lầm lì; khi thì cười to và dừng đột ngột. Từ lúc gặp lại anh, tôi chưa thấy Giáp cười tủm lần nào, cả khi tôi cố nói một câu ba lơn chọc anh. Nể lắm thì anh cười ruồi.

Dưới ánh nến lắt lay, khuôn mặt đỏ gắt hơn cả vỏ tôm, cái thì lừ lừ, cái thì ngất ngư. Tưởng đâu vũ trụ chỉ có hai người; ngồi kề nhau đấy, song mỗi người vẫn ôm riêng một thế giới.

Cuộc nhậu gần tàn, chợt Quĩ bảo Thuỳ:

- Cô cho tôi một tờ giấy vẽ và cái bút chì than. - Anh ta ngoảnh sang Giáp: - Tớ phải vẽ tặng cậu bức chân dung cậu mới được. Cả thế giới thì không nói chứ cả nước Việt Nam này ngoài tớ ra chẳng mặt nào họa nổi cái thần thái cậu. Bật đèn lên! - Anh ta ra lệnh, sau khi nhận giấy và bút vẽ. - Giáp! Cậu cứ nhậu, đớp, hít tự nhiên, cười nói tuỳ thích, nhưng ngồi tại chỗ.

Tôi bị hút vào cái trò của Quĩ, chẳng kịp bực mình, dù là trong ý nghĩ. Quĩ vẽ rất nhanh, tay lia bút cứ như người vẽ bùa phù chú. Độ năm phút, mà cũng có thể là nửa giờ, Quĩ quẳng bút vẽ xuống đứng dậy nhìn quanh, một tay cầm sấp tờ vẽ. Tôi đưa tay ngỏ ý muốn xem, anh ta ra dấu ngăn lại:

"- Thong thả!"-Anh ta bước rảo tới chỗ treo tấm ảnh phóng to ba vợ chồng con cái chủ nhà, hạ xuống:

- Mai tớ sẽ mang đến một cái khung ảnh "hết ý". Còn bây giờ thì hãy mượn tạm cái này.

Anh ta lúi húi một chốc trong chỗ khuất rồi quay lại với tấm chân dung vừa vẽ, bấy giờ đã lồng kính, đặt nó lên bàn, dựa vào tường, rồi lùi xa khoanh tay trước ngực đứng ngắm. Gọi là bức chân dung nhưng chỉ có cái mặt. Một cái gì ớn lạnh lướt nhanh dọc sống lưng tôi. Mặt người trong bức vẽ đúng là của bạn tôi, nhưng sao tôi như mới thấy lần đầu? Đôi mắt, vành mi trên uốn cong quá mức bình thường, giương lên có vẻ ngơ ngác phảng phất cái nhìn của con nai, song ngắm kĩ lại thấy hình như có ẩn giấu những tham vọng nén lại. Những chỗ đậm nhạt trên má làm cho nét mặt vừa thách thức, vừa đau khổ. Vầng trán một bên bóng, một bên hằn những vết nhăn mờ mang dấu những suy tư giằng xé bên trong. Đôi môi hơi hé, nhìn thẳng thì ngờ nghệch, nhìn chếch lại chua chát và mỉa mai. Hoặc thằng cha này đã nghiền ngẫm đến mức nắm được gan ruột Giáp, hoặc là hắn ta có một dụng ý bí hiểm nào đó. Tôi tự nhủ và chờ xem phản ứng của vợ chồng bạn, Thuỳ áp hai tay vào má nhìn sâu vào bức vẽ rồi liếc nhìn tác giả với ánh mắt trách móc khó nhận thấy. Còn Giáp thì miệng cười cười mà mắt trân trối như bị hút vào cái chân dung người ta vẽ mình. Nhưng chỉ mấy giây, anh bình thản hoặc làm ra vẻ bình thản ngồi quay nghiêng châm thuốc hút. Quĩ tới bên bàn, dốc nốt chỗ rượu còn lại trong chai vào chén của mình và tợp thẳng một hơi, đưa mu bàn tay chùi mép:

- Thôi, tôi về đây.

Anh ta đã ra đến cửa, chợt quay lại chỉ vào bức tranh vẽ bình hoa trên nóc tủ bảo Thuỳ:

- Cô Thuỳ biếu tôi cái kia nhé.

Thuỳ lúng túng - vì bất ngờ hay vì một lẽ gì khác? - mãi mới trả lời:

- Bức tranh ấy, em... - Cô cố chuyển giọng nói vui - Học trò chẳng dám tặng bài tập cho thầy đâu.

- Tôi muốn có một kỉ vật thời gian Thuỳ ở trường mĩ thuật.

Thuỳ nhìn lướt các bức tranh bày trong phòng.

- Nếu vậy, để em đem tất cả những bức em vẽ ở trường ra để anh chọn. Còn bức tranh kia, em vẽ vụng lắm. Vả lại, bức ấy... Em đã không nộp nó cho nhà trường như các bài thi khác...

Quĩ lắc đầu làm mặt buồn và nghiêm nghị:

- Lần đầu tôi phiền Thuỳ. Tôi chỉ muốn bức tranh ấy.

Thuỳ nhìn Giáp cầu cứu. Khi nãy, vừa nghe Quĩ hỏi xin, tôi đã rất mong Thuỳ từ chối thẳng thừng. Đến đây, tôi mong Giáp giúp vợ gỡ thế khó xử. Nhưng Giáp cứ ngồi rít thuốc. Thuỳ đành nói:

- Em giữ lại, một phần cũng vì anh Giáp thích.

Quĩ ngoảnh sang Giáp:

- Ông anh nhường tôi nhá!

Giáp điềm nhiên:

- Tác phẩm của cô ấy, tuỳ cô ấy chứ.

Tôi ghét Giáp quá. Không khí trong phòng nặng nề, không chỉ vì khói thuốc và hơi rượu. Quĩ nhìn Thuỳ gặng:

- Thế nào? Đồng ý chứ?

- Vâng, tuỳ anh. - Thuỳ nói, như thở hắt ra và vẫn đứng nguyên.

Có cái gì hẫng đi trong tôi. Quĩ đã rướn người đưa tay định hạ bức tranh xuống, bỗng thay đổi ý định:

- Hãy cứ gửi lại đây đã. Phòng tôi còn luộm thuộm quá.

Nói xong, anh ta đi ra chẳng chào ai. Giáp ném điếu thuốc hút dở xuống đất, vươn vai đứng dậy:

- Phải đi kiếm bát phở thôi. Nếu không, đêm cái bụng nó réo thì khó mà ngủ yên. Thuỳ mang cặp lồng theo, em ạ. Ta mang về cho cu Trung. Bây giờ cứ để nó ngủ.

Đi ăn về, để vợ chồng Giáp đi trước, tôi ghé quán nước mua cho cháu Trung cái bánh nướng. Trở lại nhà bạn, tôi thấy ai đã xoay bức vẽ Giáp úp vào tường.

**

Thuỳ rầu rầu nói:

- Trước đó khá lâu em đã linh cảm thấy điều ấy. Thế mà anh Giáp cứ thản nhiên như không.

- ...?

- Em rất khó nói. Một đằng, em rất quí và thương anh Giáp. Một đằng thì dù sao anh Quĩ cũng là thầy, tuy không lên lớp; và đã giúp em được vào học khỏi phải qua các thủ tục phiền hà.

- Tôi chưa hiểu đã có chuyện gì?

- Anh có biết anh Quĩ làm gì không? Em không nói nghề hiện nay của anh ấy trong biên chế Bộ Văn hoá - Thông tin. Anh ấy làm "tham mưu" cho bọn buôn lậu đồ cổ, tranh cổ. Không! Không phải chỉ là "hoa tiêu" đâu anh ạ - Anh ấy sục tìm, mách mối, đánh giá, cả mồi chài nữa cho bọn họ. Họ mà "trúng quả" lớn thì anh ấy chỉ việc chìa tay ra. Anh cũng biết công việc của anh Giáp liên quan ít nhiều đến những tác phẩm văn hoá cổ kim. Anh Giáp lại hay đi khảo sát nhiều nơi. Anh Quĩ bảo anh Giáp: "Ừ, thì cứ coi như bán chất xám cho chúng nó. Chất xám lúc này chẳng được giá lắm đâu. Thế mà chúng nó "có cửa", chúng nó chi mạnh tay lắm. Còn nếu chúng nó "bể mánh" thì chỉ chúng nó hứng". Anh Giáp đáp lửng lơ: "Đồ cổ là tài sản quốc gia đấy. Cả những thứ không hẳn là cổ". Anh Quĩ hạ luôn một câu: "Đúng là ông đồ Nghệ".

- Đến vậy mà Giáp vẫn giao du với hắn ta?

Thuỳ thở dài:

- Lạ thế đấy, anh ạ. Em chẳng rõ anh Quĩ có thuật gì lôi kéo anh Giáp không, hay là anh ta gãi đúng nỗi niềm tâm sự nào đó của anh ấy. Em biết chắc anh ấy không ưa anh Quĩ.

Thuỳ vào bếp lấy thêm nước nóng. Tôi thấy câu chuyện không chỉ có vậy, cũng không chỉ vì những mối quan hệ rối rắm, nhưng tôi ngại nghĩ lôi thôi. Tôi đứng dậy đi thơ thẩn ngắm các bức tranh. Đằng sau một tấm áp-phích có cái gì cồm cộm, tôi lật xem và hơi sững người: bức tranh lọ hoa ngày nào! Có cái hơi khác là mặt kính bị nứt vỡ một đường xéo ở một góc dưới. Thuỳ đã trở lại. Tôi lựa lời:

- Bức tranh này lại "châu về Hợp Phố"?

Thuỳ cười nhẹ:

- Dạo ấy, mãi anh Quĩ cũng không lấy về.

Tôi quyết định hỏi thẳng:

- Chị và Giáp cắt nhau rồi à?

Thùy ngồi cúi đầu giây lâu rồi ngửng lên trầm giọng:

- Anh là bạn thân của anh Giáp, em xin nói thật, nói hết. Em nghĩ anh Giáp chỉ thương hại em. Nếu không, sao lại...

Tôi vội ngắt lời:

- Không đúng!

Rồi tôi vắn tắt kể cho Thuỳ nghe chuyện Ninh ngày xưa, những gì tôi cảm thấy ngày ấy và câu thổ lộ của Giáp với tôi ngày tôi mới gặp lại anh. Thuỳ ngồi lặng đi nhìn mông qua cửa sổ, giọng xa xăm:

- Tiếc rằng ngày ấy em chẳng biết gì cả. Song dẫu có biết thì cũng chẳng hơn gì, bởi vì dạo ấy em còn khờ lắm, tự hiểu mình chưa xong, còn nói gì hiểu người, hiểu đời. - Giọng chị trở nên tỉnh hơn - Nhưng nếu vậy thì anh Giáp càng đáng trách. Anh Quĩ muốn mê hoặc anh Giáp không chỉ vì công việc làm ăn... Ngày trước, anh ta đã từng ... rất chu đáo với em. Có thể là em lầm. Mà cũng có thể còn có cái gì đó sâu xa hơn. Nhưng thôi, mặc anh ta. Em chỉ giận anh Giáp. Chẳng phải là anh ấy vô tâm.

Vẻ mặt Thuỳ không giấu được cơn giận và nỗi đau. Tôi cố nói một câu gì đó:

- Chẳng lẽ chỉ vì nghĩ vậy mà chị bỏ xuống đây?

Mấy nếp nhăn hiện rõ hai bên mép Thuỳ:

- Có những sự ngẫu nhiên dồn đến anh ạ. Vào lúc ở Bộ người ta cho biết một xí nghiệp ở Hải Phòng cần một họa sĩ...

Tôi tò mò hỏi luôn:

- Các xí nghiệp thì có việc gì cần đến họa sĩ nhỉ?

Thuỳ hơi cười, hẳn là vì sự mù mờ của tôi:

- Thiếu gì việc, anh? Chẳng qua ở ta chưa coi trọng đấy thôi - Giọng Thuỳ đượm buồn - Anh Giáp thật lạ. Anh Quĩ tán anh ấy giao cháu Trung cho anh ta dìu dắt, anh ấy cũng gật. Em nhất định không nghe, anh ấy cáu với em. Tối hôm ấy, anh Quĩ lại đến chén chú, chén anh với anh Giáp tới khuya. Lúc Quĩ về rồi, em mới khuyên anh ấy nên thôi những cuộc chén như vậy. Em nói khá găng. Em nén quá lâu rồi, không chỉ vì chuyện nhậu nhẹt. Em nói: "Anh đừng làm hỏng anh và làm hỏng cả con". Em không để ý là anh Giáp có vẻ say hơn và bực bội hơi mọi lần. Hình như lúc em có việc đi ra ngoài, anh Giáp và anh Quĩ nói chuyện gì đó không vui. Thế rồi nẩy ra một cuộc cãi nhau to. Có lẽ hàng xóm cũng phải thức giấc. Anh ấy quát em: "Cô đi đâu thì đi!" Rồi anh ấy quẳng cả bức tranh kia - Thuỳ trỏ vào bức tranh bình hoa - Hôm sau, em đến ban tổ chức xung phong đi Hải Phòng. Các thủ tục được giải quyết rất chóng. Em xuống đây vừa may. Một người anh họ em chuyển công tác vào Nam đưa cả nhà đi. Anh chị muốn giữ chỗ ở này cho một đứa con hiện đang được nhà máy của thành phố này cử đi thực tập ở nước ngoài. Em ở đây đã gần một tháng rồi.

Tôi dè dặt hỏi:

- Chị ra đi, Giáp không ý kiến gì cả ư?

- Mẹ con em đi lúc anh ấy còn ở cơ quan. Em để lại một lá thư nói là đừng tìm, lúc nào em thấy nên về, em sẽ về.

Tôi như nói với mình: "Có nên vậy chăng?" Trong bụng thì nghĩ: "Chẳng lẽ Thuỳ phải trốn cái gì đó, Quĩ và cái không khí hắn tạo ra, hay cái gì khác nữa?".

Thùy hơi đăm chiêu, nói như lạc đề:

- Chỗ em làm trước đây nhiều việc sự vụ quá. Lắm khi không có việc gì cho ra việc nữa. Cứ ngồi chơi tràn cũng được hoặc làm việc riêng cũng được. Em những loay hoay mà hết buổi. Còn vẽ thì từ lâu ở nhà em chẳng vẽ được gì ra hồn. Việc công, việc riêng đều cảm thấy trì trệ.

Tôi cứ nói theo đà suy nghĩ:

- Không nên chấp người đang say rượu.

Mắt Thuỳ tối lại:

- Có phải chỉ là chuyện say không anh?

- Tôi chưa thật rõ nội tình các bạn. Nhưng có nên quyết liệt vậy không?

Thùy nói nhỏ:

- Dĩ nhiên anh ấy có thể tìm đến nơi em hiện đang công tác không khó mấy - Ngừng một chút, chị đổi giọng - Về đây, môi trường mới, công việc mới, em khá vất vả. Thì giờ rỗi để làm kiếm thêm không nhiều lắm, nhưng lại thấy ham làm việc.

Tôi nghĩ thầm: Mình đã nói vậy mà Thuỳ vẫn ngờ Giáp không thật yêu cô khi họ lấy nhau, hoặc không còn nguyên vẹn mối tình xưa kia nữa. Cũng có thể là như thế. Song Thuỳ có yêu Giáp không? Nhưng nói "yêu" theo nghĩa nào mới được chứ? Vả chăng điều đó đặt ra kể như thừa khi họ đã có mấy năm dài sống êm ấm với nhau. Còn kẻ kia? Hắn và những con tôm thoa mỡ dưới ánh nến của hắn. Có lẽ đáp số của bài toán cũ về Thuỳ đối với hắn nay chẳng còn mấy ý nghĩa. Nhưng hắn cần tự khẳng định mình theo cái cách của hắn chăng? Hay là hắn muốn chứng minh ở đời này khó có sự ngay thẳng, khó có hạnh phúc ngay thẳng? Hay là... Nhưng mà hắn là ai? Có những kẻ tồi hạ đẳng; có những kẻ tồi siêu cấp. Hắn chẳng phải là loại thứ nhất, mà có lẽ chưa đạt trình độ loại thứ hai - loại này thường có bộ mặt khả ái hoặc oai nghiêm kia. - Hừm! Thuộc loại nào thì hắn vẫn là hắn. Cũng như tôm vẫn cứ là tôm, vẫn cứ là "đội phẩn lên đầu", và cứ co vào, chết càng co vào. Dù là dưới ánh nến, ánh đèn điện hay ánh mặt trời. Dù sao hắn vẫn đang tồn tại. Ờ, mà không có hắn thì sao nhỉ? Hắn là nguyên nhân hay chỉ là tác nhân?

- Em chẳng còn ai khác. - Thuỳ chuyển giọng tâm tình - Bố và dì em đã mất trước ngày giải phóng miền Nam. Anh chị em di tản sang Mĩ. Em đã tập cách sống tự lập. Nhưng rời nơi công tác quen thuộc không phải em không ngại ngần.

- Còn với Giáp thì sao? Chị để Giáp lại cho tay Quĩ xô đẩy...

- Chẳng ai xô đẩy anh ấy được, nếu anh ấy không tự xô đẩy mình. Em cho rằng còn ở với mẹ con em thì anh ấy còn tự buông trôi. E rồi bỏ bê cả việc nghiên cứu mà anh ấy từng coi như một lẽ sống. Có lẽ anh ấy khổ vì đã nhầm tình thương với tình yêu. Chuyện ngày xưa là chuyện cũ càng.

Khổ thật! - Tôi than thầm - Chẳng qua Giáp còn mang nặng một mặc cảm. Mặc cảm gì nhỉ? Mặc cảm của một người đã từng không may trong tình yêu và trong sự nghiệp chăng? Cái sau làm nặng nề thêm cái trước. Có phải trong tâm trạng ấy mà anh chấp nhận "tình bạn" của Quĩ? Có lẽ không phải là chấp nhận mà là một sự mặc kệ, một sự coi thường mọi sự đời. Mà nếu vậy thì có thể dẫn tới xoá nhà ranh giới giữa cái tốt và cái xấu, không còn tởm lợm cái xấu. Và thế là... tôi không tin bạn tôi đã đến cái mức ấy. Tuy nhiên, cuộc sống bây giờ đang giương ra những cái bẫy, hay ít nhất cũng đề ra những thử thách phức tạp.

Tôi định khuyên Thuỳ đôi câu, song nhận thấy chưa cần và chưa nên. Tôi đành chỉ nói mấy lời

dè chừng. Tiễn tôi ra đến đầu ngõ, Thuỳ bảo tôi:

- Anh đừng nói gì với anh Giáp và đừng cho anh ấy biết nơi này vội nhé.

Sắp chia tay, chị nói thêm:

- Cũng chẳng thể kéo dài tình trạng này đâu. Cháu Trung nó nhớ bố nó ghê lắm.

Tôi thử đùa:

- Còn mẹ cháu thì không à?

Thuỳ cười, gò má ửng lên, quay vội người tránh ánh mắt tôi. Tôi như thấy lại cô Thuỳ hồn nhiên, nhiều mơ ước.

***

Tôi chỉ theo đúng lời giao hẹn của Thuỳ được một nửa. Có nghĩa là tôi đã viết thư ngay cho Giáp, không tiết lộ nơi mẹ con Thuỳ ở, nhưng kịch liệt "phê".

"... Ông bây giờ rộng cẳng, sướng nhỉ! Cho nên ông cứ ung dung chẳng cần biết vợ con phiêu bạt đi đâu. Trước đây tôi lấy làm rầu lòng thấy ông như định chơi trò "bộ ba". Hay ông muốn tạo ra một tấn bi hài kịch để trút vợi nỗi tức đời của mình? Nhưng ông chỉ là một thằng ngốc. Có vẻ như ông lí tưởng hoá Thuỳ, nhưng thực tế, ông chỉ coi Thuỳ như một bức tĩnh vật - Chính ông mới là tĩnh vật - Chẳng lẽ ông nghĩ luồng ánh sáng trong bức tranh của Thuỳ là do cô ấy nghĩ đến ông? Ông coi chừng đó! Thuỳ là người có bản lĩnh và vị tha. Nhưng không phải bản lĩnh nào cũng cố chịu đựng những trò thách đố nhẫn tâm hoặc vô duyên. Khéo mà ông trắng tay đó! - Trắng tay theo cả nghĩa đen và nghĩa bóng, diện hẹp và diện rộng. Cứ phó mặc sự đời đưa đẩy là chẳng xong đâu. Đánh rơi mình lúc nào không biết đấy. Suýt nữa thì tôi đặt cho ông câu hỏi: "Ông chọn Thuỳ hay chọn Quĩ?" Một câu hỏi tàn tệ và tồi tệ, vô nghĩa lí nữa...".

Một tuần sau, Giáp mới trả lời tôi. Anh chẳng kể lể, chẳng phân trần. Thư bắt đầu bằng chuyện về chuyến đi khảo sát vừa đây của anh, một chuyến đi "có quá nhiều tình huống đáng bực mình" nhưng rồi cũng trót lọt. Đột ngột, anh đổi mạch thư:

"Ông bạn cứ phán tùm lum. Ông đã hiểu gì về tôi nào? Xem bộ ông chỉ mới nhìn cái khía cạnh mùi mẫn. Dù sao tôi cũng rất cảm ơn ông, vì hình như ông cũng có lí phần nào. Vừa qua, tôi đã có dịp để suy ngẫm. Một thời gian không ngắn, tôi đã định làm một phép thử với cả chính tôi. (Ông bạn ơi! - Tôi nghĩ thành tiếng - Ông định thử cái gì? Lòng tin? Tình yêu? Cách sống? Khá đắt đấy! Mỗi cuộc đời bình thường như của chúng ta chỉ có một cái "vốn" khiêm tốn mà thôi). Thư ông gay gắt trong cái lối suy tư hạn hẹp của ông, song cũng khơi gợi những điều ngoài cả những gì ông định nói. Ông chỉ quan tâm đến chuyện nhà của tôi thôi. Giá tôi đủ nguội lạnh hoặc vô lương để coi gia đình là một môi trường khép kín, mặc sức thu vén! Tôi sẽ về thăm ông đấy. Ông là láu lắm nhé! Chắc hẳn Thuỳ đã dặn ông giấu chỗ ở của mẹ con cô ấy chứ gì? Thì ra bệnh nữ khuynh của ông hãy còn khá nặng..."

Phảng phất cái cười tủm có lúm đồng tiền bên má bạn tôi ngày nào.

Hải Phòng, XI - 1984

KHẢI NGUYÊN

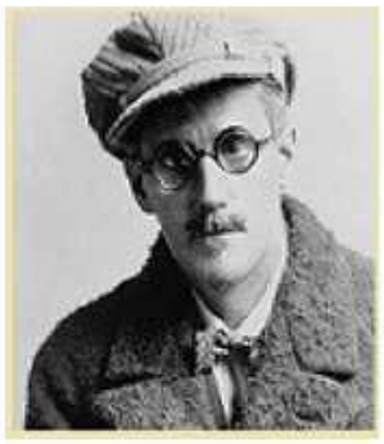

truyện dịch

ĐÁM MÂY NHỎ

VŨ MAI TRANG

Nguyên bản tiếng Anh

A Little Cloud trong Dubliners của James Joyce

Tám năm trước anh đã tiễn bạn mình tại bến North Walli và chúc anh ta thượng lộ bình an. Gallaher đã tìm được con đường cho mình. Có thể thấy ngay điều đó qua dáng vẻ lãng tử của anh ta, bộ com-lê vải len cắt rất khéo, và giọng nói không hề e sợ. Ít người có được những khả năng như anh ta, và còn ít người hơn có thể tự giữ mình không bị sự thành công đó làm cho hư hỏng. Trái tim Gallaher đã được đặt đúng chỗ và anh ta xứng đáng được thành công. Có được một người bạn như thế quả không phải chuyện thường.

Tâm trí Little Chandler suốt từ trưa đến giờ chỉ quẩn quanh với cuộc gặp Gallaher, về lời mời của Gallaher tối nay, và về London rộng lớn nơi Gallaher sống. Anh bị gọi là Little Chandler bởi, dù chỉ hơi thấp bé hơn trung bình một chút, anh làm người ta có ấn tượng là một người đàn ông nhỏ béii. Tay anh trắng và nhỏ, thân hình mỏng mảnh, giọng yếu ớt và cử chỉ nhỏ nhẹ. Anh chăm sóc kỹ càng mái tóc hoe vàng mềm mại và bộ ria của mình, rắc nước hoa thoang thoảng lên chiếc khăn mùi-xoa. Móng tay anh tỉa hình bán nguyệt hoàn hảo, và khi anh cười người ta có thể thoáng thấy bên trong một hàng răng trắng trẻ thơ.

Ngồi bên bàn làm việc tại King's Innsiii anh nghĩ về những đổi thay trong tám năm qua. Người bạn tồi tàn luôn túng quẫn anh từng biết giờ đã trở thành một nhân vật sáng chói trong giới ký giả London. Chốc chốc anh lại rời mắt khỏi trang viết tẻ ngắt của mình nhìn ra ngoài cửa sổ văn phòng. Ánh hoàng hôn chiều thu tỏa trên thảm cỏ và lối đi. Nó phủ một làn bụi vàng lấp lánh lên những cô y tá ăn vận lôi thôi và những ông già hom hem ngồi gà gật trên ghế; nó rung rinh trên tất cả những gì đang chuyển động – lên lũ trẻ đang chạy hò hét trên lối đi rải sỏi và lên bất kỳ ai đi ngang qua khu vườn. Anh ngắm cảnh đó và nghĩ về cuộc đời; và (vẫn như mỗi lần anh nghĩ về cuộc đời) anh trở nên buồn bã. Một cảm giác u sầu ngập tràn con người anh. Anh thấy thật vô nghĩa khi cứ phải cố chống lại số phận: cái gánh nặng thông thái hàng đời đã chất lên anh.

Anh nhớ lại hàng chồng thơ chất trên giá sách ở nhà. Anh đã mua chúng hồi còn độc thân và đã bao nhiêu đêm, khi ngồi trong căn phòng nhỏ sau sảnh, anh từng rất muốn lấy một quyển xuống đọc một đoạn cho vợ nghe. Nhưng ngượng ngùng luôn cản bước anh; và thế là những quyển sách lại nằm yên trên giá. Đôi khi anh tự lẩm nhẩm mấy đoạn và điều này làm anh thấy được an ủi.

Khi chuông báo hết giờ làm anh đứng dậy và rời khỏi bàn, chào tạm biệt đồng nghiệp, tất cả đều thật tỷ mỷ. Anh bước ra từ dưới vòm cổng kiểu cung đình của King's Inns, bé nhỏ tề chỉnh, và rảo bước xuôi phố Henriettaiv. Hoàng hôn mạ vàng đang nhạt dần và không khí đã trở nên cóng hơn. Một lũ trẻ trông cáu bẩn tụ tập trên phố. Chúng loăng quăng dưới lòng đường, bò lên bậc thang phía trước những cánh cửa khép hờ, hoặc ngồi lổm ngổm như lũ chuột con trên thềm nhà. Little Chandler không thèm để ý đến chúng. Anh khéo léo lách xuyên qua cái cuộc sống chuột bọ vụn vặt đó, dưới bóng những dinh thự ma quái hoang vu một thời giới quý tộc Dublin từng hội hè sung sướng. Không một hồi ức quá khứ nào vướng bận anh, bởi tâm trí anh còn đang ngập tràn niềm vui sướng của hiện tại.

Anh chưa bao giờ đến tiệm Corlessv, nhưng anh biết giá trị của cái tên đó. Anh biết người ta đến đó sau buổi xem nhà hát để ăn món sò và uống các loại rượu; và anh nghe nói hầu bàn ở đó nói được tiếng Pháp và tiếng Đức. Mỗi tối khi rảo bước ngang qua tiệm anh vẫn thấy những cỗ xe dừng lại trước cửa và những quý bà ăn mặc sang trọng, theo sát là quý ông tháp tùng, bước xuống và biến mất vào tiệm. Họ mặc những chiếc váy sột soạt và tầng tầng lớp lớp áo khoác. Mặt họ đánh phấn và họ túm lấy váy nâng lên mỗi khi chúng chạm đất như những nàng Atalanta hoảng sợvi. Anh luôn đi ngang qua họ mà không quay đầu lại nhìn. Rảo bước thật nhanh trên đường đã trở thành thói quen của anh ngay cả khi ban ngày, và mỗi khi nhận ra mình đang ở trong thành phố lúc khuya muộn anh lại vội vã bước đi, vừa thấy lo ngại vừa thấy phấn khích. Tuy nhiên đôi lúc anh lại muốn chuốc lấy những nguyên do gây ra sự sợ hãi của mình. Anh chọn những đường phố tối nhất, hẹp nhất và, khi dần bước tiến lên, sự im lặng lan tỏa quanh tiếng bước chân lại làm anh lo sợ; những thân hình vơ vất, im lìm làm anh lo sợ; và đôi khi một tiếng cười khẽ thoảng qua làm anh run lên như cây sậy trước gió.

Anh rẽ phải về phía phố Capelvii. Ignatius Gallaher thuộc giới ký giả London! Ai có thể nghĩ được chuyện đó tám năm trước đây? Nhưng dù sao, giờ đây khi nhìn lại quá khứ, Little Chandler nhớ lại đã có nhiều dấu hiệu chứng tỏ bạn anh sẽ là người thành đạt. Hồi đó người ta từng nói Ignatius Gallaher thật điên rồ. Tất nhiên hồi đó đúng là anh ta có qua lại với một đám phóng đãng; uống rượu thả cửa và nợ tiền khắp lượt. Cuối cùng anh ta dính vào vụ gì đó mờ ám, dàn xếp tiền nong gì đó: ít nhất, đó là một trong những phiên bản giải thích chuyện anh ta cao chạy xa bay. Nhưng không ai có thể phủ nhận tài năng của anh ta. Luôn có cái gì đó... điều gì đó ở Ignatius Gallaher làm người ta dù không muốn cũng phải thán phục. Dù cả khi chuẩn bị sạch túi phải đi kiếm từng xu anh ta cũng luôn giữ được một vẻ phớt đời. Little Chandler nhớ lại (và chuyện này khiến má anh hơi đỏ lên kiêu hãnh) một trong những câu nói của Ignatius Gallaher lúc bị dồn vào bước khó khăn:

'Nào, giải lao thôi các cậu,' anh ta thường nói một cách bông đùa. 'Cái mũ thông thái của tớ đâu rồi ấy nhỉ?'

Ignatius Gallaher là như thế; và, chết tiệt chứ, không thể không ngưỡng mộ anh ta vì điều đó.

Little Chandler rảo bước nhanh hơn. Lần đầu tiên trong đời anh cảm thấy mình cao hơn những người anh đi qua. Lần đầu tiên tâm hồn anh nổi loạn chống lại vẻ tầm thường nhàm chán của phố Capel. Không còn nghi ngờ gì: nếu muốn thành công người ta phải đi thật xa. Không thể làm được gì ở Dublin này. Khi đi qua cầu Grattanviii anh nhìn xuống sông về phía bờ ke thấp phía dưới và thương hại những ngôi nhà lụp xụp nghèo khó. Trông chúng như đám người lang thang nằm rúc lại với nhau dọc hai bờ sông, những mảnh áo khoác cũ lấm đầy bụi và bồ hóng, trông càng u độn hơn trong cảnh hoàng hôn hùng vĩ, đang đợi chờ làn hơi lạnh đầu tiên của buổi tối đến đánh thức, lay họ dậy bước đi. Anh tự hỏi liệu mình có thể viết được một bài thơ với ý này không. Nhỡ đâu Gallaher có thể gửi đăng trên tờ báo London nào đó cho anh. Liệu anh có thể viết được thứ gì đó độc đáo không nhỉ? Anh không chắc lắm mình muốn thể hiện ý tưởng gì, nhưng cái ý nghĩ mình vừa có cảm hứng thi ca đâm chồi trong anh như một tia hy vọng mới mẻ. Anh can đảm bước tiếp.

Mỗi bước đi lại mang anh gần hơn với London, và xa hơn khỏi cuộc sống đứng ngoài nghệ thuật tẻ ngắt của anh. Một tia sáng bắt đầu cựa quậy nơi đường chân trời tâm trí anh. Anh đâu đã già – ba mươi hai tuổi! Tâm hồn anh có thể nói giờ mới đang độ chín. Có bao trạng thái cảm xúc khác nhau anh muốn được diễn đạt thành thơ. Anh có thể cảm thấy chúng. Anh cố đặt tâm hồn mình lên bàn cân xem có phải nó là tâm hồn của một thi sĩ không. U sầu là nốt nhạc chủ đạo của tâm hồn anh, anh nghĩ, nhưng đó là một nỗi u sầu được dịu đi bởi sự trở lại của đức tin, sự cam chịu và niềm vui giản dị. Nếu anh có thể diễn đạt nó thành một tập thơ có lẽ người ta sẽ lắng nghe anh. Anh sẽ không bao giờ trở nên nổi tiếng: anh nhìn thấy rõ điều đó. Anh không thể thống trị đám đông, nhưng có khi anh có thể làm rung động một nhóm nhỏ những tâm hồn đồng điệu. Giới phê bình Anh có khi sẽ công nhận anh là một trong những thi sĩ trường phái Celticix bởi âm hưởng u sầu trong thơ anh; ngoài ra, anh sẽ cho thêm những ẩn dụ nữa. Anh bắt đầu tưởng tượng ra những câu chữ trong bài phê bình mà tập thơ của anh sẽ nhận được. 'Ngài Chandler có biệt tài với những vần thơ nhẹ nhàng thanh thoát'... 'Một nỗi buồn man mác ngập tràn trong những bài thơ này'... 'Âm hưởng Celtic'. Thật đáng tiếc sao tên anh trông không giống một cái tên Ai-len hơn chút nhỉ. Có khi nên ghi thêm tên mẹ anh vào trước tên họ cũng nên: Thomas Malone Chandler;

hoặc thậm chí là: T. Malone Chandler. Anh sẽ nói với Gallaher về chuyện này.

Anh chìm đắm trong những mơ tưởng của mình đến nỗi đã đi quá phố muốn đến và phải quay lại. Khi đến gần tiệm Corless sự lo âu lúc trước lại chiếm lấy anh và anh dừng lại trước cửa, ngập ngừng. Cuối cùng anh cũng mở cửa đi vào.

Ánh đèn và tiếng ồn của quán rượu làm anh khựng lại nơi cửa mấy giây. Anh nhìn quanh, nhưng cái nhìn của anh bị làm cho lẫn lộn bởi cơ man những ly rượu màu xanh đỏ. Có vẻ quán rượu đang đầy người và anh cảm thấy người ta đang tò mò quan sát anh. Anh liếc nhanh sang phải rồi sang trái (hơi nhíu mày để trông có vẻ quan trọng) nhưng khi mắt đã rõ hơn một chút anh nhận ra rằng chẳng có ai quay ra nhìn anh hết: và kia, chắc chắn rồi, là Ignatius Gallaher đang dựa lưng vào quầy, hai chân đứng dạng ra.

'Chào, Tommy, người hùng, cậu đây rồi! Gì nào? Cậu sẽ uống gì? Tớ đang uống whisky: whisky ở đây khá hơn chỗ bọn tớ. Soda? Lithiax? Không thêm nước khoáng à? Tớ cũng giống cậu. Mấy thứ đó chỉ tổ làm hỏng vị . . . Này, gạc-xôngxi, mang cho chúng tôi hai nửa ly whisky mạch nha, anh bạn. . . Nào, cậu xoay sở thế nào từ lần cuối tớ gặp cậu? Chúa ơi, chúng mình già đi mới khiếp chứ! Cậu có nhìn thấy tớ có dấu hiệu lão hóa gì không – hả, gì cơ? Đầu hơi xám và thưa đi – hả?'

Ignatius Gallaher bỏ mũ xuống, chìa ra một cái đầu lớn tóc cắt sát. Mặt anh ta nặng nề, nhợt nhạt, cạo nhẵn thín. Mắt anh ta, màu xám nhạt, lộ ra vẻ xanh xao bệnh tật và rực sáng phía trên chiếc cà vạt màu cam sặc sỡ anh ta đeo. Giữa hai đường nét đối chọi này là đôi môi trông trễ hẳn xuống èo uột tái nhợt. Anh ta nghiêng đầu và lấy hai ngón tay mảnh dẻ sờ vào viền tóc mỏng quanh đỉnh đầu. Little Chandler lắc đầu phủ nhận. Ignatius Gallaher đội lại mũ lên.

'Nó làm cậu kiệt quệ,' anh ta nói. 'Cuộc đời ký giả ấy. Lúc nào cũng vội vã hối hả kiếm bài mà đôi khi cũng có kiếm được đâu: mà lại luôn phải tìm được thứ gì mới chứ. Mặc cha bọn sửa bông với bọn nhà in, tớ nói, biến đi vài ngày đã. Tớ thực sự vui, có thể nói với cậu như vậy, được trở lại quê hương. Luôn tốt cho sức khỏe, chuyện đi nghỉ ấy. Tớ cảm thấy khá hơn rất nhiều từ khi đặt chân xuống lại cái Dublin thân thương bẩn thỉu này... Rượu của cậu đây, Tommy. Thêm nước lọc à? Cứ nói nhé.'

Little Chandler pha cốc whisky của anh rất loãng. 'Cậu không biết cái gì tốt cho cậu rồi, cậu bé,' Ignatius Gallaher nói. 'Tớ thì tớ uống nguyên luôn.'

'Bình thường tớ cũng chỉ uống rất ít mà,' Little Chandler rụt rè. 'Cùng lắm là nửa cốc gì đó lúc nào gặp bạn bè cũ: chỉ thế thôi.'

'Được rồi,' Ignatius Gallaher vui vẻ, 'nào nâng cốc cho bọn mình và cho thời xa xưa và những bạn bè cũ.'

Họ chạm cốc.

'Hôm nay tớ cũng gặp mấy cậu hồi đó,' Ignatius Gallaher nói. 'O'Hara có vẻ xuống dốc quá. Cậu ta đang làm gì vậy?'

'Chẳng làm gì cả,' Little Chandler nói. 'Đời cậu ta coi như bỏ rồi.'

'Nhưng Hogan thì khá, phải không?'

'Phải, cậu ta làm ở Ủy ban Đất đaixii.'

'Tớ từng gặp cậu ấy ở London đêm nọ và cậu ta có vẻ xủng xoẻng lắm... Tội nghiệp O'Hara! Nát rượu, có phải không?'

'Cả những chuyện khác nữa,' Little Chandler ngắn gọn.

Ignatius Gallaher cười phá lên.

'Tommy,' anh ta nói, 'Tớ thấy cậu chẳng thay đổi mảy may. Cậu vẫn là anh chàng đứng đắn giảng đạo cho tớ mỗi sáng Chủ nhật những lần tớ đau đầu buồn nôn. Cậu cần phải đi thăm thú thế giới này một chút đi. Cậu đã bao giờ đi đâu chưa, kể cả đi du lịch?'

'Tớ đã đến đảo Isle of Manxiii,' Little Chandler nói.

Ignatius Gallaher lại cười phá lên.

'Đảo Isle of Man!' anh ta kêu lên. 'Hãy đi đến London hoặc Paris: Paris ấy. Sẽ tốt cho cậu đấy.'

'Cậu đã đến Paris chưa?'

'Có khi tớ nên đến nhỉ. Tớ chả mòn gót ở đấy rồi ấy chứ.'

'Và đúng là nó đẹp như người ta vẫn nói chứ?' Little Chandler hỏi.

Anh nhấp một ngụm rượu trong khi Ignatius Gallaher dốc cạn cốc anh ta.

'Đẹp ư?' Ignatius Gallaher nói, ngừng lại tìm từ, cũng để thưởng thức vị rượu ngấm nơi cổ họng. 'Không đẹp lắm, cậu biết đấy. Tất nhiên là nó đẹp rồi... Nhưng là chuyện cuộc sống ở Paris, vấn đề ở chỗ đó. Ôi, không thành phố nào sánh được với Paris về vui vẻ, về phấn khích, cuồng nhiệt. . .'

Little Chandler uống cạn cốc whisky của anh, và, sau một chút khó nhọc, cũng khiến được người phục vụ chú ý. Anh lại gọi một cốc giống thế.

'Tớ đã đến Moulin Rougexiv,' Ignatius Gallaher tiếp tục khi người phục vụ đã mang cốc của họ đi, 'và tớ cũng từng đến tất cả các quán cà phê Bô-hê-miêngxv. Mới nóng bỏng chứ! Nhưng không dành cho một gã sùng đạo như cậu đâu, Tommy.'

Little Chandler không nói gì cho đến khi người phục vụ quay lại với hai cốc rượu: rồi anh chạm nhẹ cốc với bạn và uống đáp lễ. Anh bắt đầu cảm thấy vỡ mộng sao đó. Giọng Gallaher cùng cách nói của anh ta không làm anh thoải mái. Có một cái gì đó thô bỉ ở người bạn mà trước đây anh chưa từng nhận thấy. Nhưng có thể đó chỉ là hậu quả của chuyện sống ở London giữa những cơn quay cuồng và cạnh tranh của giới ký giả. Nét duyên dáng riêng biệt xưa kia vẫn còn đó ẩn dưới vẻ hợm hĩnh mới có này. Và, dù sao, Gallaher đã sống, đã nhìn thấy thế giới. Little Chandler nhìn bạn anh với một vẻ ghen tỵ.

'Cái gì ở Paris cũng vui vẻ,' Ignatius Gallaher nói. 'Họ tôn sùng chuyện hưởng thụ cuộc sống – và cậu thấy họ có lý đấy chứ? Nếu cậu muốn hưởng thụ thực sự cậu phải tới Paris. Và, cho cậu biết nhé, ở đó họ thích người Ai-len lắm đấy. Khi họ nghe thấy tớ bảo tớ là người Ai-len, họ gần như ăn tươi nuốt sống tớ, anh bạn ạ.'

Little Chandler uống liền bốn, năm ngụm rượu.

'Kể cho tớ biết,' anh nói, 'có đúng là Paris rất, rất . . . hư hỏng như người ta nói không?'

Ignatius Gallaher giơ cánh tay phải lên khoát một cử chỉ rộng lượng.

'Nơi nào mà không hư hỏng,' anh ta nói. 'Tất nhiên cậu có thể tìm thấy những thứ vui vẻ nhất ở Paris. Tới một đêm nhảy nhót của sinh viênxvi, chẳng hạn, thì có thể nói, nếu cậu muốn, là hơi bị sôi nổi, khi các em bắt đầu bốc lên. Tớ chắc cậu biết thế nghĩa là gì, phải không?'

'Tớ từng có nghe nói,' Little Chandler nói.

Ignatius Gallaher dốc cạn chỗ whisky và lắc lắc đầu.

'À,' anh ta nói, 'người ta có thể muốn nói gì thì nói. Nhưng không phụ nữ ở đâu sánh bằng phụ nữ Paris hết - về độ vui vẻ, về phong cách.'

'Có nghĩa đó là một thành phố hư hỏng,' Little Chandler nói, rụt rè – 'Ý tớ là, nếu so với London hay Dublin?'

'London á!' Ignatius Gallaher kêu lên. 'Tám lạng nửa cân cả thôi! Đi mà hỏi Hogan ấy, chàng trai. Tớ đã giới thiệu cho cậu ta chút ít về London hồi cậu ta ở đó. Cậu ta sẽ mở mắt cho cậu... Tớ bảo rồi, Tommy, đừng có uống whisky hảo hạng thế này mà như uống rượu punch nhà cậu: cạn ly đi.'

'Thôi, thật đấy.'

'Dào, thôi nào, một cốc nữa cũng có hại gì đâu. Gì nào? Lại một cốc như thế chứ?'

‘Thôi được rồi.’

‘François, lại như cũ . . . Cậu làm một điếu chứ, Tommy?’

Ignatius Gallaher đặt lên quầy hộp xì gà của anh ta. Hai người bạn châm xì gà và nhả khói trong im lặng cho đến khi rượu được mang ra.

‘Tớ sẽ nói cho cậu biết quan điểm của tớ,’ Ignatius Gallaher nói, cất giọng trở lại sau một lúc nấp sau đám khói thuốc ‘đây là một thế giới kỳ quặc. Nói về chuyện hư hỏng à! Tớ từng nghe được những trường hợp – tớ đang nói gì nhỉ? – Tớ biết họ: những trường hợp… hư hỏng…’

Ignatius Gallaher trầm tư nhả khói từ điếu xì gà rồi, với một giọng kể chuyện điềm tĩnh, anh ta phác nên cho bạn những bức tranh về sự suy đồi tràn lan ở xứ ngoại quốc. Anh ta tổng kết lại những tệ nạn của nhiều thủ đô và có vẻ muốn trao giải quán quân cho Berlin. Có một số thứ anh ta không chắc lắm (bạn bè kể lại cho anh ta), nhưng về những chuyện khác thì đúng là anh ta đã tự mình chứng kiến. Anh ta chẳng từ loại nào, đủ thượng vàng hạ cám. Anh ta tiết lộ rất nhiều bí mật về các cộng đồng tôn giáo ở Châu Âu lục địaxvii và tả lại một số kiểu đang là mốt trong giới quý tộc, và kết thúc bằng câu chuyện chi tiết về một nữ công tước người Anhxviii – một câu chuyện mà anh ta biết là có thật. Little Chandler cứ sửng sốt lắng nghe.

‘Dào, vậy đấy,’ Ignatius Gallaher nói, ‘và chúng ta lại ở đây tại cái đất Dublin cổ lỗ sĩ này, chẳng bao giờ người ta có thể tưởng tượng ra những chuyện như thế.’

‘Giờ chắc hẳn cậu phải thấy nó ngán ngẩm lắm nhỉ,’ Little Chandler nói, ‘sau tất cả những nơi cậu từng đi qua!’

‘À không,’ Ignatius Gallaher nói, ‘quay về đây thật thoải mái, cậu biết đấy. Vả lại, dù sao, đây cũng là quê hương, như họ vẫn nói, phải không? Người ta không thể không có những tình cảm nhất định với nó. Bản tính con người mà… Nhưng hãy kể cho tớ nghe về cậu đi chứ. Hogan bảo tớ cậu đã được… nếm trải niềm vui cuộc sống lứa đôi. Cách đây hai năm, phải không?’

Little Chandler đỏ mặt mỉm cười.

‘Phải,’ anh nói. ‘Tớ mới cưới được một năm, tháng Năm năm ngoái.’

‘Tớ hy vọng giờ nói lời chúc mừng thì vẫn chưa muộn quá chứ,’ Ignatius Gallaher nói. ‘Tớ không biết địa chỉ của cậu chứ không hồi đó tớ đã gửi thư chúc mừng rồi.’

Anh ta chìa tay ra, và Little Chandler nắm lấy.

‘Nào, Tommy,’ anh ta nói, ‘Tớ chúc cậu và vợ cậu có được mọi niềm vui trong cuộc sống, ông bạn, và tiền bạc như nước, và chúc cậu không bao giờ chết cho đến ngày tớ bắn chết cậu. Và đó là lời chúc của một người bạn chân thành, một người bạn cũ. Cậu hiểu chứ?’

‘Tớ hiểu,’ Little Chandler nói.

‘Có nhóc nào chưa?’ Ignatius Gallaher nói.

Little Chandler lại đỏ mặt.

‘Bọn tớ có một đứa,’ anh nói.

‘Trai hay gái?’

‘Một cu cậu.’

Ignatius Gallaher vỗ bồm bộp lên lưng bạn.

‘Hoan hô,’ anh ta nói, ‘Tớ biết cậu mà, Tommy.’

Little Chandler mỉm cười, bối rối nhìn vào cốc rượu của mình và cắn môi dưới bằng ba cái răng cửa trắng trẻ thơ.

‘Tớ hy vọng cậu sẽ ăn tối với bọn tớ một hôm,’ anh nói, ‘trước khi cậu đi. Vợ tớ sẽ rất vui được gặp cậu. Chúng ta có thể nghe chút nhạc và…’

‘Cảm ơn rất nhiều, ông bạn,’ Ignatius Gallaher nói, ‘Tớ rất tiếc chúng mình không gặp được nhau

sớm hơn. Đêm mai tớ phải đi rồi.'

'Hay là tối nay. . . ?'

'Tớ vô cùng xin lỗi, ông bạn. Cậu thấy tớ ở đây với một cậu khác nữa đấy, cũng trẻ trung tinh ranh lắm, và chúng tớ định tới một vụ ăn uống đánh bài. Giá mà được. . .'

'Ồ không, nếu thế thì. . .'

'Nhưng ai mà biết chứ?' Ignatius Gallaher nói chữa. 'Năm sau biết đâu tớ lại trốn về đây nữa, giờ thì đã gặp lại được bạn bè rồi. Chỉ là hoãn cuộc vui lại chút ít thôi mà.'

'Được rồi,' Little Chandler nói, 'lần sau cậu về chúng ta nhất định phải ăn tối với nhau. Thỏa thuận thế rồi đấy nhé?'

'Phải, thỏa thuận thế,' Ignatius Gallaher nói. 'Năm sau nếu tớ về, parole d'honneurxix.'

'Và để đánh dấu kết thúc thỏa thuận,' Little Chandler nói, 'giờ chúng ta sẽ uống thêm một cốc nữa.'

Ignatius Gallaher rút ra một chiếc đồng hồ bằng vàng lớn và cúi xem.

'Cốc cuối phải không nhỉ?' anh ta nói. 'Bởi, cậu biết đấy, tớ bị mắc chút ítxx.'

'Phải, phải, tất nhiên rồi,' Little Chandler nói.

'Thế thì được,' Ignatius Gallaher nói, 'vậy bọn mình làm thêm cốc nữa gọi là chén quan hà nhéxxi – từ đấy để gọi một ly whisky nhỏ thì đúng là chuẩn đấy, tớ nghĩ vậy.'

Little Chandler gọi rượu. Vẻ ửng đỏ trên mặt anh mấy phút trước giờ đang lan rộng. Một chuyện nhỏ cũng có thể làm anh đỏ mặt bất cứ lúc nào: và lúc này anh cảm thấy nóng và vui. Ba cốc whisky nhỏ đã bốc lên đầu và điếu xì gà nặng Gallaher mời đã làm tâm trí anh rối tung, bởi anh là một người nhạy cảm và điều độ. Toàn bộ cuộc phiêu lưu này, gặp lại Gallaher sau tám năm, rồi thấy mình đang cùng với Gallaher trong tiệm Corless, xung quanh là ánh đèn và tiếng ồn, lắng nghe những câu chuyện của Gallaher và chia sẻ một thoáng cuộc sống lãng tử và vinh quang của Gallaher, đã làm chao đảo bản tính nhạy cảm của anh. Anh cảm thấy rất rõ sự trái ngược giữa cuộc sống của anh và của bạn anh, và điều này đối với anh dường như thật bất công. Tính về tuổi đời cũng như học hành Gallaher đều kém anh. Anh chắc chắn rằng anh có thể làm được điều gì đó tốt hơn bạn anh đã từng làm, hoặc có thể làm, một điều gì cao hơn nghề ký giả hào nhoáng, chỉ cần anh có cơ hội. Cái gì đã chặn bước anh? Bản tính rụt rè không may của anh! Anh ước gì có thể chứng tỏ bản thân theo cách nào đó, để khẳng định sức mạnh đàn ông của mình. Anh nhìn thấu điều ẩn sau sự từ chối của Gallaher với lời mời của anh. Gallaher chỉ hạ cố làm bạn với anh giống như anh ta hạ cố về thăm Ai-len.

Người phục vụ mang rượu đến cho họ. Little Chandler đẩy một ly về phía bạn và mạnh dạn cầm ly kia lên.

'Ai mà biết được?' anh nói, khi họ cùng nâng ly. 'Năm sau khi cậu về đây có khi tớ lại được hân hạnh chúc thọ và mừng hạnh phúc Mr và Mrs Ignatius Gallaher ấy chứ.'

Ignatius Gallaher, đang chuẩn bị uống, nháy một mắt đầy ngụ ý qua gọng kính. Khi đã uống xong anh ta chẹp môi cả quyết, đặt ly xuống và nói:

'Không phải lo chuyện vặt đấy, cậu bé. Tớ phải bay nhảy tận hưởng cuộc sống và thế giới này đã trước khi cho đầu vào rọ - mà không chắc tớ có làm thế không nữa.'

'Rồi một ngày cậu sẽ làm thôi,' Little Chandler điềm tĩnh.

Ignatius Gallaher xoay xoay chiếc cà vạt màu cam và đôi mắt xanh xám sang hẳn phía bạn.

'Cậu nghĩ vậy à?' anh ta nói.

'Cậu rồi sẽ cho đầu vào rọ thôi,' Little Chandler bình tĩnh nhắc lại, 'giống như mọi người khác nếu như cậu có thể tìm được một cô nàng.'

Anh đã hơi dằn giọng một chút, và anh hoàn toàn biết anh đã phản bội lại chính mình; nhưng,

mặc dù má đã đỏ bừng lên, anh không chùn lại trước cái nhìn của người bạn. Ignatius Gallaher nhìn anh thêm mấy giây nữa rồi nói:

'Nếu nó có xảy ra đi nữa, cậu có thể đem đầu đánh cược rằng sẽ không có chuyện lãng mạn tình cảm gì ở đây. Ý tớ là tớ sẽ kết hôn vì tiền. Cô ta sẽ phải có một tài khoản kha khá ở ngân hàng, nếu không đừng hòng dụ được tớ.'

Little Chandler lắc đầu.

'Sao chứ, đồ chết dẫm,' Ignatius Gallaher nói, hăng hái, 'cậu có biết thế là gì không? Giờ tớ nói miệng thế thôi nhưng ngày mai tớ có thể có được cả cô nàng lẫn tiền bạc đấy. Cậu không tin à? Dào, tớ biết hết. Có hàng trăm – tớ đang nói gì ấy nhỉ – hàng nghìn cô ả người Đức hoặc Do Thái giàu có, thừa thãi tiền bạc, họ chẳng bám ngay lấy ý chứ… Cậu cứ chờ xem, cậu bé. Chờ xem tớ có đi được nước bài đúng không. Khi tớ đã để ý chuyện gì, thì chuyện đấy là chuyện làm ăn thực sự, bảo cho cậu biết. Cậu cứ chờ mà xem.'

Anh ta dốc cạn ly rượu và cười ầm ĩ. Rồi anh ta nhìn thẳng phía trước một cách trầm tư và nói với một giọng trầm tĩnh hơn:

'Nhưng tớ chẳng việc gì phải vội. Bọn họ có thể chờ. Tớ không khoái chuyện phải ràng buộc với một phụ nữ nào cả, cậu biết đấy.'

Anh ta dùng miệng nhại hành động nếm thử và làm điệu bộ nhăn mặt.

'Chắc sẽ như ăn phải cơm sống nhỉ, tớ đoán thế,' anh ta nói.

*

Little Chandler ngồi trong căn phòng nhỏ sau sảnh, tay ôm một đứa bé. Để tiết kiệm tiền họ không thuê người giúp việc, nhưng em gái Annie là Monica ngày nào cũng đến khoảng một tiếng buổi sáng và một tiếng buổi tối giúp họ việc nhà. Nhưng giờ Monica đã về nhà lâu rồi. Đã chín giờ kém mười lăm. Little Chandler đã về muộn giờ uống trà, và tệ hơn, anh đã quên rẽ qua tiệm Bewleyxxii lấy bịch cà-phê cho Annie. Hẳn nhiên là cô đang bực mình và nhấm nhẳng với anh. Cô nói đã thế thì không có trà triếc gì nữa, nhưng khi sắp đến giờ cửa hiệu góc phố đóng cửa, cô lại quyết định tự mình đi mua một lạng trà và một cân đường. Cô khéo léo đặt đứa trẻ đang ngủ vào tay anh và nói:

'Đây. Đừng có mà đánh thức nó.'

Ngọn đèn nhỏ chụp bằng sứ trắng trên bàn tỏa ánh sáng xuống một bức ảnh lồng trong khung sừng ép. Đó là bức ảnh của Annie. Little Chandler nhìn nó, dừng lại nơi làn môi mỏng mím chặt. Cô đang mặc một chiếc áo mùa hè xanh nhạt anh đã mua về tặng cô một ngày thứ Bảy. Anh đã mất đến mười shilling và mười một xu cho nó; nhưng còn nỗi hồi hộp khổ sở anh phải chịu vì nó nữa! Anh đã khốn khổ ngày hôm đó như thế nào, chầu chực đợi bên ngoài chờ cửa hiệu vãn khách, đứng nơi quầy, cố tỏ ra bình thản trong khi cô bán hàng đặt từng chồng áo phụ nữ trước mặt anh, rồi trả tiền rồi quên mất lấy mấy xu lẻ tiền trả lại, rồi được người thu ngân gọi lại, và cuối cùng, vừa ra khỏi hiệu vừa khốn khổ cố giấu đi khuôn mặt đỏ bừng của mình bằng cách giả vờ cúi xuống kiểm tra xem gói quà đã buộc chắc chưa. Khi anh mang nó về nhà, Annie hôn anh và nói chiếc áo thật đẹp và hợp mốt; nhưng khi nghe thấy giá tiền cô ném chiếc áo lên bàn và nói bán chiếc áo này giá mười shilling mười một xu thì đúng là trò lừa đảo trắng trợn. Lúc đầu cô định mang trả nó, nhưng đến khi mặc thử vào thì cô thích nó quá, nhất là chỗ ống tay, và hôn anh và nói anh thật tốt đã quan tâm đến cô.

Hừm! . . .

Anh nhìn lạnh lẽo vào đôi mắt trong bức ảnh và chúng lạnh lẽo nhìn lại anh. Hẳn nhiên chúng thật đẹp và cả khuôn mặt nữa cũng thật xinh đẹp. Nhưng anh thấy một cái gì thật tầm thường ở đó. Tại sao nó thật vô tình và thật quý phái thế kia? Sự bình thản của đôi mắt làm anh tức giận. Chúng khước từ và thách đố anh: không hề có sự đam mê, không say đắm. Anh nhớ lại những gì Gallaher nói về những cô ả Do Thái giàu có. Những đôi mắt Đông phương đen huyền đó, anh nghĩ, sao mà chúng tràn đầy đam mê, đầy ham muốn khoái lạc!... Tại sao anh lại đi cưới đôi mắt trong bức ảnh kia cơ chứ?

Anh ngừng lại trước câu hỏi và thảng thốt nhìn xung quanh căn phòng. Anh thấy nét gì đó thật tầm thường trong những thứ đồ đạc xinh xắn anh từng mua trả góp cho ngôi nhà của mình. Annie đã tự mình chọn chúng và chúng gợi anh nhớ về cô. Cả chúng nữa, trông chúng cũng quá nết na xinh đẹp. Một nỗi oán giận cuộc đời bùng lên trong anh. Có thể nào anh không thể trốn thoát được ngôi nhà nhỏ của mình? Đã quá muộn để cố gắng sống can đảm như Gallaher rồi sao? Anh có thể đi London được không? Vẫn còn vài món đồ đạc chưa trả hết tiền. Chỉ cần anh viết được một quyển và cho xuất bản, thì có thể nó sẽ mở ra cho anh một lối thoát.

Một quyển thơ Byronxxiii nằm trên bàn trước mặt anh. Anh cẩn thận dùng tay trái mở nó để không làm thức đứa bé và bắt đầu đọc bài thơ đầu tiên:

Gió lớn lặng rồi và hoàng hôn ngưng lại
Gió cũng thôi thoảng qua những lùm cây
Khi tôi quay về ngắm mộ nàng Margaret
Và rải hoa lên tro người tôi yêu.xxiv

Anh ngừng lại. Anh cảm thấy âm điệu bài thơ lan tỏa khắp căn phòng. Nó mới u buồn làm sao! Liệu anh, anh cũng có thể viết được như vậy, diễn tả được sự u uẩn của tâm hồn mình thành thơ như thế? Có bao nhiêu điều anh muốn thể hiện: ví dụ như cảm giác của anh vài giờ trước đó trên cầu Grattan. Giá như anh có thể tìm lại cảm giác đó một lần nữa. . .

Đứa trẻ thức giấc và bắt đầu khóc. Anh bỏ trang sách đấy quay sang cố dỗ dành nó: nhưng nó không chịu nín. Anh bắt đầu đưa nó nhè nhẹ, nhưng tiếng khóc ngằn ngặt của nó càng to hơn. Anh đung đưa nó nhanh hơn trong khi mắt lại nhìn sang tiếp khổ thứ hai:

Dưới mộ nhỏ này nàng đã là đất sét,
Đất sét đó từng là…xxv

Vô hiệu. Anh không thể đọc được. Anh không thể làm gì cả. Tiếng ngằn ngặt của đứa trẻ xói vào óc anh. Đúng là vô hiệu, vô hiệu! Anh đã trở thành người tù án chung thân. Hai cánh tay anh run lên giận dữ và đột nhiên cúi xuống mặt đứa trẻ, anh hét lên:

'Im ngay!'

Đứa bé nín lặng một thoáng, rồi sửng sốt kinh hoàng, nó gào lên. Anh bật khỏi ghế và lật đật đi đi lại lại trong phòng hai tay ôm đứa trẻ. Nó bắt đầu thổn thức, lặng đi bốn hay năm giây gì đấy, rồi lại òa lên khóc. Bốn phía tường mỏng căn phòng vang dội tiếng khóc. Anh cố gắng dỗ dành nó, nhưng nó càng khóc dữ dội hơn. Anh nhìn khuôn mặt co rúm và run rẩy của đứa trẻ và bắt đầu thấy lo lắng. Anh đếm được có tới bẩy cơn nức nở liên tục và sợ hãi ôm nó vào sát ngực. Nếu nó chết thì sao…

Cửa phòng bật mở và một phụ nữ trẻ lao vào, hổn hển.

'Làm sao vậy? Làm sao vậy?' cô kêu lên.

Đứa bé, nghe thấy tiếng mẹ, lại òa lên một cơn nức nở thảm thiết.

'Không sao đâu, Annie… không sao đâu… Nó tự nhiên òa khóc thôi…'

Cô ném mấy cái gói xuống sàn và giật lấy đứa trẻ từ tay anh.

'Anh đã làm gì nó vậy?' cô hét lên, quắc mắt nhìn anh.

Little Chandler chững lại một giây trước cái nhìn và tim anh nhói lên khi cảm thấy sự thù hận trong đôi mắt ấy. Anh lắp bắp:

'Có gì đâu . . . Nó . . . nó . . . òa khóc . . . Anh không thể . . . Anh chẳng làm được gì cả . . . Sao?'

Không thèm nghe anh một lời cô bắt đầu đi đi lại lại trong phòng, ôm chặt đứa bé trong tay và thì thầm:

'Con trai của mẹ! Con trai bé bỏng của mẹ! Con sợ lắm phải không, con yêu?... Được rồi, con yêu…! Được rồi!... Lambabaunxxvi! Con cừu bé bỏng yêu nhất đời của mẹ!. . . Được rồi…'

Little Chandler cảm thấy hai má rực lên xấu hổ và anh lùi lại xa khỏi ánh đèn. Anh lắng nghe cơn

nức nở của đứa trẻ nhỏ dần nhỏ dần; và những giọt nước mắt hối hận dâng đầy mắt anh.

VŨ MAI TRANG

thơ

ĐỔI MÙA

TRẦN VẤN LỆ

Mới đó mà mùa đã đổi thay! Đổi giờ. Gió lạnh. Lá vàng bay. Mùa Thu chớp mắt, mùa Đông tới. Thành phố không còn áo ngắn tay…

Thành phố không còn ai lững thững mà từng đôi đi khi rời xe. Người già không thấy đi chơi phố, chỉ thấy thanh niên đi cặp kè…

Người già thường chọn hàng hiên quán ngồi chụm đầu nhau cụng tách trà và thả khói bay lên tóc bạc rồi nhìn lên tóc ngó xa xa…

Mới đó mà như cuộc đổi đời, may còn con gái với môi cười, may còn trai trẻ nâng cravate… còn tạo cho đường phố chút vui!

Tôi đưa xe tôi vào parking. Tôi mở cửa xe, tôi một mình…Cũng muốn bước đi mà lạnh quá, thôi đành ngồi lại, ngó mông mênh…

Tôi ngồi trong xe tôi bâng khuâng, bao nhiêu năm xa bao mơ màng. Ở đây có chút như Đà Lạt là thoáng sương mù trong nắng tan…

Khi không tôi nhắc thời xưa xửa, thời Việt Nam không có đổi giờ, thời ở Huế nghe mùa Bấc nổi, em kìa…Nón Lá Với Bài Thơ!

Em kìa…Đây những o con gái, lạnh quá mô rồi áo ngắn tay? Lại nhớ Sài Gòn trưa nắng gắt. Nữ sinh. Xe đạp. Áo dài bay…

Tôi bâng khuâng chờ đêm trăng lên. Tôi mơ màng. Tôi tương tư em…Hình như cái cớ tôi ngồi lại để coi mình có nhắm mắt quên…

Trời ơi tôi quên! Quên sao đành? Thời nào tôi có tuổi Xuân xanh, thời nào em áo tơ vàng nắng, đời đẹp như lồng trong bức tranh…

TRẦN VẤN LỆ

Cố thi sĩ Yến Lan

hồi ký

TẢN MẠN VỀ BÀN THÀNH TỨ HỮU

LÂM BÍCH THỦY

Chương trình *Ai là triệu phú* cuối tháng 11-2013, trên VTV3, có câu hỏi về một thành viên của nhóm thơ nổi tiếng ở miền đất võ nhưng lắm duyên với thơ văn của Bình Định - Tứ Linh. Hy vọng rằng, qua bài viết này, có thể giúp cho, nhất là lớp trẻ hiểu thêm về họ.

Thành Đồ Bàn còn gọi là thành cổ - Chà Bàn; thuộc địa phận xã Nhơn Hậu, huyện An Nhơn, cách thành phố Qui Nhơn 27 km về hướng tây bắc. Tại Đồ Bàn, một nhóm thơ được hình thành bởi bốn thi hữu mà giới văn học hay nhắc đến. Là nhóm thơ đã phát sinh và tồn tại trên đất Bình Định từ năm 1936 cho đến 1945. Khởi đầu, ở Bình Định có hai đôi bạn.

- Đôi thứ nhất gồm Quách Tấn và Hàn Mặc Tử.

Theo lời kể của Quách Tiên sinh, thì vào năm 1931, ông 21 tuổi, còn Hàn Mặc Tử 19 tuổi, khi đọc được những vần thơ Đường luật, ký tên P.T trên báo, ông rất ngưỡng mộ, nên đã nhờ bạn tìm giúp–người tên PT là ai mà thơ hay quá vậy.

Hôm đó, ông bạn đang ngồi chờ đến lượt mình vào khám bệnh, tại bệnh viện Đa khoa Qui Nhơn thì nghe mấy cậu thanh niên gần đó bàn về thơ phú. Ông liền quá giang câu hỏi: " không biết cái tay nhà thơ PT nào đó đã làm thơ quá hay để cho lão Quách Tấn hành hạ mình, bắt tìm cho ra anh chàng này; mãi mà mình ko biết tìm ở đâu? Tức thì một chàng trai gầy gò, da hơi tái, đứng lên, bẽn lẽn thưa: Dạ PT là em, là Phong Trần anh ạ. Thế là bác Quách Tấn biết. Và sau đó gặp nhau.

Năm 1945, chiến tranh xảy, Quách Tấn từ Nha Trang đưa gia đình về lại Bình Định. Đến năm 1954, ông lại đưa gia đình trở về ngôi nhà cũ; nhưng tất cả sản nghiệp và sách vở đều bị mất sạch. Than ôi! tất cả những gì Hàn trao gửi cho Quách Tấn kể cả trên 5 - 600 bức thư của Hàn gửi cho Quách Tấn suốt 10 năm thân thiết cũng không cánh mà bay!..

Suốt bao năm sau, Quách Tấn ròng rã kiếm tìm những bài thơ lưu lạc của Hàn; nghe nơi đâu có là ông tới tận nơi xin lại; dần lâu "châu cũng lần lượt về hợp phố". Năm 1987, tuyển tập Thơ Hàn Mặc Tử ra đời, Chế Lan Viên đề tựa, Quách Tấn giới thiệu. Thế là, một lời hứa, một ý nguyện đối với vong hồn bạn phải 45 năm sau mới thực hiện được! Dù muộn, nhưng thật chí tình, son sắt và trọn vẹn..." (Hương thơm & mật đắng, tr.46-53.)

- Đôi thứ hai gồm Yến Lan và Chế Lan Viên.

Theo Yến Lan thì ông lớn hơn Chế Lan Viên 3 tuổi và học trên Chế ba lớp. Lúc học ở Trường Tiểu học Pháp Việt ở thị trấn Bình Định, tôi và Chế Lan Viên rất mê báo Phong hóa. Hai đứa bàn nhau làm báo. Bọn tôi mua thạch xoa về, khắc chữ lên rồi in ra giấy, bắt chước kiểu cách của báo Phong Hóa. Mỗi lần in 15 bản, bán cho bạn bè trong lớp. Tiền lời kiếm được dùng mua thạch xoa, tiếp tục in. Được một thời gian bọn tôi bị Hiệu trưởng bắt phạt quì, rồi cấm luôn "tờ báo"! Chiều chiều, tôi và Chế thường bá vai nhau lên cửa Đông Thành Bình Định ngắm cảnh, bàn chuyện văn chương thi phú. Hai đứa đều trăn trở với dân Chàm, tháp Chàm, nên bàn nhau viết "cái gì đó". Thời gian này, Chế cho ra đời tập "Điêu tàn" nổi tiếng. Còn tôi tập "Giếng loạn" gồm 28 bài thơ, viết về kiếp đời của các Chiêm nương, nhưng tiếc thay chưa kịp công bố thì bị thất lạc

- Năm 1936, Hàn Mặc Tử từ giả nghề báo ở Sài Gòn về Qui Nhơn, gặp Chế Lan Viên. Hàn Mặc Tử và Chế Lan Viên quen nhau khi Chế 16 tuổi và Hàn 24 tuổi. Chế thường mang thơ của mình

cho Hàn góp ý. Có bài thơ mới, Hàn lại đọc cho Chế nghe. Vốn thông minh và có khiếu văn chương từ nhỏ, nên những bài thơ của Chế đã làm nhiều người yêu thơ kinh ngạc vì giọng thơ già dặn và u buồn trước tuổi của một học sinh đệ tam. Với sự khuyến khích của Hàn, Chế đã hoàn thành bản thảo tập "Điêu tàn" và xuất bản năm 1937.

- Còn Yến Lan và Hàn Mặc Tử gặp nhau thật đặc biệt. Bài viết "Những kỷ niệm với Hàn Mặc Tử", Yến Lan kể :

- Một sáng chủ nhật, khoảng giữa năm 1930, tôi đang chép lại bài thơ mới làm hôm qua, thì nghe tiếng gọi ngoài cổng chính. Tôi nghĩ: chắc là có khách lạ muốn đến thăm đền (vì người quen tất phải biết ngõ phụ luôn mở rộng ở phía Bắc của góc tường thành) Tôi bước ra, nghe tiếng của hai trang nam tử. Biết là người xa đến vãn cảnh, tôi chào, rồi chỉ hướng cho họ vào đền. Khách mặc âu phục sang trọng: Một, hơi lớn tuổi, nói giọng Bắc, rất chỉnh tề trong bộ Tropical, một là thanh niên mặc nguyên bộ tơ De-ligaon, đội mũ Panama. Đang đi, người trẻ tuổi bỗng ngoặc sang phải, lối hàng rào chè, rẽ sang một góc sân. Ở đó có cây lựu lớn đang nở hoa đỏ rực. Anh níu bẻ một nụ rồi tặng cho người bạn đồng hành, miệng đọc câu Kiều:

Ngoài hiên quyên đã gọi hè
Đầu tường lửa lựu lập lè đơm bông

Rõ ràng là những vị khách thuộc loại hào hoa, ít gặp ở đây. Vừa lúc ấy cha tôi bước ra, hướng dẫn họ đến bên tấm bia đá và mở cửa mời vào chính điện. Tôi trở lại tràng kỷ, làm tiếp công việc bỏ dở. Được một chốc hai người đi xuống.

Cha tôi đưa họ vào nghĩa tự, mời ngồi trên tràng kỷ và đưa mắt bảo tôi xuống nhà lấy bộ bình trà bằng sứ chuyên dùng tiếp khách quí. Có lẽ tờ giấy mà tôi còn bỏ ngỏ trên bàn có những dòng chữ và cách trình bày giống dạng một bài thơ đã làm cho người trẻ tuổi chú ý. Anh hỏi tôi:

- Cậu đang chép thơ à? Tôi bẽn lẽn gật đầu:- Dạ, vâng.

- Thơ của bác hay thơ của cậu đấy?

- Dạ thơ của tôi. Im lặng một chốc, anh lại hỏi:- Cậu làm thơ lâu chưa? Đã đăng ở đâu chưa?

- Tôi mới võ vẽ, cũng có bài được đăng báo.

- Cậu lấy bút danh là gì?

- Tôi ký Xuân Khai. Người trẻ tuổi vui hẳn lên, anh cười:- Vậy tôi với cậu là đồng nghiệp với nhau. Xin tự giới thiệu, tôi là Phong Trần, là Hàn Mặc Tử. Anh quay sang người trung niên, vẻ quí trọng:- Vị này là nhà văn, tác giả "Kép Tư Bền", tập truyện ngắn vừa mới xuất bản đang được cả nước hoan nghênh. Tôi thốt lên một tiếng "À" vui vẻ:- Hóa ra ông là nhà văn Nguyễn Công Hoan. Tôi đã đọc và đã biết nhiều về ông, nhất là trong cuộc bút chiến với báo Phong Hóa, Ngày Nay về tập chuyện dài "Lá ngọc cành vàng "của ông

Lúc ấy nhà văn Nguyễn Công Hoan như tự nhiên có thêm những cảm xúc không ngờ. Ông nhìn tôi một cách triều mến.

Hàn Mặc Tử thì gật đầu thích thú, anh tiếp lời:- Nhân đây ông làm một cuộc viễn du từ Bắc vào Nam để tạ lòng ủng hộ của tác giả mà mình hâm mộ. Hôm nay tôi đưa ông lên thăm một vài cảnh đẹp ở đây, rồi sẽ lên Phú Phong, mảnh đất lịch sử của quê ta. Nhân dịp này ta làm quen với nhau vậy. Tôi đang sống với gia đình tại 20 đường Khải Định-Qui Nhơn.
Có đi Qui Nhơn mời cậu ghé chơi, chúng ta là đồng nghiệp với nhau mà.

Chúng tôi gắn bó với nhau từ buổi ấy. Tôi kể chuyện này với Chế. Chế cho biết đã quen với Tử rồi và cũng muốn có dịp nào đó sẽ giới thiệu tôi với anh.

Trong quá trình giao lưu thi phú, Hàn Mặc Tử nhận thấy cần phải qui tụ bốn người thành một nhóm thơ để học hỏi và giúp nhau trên con đường sáng tạo. Từ khi nhóm thơ được hình thành, Hàn Mặc Tử như chất keo gắn kết mối quan hệ điều hoà tâm đạo bằng hữu các thi hữu trong nhóm với nhau như một khối hình .

Nhà nghiên cứu văn học ở Bình Định đương thời, chơi thân với nhóm thơ tên Trần Thống (tức

Trần Kiên Mỹ) hết lời ngợi ca tình bạn của họ trong bài nói chuyện "Bình Định lắm duyên với thi sĩ". Ông đã dùng hình tượng tứ linh để ví với "Bàn thành tứ hữu". Trong đó, long là Hàn Mặc Tử, lân là Yến Lan, qui là Quách Tấn và phụng là Chế Lan Viên. Tuy ví von cho vui nhưng khá phù hợp với tính cách từng người trong nhóm. Lạ một điều, khi còn Hàn Mặc Tử, nhóm thơ giao du rất rộng, nhưng không mở rộng thêm, nghĩa là trước sau chỉ có bốn người". Nhóm thơ Bình Định hình thành từ những tâm hồn thơ còn rất trẻ, có người chưa đến tuổi hai mươi, họ tình nguyện đến với nhau bằng tình thân hữu ái, không tuyên ngôn, tuyên thệ, không khua chiên gõ trống nhưng đã kết thành một sức mạnh máu thịt để rồi những tinh túy của thơ ca bắt đầu tỏa sáng trên nền thơ ca của dân tộc.

Trong ngần ấy năm tồn tại (1936-1945), "Bàn thành tứ hữu" lần lượt cho ra đời nhiều thi phẩm có giá trị, gây được nhiều tiếng vang, như "Thơ Điên, Điêu tàn, Mùa cổ điển, Bến Mi Lăng v.v...Tất cả đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển của nền văn học dân tộc.

Bàn Thành Tứ Hữu ra đời là một sự kiện nổi bật thời bấy giờ. Sự xuất hiện của nhóm tác động đến tầm nhìn của giới văn chương cả nước đối với đất võ Bình Định ; người yêu thơ tán thưởng trong niềm yêu mến, đồng cảm và được sự quan tâm của giới văn nghệ sĩ trong và ngoài tỉnh. Có người làm thơ ca ngợi, bài thơ tiếng Hán của Nguyễn Đức Sung đã nói lên điều đó :

BÀN THÀNH TỨ HỮU

TẤN bộ bồng lai lạc cảnh khoan
HOAN tình hội hiệp tứ thi lang
TRÍ hân khôi thỏa tâm hoài vọng
LAN phóng hương nùng nhập tửu bang

Tạm dịch

Tấn tới bồng lai vui cảnh tiên
Hoan tìm hội tụ tứ thi nhiên
Trí sáng đẹp lòng bao mong nhớ
Lan tỏa hương nồng nhập xứ men

Trong quá trình sinh hoạt, Hàn Mặc Tử nhận ra các bạn của nhóm thể hiện rất rõ khuynh hướng sáng tác riêng biệt từng cá thể. Cuối năm 1936, Hàn đề xướng việc thành lập "Trường thơ Loạn". Theo Yến Lan, trong khi đang suy nghĩ về vấn đề đó thì ông cho Hàn xem tập thơ mình mới hoàn thành, viết về đề tài chiến tranh, nhan đề "Giếng loạn". Cái tên của tập thơ đã gợi cho Hàn về trường phái mà ông định khởi xướng, chỉ đợi dịp là thực thi. Ít lâu sau tại ngôi nhà số 20 Khải Định, Qui Nhơn, Yến Lan và một người nữa đi với Chế, mang tặng Hàn tập thơ "Điêu Tàn" mà Chế vừa xuất bản (1937).

Sau khi chúc mừng Chế, Hàn xúc động nói: "Lâu nay chúng ta làm toàn những loại thơ điên loạn, xem ra có đủ nhân tố để lập một trường thơ Điên loạn, nó đã có mầm mống từ lâu; giơ tập thơ của Chế lên ông nói tiếp, cái tựa tập "Điêu tàn" này là tuyên ngôn thứ nhất của chúng ta. Rồi chúng ta sẽ tiếp tục có tuyên ngôn bổ sung khi in tập thơ chung của Trường thơ Loạn". Từ đó, cái tin ở Qui Nhơn có Trường thơ Loạn (có người gọi là "Trường thơ Điên") loan truyền khắp nơi. Ban đầu "Trường thơ Loạn" gồm Hàn Mặc Tử, Yến Lan, Chế Lan Viên, sau có thêm Bích Khê, Hoàng Diệp, Quỳnh Dao...

"Sau khi Hàn Mặc Tử mất (1940), Trường thơ Loạn bắt đầu tan rã. Mặc dù Yến Lan, Chế Lan Viên và Bích Khê vẫn chơi thân với nhau, song không còn ai tha thiết với việc duy trì hoạt động Trường thơ. Nó còn tồn tại một thời gian nữa, rải rác trong các sáng tác của Bích Khê và kết thúc cùng với sự qua đời của người "mang rõ phong cách của Trường thơ Loạn, người công dân trung thành của vương quốc" là Bích Khê vào năm 1942."

Do có tới ba trong bốn thành viên của Nhóm thơ Bình Định (trừ Quách Tấn, vì khác khuynh hướng) nên nhiều người tưởng "Trường thơ Loạn" là một danh hiệu khác của "Bàn thành tứ hữu" và có sự nhầm lẫn thành viên của nhóm . Trong cuốn "Phong trào thơ mới 1932-1945" giáo sư Phan Cự Đệ cho rằng nhóm thơ Bình Định có cả Bích Khê và Hoàng Diệp, là không chính xác. Nhưng khi tái bản, giáo sư vẫn giữ nguyên ý đó. Điều này được Quách Tấn – người anh cả của

nhóm xác định rõ trong một bức thư.

"*Nha Trang lập xuân 1988*

Chú Yến Lan

Cách đây 1 tuần tôi có gởi ra chú 1 bức thư nói về Trường thơ Bình Định. Chú nên cho ông Thu Hoài biết rằng không có Trường thơ Bình Định, chỉ có Trường thơ loạn của Chế Lan Viên, Hàn Mặc Tử, Yến Lan mà thôi. Trường thơ này không thể thành Trường thơ Bình Định được. Bình Định chỉ có một nhóm gồm 4 thành viên mà các bạn yêu thơ do Trần Thống ở Kiên Mỹ đại diện, gọi là Bàn Thành Tứ Hữu. Nhóm thơ này gồm có: Hàn, Chế, Yến, Quách. Mỗi người mang tên một con vật trong bộ Tứ Linh. Tôi đã viết một bài nói về nhóm thơ Bình Định vừa vui vừa nói lên được phong độ và sắc thái của thơ Tiền chiến Bình Định - Đó là từ 1930 đến 1945, từ 1945 đến 1985 trừ Tử và Khê đã mất, kẻ còn lại đều hoạt động đều đặn.

Quách Tấn và Yến Lan: hai thành viên sống lâu nhất của nhóm, khi còn sống họ khẳng định "Bàn thành tứ hữu" là một nhóm thơ. Ở đó, sự gắn kết với nhau bằng tình thi ca, bằng hữu, hơn là một trường phái sáng tác.

Bút danh các thi hữu trong nhóm :

Hàn Mặc Tử

Tên thật của Hàn là Nguyễn Trọng Trí, sinh 22/9/1912 . Khi mới vào làng thơ, ông lấy bút danh Minh Duệ Thị. Bút danh này ít ai biết, ông đổi là Phong Trần. Nhìn vóc hạt thư sinh của ông, bác Tấn chọc vui "*anh người mảnh mai như cây sậy, làm sao chịu được Phong Trần mà ước?* " và cũng bị một bà cụ thâm nho ở Bình Định nói: Tên này không phù hợp với cậu nên đổi bút danh khác . Ông Trí bèn lấy chữ đầu của nơi sinh "Lệ Mỹ" và chữ đầu của quê cha "Thanh Tân" ghép lại thành "Lệ Thanh". Bút danh này ông rất vừa ý, nhưng bác Quách Tấn lại trêu. "*Bộ anh ngó dễ thương mà hiệu Lệ Thanh nghe cũng "yểu điệu thục nữ", vậy tôi gọi anh là cô Lệ Thanh cho thêm duyên".* Ông Trí chẳng nói gì, ít lâu sau người ta thấy tên Hàn Mạc Tử xuất hiện trên các báo. Hàn Mạc có nghĩa là "*rèm lạnh*", ông cho là độc đáo, đến khoe với bác Quách Tấn.. Bác Tấn cười mà rằng "*Kể cũng ngộ thật. Tránh kiếp PhongTrần lại đi làm khách hồng nhan. Sợ kiếp hồng nhan đa truân lại đi làm kiếp Rèm Lạnh. Tránh lờ chui vào lưới, sao lẩn quẩn quá thế?*" Ông Trí bực quá "*Anh này thật đa sự, không biết đặt cái đếch gì cho vừa lòng anh*". Bác Tấn hướng cho ông lối ra "*nếu đã có rèm mà thêm bóng trăng vào, hỏi còn cảnh nào nên thơ bằng?*". Ông Trí bàn với bác Tấn một lúc, rồi lấy bút vạch thêm vành trăng non lên đầu chữ a ra chữ ă. Chỉ thêm một cái dấu thôi mà nghĩa khác hẳn. Từ "Rèm lạnh" giờ thành "Bút mực." Sau đó, ông Trí thích chí nói: "*Đã có bóng trăng rọi vào, thì từ nay danh tôi cũng như thơ tôi sẽ mỗi ngày mỗi thêm rạng ngời như bóng trăng*".

Bút danh Chế Lan Viên

Trong tờ VĂN NGHỆ-NGƯỜI VĂN. Phóng viên đã hỏi nhà thơ Yến Lan PV: Nghe nói, bút hiệu nhà thơ Chế Lan Viên xuất phát từ tình bạn với ông? YL: Nói đúng hơn chữ "Lan Viên" là từ tên tôi và một bài thơ của tôi. Hoan làm thơ từ lúc 12, 13 tuổi, đầu tiên ký tên từ những địa danh ngoài quê hương Quảng Trị, Mai Lĩnh, Thạch Hãn, Thạch Mai. Khoảng 1934, tôi xa nhà xuống Qui Nhơn học. Đêm trước ngày ra đi, thấy trời đã tối mà cha vẫn thắp đèn dầu tưới lan, tôi xúc động ngâm nga :

Rồi đây mỗi ngã một thân đơn
Con ngọn dèn xanh cha mảnh vườn
Đêm lụi đèn tàn ai gạt bấc
Vườn lan ai ấy tưới thay con.

Thấy tôi đọc xong im lặng, Hoan rơm rớm nước mắt. Sau vài giây, Hoan chậm rải nói "Mình muốn làm một cái gì đó để kỷ niệm bài thơ và tình bạn của chúng ta". Hoan đã thực hiện lời nói ấy; sau đấy các bài thơ đăng trên "Tiếng trẻ" Hoan đều lấy bút danh là "Lan Viên".

Đến năm 1936 Hàn Mạc Tử có bài thơ "Thi sĩ Chàm" tặng Hoan, viết "Tặng Chế Bồng Hoan". Nhà thơ Nguyễn Viết Lãm nhân lúc đến thăm bạn, ở bên bờ đầm Thị Nại, nơi Hoan đang trọ học.

Thấy dòng đề tặng ở trang sách, bèn góp ý "Hoan nên ghép hai tên lại làm kỷ niệm". Sau đó, bản thảo tập "Điêu tàn" vừa xong, Hoan lấy bút danh "Chế Lan Viên" và gửi cho Nguyễn Xuân Sanh, nhờ in ở Hà Nội. Từ đó trên thi đàn văn học Việt Nam người ta thấy bút hiệu – Chế *Lan Viên.*

Bút danh Yến Lan

Ai bước chân vào làng văn cũng cố tìm cho mình một bút danh; người thì lấy tên làng, hay tên của dòng sông quê hoặc một dấu ấn nào đó trong cuộc đời. Chắc chắn rằng chỉ có nhà thơ bị đẻ rơi trên bãi cát ở Bến My Lăng:

Quê ngoại bên kia bãi cát vàng
Mẹ tôi về, lỡ chuyến đò ngang
Cơn đau trở dạ không giường chiếu
Tôi lọt lòng ra giữa bãi trăng,

là người duy nhất lấy tên của hai thiếu nữ cùng yêu mình làm bút hiệu: Đó là tên của hai cô học trò, một cô tên Yến, còn cô kia tên Lan. Hai cô đã cố ý nói cho thầy giáo của mình biết : Tao với mày chơi thân với nhau nên chỉ lấy một người đẹp trai làm chồng để khỏi phải xa nhau. Sau này cô Yến theo gia đình vào sống ở Nha Trang. Không may trên đường đi tản cư bị lật thuyền chết cả nhà. Để kỷ niệm tình bạn của họ, nhà thơ thay bút danh Xuân Khai là Yến Lan ./.

Trích hồi ký "Về người cha thi sĩ"

LÂM BÍCH THỦY

thơ

DẤU LẶNG CỦA MÙA THU

Nơi tôi ở mùa thu không có
Chỉ lòng người mới cảm nhận sắc thu
Nắng êm đềm như câu hát mẹ ru
Như câu chuyện cổ tích ngày xưa bà thường kể.

Thu cho người, thu cho ta sao thiết tha đến thế
Giữa khoảng lặng của đất trời vẫn nghe lọt những thanh âm
Ở hai đầu nỗi nhớ sao ta bước song song
Phải chăng vì đợi một mùa thu trong ký ức.

Trời Sài Gòn nắng mùa này đỏ rực
Bản tình ca đôi lứa vẫn hát lên
Thu lại về cùng nỗi nhớ không tên
Để ta gọi mùa này là mùa thổn thức!!!

ĐÀO BÍCH PHƯƠNG

tìm hiểu

TIÊU SƠN TỰ

NGUYỄN KHÔI

Đến thị xã Từ Sơn(phủ Từ) sau khi đi thăm chùa Dận (nơi sinh Thái tổ Lý Công Uẩn), đền Đô (thờ 8 vua nhà Lý) mà chưa lên thăm Tiêu Sơn Tự (chùa Tiêu) thì coi như chưa đến huyện Đông Ngàn, châu Cổ Pháp xưa.Đó là"chùa Thiên Tâm" nơi Vạn Hạnh thiền sư trụ trì, người được tương truyền là cha đẻ, có công nuôi dạy và tạo dựng Lý Công Uẩn. Chùa được xây dựng phía Tây bên trên sườn núi Tiêu,xã Tương Giang nhìn xuống dòng Tiêu Tương uốn lượn gắn với câu chuyện tình Trương Chi - Mị Nương đã đi vào huyền thoại. Chùa chỉ có một cổng ở chân núi phía tây, trên cổng có ba chữ đại tự " bất nhị môn" (không 2 cửa) để người đời ngẫm nghĩ: đi theo đạo Phật chỉ có một đường hoặc suy diễn là con người ta ăn ở không nên hai lòng...Sử cũ ghi: Tiêu Sơn Cổ Tự được coi như một Thiền Viện lớn đời Đinh- tiền Lê- Lý, là nơi đào tạo các vị cao tăng và cung cấp kinh sách cho nhiều chùa trong nước.Dấu tích xưa còn lưu giữ tại nơi đây như: tượng Lý Vạn Hạnh bằng đồng được thờ trong nhà Tổ, có bài vị ghi rõ: "Lý triều nhập nội, Tể tướng Lý Vạn Hạnh thiền sư thần vị". Trong nhà bia của chùa có tấm bia đá mặt trước có khắc bốn chữ Hán "Lý gia linh thạch", mặt sau còn khắc nhiều chữ nhỏ; đây là hòn đá thiêng ghi về dòng họ Lý,ngoài ra trong chùa còn nhiều hoành phi, câu đối, chuông đồng từ xưa còn lại. Các công trình được xây dựng từ trước thời nhà Lý.Các đời sau trùng tu tôn tạo thành một quần thể khá đẹp đẽ hữu tình.Tượng Vạn Hạnh thiền sư to lớn ngồi thiền định trên đỉnh núi Tiêu Sơn trông về hướng Tây phương cực lạc...Người đi trên đường quốc lộ 1A cách vài cây số đã trông thấy tượng Thiền sư trắng toát trên đỉnh núi Tiêu.Trên đường từ chùa ở lưng núi lên chỗ tượng Thiền sư có tấm bia khắc bài thơ nổi tiếng"Thị đệ tử" của Vạn Hạnh:

Thị đệ tử

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô
Vạn mộc xuân vinh, thu hựu khô
Nhậm vận thịnh suy vô bố úy
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô

Xin tạm dịch:

Bảo (dặn) học trò

Thân như ánh chớp có rồi không
Cây cối xuân tươi, thu héo cong
Hiểu vận thịnh suy không sợ hãi
Như trên đầu cỏ hạt sương trong

Bài thơ thị tịch này, Thiền sư làm ở tuổi 95, lúc sắp "tịch".Đây là bài thơ nổi tiếng nhất của thơ thiền Đại Việt, chỉ với 28 chữ đúc trong 4 câu hàm Xúc mà chứa đủ cả triết cả thơ nắm hết được sự huyền diệu của tạo hóa, hiểu được lẽ đời- nói theo hôm nay là nó có tư tưởng khai sáng, chỉ đạo mở ra một thời đại mới của dân tộc (nước Đại Việt ta).Chùa Tiêu xưa nay được coi là danh lam cổ tự, điều đặc biệt nữa là: vào đầu năm Giáp thân (2004) chùa Tiêu đã phát hiện được"nhục thân bồ tát Như Trí" với tư thế ngồi thiền đã đạt "tượng táng" (Trung Quốc gọi là"Giáp trữ tất") tới nay đã gần 300 năm(vào thời vua Lê Dụ Tông, niên hiệu Bảo Thái khoảng năm 1723 ?). Qua nghiên cứu của các nhà khoa học thì thiền sư Như Trí cao khoảng 1,65m, ngài tịch ở độ tuổi 45-50, pho tượng gốc nặng 34kg chiều cao ngồi 78,5 cm được đặt trong nhà thờ Tổ trong một khám sơn son thiếp vàng,nay để trong hộp kính kín dày 10mm chứa đầy khí nitơ để bào quản lâu dài.Nhục thân Thiền sư Như Trí là pho tượng thứ tư ở nước ta theo kiểu tượng táng (trước đó là tượng táng các Thiền sư Vũ Khắc Minh, Vũ Khắc Trường ở chùa Đậu(Hà Tây cũ), tượng Thiền sư Chuyết Chuyết ở chùa Phật Tích (Tiên Du, Bắc Ninh), chùa Tiêu cách trung tâm thị xã Từ Sơn hơn 2 cây số, từ Hà Nội về 20km ở phía bên trái quốc lộ 1A đi Lạng Sơn.Hàng năm cứ đến ngày 5-5 Âm lịch là bà con các làng quanh vùng quê hương nhà Lý như Đình Bảng, Dương Lôi, Tam Tảo cùng dân xã Tương Giang quần tụ về Tiêu Sơn Tự làm lễ dâng hương tưởng niệm Quốc sư Lý Vạn Hạnh (Phạm Thị Thánh Mẫu mẹ Đức Lý Thái Tổ thờ ở chùa Dận"Cổ Pháp Tự"). Đất nước Đại Việt ta đã nghìn năm theo cánh rồng bay lên, đến Tiêu Sơn Tự, thi nhân nào mà chả "tức sự":

Vãng cảnh chùa

Sắc không nào bước vướng chân
Bồ đề xòa bóng hồng trần nước mây
Thiền sư đã tịch nơi đây
Còn vang câu kệ, sân rày cành mai...

NK

Đến Tiêu Sơn Tự, ai đó đã từng mê tiểu thuyết Tự Lực Văn Đoàn chắc còn nhớ"Tiêu Sơn tráng sĩ" của Khái Hưng? chính là đây: Nơi chàng Phạm Thái yêu Trương Quỳnh Như (thời Lê mạt) thất tình bạc mệnh đã về "tu", múa gươm tráng sĩ cất tiếng bi ai:

"Ha ha! Chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy một hồ rượu;
Ha ha! Chí lớn trong thiên hạ không đựng đầy hai con mắt mỹ nhân"

Tiêu Sơn Tự quả là một danh thắng đầy sự tích cổ kim của xứ Kinh Bắc nghìn năm văn hiến.

NGUYỄN KHÔI

tiểu luận

HÀ NỘI NHÌN THẤY QUA HỒI KÝ VŨ NGỌC PHAN

PHAN VĂN THẠNH

Mang tiếng gốc gác (Mê Linh) Hà Nội nhưng bố mẹ di dân phương Nam gặp nhau(trước 1945),tôi thì gửi cuống nhau tại địa chỉ 284 đường D'Arras - Cống Quỳnh,Q1 Saigon(Nhà sanh Chú Hỏa-Từ Dũ) - lập thân,lập nghiệp đi giữa hai bờ mưa nắng của Hòn ngọc Viễn Đông suốt từ bấy đến nay (hơn 65 năm cuộc đời) - *soi gương thấy bóng đầy mây/đường trần cao thấp,thân này bôn ba* (PVT)- cho nên Hà Nội trước đây với tôi chỉ là khái niệm mơ hồ,một vùng không gian hư ảo trống hoác - Cũng tương tự bọn trẻ Việt sinh trưởng ở hải ngoại nhìn về quê hương sau này .

Sau ngày đất nước thống nhất,nguồn mạch dân tộc,tình tự quê hương được khơi gợi tuôn chảy,cũng như mọi người trong cảnh phân ly đoàn tụ,tôi bị thôi thúc tìm hiểu về nguyên quán,nơi dòng sông"số phận"khởi phát . Tài liệu sách báo dạo ấy,có thể nói tập hồi ký **Những năm tháng ấy** *của Vũ Ngọc Phan (1902-1987),là bức tranh sống động về Hà Nội xa xưa những thập niên đầu thế kỷ XX. Hình tượng nhân vật tác giả được diễn đạt ở ngôi thứ nhất thông qua ngòi bút của "nhà nghiên cứu phê bình",thể hiện sự trung thực,thấu đáo cặn kẽ,đôi khi hơi dông dài mở ra những nhánh rẽ dụng ý muốn cắt nghĩa đến nơi đến chốn,giúp người đọc nắm bắt tường tận hiện thực cuộc sống xã hội diễn ra như nó đang hiện diện trong bối cảnh lịch sử nhất định.Chính điều này đã tạo cho người đọc cảm giác "no nê" thích thú.

Hà Nội xa xưa

Đầu tiên phải nói đến Hồ Hoàn Kiếm điểm nhấn của Thủ đô,ông giới thiệu chi li lai lịch : "*Hồ Tả Vọng, tức hồ Hoàn kiếm ngày nay,thông với hồ Hàng Đào bởi một lạch nước,có cầu gỗ bắc qua,và hồ Tả Vọng thông với hồ Hữu Vọng ở phía sau phố Tràng Tiền.Hồ Hoàn Kiếm ở bên trái phủ Chúa Trịnh nên gọi là hồ Tả Vọng đối với hồ Hữu Vọng ở bên phải phủ Chúa.Sau khi hồ Hàng Đào và hồ Hữu Vọng bị lấp,cầu gỗ cũng không còn,thì cái chỗ đặt mấy nhịp cầu ngày trước trở thành một phố,lấy tên là phố Cầu Gỗ…Giữa hồ Hoàn Kiếm có đền Ngọc Sơn do Hà Nội là đất văn vật,nên đền ngoài thờ Văn Xương tinh quân (tức là ngôi sao chiếu về văn học).Đền trong thờ Trần Hưng Đạo và thờ cả Quan Công.Những người mê tín cho rằng đức thánh Trần đã đánh bại hàng vạn quân xâm lược hùng hổ,làm cho ma kêu,quỷ khóc,nếu xin được bùa và giấy ấn của Ngài đem về yểm và dán thì ma quỷ sẽ không dám bắt người bệnh đi.Lối đi vào đền Ngọc Sơn có tháp Bút và đài Nghiên do Nguyễn Siêu xây dựng,nghiên mực đặt trên cửa vào cầu Thê Húc – tức cái cầu mà ánh mặt trời ban mai đậu lại…*"(tr.13,14*)

Phố xưa như phố Hàng Đào đầu thế kỷ XIX,có độ một trăm nhà thì chỉ độ vài chục cái nhà là nhà gạch cái nhô ra,cái thụt vào,đường hẹp,chưa có vỉa hè,không trải đá,nước chảy thành rãnh hai bên đường, không có lối thoát;những con ngõ nhỏ, sâu hun hút và những căn nhà chật chội bé tẹo như mắt muỗi.

Phương tiện đi lại ngày xưa : "*Trong phố,người qua lại,hoặc đi bộ,hoặc đi cáng do hai người*

khiêng,trên phủ một chiếc chiếu để che nắng hoặc căng ở trên một tấm vải.Quan ông quan bà thì đi võng điều trần,võng sang ,võng thường là tùy theo chức tước người ngồi trên võng : quan nhỏ thì một hai lọng;quan to che đến bốn lọng,còn tiền hô hậu ủng,có lính đi trước cầm loa kêu gọi hai bên đường phố đứng dậy,còn có bọn lính đeo túi roi,đeo gươm cắp tráp,xách ống nhổ ,điếu ống và giá võng theo hầu lũ lượt.

Khi Tây đặt ách thống trị ở nước ta dăm năm thì bắt đầu có ba,bốn chiếc xe tay bánh sắt cao lênh khênh,gọi là "xe bọ ngựa",dành riêng cho mấy quan Tây và quan ta thuộc loại tai to,mặt lớn"-đàn bà trẻ tuổi,con nhà tử tế không ai dám đi sợ người ta lầm mình là vợ Tây - khi có xe bánh cao su,phụ nữ con nhà nền nếp cũng chỉ dám đi xe bánh sắt,vợ tây mới "diện cao su" .

Nghề kéo xe là nghề dễ kiếm ăn nhất cho những người nông dân ra Hà Nội mà chưa có việc làm.;phần đông là những người kéo xe lương thiện,kéo suốt ngày cũng chỉ đủ bỏ vào miệng và nộp tiền cho cai xe.Bọn cai xe làm công cho chủ toàn là tay anh chị,người kéo xe không nộp đủ tiền thuê,bị chúng lột hết quần áo,nhiều khi bị chúng đánh nhừ tử,phải nghỉ đến mấy ngày mới lại sức…". Điều này,nhà văn Tam Lang Vũ Đình Chí – người đã được ông chủ nhiệm "Hà Thành Ngọ Báo" Bùi Xuân Học đội lên đầu chiếc nón "Phu kéo xe"thâm nhập thực tế Hà Thành viết phóng sự để đời : tác phẩm "**Tôi kéo xe**" ** (1932) – phản ánh nỗi cay cực của một bộ phận cùng đinh sống dưới đáy xã hội lúc bấy giờ.

Cuộc mưu sinh Hà Nội xưa có mấy nghề cực nhọc : múc cống,lấy phân. *"Các nhà Hà Nội thời xưa đều không có đường ống dẫn nước thải trong nhà ra cống rãnh ngoài phố…Các nhà đều làm cống thấm nước - đào sâu chừng hơn một mét,trên đặt một viên gạch bát tràng,nước chảy xuống tự thấm - gặp mưa to,mưa dầm các sân trong nhà đều ngập phải bắc ván - cống thấm ít lâu phải thuê người múc bùn,một thứ bùn đen hôi thối - chứa trong hai thùng sắt tây đem đổ xuống đầm ao hoặc sông. – Còn lấy phân cứ vài ngày đến lấy một lần,đựng vào thúng,phủ lên ít tro và đậy lên trên một cái mẹt – muốn cho họ năng đến lấy,chủ nhà phải thưởng cho họ vài hào mỗi tháng – mãi về sau thành lập công ty vệ sinh đặt ra cái lối mà xưa kia cho là mới là lối đổi thùng*". (tr.17*)

Người Hà Nội xưa được tiếng đẹp,thanh tú,lịch thiệp,nhã nhặn,khôn ngoan được truyền tụng qua cửa miệng dân gian:"*Chẳng thơm cũng thể hoa nhài/Dẫu không lịch sự cũng người Tràng An*";hoặc"*Chẳng thanh cũng thể hoa mai/Chẳng lịch cũng thể con người Thượng Kinh*".

Họ rất được quý mến,ngay khi đem bán rau,đậu cho người Hà Nội,cô gái Kẻ Láng cũng muốn sắm sửa quang gánh cho trang trọng và "mượn người lịch sự"gánh đi : *Anh giúp em đôi quang tám dẻ cho bền/Mượn người lịch sự gánh lên Kinh kỳ.*

Nói "lịch sự"phải nói đến ăn,đến mặc,đến cư xử,đối đãi,nói năng.Theo tục xưa,trong gia đình Việt Nam,không riêng gì Hà Nội,ngồi vào mâm cơm,người lớn chưa cầm đũa,trẻ con chưa được ăn.Trước khi ăn,trẻ con phải mời ông bà,cha mẹ và các anh chị rồi mới cầm đũa.Dân Hà Nội xưa cũng có người đẹp,người xấu,người trang nhã ,người thô tục…Nhưng người ta nhận thấy rằng,trong sự tiếp xúc giữa con người với con người,ít khi người Hà Nội xưa có những thói thô bạo,tục tằn…"(tr.52,53*)

Người Hà Nội rất trọng học vấn,khoa danh:"*Người ta nói:Làng Đông Ngạc(quê mẹ của tác giả),làng Hành Thiện có rất nhiều người đỗ đại khoa.Đến nỗi có người về Đông Ngạc hỏi một người làng :"Chị có biết nhà ông cử Ba ở đâu không?",chị kia liền trả lời :"Phải nói rõ tên,chứ ba,tư thì ai biết được !Cử tú ở làng này như lợn con ấy …".*

Nhiều nhà thời xưa người ta gọi là"gia thế"cố sức luồn lọt cho con em mình thi đỗ,sau đó chạy chọt để được làm quan;có thể nói cần làm những việc tồi tệ,sỉ nhục,họ cũng không từ.Đã có câu chuyện về gia đình một quan lớn nọ : "*Con nên khoa mục cha mòn trán/Em được công danh chị nát đồ" – Bố đi lạy lục ở những nơi cao nhất để con được đỗ,rồi chị lại thì thọt nơi các cụ lớn Tây để em trai mình được bổ làm quan* .(tr.66*)

Những Năm Tháng Ấy còn dành nhiều trang đề cập "nghề viết văn" khi xưa mà bản thânVũ Ngọc Phan là một thực tế,ông kể sơ về công việc biên soạn bộ sách nghiên cứu phê bình giới thiệu chân dung các tác gia văn học đương thời :"*Tôi viết **Nhà văn hiện đại**** *từ tháng 12/1938 đến cuối tháng Giêng năm 1940 thì xong lượt đầu,tất cả 1650 trang trên giấy học trò .Tư liệu dùng vào bộ sách lấy ở sổ tay – tôi có trên 50 sổ tay ghi về văn học Việt Nam,văn học nước ngoài,lịch sử Việt Nam,lịch sử mấy nước (Pháp,Đức Ý,Anh và Trung Quốc,Nhật Bản) .Về sách báo tôi tạm đủ không mất thì giờ đi lại tìm kiếm ở Thư viện trung ương(Biblothèque centrale)… - Giấy nháp của tôi đều là đơn xin học và đơn xin nghỉ của học sinh trường Thăng Long,do anh Phan Thanh và chị Lê Thị Xuyến cho.Giấy rất tốt,các em chỉ viết có một mặt….Suốt đời viết văn,cho mãi đến bây*

giờ,tôi đều thu nhặt những tờ đã viết hoặc đã đánh máy một mặt để dùng làm giấy nháp." (tr.174*)

Từ những trải nghiệm sống- đọc-viết,ông đúc kết lời khuyên có giá trị đến tận bây giờ:"*Từ trước tới nay.Tôi vẫn thích đọc Tônxtôi và Goócki,đọc đi đọc lai không biết chán.Tôi nghĩ: gọi là tài năng hay năng khiếu thì cũng đều được cả,nhưng dù có tài,có năng khiếu mà không đọc sách,không chịu học thì có đi vào nghề văn,cũng chỉ đi được nửa chừng hay đi bằng những bước tập tễnh.Nhà văn càng già càng có nhiều tích lũy về thực tế của cuộc sống,càng có nhiều tích lũy về văn học,về văn hóa,về tình cảm trong quan hệ gia đình và xã hội,nếu lại chịu khó trau dồi về sáng tác,về kỹ thuật thì vẫn có thể sắc sảo như thời thanh niên và trung niên.Tấm gương của Tônxtôi của Goócki là những tấm gương sáng chói,cũng như nhiều tấm gương sáng ngời của các văn hào khác trên thế giới.*"(tr.227*)

Hà Nội ngày nay

Quê tôi ngày nay Sau *Đổi mới*,cư dân chính cống Hà Nội thay đổi triệt để,tính cách bị pha tạp rất nhiều. Kết quả một điều tra mới đây(1)cho thấy tại phường Hàng Đào,số người Hà Nội ở mười đời trở lên chiếm không quá 9%; trong khi hàng năm Hà Nội có khoảng 1/5 số người nhập cư đến từ nơi khác. *Quá trình đô thị hóa biến nhiều làng thành phố*, còn *người phố thì sống kiểu làng* .(2)
Lối sống "thanh lịch" của người Hà Nội hầu như không còn có thể quan sát được nữa. Thay vào đó là hiện tượng những tính cách xấu gia tăng.Thời bao cấp cấu trúc tính cách người Hà Nội có sự biến đổi rất mạnh. Khi chuyển sang cơ chế kinh tế thị trường, đồng tiền đã chi phối nếp nghĩ và lối sống của nhiều người. Thái độ cục cằn, thô lỗ trong khu vực dịch vụ có xu hướng gia tăng. Hiện tượng "*bún quát, phở đuổi, cháo chửi*" không còn là ngoại lệ.

Theo GS.TSKH.Trần Ngọc Thêm(ĐHQG Tp. Hồ Chí Minh) : "*Người Hà Nội hiện tại đang tiếp tục sống với một hệ tính cách bất thường sinh ra từ một thời có tới hai cái bất thường là thời chiến và thời bao cấp*". (nguồn trangocthem.name.vn)
Cũng như Saigon - TP Hồ Chí Minh,Hà Nội ngày nay phát triển dữ dằn,chợ búa,siêu thị cửa hàng buôn bán sầm uất - nhà cao tầng là những khối tháp chọc trời xanh - đường sá mở rông,hệ thống cầu vượt đan chéo,xe cộ nườm nượp - mạch máu giao thông vận chuyển đời sống diễn ra 24/24 với tốc độ chóng mặt ...

Có thể nói chưa bao giờ Hà Nội vui như bây giờ. Phố xá vui, mặt người vui. - Nhiều người bảo Hà Nội đã sống lại. Nhà văn Nguyễn Khải thận trọng cho rằng: - Nhận xét đó "*Có đúng một phần,phần xác thôi,còn phần hồn thì chưa.Cứ nhìn nghe những người Hà Nội buôn bán,ăn uống, nói năng,cư xử với nhau ở ngoài đường là đủ rõ...*".(Truyện ngắn *Một người Hà Nội* - Trong tập: "Hà Nội trong mắt tôi", NXB Hà Nội,1995.)

Có dịp ra thăm Hà Nội,nhìn những căn hộ chung cư ngất ngưởng chọc trời thật choáng ngợp,tôi thoáng nghĩ ngợi không biết những "thị dân"trong đó sẽ sống sao đây khi chưa đoạn tuyệt phong cách tùy tiện,lạc hậu của thôn ổ làng mạc xa xưa ?

Nhìn chung mọi người rất mừng trước sự "mở mày,mở mặt"của đất văn vật,nhưng cũng áy náy cho cái hồn cốt,phẩm chất tinh hoa Hà Nội ngàn năm có chiều hướng phai nhạt. Mong rằng toàn xã hội ý thức giữ gìn bản sắc dân tộc,để trong quá trình hiện đại hóa **ta vẫn là ta** – Việt Nam bốn ngàn năm văn hiến.

(Saigon,29/10/2014)

Tài liệu tham khảo

**** Những năm tháng ấy - (NXB Văn Học Hà Nội - 1987)***
***** Tôi kéo xe - (NXB Phong trào Văn hóa Saigòn -1969 in lại)***
****** Nhà văn Hiện đại - (NXB Thăng Long Saigon -1960)***
1. Toquoc 2010: Nét thanh lịch - một tính cách rất Hà Nội. - http://www.hanoiyeu.com/forum/showthread.php?t=1262
2. Trang Hạ 2010: Làng trong phố (1-15). - http://trangha.wordpress.com/2010/06/24/lang-trong-ph%e1%bb%91-1-nha-co-dau-d%e1%bb%af/ .

PHAN VĂN THẠNH

tiểu luận

YẾN LAN VỚI BẾN MY LĂNG HUYỀN THOẠI

HUYỀN VIÊM

Tặng Nguyễn Khôi

Bến My Lăng nằm không, thuyền đợi khách,
Rượu hết rồi, ông lái chẳng buông câu.
Trăng thì đầy, rơi vàng trên mặt sách,
Ông lái buồn, để gió lén mơn râu.

Đó là bốn câu đầu trong bài thơ *"Bến My Lăng"* của Yến Lan, bài thơ có thể đứng được với đời. Không một người yêu thơ nào không biết bài thơ này vì vẻ đẹp huyền ảo của cảnh cũng như vẻ diễm lệ của lời thơ. Nhưng nhiều người băn khoăn tự hỏi : bến My Lăng ở đâu? Không có ở Sông Côn Bình Định, cũng không có tại bất cứ con sông nào trên lãnh thổ Việt Nam. Nhưng có hề chi chuyện ấy. Nhà thơ tưởng mình có thể lên trời như Tản Đà, lên tiên như Thế Lữ, thì sao lại không thể tưởng tượng ra một bến sông huyền hoặc để gửi gắm vào đấy cõi hồn mình?

Tuy nhiên, cũng có người muốn hiểu rõ nguồn cội của cái bến sông nổi tiếng ấy nên đã tìm đến tác giả và ông đã thành thực giãi bày :

-"Khi tôi chừng 6-7 tuổi thì mẹ tôi đau nặng phải nằm chữa bệnh ở quê ngoại bên kia sông. Hằng ngày tôi phải mang thức ăn cho mẹ và phải gọi đò qua sông cho đến khi mẹ tôi mất. Từ đó tiếng gọi đò cứ vang vọng trong tâm thức tôi như một nỗi ám ảnh, như tiếng gõ cửa vào một thế giới khác.

Người lái đò đưa tôi qua sông năm ấy lại chính là cậu ruột tôi. Trong bóng chiều nhập nhoạng, dáng ông phảng phất như một tráng sĩ khi chống sào qua bến vắng.

Bến sông ấy có một doi cát vàng nằm xoải ra như cái chân mày hình lưỡi mác, cha tôi gọi là My Lăng. Cả ba sự việc trên : sự chờ đợi (đợi đò), hoài niệm về một thời đã qua (tráng sĩ) và dáng dấp cao sang của một vùng văn hóa (chân mày hình lưỡi mác) trộn lẫn trong tâm thức tôi và nó cứ lớn dần theo thời gian. Chừng mười năm sau thì tôi viết được "Bến My Lăng" (1).

Rồi ông thêm :

- Khi viết bài thơ này, tôi đặt tên "Bến My Lăng" *để kỷ niệm về một bến sông đã đi sâu vào tuổi thơ. Cái tên Bến My Lăng ấy không có thật, nhưng kỷ niệm thì vẫn còn mãi trong lòng tôi.*

Trong thời tiền chiến, Bình Định là một tỉnh có nhiều thi tài, mà nổi tiếng nhất là bốn người trong "xóm thơ Bình Định" (2) : Hàn Mặc Tử, Yến Lan, Quách Tấn và Chế Lan Viên. Một bạn yêu thơ ở

Bình Định là Trần Thống ở thôn Kiên Mỹ, huyện Bình Khê tặng cho bốn nhà thơ thân yêu nhau như anh em ruột ấy cái tên ***"Bàn thành tứ hữu"*** (Bốn người bạn thành Đồ Bàn). Lại cũng có người gọi bốn nhà thơ này là "Tứ linh" (Long, Lân, Qui, Phụng) :

Hàn Mặc Tử là Long (Rồng)
Yến Lan là Lân (Kỳ lân)
Quách Tấn là Qui (Rùa)
Chế Lan Viên là Phụng (chim phượng)

Yến Lan là nhà thơ cuối cùng của "Xóm thơ Bình Định" rời bỏ cõi trần. Ông tên thật là Lâm Thanh Lang, sinh ngày 2 tháng 3 năm 1916 (Bính Thìn) tại làng An Ngãi, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định. Theo ông, sở dĩ có bút hiệu Yến Lan vì thời trẻ, gần nhà ông có hai cô gái chơi thân với nhau. Hai cô đều xinh đẹp, nết na và dễ thương. Một cô tên Yến, một cô tên Lan. Hai cô cùng yêu thơ nên dễ có cảm tình với tác giả. Về sau cô Lan trở thành vợ ông, còn cô Yến thì biệt vô âm tín. Bút hiệu Yến Lan ra đời từ đó. Ngoài ra ông còn có bút hiệu Xuân Khai.
Yến Lan nổi tiếng hay thơ từ lúc còn ngồi trên ghế nhà trường. Chính Yến Lan dìu dắt Chế Lan Viên (Yến Lan lớn hơn Chế Lan Viên 4 tuổi và học trên Chế 3 lớp) rồi cùng Chế Lan Viên nắm tay nhau đi trên đường văn chương sự nghiệp.

Năm 1937, Yến Lan cùng Hàn Mặc Tử và Chế Lan Viên sáng lập ra "Trường thơ Loạn". Lúc ấy Chế Lan Viên đã xuất bản tập thơ *"Điêu tàn"*, Hàn Mặc Tử đã hoàn tất tập thơ *"Điên"*,Yến Lan đã có tập thơ *"Giếng loạn"* và *"Bến My Lăng"*. Ba tập thơ *Giếng loạn*, *Điêu tàn* và *Thơ điên* làm nền tảng cho Trường thơ Loạn. Hai bài tựa của tập *Điêu tàn* và *Thơ điên* là "tuyên ngôn" của Trường thơ Loạn. Do câu ca dao :

Chiều chiều mây kéo về kinh,
Ếch kêu giếng loạn thảm tình đôi ta

mà Yến Lan đã viết nên tập thơ *Giếng loạn.* (tập thơ này đã mất).

Trường thơ Loạn ra đời ở một tỉnh nhỏ lại gặp lúc phong trào lãng mạn đang lên cao nên chẳng được bao lâu thì chết yểu (3).

Thi tài của Yến Lan nảy nở rất sớm. Từ năm 1935, lúc mới 19 tuổi và thơ mới mới có 3 tuổi (1932 – 1935), ông đã có nhiều tứ thơ táo bạo và lối biểu đạt tân kỳ. Tả một cánh buồm cô đơn cùng với con thuyền sau một cuộc hải trình vất vả về nghỉ ngơi bên cạnh hòn đảo, trên sóng nước dịu dàng, ông viết :

Sầu tam giác buồm cô về lặng nghỉ,
Nhịp hoãn hòa đến vỗ đảo xa khơi.

"Sầu tam giác" là một tứ thơ mới lạ (cánh buồm hình tam giác), "nhịp hoãn hòa" cũng là một ý thơ hay, diễn tả được cảnh sóng vỗ thong thả, nhịp nhàng vào hòn đảo.
Ở Sầm Sơn có Hòn Trống và Hòn Mái. Nắng chiều trùm lên các trang viên khiến ông tưởng chừng như đôi cánh bồ câu giăng ra ấp ủ :

Trống xa Mái ngẩn ngơ thơ đá chạm,
Chiều bồ câu cánh ủ khắp viên trang.

Thật là giàu tưởng tượng.
Yến Lan còn là nhà thơ giàu tình cảm. Ông yêu thiên nhiên, yêu quê hương Bình Định, yêu người thân, bạn bè bằng một mối tình thiết tha sâu nặng.

*** YÊU THIÊN NHIÊN,** ông yêu màu xanh của con sóng, yêu màn sương bao phủ Vọng Hải đài

(ở Ngũ hành sơn), yêu đá chồng nhiều lớp như một kho tàng quý báu mà thiên nhiên dành tặng cho con người :

Xanh biêng biếc, sóng con chồm bạc tóc,
Vọng Hải đài sương khóa kín tâm tư.
Đá chồng chất, phải chăng ôm mộng ngọc,
Chút kho tàng ngày tháng giữ khư khư.
(Xa xanh)

Yêu thiên nhiên, ông yêu hoa và hương. Hương của hoa sói, hoa nhài, hoa dạ lan đều đáng yêu cả, mỗi loài hoa có một mùi hương khác nhau. Còn lòng em có đợi tình anh chuyển hương sang?

Hoa sói, hoa nhài tự bốc hương,
Dạ lan theo gió tỏa đêm trường.
Lòng em đang nở mùa sim dại
Có đợi tình anh hương chuyển sang?
(Hoa và hương)

Yêu thiên nhiên và yêu hoa, ban công nhà Yến Lan thường có trồng hoa, có lẽ để nhớ vườn lan của ông ở Bình Định ngày xưa :

Ngấp nghé hiên tây mấy khóm hồng,
Hoa nhài giậu bắc, lựu tường đông.
Yêu hoa chẳng để thềm nam trống,
Đêm mộng mai vàng đến trổ bông.
(Thềm nhà phía nam)

Nhưng trong thiên nhiên, ánh trăng mới làm ông say mê nhất. Riêng trong bài "Bến My Lăng" ta có thể đếm được chín chữ "trăng". Ánh trăng ở đây mới lung linh huyền ảo làm sao ! Ánh trăng bàng bạc, mênh mông, tràn ngập con thuyền, rơi vàng trên mặt sách, chiếc áo màu ngọc lưu ly của chàng kỵ mã nhúng đầy trăng, còn ông lão đưa đò thì say trăng, gối đầu lên trang sách ngủ say đến nỗi không nghe tiếng gọi đò của chàng kỵ mã :

Nhưng đêm kia, đến một chàng kỵ mã,
Nhúng đầy trăng màu áo ngọc lưu ly.
Chàng gọi đò, gọi đò như hối hả,
Sợ trăng vàng rơi khuất lối chưa đi.
(Bến My Lăng)

*** YÊU QUÊ HƯƠNG,** Yến Lan không bao giờ quên Bình Định. Mỗi người ai cũng có một quê hương để yêu, nhưng với Bình Định, Yến Lan đã yêu tha thiết nơi chôn nhau cắt rốn này, nơi đã ghi lại trong ký ức của ông biết bao kỷ niệm thời niên thiếu với bạn bè, với người ruột thịt. Vì thế ông đã làm đến ba bài thơ về Bình Định : Bình Định 1935, Bình Định 1945 và Bình Định 1975-1976, mỗi bài đều ghi dấu ấn về kỷ niệm và các biến cố lịch sử tại mảnh đất này. Khi có người hỏi ông thích nhất bài thơ nào trong các tác phẩm của mình, có phải bài thơ nổi tiếng *Bến My Lăng* không thì ông sốt sắng trả lời : - Không, bài thơ mà tôi thích nhất là bài *"Bình Định 1935"*, trong đó tôi đã gửi gắm biết bao kỷ niệm và tâm tư tình cảm của mình :

Đây là chốn nương mây và cậy nguyệt,
Đàng chờ xe, sông nước ước mong thuyền
Tịch dương – liễu không biết mình đang biếc,
Tương tư trời – tương tư….. nhạc triền miên.
….. Trời Bình Định có thương em lẻ chiếc,
Em nằm thương xanh biếc của trời buồn.

Trên đài trán thơ hằng lên vọng nguyệt,
Nguyệt còn nương thuyền nhạc khuất trong sương.
(Bình Định 1935)

Rồi Cách mạng tháng tám đã về. Yến Lan hòa mình vào dòng chảy cách mạng với niềm vui náo nức, niềm sung sướng tự hào. Vui biết bao hình ảnh đàn chim bồ câu tung cánh trắng trong nắng đào, tiếng chuông tu viện reo vang niềm hạnh phúc và em nữa, em đi trong lầu thơ để dệt nên trang tình sử tuyệt vời :

Lầu cửa Đông có nghe em tâm sự,
Em đi trong tình sử của lầu thơ.
Hai chúng ta bước qua đêm quá khứ,
Ngoảnh đôi đầu không còn thấy bơ vơ.
(Bình Định 1945)

Rồi ba mươi năm sau, đất nước hòa bình, thống nhất, Bắc Nam chung một mái nhà, Yến Lan trở về Bình Định, lòng rộn lên biết bao kỷ niệm thời niên thiếu. Này đây bến My Lăng thơ mộng với cát bồi cong quá nửa, này đây bà con, bạn bè ngày xưa nay tóc đã điểm sương và này đây tiếng chuông tu viện ngân nga trong khung cảnh thanh bình, an lạc. Tác giả muốn tung hồn mình ra ôm choàng cả không gian, cả Bình Định thân yêu và đẹp đẽ vô ngần :

Xanh sắc lại, mênh mông trời rộng mở,
Hồn ta nay ước choàng cả không gian.
Ơi Bình Định, từ con tim ấp lửa
Bừng lên – bừng thành một cuộc hoa đăng.
(Bình Định 1975-1976)

Yêu Bình Định, Yến Lan yêu cả tiếng chuông đã một thời gieo vào lòng ông những âm thanh buồn vui lẫn lộn :

Tám tư (1984) về lại ở An Nhơn,
Phố cũ, người xưa chẳng mấy còn.
Đêm đến nằm nghe cành liễu phất,
Chợt nhìn quen thuộc tiếng chuông boong.
(Tiếng chuông ngày cũ)

Ta thường chỉ "nghe" được tiếng chuông, còn Yến Lan thì "nhìn" được tiếng chuông, ở đây thị giác và thính giác đã hòa quyện lẫn nhau nên nghe được sắc màu và nhìn được âm thanh.
Yến Lan còn có những bài thơ *Nhớ làng, Lại về tỉnh nhỏ, An Lão, Phù Ly* (4) đậm đà tình yêu quê hương xứ sở. Trong bài thơ *"Lại về tỉnh nhỏ"*, ông nhớ quê hương mình đã một thời đầm ấm yên vui nhưng rồi có biết bao thay đổi, đó đây hiện lên những nét buồn vời vợi và quang cảnh man mác đìu hiu :

Tỉnh nhỏ
Đìu hiu.
Mặt trời ngủ giữa chiều,
Trở mình trên mái rạ.
… Tỉnh nhỏ
Cô em
Nằm xem
Kiếm hiệp.
(Lại về tỉnh nhỏ)

*** YÊU NGƯỜI THÂN,** Yến Lan không sao quên được người mẹ chịu thương chịu khó suốt đời

để lo cho chồng con và mất sớm có lẽ vì quá vất vả :

…. Sống cầm kim chỉ cóng tay tê,
Khi chết đi, đầu mẹ vẫn quay về.
Nhưng sao khỏi cau mày trong nắm đất
(Chuyện quê ngoại)

Ông thương mẹ cam chịu long đong, lận đận để lo cho cái gia đình bé bỏng của mình không một lời thở than, trách móc :

Thương xưa mẹ sống đời sông bến,
Một lá đò đưa nặng gánh gồng.
(Mùa lụt thăm quê mẹ)

Mẹ mất rồi, chị phải thay mẹ nuôi em. Ông yêu biết bao người chị cả, quên cả tuổi thanh xuân của mình, ngày ngày lấy nghề vấn thuốc lá để nuôi em. Nhưng tuổi xuân qua mau, thời gian không đợi, một ngày kia chị cũng phải đi lấy chồng :

Khế chua chị nấu lá mồng tơi,
Em ước cùng ăn đến trọn đời.
Tang mẹ mãn rồi, bà mối giục,
Chị đi, bát đũa cũng mồ côi.

*** YÊU BẠN BÈ,** Yến Lan đã viết những vần thơ thân thiết, chí tình. Khi ở miền Bắc, xa bạn, nửa đêm nghe tiếng chim bìm bịp kêu ở đầu lán, ông không sao ngủ được, ra đứng nhìn vành trăng khuyết mà bâng khuâng nhớ bạn :

Sang canh, bìm bịp kêu đầu lán,
Đất mới, nhà đơn, lạ láng giềng.
Nhớ bạn, nửa đêm ra tựa liếp,
Khuyết cong mày bạc, ngấn trăng in.
(Nhớ bạn)

Thật ít có ai như ông, nhớ bạn, tìm đến nhà bạn để thăm, khi tìm được nhà rồi thì ngần ngại không vào vì "sợ vào đúng nhà" và e "vườn, cỏ um tùm – sách, mốc meo" :

Chợ cách đò giang, xóm cách đèo,
Phải đây nhà bạn đứng cheo leo?
Muốn vào, sợ đúng nơi tìm đến,
Vườn, cỏ um tùm – sách, mốc meo.
(Tìm bạn cũ)

Lời thơ chân tình và đôn hậu biết bao !

Lẽ tất nhiên, trong số bạn bè, Yến Lan thân nhất với các bạn trong "Bàn thành tứ hữu". Với Yến Lan, Quách Tấn có nhiều kỷ niệm khó quên. Ông kể :

Lúc Yến Lan ở Nha Trang có ít nhiều kỷ niệm. Một trong những kỷ niệm này là cây me. Cây me mọc bên cạnh đình Xương Huân, gốc thì đứng bên vườn đình, song một phần lớn tán lá trùm lên mái nhà bếp của tôi. Cây me này sống có trên vài trăm năm, gốc đã to đến hai ôm và lòng đã bộng từ rễ đến ngọn.

Một hôm me chín, lũ con tôi muốn ăn nhưng cây cao quá, đành đứng dưới dốc ngó lên. Yến Lan thấy vậy liền bắc thang leo lên mái nhà rồi chuyền sang cây me mà hái. Hình ảnh ấy trong mấy

mươi năm vẫn sống trong lòng tôi. Mùa thu năm Mậu Thân (1968) lòng bỗng nhớ Yến Lan da diết, tôi ra đứng tần ngần dưới gốc me. Bỗng một trận lá me vàng tuôn xuống làm sống dậy bóng dáng cố nhân ! Gần mười lăm năm ly biệt, không một tin đưa ! Bồi hồi áo não, tôi viết được một bài lục bát :

Me thu lã chã mưa vàng,
Nắng thu hiu hắt bóng chàng năm xưa.
Bấy chầy cách trở nắng mưa,
Đời Ly Tao ngọt hay chua hỡi lòng?
Chàng đây là Yến Lan.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Yến Lan và Quách Tấn cùng sống ở Bình Định, hai người ở cách nhau trên dưới ba mươi cây số, không phải là xa, nhưng ít được gặp nhau vì đường sá bị phá hoại, việc giao thiệp bị hạn chế và kế mưu sinh chiếm hết cả thì giờ :

Quách Tấn ngồi thắt gióng,
Yến Lan nấu xà phòng.
Văn chương tỉnh Bình Định
Phó mặc Nguyễn Thành Long (5).

Yến Lan có làm một bài thơ tứ tuyệt tặng Quách Tấn, lời thơ rất xúc động, đầy tình cảm trìu mến thân thương. Tuy là đề tặng Quách Tấn nhưng không gửi trực tiếp cho Quách Tấn mà chỉ đăng báo. Bài thơ viết năm 1982 mà mãi đến tám năm sau mới đăng trên tạp chí *Kiến Thức Ngày Nay số 45, ngày 1 tháng 10 năm 1990 (trang 28) :*

Nhớ bạn nhiều hôm da diết nhớ,
Lại đành không tiện viết thư thăm.
Ngại trao tâm sự cho tờ giấy
Đè nặng thêm tay kẻ nhận cầm.
(Vô tình và hữu tình)

Tuy sống lâu năm ở Hà Nội, nhưng Chế Lan Viên vẫn luôn nhớ quê hương, nên khi hòa bình thống nhất được ít lâu, Chế quay trở về Nam, dựng được một "lầu thơ" ở quận Tân Bình mang cái tên rất thơ là *"Viên tĩnh viên"*. Dịp này Yến Lan mừng bạn bằng một bài thơ tứ tuyệt :

Tuổi sáu mươi hai (1982) có cửa nhà,
Có vườn gió nắng, ngõ sương hoa.
Theo thơ, đời mãi làm thân khách,
Làm chủ, giờ thêm bạn với thơ.
(Mừng bạn có nhà)

Năm 1989 Chế Lan Viên qua đời. Nhân ngày giỗ Chế, Yến Lan làm bài thơ "Ngắm hoa quỳnh nhớ Chế Lan Viên" để viếng Chế, lời thơ thật xúc động, đầy tình cảm :

Hương tạ trời khuya đẫm sắc quỳnh,
Nửa nghiêng tiền kiếp, nửa lai sinh.
Lẫn vào sương khói ba canh mộng,
Một cánh phù hoa bỗng lộ hình.

Vào cuối đời, Yến Lan quay về với thơ tứ tuyệt. Tập "Thơ tứ tuyệt" của ông do Nhà xuất bản Hội Nhà văn in năm 1996 gồm 160 bài chọn từ hàng trăm bài thơ tứ tuyệt của ông sáng tác trong mấy chục năm qua.

Tác giả viết về quê hương yêu dấu, về những nơi đã qua, đã sống, về người đồng hương, về

bạn bè, người thân bằng lời thơ súc tích và tình cảm chân thành.
Đến viếng chùa Hương, một thắng cảnh từng làm say đắm bao người, ông viết :

Chua ngọt chạm đầu lưỡi,
Chát đắng ẩn trong men.
Chén rượu trên Bến Đục
Sóng sánh tiếng chuông thiền.
(Rượu mơ uống ở chùa Hương)

Viết cho người thân yêu, tình cảm của tác giả rất chân thành và tha thiết :

Cùng chim tu hú bạn bao giờ,
Tuổi nhỏ con chưa rời thủ đô.
Nay chiến trường xa tìm đến gặp,
Rắc màu hoa gạo đỏ trong thơ.
(Tu hú)

Thuở xưa, Trang Tử nằm mơ thấy mình hóa bướm, lúc tỉnh dậy băn khoăn tự hỏi không biết mình hóa bướm hay bướm hóa ra mình. Còn Yến Lan buổi sáng đọc Nam Hoa kinh (6) nhưng buổi tối không hóa bướm nên mừng mình làm chủ được mình :

Sáng đọc Nam Hoa kinh,
Tối nằm không hóa bướm.
Mừng mình chủ được mình,
Dậy thổi nồi khoai sớm.
(Đọc Nam Hoa kinh)

Từ năm 80 tuổi trở đi, Yến Lan ngày càng suy yếu, sức tàn lực kiệt, cuộc sống chỉ còn đếm trên đốt ngón tay nhưng ông vẫn làm thơ :

Tay bưng thuốc đắng nhìn xuyên chén,
Năm tháng còn trên mấy đốt tay.

Khi có bạn cũ đến thăm bên giường bệnh, ông mừng lắm rồi lại làm thơ :

Mở mắt nhìn qua ai đến thăm,
Thì ra bạn cũ đã mười năm.
Câu thơ ngày ấy nhòa mưa hạ,
Còn nửa vầng trăng cứ khuyết thầm.

Ngày 5-10-1998 Yến Lan đã ra đi, mang theo vầng trăng lung linh thuở nào trên bến đò huyền thoại. Mai sau, bạn đọc có thể quên thơ Yến Lan, nhưng chắc không thể nào quên được vầng trăng huyền ảo trên bến My Lăng đã một thời làm xao xuyến lòng người.

---

(1) Trích Nhà văn Việt Nam thế kỷ 20 (NXB Hội Nhà Văn VN - Hà Nội 1999) tập 4 trang 427.
(2) "Xóm thơ Bình Định" : chữ của Hoài Thanh trong Thi nhân Việt Nam.
(3) Theo cuốn Bóng ngày qua của Quách Tấn (NXB Văn Nghệ TP.HCM 2001).
(4) An Lão, Phù Ly : hai địa danh ở tỉnh Bình Định.
(5) Sđd trang 204-205.
(6) Nam Hoa kinh : tên một bộ sách của Trang Tử thời Chiến quốc.

HUYỀN VIÊM

tìm hiểu

ĐÔI ĐIỀU VỀ ĐỊNH DANH "NHÓM ĐỀN THÁP PÔ SHA INU"

NGÔ ĐÌNH MIÊN

Trên đường từ trung tâm thành phố Phan Thiết đến Mũi Né, đi chừng 7 km, ta thấy về phía bên phải, một hình ảnh khiến ta không thể không chú ý. Đó là Tháp Chăm Phố Hài, nằm sừng sửng trên ngọn đồi Bà Nài. Đặt ngay đầu con đường rẽ phải vào Tháp là một tấm pa- nô bằng bê-tông, như là bia địa danh, trên đó ghi hàng chữ "Nhóm đền tháp Chăm Pô Sah Inư (Phố Hài)". Bên dưới cái tên đó, người ta còn ghi thêm "công trình kiến trúc và nghệ thuật được xếp hạng di tích cấp quốc gia". Tên hơi dài, do vậy hiện nay, theo quy luật rút gọn của ngôn ngữ, người ta (kể cả báo chí) thường gọi đơn giản là "Tháp Pô Sah Inư". Thực ra, làm gì có cái tháp nào ở khu vực này tên là "Pô Sah Inư". Có đôi điều cần phải phân giải về định danh này…

Đồi Bà Nài và khu vực chung quanh lâu đài của công tước De Monpensier được gọi tên chung là Lầu Ông Hoàng. Lầu Ông Hoàng không phải là một địa danh được xác định bởi một văn bản có tính chất pháp lí của nhà nước, kể cả trong chế độ cũ và hiện giờ. Đó chỉ là cách gọi của dân gian, lâu dần thành quen, ai cũng biết, cũng nhớ và không ai thắc mắc gì về tên gọi đó đúng hay sai. Tuy nhiên, việc cơ quan có chức năng đã đặt tên mới cho Tháp Chăm Phố Hài và cái tên đó được chép rành rành trong các văn bản hành chính nhà nước, thì thật là… chưa chính danh cho lắm!?

Theo các tài liệu viết về tháp Chăm ở Việt Nam, từ trước thế kỉ XX, tháp này có tên gọi là Tháp Chăm Phố Hài, được xác định niên đại xây dựng vào khoảng thế kỉ thứ VIII- IX. Tháp thờ thần Shiva, theo Ấn Độ giáo. Năm 1991, Tháp được công nhận di tích cấp quốc gia. Từ năm 1992 đến 1995, công cuộc khai quật quanh tháp phát lộ ra một đền thờ đã bị chôn vùi dưới mặt đất. Đền thờ này được xây dựng vào thế kỉ XV, thờ công chúa Chăm Pô Sah Inư, người có công lớn với dân tộc mình. Từ đó, ngành quản lí văn hóa của tỉnh cho đổi tên "Tháp Chăm Phố Hài" thành "Nhóm

đền tháp Chăm Pô Sah Inư". Xin mở ngoặc lưu ý là vào thời điểm Tháp Chăm Phố Hài được công nhận di tích cấp quốc gia thì di chỉ đền Pô Sah Inư chưa được phát hiện.

Có lí do thật xác đáng nào để xoá tên "Tháp Chăm Phố Hài" và lấy tên của một ngôi đền đã trở thành di chỉ làm tên đại diện cho cả cụm di tích Chăm nằm trên đồi Bà Nài này chăng? Có điều gì đó bên trong khó nói ở đây không? Bài viết này chỉ đưa ra một số ý kiến lý giải mà không có câu trả lời như một kết luận cụ thể; bởi tác giả mong muốn dành một khoảng trống cho những ai quan tâm, để cùng suy nghĩ, cùng tìm hiểu thêm một chút ngỏ hầu cùng nhau làm sáng tỏ vấn đề định danh trên...

Về mặt niên đại, Tháp Chăm Phố Hài được xây dựng trước đền thờ Pô Sah Inư hơn sáu thế kỉ. Điều đặc biệt là tháp này hiện đang còn đứng sừng sững với đất trời. Trong khi đền thờ Pô Sah Inư đã sụp đổ và bị chôn vùi hoàn toàn hàng mấy trăm năm, nay chỉ được biết đến qua dấu vết khai quật mà chỉ có những người khảo cổ mới biết được mà thôi. Trong cụm từ định danh "Nhóm đền tháp Chăm Pô Sah Inư" trên, nếu chịu khó phân tích một chút về kết cấu ngữ nghĩa, ta sẽ thấy: đứng trước từ "đền" không có từ nào để chỉ định tình trạng tồn tại hiện thời của đền (ví dụ: "di tích đền Hùng", "phế tích Lầu Ông Hoàng", "di chỉ thành Thăng Long"...) cũng có nghĩa là mặc nhiên xác nhận ngôi đền đó còn đang hiện hữu, vẫn còn giữ nguyên kiến trúc cơ bản ban đầu của nó, như Tháp Chăm Phố Hài vậy. Điều này là không đúng với thực tế. Vì hiện nay, "đền" chỉ còn là di chỉ dưới lòng đất.

Tôi cho rằng, cũng tương tự như việc trên đây, không ai có quyền lấy tên của của một ngôi đền hoặc tháp nào đó (hẳn nhiên là phải đang tồn tại như di tích còn nhìn thấy được trên mặt đất, chứ không phải là di chỉ) trong quần thể di tích thánh địa Mỹ Sơn- di sản văn hoá thế giới, để làm tên chính thức thay cho tên Mỹ Sơn được. Nếu bên cạnh Tháp Chăm Phố Hài, ta biết thêm một di chỉ là đền Phô Sha Inư, thì cần phải có một tên gọi riêng của đền và nếu cần đặt tên mới chung cho cả cụm di tích thì phải cân nhắc chọn tên nào phù hợp có nhiều tính đại diện nhất. Mặt khác, nếu vì lí do "quan trọng" chẳng đặng đừng nào đó mà cần lấy tên một di tích khác để làm tên đại diện cho quần thể di tích, thì di tích được chọn lấy tên đó phải thật tiêu biểu về nhiều mặt so với cả quần thể, như về: niên đại, kiến trúc, nghệ thuật, hiện trạng công trình.v.v...

"Nhóm đền tháp Chăm Pô Sha Inư", là một cụm từ định danh có tính chất thông báo, nên từ "nhóm" cũng không cần thiết phải nằm trước cụm từ cố định đó nữa. Vì từ "nhóm" thường liên kết với các nhóm từ khác nhau, trong đó có từ chỉ vật hoặc hành động, xuất hiện trong các trường hợp tạo nên cụm từ có tính so sánh, phân biệt (ví dụ: "nhóm gỗ", "nhóm chạy, nhóm bắn súng", "nhóm các nhà nghiên cứu về H5N1", "nhóm cháo, nhóm cơm nát", "nhóm công trình kiến trúc thế kỉ 15"...). Riêng đối với trường hợp từ "nhóm" đặt trong cụm từ "Nhóm đền tháp Chăm Pô Sha Inư" trên đây chỉ mang tính gộp các sự vật mà không thực hiện được chức năng so sánh. Vì muốn thành nhóm để so sánh, trước hết, các sự vật được gộp chung vào nhóm phải đồng nhất hoặc đồng chất, đồng đẳng, đồng đại..., tức là phải giống nhau về các yếu tố cơ bản. Trong khi tháp thờ thần Shiva khác xa với đền thờ Pô Sha Inư từ ý nghĩa tôn giáo, kiến trúc nghệ thuật đến niên đại xây dựng và hiện trạng di tích...

Còn nếu vẫn muốn giữ lại từ có tính gộp đứng trước "đền tháp", thì nên thay vào vị trí đó bằng một từ hợp lí hơn từ "nhóm". Bởi vì, đối với người am hiểu về tiếng Việt, chỉ cần chú ý một chút về tính chất khu biệt trong liên kết từ của tiếng Việt trong cụm từ "Nhóm đền tháp Chăm Pô Sha Inư", sẽ phát hiện ngay việc chọn từ "nhóm" để liên kết với cụm từ "đền tháp" là không được thuận cho lắm. Thông thường, nếu chọn một trong các từ gần nhau về mặt ngữ nghĩa như: "nhóm", "khu", "cụm"... để đặt trước cụm từ "đền tháp..." nhằm thông báo về số nhiều, thì hợp lí nhất là chọn từ "cụm" hoặc "khu"; vì khi nó liên kết với "đền tháp" sẽ mang tính khu biệt nhiều hơn, làm cho nghĩa của cả cụm từ liên kết đó sáng rõ hơn cả. Từ "khu" hoặc "cụm" vốn chỉ dùng để liên kết sau nó với những từ chỉ vật mà thôi (như "khu nhà ổ chuột", "cụm lô cốt", "cụm đền tháp"...), không liên kết với từ chỉ người (không ai nói "cụm người", "cụm trẻ em"...). Trong khi những từ có khả năng liên kết sau từ "nhóm" thường là những từ chỉ người nhiều hơn là chỉ vật. Ví dụ: "nhóm trẻ", "nhóm

người", "nhóm học sinh"…

Nếu phân tích thêm hàng chữ : "Di tích kiến trúc nghệ thuật được xếp hạng cấp quốc gia " được viết thêm vào bên dưới tên "Nhóm đền tháp Chăm Pô Sah Inư" trên bia địa danh được đặt ngay đầu đường rẽ vào cụm di tích, thì càng làm cho ta phân vân hơn nữa. Vì đó chính là nội dung xác nhận ở cấp cao nhất- cấp nhà nước về loại hình kiến trúc và phong cách nghệ thuật của di tích. Ta thử đặt câu hỏi: "*Di chỉ đền Pô Sha Inư thuộc thể loại kiến trúc nào và với phong cách nghệ thuật gì?*" Câu hỏi này không dễ trả lời, nếu không muốn nói là không thể, vì ngôi đền đã hoàn toàn biến mất vài trăm năm nay, không còn dấu vết trên mặt đất; lấy cơ sở đầy đủ nào để có thể xác định thể loại kiến trúc và phong cách nghệ thuật. Ta thử đặt thêm một câu hỏi nữa: "*Vậy thì cấp có thẩm quyền căn cứ vào đâu để gộp di chỉ đền Pô Sha Inư vào cùng với tháp Chăm Phố Hài để gọi chung là di tích kiến trúc nghệ thuật được công nhận cấp quốc gia?*" Hỏi cũng tức là trả lời…

Tôi đã tham khảo ý kiến của một số trí thức (cả người Chăm và người Kinh) đáng kính trọng, có tâm huyết, trung thực và khách quan ở địa phương về vấn đề trên. Họ đều có cùng nhận xét về cách gọi tên "Nhóm đền tháp Chăm Pô sha Inư (Phố Hài)" của ngành quản lí văn hóa hiện nay là không ổn. Do đó, cho rằng tên gọi của quần thể di tích này, chỉ cần thêm từ "đền" vào trong tên cũ "Tháp Chăm Phố Hài" thành "Đền tháp Chăm Phố Hài". Còn nếu muốn rạch ròi hơn thì dùng cụm từ: "Tháp Phố Hài và di chỉ đền Pô Sah Inư ". Hoặc cứ gọi theo tên cũ là Tháp Chăm Phố Hài, di tích được nhà nước công nhận.

Những việc làm nêu trên đây của nhà chức trách, vô tình (hay hữu ý?) đã "hô biến" mất tên Tháp Chăm Phố Hài; một cái tên đã tồn tại trang trọng hàng trăm năm trên sách vở (trong nước và thế giới) và trong kí ức của nhiều thế hệ. Cái tên đó chưa hề làm tổn hại gì đến lịch sử văn hoá của đất nước nói chung và dân tộc Chăm nói riêng, cũng không làm giảm thanh danh của những nhà quản lí văn hoá ở địa phương. Tôi tin rằng, những nhà quản lí văn hoá đó, họ biết rất rõ lí do tại sao lại có sự "hô biến" như vậy .

Trong việc đặt tên cho di tích văn hoá, theo tôi, có một điều cơ bản cần hết sức lưu ý là phải đặt tính văn hoá và tính lịch sử lên hàng đầu; không để phụ thuộc vào yếu tố chủ quan về chính trị hoặc tính dân tộc cực đoan mà làm giảm đi ý nghĩa văn hoá của di tích. Di tích văn hoá là riêng của một dân tộc, một quốc gia cụ thể; nhưng nó còn là tài sản văn hoá của nhân loại…

NGÔ ĐÌNH MIỄN

tiểu luận

NGŨ BÁCH LAN VIÊN

BÙI ĐẸP

Ở triều đại nhà Trần, Anh Tông là vị vua tài hoa phong nhã nhất. Ngoài việc sành điệu về cầm kỳ thi họa. Chơi lan cũng là một thú mà nhà vua yêu thích. Ông lập ra những chức quan riêng biệt để trông coi hoa lan như Tầm lan quan, với nhiệm vụ tìm tòi sưu tập các loài lan quý hiếm. Nữ giám lan chuyên vun trồng, chăm sóc hoa lan...

Trong vườn thượng uyển, bên đồi Long Đỗ (nay là vườn Bách Thảo - Hà Nội) nhà vua đã dành một chỗ râm mát cho Ngũ Bách Lan Viên gồm hơn 500 loài hoa lan quy tụ từ các xứ: Lào, Chiêm Thành, Phù Nam, Xiêm La...

Ngũ Bách Lan Viên cũng là một niềm kiêu hãnh tự hào của Anh Tông. Mỗi khi có sứ thần các nước tới, Anh Tông đích thân dẫn họ đi xem. Ai cũng tấm tắc khen là Phương Đông không có vườn lan thứ hai tương tự và có thể ví với Lan Viên của Tùy Đế ngày xưa.

Một đêm Anh Tông cùng thái giám Trần Được vi hành - như vẫn thường làm - đến nghe cung đàn nhịp phách đào nương tại phòng ca trù Gia Ngư, nhưng khi gặp năm nước sông Tô Lịch quá lớn ngập phường Cô Lương, nhà vua phải qua phường Thanh Hà, chợt thoảng bắt hương lan lạ, bèn dừng lại nói với viên thái giám:

- Đã lâu nghe khu này có một vườn lan quý của một cự phú Bắc Phương, anh ruột Tổng đốc Lưỡng quảng Lữ Cảnh Phủ. Ba bốn lần trẫm đã phái Tầm lan quan tìm đến xem, nhưng họ cố tình lánh mặt không tiếp. Đến nay bất ngờ thấy hương lan quý lạ. Trẫm muốn sớm mai thái giám làm cách nào để trẫm đến đó thưởng thức hoa cho thỏa lòng khao khát.

Sau nhiều ngày dò hỏi, viên thái giám được một người bạn thân của phú hộ họ Lữ tiến dẫn vua tới, giới thiệu là huynh của Tể tướng Trường Hán Siêu tại trào.

Từ giờ thìn, ngắm từng lẵng hoa lan treo giàn, trong chậu... vua thấ trong số trăm loài hoa chỉ có vài giống lan hiếm, lạ mà vườn thượng uyển không có. Điểm đáng chú y là hấu hết các loại lan từ hoa, lá, rễ đều mẫm dài, xanh muốt, mơn mởn ngát hương lạ thường. Vì lần đầu sơ giao, Anh Tông giữ ý không tiện hỏi nhiều, song để mắt quan sát theo dõi cử động của các nữ gia nhân cặm cụi chăm chút từng chậu bông, bồn kiểng. Vua thấy việc làm của họ chẳng khác hoạt động của các Nữ giám lan vườn thượng uyển. Ngắm hoa xong, gia chủ mời khách quý vào sảnh đường dùng trà. Anh Tông ngỏ lời cảm ơn:

- Được hân hạnh thưởng ngoạn Bách Hoa Viên của viên ngoại mới thấy người bên qúy quốc chơi lan sành hơn thiên hạ.

Hoan hỉ, phú thương họ Lữ hỏi:

- Chẳng hay quý khách thấy chi mà khen quá vậy?

- Tôi mộ lan đã 20 năm, cũng có nhiều loại hoa như của viên ngoại, nhưng so bề hương sắc còn kém xa một trời một vực. Phải chăng lan của quý viên ngoại từ Bắc quốc mang sang.

- Bản quốc là xứ ôn đới có nhiều thảo lan, còn phong lan là loại hoa ký sinh sống trên các thân cây rừng nhiệt đới. Người Trung Quốc ít thích hơi hoa man dại, không phải do tay người vun bón, chăm sóc. Số phong lan mà bản gia có là do bạn lan biếu tặng phải giữ gìn lấy tình.

- Lan của qúy viên ngoại đẹp như vậy, hẳn chắc có bí quyết gì?

Vừa dứt lời bỗng nghe tiếng ồn ào ngoài cổng, rồi lính túc vệ chạy sộc vào... Anh Tông biến sắc, vội khoát tay ra dấu cho lính trở lui và lật đật cáo biệt gia chủ.

Thì ra Thượng Hoàng Nhân Tông từ Thiên Trường vừa lên. Trong cung Thuận Thánh Hoàng hậu hốt hoảng sai quân nội điện, phi ngựa đi rước vua, một mặt hối hả ra nghênh bái Thượng hoàng và mạn tấu là Anh Tông đang cùng sứ giả lân quốc thưởng lan ở ngự uyển sắp về. Nhờ vậy đã không xảy ra chuyện như năm xưa: Thượng hoàng lai kinh bắt gặp vua say ngủ, gác gậy lên mình, giận bỏ về... làm cho vua khi tỉnh dậy phải chạy đuổi theo trối chết để tạ tội.

Một tuần sau, tiễn giá Thượng hoàng về Thiên Trường xong, vua cùng thái giám Trần Được lại vi hành đến nhà cự phú họ Lữ.

Lần này đã biết là vua, gia chủ nghênh tiếp, cho vợ con, cháu chắt tham bái. Lữ viên ngoại đích thân hướng dẫn vua ra Lan viên, giới thiệu từng chậu kiểng, loại lan... vua nhắc lại câu hỏi ngày trước bị cắt ngang lúc hai túc vệ xông vào nhà. Lữ viên ngoại cười đáp:

- Bệ hạ hỏi về phép chơi lan, xin tâu thực tình là bản gia không có bí quyết nào khác ngoài chuyện nước tưới lan. Nước tưới lan không là nước mưa, nước uống lấy từ giếng, sông, suối, hồ mà là nước rửa chân hàng ngày của nữ nhân.

Vua ngạc nhiên hỏi:

- Lan và xạ là hai chất thơm trang sức tăng vẻ đẹp người nữ, tại sao dùng nước dơ người nữ để tưới "Vương giả chi hương" vậy?

- Lan thực chất là thứ thơm sạch là chất của tiết nữ. Nhưng cây thảo lan lại cần có nước rửa

mặt gội đầu của nữ nhân tưới thì tốt. Lan là loài hoa thảo hợp Âm, nở về đêm, sắc hương lộng lẫy, nồng nàn. Lan đẹp não nùng dưới ánh bạch chói chang. Vì hợp âm khắc dương, lan không chịu nắng soi, phải che giàn râm mát. Đượm sương đêm, lan mơn mởn thơm dai, lâu tàn. Cho nên muốn lan tươi đẹp, phải siêng tưới bằng nước có hơi âm chất, cũng như phải do bàn tay người nữ chăm bón, vun tưới.

- Vậy hằng ngày làm sao có đủ nước đó để tưới 2 lần cả trăm chậu lan?

- Để có đủ, bản gia phải đặt mua trước cả năm của 2 phường ca trù Gia Ngư và Đồng Xuân, với giá rất cao.

- Làm cách nào để biết đích xác là nước rửa mặt, gội đầu của các ca nhi, đào nương?

- Bàn gia phải cảnh cáo dè chừng, nếu không phải thuần chất rửa mặt, gội đầu của nữ nhân mà tưới thì lan còi, chậm trổ bông, lụi dần, lúc đó họ chớ trách bị bắt nộp quan và phải bồi thường.

Chỉ tay về khu biệt lập nhỏ, cách Lan viên vài chục bộ, trong đó thấy thoáng một số chậu lan mà vua chưa được dẫn đến coi, Anh Tông hỏi:

- Nơi đó, phải chăng là Cấm lan viên đầy lan quý trong thiên hạ của lão viên ngoại?

Cự phú Chiêu cười lắc đầu, giải thích:

- Đó là khu "trữ lan" cất những giò lan chưa đủ bộ làm chậu trước khi đem bày trong Lan viên.

Vua hỏi:

- Thế nào là chưa đủ bộ làm chậu?

- Chưa đủ bộ là chưa đủ đôi, đủ số giò lan, để lên chậu. Bản gia trồng lan mỗi chậu hai giò gọi là "Song muội", hay "Tỷ muội lan" hoặc bốn giò là "Tứ quý hương" hoặc tám giò theo thế "Bát tiên quần ẩm" hoặc 12 giò "Thập nhị kim cương" hoặc 18 giò là "Thập Bát La hán hội" hoặc 28 là "Nhị thập bát tú hội". Phép chơi lan kiêng kỵ số lẻ thuộc Dương, chơi lan cầu kỳ công phu, nên phải qua nhiều năm tháng, hao tổn công, mới có được vườn hoa lan súc tích đủ loại.

Anh Tông chợt nhớ nhiều lần đã cho người đến xem lan mà không được, liền hỏi:

- Tại sao vườn lan quý, phú thương không mở rộng cửa giao đón khách mộ lan?

Cự phú họ Lữ trình bày lý do trước hết là vì bận việc thương mại đa đoan, không có thời giờ tiếp các bạn lan, sau nữa vì sợ đến tai triều đình lắm tay sành hoa lui tới, gây nhiều phiền hà, bất tiện. Anh Tông mỉm cười xin lỗi phú thương về sự đường đột rồi nói:

- Chắc chắn sẽ không có sự phiền hà, bất tiện nào khác đến với lão gia chủ lần nữa. Sau buổi hội ngộ hôm nay, quý viên ngoại hẳn có nhiều kinh nghiệm bí quyết về lan, xin vui lòng mách bảo.

Họ Lữ đáp:

- Người Trung Nguyên chơi lan đều có ít nhiều bí quyết. Đời Đường có Lan Vương Đỗ Phủ, một thi bá sành lan nhất. Trong các cuộc thi lan ông luôn giữ ngôi vị quán quân.

Vua hỏi:

- Dường như thời Đỗ Phủ còn có một Á Vương Lan nữa?

- Đó là Vương Hy Chi, bạn lan giao của Đỗ Phủ, là tác giả bài "Thiếp Lan Đình" nổi tiếng thời Đường. Vườn lan Vương Hy Chi hằng đêm quy tụ hàng chục lan khách nhắm rượu thưởng lan, làm thơ. Vương có người chú ở đất Kiến cho 12 giò "Túy Dạ Hồng Lan", Vương chia một nửa, đem biếu bạn tri âm Đỗ Phủ.

Tết Nguyên tiêu năm sau có tổ chức thi lan tại Phương Lan Đình trong phủ Lý Thừa tướng. Trong hơn 500 chậu. Ban giám khảo tuyển chọn 2 chậu Túy Dạ Hồng Lan của Đỗ và Vương trúng giải Khôi và Á nguyên. Điểm đáng chú ý là cả hai tuy cùng một loại lan, nhưng lan của họ Đỗ tuy tương đối nhỏ hơn, lại được chấm giải nhất, vì hương sắc toàn bích.

Vương, sau cuộc thi cứ hậm hực suốt ngày, không ăn, không ngủ, chỉ uống rượu giải sầu. Không phải hận Ban Giám Khảo bất công thiên vị, mà chính vì Vương Hy Chi và các lan chủ dự tranh đều nhìn nhận lan của Đỗ Phủ đẹp hơn lan của Vương. Ông nghi ngờ Đỗ Phủ có bí quyết gì riêng, bèn sang thăm hỏi. Phủ ngay tình, thề chỉ chăm sóc, vun tưới như mọi người chứ không có bí kíp gì khác. Vương ra về lòng hoài nghi, đinh ninh họ Đỗ "giấu nghề" để giữ vững ngai vàng Lan Vương. Chi lập mưu với người cháu gái và nhờ bạn thân bên nhà họ Đỗ đưa vào làm thị tỳ. Sau khi nhận việc, thị tỳ để ý đến các hoạt động trong Lan viên. Thị tỳ thấy tất cả các nữ nhân, nô tỳ trong gia trang, sau khi gội đầu, rửa mặt phải đổ nước rửa mặt vào một hồ xây lớn và dùng nước ở đó tưới lan.

Hy Chi được ngầm báo cáo, và áp dụng đúng các bí kíp tưới lan, nên kỳ thi hoa năm sau cả hai chậu Túy Dạ Hồng Lan của hai họ Vương, Đỗ đều toàn bích. Ban Giám Khảo phân vân không biết chấm ai nhất, ai nhì. Rốt cuộc phải nhập hai giải Khôi Á thành một giải Khôi nguyên đồng chiếm chia đều cho hai họ Đỗ Vương. Mấy hôm sau nhân nhà họ Đỗ có tiệc mời sang đánh chén, tiệc tan, Vương trách Đỗ không thật lòng với bạn, Đỗ bèn cho mời ái thiếp họ Thân phụ trách lan viên của Đỗ Phủ lên gạn hỏi. Sợ chồng mang tiến xấu với bạn, ái thiếp họ Thân phải nói thật, đó là bí kíp của dòng họ nhà nàng từ đời Tùy bên Trung Quốc.

Sau tiệc mừng hưởng lan với Anh Tông được mấy ngày, gia chủ họ Lữ vào thành nội để bái yết đáp lễ và tặng 4 chậu lan quý giống Thanh Châu, Quế Châu, Lan Châu, Phúc Châu. Hôm sau, Anh Tông cử Trần Thái giám và Thiệp Thư Thị Bích đem tặng họ Lữ 30 loại phong lan hiếm lạ trong Ngũ Bách Lan Viên... Đồng thời đưa cự phú vào cung truyền dặn cho các Nữ giám lan các chăm sóc tưới lan...

Như vậy ở nước ta, Anh Tông là người đầu tiên chơi lan theo bí líp "Âm Dương" của đời Tùy, Đường bên Trung Quốc.

(tham khảo Đông Á Dị Sử)

BÙI ĐẸP

tiểu luận

VỊNH HẠ LONG - RẠNG DANH DÒNG GIỐNG TIÊN RỒNG

PHẠM VŨ

VỊNH HẠ LONG 86 NĂM TRƯỚC

Nằm trong tỉnh Quảng Ninh. Đây là vùng đất có nhiều thắng cảnh, nhiều di tích lịch sử - văn hóa nổi tiếng như vịnh Hạ Long, núi Bài Thơ, chùa Long Tiên, núi Yên Tử, đền Cửa Ông, bãi biển Trà Cổ…Trong suốt thời trung đại, Tổ tiên ta đã có nhiều bài thơ đề vịnh miền thắng địa này. Bước sang thế kỷ 20, nhiều tác giả như Nhàn Vân Đình, Trần Trọng Kim, Vân Đài…đã có nhiều bài viết thể loại Du ký ghi chép qua các chuyến du lịch Quảng Ninh – Hạ Long, phác họa được nhiều cảnh quan và thực trạng đời sống kinh tế - xã hội một thời.

Với ý nghĩa là vùng đất biên viễn Hải Đông có lịch sử lâu đời nhưng lại mới được khai mở, phát triển, hiện đại hóa từ đầu thế kỷ nên xứ Quảng Ninh đã sớm thu hút, hấp dẫn du khách.

1- Trần Trọng Kim với bài "Sự du lịch đất Hải Ninh"

(Đây là bài diễn thuyết ở Hội Khai trí Hà Nội vào ngày 29-4-1923) Là một trong những phác thảo du ký sớm nhất kiểu này. tác giả đã khảo sát khá chi tiết tình hình đời sống xã hội ở vùng đất đang bước đầu được công nghiệp hóa – đặc biệt nhấn mạnh vẻ sinh động và hiện đại của thị tứ Hòn Gai: "Hòn Gai là đất tư của công ty lấy Than. Trước đây là đất bỏ hoang mà bây giờ thành ra một nơi rất phồn thịnh, phố xá cũng nhiều, người làm ăn, phu phen đi lại thật là đông. Xe lửa chờ than chạy đi chạy lại cả ngày đêm, ở dưới bến thì tàu các nước đến lấy than, tàu nước Anh, nước Mỹ, nước Nhật ngày nào cũng có vài ba chiếc chực sẵn ở đấy"(trang 383). Đọc lại mấy dòng mô tả quang cảnh nơi phố than cách nay gần một thế kỷ mà thấy gần gũi như buổi bây giờ. Đoạn tiếp theo Trần Trọng Kim mô tả miền đất tận cùng biên giới theo cách gọi đương thời: "Mông Cái là tỉnh lị tỉnh Hải Ninh, có dinh quan Sứ, quan Đạo, cũng như các tỉnh mạn ngược. Có chợ, có phố, tất cả nhà Khách và nhà ta tính cả lại cũng được độ 60. 70 nóc gì đấy…"(tr. 385). Ngoài việc ghi chép lại nhiều hủ tục lạc hậu như tệ mua bán vợ, tục cúng bái, tác giả còn nêu rõ lối sống và sự giao dịch của cư dân miền biên giới, từ đó nhấn mạnh cả những hạn chế trong cách thức sản xuất và cạnh tranh kinh tế của người mình: "Về đường công nghệ thì cả tỉnh Hải Ninh chỉ có nghề làm bát ở Mông Cái là thịnh nhất. Nhưng đấy là của Khách (người Hoa) chứ ta không có phần gì. ..Tôi xem nước nào cũng lo làm những đồ cần dùng cho người trong nước để giữ lấy mối lợi,

không cho người ta tranh chiếm mất. Mà nước mình từ xưa đến nay cứ nghiễm nhiên đem tiền đi mua của người mà dùng, mà không biết nóng ruột....Chứ người mình không làm được cái gì ra trò cả. Có làm thì xấu xí mà bán lại đắt, thì còn cạnh tranh với người ta sao được...Ta phải lưu tâm về cái vấn đề ấy mà tìm cách làm ăn thế nào, chứ cứ chịu ép một bề mãi, thì không biết đời nào cho khá được (tr. 391-392). Quả là "Biết rồi, khổ lắm...". Đọc lời người xưa mà chúng ta tưởng như câu chuyện của người trong cuộc hôm nay! Biết bao giờ, bao giờ...cho đến tháng mười...

2 -"Quảng Yên du ký" của Nhàn Vân Đình

(Bài này đăng trong Nam phong, số 168, tháng 1-1932) Trong bài này thì cách diễn tả có phần dung dị hơn, gần với cuộc du ngoạn núi sông, thăm thú cảnh vật đất trời nhiều hơn. Tác giả tả lại sống động chuyến đi bằng đường thủy:

"Quá nửa ngày tới tỉnh Quảng Yên, không kịp vào phố ngắm qua con đường thẳng dẫn vào tỉnh, cây cối um tùm, cành cao bóng mát, lảng vảng một vài viên lính cảnh sát đứng sẵn hỏi giấy tờ tùy thân và khám xét những khách lên xuống một cách nghiêm nhặt cẩn thận. Từ đây trở đi, tầu chen núi, núi chen bể, bể khoe bể sâu, bể có núi thêm tình, dẫu không Tiên mà vẫn nổi danh, không Long mà vẫn linh dị, bậc nhân giả, bậc trí giả vui sướng biết bao. Buổi chiều 5 giờ 30 tới Hòn Gai, trời sụp tối, gió cuốn mạnh, đèn điện đã giật, còi mỏ đã rúc, lẽ ra trăng mồng 6 lên cao, ngặt vì tiết đại tuyết tới nơi, thường lệ bao giờ cũng u ám ảm đạm, vì vậy tờ mờ không tỏ. Những bọn phu than hết giờ ra về, kinh pha Thổ, đường trong lẫn đường ngoài, cười nói hát xướng, cợt nhợt bằng phỉ" (tr.85)

Khi đi qua Hòn Gai, Cẩm Phả min. (mine, mỏ), Cẩm Phả bo (port, cảng), Mông Dương... Nhàn Vân Đình đều có làm mấy bài thơ đề vịnh phong cảnh. Khi đứng bên đền Cửa Ông, tác giả quan sát và ghi lại hình ảnh công cuộc hiện đại hóa: "Thẳng Đền trông ra có một con đường đá xây quai bờ bể, dài chừng nửa cây số, từ mặt đường tới mặt nước cao chừng 9, 10 thước đứng thẳng như bức thành dựng. Làm như vậy để tầu lớn áp mạn cho tiện, trực tiếp ngay với mặt đường, không phải màn cầu và phà. Mé đường lại có chiếc phà sắt rất cao, đặt máy xe điện ở trên, khi nào có tầu ăn than, tới nơi hòm than tháo ngay mảnh sắt sau ra, dần dần rót thẳng xuống" (tr.88). Tiếp đó, tác giả tả lại con đường từ đền Cửa Ông tới mỏ Mông Dương với những ấn tượng khá hãi hùng, khơi gợi sự tò mò mạo hiểm:

"Bóng thỏ thay đêm" Tiếng gà đổi sáng, trông vào đồng hồ kim chỉ giờ sắp báo 7 giờ ngày 9 tháng Chạp năm 1929, kẻ thân nhân đãi cơm nước xong, cùng nhau mượn đường sang chơi Mông Dương...Hai con đường bộ đã nói ở trên, ta đều quan sát tới cả, vì kẻ hướng dẫn cho ta, đường sá không quen, gặp đâu đi đấy. Lúc mới theo mấy chú tiều phu xông đột, đi tắt vào con đường rừng, bảo con đường này tuy khó đi thật, song so với con đường đá, chóng hơn gần 6 cây số. Càng đi càng hiểm trở, thấy hiểm trở cũng ngại lòng, kẻ thân nhân nghe ra gót đã chồn, sắc đã mệt, tự ta xem ra cái lá gan mạo hiểm cũng thấy núng. Thôi thì đành bỏ đường tắt mà đi đường cái, bỏ đường ám muội mà noi theo con đường chính đại quang minh" (tr.89). Qua đoạn dẫn trên, chúng ta có thể thấy rõ tác giả thiên du ký đang tường thuật, kể lại chuyến du ngoạn với tất cả những điều tai nghe mắt thấy, những trải nghiệm và cảm xúc riêng tư qua từng thời khắc, từng chặng đường cụ thể. Đặt trong bối cảnh những thập niên đầu thế kỷ XX, công cuộc khai thác thuộc địa của người Pháp đã tạo nên một nhịp sống mới. làm thay đổi cảnh quan thiên nhiên vốn bao đời tĩnh lặng. Chính nhờ thế mà những trang du ký về miền đất Hòn Gai – Cẩm Phả - Móng Cái thấp thoáng không khí công nghiệp hóa. In đậm những suy tư trăn trở của tác giả về sự đan xen, cạnh tranh Tây – Tầu hỗn tạp.

3- "Hành trình chơi núi An Tử" của Nguyễn Thế Hữu

(Bài này đăng trong Nam phong, số 105, tháng 5-1926, tr. 325-334 và số 106, tháng 6-1926, tr. 443-445) Cùng với việc mô tả cuộc du ngoạn qua các chùa Lân Giải, Hoa Yên, Vân Tiêu, Bảo Sát,

Một Mái, Thiền Định, Cầm Thực, Tháp Mẫu..., tác giả phác họa khung cảnh chùa Đồng trên đỉnh non cao, giữa bốn bề mây gió.

Đồng thời với việc tả quang cảnh rừng núi, khe suối, dốc đá, tượng thờ, câu đối, chuyện ăn măng nướng và mua gừng gió, tác giả thốt lên bàng hoàng: "Ơ hay, lúc nãy trèo lên còn trông thấy nóc chùa, bây giờ trông trở xuống thì một trời một mình ta, mù tịt chẳng nhận được lối đi, rồi nghe rào rào như gió cuốn mây chạy, ngẩng trông lên ngọn cây thấy lá im phăng phắc, sau tôi nhận ra mới biết là mình đứng trên mây, đương mưa ở dưới lưng chừng núi". Hoặc có khi thanh thản đi tìm loài trúc hoa: "...Tôi vào rừng trúc hoa để kiếm mấy cây gậy...chỉ riêng một khu này có trúc hoa mà thôi, còn trúc xanh có kể hàng rừng...Tôi hỏi ra mới biết cái nào tía mới là trúc hoa, cái nào trắng ấy là trúc xanh, ăn cũng được nhưng mà đắng...."

4- "Bốn năm trên đảo Các Bà" của nữ sĩ Vân Đài

(Tạp chí Tri Tân số 149, tháng 7-1944) Mở đầu du ký là lời kể của nữ sĩ về chuyến ra đảo: "Năm 1935, lần đầu tiên ra Các Bà. Hôm ấy vào một sáng hè, vòm trời xanh đậm màu lơ và khí trời bắt đầu oi ả. Một ngọn gió đưa từ xa lại, chiếc buồm treo trên cột thuyền thong thả quay ngang... Chậm chậm tiến lên, thuyền dần dần xa bến. Gió bể gieo vào thuyền một thứ không khí khác thường, nhưng rất trong sạch... Cửa bể con con của Các Bà bệ vệ như một chiếc ngai vàng, mở rộng hai tay để che chở những con thuyền phiêu bạt. Bao bọc chung quanh những giải núi xanh, Các Bà đã lọt vào giữa lòng khu đất ấy. Tất cả trông như một cái vòng tròn. Trước vòng tròn mở ra một cửa đón thuyền ra vào, trông thật là một nơi rất an ổn cho những thuyền bè trong những ngày sóng gió"...

Tiếp đó nữ sĩ kể lại lời truyện về lai lịch tên hòn đảo: "Tiện đây tôi xin nói qua về cái tên Các Bà, mà nhiều người vẫn gọi lầm là Cát Bà như người ta gọi Cát Hải vậy. Các Bà xưa kia vẫn có một tên mà người Khách gọi là Appovan và người Nam gọi là Các Bà, do lấy tên một ngôi mộ của hai nữ thần không tên, chết ở đâu, trôi về và hiển linh tại đấy. Ngôi mộ ấy gọi là ngôi mộ của Các Bà, người ta lập miếu thờ và người ta muốn biểu dương cái uy linh của các bà, **nên lấy tên Các Bà đặt tên cho hòn đảo"**...(Nhưng ngày nay, người ta vẫn gọi là Cát Bà, có lẽ vì đảo có Cát nhiều! Trước đây thuộc tỉnh Quảng Yên và khu Hòn Gai, đến năm 1956 mới tách về Hải Phòng)...)

Với bốn năm sống trên đảo, nữ sĩ Vân Đài đã có cái nhìn khái quát, toàn cảnh về vẻ đẹp thần tiên và hùng vĩ của Vịnh Hạ Long: "Xưa nay người Nam ta đi xem phong cảnh vịnh Hạ Long đã nhiều, nhưng thật ra, biết cảnh vịnh Hạ Long rất ít. Hạ Long không phải chỉ có cái hang Đầu Gỗ, hang Surprise và vài ba hang khác...Kỳ quan của tạo hóa ở đất nước này, cho ta thấy từ Các Bà về Hòn Gai – hơn hai mươi cây số tất cả - một cảnh Thiên thai nơi hạ giới. Những non nước u tịch, những sơn thủy hùng vĩ, những cảnh đẹp mờ ảo nhưng cao siêu. Bao nhiêu cái đẹp hoàn toàn chọn lọc chỉ riêng nơi đây mới có thể cho ta vừa ý được. Trùng điệp những ngọn núi xanh, không cao lắm, chằng chịt những cây cối cằn cỗi với thời gian, nhưng vẫn giữ một màu tươi mới mẻ. Các dãy núi chia nhau, chắn lấy một góc bể, làm một thế giới của mình, một thế giới vô cùng kỳ tú. Những buổi trời sóng lặng Các Bà lúc nào cũng êm đềm, nhưng không ủ dột. Mặt bể phẳng lặng và xanh, xa trông như một tấm thảm"...

Lấy Hạ Long – Hòn Gai làm điểm giữa, cảnh đẹp xứ Quảng Ninh kéo dài một phía về Cẩm Phả - Trà Cổ - Móng Cái và một phía đưa về mạn Yên Tử - Đông Triều. Người xưa nói: "Bậc đức nhân tìm về với núi, kẻ trí giả tìm về với biển", cả hai kiểu tâm tính ấy đều được thỏa mãn khi chúng ta tìm về xứ Quảng Ninh – Hạ Long.

VỊNH HẠ LONG NGÀY NAY: DI SẢN THẾ GIỚI 2 LẦN

Thành phố Hạ Long, với tên cũ là Hòn Gai, thuộc tỉnh Quảng Ninh, được thành lập vào năm1993, đến năm 2003 trở thành đô thị loại 2 (Hiện nay Quy chế, VN có - 2 Đô thị đặc biệt là Hà Nội và TpHCM – Đô thị loại 1 gồm 3 Tp trực thuộc Tr.Ương là Hải Phòng, Đà Nẵng, Cần Thơ và 4 loại Đô thị khác).

Nằm ở vùng đông bắc Việt Nam, vịnh Hạ Long là một phần vịnh Bắc Bộ, bao gồm vùng biển của thành phố Hạ Long, thị xã Cẩm Phả và một phần của huyện đảo Vân Đồn. Phía tây nam vịnh giáp đảo Cát Bà, phía đông là biển, phần còn lại giáp đất liền với đường bờ biển dài 120km, được giới hạn từ 106o58' – 107o22' kinh độ Đông và 20o45' – 20o50' vĩ độ Bắc, với tổng diện tích 1553km2 gồm 1969 hòn đảo lớn nhỏ, trong đó 989 đảo có tên và 980 đảo chưa có tên. Đảo của vịnh Hạ Long có hai dạng: đảo đá vôi và đào phiến thạch, tập trung ở 2 vùng chính là vùng phía đông nam (thuộc vịnh Bái Tử Long) và vùng phía tây nam (thuộc vịnh Hạ Long).

Vùng tập trung dày đặc các đảo đá có phong cảnh ngoạn mục và nhiều hang động đẹp nổi tiếng là vùng trung tâm Di sản thiên nhiên vịnh Hạ Long và một phần vịnh Bái Tử Long. **Vùng Di sản Thế giới được tổ chức UNESCO công nhận có diện tích 434km2 bao gồm 775 đảo,** như một hình tam giác với 3 đỉnh là đảo Đầu Gỗ (phía tây), hồ Ba Hầm (phía nam), đảo Cống Tây (phía đông), vùng kế bên là khu vực đệm và Di tích danh thắng Quốc gia được bộ Văn Hóa xếp hạng năm 1962.

Từ cao nhìn xuống, vịnh Hạ Long như một bức tranh khổng lồ vô cùng sinh động. Đi giữa Hạ Long, ta ngỡ như lạc vào một thế giới cổ tích bị hóa đá, đảo thì giống hình một người đang đứng hướng về đất liền (hòn Đầu Người), đảo thì giống như một con rồng đang bay lượn trên mặt nước (hòn Rồng), đảo thì lại giống như một ông lão đang ngồi câu cá (hòn Ông Lã Vọng), hòn Cánh Buồm, hòn Trống Mái, hòn Lư Hương...Tất cả trông rất thực, thực đến kinh ngạc. Hình dáng những đảo đá diệu kỳ ấy biến hóa khôn lường theo góc độ ánh sáng trong ngày và theo góc nhìn. Tiềm ẩn trong lòng các đảo ấy là những hang động tuyệt đẹp, như: động Thiên Cung, hang Đầu Gỗ, hang Sửng Sốt, động Tam Cung...Đó thực sự là những lâu đài của Tạo hóa giữa chốn Trần gian.

Từ xưa, Hạ Long đã được đại thi hào Nguyễn Trãi mệnh danh là "Kỳ quan đất dựng giữa trời cao". Vịnh Hạ Long cũng là nơi gắn liền với sự phát triển của lịch sử dân tộc với những địa danh nổi tiếng như Vân Đồn – nơi có thương cảng cổ nổi tiếng một thời (1149), có núi Bài Thơ lưu bút tích nhiều bậc vua chúa, danh nhân, xa hơn chút nữa là dòng sông Bạch Đằng – nơi đã từng chứng kiến các trận thủy chiến lẫy lừng của cha ông ta chống giặc ngoại xâm: Ngô Quyền, Lê Hoàn và Trần Hưng Đạo...

Không chỉ có vậy, **Hạ Long ngày nay được các nhà khoa học chứng minh là một trong**

những cái nôi của con người có nền văn hóa Hạ Long từ Hậu kỳ đồ đá mới, với những địa danh khảo cổ học nổi tiếng như Đồng Mang, Xích Thổ, Soi Nhụ, Thoi Giếng…Hạ Long cũng là nơi tập trung đa dạng sinh học cao với những hệ sinh thái tùng áng, hệ sinh thái rừng cây nhiệt đới… Với hàng ngàn loài động, thực vật vô cùng phong phú trên rừng dưới biển, cá, mực…Có những loài quý hiếm chỉ có ở nơi đây.

Với những giá trị đặc biệt như vậy, vịnh Hạ Long đã được tổ chức UNESCO công nhận 2 lần:

. Lần 1 là Di sản Thiên nhiên Thế giới vào tháng 12-1994

. Lần 2 là Di sản Thế giới bởi Giá trị Địa chất, Địa mạo của vịnh Hạ Long

VỊNH HẠ LONG LÀ 1 TRONG 7 KỲ QUAN THIÊN NHIÊN MỚI

Vào thời cổ Hy Lạp, vị tướng Antipater xứ Sidon (397-319 Tr.CN) dưới quyền đại đế Alexander the Great đã liệt kê **7 Kỳ quan Thế giới cổ đại**, gồm có:

. Tượng thần ZEUS ở Olympia

. Đền thờ nữ thần ARTEMIS

. Tượng thần MẶT TRỜI ở Rhodes

. Mộ lăng MAUSOLUS !

. Vườn treo BABYLON, Irak

. Hải đăng ở ALEXANDRIA

. Kim tự tháp CHEOPS, Ai Cập (Hiện nay chỉ Kỳ quan này còn tồn tại)

Bảy cổ Kỳ quan!

Ngày nay, tổ chức New 7 Wonders có sáng kiến tổ chức để mọi công dân các nước trên thế giới bầu chọn **7 Kỳ quan Nhân tạo mới"** và vào ngày 7-7-2007 công nhận:

. Đấu trường COLOSSEUM, Italy

. VẠN LÝ TRƯỜNG THÀNH, Trung Quốc

. Thành phố Đá PETRA, Jordan

. Đền TAJ MAHAL (Ấn Độ) !

. Tượng CHÚA CỨU THẾ, Brazil

. Phế tích MACHU, Peru

. Kim thư tháp CHICHEN, Mexico

Bảy tân Kỳ quan (Nhân tạo) !

Sau đó, New 7 Wonders tiếp tục tổ chức toàn cầu bầu chọn **7 Kỳ quan Thiên nhiên mới,** và sau 4 năm, vào ngày 11-11-2011 công nhận:

. Vịnh HẠ LONG, Quảng Ninh, Việt Nam

. Đảo JEJU ở Hàn Quốc

. Sông ngầm PUERTO PRINCEA (Philippines)

. Đảo KOMODO (Indonesia) !

. Thác IGUAZU, Brazil-Argentina

. Rừng AMAZON, Nam Mỹ

. NÚI BÀN của Nam Phi, Châu Phi

Bảy tân Kỳ quan (Thiên nhiên)

(Các bài hát trên là lời mới của bài London Bridge)

Tuy nhiên, tiến trình công nhận Vịnh HẠ LONG và 6 Kỳ quan khác đều phải chờ đợi sự kiểm tra của một tổ chức độc lập, đến ngày 30-3-2012 mới công nhận chính thức và sẽ có hai buổi lễ tại thủ đô của Quốc gia có Kỳ quan và tại chính địa phương nơi Kỳ quan tọa lạc. Cụ thể tại Việt Nam đã có 2 sự kiện:

. Ngày 27-4-2012 Bộ Văn hóa tổ chức buổi lễ Công bố và Đón nhận danh hiêu "Vịnh HẠ LONG - Kỳ quan Thiên nhiên mới của Thế giới", do đích thân vị Chủ tịch New7Wonders trao Quyết định cho Bộ trưởng Văn hóa nước ta ở sân vận động Mỹ Đình, thủ đô Hà Nội

. Ngày 1-5-2012 ngay tại thành phố Hạ Long,tổ chức Lễ hội Carnaval chào mừng Vịnh HẠ LONG là Kỳ quan Thiên nhiên mới của Thế giới.

Cả hai buổi Lễ hội đều có sự tham gia với vũ điệu dân tộc của 6 Quốc gia có Kỳ quan mới, cùng chung vui với Việt Nam về Vịnh HẠ LONG.

Dù là quốc gia nhỏ trong gần 200 nước và lãnh thổ trên thế giới, nhưng đất nước Tiên Rồng hãnh diện có Vịnh Hạ Long - duy nhất 2 lần được công nhận là DI SẢN THẾ GIỚI - và nay lại được công nhận là KỲ QUAN MỚI . Điều đáng nói là 6 Kỳ quan mới còn lại chưa hề được UNESCO công nhận là Di sản Thế giới lần nào cả.

Trách nhiệm lớn lao cùa nhân dân ta là phải biết giữ gìn cảnh quan và môi trường xanh-sạch cho Vịnh Hạ Long - Di sản và Kỳ quan mới này.

Vinh dự thay cho ngành du lịch và non nước Lạc Hồng chúng ta!

(Tham khảo: Website cùa New7Wonders, các website khác và sách báo nói về vịnh Hạ Long)

PHẠM VŨ

Tranh vẽ : 'Chân Dung Rodin Auguste ***
Rodin Auguste's Portrait' của Võ Công Liêm

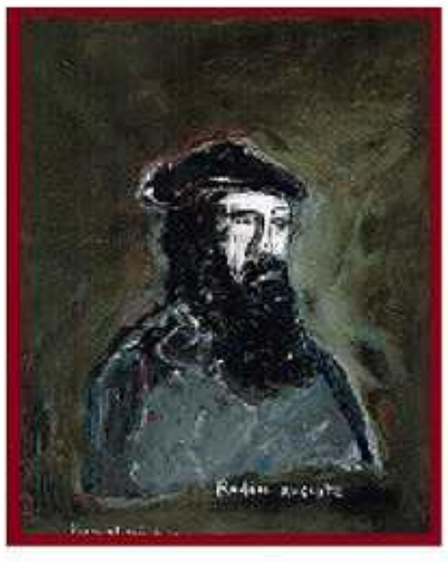

BẢN TÍNH TỰ NHIÊN

VỀ TRIẾT HỌC PHÂN TÍCH

VÕ CÔNG LIÊM

Khẳng định rằng bộ môn triết học đã cung cấp cho chúng ta một nhận định rõ ràng; nó không phải là một luận cứ mà là một chức năng của triết gia góp nhặt từ những dữ liệu làm nên và tạo một cảm thức thông thường cho lý luận. Vì nhu cầu cần thiết cho nên triết học cần có một nhận định rõ ràng với một thể chất khác biệt, điều mà chúng ta mong đợi và coi như đây là một cuốn tự điển của lý thuyết. Với tự điển chủ yếu là xác thực cụ thể, rõ ràng minh bạch / explicit. Với triết học 'tự điển' là xác định cái thường dùng / in-use. Luận cứ chính phải là trọn vẹn / suffice để làm nên bản tính của những gì riêng biệt và rõ nét. Ở đây chúng ta xác định cho triết học bằng một ký hiệu minh bạch / explicitly là một dấu hiệu đúng đắn trong khi đó chúng ta lại hướng đến những ký hiệu khác hoặc bằng một ký hiệu bày tỏ từ ngữ / expression mà những thứ đó được coi như đồng nghĩa đồng dạng / synonymous với nhau mà lại quên đi ký hiệu của triết học. Đồng dạng, đồng nghĩa thường được dùng ở đây như cách thức riêng tư, ký hiệu đó có hai cách cho cùng một ngữ ngôn có thể cho đó là đồng nghĩa, mà nếu như có thể thay thế qua một ký hiệu khác. Còn bằng không thì câu văn cùng một nghĩa thì gọi là đồng dạng; còn nếu như trong bất luận câu văn nào đòi hỏi phải có trong cùng một nhóm chữ để nối liền vào nhau với nghĩa khác thì cách dùng / usage lại khác nghĩa với nhau; thời chữ đưa ra, bắt buộc / entail là câu văn thuộc số nhiều 's' của 'những' trong khi mệnh đề bày tỏ bởi 'm' để được giảm đi hay noi theo; mệnh đề đó 'x' và 'm' là được chối bỏ của 't' và 'm' là nghịch lý với khẳng định –contradicts the assertion of 't'; trong khi 'x' và 'm' là động từ trở thành danh-động-từ của 'ing'. Thí dụ: 'ai xui tiền kiếp / mê những sát na'(thơ Đ.C.) là một hoán chuyển từ hiện thực tư duy đến hiện thực siêu hình. Đứng về phương diện phân tích triết học là một mệnh đề dẫn chứng thuộc về tri giác cảm thức giữa thực và ảo. Nó hoàn toàn không ăn nhập vào đâu cả mà là tương nghịch văn phạm trong đó. Cho nên triết học là xác minh thực chứng để sáng tỏ câu văn / sentence của cái 't' là 'self / tôi' là chủ thể ẩn tàng nằm trong một câu văn có mệnh đề. Ở vị trí thi văn nó bao hàm trong 'cõi phi' mà mỗi khi nói phi là ngoại lệ. Không còn lý giải để minh bạch câu thơ mà trở nên nghịch lý giữa ý và lời (có thể đây là vô-nghĩa-thơ 'nonsence poetry'(?). Vì thế thơ đã lộng hành để thi vị hóa thành thơ. Nhưng; trên lãnh vực triết học thì đây là phạm trù lý luận triết học để tìm thấy cái minh bạch 'explicitly' nằm trong câu văn hay câu thơ. Mặc dù xây dựng trong ý niệm vô thức nhưng trở nên chủ quan về mặt tư tưởng; có thể là siêu tưởng (transcendental) để đạt tới đỉnh cao…Như đã nói ở trên; triết học là biện minh, là dẫn chứng. là phân tích với một tư duy sáng tỏ, phản ảnh giá trị chân lý trước vũ trụ thiên nhiên và vũ trụ loài người bằng một luận cứ minh bạch, trọn vẹn (explicitly and sufficetly) thì đó là triết thuyết.Vì vậy; cần minh định giữa triết học và người triết học: viết lại triết thuyết hay dựa vào lý thuyết của triết gia để lý luận thời không phải là triết gia. Dạy học triết là lý giải hoặc bình giải như vai trò thông ngôn luận chớ không làm nên triết thuyết hay triết gia; việc làm đó chỉ là vai trò phụ giảng cho bộ môn triết học. Người giữ nhiệm vụ này nhìn xuống bằng đôi mắt khách quan hơn là vai trò chủ quan mà làm lệch hướng đi của triết học. Tác phẩm viết về triết học là lý luận cơ bản chớ không phải tác phẩm là triết thuyết. Cho nên chi giữa hai vị trí này hoàn toàn khác hẳn giữa triết học và triết gia. Một thí dụ khác: giữa J-P.Sartre và Trần Đức Thảo là đồng dạng, đồng nghĩa, đồng sàng nhưng nghĩa cử và vai trò lại khác nhau của 'usage' và 'in-use' là ở chỗ đó. Thấy được; thời mới thấy thể chất của triết học. Chức năng và nhiệm vụ của triết học là nói lên bản tính như nhiên thuộc về triết học phân tích –The Nature of Philosophical Analysis.

Đây là một minh định giúp cho chúng ta có thể thấy được một cái gì rộng lớn bao la, chứa đựng

trong một ý niệm rõ ràng bằng một diễn từ thông thường, một xác định minh bạch. Đặc biệt; nó còn để lại một giá trị được ghi nhận cho một tiến trình rõ ràng 'par genus et differentiam', ngay cả những nhà luân lý đạo đức theo học thuyết 'Aristotelian'như dâng trọn ở đây một điều đáng chú ý về tâm thức nghĩa là luôn luôn dành một minh định rõ ràng, một sự thể minh bạch trong cảm thức cần phải né tránh –Aristotelian logicians devote so much attention, always yields definitions which are explicit in the foregoing sence. Vậy thì trong lúc này chúng ta xác định bác sĩ nhãn khoa (oculist) như bác sĩ mắt (eye-doctor) hai từ khác nhau nhưng cùng một nghĩa thời chúng ta xác quyết rằng 'mù' và 'chột' đều có ký hiệu về mắt tức đồng nghĩa, đồng dạng nói về chứng mắt là cái gọi 'in use / thông dụng'. Thấy được như thế tức chúng ta đã nhập vào luồng tư tưởng triết học như đã giải thích; không thuộc về xác định minh bạch nhưng thuộc về xác quyết thường dùng – not of explicit definitions, but of definition in-use. Chúng ta định nghĩa ký hiệu minh bạch / explicit và thông dụng / in-use; mỗi khi xác định được như thế thì không cần chi phải gọi là đồng dạng, đồng nghĩa nhưng bày tỏ ở đây thế nào là câu văn / sentences trong một chiếm cứ có ý nghĩa thời điều đó có thể chuyển đổi câu văn trở nên thông thường; không những chứa đựng một xác quyết tự nó mà ngay cả bất cứ những gì đồng dạng, đồng nghĩa. 'definiendum = explicitendum' đều được xem là trong sáng / clear đồng nghĩa / synonyms như nhau trong cùng một nghĩa. Theo dẫn chứng của Bertrand Russell gọi đây là lý thuyết mô tả xác quyết, mà thật ra không phải là lý thuyết dành cho tất cả những cảm thức thông thường, nhưng đây là một chỉ định từ mà thôi –Bertrand Russell's so-called theory of definite descriptions which is not a theory at all the ordinary sence, but an indication of… Cái cách mà hầu hết trong những câu văn thường hay dùng thể thức ' vậy đó… được thôi' / the so-and-so' như chứng minh một xác quyết. Vì thế; mệnh đề: 'tròn góc cạnh không thể tồn lưu / The round square cannot exist' là như nhau cho một câu văn đồng dạng 'không một vật nào có thể vuông vứt và tròn trịa cả / No one thing can be both square and round' Hai thí dụ trên cung cấp cho chúng ta một thể cách về cái lối diễn tả câu văn như xác định vị trí không gian và thời gian mà những điều đó xuất hiện như sự thể của một hoài nghi hiện hữu tồn lưu; có thể ở đây cho chúng ta thấy sự kiện đã loại bỏ. Tuy nhiên; chung cục những sự việc xẩy ra là bày tỏ cho chúng ta thấy biểu thị của những gì thấy được trong câu văn và chứa ở đó một xác quyết minh bạch trong câu văn và không dính dáng gì trong bất cứ câu văn nào; mà ở đây tác giả đã hành trang cho chúng ta với một xác quyết thường dùng 'in-use' trong câu văn, dụng tâm của tác giả coi đây như một điểm lợi để làm sáng tỏ việc muốn bàn tới, không những chỉ cho việc khác nhưng cũng chính những gì tác giả muốn nói trong đó. Phần lớn trong thi tứ tác giả thích nói đến những chuyện đã rồi có nghĩa là xác quyết hiện hữu như sự thể đang sống dù họ diễn tả qua những cụm từ (phrase) khác nhau nhưng tựu chung cùng một nghĩa như nhau; gọi là đồng dạng, đồng nghĩa. Thứ đồng dạng này thường bắt gặp trong thơ; có nghĩa là giống nhau trong cách xây dựng hành văn cũng như ý tứ, gần như rập khuôn, từ đó nối đuôi nhai lại, đồng dạng này không cần phải phân tích, lý luận như một giả thuyết triết lý, nó nằm ở cõi ngoài tư duy, vô hình chung trở nên lập ngôn để đưa tới thoái trào. Thí dụ: 'tôi khóc cái chết bạn tôi' hay 'tôi khóc cái chết mẹ tôi'; có thể khóc khác nhau với trọng lượng của khóc; có thể vì thương bạn như thương mẹ, nghĩa tình như nhau của 'sense-contents' hoặc có thể thi sĩ là người nhạy cảm và sẽ có một ít mảng vô lý trong đó –will be a mere piece of nonsense mà đồng điệu?. Thi sĩ chỉ chuyển đổi ngôn từ nhưng tựu chung cùng một ý khóc. Thì đó là đồng dạng, đồng nghĩa của bi thảm thơ. Vì thế thơ là cõi riêng không dính dáng gì tới triết học và ngược lại dù rằng phát huy với tư duy triết học, nó không có phương trình cho nên không còn mạch lạc để diễn tả cùng một ý nghĩa tiếp dẫn; vì vậy họ (thi sĩ) đuổi cho kịp tư duy mà làm mất đi sự thăng bằng của câu văn muốn nói đến, để rồi đưa tới tối nghĩa, nông cạn bằng một ý thức vô thức. Cuối cùng câu văn không có tính xác quyết mà trở thành vu vơ, thậm chí không còn thấy gì trong đó; chủ quan của người viết là chỉ thấy một bản ngã duy nhất nằm ngổn ngang trong thi, văn. Đi vào thơ rồi mới thấy chân tướng nghệ thuật; nó có một cái gì ẻo lả, mị dân, ngu xuẩn mà không tìm thấy. Bất cứ dưới dạng thức nào phải là 'explicit' và 'suffice' mới thành thi văn.Triết học nêu cao tinh thần minh bạch, trong sáng là thế. Triết học không mộng mị vẩn vơ. Vì rằng; sự cố sai lầm cũng nằm trong siêu hình là hậu quả của giả sử nguyên sơ cái đó là xác quyết cho câu văn miêu tả, là ký hiệu chỉ định. Và; để hiểu một cách rõ ràng, chính xác mà những gì khả dĩ qua xác quyết của Russell; ở đây chúng ta thấy được cái không thực của lý luận. Cũng có thể đây là đoạn cuối để đạt tới thành quả bởi một cái gì là xác quyết của minh bạch trong câu văn được miêu tả. Những gì đã được yêu cầu là những gì đã được giải thích đều chứa đựng trong cách hành văn là những gì bộc bạch; đó là điều có thể cho rằng lý luận một

cách hỗn độn (logical complexity) có thể làm hư hại cả ý và lời. Vậy triết học là gì? –Là phân tích để tìm thấy sự trong sáng như nhiên thuộc về triết học mà bấy lâu nay chúng ta bế tắc giữa ngữ ngôn và triết học. Nhất là ngữ ngôn đương đại.

Trong cái nhìn tổng quan; chúng ta có thể cho rằng đây là một mục đích làm sáng tỏ khoa triết học, một xác quyết làm tan biến những gì rối bời mà trước đây bùng dậy từ cái không trọn vẹn ý nghĩa để thông đạt trọn vẹn giữa ý và lời trong từng phân đoạn luận triết học. Ở đây không cần một giao thông đồng dạng, đồng nghĩa hay một ký hiệu nào hơn mỗi khi đã được đả thông trọn vẹn dù qua ngôn ngữ khác nhau nhưng chuyển dịch cùng một ý nghĩa, cùng một tính chất thuộc về triết học như nhau. Vì thế nói về ký hiệu là một hợp nhất của dấu hiệu dùng như chỉ định với một cách khác hơn trong một hình thức đưa tới cảm nhận và trong cái ý nghĩ quan trọng đó dấu hiệu làm cho cảm thức vừa ý (sense-content), sự lý này thường chuyên chở đến trong ý nghĩa văn chương. Nhớ cho; không phải nói rằng ký hiệu là một thu tập, hoặc hệ thống của những cảm thức thỏa mãn –is not to say that a symbol is a collection or system of sence-contents. Và; đây là khái niệm của ký hiệu đồng dạng, đồng nghĩa như một lưu ý giữa nghĩa và lời; chúng ta có thể giải thích về bản tính tự nhiên thuộc về thiết kế cho một lý luận có nghĩa là chúng ta đang giới thiệu về ký hiệu, một biểu thị luân lý đạo đức về yếu tố cấu thành của những gì dựng nên trong cùng một tương quan đồng dạng. Người ta nhìn đây là thực thể của lý luận, chớ không nhìn đây là một luân lý xây dựng qua một sự thể hư cấu mà bằng một giải thích cụ thể cho một ý niệm tương quan cho một kiến trúc xây dựng luân lý, có thể đem lại một ý nghĩa trong sáng, một ngữ ngôn xác thực. Kết quả cho ta một xác quyết bằng ngữ ngôn ký hiệu 'cái bàn' là ký hiệu thực thể không thể nhầm lẫn giữa cái bàn với cái chén, nó rõ ràng qua ký hiệu, nó đứng trong vị trí đồng tình của cảm thức không cần chi phải nói là minh bạch / explicitly, nhưng lại là cái thông thường / in-use mỗi khi dùng đến. Minh bạch và thông thường: 'bây giờ tôi đang ngồi ở phiá trước cái bàn' là một hiện hữu vừa chủ thể, vừa vật thể rõ ràng. Có thể; trong nguyên tắc đó thì chuyển dịch trong cùng một mệnh đề mà điều đó không cần nói tới cái bàn nhưng ở đây chỉ là một cảm thức vừa ý. Đó là lý luận để nhận ra hiện hữu giữa người và vật với một ý thức phân định rõ ràng và chuẩn mực. Vì khi nói đến khách thể một cách chắc chắn của a,b, c,d, đ,…như một yếu tố xác nhận của chủ thể và sau đó 'e' hiện hữu tiếp nối như một cấu thành …c đi theo đ, s đi theo z, h đi theo m ; thời chúng ta có thể giải thích rằng bản chất tự nhiên của luân lý cấu thành và nói lên lời giới thiệu ký hiệu của tên gọi, có thể cho chúng ta một ý thức về sự tương quan giữa mỗi nhân sự một cách đơn giản và thông dụng 'in-use'; đặc biệt trong ngữ ngôn tiếng Việt có những đồng dạng nhưng khác nghĩa. Thí dụ: Lý Văn Bê thợ mộc và một Lý Văn Bê nhà văn ; đó là thiết kế cá tính đồng dạng nhưng không đồng chất. Lỗ Công Sô nhạc sĩ khác Lỗ Văn Sô thi sĩ, tuy Lỗ đồng nghĩa nhưng không đồng chất và cũng không đồng dạng. Ngoại trừ bí danh hay ẩn danh thì mặt thực của đồng dạng không còn hiện hữu. Dựa vào khoa tâm lý thì triết học phân tích khiá cạnh này là thứ xây dựng hư cấu vật thể là một cái gì ngoài cá tính con người –a logical construction out of individual people… tuy nhiên đồng dạng trong cùng một thể cách, cá tính đó cùng một bản lề, đóng chốt, rặp khuôn không còn gì là khác lạ mà trở thành đồng dạng thông thường không có chất 'explicit definitions' nằm trong đó thì chắc chắn không có tính sáng tạo để đứng riêng trong dạng thể của 'logical construction' mà đứng ngoài của cảm thức vừa ý 'out of sense-contents' mẫu thức này thường gặp ở những nhà thơ bình thường mà họ quen dùng 'in-use' trong văn chương.

Đấy là sự thật mà tác giả đưa tri giác vào trong câu văn / sentence mà họ muốn sắp xếp cho một mô tả cái tự nhiên của vật thể 'the nature of a material thing'. Như chúng ta đã sẵn sàng nhắm tới; mà đây không còn nhầm lẫn giữa những gì gọi là đồng dạng, đồng chất. Vấn đề đặc ra là cái gì tự nhiên của vật thể ? Là; giống như những vấn đề khác của hình thức, thể cách, xưng hô, vấn đề ngữ ngôn, hiện hữu đòi hỏi cho một xác định minh bạch. Mà là điểm cần nhấn mạnh để nối liền với vấn đề thuộc tri giác, được miêu tả như lãnh vực của cảm thức đồng điệu với bất cứ một xác quyết lớn lao nào. Đây là phương hướng giải quyết những gì mà bây giờ chúng ta sẽ coi đây như một 'dung dịch' hòa tan vào vấn đề tri giác 'problem of perception' và sẽ phục vụ như thêm vào một hình ảnh trong sáng của phương thức phân tích thuộc triết học. Vấn đề đơn giản ở chỗ chúng ta giới thiệu đến những gì minh bạch và chính xác. Chúng ta nói rằng có hai cảm thức đồng điệu hướng tới một cái gì tương quan nhau trong khi không những khác nhau hoặc chỉ là sự khác biệt cực tính và đó cũng là sự tương nhượng lẫn nhau để hướng tới một gián tiếp khác; nhưng không có nghĩa là đồng dạng, đồng thể một cách hoàn toàn mà có thể là một liên can gần gũi để có cái gọi là cực tính khác biệt (infinitesimal differences) thì đó là lượng cực tính khác biệt. Và; vì thế

quan niệm của cái gì gọi là cảm-thức-đồng-điệu, hoặc cảm-thức-kinh-nghiệm, cảm-thức-lãnh-địa như là không thể từ chối hay chống chế mà coi như đây là quan niệm hệ phái của cái gì thuộc về giả thuyết chứng tỏ. –And; thus the notion of a possible sense-content, or sense-experience or sense-field; is as unobjectionable as the familiar notion of a hypothetical statement. Ở đây chúng ta không thể gợi hình để định nghĩa, xác quyết hoặc sờ mó vào cái cảm-thức-đồng-điệu đó mà phải coi như là cảm nhận tính chất của nó (sensible property) với một chiều dài và chiều rộng của chính nó. Nhưng chúng ta có thể miêu tả sự cố để nói lên rằng thị giác (visual) hay xúc giác (tactual) là cảm thức đồng điệu là có một cái gì sâu lắng hơn những điều khác, trong khi quá xa vời với thực tế mà cần cung cấp những gì làm nên sự trong sáng, nhớ cho ở đây không phải là ý định để đi tới một xác quyết vấn đề mà là lý giải đúng đắn thời mới cảm hoá được giá trị phân tích của khoa triết học; nhu cầu triết học là lãnh hội và ý thức mới phân định được sự minh bạch cho một văn chương trong sáng của hai bề mặt vũ trụ nhân sinh và vũ trụ như nhiên. Và từ đó đưa đến kết quả như thu vào niềm tin thuộc siêu hình và tạo ra chất liệu của bản chất hiện hữu hoặc dựng nên một cơ cấu mơ hồ, huyền ảo mà tất cả là nguồn cơn đem lại sự rối bời, phức tạp, hỗn độn trong những gì là tư duy cho một luận thuyết. Và những gì thiết thực cho một xác quyết thuộc triết học là làm tan biến những tư duy mông lung và không còn gì để cân nhắc, đắn đo bởi một tư duy minh bạch bình thường của những mệnh đề mà được coi là một chuyển dịch thông thường như thường có trong ‘in-use’. Nhưng ngược lại một đôi khi đó là một xác quyết minh bạch thông thường thuộc về triết học là bộc lộ cái nghĩa lý thông thường qua ký hiệu hoặc một liên hợp của ký hiệu. Do đó; người ta tránh nói triết học đã liên can tới những gì có tính chất ký hiệu, bởi; có cái gì mơ hồ, tối nghĩa trong ‘nghĩa lý / meaning’ dẫn đến phán quyết vô phân biệt mà gần như vô lý của nghĩa lý đó; cũng là kết quả do triết học yêu cầu bằng một ý niệm của việc chuẩn mực mà ra. Thực ra đây chỉ là một thăm dò thực nghiệm. Một nguyên tố quan trọng trong vấn đề xã hội học và trong việc thực hiện thuộc về khoa học nhân văn, khoa ngôn ngữ học nhưng đây hoàn toàn riêng biệt từ những dự phóng thăm dò để kết thành triết học như một thực dụng của những gì là ký hiệu, những gì là đồng dạng, đồng nghĩa và đồng điệu phát sinh từ trong ngữ ngôn mà ra.

Tóm lại; đây là một chỉ định từ ngôn ngữ, một thứ triết học nghe qua cầu kỳ nhưng là một mô tả giản đơn, một thu tập từ những gì xác quyết minh bạch và cũng là một đánh giá cao cho một giá trị ngôn ngữ; minh bạch tùy thuộc vào một điều gì duy nhất, độc quyền vào những gì có thể tương hợp được với những gì được coi là qui ước, tập tục. Trong mọi trường hợp; xác định là chiêm cứ được từ những tiếp nhận của lãnh hội làm nên. Và; điều kiện cần thiết của việc thực dụng về những gì đã xác quyết minh bạch, có nghĩa rằng những thẩm quang của triết học là trong sáng (clarification); đó là những gì có thể làm được, thiết tưởng đây là một hiện hữu tồn lưu của dữ kiện cho một thông tin tương xứng với những gì đã nêu ở trên là những gì đã khẳng định. Nhìn đây như một đánh dấu của tiến trình phân tích một ngữ ngôn là một cái gì tạo nên thuận lợi cho hai bề mặt đồng dạng, đồng nghĩa một cách rõ ràng, chính xác không còn là nhầm lẫn giữa hai sự việc; nếu ở đây có thể dùng / use hay thường dùng / in-use cho phân định của thể thức tạo ra hệ thống ký hiệu mà những thứ đó như cảm thức thiết kế , cảm thức đồng điệu cũng như cảm thức kinh nghiệm mà ra. Actually carrying out such an analysis, has subsequently show that a language can without self-contradition be use in the analysis of itself. Nói cho ngay việc phân tích này như vẫn còn tiếp nối theo nhau để tỏ ra ở đó một ngữ ngôn mà tự nó không còn tương phản để xử dụng cái nghĩa phân tích của chính nó. Đó là những gì muốn nói lên đây như một bản tính nhự nhiên về triết học phân tích ./.

(ca.ab.yyc. 1/10/2014)

SÁCH ĐỌC: -'Language Truth and Logic' by Alfred Jules Ayer. Dover Books On Western Philosophy. Dover Publications,Inc New York. USA.
- Aristotle's Theory Of Poetry and Fine Art by S.H. Butcher. Dover Publication, Inc New York. USA.
*** Rodin Auguste (1840-1917) Điêu khắc gia Pháp. Nổi tiếng thế giới với những tác phẩm để đời. Khai sáng kỷ nguyên hiện đại điêu khắc.

VÕ CÔNG LIÊM

tiểu luận

BÀNG BÁ LÂN – ĐOÀN VĂN CỪ - ANH THƠ

KIỀU VĂN

Phong trào THƠ MỚI (1932 – 1945) như một vườn xuân trăm hoa đua nở. Bên cạnh những xu hướng thơ hăm hở biểu đạt tâm tư tình cảm và suy nghĩ của con người thời đại "văn minh", "Âu hoá" hoặc nhằm tới những cách tân về nghệ thuật, vẫn tồn tại một xu hướng thơ độc đáo chủ trương dùng nghệ thuật thơ mới để đặc tả phong cảnh nông thôn, khắc hoạ phong tục, sinh hoạt và bản tính của con người Việt Nam truyền thống.

Đại biểu cho xu hướng này là các nhà thơ Bàng Bá Lân, Đoàn Văn Cừ, Anh Thơ. Bên cạnh họ là những nhà thơ kiệt xuất như Nguyễn Bính, Hàn Mặc Tử…

Chúng ta đều biết bản sắc của dân tộc được hình thành trong cả quá trình lịch sử lâu dài hằng nghìn năm và có sức sống trường tồn.

Xu hướng "thơ đồng nội" của nhóm thi sĩ sông Thương (Bàng Bá Lân, Anh Thơ) và nhà thơ thành Nam Đoàn Văn Cừ, trải qua hơn 70 năm thử thách của thời gian và lịch sử, đã làm sáng tỏ một chân lí: những tác phẩm văn chương mang đậm bản sắc dân tộc đã chứng tỏ một sức sống bất tận, đã gây được những xúc động sâu xa trong lòng người đọc, bởi đó là những tiếng nói ruột rà thân thương nhất của tâm hồn dân tộc ta.

Dường như các nhà thơ này có tiên cảm rằng cuộc duy tân của xã hội Việt Nam đầu thế kỉ XX, cho dù có thể mang lại những thành tựu mới mẻ, nhưng đồng thời nó cũng có thể làm mất đi những giá trị cao quý về văn hóa, tinh thần, phong tục – kết quả của cả mấy ngàn năm văn hiến.

Giữa một bên là "văn minh", một bên là những giá trị truyền thống, thái độ và tình cảm của các nhà thơ này rõ ràng nghiêng hẳn về những giá trị truyền thống. Chính vì vậy toàn bộ sự nghiệp thơ ca của họ trong cả thời kì tiền chiến hầu như chỉ gồm những áng thơ "đồng nội"!

Những tác phẩm thơ của họ tạo thành một bộ sưu tập vô cùng giá trị để lại cho hậu thế, trong đó diễn tả cái đẹp thuộc về quê hương đất nước và con người Việt Nam đã tồn tại từ ngàn đời nhưng đến đầu thế kỉ XX thì có vẻ đang đứng trước nguy cơ bị xói mòn và mất mát.

**

Thơ Bàng Bá Lân già giặn, điềm đạm và sâu sắc bởi ông đã quan sát cuộc sống nông thôn Việt Nam hồi ấy không chỉ bằng cặp mắt tinh tường mà còn cảm được cuộc sống ấy bằng trái tim của một nhà nhân văn chủ nghĩa đích thực:

Người đàn ông cúi rạp bước lầm lì,

Người vợ cố đẩy bừa theo sát gót.

Họ là những nông phu nghèo hậc chót,

Không có trâu nên phải làm… trâu.

Họ bừa ngầm một thửa ruộng chiêm sâu.

Nước đến bụng , ôi, rét càng thêm rét!

Áo rách tướp hở ra từng miếng thịt

Tím bầm đen trong gió lạnh căm căm..

(Người trâu)

Nếu nhà nhiếp ảnh lớn Võ An Ninh đã ghi lại cho hậu thế những hình ảnh thương tâm về nạn đói năm 1945 thì thơ Bàng Bá Lân cũng ghi lại thực trạng cảnh chết đói ấy khiến ngày nay đọc lại, lòng chúng ta vẫn còn đau tê tái:

Đói tứ Bắc Giang đói về Hà Nội,

Đói ở Thái Bình đói tới Gia Lâm.

Khắp đường xa những xác đói rên nằm

Trong nắng lửa, trong bụi lầm co quắp.

Giữa đống giẻ chỉ còn đôi hố mắt

Đọng chút hồn sắp tắt của thây ma…

(Đói)

Còn đây, cảnh quê yêu dấu dưới ngòi bút của Bàng Bá Lân:

Mùa thu có những hội làng,

Có cây đu buổi xuân sang dập dìu.

Gió vi vu tiếng sáo diều

Ru hồn mục tử chiều chiều trên đê.

Chợ làng có lắm quà quê,

Bánh đa, bánh đúc, bánh kê, bánh giày.

… Đêm dài nhịp tiếng võng đưa,

Lời ru ời ợi ngàn xưa vọng về…

**

Thơ Đoàn Văn Cừ không trải rộng và hàm chứa nhiều tâm sự như thơ Bàng Bá Lân, nhưng có lẽ ông là cây bút đặc sắc nhất của làng thơ Việt Nam kim cổ vẽ được những bức tranh đời

sống động, náo nức lạ thường. Có thể coi thơ ông như những thước phim vô giá ghi lại được sắc nét sinh hoạt của một thời quá khứ ở nông thôn Việt Nam. Với Đoàn Văn Cừ, đó chính là những cảnh đời kì thú trên thế gian, và tình cảm của nhà thơ đã lan truyền mạnh mẽ sang bất cứ người nào đọc thơ ông:

Người mua bán ra vào đầy cổng chợ,

Con trâu đứng vờ dim hai mắt ngủ

Để lắng nghe người khách nói bô bô.

Anh hàng tranh kĩu kịt gánh đôi bồ

Một thầy khoá gò lưng trên cánh phản,

Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân.

…Lũ trẻ con mải ngắm bức tranh gà

Quên cả chị bên đường đang đứng gọi,

Mấy cô gái ôm nhau cười rũ rượi

Cạnh anh chàng bán pháo dưới cây đa.

… Chợ tưng bừng như thế tới gần đêm,

Khi chuông tối bên chùa văng vẳng đánh,

… Ánh dương vàng trên có kéo lê thê,

Lá đa rụng tơi bời quanh quán chợ.

(Chợ tết)

***

Nữ sĩ Anh Thơ cũng là một cây bút đặc biệt tài hoa trong việc miêu tả phong cảnh và sinh hoạt nông thôn. Nhưng khác với Đoàn Văn Cừ thường miêu tả "dài hơi" và tỉ mỉ, Anh Thơ chỉ phác hoạ vài nét chủ yếu của một cảnh tượng, gói gọn trong một bài thơ thường gồm 3 đoạn với tổng cộng 12 câu - tựa như một thể sonnet của Việt Nam! Trong hình thức thơ ngắn gọn ấy, Anh Thơ đã bộc lộ khiếu quan sát vô cùng tinh tế:

Trong đồng lúa xanh rờn và ướt lặng

Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra,

Làm giật mình một cô nàng yếm thắm

Cúi cuốc cào cỏ ruộng sắp ra hoa.

(Chiều xuân)

Những mô tả của Anh Thơ tuy hết sức chân thực nhưng lại toát lên một vẻ đẹp lạ thường,

nhắc nhở cho chúng ta biết có một tình yêu quê hương ẩn náu rất kín đáo phía sau cái phong cảnh ấy:

Trời quang quẻ đêm nay không mưa nữa

Nước trong ngòi chảy tắm mấy ngôi sao.

Tầu chuối láng che mặt trăng xấu hổ,

Khóm tre già đợi gió đứng bên ao…

(Đêm xuân)

Người đọc tự hỏi: cảnh hay người đây mà "tắm", mà "xấu hổ", mà "đợi"?

Một điều thú vị đặc biệt ở Anh Thơ, đó là chất "nữ tính" lặn vào trong mỗi câu thơ tả cảnh:

Ngoài đồng vắng – trời đêm mà che nón?

Có hai người đi lẻn tới nương dâu.

Và lại có cả một đôi đom đóm

Bay dập dìu như muốn phải lòng nhau.

(Đêm xuân)

Thiết tưởng một nhà thơ phái nam khó lòng viết được những câu thơ duyên dáng và thần tình như thế!

Anh Thơ không có chủ trương ngụp lặn vào chủ nghĩa tình cảm hoặc vào "thế giới ái tình" như thường thấy ở các nhà thơ phái nữ sau này. Trong bối cảnh của một xã hội còn chưa đi quá xa trên con đường "Âu hoá", nữ sĩ luôn giữ vẻ hồn nhiên, thơ trinh khi quan sát cảnh đời. Chính vì vậy mà những "bức tranh quê" của Anh Thơ mới trong trẻo đến nhường ấy! Vả chăng sự hồn nhiên trong trắng là bản chất từ xa xưa của phụ nữ Việt Nam, phụ nữ Phương Đông nói chung, và điều đó luôn được coi là của báu, là niềm tự hào của dân tộc chúng ta.

***

Đọc thơ Bàng Bá Lân, Đoàn Văn Cừ, Anh Thơ, cũng như đọc thơ Nguyễn Bính, chúng ta có cảm tưởng họ là những nhà thơ nặng lòng hoài cổ. Điều đó có thể hiểu được: cuộc sống cứ trôi qua, có ai níu kéo được? Tuy nhiên tâm hồn các thi nhân ấy như muốn cưỡng lại quy luật phôi phai đó của cuộc đời. Họ đã đem hết tinh hoa của tư tưởng và tài nghệ văn chương mô tả sâu sắc cuộc đời ấy để níu kéo nó, và sợ nó mất đi, họ tìm cách khắc hoạ nó vào vĩnh cửu của thi ca. Đó là tâm huyết của những nhà thơ yêu quê hương đất nước, yêu dân tộc thiết tha. Mỗi áng thơ của họ đích thực là một viên ngọc quý chỉ xuất hiện ở một thời điểm đã lùi xa vào dĩ vãng. Chính vì thế những áng thơ ấy, với thời gian càng được chúng ta trân trọng.

KIỀU VĂN

tiểu luận

HIỆN TƯỢNG VĂN HỌC FRANZ KAFKA

LƯƠNG VĂN HỒNG

Không thể xếp Kafka vào một trào lưu văn học nào cả, văn phong của ông *gần với chủ nghĩa biểu hiện*, nhưng theo quan điểm tư tưởng thì lại có người *xếp vào trường phái hiện sinh chủ nghĩa*. Cuộc sống nội tâm và những sáng tác của ông mang dấu ấn của ba di sản văn hóa: văn hóa Do Thái ở trong gia đình, văn hóa Đức ở trong nhà trường, văn hóa Séc trong cuộc sống với cộng đồng người Séc dưới sự thống trị Áo-Hung.

Franz Kafka sinh ngày 3.7.1883 ở Praha (Tiệp Khắc) trong một gia đình tiểu thương gốc Do Thái ở tỉnh lẻ chuyển về thủ đô Praha và ông mất ngày 3.6.1924 ở khu an dưỡng Kierling ngoại ô thủ đô Viên (nước Áo) . Mặc dù gia đình nói tiếng Tiệp, nhưng vì Praha hồi bấy giờ là thủ đô của vương quốc Bõhmen và đồng thời là một trung tâm văn hóa Đức sau thành phố văn hóa Viên, nên Kafka không theo học trường Tiệp, mà theo học trường Đức. 1901-1906, Kafka học Ngữ văn Đức và Luật ở Đại học Praha. 1906-1907 ông hành nghề Luật sư, 1908-1922 làm nhân viên cho một công ty bảo hiểm. Trong thời gian này ông có đi du lịch Ý, Pháp, Đức, Hung-ga-ri, Thụy Sĩ. Từ 1917 tới 1922, Kafka đã đi chữa bệnh lao phổi ở các nơi như Zũrau, Schelesen, Meran, Spindlermũhle. 1.7.1922 Kafka phải nghỉ hưu sớm vì bệnh lao phổi nặng. Từ 1923 cho tới khi mất năm 1924, Kafka chung sống với Dora Diamant ở Berlin, rồi ở Viên và chỉ chuyên tâm viết văn. Kafka là kẻ độc hành cô đơn khó hiểu, xung đột nội tâm không sao giải quyết được do hai cá tính trái ngược nhau giữa người cha tiểu thương độc đóan hung dữ trong sinh hoạt gia đình, cương quyết chạy theo lợi ích vật chất với cá tính thờ ơ yếu đuối của cậu con trai. Xung đột này dẫn tới việc Kafka gửi gắm tất cả tâm tư vào văn chương. Kafka miêu tả xung đột nội tâm của mình trong tác phẩm *Thư gởi cha* (mãi năm 1952 mới xuất bản). Câu chuyện đính hôn bất hạnh của Kafka với Milena Jesenská thể hiện rõ trong truyện ngắn *Bản án* (Das Urteil, viết năm 1912, xuất bản năm 1916). Truyện ngắn này kể về cuộc sống nội tâm giằng xé giữa người cha cục cằn vô cớ luôn la mắng con trai và cá tính nhu nhược buông trôi của cậu con trai -một thương gia trẻ. Tiểu thuyết *Vụ án* (Der Prozess, viết năm 1914, xuất bản năm 1925) kể về cái chết bi thương của nhân viên ngân hàng Joseph K. . Joseph K. bỗng dưng bị nhà chức trách vô danh bắt và sau đó bị tử hình. Joseph K. trở thành nạn nhân của hệ thống hành chính quan liêu tới mức khó hiểu: cái phi lý bi kịch. Lọai Motiv như thế ta chỉ thấy có ở nhà văn Kafka. Lúc sinh thời, những tác phẩm đã in của

Kafka không được dư luận chú ý, nên ông đã nhờ bạn mình là Max Brod hãy đốt những bản thảo còn lại sau khi mình qua đời , nhưng Brod làm ngược chúc thư của Kafka, ông không hủy nó như trong chúc thư, mà cho xuất bản các bản thảo ấy. Và từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, những tác phẩm của Kafka mới được dư luận lưu ý, rồi nó trở nên nổi tiếng bởi ***chưa có một nhà văn nào cùng thời dự cảm cho ta thấy rõ nỗi cô đơn, sự bất an của cái tôi, sự xa lạ của thế giới*** như trong những tác phẩm của Kafka. *Hóa thân* (Die Verwandlung, viết năm 1912, xuất bản năm1915) kể về anh chàng đi chào hàng Gregor Samsa - một người chú tâm hòan thành những chuyến giao hàng và giao lại đủ số tiền hàng ,nhưng vẫn bị chủ nghi ngờ. Sau những cơn ác mộng, Samsa thức giấc và thấy mình biến thành một con bọ cạp (Käfer). Tác phẩm *Vụ án, Lâu đài* phản ánh **nỗi bất an trong đời sống con người đầu thế kỷ XX**. *Những tác phẩm khác là: Mỹ* (Amerika, 1927), *Nhà trừng giới* (In der Strafkolonie,1919), *Thầy thuốc nông thôn* (Ein Landarzt, 1919), *Vô địch nhịn đói* (Ein Hungerkünstler, 1924).

Lâu đài

Sau khi Franz Kafka mất, bạn thân của ông là Max Brod cho xuất bản tiểu thuyết * *Lâu đài năm* 1926. Xuất phát từ những quan niệm khác nhau về ***thân phận con người*** nên có những đánh giá khác nhau về tiểu thuyết *Lâu đài* trong giới phê bình văn học trên thế giới. Tiểu thuyết kể về một người làm đạc điền đến lâu đài của bá tước West West để tìm việc là K., anh được thông báo là chuẩn bị nhận việc, và chức sắc trong vùng là Klamm còn viết thư động viên K. làm việc. Tuy có quen một số người như Barnabás , Olga, Frida, nhưng K. cũng không sao gặp được nhà chức trách để xem kết quả tuyển dụng. * K. đành phải chờ và sống mòn mỏi , kiệt sức trong cảnh lo âu chờ đợi. K. sống trong một thế giới có thực mà cứ như là ảo, anh nhìn thấy Lâu đài, nhưng không sao trực tiếp gặp được Klamm cũng như chức sắc cao nhất trong vùng.

Anh chàng làm nghề đạc điền K. vô danh tới mức không có cái tên đầy đủ, sống trong chờ đợi nên anh ta có cảm tưởng hiện thực cuộc sống chỉ là những ảo ảnh, K. không sao lý giải được sự chờ đợi phi lý ấy. Nhân vật K. được tác giả chọn lọc mang tính chất biểu trưng, nó có tầm khái quát và tạo nên hình tượng văn học ẩn chứa trong mình một tư tưởng triết học: *tình trạng bị bỏ rơi nên cô đơn, bất lực, trở nên con người xa lạ giữa đời thường.*

Sức mạnh của Kafka không phải là sức khỏe, mà là sự im lặng quan sát- một thói quen của cậu bé Franz gầy gò ốm yếu có từ khi sống ở nhà. Hình tượng anh chàng đạc điền K. không có một chỗ ở, không được hành nghề, vì vậy không có tiền đồ và chỗ đứng trong cộng đồng. Phải chăng đây là cảnh sống của những người dân sống trên đất Séc dưới ách thống trị đế quốc Áo-Hung ở đầu thế kỷ XX (trong đó có những người Do Thái). Trong nhật ký của mình , Kafka đã thổ lộ, rằng ông đã "tự ủy nhiệm" cho mình nhiệm vụ phản ánh cuộc sống ấy bằng ngòi bút.

** Kafka dự định viết tiểu thuyết tự thuật, nhưng rồi lại chuyển nhân vật **Tôi** sang là nhân vật K. Kafka viết phác thảo tiểu thuyết vào mùa thu năm 1920 và viết một mạch từ tháng một tới tháng chín năm 1922 thì nghỉ, phần kết vẫn còn bỏ ngỏ. Địa danh được sử dụng trong tiểu thuyết là lâu đài và làng Wessek, nơi gia đình Kafka đã từng sống. Mô típ **lâu đài là nơi đầy bí hiểm** thường xuất hiện trong văn học lãng mạn. Tác phẩm Lâu đài của Kafka đã được Max Brod chuyển thể thành kịch bản và cho công diễn tại Schlossparktheater ngày 12.5.1953 ở Berlin.*

** Theo Max Brod thì Kafka dự định: Trong lúc nhân viên đạc điền K. kiệt sức chờ chết thì nhận được thông báo của lâu đài rằng K. được phép lưu trú ở làng. Xem trang 586-587, Daten deutscher Dichtung von Herbert A. und Elisabeth Frenzel, Band 2, Deutscher Taschenbuch-Verlag, München, 1999 .*

LƯƠNG VĂN HỒNG

tìm hiểu

ĐÔI GIÒNG LỊCH SỬ VŨ ĐIỆU TANGO

TỪ VŨ

Một món quà gởi mừng sinh nhật
nhà thơ Nguyễn Khôi Kinh Bắc (HàNội)

Từ Vũ

Vũ điệu Tango chào đời ở Buenos Aires, thủ đô Argentine vào cuối thế kỷ thứ XIX, bên bờ Rio de la Plata trong khu vực lân cận của thủ đô Argentina - La Plata , tiếng Tây Ban Nha, (sông Bạc) là biên giới giữa hai nước Argentina và Uruguay. Hai cảng chính trên sông là Buenos Aires ở nam ngạn và Montevideo bên bắc ngạn. Nơi đây thành phần xã hội trong thời gian này là những người di dân nghèo nàn, đa số là đàn ông, sống trộn lẫn với đĩ điếm , trộm cắp... trong các khu ổ chuột gọi là «Arrabal» hoặc trong các dãy nhà lớn như doanh trại (conventillos). Những di dân này từ các nước châu Âu tới... và họ nghe , nhảy theo các điệu Habaneras (điệu nhẩy của những người Cuba) , Polkas - điệu múa của những người gốc vùng Bohême (hiện nay là nước Cộng hoà Tchèque) , Mazurkas (điệu múa gốc Ba Lan) , Waltz (gốc Đức), Flamenco (Tây Ban Nha), Milonga (đến từ vùng Pampas Argentina) .. . Cùng lúc đó người da đen, với khoảng 25% dân số của thủ đô Buenos Aires , những người này nhảy theo nhịp điệu Candombe , một loại âm nhạc được phát triển ở nước Uruguay mà nhiều nhà nghiên cứu âm nhạc cho rằng nguồn gốc bắt nguồn từ Phi châu. Nói chung lại một cách không quá đáng thì mỗi quốc tịch đã mang tới Buenos Aires lối sống của mình cùng các truyền thống âm nhạc để góp phần trong Tango .

Nguồn Gốc của Tango

Nguyên thủy của điệu vũ Tango dường như được tìm thấy trong điệu nhẩy của người Cuba-Tây Ban Nha, truyền đạt trong quá trình liên lạc thương mãi thường xuyên giữa các hải cảng Havana ở Cuba và hải cảng ở Buenos Aires, Argentina.

Ban đầu, Tango được thể hiện bởi các nhóm nhỏ trong đó các nhạc sĩ chơi violon, sáo, đàn guitar và đôi khi sử dụng một chiếc lược được phủ giấy vấn thuốc lá thay cho nhạc cụ gió. Nhạc cụ thần thoại, đàn kéo bandoneon, nguồn gốc ở Đức xuất hiện một vài năm sau đó, vào năm 1900, dần dần thay thế cho cây sáo.

Hình như những âm thanh khác nhau của các nhạc cụ được tạo ra bởi những người tuy khác nguồn gốc, chủng tộc , màu da ... nhưng cùng có chung những hoài niệm một thời đã qua trong quá khứ và thậm chí cả những nỗi thống khổ của một tương lai không có gì là chắc chắn : Tango ra đời .

Trong thời kỳ đầu tiên, Vũ điệu Tango chỉ đơn thuần phô diễn những giai điệu đã có hoặc thêm thắt vào một số biến thể không bao giờ được ghi chép bởi lẽ đa số những người diễn tấu vừa

không biết đọc lại vừa không biết viết âm nhạc.

Một vài năm sau đó , các bản Tangos đầu tiên đã được viết ra nhưng lại không mang chữ ký của một tác giả nào tuy nhiên những người trình diễn bấy giờ đã biết viết những bản dàn bè và họ lợi dụng sự phổ biến của một số tác phẩm "vô danh" nổi tiếng và ký tên lên đó để hưởng một chút lợi nhuận.

Danh Từ "Tango"

Người ta có thể tự đặt một câu hỏi về nguồn gốc của chính cái tên Tango . Câu trả lời sẽ rất khó khăn bởi vì mỗi người sẽ trả lời theo cách giải thích của chính họ. Trong thế kỷ thứ XIX ở Tây Ban Nha chữ Tango là để chỉ một cây gậy. Chữ này cũng hiện diện trong ngôn ngữ của một số nước Phi châu, chữ Tango cũng đã được ghi chép trong một số tài liệu Tây Ban Nha để nói lên nơi mà những người nô lệ da đen tụ họp tổ chức lễ hội. Một số người khác lại cho rằng chữ "Tango" do từ chữ "Tambor" tiếng Tây Ban Nha , cái trống , mà những người nô lệ da đen không tài nào phát âm cho đúng nên đã bị chuyển thành "Tango".

Sự Phát Triển của Vũ Điệu Tango

Điều chắc chắn nhất, tất nhiên, là nơi chào đời của vũ điệu Tango :

Vào cuối thế kỷ XIX, như đã nêu ở trên, thành phố Buenos Aires là một thành phố sống với một sự phát triển cực mạnh về nhân khẩu , sự phát triển này càng gia tăng với làn sóng di dân tới từ rất nhiều quốc gia . Rất nhiều người Tây Ban Nha, Ý Đại Lợi, Đức, Hung Gia Lợi, Ả Rập và Do Thái... Tất cả những di dân này tụ tập lại để trở thành tầng lớp thợ thuyền mất gốc, nghèo khó và thiếu phương tiện truyền thông ngay giữa họ với nhau vì ngôn ngữ bất đồng và đa số là nam giới. Những người đàn ông rời quê hương bản quán để đi tìm một sự giầu có nào đó nên vào thời kỳ này dân số ở thủ đô nước Argentine gồm 70% đàn ông . Argentine vào năm 1870 chỉ gồm có hai triệu người dân nhưng 25 năm sau đó dân số đã biến thành bốn triệu. Một nửa dân số này tập trung tại Buenos Aires và một nửa dân Buenos Aires là người ngoại quốc. Những người chăn giữ cừu (Gauchos) và những thổ dân Indiens từ bên trong nội địa cũng ùa tới với ước vọng tìm được một cuộc sống dễ dàng hơn đã làm phồng lên số cư dân tại đây.

Từ Những Khu Ổ Chuột đầy Tiếng Xấu ...

Người ta khởi sự nhảy vũ điệu Tango ở ngoài đường phố (bị cấm bằng một sắc luật vào ngày 03 tháng 2 năm 1916 vì cản trở giao thông), trong các quán trà rượu và nhà thổ ở khu ổ chuột , do đó những điệu nhảy mới nhanh chóng liên kết với bầu không khí của những nhà chứa gái điếm vì những gái điếm và những người đàn bà dọn dẹp phòng ở đây là nữ giới duy nhất có mặt trong các buổi tụ họp ăn chơi giải trí này . Cái thế giới "đực rựa" bình dân, "đao to búa lớn", du côn ... đó đã tự nhiên dẫn tới những trường hợp mà những người đàn ông phải nhảy với nhau.

Thêm nữa, Tango được nhảy trong một cách rất là "vật chất", khiêu khích, rõ rệt ; và là một điệu vũ rất xa biệt với những thuần phong mỹ tục của giới trưởng giả ở Buenos Aires.

Dần dần theo thời gian , các ca khúc cũng xuất hiện để đệm theo điệu vũ. Tuy nhiên đa số lời của những ca khúc này lại rất trắng trợn tục tiễu và tựa đề của những ca khúc lại ẩn hiện mập mờ một sự tục tiễu nào đó như : "Con qué tropieza que no dentra", "Dos sin sacarla", "Siete pulgadas", "Qué polvo con tanto viento"... Chúng tôi xin dành sự phiên dịch này cho những người am hiểu về ngôn từ Tây Ban Nha hơn tuy nhiên để có thể có một chút về sự trắng trợn này người ta có thể tìm thấy trong một nhạc bản rất nổi tiếng: "El Choclo" , theo nghĩa văn chương là "bông bắp" nhưng phải hiểu theo sự tưởng tượng thật ẩn ý.

... Bước Sang Những Vũ Trường Thượng Lưu

Trước khi xuất hiện trong các vũ trường lớn tại thế giới phương Tây, Tango được lưu truyền từ Argentine nơi chào đời bình dân của nó tới Paris, kinh đô ánh sáng , thủ đô của nước Pháp. Tại đây Tango đã bước lên tước vị một trong những vũ điệu quý tộc.

Nhưng làm thế nào để Tango đạt tới đỉnh cao như vậy ? Câu trả lời qủa thực vẫn còn rất khó khăn . Giới trẻ của xã hội thượng lưu ở Buenos Aires khác hẳn cha mẹ họ, họ đã dám tới những vùng bình dân ở lân cận thành phố để vui chơi, nhẩy múa; tán tỉnh một cô gái tại đây, một Milonguita (*), cũng đang chờ đợi điều này. Và để sáp lại với cô gái chưa quen biết này, chẳng có thứ gì khác hơn là Tango. Lẽ dĩ nhiên vào lúc đó thì những cô gái xuất thân từ những gia đình trưởng giả ở thủ đô Á Căn Đình vẫn chưa "thực hành" vũ điệu Tango vì vậy Tango vẫn độc quyền trong các khu bình dân ở Buenos Aires .

Sự Thành Công Tại Paris

Tuy nhiên, những người trẻ tuổi thượng lưu tại thủ đô Á Căn Đình đi du lịch tới châu Âu, chủ yếu là tới Paris, những cuộc du lịch này sẽ là một yếu tố chính làm thay đổi tất cả . .

Paris không chỉ là thủ đô của lãng mạn và thời trang, nó là một thành phố nơi tiền phong tất cả mọi thứ , đây cũng là nơi ăn chơi và giải trí .

Trong bối cảnh này, điệu nhảy tuy được ra đời ở Buenos Aires nhưng không có gì khó khăn để phô bầy ra ở Paris vào những năm 1913 , lúc đầu là chỉ đối tượng của một sự tò mò rồi sau đó trở nên thời thượng . .

Paris thủ đô Ánh sáng và là tủ kính trưng bầy của Âu châu, của thời trang, chiếc nôi của những gì sang trọng. Tại Paris các ban nhạc nổi tiếng nhất đã trình tấu nhạc Tango trong các phòng trà cabarets, trong những điểm ăn chơi trứ danh gợi nhiều sự tưởng tượng của Paris như Folies Bergères, Montmartre hay Le Petit Parisien nơi đây tầng lớp trung lưu có thể tới ăn tối và thực hành vũ điệu Tango trong một khuôn khổ phù hợp với giới này hơn.
và một viện Tango đã được thiết lập tại Rue de la Faisanderie - Paris. Vũ điệu Tango nhờ thế đã lan tràn thực nhanh chóng khắp các thủ đô của các nước Âu châu và giới thượng lưu Argentine khởi sự quan tâm tới Tango.

Sau khi đạt thành công ở Âu châu, Tango quay lại Buenos Aires, lẽ tất nhiên trong thế giới thượng lưu vừa thoát khỏi ách thống trị của người Tây Ban Nha với ước vọng muốn biến Buenos Aires trở thành một thủ đô Paris thứ hai ở Mỹ châu.

Không giống như Paris nơi mà các vũ công năm hoặc nữ đến tham dự duy nhất xuất thân từ tầng lớp trung lưu hoặc trưởng giả , các quán rượu ở Buenos Aires tập trung những khách đàn ông của giới trung hoặc thượng lưu trong lúc đó thì các vũ nữ đa số là những cô gái nghèo khó nhưng tài năng của họ đã biến họ thành những ""bà hoàng" ở các quán tiệm này - đây chính là những huyền

thoại của "Milonguita (*)" , cô gái nhà nghèo được người ta trả tiền để nhẩy và được bao cho uống rượu sâm banh thả dàn, khoác áo lông thú và đeo đầy đồ trang sức , cô gái hy vọng sẽ tìm được một người đàn ông giàu có, người sẽ mang cô ta vĩnh viễn rời khỏi một trong những 2 462 "conventillos" mà cô đang phải sống ở đó. Người ta kể lại rằng những cô gái con nhà khá giả muốn tới những nơi này phải có sự hộ tống của các bà mẹ

Tuy nhiên sự vinh quang của Tango cũng bị hoen ố vì sự bài bác của một tầng lớp những người chặt chẽ về nguyên tắc đạo đức. Những người phê phán, kiểm duyệt xuất hiện ở nhiều nơi. Ngay cả Giáo hoàng ở Vatican Pie X ,trước khi qua đời năm 1914, cũng ra lệnh ngăn cấm . Tiếp đó là Hoàng đế Đức và giới cao cấp trong triều đình. Tạp chí Tây Ban Nha "La Ilustración Europea y Americana" phán xét rằng vũ điệu Tango không chỉnh tề, qúa sỗ sàng với những điệu bộ lố bịch ghê tởm, vì vậy tất cả những người đứng đắn không thể để bị lôi cuốn bởi loại vũ điệu này được. .

Phán xét này được báo giới ở Anh quốc đồng loạt tán thành rồi tới lượt báo giới Đức và ngay cả Pháp . Mặc dù vậy, vũ điệu Tango vẫn chiến thắng cho dù hơi chậm : Giáo hoàng Benoît XV phục hồi danh dự cho Tango.

Xuất hiện những chiếc váy dành cho Tango, màu sắc của Tango, trà của Tango...và Tango là vũ điệu vua của các sàn nhảy ... .

Thời Kỳ Vàng Son của Tango

Khởi đầu, những nhạc sĩ trong các ban nhạc chỉ gồm có 3 người - sáo, violon và guitare - họ chơi theo hứng của họ . Tiếp đó cây đàn dương cầm thay thế cho chiếc guitare và cây đàn bandonéon thay cho cây sáo. Trong hành lý của một chàng thuỷ thủ gốc Đức nào đó có một cây bandonéon ... cây đàn này đã chiếm ngự vị trí là một nhạc cụ không thể thiếu của Tango. Theo lời thuật lại thì một người đánh xe ngựa công cộng đã xử dụng tại các khu "conventillos" để kiếm thêm chút tiền .

Năm 1913 những ban nhạc "orquesta tipica" được xuất hiện với 2 cây đàn bandoneons, 2 cây violons, 1 cây đàn bass và 1 cây đàn piano. Năm 1917 xảy ra một sự kiện quan trọng trong đà phát triển của Tango : hát Tango - qua giọng hát lừng danh của nhạc sĩ Carlos Gardel được mệnh danh là "The King of Tango" , người có công truyền bá Tango - Carlos Gardel sinh tại Toulouse Pháp năm 1890 , theo cha mẹ di cư tới Argentine khi mới được 3 tuổi và qua đời năm 1935 trong một tai nạn máy bay tại Colombia .

Tiếp đó là những năm 1920 tới năm 1935 : thời kỳ vàng son của Tango với những ca sĩ thành công khác như : Canaro, d'Arrienzo, Pugliese, Piazzola.

Khủng Hoảng và Đổi Mới (1935-1955)

Cái chết của Gardel và sự suy thoái kinh tế ở Argentine đã có nhiều tác động đến sự phát triển của Tango. Các dàn nhạc của Pugliese, Troilo là những dàn nhạc nổi tiếng vào giai đọan này . Song

song với sự cầm quyền của Peron người ta phát hiện lại nhạc tính của Tango. Vào những năm 55, với sự sụp đổ của Peron và sự thay đổi toàn diện tại Argentine : Cuộc cách mạng Tân Tango (Nuevotango).

Tân Tango (từ 1960)

Đó là loại Tango của các dàn nhạc trình tấu. Các nhạc sĩ Tango đồng loạt cùng hướng vào đường mà Tango còn chưa khai phá: âm nhạc thuần chất. Nhạc sĩ Astor Piazzola bỏ rơi nhịp điệu truyền thống và thay thế bằng một sự biểu lộ tinh vi hơn và cùng lúc những cuộc trình tấu, biểu diễn Tango rất ngoạn mục được tổ chức để Tango phát triển mạnh mẽ hơn . Trường phái Tango "Âu châu" tiến hoá bằng con đường riêng hướng về vũ điệu tại vũ trường và các cuộc thi Tango trong khi đó trường phái Tango "Buenos Aires" dành phần lớn cho sự ứng khẩu và sự gợi cảm.

Tango Được Nhảy Như Thế (Asi se baila el tango)

Cho tới ngày nay, vũ điệu Tango được nhảy rất khác biệt với các điệu vũ khác. Trên sàn nhảy, mỗi cập trai gái nhảy Tango theo lối riêng của họ .

Thuật biên đạo (chorégraphie) múa của hầu hết các vũ điệu đều cấu tạo bằng một bước cơ bản với một vài biến thể. Với Tango, bước cơ bản là điểm khởi đầu cho hàng trăm dáng vẻ khác nhau mà mỗi cặp trai gái kết hợp với nhau một cách đặc biệt tuỳ theo âm nhạc và không gian mà họ có được trên sàn nhảy.

Trình tự khác nhau của các dáng điệu hoàn toàn chi phối, thực hiện bởi nguồn cảm hứng của chính thời điểm này. Đây là điểm khó khăn chủ yếu của Tango nhưng cũng chính nhờ nguồn hứng cảm về thuật biên đạo múa đó đã đem lại nét tuyệt vời cho Tango : Mỗi một cặp nam nữ bộc lộ nhân tính chính họ và cách diễn xuất riêng của họ khi nghe nhạc.

Tango là một vũ điệu của sự "lắng nghe". Người đàn ông hướng dẫn phải ước tính trước về không gian mà mình sẽ có tuỳ thuộc những chuyển động của những cặp nam nữ khác trên sàn nhẩy - người nữ phải hoàn toàn "nghe" theo sự hướng dẫn của người nam.

Tango tượng trưng như một cuộc "cách mạng" trong điệu nhảy: nó là một điệu nhảy tự do mà không cần xác định trước thuật biên đạo (chorégraphie) và Tango là một loại ngôn ngữ cho phép tất cả mọi người tự biểu lộ chính cá nhân của họ.

La Serénité , 15 giờ 55'

ngày 29.12.2012.

TỪ VŨ

tiểu luận

NHỮNG THỂ ĐIỆU DÂN CA XỨ HUẾ

KIÊM THÊM

Âm nhạc Huế thường được phân chia ra làm ba loại: nhạc cung đình dành cho những hội lễ trong cung điện nhà vua, nhạc tôn giáo được trình diễn trong những tế lễ diễn xướng đình, chùa, miếu vũ và nhạc dân gian (dân ca). Nguồn nhạc dân gian tại Huế bao gồm những điệu hò, điệu lý, những bài vè, những bài hát chầu văn. Trong âm hưởng và nội dung, dòng âm nhạc cổ điển Huế và dân ca Huế thường những những quan hệ mật thiết với nhau; chính những thể điệu và nội dung dân ca cũng đã góp phần không nhỏ vào sự hình thành và phát triển của nhạc cổ điển Huế.

Vùng đất Huế, Quảng Trị, Thừa Thiên cũ là vùng đồng bằng chật hẹp, có nhiều sông ngòi, đầm phá; nơi đây chính là chốn sản sinh hàng chục điệu hò hát, gợi lên những hương vị đặc sắc trong miền. Hò hát thể hiện trong bất cứ trường hợp nào. trên cạn thì có hò xay lúa, hò giã gạo, hò khoan, hò hụi, hò nện, hò giã vôi... trên sông, trên đầm phá thì có hò đẩy nôốc, hò mái đẩy, hò mái nhì, hòđua ghe...Nội dung những câu hò thể hiện tình cảm, động viên cổ vũ khích lệ, lại thường pha hài hước, trách móc, châm chọc.

Hò mái đẩy:

Hò mái đẩy là một trong những điệu dân ca thịnh hành nhất cà cư dân vùng Thừa Thiên -Huế. Lọai nầy thường được hò lên trong những khi thuyền chở nặng, phải vượt qua được những cơn sóng gió lớn, qua thác, xuống ghềnh, những quảng đầm phá hiểm nghèo trong nghề đi sông hay đi biển.

Do phải làm thêm chân sào lớn và mạnh để có thể chống đẩy, ngoài ra, phải ra sức để đẩy mạnh tay chèo, cho nên nhịp điệu của lối hò nầy phải mạnh mẽ, chắc nịch. Những khoản ngân cũng ngắn hơn, lời lẽ cũng mạnh mẽ, hùng dũng.

Nội dung của thể điêu dân ca nầy thường gồm có những câu châm chọc, chế riễu. Có khi chỉ trích, bắt bẻ nhau từng lời, từng ý. Những câu thường hò như là:- *Mình anh cả chống lẫn chèo, Không ai tát nước, đỡ nghèo cho anh.* Hay là:

Hò lên, hai mái song song, Phải cam, cam ngọt, phải bòng, bòng chua. Những đoạn ngắt cău ngắn, mạnh, như chát chuá trong lời hò.

Hò mái nhì:

Nếu hò mái đẩy, mạnh, khoẻ, hùng bao nhiêu thì loại hò mái nhì khoan thai, tình điệu bấy nhiêu. Hò mái nhì cũng là điệu hò nổi tiếng của đất thần kinh, vang vọng khắp bến nước sông Hương, từ đồi Vọng Cảnh, đến Ngã Ba Sình, phá Tam Giang, vùng Cầu Hai, Nước Ngọt.

Hò mái nhì thường là điệu hà tình tứ, lời thơ ngọt ngào, mặn mà. Nhịp điệu của lối hò mái nhì thường ngân vọng, dàn trải rộng ra,chậm rãi, khoan thai, đưa theo mái chèo và chân đưa ra theo. Người chèo lái xướng lên, thì người chèo mũi họa lại; người chèo mạn bên nầy xướng thì người chèo mạn bên kia họa lại. Hơi đưa hơn ngân vang, rồi cao vút lên, thì chỉ có lối hò mái nhì ở Huế mới có được.

Cũng có thể so sáng với giọng ngân của lối hò Đồng Tháp, nhưng giọng Huế thì êm dịu, đài trang hơn. Những nhà ngữ học khi phân tách hò mái nhì thường ca ngợi lời văn vẻ, giọng trữ tình vốn sẵn của hò mái nhì. *"Hò mái nhì chỉ có những câu ân tình, hò hẹn, nhớ thương, trách móc thở than, chứ không có những lời đố đá, châm chọc, hài hước..." (Lê văn Hảo).* Nếu so với những thể điệu dân ca khác, thì những điệu hò mái nhìtại Huế thường được gói ghém những tình ý ngọt ngào, duyên dáng,dịu nhẹ hơn cả. Phải chăng đây là nét đặc thì của tâm Huế.

Hò giã gạo:

Hò giã gạo rất thịnh hành trong sinh hoạt nông thôn. Loại hò nầy dùng nhiều thể thơ dân tộc để đối đáp, thường diễn ra chung quanh cối gạo nơi làng xóm. Tại Huế, trước khi tổ chức hội lễ, cúng tế,cần nhiều gạo nếp, thì hò giã gạo tập trung nhiều trai gái trong làng. Thậm chí những đoàn người thích hát từ những làng khác cũng hẹn nhau đến tham dự giã gạo. Mỗi cối gạo thường chỉ từ ba đến bốn người, nam hay nữ, và nhiều lúc có đến hàng ba bốn cối gạo, châu tuần quanh nhau, để có thể hát đối đáp nam nữ. Nhìn chung, hò giã gạo được xem là loại sinh hoạt vừa lao động vừa hát hò.

Trình tự của một buổi hò giã gạo được tổ chức như sau: - Mở đầu là những câu hò mời hò chào hỏi, giới thiệu, đưa duyên. - Tiếp đến chuyển qua những câu hát ân tình để hò hẹn, mời mọc. - Có khi dùng những câu hò đố, hò đâm bắt... như để thử thách tàinăng ứng đối của đôi bên. - Cũng có thể là hò chuyên về một câu chuyện, nhân đó, thông qua nội dung, chen vào những lời gửi gắm, hẹn hò.

Nội dung thường mượn là: Truyện Kiều, Lục Vân Tiên, Nhị Độ Mai, Lưu Bình Dương Lễ, Thoại Khanh Châu Tuấn, Tống Trân Cúc Hoa. Cũng có thể kể tâm sự của kẻ tôi tớ, làm hầu, ăn xin, lính mộ, đánh bạc... Trong những câu chuyện, hai bên dùng lý để bắt bẻ nhau. Tuy nhiên vẫnphải dùng câu hò, điệu thơ ăn khớp, bóng bẩy. - Kết thúc: là những câu giã từ, hẹn lần sau, bày tỏ tâm tình xa cách.

Trong sinh hoạt, hò giã gạo thường tạo không khí hào hứng, rộn ràng hơn cả. Hò giã gạo mang tính chất tập thể. Người tham dự hòphải được rèn luyện để đối đáp. Phải biết cách dùng chữ khôn ngoan, khôn khéo, tinh vi để tấn công.

Hò chuyên nghiệp: Trong nhiều làng có những tay hò chuyên nghiệp. Chẳng hạn như trường hợp những tay hò kiệt chúng kiểu "ông Thiềm, bà Biên". Hò giã gạo có lớp vế kể, vế sô,lớp vế

trống; cũng như loại hò mái nhì, có hò cái và hò con trong trường hợp có nhiều người giả gạo. Trong hò giả gạo thường có từng cặp trai gái được xếp đặt kề bên nhau và cũng được chọn lựa từ trước như cuộc hẹn hò, trong việc đối đáp.

Hai bên phải thật khéo léo trong những câu đáp và trả lời, vì giã gạo thường có nhịp điệu nhanh và những câu hỏi vấn thì nhiều khi khó đáp. Ở Huế và Thừa Thiên, sau khi mùa màng gặt xong và thời tiết tốt thì trai gái làng nầy đua nhau sang làng kia để hát giã gạo. Không phải chỉ một cối gạo mà có khi đến ba bốn cối gạo. Từ những chuyện hò giã gạo đối đáp, đi đến chuyện tình duyên là thường tình.

Hò nện

Khi họ làm việc thì có những loại hò hụi tức là hònện của những người thợ đắp nền nhà, dùng những loại vồ khác nhaudể đập đất, cũng để đánh nhịp:

Hụ là khoan là hụ là khoan - Là hụ là khoan, là hụ là khoan - Chim khôn Hụ là khoan - Đậu nóc nhà quan Hụ là khoan -Trai khôn tìm vợ - Hụ là khoan - Gái ngoan tìm chồng - Hụ là khoan - Ở chốn ba quân... - Ô khoan là khoàn, hù là khoan...

Thông thường thì dùng loại thơ lục bát được ngắt chia ra từng đoạn hai phần, xem kẻ vào là những đoạn "hụ là khoan". Loại hù nện trong trường hợp diễn tả nầy (theo tiếng chày vồ đập mạnh) rất mạnh mẽ, đồng thời cũng rất nhanh, thường do những người đàn ông vừa đập mạnh vồ vừa ca hát.

Hò thai:

Thai nghĩa là thai đố. Những người sáng tác ra những câu thai thường là nho sĩ, có học thức vững và tham hiểu nhiều, nhất là trong tục ngữ, ca dao. Có những câu thai vốn có từ trước; nhưng cũng có nhiều câu mới sáng tác ra cho nên rất khó trả lời. Hò thai không phải theo nhịp điệu, mà chỉ để dùng trong những khi nhàn hứng. Cũng có những người dùng loại bài thai để bày ra lối chơi cờ bạc. Hò thai trong những trường hợp nầy có ý nghĩa tương tự như hát bài chòi (Bình Định).Bài Thai về "tên của những con bài" trong khi chơi bài ghế hay bài chòi như sau:

Chơi Xuân gặp lúc e hè, "Ông ầm", "Thái tử" đưa "xe" qua đò. "Lục chuôm" làm bạn "cửu chùa" Bán con "lá liễu" mà mua "nhất trò". Nghiêng tai nghe nhặt "sưa" hò, Nâng niu "bạch tuyết", nỏ lo chi "nghèo". Tai "voi", "đỏ mỏ" chạt theo, "Cột nọc" trăng gió, thả lèo "tám giây". Đêm khuya "tứ cẳng" tới đây, Bên nớ "hai trạng" bên nầy "trạng ba" Sự tình "gà" mới gáy ra, "Gối" đầu trên "rốn", "ngủ" mà thiu thiu. "bát bồng", "nhị đấu" mĩ miều, Thợ cưa "một mắt" đánh liều chơi tiên. Bên nớ đã có "tám tiền", Bên ni "tám mảng" đánh liền "thắt" lui.

Hò ô và hò đạp nước:

Loại nầy thường được dùng trong khi đạp nước vào ruộng. Trong trường hợp nầy thì người đạp nước không phải theo một nhịp điệu nào cả, khi khoẻ thì đạp nhanh, khi mỏi mệt thì đạp chậm hơn. Đây cũng là loại thơ lục bát được chia làm hai phần: phần dành cho hò cái và phần dành cho hò con. Tiếng hát thường là chậm và dùng nhiều tiếng đệm *ơ..a..ê* hay *ô..ồ..hợ*.

Hò nện vôi:

Hò nện vôi là một loại hò nện nhưng mang tính chất chắc khoẻ hơn, tiết tấu lại dồn dập, khẩn trương. Khi đâm vôi, mỗi cối có khoảng 4 hay 5 người. Một người "thợ hò" đứng bên ngoài, tay cầm đôi sênh, đánh nhịp cho đều với tiếng chày giã vôi. Người thợ hò hô lên một câu và đánh môt tiếng sênh, thì tất cả mọi người đứng bên các cối đều giơ chày lên, thợ hò đánh tiếp tiếng sênh

thứ 2, thì mọi người đều xô *"là hô hồ khoan*" và cùng nện chày đồng loạt xuống cối vôi.

Thợ hò lại tiếp và đánh sênh tiếp lần thứ 2 thì mọi người đều giơ chày lên... cứ như thế mãi. Nhịp điệu mỗi lúc một khẩn trương thêm cho đến khi nào vôi đã được quánh lại thì mới dừng nghỉ. Thợ hò xướng lên: - *Ai mà (nì*), Tất cả đều xô: - *là hô hồ khoan - Lợp miếu thiếu tranh, - Là hô hồ khoan .- Lợp đình (mà) thiếu ngói (nì - Là hô hồ khoan - Xây thành thiếu vôi - Là hô hồ khoan.*

Hò nàng Vung:

Hò nàng Vung được dựa theo một thiên tình sử nổi tiếng tại Huế: Chuyện O Hiên, trò Siêu. Trò Siêu người làng Thanh Lương, huyện Quảng Điền (Thừa Thiên - Huế) mồ côi cha từ thuở nhỏ, được người mẹ tảo tần nuôi dưỡng, cho ăn học để nên người có địa vị trong xã hội. Trò Siêu thành công trong giai đoạn đầu của việc dùi mài kinh sử; nhưng cũng trong khi đó, trò Siêu làm quen và yêu thương một cô gái làng Phú Bài, huyện Hương Thủy tên là cô Hiên.

Nàng là con một gia đình giàu có, địa vị. Siêu được cô Hiên đáp tình lại, tuy nhiên gia đình nàng lại khinh Siêu nghèo khó, chưa đạt đến đường công danh hoạn lộ, nên cương quyết cắt đức mối tình, và đem nàng gã cho một nơi môn đang, hộ đối.

Siêu và Hiên tìm cách để vượt qua khó khăn, bèn tìm kế. Chàng về thưa với mẹ mình, được chính thức hoá mối tình, bằng cách đem trầu rượu sang nhà song thân cô Hiên để xinlàm lễ hỏi. Cha mẹ Hiên thấy mẹ trò Siêu sang, đoán biết được mọi chuyện, xua đàn chó dữ của mình ra cắn. bà mẹ Siêu què chân. thất vọng và xấu hổ, cam tội bất hiếu, trò Siêu đã tìm nơi vắng vẻ thắt cổ chết.

Nàng Siêu nghe chuyện đau đớn vô cùng, tìm đến gặpxác người yêu, chính nơi mà họ thường hò hẹn, rồi thắt cổ chết theo chàng.

Chuyện O Hiên, trò Siêu trở thành đề tài sáng tác của nhiều nghệ nhân hò hát. Trong các điệu hò nầy, trình tự và nội dung tương ứng trong từng đoạn của chuyện kể. Nổi tiếng nhất là "hò nàng Vung" (cô Hiên).

Trên chiếu hò nàng Vung, nữ nghệ nhân đóng vai nàng Vung, đồng thời cũng là O Hiên. Còn vai trò Siêu thì do những nam thanh niên giỏi hát xướng trong vùng dự vào cuộc hò đảm nhận.

Diễn viên nam vai trò Siêu cất tiếng hát:

Tại vì: thầy mẹ bên em phụ khó, tham sang," Mẹ của anh không vay lúa, nỏ (chẳng) tạm vàng," Hô vàng, hô vện, hô đốm, hô khoang..." Một đàn chó dữ cắn mẹ anh què!" Bận nầy hổ thẹn với thế gian!" Anh đi tự vẫn, bỏ nghĩa tam cang không đền!"

Diễn viên nữ trong vai O Hiên đáp lại như sau:

-"Xin chàng hãy dằn lòng tự ái," Thiếp dang tay níu lại, khoan, khoan!" Chàng đưa ngực thiếp vuốt, cho hạ chín lá gan," Nhất mẫu, nhất tử, chàng đòi tự tử, bỏ mẫu từ ai nuôi?"

Diễn viên nam nhân đó tha thiết hơn:

"Anh mong Hiên, thấu tình, cạn lẽ," Sống dương trần, anh không mất lòng đứa trẻ," Lỡ thác rồi, em có nhớ:" Tình chồng, nghĩa vợ, thì hãy nuôi lấy mẹ già thay anh!

Khi hình ảnh của trò Siêu ngã sấp xuống, thì O Hiên đáp lại:

-"Hỡi anh ơi!" Chẳng thà ta thác có đôi," Không thà anh thác, em ngồi chịu tang?" Đây sơi dây mây, xin vái Thiên Hoàng," Cho tôi theo kịp gót chàng thủy chung..."

Chuyện tình O Hiên, trò Siêu đến đây là trọn vẹn phần diễn xướng.

Ngay khi đó, nàng Vung chuyển sang vai khác, để hò hát nỗi lòng uẩn khúc của mình.Về phần những người tham dự bên ngoài, cũng đã thâm nhập vào cuộc diện của hai người, hát khẩn nài hồn linh thiêng của Nàng Vung như sau:

"Sai nàng Vung:" Nàng Vung: đánh trống lung tung," Ba hồn, chín vía nàng Vung hãy -về!"- Dẫu mà đi chợ xa quê,"- Cũng xin nàng về mà nhập vô Vung."- Vung đất khác thể Vung đồng,"- Cơm cha, áo mẹ, xây Vung cho tròn." -Một mẹ sinh đặng ba con,"- Lưng eo, vú xách, hãy còn như xưa."- Bà Ân, bà Quán cây dừa," Ăn no, tắm mát, ngồi chờ nàng Vung."- Nàng Vung! Ơi hỡi Nàng Vung!"- Có thương, có nhớ, thì vùng mà lên!" Lên trời, che đám trăng lu," -Che lọng, che dù, chớ để nghênh ngang."- Mặt trời đã xế mái trang,"- Hồn xiêu, phách tán, Nàng Vung cũng về..."

Hò mái xấp:

Loại nầy dùng cho những người chèo thuyền, cũng như hò mái nhì và hò mái đẩy. Mái đẩy có nghĩa là dùng chèo lướt mạnh để đẩy cho thuyền đi tới nhanh. Hò mái xấp cũng có ý nghĩa tương tự, vì sấp hay xấp có nghĩa là quay ngược chèo để đẩy tới cho thật nhanh.

Hò đưa linh Quảng Bình:

Đưa linh là tiễn đưa linh hồn của người quá cố qua bên kia thế giới. Những thể điệu về đưa linh thường là giọng bi thương, não nùng, tha thiết, gây cãm xúc thương nhớ.

Thể điệu: Hoà đưa linh thường sáng tác theo điệu ngũ ngộn trong những đoạn tự sự và lục bát trong những đoạn tình cảm. Câu cuối của khổ thơ được lặp đi, lặp lại hai ba lần và mỗi khổ thơ là một câu hò trình bày một nội dung đầy đủ.

Nội dung: Trong nội dung của một buổi hò đưa linh có thể nhiều câu hỏi , tức là nhiều khổ thơ đi liền nhau làm thành một chương đoạn ghép lại với nhau, tuy nhiên toàn thể làn điệu của một bài đưa linh thì không thay đổi.

Thành thử, trong khi đưa đám tang mà có hò đưa linh (trong buổi tế hay khi lên đường) mà khi nghe điệu hò đưa linh của những đoàn hát chuyên ngành, thì những người tham dự tiễn đưa sẽ phải liên tục cảm hoài, buồn thương không dứt.

Hò đưa linh - chèo cạn ở Thừa Thiên

Khác với hò đua linh Quảng Bình, đây là một hệ thống diễn xướng, gồm các điệu múa, hường, ngâm hát, hò, lý, liên tiếp nhau. Cũng như trên thể hát nầy để trình bày trước quan tài, khi đưa ngườiquá cố đến mộ và khi sắp hạ huyệt.

Theo ý nghĩa chung, thì đây là cách tiễn đưa linh hồn của người chết về cõi âm với tất cả niềm hoài cảm của những kẻ thân thương.

Thể điệu: Trong một buổi hò đưa linh - chèo cạn thường gồm các hình thức: hát nam linh, hường (một kiểu nói lối nhưng mạnh hơn,dài hơn và chặt chẻ bi thương hơn), hát bắt bài (tùy cảm hứng nói lái đưa linh, lý đưa linh và hát lui thuyền (gồm có: điệu lý ta lý và điệu hò chèo thuyền).

Phần kết thúc, thông thường là hò nện và đọc vè.

Nhạc điệu: Hò đưa linh của vùng Thừa Thiên và Quảng Trị được hò khi thì theo ngũ cung đúng, khi thì hò theo ngũ cung hơi namgiọng ai.

Nội dung: bất cứ một bài đưa linh - cửa cạn nào cũng phải được thể hiện tâm trạng đau thương thống thiết của người còn sống đối với người đã khuất. Ngoài ra, phải có những chi tiết thích hợp cho hoàn cảnh gia đình của họ trong giai đoạn vĩnh biệt nầy.

Tổ chức: trong một buổi hò đưa linh tại Huế, dẫn đầu của đoàn là kép chủ diễn, thường mang y phục như một kép diễn tuồng; theo sau là 12 chèo con, y phục giống nhau như binh phục lính thú đời xưa; sau cùng là người lái, chỉ khoác y phục bình thường.

Chèo cạn: tại làng Tùng, xã Vĩnh Giang, phủ Vĩnh Linh, tỉnh QuảngTrị có đội chèo cạn chuyên nghề. Đội nầy gồm có: cai tùy, caitầu, một dàn bát âm gồm sáo, nhị nguyệt, kèn sô-na và một tốp 12 thành niên trai khoẻ mạnh.Lễ hò đưa linh tại đây thường tổ chức ngay trước quan tài và khi đưa quan tài đến huyệt.

Lý:

Trong những thể dân ca Huế, điệu lý thường được nói bên cạnh những điệu hò và điệu vè. Điệu nầy có phải là lối ca nhạc dân gian hay mang tính chất bác học. điều nầy, cho đến nay vẫn còn trong vòng tranh luận. Thậm chí một số lại nhấn mạnh đến tính "hai mang", vừa dân gian, vừa bác học.

Theo nhạc sĩ Phạm Duy, thì "Người miền Trung gọi lý là bài hát quê mùa (lý = làng), so với ca Huế vốn là sản phẩm của giới phong lưu (hoàng phái, nho sĩ, quan lại).

Ngoài lý giao duyên là thơ bảy chữ hát với câu đệm, câu láy, tất cả những dân ca ở hai miền Trung và Nam mà không phải là hò thì được gọi là lý" (Đặc khảo về dân nhạc Việt Nam- 1972- trang 81). Những danh xưng về loại lý trong một số bài cũng mang tính chất bác học: lý Giang Nam, lý Hoài Nam, lý Tiểu Khúc, lý Tử Vi, lý Mã Ô, lý Dạ khúc, lý Quỳnh Tương, lý Vọng Phu...

Lại có ý kiến khác như tác giả Văn Lang trong "Ca Huế và ca Kịch Huế" - 1993 - đặt vấn đề: Có người đặt câu hỏi: Lý là gì? Có phải là những bàica được sáng tác dưới triều Lý? Không phải thế, "lý" ở đây là "ca lý". Lý có nghĩa là "hát".

Trước kia đã có câu nói "Chiêm Thành ca lý đa ai oán". Như vậy, lý có nghĩa là hát, một loại hát ngắn gọn. Từ trước đến nay, một số nhà nghiên cứu cho rằng: Lý là dân ca (lý, hò, vè dân ca vùng Bình Trị Thiên.

Nhưng quan niệm đó đã không vững chắc. không riêng gì Huế, tại miền Nam điệu lý cũng thịnh hành và đa dạng: lý Con mèo, lý Con cua, lý Cây chuối, lý Dừa tơ, lý Mù u, lý Bánh ít, lý Bánh canh, lý Nàng dâu, lý Chú Chệt... tất cả đều là dân ca thuần túy. Thành thử không thể nhầm lẫn giữa các điệu lý tại Huế và điệu lý của những địa phương khác được. Những nhà nghiên cứu khi trình bày tính chất dân ca trong thể lý thường nêu ra những đặc tính như sau:

(a) Trước hết, hệ thống các điệu lý được phổ nhạc, theo những lờithơ lục bát. Thành thử, thể điệu nầy gần gủi với dân ca. Chứng cólà một số nhạc phẩm hiện nay được sáng tác theo âm điệu của dânca nầy).

(b) Trong thể lý, bài bản thường ngắn gọn. Mỗi điệu lý chỉ có 2 vế: vế trống và vế mái. Vế trống có âm cao, vế mái có âm trung vàâm thấp.

Những đọan lý thường nối tiếp nhau, có khi chồng chéo nhau. Một số tác giả khác thì cho rằng:

lý từ địa hạt của lối hát giao duyên, hát chơi nhảy, rồi từ đó nhảy vào ca Huế. (Theo Phạm Duy - Sđd)

Thông thường, trong lúc hát chơi, bất cứ câu ca dao nào được ưa thích cũng được đưa vào thể lý một cách dễ dàng. Khi so sánh hò và lý, có tác giả so sánh: nếu hò là dân ca lao động thì lý lại là những khúc dùng trong lúc vui chơi, gặp gỡ giữa những đôi trai gái. Lý thường dùng để giải bày tâm sự, diễn tả nỗi niềm, trạng thái tâm hồn thay đổi của mình.

Khác với hò, là những giai điệu còn mang nhiều tính chất tự do, phóng khoáng, thì thể lý là những giai điệu khá hoàn chỉnh, cố định. Mỗi điệu lý thường mang tính chất riêng biệt, khi thì mang vẻ tình tứ, tha thiết, có khi lại buồng thảm não nùng. Cũng có khi nói lên niềm phấn khởi vui tươi, nhưng cũng có thể nói lên khía cạnh tâm tư của con người.

Như đã trình bày ở trên, lý nguyên nghĩa là quê mùa, để đối lại với lối hát cung đình giành cho vua chúa thưởng thức tại Duyệt Thị Đường trong Hoàng Thành. Bài lý lúc đầu chỉ là những câu thơ lục bát (2 câu) và bất cứ câu thơ nào cũng có thể chuyển sang điệu lý cả. Nhan đề của bài lý rút ra một số chữ trong bài ca dao đó.

Lý Con Sáo:

Lý Con Sáo là điệu lý thịnh hành nhất của xứ Huế. Nhiều tác giả nhắc đến lý Con Sáo tại Nam Trung Phần và Nam Phần, nhưng lại xemlà những điệu lý vay mượn từ lý Con Sáo ở Huế, với ít nhiều biến thể cho thích hợp với làn điệu của địa phương.

Bài lý Con Sáo làmột trong những trường hợp điển hình của sự biến thể của từng vùng khác nhau. Biến thể đây được hiểu theo hai nghĩa: - Cách ngắt câu - Cách thêm những tiếng đệm

Nguyên thủy đây là bài ca dao thượng lục hạ bát:

Ai đem con sáo sang sông, Cho nên con sáo sổ lồng bay xa.

Những người dân vùng Thừa Thiên và kinh thành Huế thì hát như sau:

Ai đem con sáo sang sông,Để cho, (để cho) con sáo,(Ơi người ơi), Sổ lồng, (ơi người ơi) Bay xa...

Khi bài lý nầy được đưa vào vùng Quảng Nam (và Quảng Ngãi) thì lại không còn giữ lại cách ngắt câu và những tiếng đệm như giọng hát ở vùng Huế và tỉnh Thừa Thiên nữa:

Ai đem con sáo (tình bạn) sang sông (Ứ ư, ư ư, làm răng?) Để cho, (để cho) con sáo (Ứ ư, ư ư), Để cho (để cho) con sáo sổ lồng bay xa (Ứ ư, ư ư làm răng?) Để cho, (để cho) con sáo sổ lồng bay xa...

Một khi bài lý Con Sáo được đưa vào Nam và chuyển theo thể hát thuần túy của địa phương thì lại được biến thể điệu như sau đây:

Ai đem con sáo, (Ai sông rồi lại) sang sông? (Kià kia, kía kia, kìa kia) Để cho (nọ) con sáo (ơi) (sô) sổ lồng, nó bay...

Những lối thêm những tiếng dặm nầy không theo một quy luật nhất định. Miễn là cho thuận tai và mọi người công nhận, thì tự nhiên sẽ được phổ biến. Đây là nguyên tắc "thuận lời chứ không thuận lý" mà nhiều loại dân ca đã vâng theo.

Những nhà phân tách dân ca thường gặp khó khăn trong phân loại và tiêu chuẩn hoá, để rồi phải rút ra từng kết luận riêng rẻ của từng bài mà thôi... Lý Con sáo có nhiều thể hiệu riêng: lý Hoài Xuân, lý Tình tang, lý Giang Nam, lý Thầy Tu...

Lý Hoài Xuân

Một trong những thể điệu của lý Con sáo là lý Hoài Xuân: Trong nguyên nghĩa lý Hoài Xuân là thơ tưởng nhớ tuổi xuân xanh của những người đã luống tuổi; nhưng trong thể lý của đất Huế, thì bài lý nầy dùng để khuyên học trò:

Ơi trò đi học nhà trường, Phải chăm (phải chăm) mà bước, (Ơi trò ơi), Kẻo đường (Ơi trò ơi) Còn xa...

Dần dà về sau thì những bài thơ lục bát được dùng trong loại lý đã gia tăng nhiều, nhưng vẫn giữ được mức độ cân bằng của Lục bát đơn thuần.

Bài lý Mười Thương (còn gọi tên là lý Tình Tang) chứng minh điều đó:

Một thương tóc bỏ đuôi gà, Hai thương, hai thương, ăn nói, Ô tang, ố tang, tình tang, Mặn mà, duyên, có duyên, Ô tang, ố tang, tình tang, Mặn mà, duyên có duyên... Ba thương...

Cứ như thế trình bày cho hết mười thương.

Lý Tình Tang:

Thể điệu lý Con sáo khác là lý Hoài Xuân. Nếu trong bài lý Con Sáo tại vùng Huế và Thừa Thiên có thêm những câu dặm theo *"Tình, Tình Tang"* thì không còn tên như cũ, mà lại đổi thành là lý Tình Tang. Điều nầy cho thấy rõ là những bài lý đã dung hợp được nhiều thể điệu khác nhau trong ca dao, đồng dao, phong dao Việt Nam và như vậy dễ dàng làm giàu cho câu ca, điệu hát.

Mặt khác, cho ta thấy rõ là ngay trong văn chương bình dân đã ẩn tàng sẵn những âm thanh rồi. Nội dung của bài lý chỉ gồm hai câu đơn giản,cộng thêm những tiếng dặm cho nên chỉ nói lên được một bài tư tưởng, tình cảm đơn thuần. Nếu muốn diễn tả sâu rộng hơn thì lại dùng các thể hát chèo, quan họ, ả đào, trống quân. Thể lý là giai đoạn đầu của những thể nhạc khác trong dân ca.

Lý Giang nam:

Thể điệu thứ ba của lý Con sáo là lý Giang Nam. Đây là một trong những điệu lý ở Huế có cả một hệ thống tiếng đệm lót, đệm nghĩa tiếng đưa hơi láy luyến phong phú.

Nhịp điệu của thể nầy thường khoan thai, chậm rãi, dập dìu. Giai điệu cũng khá uyển chuyển, êm nhẹ, lên bổng, xuống trầm, khá uyển chuyển. Khi đến phần cuối cùng của lý Giang Nam thì thường có những âm giai vang vọng, lời nhạc nói đến niềm chia ly luyến tiếc.

Nhìn chung, lý Giang Nam chứa chan nhiều tình cảm, đam mê, say đắm. Trong phân tách, loại lý nầy gần với những bản ca nhạc Huế cổ điển thuộc điệu nam, hơi ai.

Về cấu trúc âm thanh rất uyển chuyển, làm đảo lộn ngữ âm bình thường, biến những từ không dấu thành có dấu sắc hay dấu huyền.Cứ phân tách một đoạn lý Giang Nam sau đây thì rõ:

Ai đem con sáo - ư ừ ứ,- sàng sang sáng sang sàng sồng, sáo sang sồng, tình bạn sàng sồng- ư ư ừ - tình bạn sàng sồng- ứ ư ừ.- Để cho, để cho, còn sáo,- ừ ư,- sồ sổ sổ sổ sổ sồ lồng, sáo sổ

lồng, tình bạn, xa - ư ừ,- tình bạn bày xa - ư ừ-.

Lý Thầy Tu:

Thể điệu thứ tư của lý Con Sáo là lý Thầy Tu. Loại lý nầy có nhịp điệu chậm vừa, được đệm bằng nhịp mõ. Đây là điệu hát dân gian có mang âm hưởng của điệu tán tụng ở chùa chiền; hơi nhạc gần với các bài bản của nhạc Huế, thuộc điệu "*nam âm thiền*".

Những đoạn hát ngắn, lại được đệm thêm những tiếng lót như "a li", những tiếng đưa hơi như *"ứ ừ ư"* kéo dài ra, tạo một nét buồn sâu sắc:

Ai đem con sáo (tình bạn) sang sông;- a li, sông sang sông,- Nên chi (nên chi) con sáo (ừ hừ ư) - Nên chi (nên chi) con sáo - sổ lồng bay xa (a lai) - xa bay xa...

Lý Giao Duyên:

Lý giao duyên tại Huế được trình bày qua thể điệu như sau đây:

Gặp nhau đây, mới đầu trăng gió, Hỏi một lời: tên, họ là chi? Hỡi nàng, nàng ơi!Hỏi một lời, tên, họ là chi?

Trong trường hợp người con gái muốn đi vào những liên hệ tình cảm (trong đối đáp mà thôi) thì sẽ trả lời tương tự như sau đâu:

Bạch Lai thơ, quê nơi Trung lĩnh, Thung huyên mất rồi, muộn cảnh chồng con..

Thịnh hành nhất là loại lý Giao Duyên hay lý Vọng Phu. Lý giao duyên thường được sáng tác rất sâu sắc và do những nho sĩ hay những tàitử nổi tiếng đặt lời hát.

Lý Giao duyên có nhiều nội dung khác nhau, về tình cảm, về thời tiết,về mây nước. Lý Giao duyên thường hát trong những điệu Ca Thư Phòng. Chẳng hạn như bài lý Giao Duyên Mười hai Tháng sau đây:

Đầu tháng Giêng, mãn thiên xuân sắc,Ai nấy vui mừng, thiếp bắt mặt trông, - Qua tháng Hai, hoa nhà ướm nở, Thiếp trông chàng, vừa trở gió đông. - Qua tháng Ba, trăm hoa cảnh phát, Thiếp trông chàng, bát ngát niềm tây. - Qua tháng Tư, mùi hương phảng phất, Thiếp trông chàng, hạ bất hồng liên. - Qua tháng Năm, ve sầu kêu oán, Thiếp trông chàng, như đại hạn trông mưa, - Tháng Sáu trông già hoè im mát, Thiếp trông chàng: phấn nhạt, hương phai. -Tháng bảy trông: bắc cầu Ô, Thước, Qua Ngân Hà, mới thấy được phu nhân. - Tháng Tám trông, gương trăng tròn vạnh, Thiếp trông chàng, một gánh tương tư. - Tháng Chín trông gương trong đài trùng cửu, Ngày vắng, đêm dài, ly cốc tửu giải khuây. - Tháng Mười: bông hoa lài nở nhụy, Ngắm cảnh thêm buồn, thêm nhớ, thêm thương. Tiết Dương sanh: tùng mai xanh tốt, - Thiếp trông chàng: tháng Mười Một vắng tin. - Tháng Mười hai: xuân lai bất tận, Tháng hết, năm cùng, lận đận theo anh...

Đây là trường hợp đặc biệt của một thể hò, vì chứa nhiều câu, diễn tả nhiều tâm sự, theo diễn biến của thời gian và của tâm trạng của con người.

Thể điệu nầy không còn là hát đối ca của nam nữ, mà lại dùng để trình bày tình cảm biến chuyển của con người. Từ bài hò đơn giản đến bài hò dài, phức tạp, đa dạng, tự sự, quả là một chuyển biến lớn trong các giai điệu nầy.

Lý cửa quyền:

Đây cũng là một loại lý được phổ biến nhất trong vùng Huế, Thừa Thiên. Cửa quyền là nhà cửa của quan lại trong triều đình Huế. Người dân quê chỉ đề cập đến một số nét, gần như là dùng thể hoạt kê để chỉ trích một phần nào những trò chơi ngông, phách lối, kiểu cọ của lớp người nầy:

"*Cửa quyền chạm bốn câu thai. Hai câu thơ phú hay bài ca ngâm*"...

Trong điệu lý Cửa Quyền thịnh hành ở miền Trung, nơi có triều đình Huế đóng đô, đã trở thành như sau:

Cửa quyền chạm bốn câu thai - Hai câu (tình mà) thi phú, (A ớ a, a ớ a) - Hai bài (hai bài) thơ ngâm... - Cửa quyền khắc những bài văn, Khen che (khen che) rất mực - (A ớ a, a ớ a) - Mặn nồng (mặn nồng) với ai.Cửa quyền có những quan sai - Có đoàn (có đoàn) lính lệ (A ớ a, a ớ a) - Ra oai (ra oai) cửa quyền...

Những bài hát như vậy cứ kéo dài mãi, mà mỗi người có thể theo nhận định và phê phán của mình để tấn công Cửa quyền. Có thể đây là tinh thần đối kháng của người dân nghèo khi nhìn vào cửa quyền; nhưng cũng có thể là những lối trào lộng, vui chơi, vô tội vạ.

Những thể nói lý của miền Trung đều xoay chung quanh những đề tài như vậy: đời sống an nhàn, quan lại hống hách, lao động cần cù, tình duyên trai gái, làng trên xã dưới. Nói chung mọi sinh hoạt dân chúng đều có thể thể hiện trong thể lý, vốn nghĩa là tác phẩm của người bình dân.

Lý Tử Vi

Một trong những bài ca lý nổi tiếng ở Huế là bài lý Tử Vi, nhưngnội dung và giọng điệu thì thuộc về loại ca phòng hơn là bài hát ngoài dân gian.

Lý Tử Vi còn gọi là lý Trăm Huê, một trong những điệu lý xứ Huế, đã có những tính chất xa dần tính chát đơn thuần, mộc mạc của dân ca Huế, để tiến sang phạm vi tinh tế cuả ca nhạc Huế.

Nỗi niềm được trang trải rộng, ý thơ mang tính biểu tượng, nỗi xa xa lai láng như trang trãi khắp không gian. Tử Vi là tên một loài hoa do thi hào Bạch Cư Dị đặt tên, sau khi viết khúc Tỳ bà hành.

Thể điệu của bài lý Tử Vi miền Trung như sau

Dầu giải nắng mưa, - Tử Vi dầu giải nắng sương, - Huê cam (tình như) huê quít, Biết thương huê nào? - Anh thương huê mận, huê đào, (Huê mận, huê đào) - Anh đây thương huê mận, huê đào, - Cầu bông (tình như) huê cúc, Biết vào tay ai? - (Ơi tình ơi) thăm thắm chớ phai (Ơi tình ơi) - thăm thắm chớ phai, - Ham bông (tình) huê lài ,- Mà lại thơm lâu, (Ơi tình ơi) chớ phụ huê ngâu, - Chớ phụ huê ngâu, (Ơi tình ơi) - Chớ phụ huê ngâu, - Ham nơi (tình như) phú quý, - Lại hầu mẫu đơn, - Anh tìm em, trăm giận nghìn hờn, - Trăm giận nghìn hờn, - Anh tìm em, trăm giận nghìn hờn, - Ước chừng (tình như) cho đặng, - Xích lại gần đây,- Có thương, xích lại gần đây, - Thời xích lại đây, - Đừng còn (tình như) mơ tưởng - Núi mây cơ nghèo. Trèo lên hòn núi cheo leo, - Hòn núi cheo leo,- Anh trèo lên hòn núi cheo leo, - Cảm thương (tình như) nỗi mẹ,- Lo nghèo phận em , -- Anh tìm em đã khắp núi non.

Dù là điệu lý, nhưng qua bài lý Tử Vi trên đây thì giọng Ngũ Cung Oán Nam được chuyển hệ một cách tài tình, cho nên bài ca được liệt vào một trong ba bài ca hay nhất của vùng đất Thần Kinh thế kỷ thứ XIX cho đến nay vẫn là bài mở đầu cho những tổ chức nhạc ca phòng và cả nhạc cung đình nữa. Miền Nam cũng có những bài lý, nhưng vần điệu thì khác nhau, về cách ngắt câu, tiếng đệm, nhịp điệu, nhất là Ngũ Cung oán được chuyển hệ.

KIÊM THÊM

tiểu luận

THƠ THIỀN, PHẬT NGÔN & THƠ ĐỜI

TÂM NGUYỆN

Thơ hay văn xuôi là phương tiện để giải bày tư tưởng của người viết. Không phải bất cứ Thiền Sư hay bậc Giác Ngộ nào cũng có thể làm Thơ hay Kệ, nhưng người biết làm Thơ hay Kệ thì dùng đó để nói lên suy nghĩ của mình. Người đọc Thơ của các vị Thiền Sư sẽ theo sự hiểu biết của mình để luận giải ý nghĩa của nó, vì có những bài nêu ý nghĩa rõ ràng, đọc qua là hiểu. Nhưng có nhiều bài mà người đọc sẽ theo trình độ của mình mà hiểu. Nhưng dù nói rõ hay không? Cao, hay thấp, thì thắc mắc: Tại sao ta lại có mặt ở trên cõi đời này? Sống để làm gì? Có lẽ là câu hỏi nghìn đời. Thiền Sư HÀN SƠN (691-793) đã viết:

Sinh ra giữa cuộc bụi hồng
Khác nào con kiến rơi trong bát này
Ngày ngày lẩn quẩn loay hoay
Không rời miệng bát nào hay thế nào ?
Thần tiên khuất nẻo trên cao
Dưới đây phiền muộn khổ đau bời bời
Tháng năm như nước chảy trôi
Mới đây tóc đã đến hồi tuyết pha.

Thiền Sư ví cuộc đời như chiếc bát, và con người như là con kiến rơi vào trong đó, cứ loanh quanh, lẩn quẩn, bò tới bò lui, không rời miệng bát với những phiền muộn vây quanh. Thần Tiên thì khuất nẻo trên cao, không mong gì nương nhờ, trong khi tháng năm cứ trôi, chưa hiểu được điều gì đang diễn ra thì cái Già đã tới! Bài thơ dừng ở đó, không giải thích thêm hay cho thấy một lối thoát nào.

Nhưng với Thiền Sư Mẫn Giác thì không phải Hoa nào rồi cũng phải rụng. Ngài cho ta thấy thêm một cái nhìn của người tu Phật: Trong khi bao nhiêu hoa theo Xuân mà nở, rồi tàn lụi khi Xuân đi. Đêm qua trước sân vẫn còn lại 1 cành Mai:

Xuân đi trăm hoa rụng
Xuân đến trăm hoa nở
Trước mắt việc đi mãi

Trên đầu, Già đến rồi
Chớ bảo Xuân tàn hoa rụng hết
Đêm qua sân trước một cành Mai.

Cành Mai còn lại ở sân trước nói đến một sự lội ngược dòng của người tu Phật. Sự tồn tại của cành Mai đó mang ý nghĩa gì, thật ra chưa chắc người sau giải thích đã đúng ý của Thiền Sư Mẫn Giác. Nhưng qua hai bài Thơ, ta thấy, Thiền Sư Hàn Sơn thời điểm viết bài thơ đó chưa nói được điều gì liên quan đến công việc tu hành, mới chỉ đặt câu hỏi về cuộc đời. Thiền Sư Mẫn Giác thì nói rằng không phải tất cả Hoa Mai đều theo Xuân mà nở rồi cũng theo Xuân mà tàn. Có thể đó là cảnh liên quan đến cái Thấy Đạo của Ngài. Nhưng người đọc cũng không biết suy nghĩ gì về những cành Mai vẫn còn nơi sân trước, không biết liên quan gì đến Đạo Phật, chỉ thấy hay hay, thế thôi.

Thiền Sư Tô Đông Pha thì nói về cảm nhận của mình sau khi "đến", hay là "tới", có nghĩa là đạt được mục đích của việc tu hành qua Bài Kệ:

Mù tỏa Lô Sơn, sóng Triết Giang
Khi chưa đến được, hận muôn ngàn.
Đến rồi, nhìn lại, không gì lạ
Mù tỏa Lô Sơn, sóng Triết Giang

Tức là theo Thiền Sư Tô Đông Pha, cái "tới" của Đạo Phật không làm đổi thay gì cảnh sống thường nhật. Cũng là sóng Triết Giang làm mù tỏa Lô Sơn. Ngài cho rằng cái "tới", cái "chứng" đạo làm cho người tu háo hức lúc chưa đạt được. Nhưng khi đạt được rồi thì cũng chẳng có gì lạ, mọi thứ vẫn như trước kia.

Nêu một vài bài Thơ, Kệ chưa hẳn đã là tiêu biểu, mà chỉ để đánh dấu vài chặng đường của một số Thiền Sư, để chúng ta thấy rằng khó thể qua những lời trong đó để có cái thấy, biết về đường hướng tu hành, hay có gì cho chúng ta nghĩ thêm về cuộc đời, để biết cần phải làm gì? Bởi đó chính là kết quả của hành trì, quán sát, tư duy của mỗi vị. Nhưng nếu so sánh với mục đích của Đạo Phật thì ta sẽ thấy: Chính vì cuộc đời có quá nhiều phiền não mà Đạo Phật đã có mặt, nhằm đưa ra hướng giải quyết cho con người. Nên làm gì với kiếp sống? Có lẽ ta sẽ thấy được phần nào qua Ngụ Ngôn được cho là của Phật sau đây:

"Có một người đi qua cánh đồng, gặp 1 con hổ. Anh ta bỏ chạy, con Hổ đuổi theo. Đến một bờ vực, anh ta chụp được 1 sợi dây leo và đu mình lơ lửng trên đó. Bên trên con hổ đang cúi xuống nhìn làm anh ta run sợ cuống cuồng, nhưng nhìn xuống đáy vực thì lại thấy 1 con hổ khác đang nhe răng nhìn lên! Bỗng dưng ở đâu xuất hiện hai con chuột, 1 đen, 1 trắng đang gậm nhắm sợi dây mà anh ta đang níu. Chợt anh nhìn thấy 1 quả dâu chín mọng kề bên. Thế là một tay nắm chặt sợi dây leo, tay kia nhặt quả dâu bỏ vào miệng! Chao ôi, nó mới ngọt làm sao!"

Con hổ đó là thần chết đang rượt đuổi mỗi chúng ta, có chạy đâu cũng không thoát. Bờ vực sâu hoắm, không bị hổ ăn thịt thì rớt xuống cũng chết! Đã vậy còn 1 con nữa bên dưới đang chực chờ. Leo lên không được, mà tuột xuống cũng không xong! Sợi dây leo mỏng manh mà con người đang nắm lấy để giữ cái mạng thì lại bị hai con chuột gậm nhắm. Một đen, một trắng tượng trưng cho ngày và đêm. Làm sao bây giờ? Chút hy vọng nhỏ cũng không có. Trước sau gì cũng chết. Vậy thì có trái dâu ngon lành kề bên sao không thưởng thức nó? Nhưng "thưởng thức" như thế nào? Có lẽ mỗi người sẽ có cách của riêng mình. Đó cũng là một loại đi tìm hạnh phúc cho bản thân mà tự mỗi người sẽ có câu trả lời cho chính mình.

Vào khoảng hơn thập niên gần đây, mọi người vẫn chuyền tay nhau hoặc mang ra viết Thư Pháp để treo, hai câu thơ, ý nghĩa rất nhẹ nhàng, thâm thúy, mà ai đọc cũng thấy thích, được dịch từ thơ của một nhà thơ Li Băng Kahlil Gibran:

Cám ơn đời mỗi sáng mai thức dậy.
Ta có thêm ngày nữa để yêu thương.

Vâng, nếu kiếp sống chỉ để tranh giành, xâu xé nhau thì con người có khác gì với những loài thú

hoang dã, mạnh được, yếu thua! May quá, cuộc đời vẫn còn đó những yêu thương. Dù là ích kỷ, chỉ yêu thương gia đình mình thì cuộc đời cũng bớt đi những hỗn loạn, bởi vài năm gần đây báo chí đưa những thông tin nhức nhối: Cháu giết ông bà. Cha giết con. Vợ giết chồng. Chồng giết vợ. Giận chồng giết con. Con giết cha mẹ. Anh giết em. Bạn bè cũng giết nhau... vì những nguyên nhân không đáng. Chỉ cần một lý do nhỏ xíu đủ để cướp đi sinh mạng của người khác, bất kể đó là cha, mẹ là những người đã sinh ra, nuôi dưỡng mình. Bất kể đó là vợ, chồng, là anh em ruột thịt với nhau, bạn bè từng chia ngọt xẻ bùi với nhau để rồi khi hết cơn nóng giận hay hết hơi men, tỉnh lại thì hối hận cũng đã muộn!

Chừng nào con người mới thật sự yêu thương nhau để xã hội hết hỗn loạn? Đó cũng là trăn trở của những nhà lãnh đạo các tôn giáo. Để con người bớt nghĩ ác, làm ác và biết yêu thương nhau, các vị giáo chủ đã phải đưa ra Thiên Đàng, Niết Bàn, cho những ai sống trong sạch, không vi phạm những gì không thuộc về mình. Dạy cho con người biết Kính Chúa, yêu thương lẫn nhau. Muốn cho con người nhìn nhau như trong đối tượng có hình ảnh của Chúa để tôn trọng nhau, khi hành lễ, các linh mục luôn đọc câu: "Chúa ở cùng anh chị em", Đạo Phật thì nói rằng "Mỗi chúng sinh đều có Phật Tánh", tức là mỗi người đều là những vị "Phật sẽ thành" để khuyên mọi người nên hành hạnh "Thường bất khinh Bồ Tát", vì trước mắt ta đều là những vị Bồ Tát, mai kia sẽ Thành Phật, ngay từ bây giờ nên kính trọng họ.

Nhưng con người dễ đâu chịu nghe. Họ chỉ một mực kính trọng Chúa, Phật mà thôi, bởi vì, với họ, đó là những người ban ân phúc, giúp đỡ cho họ, còn đồng loại thì giống như họ, thì cần gì phải kính nể, yêu thương? Chính vì vậy mà họ khinh thường người khác, có cơ hội là sẵn sàng tranh giành, cướp đoạt, trực tiếp, hay gián tiếp, sẵn sàng bán rẻ lương tâm của mình miễn thu lợi về cho mình càng nhiều càng tốt.

Đọc thông tin trên báo, ta thấy tên tội phạm nào sau khi lãnh án tử hình đều mong được ân xá để có cơ hội "làm lại từ đầu". Nhưng rất hiếm trường hợp được giảm án, vì trước khi tuyên án, Hội Đồng Xét Xử thường xét rất kỹ về nhân thân, về động cơ gây án. Họ chỉ loại ra khỏi xã hội những kẻ xét là vô phương cải tạo. Phần những kẻ tội phạm, phải chi họ có chút suy nghĩ để biết trước rằng không thể nào thoát được lưới của luật pháp hẳn sẽ không dám làm liều. Hơn nữa, nếu trước lúc gây án, họ nhớ lại cha, mẹ, vợ, con để nghĩ là họ sẽ sống ra sao nếu chẳng may mình không thoát? Bản thân họ thì "sát nhân giả tử" đã đành. Cả đời còn lại, người thân họ sẽ phải đối mặt với bản án dư luận rằng con, chồng, cha của họ là tên sát nhân, cướp của! Nếu có chút nghĩ đến và thương họ hẳn cũng phải chùng tay! Rồi những nạn nhân nữa, họ cũng có cha, mẹ, vợ, con. Ta tước đoạt mạng sống của họ thì những người thân của họ sẽ ra sao? Rõ ràng những kẻ gây ác nghiệp không nghĩ đến ai, kể cả bản thân mình! Tại sao không thương chính mình mà phải đợi lãnh án tử, biết không còn cơ hội sống nữa mới biết quý mạng sống, mới nghĩ mà thương cha, mẹ, vợ, con, xin được sống để có cơ hội làm lại từ đầu? Dư luận đều nghĩ rằng nếu không bị sa lưới pháp luật thì liệu những người đó có chịu sám hối chăng? Hay thấy dễ ăn quá nên lại tiếp tục?

Người lương thiện thì ngoài nếp sống hiền lương còn nghĩ đến con đường tu hành. Mọi người đều nghĩ rằng nếu muốn tu hành thì nhất định phải Xuất Gia, phải sống ở trong chùa, phải đầu tròn, áo vuông, phải tụng kinh, niệm Phật, phải bỏ hết việc đời, làm gì cũng phải làm trong "Chánh Niệm". Suy nghĩ việc đời là "Thất Niệm"! Trong khi đó, nếu đọc chính Kinh, ta sẽ thấy, **32 TƯỚNG TỐT CỦA PHẬT chỉ là kết quả của những việc làm hết sức đời thường, hết sức con người, ở tại cõi đời, không phải ở Niết Bàn xa xôi diệu vợi nào.** Xin đơn cử vài TƯỚNG: "*Như Lai đã từng A Tăng kỳ kiếp* ***tu trì Tịnh Giới,*** *cho nên nay được cái thường BÀN CHÂN BẰNG PHẲNG. Nhờ sự* ***cúng dàng cha mẹ, Hòa Thượng, Sư Trưởng và các bậc có đức,*** *cho nên được TƯỚNG NGHÌN XOÁY ỐC DƯỚI BÀN CHÂN.* ***Hễ thấy cha mẹ, Hòa Thượng, Sư trưởng và những bậc có đức thì ra xa đón chào, sửa đặt tòa ngồi, cung kính lễ bái, dẹp bỏ lòng kiêu mạn,*** *nhờ thế mà nay được TƯỚNG NGÓN TAY DÀI VÀ NHỎ.* ***Thường giúp cho người những thứ cần dùng****, nhờ thế mà được TƯỚNG BẢY CHỖ ĐỀU ĐẶN.* ***Tự mình dẹp bỏ tính kiêu mạn, biết điều hòa tính tình, tùy theo sở thích của mọi người. Như pháp tu hành để diệt các điều bất thiện và tăng trưởng các pháp lành.*** *Nhờ thế mà được TƯỚNG NỬA MÌNH TRÊN NHƯ*

MÌNH SƯ TỬ, TƯỚNG CÁNH TAY TRÒN LẦN VÀ TƯỚNG XƯƠNG NGỰC BẰNG PHẲNG, TƯỚNG NGÓN TAY NHỎ VÀ THÂN HÌNH ĐẦY ĐẶN. Nhờ ***không nói lưỡi hai chiều và làm cho những người tranh giành phải hòa thuận*** *mà được TƯỚNG CÓ 40 RĂNG, TƯỚNG RĂNG KHÍT KHÔNG HỞ KẼ, TƯỚNG RĂNG BẰNG NHAU, ĐỀU ĐẶN. Nhờ* ***tu các nghiệp từ bi*** *mà được TƯỚNG RĂNG TRẮNG NHƯ NGÀ.* ***Thấy người thiếu thốn vui vẻ giúp đỡ, đón đưa,*** *nhờ thế mà được TƯỚNG HÀM VUÔNG NHƯ HÀM SƯ TỬ.* ***Chứa góp lòng thương, coi hết thảy chúng sinh như cha mẹ,*** *nhờ nhân duyên ấy mà ĐƯỢC SẮC MẮT XANH BIẾC và TƯỚNG MẮT NHƯ MẮT NGƯU VƯƠNG.* ***Thấy người có đức, thành thật tán thán,*** *do đó mà được TƯỚNG BẠCH HÀO.*

Trích ra một số TƯỚNG trong 32 TƯỚNG TỐT của PHẬT, để ta thấy nhiều người đã tưởng tượng đó là những hảo tướng đâu đâu xa vời, rồi theo đó mà dùng xi măng, đồng, vàng, đá quý, thạch cao, để tạc lấy mà thờ. **Trong khi đó chỉ là những việc làm tốt đẹp cho người khác mà mỗi người cần dựa vào đó để Làm theo, gọi là tạc nơi Thân, Tâm của chính mình, để hoàn thành 32 Tướng Tốt cho Phật của mình.** Người cứ dùng chất liệu trần gian để tạc, chứng tỏ chưa hiểu gì về TƯỚNG TỐT CỦA PHẬT. Như thế càng tạc tượng cho to, dùng chất liệu quý chừng nào càng làm hao tổn tiền bạc của bá tánh, và càng chứng minh là họ chưa học hết lý thuyết của Đạo Phật. Không hiểu lời Phật dạy*: "Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng"!*

Cũng qua 32 TƯỚNG TỐT CỦA PHẬT, ta thấy rõ ràng đó chỉ là phương tiện để Đức Thích Ca hướng dẫn cho con người sống tốt với nhau hơn, và tu hành không nhất thiết phải thuộc cho nhiều Kinh, phải chăm chú Niệm Phật, bởi thật ra GIỚI của Đạo Phật cũng chỉ để ngăn con người không rơi vào ác đạo, và mục đích của Đạo Phật chỉ là để hướng dẫn con người nên SỐNG, VÀ CƯ XỬ ĐÚNG THEO TRÁCH NHIỆM CỦA MÌNH ĐỐI VỚI CUỘC ĐỜI. Giai thoại về Nguyễn Công Trứ có ghi lại: Có một vị Sư, ỷ thuộc nhiều Kinh, đã viết câu đối:

Thuộc ba mươi sáu quyển Kinh, chẳng Phật, thánh, thần, tiên, nhưng khác tục

Nguyễn Công Trứ đối lại:

Hay tám vạn tư mặc kệ, không quân, thần, phụ, tử, đếch ra người .

Qua hai câu đối, ta thấy vị Sư thì cho rằng thuộc mấy chục quyển Kinh thì dù chưa thành thánh, thần, tiên, Phật, nhưng khác với người trần tục. Vị Sư đó cũng không biết rằng việc tu hành không phải do thuộc nhiều Kinh. Lục Tổ Huệ Năng không biết chữ, làm sao đọc, làm sao thuộc Kinh? Vậy mà Ngài được Truyền Y Bát để làm Tổ. Vị Sư cũng quên rằng nếu làm người thì phải cư xử đúng như một con người với Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Trong gia đình thì hiếu thảo với cha, mẹ, ngoài xã hội thì làm tròn trách nhiệm của một người công dân. Nếu không phải như thế thì làm một con người còn chưa xong. Điều này thì Nguyễn Công Trứ đã nói đúng, có điều ông đã dùng lời lẽ quá nặng nề.

Tu Phật, mới nghe tưởng như phải làm những điều lớn lao, cao siêu, xa vời, vì những Bộ Kinh tả cảnh Phật hào quang chói lóa, Tây Phương Cực Lạc với Bảy Báu trang nghiêm, thanh tịnh, Chư Bồ Tát bay lướt mười phương, chỉ cần nghe lời khẩn cầu là cứu độ. Do đó, người chưa biết Nghĩa thật sự của việc tu hành thường vọng ra ngoài, tưởng tượng một Cảnh Phật ở cõi xa xôi, diệu vợi nào. Không ngờ cảnh đó ở tại nơi Tâm của mỗi chúng ta. Những gì mà Đức Thích Ca diễn tả về Cõi Phật chỉ là phương tiện để con người ham thích, vọng về đó mà bớt ôm giữ, tranh giành của cải vật chất trần tục, để cùng được sống yên ổn, an vui trong cuộc đời giả tạm.
Đọc Bài Kệ Vô Tướng của Lục Tổ Huệ Năng ta sẽ thấy: Giới, Thiền Định mà nhiều người giảng tràng giang đại hải tưởng như phàm phu muôn đời không thể hiểu nổi, thì với Ngài lại rất đơn giản:

Lòng bình đẳng đâu cần giữ Giới
Làm việc ngay há đợi Tu Thiền!

Đúng thế. Nếu ta không Sát sinh, không trộm cắp, tà dâm, nói dối, rượu chè be bét thì bản thân

đã tự có GIỚI, cần gì phải Thọ Giới? Cái đó Đạo Phật gọi là GIỚI TỰ NHIÊN. THIỀN ĐỊNH chỉ là tập trung Thân, Tâm để tìm ra những điều cần làm và thực hành, nghĩ rằng sẽ đạt tới những Quả vị, thành Thánh, thành Phật, cuối cùng cũng chỉ để con người ngưng làm ác, biết yêu thương người, vật quanh mình, để tất cả đều được sống trong an vui, hạnh phúc. Nếu ta đã sống ngay ngắn, chân chính là vô tình ta đã đi đúng vào quỹ đạo của đạo Phật, do căn cơ từ kiếp trước, thì cần gì phải NGỒI cho nhiều, cho lâu, hay để thả hồn về cảnh giới cao siêu, huyền hoặc nào? Lục Tổ Huệ Năng có NGỒI THIỀN suất nào đâu mà vẫn Thấy Tánh. Đức Thích Ca cũng chỉ Ngồi có 49 ngày đêm mà được đạo. Nếu ta Ngồi hoài mà không thấy gì. Không biết Ngồi để làm gì? thì có lẽ nên xem lại để khỏi phí thì giờ vô ích. GIỚI, ĐỊNH, HUỆ là gì? Làm sao để có? Với Lục Tổ Huệ Năng thì: "*Tâm địa không quấy, thì Tánh mình GIỚI. Tâm địa không Si, thì Tánh mình HUỆ. Tâm địa không rối, thì Tánh mình ĐỊNH*". Tức là cứ giữ cái Tâm cho ngay thẳng, không làm điều gian ác thì tự mình đã có Giới, đâu cần Tứ oai Nghi. Bởi nếu cái Thân giữ Tứ Oai Nghi mà cái tâm không ngay ngắn thì liệu có ích gì không?

Nếu để qua một bên những hình thức, hay Giáo Chủ của các tôn giáo thì con người chỉ còn lại hai nẻo: THIỆN và ÁC mà thôi. Vì nếu nhìn cho kỹ thì chúng ta thấy, dù giảng nói rất nhiều giáo pháp. Nói cách này, cách khác. Hoặc hứa thưởng THIÊN ĐÀNG, NIẾT BÀN. Hoặc đe dọa ĐỊA NGỤC, nhưng tựu trung chỉ là để thuyết phục con người, để cho con người CẢI ÁC, HÀNH THIỆN. Như vậy, nếu chúng ta đã thuần thiện thì lo gì phải sa Địa Ngục mà Cầu Siêu cho mất công? Ngược lại, nếu cả đời làm ác thì đừng nghĩ rằng mời thầy cao cấp tới tụng khi qua đời mà Chư Phật sẽ rước về Tây Phương Cực Lạc! Nếu chỉ cần Tụng mà siêu thăng thì Nhân Quả của Đạo Phật hóa ra vô ích? Có lẽ suy nghĩ đó chỉ phù hợp với con người thời văn minh chưa phát triển, thời này mọi thứ đều phải hợp lý thì mới chấp nhận được.

Đạo PHẬT nói NHÂN QUẢ để con người biết rằng những việc làm tốt hay xấu của mình, dù không ai biết, nhưng nó sẽ quay trở lại cho chính mình để con người thôi nghĩ ác, làm ác. Nói THƯỜNG CÒN là để chúng ta biết rằng không phải chết là hết, mà chỉ thay đổi hình tướng mà thôi. Những việc làm tốt, xấu, sẽ không mất theo cái Thân để chúng ta đừng gây Nhân Xấu để không những kiếp hiện tại bản thân ta và những người chung quanh được an ổn, kiếp sau nếu có cũng không phải bị đọa. Nói VÔ THƯỜNG để chúng ta biết rằng gia đình sum họp, đầy đủ cha, mẹ, vợ chồng, con cái mà chúng ta hiện đang có, rất mong manh, không phải mọi thứ sẽ tồn tại mãi, mà mai kia, khi Vô Thường đến, chúng ta sẽ không còn bên họ, hoặc chính chúng ta sẽ ra đi. Rất nhiều người thích những câu thơ mang ý nghĩa man mác của Đạo và cả Đời của tác giả Ẩn Sĩ:

Trăm năm trước thì ta chưa gặp
Trăm năm sau biết có gặp lại không ?
Cuộc đời sắc sắc, không không
Thì thôi ta hãy hết lòng với nhau.

Bài thơ nói về cái Duyên hội ngộ trong hiện kiếp cần trân trọng, vì chúng ta thử xét, trong hàng tỷ tỷ hạt bụi trôi vô định trong vũ trụ, nếu không có Duyên thì dễ gì gặp được nhau? Nhất là Cha, mẹ, vợ, chồng, con cái, bạn bè. Bản thân ta cũng là một hạt bụi bé nhỏ, có được người yêu thương, quan tâm chăm sóc thì quý biết bao. Nếu ý thức Vô Thường sẽ đến một ngày nào đó, cướp đi người thân của mình hẳn mọi người sẽ thương mến nhau hơn. Qua đó, cuộc sống sẽ thêm ý nghĩa, để cuộc đời không còn là vực nước mắt, là bể Khổ nữa, vì mọi người cùng nương tựa, chia sẻ khó khăn gian khổ khi còn bên nhau, để mai kia khi phải xa lìa nhau không có gì phải nuối tiếc, vì đã cư xử hết lòng với nhau.

So sánh thơ của các Thiền sư trích dẫn, ta thấy các Ngài chỉ lo nhìn hoa nở, hoa tàn, sóng phủ trên sông, không nêu ra được điều gì liên quan đến việc tu hành. Rõ ràng là chỉ NHÌN RA, trong khi Đạo Phật dạy người tu phải QUAY VÀO, bởi vì thấy VÔ THƯỜNG diễn ra trên cảnh vật làm sao bằng thấy diễn ra ngay chính nơi bản thân mình? Ngụ Ngôn của Phật thì chỉ rõ điều nên làm trong cuộc sống, nên sống thực tế với những gì đang diễn ra trước mắt, bởi cuộc sống lúc nào cũng bị đe dọa bởi cái chết. Cũng chính vì sự đe dọa đó mà chúng ta cần sống an vui trong chuỗi ngày giới hạn của mình.

Qua mấy câu thơ của hai tác giả: Kahlil Gibran và Ẩn Sĩ, ta thấy họ nêu lên được cái thực tế,

đáng trân trọng của cuộc sống. Con người sống để làm gì nếu không biết yêu thương và cư xử hết lòng với nhau? Đó cũng là mục đích mà mọi tôn giáo chân chính đều hướng tới.

Cuộc đời vốn thế, vẫn là mặt trời mọc, lặn, sớm nắng, chiều mưa, hoa tàn, hoa nở, con nước lớn, ròng. Danh lợi, vật chất ngày càng thêm hấp dẫn. Nếu mọi người ý thức được sự công bằng theo luật pháp đời thôi, thì mọi thứ cũng đã tốt đẹp rồi. Trái lại, ai cũng muốn thu về cho mình nhiều thứ tốt đẹp nhất mà ít tốn công sức, chính vì thế mà trần gian thêm rối loạn! Vì vậy, để gỡ bớt những tham muốn bạc, vàng, châu báu của trần gian rồi tranh giành nhau để chiếm đoạt làm cho cuộc đời thêm bất ổn, Đức Thích Ca đã mô tả Tây Phương Cực Lạc được trang hoàng bằng những thứ quý báu nhất, để cho con người bớt bám lấy của cải trần gian rồi theo điều kiện mà Đạo Phật đặt ra để sống cho tốt đẹp mong có ngày được Phật rước về đó.

Thế rồi đối lập với những người xem cảnh đời là thật rồi tranh giành, bóc lột, xâu xé nhau lại sinh ra một số khác cho cuộc đời chẳng có ý nghĩa gì cả, dính líu tới tục lụy là Khổ, nên bỏ hết mọi sinh hoạt của cuộc đời để chỉ tụng Kinh, Niệm Phật chờ Phật rước, thành phí hoài cả kiếp sống. Tất nhiên mỗi người đều có quyền sống theo ý thích, vì tự chịu trách nhiệm lấy cuộc đời của mình. Nhưng sở dĩ họ chọn cách sống như thế là do hiểu lầm ý Kinh, lời Phật. **Thử đối chiếu các Giới và Hạnh mà người tu Phật phải giữ, ta thấy, rốt cuộc đó chỉ là phương tiện để giúp cho người chưa đủ tự chủ ngưng làm ác và sống cuộc sống đạo đức.** Do đó, thật ra không cần tu hành khó khăn, gian khổ, chỉ cần mọi người ý thức cảnh trần là giả tạm để yêu thương, giúp đỡ nhau. Không còn Tham Lam, Sân Hận, Si Mê, ganh tỵ, mà chỉ còn lòng TỪ, BI, HỈ, XẢ, thì trần gian đau khổ sẽ biến thành Niết Bàn, Phật Quốc. Con cái yêu thương cha mẹ. Vợ chồng yêu thương nhau. Hàng xóm, láng giềng hòa thuận. Nước này không tranh chấp với nước kia để gây cảnh máu đổ xương rơi, thì cảnh trần sẽ đẹp biết bao. Đó là Niết Bàn tại thế, còn tìm ở đâu xa vời?

Việc tu hành với nhiều người thật là thiên nan, vạn nan. Phải giữ hàng mấy trăm Giới. Ngay cả đi, đứng, ngồi, nằm cũng bị gò bó. Với Tổ Đạt Ma chỉ đơn giản:

"Bao giờ học Tâm thôi.
Viên thành tướng chân thật
Chợt rõ bỏ ý tu"
(Sáu Cửa Vào Động Thiếu Thất)

Thật vậy, Tâm là chủ của Vạn pháp. Người tu Phật chỉ cần "Điều Tâm" là xong, vì Thiện, Ác, Xấu, Tốt, Ma, Phật, Địa Ngục, Niết Bàn... đều khởi từ đó. Ai biết được điều này gọi là Tu Đốn. Còn nếu không biết, cứ Tướng mà hành, lại hướng ra tìm Phật ngoài, thì ắt nhiều kiếp cũng khó xong.

Tôi tin rằng một ngày không xa, khi Chánh Pháp được phổ biến rộng rãi, mọi người đều hiểu được ý nghĩa thật sự của việc tu hành, quay vào Tâm của mình để mà Tu Sửa, thì không những tất cả mọi người đều được an vui, mà đồng tiền của bá tánh cũng sẽ được sử dụng một cách hợp lý hơn. Đã đành Phật Tử quen xem Chùa chiền như một nơi để hướng về, để nương tựa, để tìm an ổn khi bị dòng đời vùi dập, trong khi chưa đủ sức để Tự Độ, nên Chùa chiền không thể thiếu. Chính vì vậy mà lẽ ra những vị tu hành phải là người đã ý thức rõ mục đích của Đạo Phật, có nhiệm vụ phá mê cho bá tánh, dẫn dắt họ hiểu cho đúng về Đạo Phật, để họ biết rằng Phật không phải là một vị Thần Linh mà ai thành khẩn cầu xin thì sẽ phù hộ độ trì cho, mà Phật là tình trạng Giải Thoát mà bất cứ ai hành trì theo con đường Đức Thích Ca đã chỉ thì cũng sẽ được Giải Thoát giống như Ngài. Rồi thay vì cất Chùa cho hoành tráng chỉ để những Tượng đá, Tượng gỗ ngự, thì cất vừa phải, dành những đồng tiền bá tánh đóng góp để làm học bổng, giúp đỡ những trẻ em nghèo, cho chúng có điều kiện học chữ, học nghề, tương lai lo cho bản thân, không để vì nghèo túng, đói khổ mà "bần cùng sinh đạo tặc". Đó cũng là cách tiếp tay với xã hội "phòng bệnh hơn chữa bệnh", vì giới trẻ chưa đủ suy nghĩ chín chắn, không thể thả nổi mà có thể tự vào đời và trưởng thành theo con đường tốt, cần có thời gian ở trong môi trường giáo dục để được định hướng và rèn luyện nhân cách, đạo đức.

Thêm một sự thật quá đắng lòng không thể không nhắc đến. Đó là hình ảnh Bệnh Viện quá tải. Bệnh nhân từ khắp nơi khăn gói đến ăn chực nằm chờ chữa trị nằm la liệt. Điều kiện ăn, ở, vệ sinh quá thiếu thốn. Nhiều nhóm từ thiện cũng rủ nhau chia sẻ những bữa cơm, những ly nước,

đỡ bớt chút gánh nặng cho họ. Nhưng đã thấm vào đâu, bởi có quá nhiều hoàn cảnh cần giúp đỡ. Phải chi những đại gia tiền bạc thừa thãi, muốn làm phước góp phần xây thêm Bệnh Viện, Xây Cầu, Làm Đường cho dân đi lại mua bán, làm ăn. Cứu giúp những trường hợp quá khó khăn, bệnh mà không tiền chữa trị. Giúp chút vốn cho những người đang trắng tay, muốn vươn lên mà không có phương tiện thì tốt biết mấy. Bồ Tát có nghìn Tay, nghìn Mắt để làm gì, nếu không phải là để Thấy, để cứu giúp bá tánh được nhiều hơn? Thay vì hành Bồ Tát Hạnh, trực tiếp đưa tay "cứu khổ cứu nạn" cho người đang lâm vào hoàn cảnh khó khăn, đang cần sự trợ giúp khẩn cấp để vượt qua, sao các vị lại phải dồn thật nhiều tiền cất Chùa rồi kêu họ vào đó cầu xin Phật? Những người đang bị bức bách kia cũng là những vị "Phật sẽ thành". Giúp họ cũng là giúp cho Phật. Phước báo đâu có mất. Hơn nữa, làm phúc, bố thí mà không tính toán so đo, không đòi hỏi phước báo trả lại, đó là ta đang hành pháp Chân Bố Thí, thật sự thể hiện tâm TỪ, BI, HỈ, XẢ của người tu Phật và đức yêu thương, đùm bọc nhau. "Thương người như thể thương thân" của con người đối với nhau.

Vài năm gần đây, một số trường hợp tự tử vì bế tắc đã làm rúng động xã hội. Họ đã hết cách, cùng đường nên phải chối bỏ cuộc sống. Do xã hội thiếu quan tâm để kịp thời giúp họ, để lại hệ quả đau lòng suốt đời cho người thân của họ. Mong rằng những vị hằng tâm, hằng sản đừng để cho những trường hợp bi thương như vậy xảy ra nữa. Người xưa có câu:

Dẫu xây chín bậc phù đồ.
Không bằng làm phúc cứu cho một người.

Là con của Phật, đang học làm Hạnh Bồ Tát, lẽ ra ta nên "tầm thinh cứu nạn", vì đợi đến lúc họ cùng quẫn mà hành động dạt dột, ta mới nghĩ lại thì đã muộn mất. Gần đây có một đại gia tuyên bố bỏ ra cả ngàn tỷ để giúp những trẻ em bị bệnh tim được giải phẫu. Đó là một tin rất đáng mừng cho xã hội mà con người chỉ biết nghĩ đến bản thân như hiện nay.

Kiếp người tuy nói là ngắn ngủi, nhưng trong 100 năm đó những người yêu thương cuộc đời đã làm biết bao nhiêu việc hữu ích cho xã hội. Nghiên cứu biết bao phương thức để trị bệnh. Cải tiến khoa học kỹ thuật để phục vụ cho cuộc sống. Mọi người đâu cần làm gì lớn lao, chỉ cần tùy theo khả năng của mình mà đóng góp cho xã hội, vừa trả nợ áo cơm, mà cũng là đền Tứ Ân. Nếu ta thật sự biết yêu thương cuộc đời, biết quý trọng giá trị của cuộc sống, lòng không còn câm thù, đố kỵ, mà thanh thản, an vui, hẳn mỗi sáng thức dậy ta lại có thể nghĩ đến 2 câu thơ:

Cảm ơn đời mỗi sáng mai thức dậy.
Ta có thêm ngày nữa để yêu thương .

Đúng thế. Chỉ cần mọi người biết yêu thương nhau thì cuộc đời sẽ tươi đẹp biết bao nhiêu. Trước hết là Gia đình hạnh phúc. Xã hội không còn ai bóc lột ai. Mọi người không tạo Ác Nghiệp, đương nhiên lúc sống được an vui mà khi hết kiếp, bỏ thân xác cũng sẽ về nơi tốt lành, chẳng cần ai Độ cho. Sống không cần Cầu An. Chết cũng không phải Cầu Siêu. Đó cũng là hình thức Tự Tu, Tự Độ theo Nhân Quả của Đạo Phật chân chính.

Cũng tại lớp người đi trước hiểu lầm văn tự, không chịu đọc hết Kinh để thấy những lời giải thích lần lượt trong đó. Vừa mới nghe giảng về Phật đã tưởng Phật là "Thần Linh có thể cứu độ cho Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới" nên sinh lòng ngưỡng mộ, rồi Xuất Gia tu hành để "Cống hiến cuộc đời cho Phật". Khi vào tu rồi thì cứ rập khuôn theo hình tướng, việc làm mà ngày xưa Đức Thích Ca và Chư Tăng đã làm, không tìm hiểu cho kỹ để biết đâu là phương tiện, đâu là cứu cánh, rồi cứ thế, đời nọ truyền, đời kia tiếp nối. Cho nên, cứ nói đến tu hành là mọi người nghĩ ngay đến Ly Gia, Cắt Ái, Đầu tròn, Áo vuông, bỏ hết việc đời. Vì thế, nhiều người cũng muốn tu hành, nhưng vướng bận cha mẹ già, con cái chưa trưởng thành, hẹn lúc về hưu, rảnh rang sẽ đi tu, thì có người lại nhắc nhở: "Nhược đãi lão lai phương Niệm Phật. Cô Phần đa thị thiếu niên nhân". Có nghĩa là đừng đợi già rồi mới tu. Người chết phần nhiều ở tuổi còn trẻ" làm cho họ càng thêm hoang mang.

Nhưng nếu có đọc Pháp Bảo Đàn Kinh, ta thấy Lục Tổ dạy: "*Phật Pháp tại thế gian. Bất ly thế gian giác*" mà ai có nghiên cứu Đạo Phật sẽ thấy: **Tu Phật là để học cách đối phó với cuộc đời,**

không phải để trốn đời, không phải để xa lánh, chối bỏ cuộc đời, vì người tu xong còn phải đền Tứ Ân. Việc tu hành theo Đạo Phật chỉ là để con người tiếp tục sống giữa trần gian đầy phiền não mà không còn bị phiền não nhấn chìm. Không phải để bỏ đời vọng về Cõi Phật nào khác. Kiểm chứng lại ta thấy: Thuyết VÔ THƯỜNG, KHỔ, KHÔNG, VÔ NGÃ nói về cuộc đời là Khổ, là không trường tồn, để chúng ta thấy được sự mong manh của kiếp người. TỨ DIỆU ĐẾ thì 2 Đế trước để nói về những cảnh Khổ mà kiếp người phải chịu đựng. Hai Đế sau là DIỆT ĐẾ và ĐẠO ĐẾ, chỉ CON ĐƯỜNG CẦN THEO ĐỂ ĐƯỢC HẾT KHỔ. Phương Tiện tu hành là GIỚI và BÁT CHÁNH ĐẠO là những gì con người nên tuân thủ, nên thực hiện trong cuộc sống, để THÂN, KHẨU, Ý được thanh tịnh, không bị va chạm, vướng mắc với các Pháp mà thôi.

Hầu hết Phật Tử đều hiểu lầm, tưởng rằng Xuất Gia là đã "Thoát vòng tục lụy". Cho rằng Giữ càng nhiều Giới, Tụng Kinh, Niệm Phật nhiều thời trong ngày, Ngồi Thiền càng lâu thì công đức càng nhiều. Không ngờ ngoài NGỮ còn có NGHĨA mà Phật đã dặn trong TỨ Y là phải Y NGHĨA BẤT Y NGỮ. Có nghĩa là nếu chưa phân biệt được NGHĨA và NGỮ để thực hành cho đúng, thì người tu hành khó thể thành công được. Thật vậy, nếu chỉ LY GIA mà chưa rời NHÀ LỬA TAM GIỚI. CẮT ÁI với cha mẹ, anh em, vợ con, mà không cắt đứt VÔ MINH, THAM ÁI. XA RỜI QUYẾN THUỘC, mà chưa rời 3 Nghiệp của Thân và 4 Nghiệp của Khẩu. thì những việc làm trên hình thức đó chẳng có giá trị gì đối với công việc tu hành. Giữ TƯỚNG GIỚI không có giá trị bằng TÂM GIỚI. Vì hình tướng thì ngay ngắn, mà cái TÂM còn buông lung thì làm sao thanh tịnh? Ngay cả HÌNH TƯỚNG của người tu không phải dừng ở Đầu Tròn, Áo Vuông, mà để nói lên những gì mà họ cần thực hiện trong cuộc đời tu hành. ĐẦU TRÒN, ÁO VUÔNG, tượng trưng cho những suy nghĩ, những gì được chứa đựng trong đầu không nên góc cạnh, mà tròn trịa, trơn tru. Những gì được thể hiện nơi Thân, cũng phải ngay ngắn, để đối pháp, đối nhân không bị va chạm, không làm thương tổn người khác. CẠO TÓC tượng trưng cho sự CẠO SẠCH PHIỀN NÃO, không để nó đeo đẳng, vướng víu trong đầu. THÂN ĐẮP Y HOẠI SẮC tượng trưng cho sự THOÁT PHÁP. SẮC là nói về những Pháp mà mọi người vẫn phải đối mặt hàng ngày: Đó là Tham, Sân, Si, Thương, Ghét, Giận hờn, Đố kỵ... Cần phải HOẠI nó, loại nó ra khỏi suy nghĩ, hành vi của ta. Do đó, không phải là chỉ cần nhuộm màu vàng cho áo, cạo cho sạch tóc. Đi, đứng, ngồi, nằm cho trang nghiêm. Giữ thật là nhiều Giới là xong!

Mọi người đều đã rõ việc tu hành cần thực hiện bằng hành động Xả những thói xấu, chẳng phải chỉ do hình tướng hay thức ăn. Cho nên có câu:

Tham, Sân, Thương, Ghét.. không chừa
Bo bo mà giữ tương dưa ích gì.

Người tu có thành tựu được hay không là do những việc làm gọi là Hạnh. Cũng giống như một người chạm, hay nặn tượng. Có thành hình, có giống như mẫu hay không là do tay nghề, do hiểu rõ cách thức, do công phu thực hiện, không phải do sắc phục, hay nơi chốn làm việc. Vì vậy, nếu chúng ta không muốn phí phạm thời gian thì nên xét kỹ để thực hành cho đúng theo lời Phật, Tổ dặn dò.

Phải nói rằng con người rất là may mắn. Vừa sinh ra đã được đặt vào trái đất là một hành tinh màu mỡ với bao nhiêu kỳ hoa, dị thảo. Cây lành, trái ngọt sum suê. Biển rộng mênh mông. Sông dài uốn lượn. Núi non chập chùng. Thảo nguyên bao la với rất nhiều phong cảnh được thiên nhiên khắc họa tuyệt vời. Xuân, Hạ, Thu, Đông Bốn Mùa đủ các loài hoa khoe sắc. Chỉ cần con người đừng tranh giành, bắn giết nhau, đừng tàn phá thiên nhiên mà chung tay giữ gìn, vun bồi để cùng nhau thưởng ngoạn thì trần gian sẽ trở thành Địa Đàng. Chúng ta đừng quên rằng kiếp sống không dài, dù có sức mạnh để lấn át người khác mà tranh giành được thứ gì quý giá thì cuối cùng cũng phải bỏ lại mà thôi. Nếu lời cảnh báo của các Tôn Giáo không đáng cho chúng ta quan tâm, thì lịch sử đã chứng minh: Bao nhiêu bạo chúa, bao nhiêu nhà độc tài, bao nhiêu kẻ sống ích kỷ rồi cũng chẳng đem theo được gì. Vì thế, những lúc còn bên nhau thì hãy yêu thương nhau, yêu thương cuộc đời, góp tay làm những việc thiết thực cho cuộc đời, để mai kia khi ra đi không có gì phải hối tiếc.

Năm 2012, Richard Teo một Bs Thẩm Mỹ người Singapore rất thành đạt, giàu có, phát hiện mình bị ung thư Phổi giai đoạn cuối và đã qua đời ở tuổi mới 40! Trước khi mất vài tháng, ông đã đến

nói chuyện với Nhóm SV Nha Khoa để chia sẻ những ý nghĩ về đời sống. Trước kia ông cho rằng vật chất đầy đủ là hạnh phúc. Ông đã phấn đấu và đạt được mọi thứ, sẵn sàng chối bỏ lương tâm của một Bs, chuyển sang học ngành Thẩm Mỹ để có thật nhiều tiền, và ông đã thành công trong một thời gian ngắn. Đến lúc biết mình sắp chết ông mới nhận ra là chưa biết cách sống, và thấy rằng mình đã học được bài học, là "*Nên tin tưởng Đấng Tạo Hóa trong tâm và biết yêu thương người khác thay vì chỉ yêu bản thân*". Theo tôi, đó cũng là một thông điệp đáng cho chúng ta suy gẫm.

Tháng 7 vừa qua, liên tiếp những tai nạn máy bay, cướp đi sinh mạng của hàng loạt người khiến thế giới bàng hoàng, thấy rõ cái chết không hẹn trước với bất cứ ai. Cuối tháng lại thêm Toàn Shinoda, một Vlogger rất nổi tiếng trên mạng. Là người tốt nghiệp từ Mỹ, nhưng chọn quay về VN để làm việc. Em cũng là người đầu tiên mang Vlog du nhập vào VN, truyền tải những nội dung nóng hổi của giới trẻ dưới góc nhìn hài hước, nhưng sâu sắc, đã ra đi ở tuổi 27, mang theo bao nhiêu hoài bão, làm dậy sóng cộng đồng mạng trẻ, làm cho họ ngỡ ngàng, tiếc nuối. Hàng triệu người trẻ đánh giá rằng dù Toàn ra đi rất sớm, nhưng đã "cháy" hết mình cho cuộc sống, và cho rằng có lẽ qua đó họ cũng sẽ bắt đầu nhìn lại cuộc sống của chính mình.

Dù cuối đường ai cũng biết là cái chết đang đợi, nhưng mải chạy theo những ham muốn, những nhu cầu của cuộc sống, ít ai nghĩ tới ngày đó. Đợi đến lúc sắp chết mới hay rằng mình chưa kịp sống! Tôi nghĩ rằng đó không phải chỉ là tâm trạng của Bs Teo mà còn là của rất nhiều người. Vấn đề không phải là chúng ta sống thọ hay không, mà là đóng góp được gì cho xã hội, cho cuộc đời trong thời gian tồn tại. Mỗi người hoàn toàn có quyền hưởng thụ cuộc sống theo cách của mình miễn không vi phạm đạo đức. Có gia đình thì có cái hạnh phúc của lứa đôi, có người chia vui, sẻ buồn. Vợ chồng cùng giáo dục, nhìn con cái trưởng thành, thành công trong cuộc sống. Độc thân thì ít trách nhiệm hơn. Người tu Phật cũng không cần phải nhịn ăn, nhịn mặc, không được dính tới vật chất của trần gian. Nếu ý thức rõ ràng về NHÂN QUẢ, ta sẽ thấy, nếu muốn nhà lầu, xe hơi, phương tiện tối tân thì Đạo Phật cũng đâu có cấm, miễn là những thứ đó được trao đổi một cách công bằng, không do vi phạm pháp luật, đạo đức, bóc lột, hay lợi dụng người khác.

Giữa hai thái cực: Cưng chiều cái Thân, đáp ứng cho nó mọi yêu cầu, bất chấp đạo lý, nhân cách, và hành hạ nó, bắt nó ăn đói, mặc rách, thức khuya dậy sớm đều không cần thiết, bởi thật ra mọi lỗi lầm không phải do nó. Thủ phạm chính là cái VỌNG TÂM. Cái Thân là đống tứ đại kết hợp, chỉ là tay sai mà thôi. Khi chưa tu hành thì nó lôi con người vào đường xấu. Gây tội, tạo Nghiệp. Nhưng lúc ý thức được việc tu hành thì chính nó lại là ân nhân, đưa người tu đến Giải Thoát. Vì nhờ có Mắt mà ta mới đọc được lời Phật, Tổ. Nhờ có Tai ta mới nghe được những lời thuyết giảng. Nhờ có cái Thân này ta mới thực hành được những pháp lành. Giúp đỡ được cho người khác. Bộ phận chỉ huy chính là CÁI TÂM. Do đó con đường Tu Phật theo ĐỐN GIÁO là CHUYỂN HÓA CÁI TÂM, hay là ĐIỀU TÂM, không phải ĐIỀU THÂN.

Việc tu Phật dù bàn rộng ra thì đến Thiên Kinh Vạn Quyển, nhưng **tóm lại, chỉ cần khống chế 6 tên giặc: MẮT, TAI, MŨI, LƯỠI, THÂN, Ý, không cho nó đưa các pháp vào làm náo loạn cái Tâm của mình và làm ảnh hưởng đến người chung quanh để tất cả đều được an vui.** Nhưng không phải nhắm mắt, bịt tai, không nếm, ngửi, va chạm, hay Diệt hết mọi tư tưởng, mà chủ yếu là thanh lọc Cái Tâm, vì đó là nơi tiếp nhận và phản ứng với Các Pháp... Chuyển hóa nó, tẩy đi các chất độc là Tham, Sân, Si, Thương, Ghét, để khi đối pháp không còn Khởi những thứ đó nữa thì những cuộc sống của mọi người sẽ nhẹ nhàng hơn, vì chúng ta thấy, đa phần bạo lực đều khởi đầu do Sân Si mà ra.

Việc tu hành là chủ yếu ở nơi Tâm, nên không cần phải rườm rà hình tướng, cũng không cần phải cách ly với người đời. Mọi người vẫn vừa có thể tiếp tục công việc bình thường, vừa học hỏi và thực hành ngay tại cuộc sống thường nhật. Vì thế, bất cứ ở đâu, ăn mặc như thế nào, làm nghề gì thì cũng có thể tu được. Nhưng khó hơn cả là Tu Tại Gia. Ông bà ta có câu: "*Thứ nhất là tu Tại Gia. Thứ nhì tại Chợ. Thứ ba tại Chùa*" có thể hiểu như sau: Tại Gia thì khó tu hơn cả, vì quanh mình lúc nào cũng có người. Trên là cha, mẹ. Kề bên là vợ con. Quanh nhà là hàng xóm. Vô sở làm thì cấp trên, bạn cùng sở. Nếu không tốt nhịn tránh sao khỏi va chạm? Lại phải gánh vác cho cả gia đình, với cơm, áo, gạo, tiền và trăm thứ khác. Vật giá thì cứ leo thang. Đồng lương thì giới hạn... đối phó cũng đủ điên cái đầu. Ở Chùa thì tách biệt với thế nhân. Đã có tường rào che chắn. Quanh mình chỉ là những người cũng tu hành như mình, cùng giữ Giới, nên cũng bớt Sân Si, tranh chấp ngôi thứ. Hơn nữa, mọi thứ, từ cái ăn, cái mặc và tất cả chi phí đã có người cung cấp, không phải làm lụng vất vả để kiếm ăn. Cả ngày chỉ Tụng Kinh, Niệm Phật, lại không

tham gia việc đời, đâu phải va chạm thì có gì mà phiền não!

Nhưng Tu tại gia có cái lợi là vừa có thể làm tròn trách nhiệm của một người con, một người làm cha, mẹ, một người công dân của xã hội, vừa trực tiếp đóng góp công, sức mình để trả nợ Tứ Ân. Như thế, dù có tu hành không xong thì cũng không mang nợ bá tánh, bởi ai cũng biết: "Ông tu, ông đắc. bà tu, bà đắc". Người tu dù có thành công thì cũng chính mình hưởng thành quả mà thôi, không thể san sẻ hay cứu độ cho ai khác. Nhiều lắm là chỉ hướng dẫn lại mà thôi.

Người không đọc Kinh, chỉ nghe người khác nói rồi tin thì sẽ bị thiệt thòi, vì có đọc Kinh mới thấy Đức Thích Ca đã dùng rất nhiều Phương tiện: Tả bao nhiêu Nước Phật huy hoàng, tráng lệ. Bao nhiêu vị Phật, Bồ Tát hiển linh. Bao nhiêu Quả Vị. Bắt người tu phải giữ bao nhiêu Giới. Hành bao nhiêu Hạnh... tưởng chừng thực hiện xong sẽ trở thành Phật hay thánh nhân, ngồi trên Tòa Sen để "cứu nhân độ thế" làm cho nhiều người hiểu lầm văn tự mơ màng, ảo tưởng... không ngờ kết quả chỉ là "SỐNG AN, CHẾT LÀNH. CÓ TÁI SINH CŨNG VỀ NƠI TỐT ĐẸP". Đó là mục đích của Đạo Phật được ghi rõ trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Người Tu Phật chỉ làm công việc SỬA CÁI TÂM CỦA MÌNH, loại trừ THAM, SÂN, SI, THƯƠNG, GHÉT, thì lúc nào, hoàn cảnh nào mà chẳng làm được, đợi gì phải rảnh rang, nhẹ gánh áo cơm? Ngược lại, càng vào Đạo sớm ngày nào là được lợi lạc ngày đó. Chính sự hiểu lầm từ bao thời, cho rằng nếu muốn tu hành thì phải đầy đủ hình tướng đã cản trở biết bao nhiêu người muốn phát tâm, làm cho Đạo Phật không đại chúng hóa được mà chỉ dành riêng cho một số người đủ điều kiện Xuất gia mà thôi. Xét kỹ con đường tu hành, dù là Xuất Gia hay tại gia, chúng ta thấy mục đích cuối cùng vẫn là đạt được: "Tứ Đại Giai Không" hay "Lục Căn thanh tịnh". Những thứ này do Chuyển Hóa cái Tâm mà có kết quả. Hình tướng, nơi chốn, hoàn toàn không đóng góp hay quyết định gì cho việc thành tựu đó cả.

Có người sẽ không đồng ý, cho rằng nếu tu theo Đạo Phật mà chỉ cần làm có bao nhiêu việc thì quá tầm thường, bởi rõ ràng Kinh viết nào là Chư Phật, Chư Bồ Tát, Tứ Quả Thánh. Tây Phương Cực Lạc, Đông Phương Tịnh Quốc... Rồi thì Phật "cứu độ Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới" là thế nào? Chẳng lẽ những điều đó không có thật? Và tu hành nếu cuối cùng chẳng có Chứng Đắc gì cả thì chịu đựng bao gian khổ để làm gì?

Điều này có lẽ phải hỏi lại người chất vấn. Chẳng lẽ chúng ta quên Đạo Phật được gọi là ĐẠO ĐỘ KHỔ hay là Đạo NHÂN QUẢ? Tự con người thấy Khổ, Phát Tâm vô Đạo để trốn, được một thời gian lại đòi làm Phật, làm Thánh, Đòi quả này quả nọ!? Như vậy Đức Thích Ca hay chính chúng ta tiền hậu bất nhất? Thấy vậy ta mới thương Đức Thích Ca. Vì thương con người, muốn cho họ hết Khổ mà Ngài đã phải bày ra vô số phương tiện, rồi còn phải biện minh trong Phẩm Anh Nhi Hạnh, Kinh Đại Bát Niết Bàn: "*Lại như Anh Nhi lúc kêu khóc, cha mẹ liền lấy lá dương vàng mà bảo rằng : Nín đi đừng khóc. Vàng đây ta cho con. Anh Nhi thấy là dương vàng tưởng là vàng thật bèn thôi không khóc nữa.* ***Nhưng đây là lá dương, chẳng phải vàng thật. Cũng vậy, trâu gỗ, ngựa gỗ, người gỗ, Anh nhi cũng tưởng là trâu, ngựa, người thật liền chẳng khóc nữa".*** Lá Dương Vàng, Trâu gỗ, ngựa gỗ.. là các Nước Phật, Quả vị... là Phương Tiện mà Đức Thích Ca dùng để dỗ con nít nín khóc. Con người nhờ đó mà Hết Khổ. Như vậy chẳng phải Đức Thích Ca đã đạt được mục đích hay sao?

Phải nhìn nhận rằng Đức Thích Ca không chỉ là một nhà truyền giáo mà còn là một nhà Tâm Lý Học siêu đẳng. Biết con người vì đam mê vàng, bạc, kim cương, ngọc ngà châu báu là những món quý của trần gian, rồi tranh giành, lừa dối nhau, thậm chí là giết nhau để chiếm đoạt, tạo Ác Nghiệp, trong tương lai gần hay xa phải trả. Nhưng nếu nói chuyện Trả Nghiệp thì xem ra quá xa vời, con người có thấy đâu mà sợ. Cho nên Ngài dùng đúng Bảy món Báu, mà rất rất nhiều, ở một nơi khác, để cho con người tạm buông bỏ những thứ nhỏ nhặt đang tranh giành, hy vọng sẽ có được nhiều vô số kể, rồi làm theo những gì Ngài hướng dẫn để được rước về đó. Nhờ vậy mà tạm được yên ổn. Con người vốn ham địa vị, nếu biết tu hành rồi chẳng có được chức vụ nào trong Đạo thì tu làm gì? Vì thế, Tứ Quả Thánh được đưa ra để dụ họ, trong Kinh Diệu Pháp Liên Hoa gọi đó là Hóa Thành Dụ, tức là một chỗ tạm nghỉ ngơi cho người đi đường xa. Nhưng không phải là hành trì gian khổ cuối cùng là chẳng được gì hết. Cái người tu đạt được gọi là VIÊN NHƯ Ý BỬU CHÂU. Có nghĩa là mọi thứ đều được hài lòng, do không còn đòi hỏi, tìm cầu. Đó là cái Hạnh Phúc, cái An Lạc chẳng phải là thứ mà tất cả mọi người, nghèo cũng như giàu, sang cũng như hèn đều mong có đó sao?

Nhìn lại cuộc đời tu hành của Đức Thích Ca, ta thấy từ lúc Đắc Đạo cho đến đi giảng suốt 49 năm, Ngài không hề thi triển thần thông, không hề cứu độ một ai. Thậm chí cuối đời còn chết vì "ngộ độc thực phẩm" do Thuần Đà cúng dường! Chẳng lẽ lúc sống chỉ là con người bình thường,

sau khi chết lại hiển linh? Tất cả "*Chư Phật, Bồ Tát, cứu độ Chúng Sinh trong Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới*", là nói về những tư tưởng tốt, xấu, lúc nào cũng lăng xăng khởi, diệt trong Cõi Tâm của mỗi người. Trong đó có những tư tưởng thánh thiện, giả gọi là Phật, Bồ Tát, và những tư tưởng xấu, ác, si mê được gọi là Chúng Sinh. Nói Tam Thiên Đại thiên hay Ba Cõi vì có 3 xu hướng: Tham, Sân và Si, lúc nào cũng "trùng trùng duyên khởi". Mỗi người phải tự mình độ những "Chúng Sinh" đó cho chính mình, nên Đạo Phật gọi là Đạo TỰ ĐỘ. Nếu Phật Thích Ca Độ được mọi người thì Ngài còn đặt ra Giáo Pháp để hướng dẫn chúng ta làm gì. Cứ dạy cầu xin là đủ, và cũng không cần đề cập đến NHÂN QUẢ nữa! Với người ngóng chờ về Tây Phương, Đông Phương thì Lục Tổ Huệ Năng dạy: "*Ly thế mịch Bồ Đề. Cáp như cầm thố giác*" Có nghĩa là việc tu hành thành tựu hay không, cũng ở tại trần gian. Không thể tìm giải thoát ngoài thế gian. Rời thế gian, tưởng tượng cảnh giới nào đó để tìm Bồ Đề thì cũng giống như tìm sừng thỏ. Hơn nữa, cảnh trần dù giả tạm, nhưng cũng kéo dài cả 100 năm, chúng ta hoàn toàn có quyền mơ màng chuyện bên kia thế giới, nhưng tại sao không chung tay cùng mọi người xây dựng hiện tại cho nó thêm tốt đẹp, vì có vô Chùa đi nữa vẫn phải dùng áo, cơm và mọi phương tiện sinh hoạt của đời? Nếu có xét kỹ Nhân Quả hẳn mọi người không dám khinh xuất. Có lẽ vì lý do đó mà ta thấy MÃ TỔ ngày xưa dù cai quản cả một Thiền Viện, nhưng đã "Nhất nhật bất tác. Nhất nhật bất thực".

Qua tham khảo khá nhiều Bộ Kinh lớn, tôi rút ra kết luận rằng Đạo Phật chân chính là một con đường giúp cho con người giải quyết cuộc sống một cách hết sức là thực tế. Người tu Phật không làm cho cuộc đời thay đổi, nhưng tự thay đổi cái nhìn của mình đối với cuộc đời. Nếu trước khi tu học mọi người thấy cuộc đời là Thật, lúc nào cũng chiều theo những gì do Lục Căn mang vào làm cho cái Tâm luôn bất an. Rồi khi thấy bất lực với cuộc đời thì mong chờ sự cứu độ của Thần Linh, dù không biết rằng các vị có hay không. Từ khi biết đến Đạo Phật, người tu sẽ học được sự Tự Chủ, Tự Tin, tự tạo Nhân lành và biết rằng Quả Thiện sẽ đến mà không cần cầu xin ai. Ngay cả khi lỡ phạm tội ác tày trời thì cũng chẳng cần phải Sám Hối với Phật nào, chỉ cần tự Sám và không tái phạm, vì biết đó là tự ta có lỗi với chính mình, bôi bẩn Phật của chính mình, không ảnh hưởng tới Phật nào khác. Và cũng chính ta là người phải trả Nghiệp, không có Phật nào trả giùm hay có quyền tha thứ cho ta được.

Không xin bớt. Không nài thêm. Gặp điều xấu thì biết đó là Quả đã gieo từ trước, không phải tự nhiên mà đến với mình, nên không oán trách. Không vi phạm những gì không thuộc về mình. Tự mình sắp xếp cuộc sống, không nương tựa, cầu xin... tất cả nhờ Quán Sát, Tư Duy, chiêm nghiệm, thực hành. Qua đó sẽ thấy cuộc đời không bền, không thật, chỉ là giấc mơ trăm năm nên con người sẽ rộng lượng hơn, bao dung hơn, yêu thương cuộc đời hơn, và đóng góp trong sức mình để xứng đáng một kiếp sống, bởi ý thức có được thân người không dễ dàng. Biết cuộc đời là Vô Thường. Duyên cha mẹ, vợ chồng, con cái, bạn bè cũng khó khăn lắm mới có thể gặp nhau, và chỉ được gần bên nhau kiếp này mà thôi. Một lần chia tay sẽ là mãi mãi, vì thế nên trân trọng thời gian bên nhau và yêu quý nhau, để kiếp sống được an vui gọi là Hữu Dư Y Niết Bàn. Đó là những gì mà Đức Thích Ca đã bỏ một đời để rao giảng và 33 vị Tổ nối truyền còn ghi lại trong Kinh Sách.

Phải chăng khi người đời không còn đối đầu, thù nghịch, tranh giành với nhau, mà chỉ còn tình yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau thì tất cả sẽ được sống an lành, hạnh phúc cho đến hết kiếp trên hành tinh xanh này. Đó không chỉ là mục đích của Đạo Phật, mà cũng là mục tiêu của tất cả các Tôn Giáo chân chính, và những con người văn minh, tiến bộ vậy.

Tháng 7/2014

TÂM NGUYÊN

MỤC LỤC

. nắng qua miền ký ức – truyện ngắn – lý thị minh châu – trang 07.
. đêm nghe tiếng thở dài – truyện ngắn - hồ thủy – trang 09 .
. phiêu du – thơ – đàm lan – trang 15.
. đôi mắt một người nào – truyện ngắn – từ kế tường – trang 16.
. sợi tóc – truyện ngắn – qúy thể – trang 24 .
. về đâu mùa hè – truyện ngắn – nguyễn thị mây – trang 31 .
. gửi về cho em hồi chuông – thơ – kiêm thêm – trang 33.
. chuyện tình thời mở cửa – truyện ngắn – trần trương – trang 34.
. đi về phía không anh – truyện ngắn – lý thu thảo – trang 39.
. nhà điêu khắc và người mẫu thỏ trắng – truyện ngắn – mang viên long – trang 41.
. phía cuối con đường – thơ – trần nhuận minh – trang 48.
. nước mắt đỏ – truyện ngắn – phạm hồng thắm – trang 49.
. bến sông quê – thơ – huy uyên – trang 51.
. xa rồi nỗi ám ảnh cuộc đời – truyện ngắn – trần minh nguyệt – trang 52 .
. khoảng đời câm lặng – truyện ngắn – dương phương toại – trang 54.
. tiếng đằng hắng trong đêm – truyện ngắn – hoàng thị như huy – trang 61.
. thay những lời muốn nói – tản bút – hoàng thị đàlạt – trang 63.
. nhà thơ vườn – truyện ngắn – trịnh tuyên – trang 64.
. hoa tình nở đẹp giữa gian nan – hồi ký – lã thị hiền – trang 67.
. cung đàn năm xưa – thơ – hồng vinh – trang 72.

. chợt đã thu tràn năm cửa ô – tản bút – hoàng gia cương – trang 73.
. tình làng xóm – truyện ngắn – nguyễn thăng – trang 76.
. thư gửi anh – tản bút – diệp phương chi – trang 81.
. trăng muộn – thơ – huy định – trang 83.
. sản phẩm của một thời – truyện ngắn – giang trung học – trang 84.
. chiếc đầu lâu trên thạch động – truyện ngắn – trương thanh hùng – trang 88.
. tiếng kêu của chim bù câu – truyện ngắn – hồ chí bửu – trang 90.
. hạt cát sông hương – thơ – tô mặc giang – trang 93.
. đà lạt mùa vắng dã qùy – tản mạn – nguyễn thị hậu - trang 94.
. thu xưa ngày ấy xa rồi – hồi ký – hoàng vũ đông sơn – trang 96.
. người mẹ cô đơn – truyện ngắn – phan – trang 103.
. thơ lê văn trung – thơ – lên văn trung – trang 108.
. chợ chết – truyện ngắn – nguyễn ngọc tuyết – trang 109.
. lãng đãng tại phi trường đài bắc – tản bút – từ vũ – trang 113.
. như nỗi ngậm ngùi – thơ – vương hoài uyên – trang 117.
. trâu vàng hồ tây – truyện ngắn – mai thục – trang 118.
. tĩnh vật – truyện ngắn – khải nguyên – trang 122.
. đám mây nhỏ – truyện chuyển ngữ – vũ mai trang – trang 134.
. đổi mùa – thơ – trần vấn lệ – trang 142.
. tản mạn về bàn thành tứ hữu – hồi ký – lâm bích thủy – trang 143.
. dấu lặng của mùa thu – thơ – đào bích phượng – trang 147.
. tiêu sơn tự – biên khảo – nguyễn khôi – trang 148.
. hà nội nhìn thấy qua hồi ký vũ ngọc phan – tiểu luận – phan văn thạnh – trang 150.
. yến lan với bến mỹ lăng huyền thoại – tiểu luận – huyền viêm – trang 153.
. đôi điều về định danh "nhóm đền tháp pô sha niu" – tìm hiểu – ngô đình miên – trang 160.
. ngũ bách lan viên – tiểu luận – bùi đẹp – trang 163.
. vịnh hạ long – rạng danh dòng giống tiên rồng – tiểu luận – phạm vũ – trang 167.
. bản tính tự nhiên về triết học phân tích – tiểu luận – võ công liêm – trang 173.
. bàng bá lân – đoàn văn cừ – anh thơ – tiểu luận – kiều văn – trang 177.
. hiện tượng văn họv franz kapka – tiểu luận – lương văn hồng – trang 181.
. đôi dòng lịch sử vũ điệu tango – tìm hiểu – từ vũ – trang 183.
. những thể điệu dân ca xứ huế – tiểu luận – kiêm thêm – trang 188.
. thơ thiền , phật ngôn và thơ đời – tiểu luận – tâm nguyện – trang 198.
. mục lục – trang 210.

VIỆT VĂN MỚI

số 17

nguyệt san văn học nghệ thuật

phát hành ngày 15 tháng 11 năm 2014

tủ sách việt văn mới newvietart xuất bản

biên tập : từ vũ & nguyễn thị dị

trình bày : emily carlier

bìa : chân dung thiếu nữ tranh của hoạ sĩ hồ hữu thủ

trong chủ trương bảo vệ – cũng cố và phát triển văn hoá truyền thống việt nam tuyển tập việt văn mới được phổ biến miễn phí – người đọc có thể ghi thu về máy vi tính hoặc ebook cá nhân của mình hay tự in ấn để lưu trữ .

. tuyệt đối không được phổ biến với tính cách thương mại.

việt văn mới

. văn học . nghệ thuật .

VIỆT VĂN MỚI

SỐ 17

15 tháng 11 năm 2014

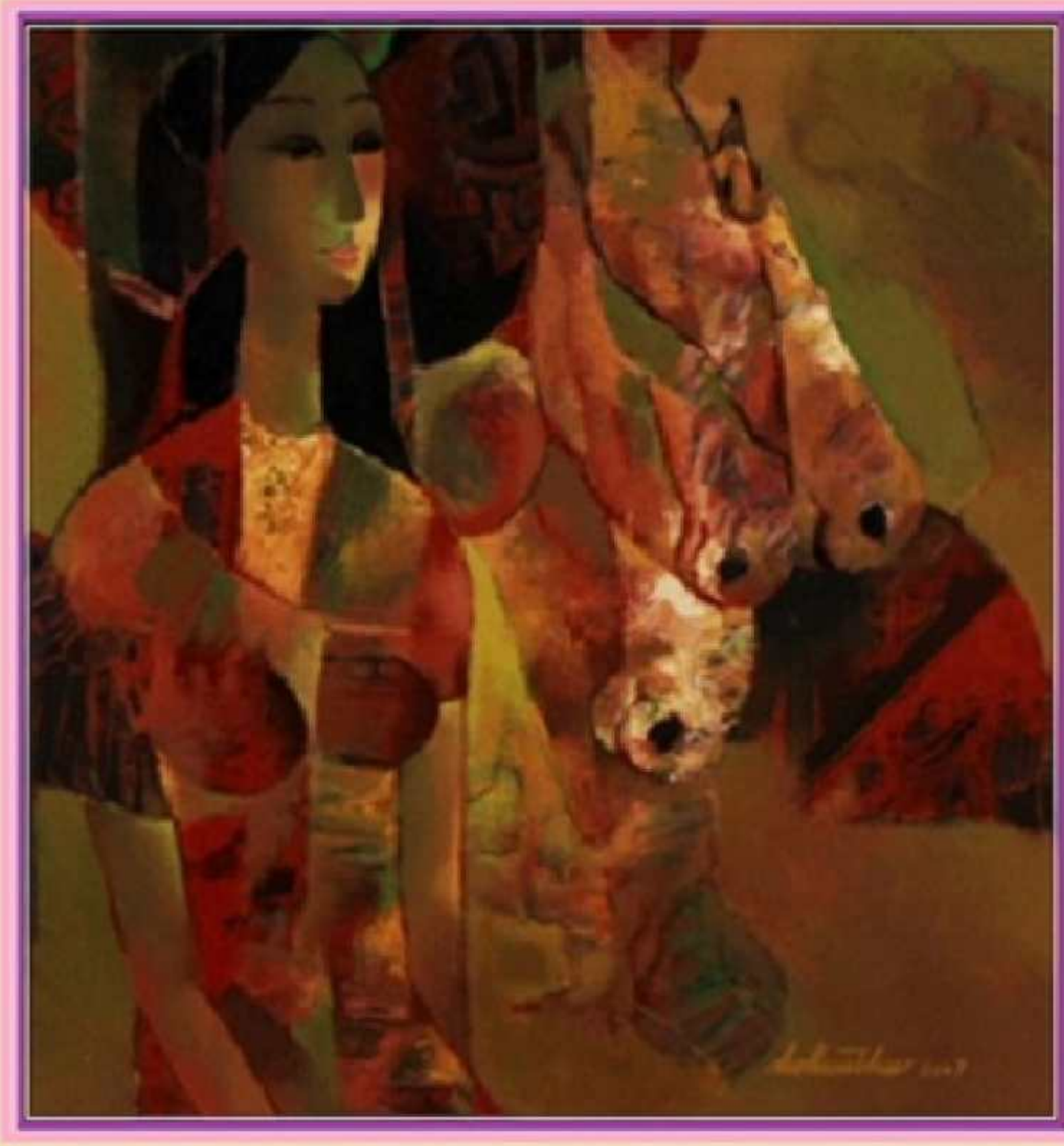

tủ sách việt văn mới

2014